

VIÊN GIÁC



SỐ NR 234 TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
PL. 2.563 NĂM THỨ 40 - THÁNG 12 NĂM 2019 JAHRGANG 40. DECEMBER 2019 - AUSGABE IN VIETNAMEISCH



**Xuân
Canh Tý
2020**

Chúc Mừng Năm Mới

***Thành Tâm Kính Chúc
Chư Tôn Hòa Thượng,
Chư Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng Ni,
Quý Đạo Hữu Phật Tử
Và Độc Giả Báo Viên Giác
Khắp Nơi trên Thế Giới
Một Năm Canh Tý
Được Kiết Tường Như Ý***

**- Chùa Viên Giác
- Báo Viên Giác**



*K*ính thưa quý độc giả của báo Viên Giác,

Quý vị đang cầm trên tay quyển báo Viên Giác số 234 của tháng 12 năm 2019 và cũng là số kỷ niệm đúng 40 năm mà Viên Giác đã được xuất bản tại Đức nhân những lễ hội của chùa Viên Giác năm nay vào cuối tháng 6 vừa rồi. Ban Biên Tập cũng đã làm lễ kỷ niệm 40 năm xuất bản báo do Đạo hữu Chủ Bút cũng như toàn Ban Biên Tập đã thực hiện một đêm hội ngộ thật là đặc biệt. Vì lẽ có rất đông chư Tôn Đức Tăng Ni cùng bà con Phật tử khắp nơi trên thế giới về tham dự lễ hội và tham dự sự kiện có một không hai của tờ báo này. Nhưng tại sao lại là sự kiện có một không hai? Bởi lẽ từ xưa đến nay, ở trong cũng như ngoài nước Việt Nam chưa có tờ báo Đạo nào có tuổi thọ đến 40 năm như báo Viên Giác. Đó là lý do chính mà Ban Biên Tập cũng như các độc giả trung thành với lập trường của báo Viên Giác luôn hãnh diện về việc này.

Hãnh diện vì được sống lâu dài để phục vụ cho các độc giả khắp 4 châu lục trên quả địa cầu này với chừng ấy thời gian nó không phải là chuyện tầm thường và đơn giản. Bởi lẽ, kể từ khi khởi đầu với bao nhiêu gian khó, ngày nay Viên Giác đã trưởng thành ở mọi phương diện; nên hãnh diện là phải. Nếu độc giả không thương thì Viên Giác cũng khó sống đến ngày hôm nay. Nhiều tờ báo sống nhờ quảng cáo là chính; nhưng Viên Giác việc quảng cáo trong nước Đức chỉ là phần phụ và phần chuyển tải nội dung về Đạo cũng như về Đời mới là chuyện chính. Có những mẫu chuyện Đạo mà cũng xen lẫn nhiều bài thuyết trình hay những bài viết nghiên cứu về Phật học, văn học, lịch sử rất hay. Ngoài ra những tin tức trong nước Đức và thế giới cũng đã làm cho nhiều người đọc quan tâm hơn; mặc dầu tin đến hơi chậm, vì sau hai tháng mới đọc được báo. Tuy nhiên đối với những vị lớn tuổi lúc nào cũng ngóng trông báo Viên Giác vào mỗi cuối tháng chẵn để được nhận báo, mặc dầu ngày nay những tin tức hay những thông tin trên mạng Internet vẫn có mặt khắp nơi và mọi lúc; nhưng với những người lớn tuổi, cầm tờ báo trên tay để đọc từng hàng chữ vẫn có nhiều ý vị hơn là ngồi trên máy vi tính để đọc. Cũng có người nói rằng: liệu Viên Giác còn sống được bao lâu nữa? vì lẽ số người lớn tuổi đọc báo tiếng Việt càng ngày càng ít đi, do vậy chắc không còn ai quan tâm nhiều đến Viên Giác trong thời gian sắp tới nữa chẳng? Hỏi như vậy cũng rất tốt; nhưng không phải là một sự bi quan, vì lẽ thế hệ này đi qua rồi, sẽ còn thế hệ khác tiếp diễn nữa, vì dòng đời không chấm dứt ngay từ ngày mai. Biết rằng có nhiều em Việt Nam được cha mẹ sinh ra tại Âu Mỹ không rành tiếng Việt; nhưng cũng may là trong hiện tại có nhiều du học sinh trẻ đến từ Việt Nam và số này lại muốn đọc báo Viên Giác. Có nhiều em còn muốn đọc được báo Viên Giác từ số đầu tiên xuất bản từ năm 1979 nữa. Đây thật là một niềm khích lệ rất lớn cho Ban Biên Tập. Ngoài ra Viên Giác ngày nay đã có mặt trên trang nhà viengiac.de; quangduc.com cũng như hoavouu.com; nên ở bất cứ nơi nào trên thế giới, người Việt Nam cũng có thể đọc được báo Viên Giác cả. Chỉ sợ rằng Viên Giác không đủ khả

năng trang trải tấm lòng của mình cho độc giả; chứ độc giả vẫn luôn trông chờ hai tháng đều đặn một lần xuất bản như vậy.

Từ năm 1979 đến năm 2004, trong 25 năm như vậy, Viên Giác đã nhận được sự tài trợ về vấn đề tài chánh để in ấn báo Viên Giác; nên Viên Giác ít quan tâm về việc này; nhưng sau 25 năm người Việt chúng ta đã hội nhập vào xã hội Đức rồi; nên kể từ năm 2004 đến nay suốt trong 15 năm như thế, Viên Giác đã tự lực cánh sinh bằng cách kêu gọi những độc giả ở trong nước Đức đóng góp 20 Euro cho một năm gồm 6 số báo, kể cả cước phí gửi và nếu ở ngoài Âu Châu, quý vị chỉ cần hỗ trợ 30 Euro cho một năm là Viên Giác đã có đủ khả năng để tồn tại với quý vị lâu dài rồi. Chỉ trừ phi sau này Ban Biên Tập cũ thiếu người thì hy vọng thế hệ trẻ sẽ cố gắng gia nhập vào đội ngũ Ban Biên Tập để báo Viên Giác có nhiều khởi sắc hơn. Điều này chúng tôi vẫn luôn kỳ vọng nơi các bạn trẻ vậy.

Thế giới ngày hôm nay đã có quá nhiều tệ nạn và quá nhiều tang thương. Từ vấn đề biến đổi khí hậu, đến những chất thải hóa học v.v... đã làm cho môi trường sống của chúng ta càng ngày càng bị ảnh hưởng không ít. Do vậy mới có những buổi biểu tình, tuyệt thực lớn kêu gọi bảo vệ môi trường, môi sinh v.v... có nơi có cả hằng mấy chục ngàn người tham dự. Thiết tưởng rằng chúng ta nên quan tâm hơn nữa về vấn đề này. Những tảng băng lớn ở hai đầu Nam và Bắc của quả địa cầu mỗi ngày lại mỗi tan vỡ, khiến cho mưa lớn lụt lội xảy ra ở khắp nơi trên thế giới; nên vấn đề thiên tai như lụt lội, hạn hán ấy không phải do tai trời ách nước, mà những việc này tất cả đều là do lỗi của mỗi người chúng ta đang sinh sống trên hành tinh phải có trách nhiệm với những hậu quả này. Chúng ta không nên đổ lỗi cho những người khác, mà hãy tự nhận lỗi ấy là ở chính mình và từ đó chúng ta có thể tự khắc phục ở nhiều phương diện khác nhau và hành tinh này sẽ được xanh hơn trong hiện tại.

Đức Phật dạy rằng: "Nước bốn bể chỉ có một vị. Đó là vị mặn của muối và giáo lý của ta cũng chỉ có một hương vị. Đó là hương vị của sự giải thoát". Rõ ràng là như vậy. Ai học và thực hành theo lời dạy này sẽ được lợi lạc vô cùng, vì giải thoát sanh tử khổ đau, tục lụy vốn là điều cần kiếp cho cuộc sống này. Do vậy chúng ta không chỉ biết sống cho chính mình, mà còn phải sống cho tha nhân cũng như môi trường sống chung quanh của mình nữa. Có như vậy, chúng ta mới có thể hưởng chung được một hương vị giải thoát kia. Bên này bờ sanh tử và bên kia bờ giác ngộ là hai phạm trù, hai mục tiêu khác nhau. Tuy nhiên nếu chúng ta muốn vượt qua bên kia bờ giác ấy, chúng ta cần phải nỗ lực và dụng công nhiều hơn như thế nữa, mới xứng đáng là người Phật tử chân chính của Đạo Phật.

Các Ông Vua Lý Huệ Tông đã xuất gia có Pháp Danh là Huệ Quang, Vua Trần Thái Tông đã soạn ra Khóa Hư Lục và Lục Thời Sám Pháp khoa nghi cũng như chủ trương niệm Phật miên mật, ngoài Thiền ra cũng chỉ vì mục đích là sám hối sáu căn thanh tịnh để tự giải thoát cho chính mình và cho sơn hà xã tắc nữa. Vua Trần Thánh Tông vào cuối đời năm 1288 đã đi xuất gia ở chùa Tư Phúc với Đạo Hiệu là Vô Nhị Thượng Nhân hay Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, rồi Bồ Tát Giới tại Gia Trần Anh Tông, Trần Minh Tông v.v... là những vị vua Phật tử đã mang Đạo vào Đời để an bang tế thế. Có như vậy Đại Việt chúng ta đã trụ vững gần 400 năm hòa bình an lạc, không phải lo chiến tranh với phương Bắc và phương Nam nữa. Còn ngày nay vận nước suy vi, những người lãnh đạo đất nước Việt Nam không biết tu tâm dưỡng tánh, cũng chẳng biết làm lành lánh dữ; nên con người càng ngày càng khổ đau, tục lụy và người lãnh đạo không có một hướng đi đích thực, chủ đạo nhằm hướng dẫn người dân thoát ra khỏi cảnh khổ hiện nay. Cho hay việc tự xét mình như "phản quan tự kỷ" của nhà Thiền trong giai đoạn lịch sử hiện nay là điều tối ư cần thiết vậy.

Sang năm 2020 sẽ là năm Canh Tý; năm cầm tinh của con chuột, mà chuột thì hay đào tường khoét vách. Chuột hay cắn xé với nhau và chắc rằng vận nước cũng sẽ còn nổi trôi theo cách nhìn của vấn đề tướng mệnh học; nhưng mong rằng chúng ta, mọi con dân của nước Việt, dầu cho sống ở bất cứ nơi đâu trên quả địa cầu này cũng nên luôn hướng về quê Mẹ thân yêu để cầu nguyện cho mọi người luôn thăm đậm được tình người và thông cảm hiểu biết nhau để giúp cho quê Mẹ sớm thoát ra khỏi sự lệ thuộc của phương Bắc.

• Ban Biên Tập Báo Viên Giác

VUA A DỤC

• TS Lâm Như-Tạng

A- NGHIÊN CỨU MỘT

A Dục, Asoka (Sanskrit). Khi đức Phật Thích ra đời, Vua A Dục là một đứa trẻ, trong lúc đang chơi đức Phật đi ngang qua, đứa trẻ đem cát mà coi như cơm cúng dường cho Phật, nhờ phước ấy đời sau sanh lên được làm vua có tên là A Dục. A Du Ca có nghĩa là Vô Ưu, không buồn rầu, thoát khỏi sự sầu não. A Du Ca là nhà vua Đại Anh Hùng, thống nhất Ấn Độ vào thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch, đóng đô tại thành Hoa Thị (Pataliputra). Theo những bia đá do ngài cho dựng tại nhiều nơi trong nước, ngài lên ngôi năm 273 trước Tây Lịch, chánh thức tôn vương năm 269 trước Tây Lịch, đi bình phục toàn cõi Ấn Độ.

Vào năm 261 trước Tây Lịch, ngài quy y Tam Bảo. Năm 259 trước Tây Lịch thọ giới Tỳ Kheo, nhập vào Giáo Hội Tăng Già nhưng còn tạm giữ ngôi vua để dễ bề xiển dương Phật Pháp. Công nghiệp hoằng pháp của ngài rất lớn. Có truyền thuyết cho rằng ngài đã cho xây cất khoảng 84.000 chùa tháp thờ Phật khắp nơi trên Ấn Độ. Ngài cho dựng rất nhiều tấm bia đá tại nhiều nơi công cộng ghi những lời dạy của đức Phật khuyên dân chúng làm các điều thiện. Và dựng rất nhiều trụ đá A Du Ca tại những thánh tích của đức Phật để ghi rõ về những Phật Tích đó...

Ngài mở ra cuộc kết tập Kinh Điển của Phật, qui tụ được ngàn vị Thánh Tăng để kết tập Tam Tạng (Kinh, Luật, Luận) nhất là bảo tồn giới hạnh cho các vị xuất gia.

Không những lo khuyến thiện mà ngài còn nêu gương tử thiện rất đứng đắn. Ngài thường mở ra những cuộc Đại Thí Hội, chẩn bần và cúng dường Trai Tăng. Trong cung vua không sát hại chúng sinh. Ngài in Kinh cho chư Tăng Ni và hàng cư sĩ tại gia đọc tụng, nghiên cứu. Vua A Dục tại vị được 37 năm, ngài tịch năm 256 sau Phật nhập Niết Bàn.

B- NGHIÊN CỨU HAI

Trong tự điển danh từ Phật Học tiếng Anh có viết về vua A Dục như sau: Asoka, Grandson of Candragupta (Sandrokottos), who united India and reached the summit of his career about 315 B.C. Asoka reigned from about 274 to 237 B.C. His name Asoka (free from care), may have been adopted on his conversion. He is accused of the assassination of his brother and relative to gain

the throne, and of a fierce temperament in his earlier days. Converted, he became the first famous patron of Buddhism, encouraging its development and propaganda at home and abroad, to which existing pillars, etc., bear witness; his propagandist is said to have spread from the borders of China to Macedonia, Epirus, Egypt and Cyrene. His title is Dharmāsoka; he should be distinguished from Kāśyapa, grandson of Ajātasatru. The name of a tree under which the mother of the Buddha was painlessly delivered of her son, for which Chinese texts give eight different dates; the jonesia Asoka; it is also called Vrksa.

C- NGHIÊN CỨU BA I-THÂN THỂ

Asoka là cháu của Đại Vương Thiên Đà Quật Đa (Chan-dragupta) khoảng năm 321 trước Công Nguyên, sáng lập ra vương triều Khổng Tước ở Ấn Độ. Khoảng năm 270 trước Công Nguyên, ông thống nhất toàn cõi Ấn Độ. Ông có công phát triển Phật Giáo rộng khắp tại Ấn Độ và truyền bá ra thế giới.

Truyện về nhà vua Nam Bắc viết khác nhau. Kinh A Dục Vương lưu truyền ở phương Bắc và A Dục Vương Truyện có kể lại rằng: Nhà vua lúc còn nhỏ rất cuồng bạo nên không được vua cha yêu mến. Vua cha muốn chọn người anh là Tu Tư Ma (Susmana) làm người nối ngôi. Không may gặp nước Đức Xoa Thi La (Taksasi) trong đế quốc dấy binh nổi loạn. Vua cha bèn sai A Dục đi đánh dẹp loạn. Về việc vua cha chuẩn bị cho A Dục đi dẹp loạn theo Kinh A Dục Vương: "Khí giới và đồ dùng, hết thảy đều không cung cấp đầy đủ cho ông". Còn theo A Dục Vương Truyện thì: "Riêng về quân đội, không cho khí giới đầy đủ". Ý của phụ vương có lẽ là muốn cho A Dục chết trận. Nhưng nhờ tài giỏi thiện chiến nên A Dục đã bình định được phản loạn, danh tiếng lẫy lừng. Sau khi vua cha mất A Dục giết anh là Tu Tư Ma rồi lên ngôi vua.

Thiện Kiến Luật, quyển 1, lưu truyền ở phương Nam, Đào Sứ Chương 6, Đại Sử Chương 6, thuật lại có phần khác. Các sách này kể rằng: vua A Dục khi chưa lên ngôi đã từng làm Phó vương Điều Xà Diễn Ma (Ujjayini), đảm nhiệm việc thu thuế. Khi nghe tin phụ vương mất, ông vội vàng trở về kinh đô. Ông đánh úp và giết chết Tu Tư Ma, tự lên ngôi vua. Chỉ trong 4 năm ông trừ khử người em cùng mẹ Để Tu và giết 99 người anh em khác mẹ, rồi lên ngôi vua. Đó là

khoảng 280 năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn.

Hai thuyết tuy khác nhau, nhưng việc trước và sau khi lên ngôi có sự xung đột trong anh em thì giống nhau. Bắt đầu lên ngôi ông vẫn cưỡng bạo như cũ, giết hại đại thần và phụ nữ, nghe lời Chiên Đà Kỳ Lợi Kha xây địa ngục lớn...

Về sau ông bỗng nhiên hồi đầu hướng thiện quy y theo Phật Giáo, phát huy mạnh mẽ tinh thần từ bi, cố gắng hướng về chánh pháp. Động cơ mà nhà vua quy y Phật Pháp, theo A Dục Vương truyện quyển 1, cho biết là do nhà vua thấy kỳ tích của ngài Hải Tỳ Khiêu. Nhưng theo Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 1, thì đó là do sự cảm hóa của ngài Ni Cù Đà (Nigrodha). Từ khi quy y Phật nhà vua nhiệt thành khác thường. Ở khắp nơi trong nước nhà vua cho xây dựng vô số các chùa và bảo tháp. Ông còn cho khắc vô số những bia đá ghi lời dạy của đức Phật dựng ở khắp nơi trong nước Ấn Độ. Đích thân nhà vua đi chiêm bái và cúng dường các Phật Tích tại nhiều nơi trên Ấn Độ. Đó là những công tích rất nổi tiếng của nhà vua.

Theo Thiện Kiến Luật Bà Sa Đệ Nhị thì nhà vua lên ngôi được 17 năm, nhằm ngăn ngừa những dị luận bèn tổ chức cuộc kết tập Kinh Phật lần thứ 3 tại thành phố Hoa Thị do ngài Mục Kiền Liên Tử Đế Tu làm chủ tọa cùng với 1.000 trưởng lão làm việc ở đây, sau chín tháng mới xong. Sau đó nhà vua cử các phái đoàn đến các nước để truyền bá Phật Pháp.

Như ngài Mạt Xiển Đề (Majjhantika) đến các nước Kế Tân và Kiền Đà La (Gandhara). Ngài Ma Ha Đề Sa (Mahadeva) đến nước Ma Hê Sa Mạt Đà La (Mahisamandala). Phái ngài Lặc Khí Đa (Rakkhita) đến nước Ba Na Sa Tư (Vanavasi). Phái ngài Đàm Vô Đức (Yonaka-dhammarakkhita) đến nước A Ba Lan Da Ka (Aparantaka). Ngài Ma Ha Đàm Vô Đức (Mahadhamma-rakkhita) đến nước Ma Ha Lặc Xá (Maha-rahha). Ngài Ma Ha Bột Khí Đa (Mahàrakkhita) đến Tẩu La Thế Giới (Yona-loka-Hy Lạp). Ngài Mạt Thi Ma (Ma-jihima) đến nước bên núi Tuyết Sơn (Himavanta-poda). Ngài Tu Na Ca Va (Sokana) và Uất Đa La (Uttara) đến Kim (Suvarna-blumi - Miến Điện). Ngài Ma Hi Đa (Mahinda) đến nước Sư Tử (Lankà – Tích Lan). Vua gửi các phái đoàn này đi truyền Đạo để khuyến khích mọi người thực hành theo giáo lý của Đức Phật, những điều vừa kể đều trích trong sách Luật Thiện Kiến.

II- THÁP VUA A DỤC

Theo Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 1 thì các nước mà vua A Dục cai trị có vô số chùa lớn, vô số bảo tháp v.v...

Theo A Dục Vương Truyện quyển 1 thì nhờ có ngài Hải Tỳ Kheo mà nhà vua mới được biết Phật có huyền ký. Ông bèn đến thành Vương Xá, lấy 4 thăng xá lợi mà vua A Xà Thế chôn giấu, lại lấy hết xá lợi được chôn giấu ở sáu nơi khác sai làm vô số chiếc hộp báu mỗi hộp đựng một viên xá lợi. Tạo ra vô số vỏ báu, lọng báu, lụa, đồ trang sức để xây dựng vô số bảo tháp v.v...

Các sách Pháp Hiển Truyện và Tây Vực Ký v.v... cũng chép việc nhà vua cho xây dựng vô số ngôi bảo tháp. Kinh Tạp Thí Dụ quyển 9 nói: khi vua A Dục bị bệnh, có hứa nếu bình phục sẽ tạo dựng 1.200 bảo tháp. Con số bảo tháp chưa biết thật chính xác, nhưng nhà vua thật tình muốn chấn hưng Phật Pháp, xây nhiều chùa tháp thì không phải là việc hảo huyền. Nay những tháp ấy chắc không còn nữa, nhưng tòa tháp cổ Tăng Chí ở vùng trung Ấn Độ phải chăng là một trong những ngôi tháp này. Việc này cũng không thể khảo sát được.

Ngoài ra còn có truyền thuyết cho là tháp của vua A Dục cũng có ở Trung Quốc. Như Quảng Hoảng Minh Tập quyển 15 nêu số tháp ở Mậu Huyện trở xuống tất cả là 17 tháp. Pháp Uyển Châu Lâm quyển 38 liệt kê số tháp của Mậu Huyện trở xuống tất cả là 21 tháp, và coi đó là tháp do vua A Dục xây dựng.

Xét bờ cõi của vua A Dục không rộng tới Trung Quốc thì tháp từ đâu tới? Có lẽ đó chỉ là thuyết phụ họa. Sách Phật Tổ Thống Ký quyển 43 cho là Ngô Việt Vương tiền Thục, mộ việc xây dựng tháp của vua A Dục, bèn cho dựng vô số bảo tháp bằng vàng bạc và sắt tốt, trong đó chứa đựng hộp báu, Ấn Tâm và Chú Kinh rải rác khắp trong cõi 10 năm mới xong. Sự phụ họa là từ đó chăng?

D- NGHIÊN CỨU BỐN I- LƯỢC TRUYỆN

A Dục tiếng Pali là Asóka, tiếng Phạn là Asoka. Phiên âm thành A Du Ca, A Du Già, A Thứ Già, A Thứ Khả, A Thức. Dịch ý là Vô Ưu. Còn có tên là Thiên Ái Hỷ Kiến Vương (Phạn: Devānampriya priyadrasī, trời thương yêu thấy thì mừng). Là Vua đời thứ 3 của triều đại Khổng Tước, nước Ma Yết Đà trung Ấn Độ. Nhà vua ra đời khoảng thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch, là nhà vua bảo hộ Phật Giáo mạnh mẽ nhất. Ông nội vua là Đại Vương Chiên Đà La Cấp Đa (Phạn: Candragupta), người sáng lập triều đại Khổng

Tức. Thân phụ là vua Tân Đầu Sa La (Phạn: Bindusāra), thân mẫu là A Dục Vi Đầu Đạt Na (Phạn: Asókāvadāna) con gái một nhà Bà La Môn ở thành Thiệm Ba.

Ấn Độ Phật Giáo Sử Đa La Na Tha gọi ông là vua A Dục tham muốn. Nhưng trong các chương 4, 5, 6 của Pháp Sắc khắc trên vách núi lớn, chương 7 trong Pháp Sắc khắc trên cột đá và Pháp Sắc của Hoàng Hậu v.v... đều chép rằng trong thời gian vua A Dục trị vì vẫn còn có anh chị em. Bởi thế, truyền thuyết nói rằng vua A Dục đã giết hết anh em có thể do đời sau ác ý nói phóng đại. Vua lấy thành Hoa Thị làm thủ đô, phạm vi cai trị toàn bộ bắc Ấn Độ, một nửa Đại Hạ, phía nam đến Ấn Đạt La, phía đông đến bờ biển, ngang dọc vài nghìn dặm. Vua lại thi hành chính sách hợp lòng dân, yêu chuộng chân lý, giàu tinh thần bác ái. Từ khi Ấn Độ có lịch sử, vua A Dục là nhà vua cai trị có thành tích lớn lao mà trong lịch sử từ trước đến thời điểm đó chưa ai có được.

Có nhiều thuyết khác nhau về năm tháng và nhân duyên vua quy y Phật. Truyện A Dục Vương quyển 1 nói: Nhân thấy đạo hạnh của Tỳ Kheo Hải (Phạn: Samudra) mà vua quy y Phật. Chương 6 trong Đào Sử và Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 1 thì nói: Do sự cảm hóa của ngài Ni Cù Đà (Pāli: Nigrodha) mà vua quy y Phật. Chương 6 trong Ấn Độ Phật Giáo Sử của Đa La Na Tha Bảo, do sự tích kỳ lạ của vị đệ tử của A La Hán Da Xá (Phạn: Yasá) mà vua quy y Phật. Theo Pháp Sắc khắc trên vách núi nhỏ ghi: Sau khi quy y Phật, hơn hai năm rưỡi, tuy đã là Ưu Bà Tắc, nhưng vua chưa dốc lòng tin Phật, sau hơn một năm vua mới gần gũi chư Tăng và nhiệt tâm tu niệm.

Khảo sát chung những đoạn ghi chép trên đây với câu "Quán Đỉnh lên ngôi hơn mười năm thì đến với Tam Bồ Đề" trong chương 8 của Pháp Sắc khắc trên vách núi lớn, thì biết vua đã trở thành Ưu Bà Tắc vào khoảng năm thứ bảy kể từ sau khi lên ngôi. Nhưng chương 6 trong Đào Sử thì chép: Sau khi lên ngôi được 3 năm thì vua quy y Phật.

Theo chương 13 trong Pháp Sắc khắc trên vách núi lớn chép: Sau khi lên ngôi được 8 năm, thì vua chinh phục Yết Lăng Già (Phạn: Kalinga), thấy cảnh giết chóc thảm thương, vua rất xúc động, do vậy mà niềm tin Phật Giáo lại càng kiên cố. Từ đó, vua quyết không dùng sức mạnh quân sự để mưu tìm con đường thống nhất nữa, và với niềm tin "sự thắng lợi nhờ Chánh Pháp mà đạt được là sự thắng lợi trên hết" (chương 13

trong Pháp Sắc khắc trên vách núi lớn), vua dốc sức vào việc truyền bá Phật Pháp. Do đó, phần nửa đời sau của vua được gọi là Đạt Ma A Dục Vương (Phạn: Dharmāsoka – vua A Dục Chánh Pháp).

II- CÔNG ĐỨC CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

Theo truyền thuyết vua cho xây dựng 84.000 ngôi chùa và 84.000 tháp thờ Phật khắp trong nước Ấn Độ. Việc này đều được ghi chép trong chương 6 của Đào Sử, trong Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 1, trong kinh Tạp A Hàm quyển 23, trong truyện A Dục Vương quyển một v.v... Nhưng trong các Pháp Sắc của vua thì không thấy ghi việc này.

Trong Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 2 viết: Vua lên ngôi được 17 năm thì mở đại hội kết tập Kinh Điển lần thứ 3 ở thành Hoa Thị, thỉnh ngài Mục Kiền Liên Tử Đế Tu (Pāli: Moggaliputtatissa) làm Thượng Tọa, có một nghìn vị trưởng lão tham dự, sau chín tháng mới hoàn thành. Sau đó nhà vua cử nhiều phái đoàn ra nước ngoài truyền bá Phật Pháp.

Trong chương 7, Đào Sử có chép: Ca Tha Bạt Thâu (Pāli: Kathāvatthu) trong tạng luận Pāli đã được kết tập vào thời bấy giờ. Nhưng trong các Pháp Sắc của nhà vua không thấy ghi việc này. Tuy nhiên, các chương 3, 5 và 13 trong Pháp Sắc khắc trên vách núi lớn có ghi: Mỗi 5 năm, vua mở hội nghị Quan Lại thuộc ngành Tư Pháp và thuế vụ để răn dạy về Pháp, thu thập pháp và đặt thêm các đại Pháp Quan (Pāli: Dhamma-mahāmāta).

Khu vực truyền bá chánh pháp xa đến Syria, Ai Cập, Macedonia, Tắc Lợi Ni (Cyrene) v.v...

Còn về truyền thuyết kết tập kinh điển lần thứ 3 thì truyện A Dục Vương do phương Bắc truyền hoàn toàn không đề cập gì đến. Luận Đại Trí Độ quyển 2 tuy có nói (Đại 25, 70 thượng): "Vua A Du Ca mở đại hội Ban Xã Vu Sắt, các vị đại luận sư nghị luận khác nhau, vì thế có tên là Biệt Bộ. Tuy vậy, đây cũng không thể cho là ý kết tập. Do đó có thể nói truyền thuyết về cuộc kết tập kinh điển lần thứ 3 này sự thật thế nào chưa được rõ.

Về những kinh điển được lưu truyền đương thời vua A Dục, trong Pháp Sắc khắc trên vách núi nhỏ ở Gia Nhĩ Cát Đạt Bái La Đặc (Calcutta-Bairāt) có ghi bảy thứ:

1- Tỳ Nại Da Tồi Thắng Pháp Thuyết (Phạn: Vinaya-samukase).

2- Thánh Chúng Kinh (Phạn: Aliya-vasāñi).

3- Đương Lai Bồ Úy Kinh (Phạn: Anāgata-bhyaṇi).

4- Mâu Ni Kệ (Phạn: Muni-gāthā).

5- Tịch Mặc Hành Kinh (Phạn: Moneya-sūte).

6- Ưu Ba Đế Sa Môn Kinh (Phạn: Upatisa-pasine).

7. Thuyết La Hầu La Kinh (Phạn: Lāghulovada).

Mấy loại Kinh trên đây, tương đương với:

- Đại Phẩm trong Tạng Luật

- Tăng Chi Bộ Kinh

- Kinh tập, một bộ phận trong Trung Bộ Kinh thuộc Đại Tạng Pāli.

Lại Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 2 thì nêu ra các kinh mà những vị sư truyền đạo do vua A Dục phái đi đã giảng nói tại các nơi gồm có 8 loại sau đây:

1- Kinh Độc Thí Dụ (Pāli: Asivisopama-suttanta).

2- Kinh Thiên Sứ (Pāli: Devadūta-sutta).

3- Kinh Vô Thủy (Pāli: Anamataggapariyāyā-kathā).

4- Kinh Hòa Tụ Thí (Pāli: Aggikkhandhopama-suttantakathā).

5- Kinh Ma Ha Na La Đà Ca Diếp Bản Sinh (Pāli: Mahānāradakassapa-jātaka).

6- Kinh Ca La La Ma (Pāli: Kālakārāma-suttanta).

7- Kinh Sơ Chuyển Pháp Luân (Pāli: Dhammacakkapavattana-suttanta).

8- Kinh Phạm Võng (Pāli: Brahmajāla-suttanta).

Chương 8 trong Đào Sứ cũng nêu các kinh mà các nhà truyền đạo đã thuyết giảng gồm có 5 bộ như sau:

1- Anamataggiya

2- Aggikkhandhopama-suttakathā

3- Nāradakassapa-jātakakathā

4- Kālakārāma-suttantakathā

5- Dhammacakkapavattana.

Tất cả các kinh nêu trên, có thể nói đều là những kinh điển được lưu truyền ở đương thời của vua A Dục. Còn theo các chương 1 đến 4 và 11 trong Pháp Sắc khắc trên vách núi lớn, các chương 5, 7 trong Pháp Sắc khắc trên cột đá ghi chép thì sau khi lên ngôi vua đã ban hành 26 lần đặc xá. Ngoài ra vua còn cấm sát sinh, làm việc bổ thí, trồng cây hai bên đường, đào giếng v.v...

Cột đá hiện còn tại vườn Lâm Tì Ni, nơi Thái Tử đản sinh, có khắc câu: "Sau khi quán đảnh lên ngôi được 20 năm thì đến nơi này". Pháp Sắc khắc trên cột đá ở Ni Cát Lợi Ngõa (Pāli: Nigilva) có ghi việc vua tham bái tháp Phật Câu Na Hàm

Mâu Ni (Pāli: Konāgamana) và sửa chữa tháp này. Cuối đời vua A Dục có vẻ rất buồn thảm. Theo truyện A Dục Vương quyển 3 chép thì vương hậu Đế Sa La Xoa (Phạn: Tassārakkhā) muốn tư thông với vương tử Câu Na La (Phạn: Kunalā), nhưng bị cự tuyệt do đó bà ta sai người móc mắt vương tử. Vua nổi giận đốt sống Đế Sa La Xoa, rồi đem tất cả của báu cúng dường hết đến nỗi không còn vật gì để cúng. Cuối cùng vua lấy một nửa quả am ma la (Phạn: āmalaka) cúng dường chùa Kê Tước (Phạn: Kurputa).

I I I- NIÊN ĐẠI RA ĐỜI VÀ LÊN NGÔI CỦA NHÀ VUA

Bàn về niên đại ra đời của vua A Dục, xưa nay có nhiều thuyết khác nhau. Theo chương 13 trong Pháp Sắc khắc trên vách núi lớn viết: Các vua của 5 vương quốc thuộc Hy Lạp ở ngôi cùng số năm là 261 trước Tây Lịch, hoặc khoảng 14 hay 15 năm, từ năm 272 đến năm 258 trước Tây Lịch. Như vậy, ta có thể suy đoán là vua lên ngôi vào khoảng năm 270 trước Tây Lịch.

Về số năm từ khi đức Phật nhập diệt đến khi vua A Dục ra đời thì kinh Tập A Hàm Bắc Truyền quyển 23, kinh Hiền Ngu quyển 3, phẩm A Du Ca Thí Thổ, kinh Tăng Già La Sát Sở Tập quyển hạ, kinh Tập Thí Dụ quyển thượng, Đại Trang Nghiêm Kinh Luận quyển 10 và Luận Đại Trí Độ quyển 2 v.v... ghi là vua ra đời sau đức Phật nhập diệt một trăm năm. Luận Di Bộ Tông Luận thì ghi sau Phật nhập diệt hơn một trăm năm. Luận Thập Bát Bộ và luận Bộ Chấp Dị thì ghi 116 năm.

Chương 6 trong Đào Sứ và Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 2 ghi sau đức Phật nhập diệt 218 năm nhà vua lên ngôi, Đức Phật nhập diệt khoảng 100 năm thì có vua Ca La A Dục (Phạn: Kālāsōka) đang ở ngôi. Vu Điền Huyền Ký (Lihiyullun-bstan-pa) văn Tây Tạng chép, sau đức Phật nhập diệt 234 năm có vua Đạt Ma A Dục. Chương 5 trong Đào Sứ ghi thời gian vua A Dục cai trị là 37 năm.

Tham khảo: Đại Trang Nghiêm Kinh Luận quyển 3,4,10. Soạn Tập Bách Duyên Kinh quyển 10. A Dục Vương Truyện. A Dục Vương Kinh. A Dục Vương Túc Hoại Mục Nhân Duyên Kinh. Phó Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện quyển 3. Đại Đường Tây Vực Ký quyển 8. A Dục Vương Sự Tích. Ấn Độ Tôn Giáo Sử Khảo. Ấn Độ Triết Học Nghiên Cứu quyển 2, 4 v.v...

E- NGHIÊN CỨU NĂM I- PHÁP SẮC

Pháp Sắc cũng gọi là A Dục Vương Khắc Văn, chỉ các bài văn răn dạy mang nội dung Phật Pháp do vua A Dục thuộc triều đại Khổng Tước ở Ấn Độ thời xưa ra lệnh khắc trên các vách núi và trên các cột đá. Những bài văn này được khắc vào khoảng năm 250 trước Tây Lịch. Văn tự dùng để khắc là một thứ tiếng địa phương (thổ âm) gần với tiếng Sanskrit và Pāli. Hiện nay người ta đã phát hiện 5 loại: bảy chỗ vách núi lớn, bảy chỗ vách núi nhỏ, mười cột đá, bài minh khắc trong hang đá và trên bản đá.

Chỉ trong các Pháp Sắc khắc trên vách núi nhỏ là có tên vua A Dục. Ngoài ra các loại khác đều dùng tên vua Thiên Ái Hỷ Kiến (Sanskrit: Devānampiya Piyadasi, Pāli: Devānampiya Piyadassin). Loại văn khắc Pháp Sắc này có phạm vi rất rộng, hầu như rải rác khắp Ấn Độ. Cao Tăng Pháp Hiển Truyền và Đại Đường Tây Vực Ký đã nhiều lần đề cập đến những cột đá này, về sau bị mai một, nên người đời không còn ai biết đến nữa.

Mãi đến năm 1356, vua Hồi Giáo là Firós Shāh mới phát hiện hai cột đá: Một ở nơi cách Delhi hơn 160 cây số và một ở chỗ khác, cách Delhi hơn 60 cây số. Tất cả đều được dời về Delhi. Đến cách nay 100 năm về trước hai cột đá này được thượng úy Hoare thuộc công ty Đông Ấn Độ của người Anh chú ý, rồi từ đó các cột khác được lục tục được tìm thấy ở Ấn Độ, Népal, A Phú Hãn v.v...

Sau nhờ Prinsep khổ công nghiên cứu, đến năm 1837 mới xác nhận được đó là văn khắc của vua A Dục. Việc nghiên cứu lịch sử Ấn Độ và lịch sử Phật Giáo từ đó tỏ ra nhiều màu sắc mới lạ. Những văn khắc của vua A Dục hoàn toàn ăn khớp Đại Sử, Đảo Sử lưu truyền ở Tích Lan. Nhờ đó có thể biết được lĩnh vực chính trị và công việc truyền giáo của vua A Dục. Đồng thời, nó phản ánh quang điểm đối với chính trị, đạo đức, Phật Giáo và chế độ quản lý hành chánh của vua A Dục.

Những bài minh khắc trên vách núi lớn đều khắc trên tảng đá to hoặc trên gò đá, trong đó có chỗ khuyết lược đều có 14 chương cáo văn. Nhưng cũng có chỗ khắc riêng hai chương để thay thế. Văn tự dùng để khắc là chữ thể xưa Khư Lô Sắt Đế (Sanskrit: Kharoṭhī) hoặc tiếng Sanskrit cổ (Sanskrit: Brahmē). Khảo xét phần ghi chép, có thể biết những văn khắc này được khắc vào khoảng từ 12 đến 14 năm sau khi vua A Dục lên ngôi. Nói một cách khái quát, đại ý của những văn khắc này là cấm chỉ sát sinh, xây dựng các bệnh viện, viện dưỡng lão, đào giếng,

sửa lại và định chế hội nghị, phát thuốc và khuyến khích trồng cây thuốc.

Cứ 5 năm một lần, vua mở đại hội Vô Già, quan dân đều tham dự, hoằng pháp lợi sinh, bảo đảm sự hưng thịnh của Phật Pháp và hạnh phúc yên vui của nhân dân. Tôn trọng tự do tín ngưỡng, khéo léo hòa giải sự xích mích giữa các tín đồ của các tôn giáo khác nhau. Cấm chỉ các nghi lễ giả dối trái đạo đức, phải đề cao những nghi thức hợp với Chánh Pháp, vì phúc lạc ở đời sau, phải thoát ly tội nghiệp đời trước. Cáo văn này bày tỏ niềm hối hận sâu xa của vua A Dục về nỗi bi thảm do cuộc chinh phục nước Yết Lăng Ca mang lại. Chính vì lẽ đó mà nhà vua quy y Phật Pháp và hết lòng hoằng dương Chánh Pháp, tin rằng chỉ có chinh phục bằng Chánh Pháp là sự chinh phục hơn hết. Nhưng mục đích chủ yếu của vua là truyền bá Phật Pháp đến người Hy Lạp.

Những văn bản khắc trên vách núi nhỏ có một hoặc hai chương, có khác nhau hoặc giống nhau nhưng hoàn toàn khác với 14 chương nói ở trên. Đại ý các văn bản khác nhau là đối với bên ngoài thì mở rộng khu vực truyền bá Phật Pháp. Đối với bên trong thì phải nêu cao sự hiểu thuận chân thực.

Ngoài ra còn có một chương riêng dạy bảo chư Tăng nước Ma Yết Đà phải giữ gìn và tiếp nối Chánh Pháp cho lâu dài.

Trong 10 cột đá thì trên 6 cột khắc 6 chương cáo văn giống nhau. Bốn cột còn lại, mỗi cột khắc một chương văn khác nhau, và trên đầu cột của 4 cột đá này có khối đá tròn giống hình quả chuông, trên đặt tượng sư tử, chung quanh riềm chạm trở hoa sen, ngỗng v.v... Về chiều cao, cột nhỏ cao chừng 8 mét, cột lớn cao hơn 10 mét.

So sánh những bản văn khắc ở các nơi khác nhau, có thể biết vua A Dục đã làm những văn khắc này vào khoảng 26 năm đến 29 năm sau khi lên ngôi. Nội dung cấm chỉ giết hại, các quan phải lấy nhân từ làm chính để làm cho đạo thường phạt không lầm. Khuyên dân chúng dùng chính nghĩa để xa lìa nghiệp ác. Vua đối đãi với thần dân không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tín ngưỡng, mà chỉ nhìn họ bằng đôi mắt thương yêu như một.

Những chương văn khác thì khắc ghi nhân duyên Vương Phi bố thí rừng cây v.v... Hoặc ghi việc vua tham bá các Phật tích và dựng cột đá. Những văn khắc trong hang đá, đều ghi sự tích bố thí hang động. Ở gò Phạ Lạp, Phạ Nhĩ (Barābar), cách Bồ Đề Già Da (Sanskrit: Buddha-gaya) hơn 20 cây số về mạng Bắc, có 4 hang đá,

trong đó, 3 hàng có văn khắc ghi chép việc bố thí hàng động. Bản đá mới tìm thấy gần đây vốn là đá vách của một nhà nông ở gần Orissa.

Trong các loại văn khắc trên đây, đặc biệt đáng chú ý là điều 13 trong văn khắc trên vách núi, nội dung nói về việc vua A Dục giao thiệp với nước ngoài. Nhân vật xuất hiện trong văn là ông vua Hy Lạp vào khoảng năm 260 đến 258 trước Tây Lịch. Nhờ đó có thể suy đoán mà biết niên đại vua A Dục ra đời và khu vực truyền bá Phật Giáo.

Tham khảo: Ấn Độ Tông Giáo Sử Khảo. Phật Điển Kết Tập. A Dục Vương Sự Tích. É. Senart: Inscriptions de Piyadasi. E. Hultsch: Corpus Inscriptionum Indicarum. V. A. Smith: Asoka. v.v...

II- TRỤ ĐÁ A DỤC

Những trụ đá hình tròn do vua A Dục thuộc triều đại Khổng Tước của Ấn Độ xây dựng tại lưu vực sông Hằng vào thế kỷ thứ III trước Tây Lịch để khắc các Pháp Sắc (Sanskrit: Dharma-dipi, Pāli: Dhamma-lipi). Đến nay người ta đã phát hiện 10 cột. Trong số này, có 6 cột cao từ 10 đến 13 mét không đều nhau. Các Pháp Sắc được khắc gồm có 6 chương chung một nội dung: Tôn trọng Phật Pháp, khuyên làm việc lành, dứt bỏ điều ác, cấm chỉ giết hại, nhân từ bình đẳng, tạo phúc lợi cho mọi người v.v...

Ngoài ra trên các cột đá đều có ghi chép sự tích vua A Dục. Bốn cột còn lại cao khoảng 7,5 mét, nội dung Pháp Sắc trên 4 cột này không giống nhau, đại khái là cấm phá hòa hợp Tăng và ghi việc vua A Dục đi chiêm bái các Phật Tích. Trên đầu cột đá có chạm hình các loài thú, chẳng hạn như tượng sư tử. Tuy đã lâu đời nhưng cho đến nay những hình tượng ấy vẫn còn có thể phân biệt được rõ ràng. Niên đại xưa của Ấn Độ khắc trên các trụ đá rất được các học giả coi trọng.

Tham khảo: A Dục Vương Khắc Văn, v.v...

III- NÚI A DỤC

Núi A Dục nằm về phía đông tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Gọi tắt là núi A Dục Vương, xưa gọi là núi Mậu. Vào năm Thái Khang thứ 2 (năm 281, có thuyết cho là năm thứ 3, hoặc niên hiệu Thái Thủy năm đầu) thời Vũ Đế nhà Tây Tấn, ngài Tuệ Đạt, tên tục là Lưu Tát Ha, đến núi Mậu thuộc huyện Mậu, ngài thấy một ngôi tháp cổ, và cho đó là một trong số 84.000 tháp do vua A Dục xây dựng. Ngài liền cất tịnh xá để thờ tháp này, và đổi tên núi Mậu thành núi A Dục Vương. Tịnh xá của ngài Tuệ Đạt về sau được

mở rộng thêm thành chùa A Dục Vương, là sơn môn thứ 5 trong 5 sơn môn của Thiên Tông Trung Quốc.

Đời nhà Tống, chùa A Dục Vương là đạo tràng của Tông Lâm Tế. Các thiền sư Tông Cảo, Đức Quang, Sư Phạm v.v... đã lần lượt đến truyền giáo tại đây qua một thời hưng thịnh.

Tham khảo: Phật Tổ Thống Kỷ quyển 36, 45, 47, 53. Pháp Uyển Châu Lâm quyển 38. A Dục Vương Tự Chí. A Dục Vương Tự v.v...

IV- THÁP A DỤC

Sau khi quy y Tam Bảo, vua A Dục đã làm được rất nhiều Phật sự. Đến đâu nhà vua cũng cho xây dựng chùa tháp thờ xá lợi Phật và cúng dường chư tăng. Theo Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa quyển 1 chép: Lúc bấy giờ có rất nhiều nước dưới quyền thống trị của vua A Dục. Nhà vua ra lệnh cho các nước ấy xây dựng nhiều chùa lớn và nhiều ngôi tháp báu.

Truyện A Dục Vương quyển 1 và kinh A Dục Vương quyển 1 chép: Vua A Dục nhờ Tỳ kheo Hải mà biết việc Phật nói trước, liền đến thành Vương Xá lấy 4 thăng xá lợi do vua Xà Thế chôn và lấy hết xá lợi ở 6 chỗ khác, rồi làm vô số những hộp báu, mỗi hộp đựng một viên xá lợi. Lại làm vô số lọ báu và nắp lọ, vô số xấp lụa, xây vô số tháp báu để thờ Xá Lợi Phật.

Truyện Cao Tăng Pháp Hiển và Đại Đường Tây Vực Ký v.v... cũng đều có nói về việc vua A Dục cho xây rất nhiều chùa tháp. Kinh Tạp Thí Dụ quyển thượng chép: Để cầu hết bệnh, vua A Dục đã cho xây 1.200 ngôi chùa và mỗi ngày cúng dường vô số vị Tăng khiến cho ngoại đạo ganh ghét toan phá hoại Phật Pháp.

Các Kinh Điển nêu trên tuy nói có 1.200 ngôi chùa hoặc nhiều lần nói đến con số 84.000 chùa tháp v.v... nhưng những con số ấy chưa hẳn đã đúng. Nhưng lòng nhiệt thành của nhà vua xây dựng rất nhiều chùa tháp và nhiều hoạt động hoằng truyền Phật Pháp đó là sự thật đã được minh chứng qua nhiều sách truyện và nhiều di tích để lại khắp nơi...

Rất tiếc vì đã quá lâu đời nên những chùa tháp ấy hầu hết đều đã mai một. Ngôi tháp cổ tại Sanchi bên Ấn Độ có lẽ là một trong những chùa tháp do vua A Dục xây dựng. Nhưng điều này cũng chưa thể xác định được! Khi các ngài Pháp Hiển, Huyền Trang đến Ấn Độ đã tìm thấy rất nhiều tháp do vua A Dục cho xây cất, điều này đã được ghi trong Đại Đường Tây Vực Ký và Cao Tăng Pháp Hiển Truyện... Xưa nay cũng có

truyền thuyết cho rằng tháp của vua A Dục cũng được tìm thấy tại Trung Quốc và Nhật Bản...

Trong Quán Hoảng Minh Tập quyển 13 nêu ra 17 ngôi tháp ở huyện Mậu và cho đó là số tháp trong 84.000 tháp của vua A Dục đã cho xây dựng. Sách Pháp Uyển Châu Lâm quyển 36 chép: Ở huyện Mậu có 21 ngôi tháp đều do vua A Dục cho xây cất. Ngoài ra sách Đường Đại Hòa Thượng Đông Chính Truyện của ngài Nguyên Khai cũng ghi chép giống như thế.

Nhưng lãnh thổ của vua A Dục chưa bao giờ mở rộng đến Trung Quốc. Do đó những ngôi tháp do nhà vua xây dựng còn được bảo trì tại Trung Quốc là điều không thể có. Sách Nguyên Hanh Thích Thư quyển 11 của Nhật Bản ghi: chùa tháp đá tại quận Sinh gần Giang Phổ là một trong 84.000 tháp Xá Lợi của vua A Dục cho xây cất tại đây. Nhưng có thuyết cho là đây là tháp do vua Ngô Việt Tiễn Hoảng Thục xây dựng tại đây, vì lãnh thổ của vua A Dục làm gì có tới Nhật Bản!

Sách Phật Tổ Thống Kỳ quyển 43 chép, khoảng niên hiệu Kiến Long năm đầu (960 năm) đời Tống, vua Ngô Việt Tiễn Hoảng Thục ngưỡng mộ việc vua A Dục xây tháp, bèn dùng vàng bạc và thép tốt làm 84.000 tháp nhỏ, bên trong để Bảo Kiếp Ấn Tâm Chú, rồi đem thờ khắp trong nước. Khoảng 10 năm công việc mới được hoàn thành. Bấy giờ, có vị sư người Nhật là Nhật Diên đến Trung Quốc, đưa được vài cái trong số tháp ấy về Nhật Bản nên đời sau có người lầm tưởng đó là tháp do vua A Dục làm...

V- CHÙA A DỤC

1- CHÙA A DỤC TẠI ẤN ĐỘ

Chùa A Dục Asókārāma (Sanskrit). Tức là chùa Kê Viên tại thành Ba Tra Li Tử nước Ma Yết Đà miền trung Ấn Độ. Chùa này do vua A Dục xây dựng nên Phật Giáo Nam Truyền gọi là chùa vua A Dục.

Tham khảo: Đào Sĩ Chương 7.

2- CHÙA CÓ TÊN A DỤC VƯƠNG TẠI TRUNG QUỐC

Chùa trên núi A Dục Vương, phía đông huyện Ngân thuộc tỉnh Chiết Giang bên Trung Quốc. Pháp Uyển Châu Lâm quyển 38 chép: Năm Thái Khang thứ 2 (281 có thuyết nói năm thứ 3, hoặc niên hiệu Thái Thủy năm đầu), đời Vũ Đế nhà Tây Tấn, có người xứ Li Thạch thuộc Tinh Châu, tên là Lưu Tất Ha, trong lúc mơ màng thấy một vị tăng người Ấn Độ bảo tội mình nặng, sẽ đọa vào địa ngục, phải đến Cối Kê lễ tháp A Dục Vương, để sám hối các tội lỗi.

Sau khi tình dậy ông liền xuất gia, đổi tên là Tuệ Đạt. Ông đến Cối Kê huyện Mậu tìm tháp, nhưng tìm khắp nơi mà không thấy nên rất phiền muộn, buồn bã. Một đêm bỗng nghe từ dưới đất có tiếng chuông vọng lên. Ba ngày sau thì có tháp báu và Xá Lợi xuất hiện. Tháp này không phải bằng vàng ngọc đồng sắt, cũng không phải bằng đất đá; có màu đen nhánh, chạm trổ khác thường, bốn mặt khắc 4 cảnh: Cảnh Vương Tử Tát Đỏa, cảnh cho mắt, cảnh bỏ não, cảnh cứu chim câu v.v... Phía trên không có nấp tháp (hình tròn giống như cái mâm), bên trong treo chuông. Tuệ Đạt liền cất tịnh xá ở chỗ ấy để cúng dường tháp và lễ bái sám hối. Đó là nguồn gốc của điện Xá Lợi trên núi A Dục Vương.

Năm 405 niên hiệu Nghĩa Hi năm đầu, vua An Đế nhà Đông Tấn ra sắc chỉ xây tháp, đình và thiền đường, thỉnh chư tăng trụ trì gìn giữ. Năm 425 niên hiệu Nguyên Gia thứ 2, đời Lưu Tống, ngài Đạo Hựu vâng mệnh vua sửa sang chùa này và xây thêm 3 tầng tháp.

Năm 522 năm Phổ Thông thứ 3, vua Vũ nhà Lương xuống lệnh xây cất điện nhà, phòng xá, hành lang, bang biển hiệu A Dục Vương Tự. Về sau chùa này đều được các vua Giản Văn Đế, Trần Tuyên Đế, Đường Trung Tông, Đường Tuyên Tông, Đường Ý Tông và Thế Tông nhà Hậu Chu kính ngưỡng.

Đây là chùa thuộc về Luật Tông, nhưng từ khi vua Chân Tông nhà Tống ban hiệu Quảng Lợi Thiền Tự thì chùa trở thành Thiền Viện của công cộng. Thời vua Anh Tông, ngài Đại Giác Hoài Liễu trụ trì chùa này, phát huy tông phong. Sau đó các thiền sư Tông Cáo, Giới Thẩm, Đức Quang, Sư Phạm v.v... lần lượt đến đây truyền Pháp nên đạo tràng Lâm Tế hưng thịnh một thời. Năm 1382 Năm Hồng Vũ đời nhà Minh, chùa này được sửa lại và đổi tên thành A Dục Vương Thiền Tự, là sơn môn thứ 5 trong 5 sơn môn của Thiền Tông Trung Quốc. Hiện nay còn điện Xá Lợi, điện Thiên Vương, Đại Hùng Bảo Điện v.v... Điện Xá Lợi có khắc bia gác Thần Khuê, bài minh suối Diêu Hỉ, và bia ruộng thường trụ chùa A Dục Vương khắc vào Đời Đường...

Ở những địa phương Qua Châu, Thanh Châu, huyện Bồ Phán tỉnh Hà Đông, Tinh Châu v.v... cũng có chùa tên A Dục Vương.

Tham khảo: Lương Cao Tăng Truyện quyển 13. Pháp Uyển Châu Lâm quyển 31. Thích Thị Kế Tổ Lược quyển 4. Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành Chức Phương Điển 979 v.v...

VI-TRUYỆN VỀ VUA A DỤC

Truyện về vua A Dục gồm 7 quyển, do ngài An Pháp Khâm đời Tây Tấn dịch, được in vào Đại Chánh Tạng tập 50. Sách này ghi lại sự tích của vua A Dục và nhân duyên của các Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp, Ưu Ba Cúc Đa v.v... có tất cả 11 phẩm:

- 1- Bản Thí Thổ duyên
- 2- A Dục Vương Bản Duyên truyện
- 3- A Thứ Già Vương đệ bản duyên
- 4- Câu La Na bản duyên
- 5- Bán Am La Quả nhân duyên
- 6- Ưu Ba Cúc Đa nhân duyên
- 7- Ma Ha Ca Diếp Niết Bàn nhân duyên
- 8- Ma Điền Đề nhân duyên
- 9- Thương Na Hòa Tu nhân duyên
- 10- Ưu Ba Cúc Đa nhân duyên
- 11 -A Dục Vương hiện báo nhân duyên

Bản dịch khác của tập truyện này là: Kinh A Dục Vương 10 quyển được in vào Đại Chánh Tạng tập 50, do Ngài Tăng Già Bà La dịch vào đời Lương, gồm có 8 phẩm:

- 1- Sinh nhân duyên
- 2- Kiến Ưu Ba Cấp Đa nhân duyên
- 3- Cúng Dường Bồ Đề Thọ nhân duyên
- 4- Cứu Na La nhân duyên
- 5- Bán Am Ma Lạc Thí Tăng nhân duyên
- 6- Phật Ký Ưu Ba Cấp Đa nhân duyên
- 7- Phật Đệ Tử Ngũ Nhân Truyền Thọ Pháp

Tạng nhân duyên

- 8- Ưu Ba Cấp Đa Đệ Tử nhân duyên

Trong đây, bốn phẩm 1,2,5,10 trong truyện A Dục Vương là cùng bản với chương 26 đến chương 29 trong bản Sanskrit: Divyāvādāna (do E.B.Cowell, R.A. Neil v.v... xuất bản vào năm 1886) và quyển 23, 25 trong kinh Tạp A Hàm. Phẩm Cứu Ma Na nhân duyên tương đương với bản dịch Tây Tạng Ku-na-lahi rtogs-pa-brjod-pa. Ngoài ra, học giả người Pháp E. Burnouf dịch bộ phận ghi chép truyện vua A Dục trong Divyāvādāna ra tiếng Pháp vào năm 1845 và in chung trong tác phẩm Ấn Độ Phật Giáo Sử Tự Luận (Introduction à l'histoire du Bouddhisme Indien) của ông. Còn L. Feer thì dịch A Dục Vương truyền thuyết bản Tây Tạng ra tiếng Pháp, đề là Légende du roi Asoka (A Dục Vương Truyền Thuyết), ấn hành tại Paris năm 1865.

Ngoài Divyāvādāna nói trên còn có bản tiếng Sanskrit nữa là Asókavadāna, được R.Mitra (người Anh) dịch đại ý trong tác phẩm Nepalese Buddhist Literature (Văn Học Phật Giáo Nepal) của ông vào năm 1882.

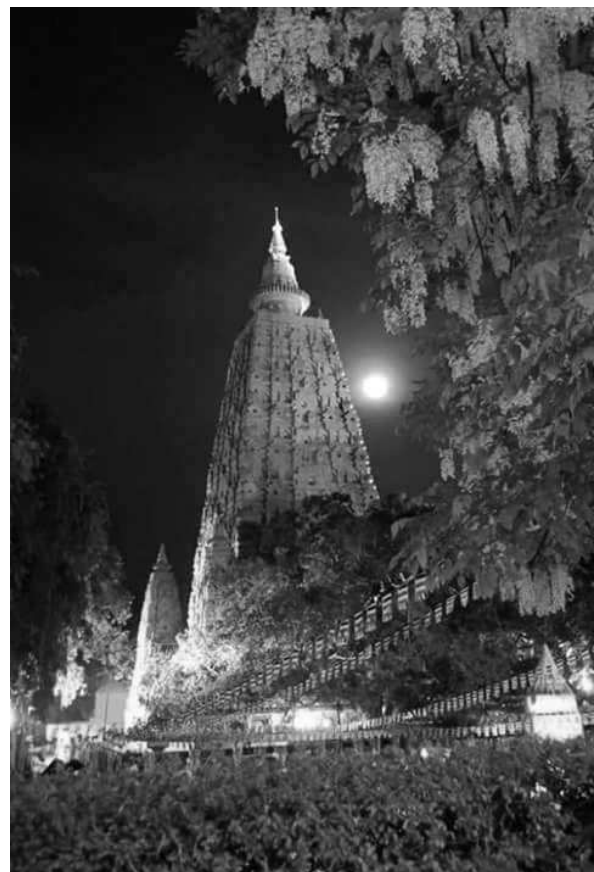
Tham khảo: Xuất Tam Tạng Ký Tập quyển 2. Khai Nguyên Thích Giáo Lục quyển 2,6. Phật Giáo Sử Địa Khảo Luận (Ấn Thuận, Diệu Vân tập hạ biên 9 đệ tam). v.v... ./.

10 DI SẢN TUYỆT VỜI CỦA ẤN ĐỘ

• Tâm An

Với lịch sử hơn 5000 năm của nền văn minh rực rỡ bên dòng sông Hằng Huyền Bí, đất nước Ấn Độ là cội nguồn hình thành và phát triển của nhiều tôn giáo lớn trên thế giới như: Phật Giáo, Hindu Giáo, Hồi Giáo,... Với niềm tin và tín ngưỡng tâm linh thành kính của mình đến với Đấng Tối Cao, người Ấn từ nghìn xưa đã chế tác nên vô số công trình kiến trúc tuyệt đẹp có giá trị văn hóa và lịch sử cho văn minh nhân loại. Với chủ đề khám phá kiến trúc của vùng đất tâm linh thần bí này, hãy cùng khám phá 10 công trình kiến trúc cổ đẹp nhất Ấn Độ.

1 - Bảo tháp Đại Giác, Bồ Đề Đạo Tràng (Ấn Độ)



Được đề xuất là di tích lịch sử Phật giáo đầu tiên nhất và đáng chiêm ngưỡng nhất trong danh sách các thắng tích, bảo tháp Đại Giác tọa lạc ở nơi Đức Phật lịch sử chứng đạt sự giác ngộ hoàn toàn với cây bồ đề ngàn năm tuổi. Thánh địa này đặc trưng bởi tháp trung tâm được xây tạo bằng

gạch cao gần 55 mét, bao bọc chung quanh là bốn tòa tháp nhỏ hơn.

Rải rác quanh ngôi đại tháp là các tháp nhỏ và các tôn tượng Đức Phật bên ngoài tháp trung tâm cùng với những bức tường khắc họa cuộc đời của Ngài. Ngôi tháp được tin là do A Dục Vương xây dựng 200 năm sau khi Phật thành đạo. Bảo tháp Đại Giác được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới vào năm 2002.

2 - Đền Taj Mahal

Với mỹ danh tuyệt đẹp "Bài thơ tình được khắc trên đá", **đền Taj Mahal** không chỉ là biểu tượng du lịch nổi tiếng nhất của Ấn Độ mà còn là tuyệt tác kiến trúc của nhân loại. Bắt nguồn từ câu chuyện tình yêu đượm buồn của vua Sa Gia Han dành cho người vợ qua đời ở tuổi thanh xuân, Ngài đã dồn hết tâm huyết để thiết kế và chế tác nên một lăng mộ tuyệt đẹp theo hình thức kiến trúc đặc trưng nhất của Hồi Giáo. Tổng thể hình học của ngôi mộ được xây dựng theo hình bát giác từ cẩm thạch trắng và sa thạch đỏ.



Đền Taj Mahal tuyệt đẹp trong từng khoảnh khắc của đất trời

Trung tâm của đền là mái vòm tròn đồ sộ có chiều cao 75 m và bốn ngọn tháp nhọn có chiều cao khoảng 40 m. Đặc biệt, các nghệ nhân tài hoa còn dùng những vật liệu lấp lánh sắc màu từ các đá quý để trang trí nên đường nét tinh xảo và cầu kỳ cho không gian ngôi đền. Chính bởi vì được chế tác hoàn toàn từ một chất liệu nhạy cảm với ánh sáng - cẩm thạch trắng cho nên đền Taj Mahal còn được ví như một "tòa lâu đài của ảo thuật", phản ánh sự kỳ diệu của sắc màu từ đất trời xung quanh theo từng khoảnh khắc trong ngày. Với hơn ngàn năm trôi qua, ngôi đền tình yêu thủy chung này vẫn luôn luôn là điểm đến không thể bỏ qua cho những du khách yêu mến đất nước Ấn Độ huyền bí này.



Một "tòa lâu đài của ảo thuật" kỳ diệu từ cẩm thạch trắng

3 - Harmandir Sahib (Đền Vàng)

Tọa lạc ở Amritsar, Punjab, giữa biên giới Pakistan và Ấn Độ, ngôi **Đền Vàng Harmandir Sahib** chính là biểu tượng tâm linh thiêng liêng nhất của các tín đồ tôn giáo Sikh trên khắp thế giới. Được xây dựng vào năm 1574, các tín đồ đã dùng 100 kg vàng ròng để dát lên mặt ngoài và mái vòm của thánh đường nhằm biểu hiện lòng tôn kính sâu sắc của họ đến với Chúa Trời.

Đặc biệt, khi so sánh với phong cách kiến trúc phổ biến của đạo Sikh là họ thường xây dựng thánh đường ở chỗ đất cao thì ngược lại Đền Harmandir Sahib lại được đặt ở một vị trí thấp, được bao quanh bởi hồ nước Amrit Sarovar (Hồ Rượu thần) - hay còn gọi là Hồ Nước Tâm Linh, một địa điểm để kết nối linh hồn với thế giới bên kia.

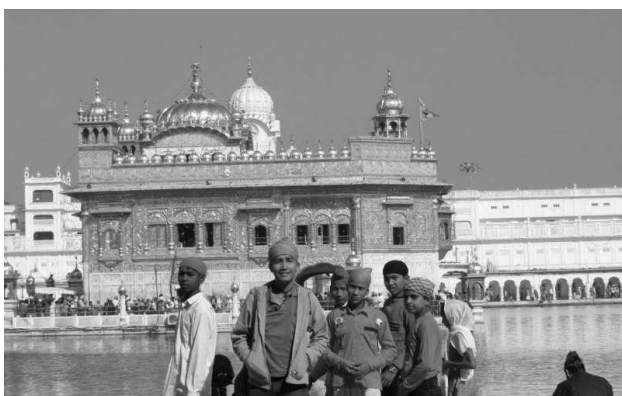


Đền Harmandir Sahib bên Hồ Tâm Linh

Ngoài ra, khác với sự bí ẩn của một số tôn giáo khác, ngôi đền linh thiêng này có đến 4 cánh cửa ra vào nhằm thể hiện tư tưởng thân thiện và chào đón mọi người đến để tìm hiểu về

thế giới tâm linh của đạo Sikh. Với sự tôn kính đối với ngôi đền, hầu như không có bất kỳ công trình kiến trúc nào có độ cao vượt quá thánh đường được xây dựng xung quanh đây.

Với vẻ đẹp lộng lẫy của vàng cùng phong cách trang trí tinh xảo, chắc chắn mỗi du khách sẽ phải "mãn nhãn" khi ngắm nhìn tuyệt tác kiến trúc và tôn giáo này. Ngoài ra, dưới bầu trời xanh biếc và ánh nắng ấm áp, không gian yên bình hòa quyện trong âm thanh cầu nguyện ngân vang khắp khu vực hồ thiêng sẽ mang đến một trải nghiệm tâm linh kỳ thú, làm thanh tịnh tâm hồn mọi người ra khỏi phiền não của thế thái nhân sinh.



Biểu tượng thiêng liêng của đạo Sikh

4 - Đền Mahabalipuram

Quần thể **đền Mahabalipuram** là một thánh tích vô cùng tráng lệ huy hoàng và độc đáo, tượng trưng cho thời kỳ vàng son của Ấn Độ Giáo, được xây dựng vào những năm 630 đến 715. Quần thể kiến trúc này chính là sự kỳ công tuyệt vời được chế tác hoàn toàn từ những khối đá thiên nhiên khổng lồ, đặc biệt là đá núi lửa nguyên khối.

Tổng thể hình dáng của các ngôi đền tại đây đều tháp tam quan đồ sộ có móc hình vành khăn, được phủ lên bốn mặt bằng vô số các tượng đá điêu khắc từ nguồn cảm hứng bất tận của sử thi Mahabharata.

Tuy mang nhiều hình thái phong phú, các khối đá ở đây phổ biến dạng thân vuông có độ cao khoảng 12,2 m và dài 8,85 m, có xu hướng thu nhỏ dần về phía đỉnh tháp. Với phong cách điêu khắc sáng tạo và bút pháp mạnh mẽ, sống động, đền Mahabalipuram chính là một tuyệt tác diệu kỳ của miền Nam Ấn Độ cũng như là di sản văn hóa tuyệt vời của nhân loại. Khi đến tham quan quần thể thánh tích này, ngoài được chiêm ngưỡng sự tráng lệ và công phu đỉnh cao của nghệ thuật, du khách còn có dịp tìm hiểu về thế giới vũ trụ luận của người Ấn Độ xưa khi nghe

các thuyết minh về nguồn gốc và câu chuyện riêng của mỗi ngôi đền.



Đền Mahabalipuram - thánh tích Ấn Độ Giáo



Tuyệt tác kiến trúc kỳ diệu ở miền Nam Ấn Độ

5 - Lăng mộ Humayun

Toạ lạc tại trung tâm New Delhi, **lăng mộ Humayun** chính là biểu tượng nổi tiếng nhất của phong cách kiến trúc Mughal tại Ấn Độ. Được xây dựng vào năm 1562 sau 9 năm nhà vua Humayun băng hà, công trình có chiều cao 47 m, được chế tác theo cảm hứng từ kiến trúc của Đế Quốc Ba Tư lúc bấy giờ từ hai nguồn vật liệu là cẩm thạch trắng và sa thạch đỏ. Khi bước vào cửa chính của lăng mộ, mỗi du khách sẽ có dịp ngất ngây trước vẻ đẹp uy nga và tráng lệ của một tuyệt tác nghệ thuật tinh xảo và kỳ công bậc nhất trong lịch sử xây dựng của Ấn Độ. Ngoài ra, vẻ đẹp hiền hòa của các khu vườn phong cách Ba Tư rộng 30 mẫu kết hợp với các hào nước mang ý nghĩa tâm linh bao quanh ngôi mộ đã tạo nên một không gian bình yên, làm thư thái tâm hồn mỗi ai đến tham quan khu di tích này. Có lẽ chính bởi vì thế khu lăng mộ Humayun luôn nằm trong top đầu danh hiệu các ngôi mộ đẹp nhất hành tinh đến ngày nay.



Lăng mộ Humayun ở New Delhi



Luôn nằm trong top đầu danh hiệu mười ngôi mộ đẹp nhất hành tinh hiện nay

6 - Cung điện Mysore

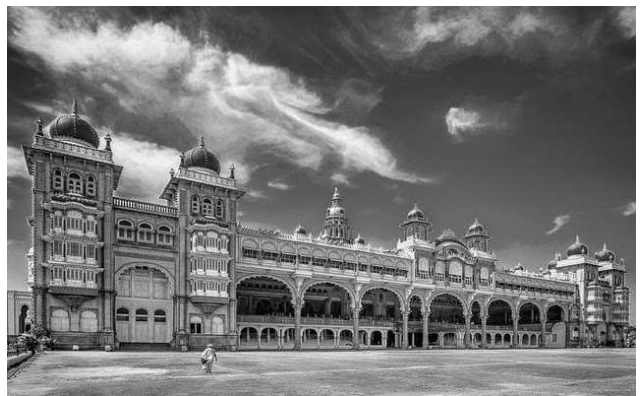
Một trong những niềm tự hào của người dân Ấn Độ là **cung điện Mysore** - cung điện lộng lẫy bậc nhất tọa lạc tại bang Karnataka, thuộc miền Nam Ấn Độ hiện nay. Được xây dựng từ thế kỷ 14, cung điện từng là tòa nhà của một gia đình Hoàng Gia Wodeyars cai trị thành phố trong khoảng thời gian 1399 đến 1950. Tổng thể kiến trúc của cung điện là một sự kết hợp hoàn hảo và độc đáo từ nhiều phong cách khác nhau như: Ấn Độ Giáo, Hồi Giáo, Gothic và Rajput. Lý do để giải thích có sự xuất hiện của phong cách phương tây tại cung điện là vì tòa nhà Hoàng Gia này được trùng tu và thiết kế lại một phần do sự cố hỏa hoạn xảy ra vào năm 1897. Các thành viên của hoàng tộc đã mời một kiến trúc sư người Anh đến để hoàn thành công trình này, chính vì thế mà cung điện sở hữu phong cách đặc trưng của kiến trúc Gothic thời Trung Cổ hòa quyện vào giá trị nghệ thuật truyền thống của Ấn Độ.

Được chế tác từ đá granite xám và cẩm thạch hồng, cung điện tráng lệ này còn là một bảo tàng văn hóa giá trị như: điêu khắc, hội họa, vũ

khí,... được lưu giữ từ thế kỷ 14 đến tận ngày nay. Đặc biệt, khi màn đêm buông xuống, cung điện thu hút ánh nhìn bởi vẻ đẹp rực rỡ và lộng lẫy như một tác phẩm cổ tích khi được thắp sáng linh lung từ 100.000 bóng đèn điện trang trí khắp bốn mặt của tòa nhà. Chính vì thế, không có gì ngạc nhiên khi nơi đây chào đón 6.000.000 du khách đến chiêm ngưỡng mỗi năm, chỉ sau tuyệt tác Taj Mahai.



Cung điện Mysore ở miền Nam Ấn Độ.



Mysore thu hút 6.000.000 lượt du khách mỗi năm

7 - Đền Ranakpur

Nằm ở vùng thung lũng hẻo lánh Arvallis, miền Tây Ấn Độ, **đền Ranakpur** chính là tòa thánh linh thiêng bậc nhất và đẹp nhất của giáo phái Jain, nơi chốn dành riêng cho vị thần tối cao của họ - thần Adinatha. Với diện tích siêu rộng khoảng 4.500 m², đền bao gồm 29 không gian dành riêng để cung phụng và diễn ra các nghi thức tôn giáo của đạo Jain cùng với 1.444 trụ chống được chế tác công phu và tinh xảo từ cẩm thạch trắng. Với số tuổi hơn 2000 năm, các tượng và phù điêu trong đền thờ chẳng những mang vẻ đẹp tinh xảo và kỳ công mà còn ẩn chứa những giá trị tâm linh sâu sắc trong tâm thức của các tín đồ đạo Jain trên toàn thế giới. Ngày nay, ngôi đền Ranakpur này đã trở thành

một địa danh du lịch tuyệt vời cho những ai yêu thích khám phá các tôn giáo bí ẩn của hành tinh.



Đền Ranakpur ở miền Tây Ấn Độ



Đền Ranakpur là biểu tượng nổi tiếng nhất của đạo Jain trên thế giới

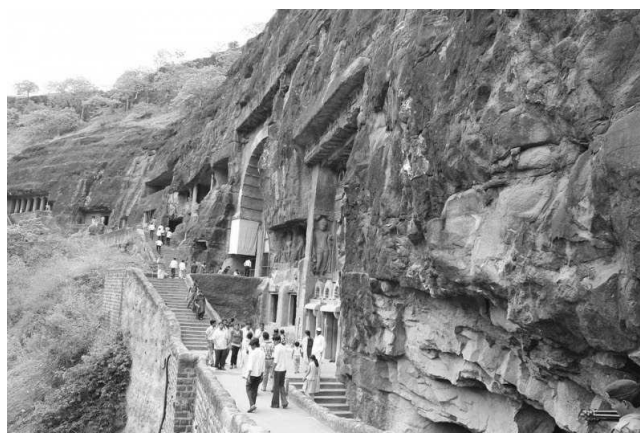
8 - Khu hang động Ajanta

Đây là cội nguồn khai sinh ra Phật Giáo, cuộc đời vĩ đại và triết lý sâu sắc của Đức Phật chính là nguồn cảm hứng bất tận cho các nghệ nhân tạo hình và kiến trúc ở Ấn Độ. Một trong những công trình Phật Giáo tráng lệ và kỳ diệu nhất phải kể đến, đó là **khu hang động Ajanta** ở miền trung Ấn Độ. Quần thể thánh tích này bao gồm 30 ngôi chùa hang được đục khoét sâu vào trong lòng các vách núi đá sừng sững có độ cao 76 m, bên trong có các chánh điện để cung phụng tôn tượng của Đức Phật và vô số các bức tranh đá được điêu khắc từ các câu chuyện xa xưa của Phật Giáo và đời sống thường ngày. Có thể nói rằng thánh tích Ajanta chính là một tuyệt tác kỳ diệu cất giữ các bức tranh đá được xem là bảo vật của mỹ thuật Phật Giáo tại đây.

Nếu bạn là một Phật tử thì nhất định phải đến nơi đây đầu tiên trong chuyến hành hương đến Ấn Độ.



Khu chùa hang Ajanta ở miền Trung Ấn Độ



Hang động Ajanta sở hữu những bức tranh đá đẹp nhất trong mỹ thuật Phật Giáo

9 - Đền Sri Ranganathaswamy

Toạ lạc ở thành phố Srirangam, Ấn Độ, ngôi **đền Sri Ranganathaswamy** chính là một tuyệt tác kiến trúc phức hợp tuyệt đẹp, một biểu tượng nổi tiếng nhất của đạo Hindu trên toàn thế giới. Chắc chắn khi ngắm nhìn phong cách độc đáo và tinh xảo đến từng chi tiết của ngôi đền tráng lệ này, bất kỳ ai cũng sẽ cảm thán trước kỳ công vĩ diệu của các nghệ nhân tài hoa bậc nhất đã chế tác ra nó.

Đây là một địa điểm linh thiêng để cung phụng thần Vishnu của Hindu giáo, toàn bộ bề mặt của ngôi đền đều được phủ đầy các bức phù điêu miêu tả vô cùng chi tiết các hiện thân của các vị thần và truyền tích bí ẩn của thần thoại Ấn Độ cổ xưa. Ngoài ra, đền Sri Ranganathaswamy còn được biết đến với danh xưng "ngôi đền 1.000 cột" vì số lượng trụ cột khổng lồ được dựng lên xung quanh hành lang của nó. Chính bởi sự thu hút mãnh liệt từ một bảo vật nghệ thuật và tôn giáo tuyệt diệu cùng những bí ẩn tâm linh huyền bí lưu truyền đời đời ở nơi này, ngôi đền Hindu giáo này chào đón hàng triệu

lượt du khách đến tham quan và nghiên cứu mỗi năm.



Đền Sri Ranganathaswamy



Đền Sri Ranganathaswamy huyền ảo và lấp lánh khi đêm xuống

10 - Đền Hoa Sen

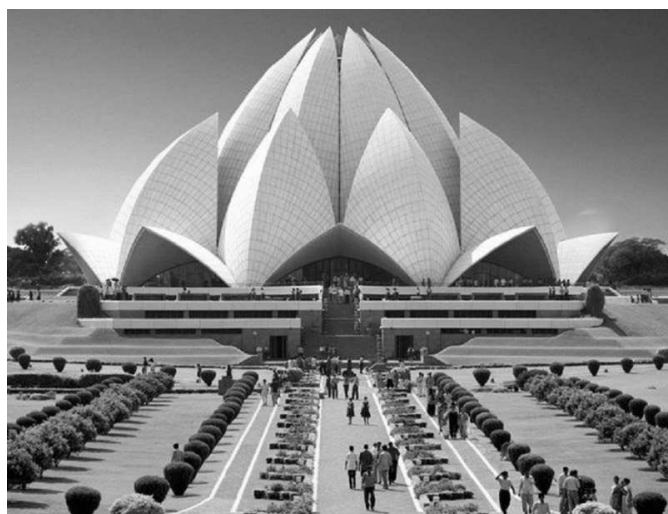
Với vẻ đẹp hương sắc vẹn toàn và ý nghĩa tâm linh cao quý, hoa sen luôn là niềm cảm hứng bất tận cho các chế tác nghệ thuật kiến trúc và thi ca của văn hóa phương đông huyền bí. Một trong những công trình đẹp nhất, tiêu biểu cho đạo Bahai ở Ấn Độ - **ngôi đền Hoa Sen** lộng lẫy tọa lạc tại New Delhi. Có tổng diện tích hơn 105.000 m² và cao 35 m, kỳ quan tuyệt vời có hình dáng của một hoa sen đang nở rộ đến từ sự sáng tạo và tâm huyết của một kiến trúc sư tài ba Fa-ri-bo Sah-ba người Canada với hơn 10 năm ròng rã thiết kế và xây dựng nên nó.

Với sự đóng góp của hơn 800 kỹ sư và công nhân xây dựng, ngôi đền độc đáo có kiến trúc được đánh giá là phức tạp vào bậc nhất thế giới với 3 dãy, mỗi dãy là sự kết hợp của 9 cánh sen -

một con số mang ý nghĩa hoàn hảo của đạo Bahai. Ngoài ra, mọi đồ vật trang trí từ hoa văn đến mái vòm hành lang hay nội thất bên trong đều được sáng tạo và biến hóa theo hình dáng muôn màu của hoa sen cách điệu. Chính bởi vẻ đẹp độc nhất vô nhị, ngôi đền Hoa Sen tuyệt mỹ này đã nhận được rất nhiều giải thưởng dành cho kiến trúc trên thế giới và thu hút 150.000 lượt khách tham quan mỗi ngày.



Ngôi đền Hoa Sen tuyệt đẹp của đạo Bahai



Ngôi đền Hoa Sen thu hút 150.000 lượt khách tham quan mỗi ngày

Sau khi ngắm nhìn và tìm hiểu câu chuyện của 9 di sản tuyệt vời trên của Ấn Độ, ta không khỏi khâm phục sự sáng tạo kỳ diệu và kỹ thuật xây dựng tinh vi bậc nhất của các nghệ nhân xưa. Chắc chắn vẫn còn vô số các di sản văn hóa tuyệt đẹp còn chờ chúng ta khám phá ở vùng đất tâm linh kỳ bí này.

Tâm An

(Nhìn ra bốn phương, 22.10.2019)

CÁC CÂU CHUYỆN THIỀN TRÊN CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC



Ajahn Brahm

Văn Công Trâm

tuyển chọn và chuyển ngữ

Trích từ sách „**Con voi quên hạnh phúc**“
(**Der Elefant, der das Glück vergaß** –
*Buddhistische Geschichten, um Freude im jedem
Moment zu finden*)
của Thiền sư Ajahn Brahm, nxb Lotos

Lời mở:

Trái chuối vẫn còn có một số khía cạnh thâm thúy. Chúng ta ăn nó hàng ngày và nghĩ là không điều gì của trái chuối mà chúng ta không biết đến. Nhưng nhiều người vẫn chưa biết phải bóc vỏ nó như thế nào cho đúng, số đông bóc từ cái cuống.

Giống khi- mà ai cũng công nhận là chuyên viên bóc vỏ chuối lại làm khác: cầm cái cuống chuối và bóc vỏ từ phía đầu bên kia ngược trở lại.

Bạn hãy thử „phương pháp của khi“ một lần xem sao. Bạn sẽ thấy nó dễ dàng hơn.

Cũng giống như việc học tập Thiền quán và những tu sĩ Phật giáo. Họ cũng là chuyên viên, mở rộng được Tâm Thiền sau khi đã bóc những chiếc vỏ bọc, đầy khó khăn.

Bởi vậy chúng tôi muốn mời các Bạn thử „phương pháp của tu sĩ Phật giáo“ trong lúc giải quyết những khó khăn trong cuộc đời.

Hy vọng đời sống Bạn sẽ nhẹ nhàng hơn giống như khi con khi bóc vỏ chuối.

Cội nguồn của đòi hỏi vật chất hay chủ nghĩa vật chất

Một nữ tu sống một đời sống giản dị, gần như không có một sở hữu nào và hành Thiền trong một hang động. Mỗi buổi sáng Ni sư ôm chiếc bình bát đi vào một làng gần gũi và khất thực thức ăn mỗi ngày. Ni sư dành nhiều thì giờ để thiền tập, nghiên cứu kinh điển và quảng bá Phật pháp cho dân làng.

Một ngày sau khi đi khất thực trở về, Ni sư nhìn thấy một lỗ rách trên cái áo tràng dự trữ của mình. Chuyện đó không phải xảy ra lần đầu tiên vì trong hang ấy cũng có một gia đình chuột đang sống. Ni sư tìm thấy một mảnh vải vụn và vá chiếc áo tràng. Ngay lúc đó, một ý nghĩ thoáng qua đầu sư: giá mà mình nuôi một con mèo thì sẽ đỡ mất nhiều thì giờ để ngồi vá áo.

Ngày hôm sau Ni sư vào xóm bên và xin một con mèo được huấn luyện tốt và có lông màu nâu xám thích hợp với màu áo nhà tu. Nhưng do chú mèo cần sữa nên sư lại phải xin trong làng những thức ăn cho nó nữa. Giả sử tôi có được một con bò cho sữa để mèo uống và con mèo sẽ canh giữ những chú chuột cắn rách áo tràng... Và Ni sư nói ra ý đó. Rồi có một Phật tử đã đồng ý cúng chùa một con bò.

Sau khi vị nữ tu có con bò thì lại phải đi xin cỏ cho nó ăn để có sữa cho con mèo uống, để mèo đuổi chuột, khỏi cắn rách áo tràng.

Giả thử tôi có được một bãi cỏ trong vườn chùa thì sẽ không cần khất thực cỏ cho bò hàng ngày trong làng nữa và kêu gọi tín đồ cúng tiền mua một bãi cỏ gần chùa để mỗi ngày có cỏ cho con bò và đủ sữa cho chú mèo giữ chuột không cho cắn rách áo tràng dự trữ.

Mỗi ngày săn sóc bãi cỏ, bắt giữ con bò thả hoang để vắt sữa là công việc tốn kém nhiều thời gian. Nếu tôi có được một chú bé trai lo lắng công việc này thì đỡ tốn kém thì giờ biết bao nhiêu. Thời gian đó tôi sẽ dạy cho bé biết sống đời đạo đức và truyền dạy nó nguồn giáo lý vi diệu.

Một người trong làng tìm một cậu bé từ một gia đình nông dân để săn sóc bãi cỏ mà chú bò cần ăn mỗi ngày, để sản xuất sữa cho chú mèo và qua đó cản trở chú chuột cắn rách chiếc áo dự trữ.

Cậu bé nông dân còn trẻ nên ăn uống mạnh bởi vậy Ni sư phải vất vả thức ăn nhiều gấp đôi ngày trước. Ngoài ra Ni sư cũng cần dựng một túp lều tranh cho cậu bé, bởi vì nếu cậu ta ngủ lại trong hang động thì sẽ phạm vào luật lệ thiên môn.

Dân làng lại phải dựng một túp lều nhỏ cho cậu bé nông dân trú ngụ để lo lắng cho bãi cỏ cho bò để nó có sữa cho chú mèo đuổi chuột không cắn áo tràng.

Dần dần Ni sư nhận thấy dân làng lẩn trốn bởi họ sợ rằng sư sẽ có những nguyện vọng mới. Họ đóng cửa, kéo tấm màn kín lại mỗi lần thấy dáng con bò nâu mà người ta ngỡ là vị nữ tu ấy. Khi có người tìm đến hỏi Ni sư về phương pháp tu thiền hay giáo lý thì chỉ được trả lời nhanh: *„Xin lỗi, giờ này không được. Tôi còn phải coi chừng người thợ đang dựng túp lều cho chú bé nông dân ở để lo cho bãi cỏ nuôi bò, cho chú mèo đủ sữa uống và ngăn chặn chuột phá phách cắn rách chiếc áo tràng”*.

Sau khi thốt lên câu trên, khi nói đến cuối câu; Ni sư chợt nhận ra: **Đó là sự khởi đầu của chủ nghĩa vật chất...**

Ni sư yêu cầu dân làng ngưng ngay lập tức việc xây dựng túp lều tranh, đem chú bé nông dân trả về lại cho gia đình, đem trả lại con bò sữa và đồng cỏ, đi vào làng tìm nơi để gởi con mèo xám nâu. Sau đó Ni sư bắt đầu lại đời sống giản dị như lúc trước.

Một buổi sáng sau buổi khất thực từ trong làng trở về, Ni sư thấy chiếc áo tràng có một lỗ cắn mới. Lòng tràn đầy an lạc, vị Ni sư ngồi xuống và bắt đầu vá áo lại.

Cái kệ sách trong phòng khách của mẹ tôi

Vài năm sau khi đã di cư đến Úc Đại Lợi tôi trở về Luân Đôn thăm mẹ. Một vị Phật tử đã gởi theo một con Cẩn-Gu-Ru nhồi bông làm quà cho mẹ tôi. Mẹ tôi thích con thú đó lắm và đã đặt nó vào kệ trong tủ sách phòng khách, nơi người hay ngồi. Khi tôi đã đi rồi thì con Cẩn-Gu-Ru sẽ nhắc mẹ tôi về đứa con ở xa. Tôi cũng hãnh diện là mẹ tôi đã dành một vị trí danh dự cho món quà đó.

Một vài năm sau tôi trở lại Luân Đôn thăm mẹ và mang theo một con gấu Koala nhồi bông. Và mẹ tôi cũng thích thú về nó và lại để lên kệ sách trong phòng khách.

Rồi chuyển về Luân Đôn tới tôi lại tặng mẹ một con chim lớn nhồi bông đặc biệt của Úc, lần tới là con chim mỏ vịt Úc. Những con thú nhồi

bông tiêu biểu cho nước Úc bắt đầu làm đầy kệ sách phòng khách.

Trong chuyến thăm viếng lần thứ 5 tôi lại mang theo một con chuột búp bê đặc biệt từ Úc về. Mẹ tôi cũng thích và loay hoay tìm cách đặt nó lên kệ sách gần con chim lớn, con mỏ vịt... Trên kệ đã không còn chỗ và những con thú nhồi bông lại bị đẩy nhào xuống đất. Mẹ tôi tìm mọi cách để nhét lên kệ nhưng tất cả những con thú lại rớt xuống nền nhà.

„Tại sao mẹ không tặng bớt một số con thú nhồi bông, thì mẹ sẽ có chỗ cho những con mới”. Tôi đã đề nghị mẹ tôi như thế.

„Không thể được, vì nó quá quý giá”.

Trong nhiều giờ sau đó mẹ tôi xếp lên xếp xuống, tìm cách nhét tất cả những con thú nhồi bông lên kệ sách.

Cũng vậy đó, giống như trong đời sống hàng ngày với bao lo lắng bận rộn (Stress): trong khi chúng ta tìm cách đón nhận những cái mới thì lại nhớ đến những chuyện trước đây chúng ta chưa giải quyết xong. Như là những con thú nhồi bông của mẹ tôi trên kệ. Không bao lâu nữa thì kệ sẽ bị đầy và đổ ngã. Một khi những chuyện đó xảy ra trong đầu mình thì người ta gọi là **suy biến thần kinh (Nervenzusammenbruch)**.

Nếu mẹ tôi đem một vài con thú tặng những người quen hay một hội từ thiện nào đó thì kệ sách có nhiều chỗ chứa hơn và mẹ tôi cũng sẽ để tâm đến từng con thú và có những niềm vui với từng con hơn.

Khi nào Bạn có những kinh nghiệm mới, Bạn hãy từ giã những ý nghĩ, những lo âu cũ đi. Bạn đừng nên nói như mẹ tôi: chuyện đó không được vì nó có những giá trị quá lớn.

Bạn hãy dọn chỗ trống trong đầu óc Bạn, Bạn sẽ tránh được sự loạn xạ trong đầu, và như vậy món quà mới sẽ được Bạn để tâm đến hơn. Và như vậy Bạn sẽ có nhiều niềm vui về nó hơn.

Bạn hãy dọn kệ sách trong đầu Bạn có chỗ trống để Bạn có thể đón chờ một món quà mới: **Hiện Tại, đó là Bây Giờ và Ở Đây.**

Định luật 15 giây

Nghiên cứu tâm lý học cho biết: những lời khen sẽ chỉ được người nghe nhận thức sau ít nhất là 15 giây còn lời phê bình thì ngay lập tức:

„Tại sao họ lại có thể nói như vậy?”

„Họ ngu xuẩn hay xin rượu?”

„Hay họ có một ý đồ gì tệ hại?”...

Bởi vậy khi Bạn muốn nói với vợ Bạn, nàng là một con người tuyệt vời hay với ông chồng Bạn, ông ta là người mà Bạn nể trọng nhất trong thế

gian này, thì Bạn nên cầm một đồng hồ đo giây trong tay và phải nói liên tục.

Bởi vì họ chỉ cảm nhận được lời khen trên sớm nhất sau khi nó được kéo dài hơn 15 giây.

Phương pháp bánh Sandwich

Thỉnh thoảng chúng ta phải phê bình một số người. Nhưng thường chúng ta làm một cách vụng về khiến người ta bị đụng chạm. Sau đó chúng ta tự cảm thấy áy náy và trong tương lai chúng ta sẽ không tạo được một cái vòng đối thoại cần thiết (Feedback).

Nhưng trong một cơ xưởng cạnh tranh mà người dẫn đầu không tạo ra được một vòng đối thoại để chỉ rõ những lỗi lầm, thì cơ xưởng đó sẽ sạt nghiệp. Giả sử bạn là Huấn luyện viên của một đội thể thao mà không biết phê bình thành viên trong đội vì ngại đổ vỡ, thì đội của bạn sẽ thua dài dài.

Nên làm như vậy:

Trước hết bạn phải khen người mà bạn sẽ phê bình. Có thể vẽ đậm lời khen một chút cũng chả sao. Nhưng bạn phải dựa trên sự thật.

Lời khen này có ý nghĩa cho người ta biết là bạn tôn trọng họ. Khen những thành quả mà họ đã đạt được và nhất là làm cho họ hiểu là bạn tôn trọng giá trị của họ.

Lời khen là chìa khóa mở cửa lồng tai của họ. Thường thì chúng ta không chú ý đến những gì mà người khác nói mà chỉ lắng nghe những gì ta muốn nghe thôi. Bởi vậy lời khen cũng như miếng mồi nhử cho họ rời khỏi khu vực an ninh và sau đó có thể lắng nghe.

Dĩ nhiên là sau đó là „cú búa phê bình“ (Hammer der Kritik). Nhưng lúc đó thì những lời phê bình có thể đi vào đôi tai đã mở rộng.

Tiếp đến bạn sẽ thêm một lớp khen thưởng nữa, để cho họ hiểu rằng họ là một người có nhiều đức tính tốt mà bạn yêu mến, và chỉ có một hay hai lỗi lầm mà mình muốn nhắc đến.

Kết quả là người bị phê bình sẽ dễ chấp nhận những phê bình mà không có cảm tưởng là chúng ta coi thường họ. Và là người chịu trách nhiệm cho cả đội bạn đã làm xong bốn phần: tìm ra những lỗi lầm mà không tạo ra mâu thuẫn khó chịu cho cả đôi bên.

Tại sao người ta gọi nó là „Phương Pháp Bánh Sandwich“.

Vì lớp đầu -những lời khen- là lớp bánh căn bản dưới đáy, lớp thứ hai nằm ở trên cũng là lời khen. Và Phê bình được xếp vào lớp bên trong ruột bánh.

Tốt nhất là 70 %

Trước khi trở thành tăng sĩ tôi làm nghề thầy giáo tại một trường trung học ở Anh quốc. Tôi có thể nói với bạn là đời sống giáo sư trong những lớp trẻ em mới lớn tuổi dậy thì (Teenager) là một công việc rất gian nan đến nỗi mỗi giáo sư trước sau gì cũng sẽ bỏ nghề này để trở thành tăng sĩ, như tôi chẳng hạn.

Trước khi phải tổ chức một kỳ trắc nghiệm về môn toán cho lớp tôi phụ trách, tôi đã tìm đến xin ý kiến của một vị giáo sư lớn tuổi nhiều kinh nghiệm hơn. Ông ta khuyên tôi không nên ra đề quá khó. Nếu chỉ 30 hay 40% giải được đề toán thì sự kiện đó sẽ tạo cho học sinh trong lớp nản lòng. Họ có cảm tưởng là môn Toán quá khó và không muốn học nữa. Nhưng nếu ngược lại đề thi quá dễ và kết quả 90% hay 100% làm được thì kỳ thi sẽ không đem lại một lợi ích nào cả. Và cuối cùng ông ta khuyên tôi nên chọn đề tài vừa phải để chừng 70 % học sinh trả lời được; 30% câu hỏi mà học sinh không trả lời sẽ giúp tôi biết được là những gì chưa rõ và sẽ là đề tài cho những giờ học còn lại.

Tóm lại trong kỳ thi 70% để làm cho học sinh tin tưởng vào khả năng hấp thụ của mình và 30-40% còn lại sẽ khuyến khích cho những kỳ học tiếp theo.

Sau này tôi nhận thấy phương pháp 70 và 30% cũng là một phương pháp cho đời sống.

Trong đời sống nếu bạn chỉ thực hiện được 30-40 % thôi thì bạn sẽ nản lòng. Nếu bạn thực hiện được 90-100 % mục tiêu đặt ra thì bạn sẽ không tiếp tục học được gì nữa và bạn cũng sẽ bỏ cuộc.

Nếu đời bạn thành công đến con số kỳ lạ 70% kia, thì bạn có đủ thành công để còn hứng thú tiếp tục làm việc và bạn cũng có đủ thất bại (30%) để tiếp tục trau dồi học tập xây dựng một **Đời Người** xứng đáng.

Tĩnh lặng nội tại

Lão Tử, vị khai sinh đạo Lão nổi tiếng ở Á Đông, thường cho phép từng vị đệ tử của Ngài được theo gót Ngài trong những buổi đi dạo mỗi chiều. Nhưng ông ta đưa ra một điều kiện là cấm người theo hầu trong suốt buổi đi dạo không được thốt lên một lời nào cả.

Một ngày kia đến phiên một đệ tử mới nhập môn được lựa chọn để theo hầu Ngài. Đúng lúc mặt trời vừa lặn xuống thì hai thầy trò cũng vừa đến đỉnh một ngọn núi.

Ở hướng Tây vừa mở ra một áng trời màu vàng đỏ, những cánh mây vàng vừa kéo dài như

đang treo lên bầu trời một tấm biển trời rực rỡ. Trước cái đẹp thiên nhiên lạ kỳ, vị đệ tử đột nhiên thốt lên: **„Ồ! Cảnh trời hoàng hôn tuyệt vời“**.

Và như vậy vị đệ tử đã phạm vào luật tịnh khẩu.

Lão Tử yên lặng và liền quay gót ngay xuống núi và từ đó cấm vị đệ tử này theo hầu trong những buổi chiều đi dạo núi.

Những người quen biết vị đệ tử này tìm cách bào chữa. Thật ra ông ta chỉ nói một câu, mà lại một câu rất ngắn. Và thật ra thì câu ca tụng về đẹp thiên nhiên của một buổi hoàng hôn đâu có gì tệ hại.

Lão Tử giải thích: *Ngay khi người đệ tử mở miệng nói „cảnh hoàng hôn tuyệt vời“ thì chính là lúc mà ý không còn ý thức được nữa về cái Đẹp mà chỉ còn tìm cách sắp xếp trong đầu tư tưởng để giải thích hiện tượng bằng lời“*.

Giải thích về một hiện tượng và cảm nhận hiện tượng đó là hai việc khác nhau.

Cũng giống như sự khác biệt giữa tấm bảng chỉ đường và nơi chốn tấm bảng chỉ đến.

Trí thức và sự cảm nhận khác nhau. Nhiều người chỉ muốn đem trí thức tìm hiểu và phân tích về sự tĩnh lặng nên chẳng bao giờ đạt đến nó.

Nhưng làm sao để tìm được sự tĩnh lặng nội tâm?

Bài thực tập sau đây sẽ hướng dẫn bạn tìm Tĩnh Lặng Nội Tâm và bạn sẽ cảm thấy thoải mái khi đạt đến:

1. *Bạn hãy ngồi thoải mái yên lặng, nhắm hai mắt và hãy để một hai phút cho cơ thể Bạn thư giãn, lắng xuống.*

2. *Thay vì suy tư, Bạn hãy lặp lại các chữ „namo tassa“*

3. *Tiếp đến hãy bắt đầu giữa mỗi chữ cái Bạn ngừng và chậm lại một vài giây:*

Na... Mo... Tas... Sa...

Na... Mo... Tas... Sa...

v.v...

4. *Bạn kéo dài sự ngừng chậm thêm một vài giây nữa giữa những chữ:*

Na... Mo... Tas... Sa...

và tiếp tục kéo dài thêm.

5. *Nếu kéo dài quá, khi đó Bạn thấy một ý nghĩ vờ vẩn trong đầu nảy ra, thì Bạn lại rút ngắn lại sự ngừng chậm đó. Như vậy Bạn sẽ dần lui được những ý nghĩ đó.*

Rồi sau đó Bạn lại tìm cách trải dài nó ra lại.

6. *Sau một thời gian, sự ngừng chậm giữa các chữ cái sẽ tìm được ra nhịp điệu kéo dài mà không tạo ra các suy nghĩ vờ vẩn.*

Và với khoảng trống này, Bạn sẽ tìm được một sự Tĩnh Lặng Nội Tâm kỳ diệu.

Nhưng "Namo Tassa" là gì?

Không quan trọng đâu bạn!

Có thể tốt nhất là bạn không cần biết nó có ý nghĩa gì, vì khi biết được thì trí óc bạn sẽ bắt đầu suy nghĩ lung tung.

Ngón tay quan trọng

Năm ngón tay trong bàn tay tranh cãi nhau kịch liệt để dành vị trí quan trọng nhất.

"Tôi là ngón tay quan trọng nhất" Ngón tay cái lên tiếng: "vì tôi mạnh nhất, và lại khi tôi giơ ngón lên hướng chỉ thiên là người ta biết là việc đó được khen ngợi".

"Ồi chu chóa!" Ngón tay trỏ phản đối: "Tôi là ngón tay quan trọng nhất. Là ngón tay của sự Hiểu Biết. Bởi vì ngón tay này chỉ cho người ta biết đến những chỉ dẫn".

"Tức cười quá đi!" Ngón tay giữa đưa đũa chọc: "Tôi là ngón dài nhất bởi vậy có được cái nhìn xa nhất. Ngay cả Đức Phật cũng nói là Con đường Trung Đạo, Con đường ở giữa sẽ dẫn đến Chánh Pháp và tôi đứng vị trí ở giữa. Xin lỗi là tôi đã làm các Bạn thất vọng".

Bấy giờ ngón tay áp út mới lên tiếng:

"Tôi là ngón tay của Tình Yêu, khi người ta yêu nhau hay người ta hứa hôn với nhau thì người ta đeo cho nhau chiếc nhẫn vào đây. Tóm lại tôi là ngón tay Tình Yêu mà Tình Yêu là sức mạnh lớn nhất trong thế giới này và chính vậy tôi là ngón quan trọng nhất".

"Xin lỗi" bây giờ ngón ta út nhỏ nhẹ lên tiếng: "Tôi tự biết là mình không lớn lắm, cũng không mạnh lắm nữa. Chính vậy mà nhiều người coi thường không thèm để ý đến. Nhưng mà tôi là ngón tay quan trọng nhất. Có thể Bạn coi thường nó vì người ta lấy ngón tay này để làm một số việc dơ dáy như lấy nó để ngoáy cút rái lỗ tai... Nhưng nếu Bạn chấp hai tay lại để đánh lễ Như Lai, thì ngón tay út là ngón gắn gửi Đức Phật nhất. Bạn có thể nhìn thấy đây này".

Trong mỗi đạo tràng, trong mỗi gia đình và ngay cả trong chùa này nữa, thành phần quan trọng nhất là những thành phần khiêm nhường, ví dụ là những vị dọn vệ sinh hay làm các việc thấp hèn trong chùa.

Bởi vì họ gắn gửi Đức Phật nhất, cũng giống như ngón tay út vậy.

• Văn Công Trâm

08.2019

HOA SEN TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

• Nguyễn Văn Ngưu



Hoa sen hồng, hoa Quốc Gia

Qua ngàn năm lịch sử, người Việt có nhiều gắn gũi và gắn bó với hoa sen hơn các loại hoa khác. Người Việt có một gắn gũi với nước và lúa nước và hoa sen cũng có một gắn gũi với nước và bùn đất giống như người Việt và cây lúa nước. Trên toàn nước Việt Nam, từ Bắc vào Nam, đâu đâu cũng có hoa sen. Ngoài những cánh đồng lúa, mỗi một làng Việt Nam truyền thống đều có một lũy tre xanh, một cây đa và một ao hay hồ sen.

Với người Việt, hoa sen là một loại hoa đặc biệt bởi vì nó không chỉ là một bông hoa như các bông hoa khác mà còn là một biểu tượng cho sự trong sạch thanh cao. Hoa sen thường được trồng làm cây cảnh ngoại thất, trồng trong ao hồ nhân tạo hay tự nhiên. Hoa sen có nhiều màu sắc khác nhau, và mỗi màu sắc thì lại mang một ý nghĩa riêng biệt: hoa sen xanh da trời (blue lotus), hoa sen trắng (white lotus), hoa sen đỏ (red lotus), hoa sen tím (purple lotus), hoa sen hồng (pink lotus). Hoa sen hồng là loại cây cảnh đẹp, được nhiều người Việt thích nhất. Trong năm 2011, hoa sen hồng được chọn là Hoa Quốc Gia (national flower).

Hoa Sen Trong Văn Hóa Của Người Việt

Từ bao đời nay, hoa sen đã đi vào lòng, vào cuộc sống, và văn hóa của người Việt. Nếu hoa đào chỉ phổ biến ở miền Bắc, hoa mai là đặc trưng của phương Nam thì hoa sen được trồng phổ biến ở cả 3 miền của đất nước. Khóm sen nổi trội lên giữa đầm nước mùa hạ trong xanh dưới ánh nắng trời. Sắc lá xanh tươi như những chiếc ô xinh xắn nhô lên mặt nước, mát mắt, ưa nhìn. Bông sen mở cánh sáng lên dưới nắng trời,

tỏa hương ngào ngạt từ nhị hoa vàng. Hoa sen, mặc dù lớn lên từ đầm lầy, biểu dương cho sự trong sạch, một cam kết và là một lạc quan cho tương lai.

Với người Việt, bông hoa sen tượng trưng cho sự thanh cao, bất khuất của người quân tử, giữ chặt lòng mình trước cám dỗ của lợi danh, giữ cho mình sự trong sạch dù ở giữa chốn bùn nhơ. Từ thời xa xưa người Việt đã từng ấp yêu bài ca dao nổi tiếng dưới đây.

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng

Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Vào ban đêm, hoa sen khép kín và ngâm mình xuống dưới nước. Vào bình minh hoa sen vươn lên khỏi nước và nở ra trở lại. Tiến trình nở và khép này của hoa sen giúp hoa sen khỏi đụng chạm với dơ bẩn và giữ được cái trong sạch của nó. Do vậy, trong văn hóa Việt Nam, hoa sen không chỉ là loài hoa đẹp mà còn là biểu tượng văn hóa trong tâm thức người Việt, là biểu tượng của nhân cách người Việt. Hoa sen cũng chính là biểu tượng của sự hoàn hảo, thuần khiết, tượng trưng cho bản chất nguyên thủy của trái tim.

Hoa Sen Trong Tình Yêu Của Người Việt

Hoa Sen có vai trò và vị trí đặc biệt cả về tâm linh và văn hóa của người Việt. Hoa sen là hình ảnh đại diện cho tình yêu trong sáng, thủy chung, sự đam mê trong tình yêu và không vướng phải những sai trái. Thuở xưa, ở Việt Nam, các cậu trai muốn tỏ tình yêu thương các cô gái thường tặng hoa sen. Ca dao dưới đây nói về hoa sen và tình yêu của một chàng trai ở nông thôn trong khi anh ta đi tát nước cho ruộng lúa.

Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen

Em được thì cho anh xin

Hay là em để làm tin trong nhà?

Theo quan niệm phong thủy, nếu bạn đang mong muốn có một tình yêu chân thực trong đời và sắp tới muốn tiến đến một cuộc hôn nhân hạnh phúc, nên dùng biểu tượng hoa sen hoặc trưng hoa sen trong nhà, ở môi trường làm việc. Hoa sen mọc lên từ bùn lầy song vẫn tinh khiết, thanh tao, không hề bị ô nhiễm bởi bùn lầy mà còn có khả năng làm nước đục trong đầm lắng trong. Nước ở hồ sen ở thôn quê do đó thường trong xanh thích hợp cho việc tắm rửa của con người.

*Rủ nhau ra tắm hồ sen
Nước trong bóng mát, hương chen cạnh mình
Cứ chi vườn ngọc, ao quỳnh
Thôn quê vẫn thú hữu tình xưa nay*

Hoa Sen Và Người Phụ Nữ Việt Nam

Hoa sen còn là loài hoa tượng trưng cho vẻ đẹp hình thể và tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Ý nghĩa hoa sen gắn với hình ảnh người phụ nữ Việt trong tà áo dài thướt tha, đầu đội nón lá và tay ôm bó hoa sen, khiến người nhìn cảm thấy xuyên xao. Cùng với đó, sức sống của hoa sen có những điểm tương đồng với đức tính của người phụ nữ Việt, chịu thương chịu khó, luôn hy sinh và khiêm nhường, song cũng thật mạnh mẽ và nổi bật.

*Cổ tay em trắng như ngà
Đôi mắt em liếc như là dao cau
Nụ cười như thể hoa ngâu
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen*



Hoa Sen Và Phật Giáo Việt Nam

Phần lớn người Việt (chừng 80%) nghĩ rằng họ là người theo đạo Phật và do đó họ luôn có suy nghĩ về vị trí của hoa sen trong giáo lý và huyền bí của đạo Phật. Bạn có thể thấy khắp nơi trong Việt Nam tượng đức Phật ngồi trên một hoa sen. Sự hình thành của hoa sen diễn ra theo qui luật nhân quả luân hồi và hoa sen trở thành biểu tượng trong nghệ thuật của Phật giáo Việt Nam. Hoa sen tượng trưng cho vẻ đẹp thần bí, huyền ảo, tư tưởng sâu kín. Sự hiện diện của hoa sen ở chùa hay ở đền chùa làm giảm đi nhuệ khí sân si dục vọng của các tu sĩ và làm người khách cảm thấy lòng lâng lâng thả hồn về cõi hư vô, ấy cũng nhờ mùi hương thơm nhẹ nhàng của hoa sen.

Trong Phật giáo, hoa sen được biết đến với sự tinh khiết, thức tỉnh và trung thành bởi vì nó mọc lên từ những vùng nước bùn lầy, hôi bẩn song lại giữ được bản thân hoàn toàn trong sạch. Hoa sen biểu trưng cho giá trị đạo đức, sự thuần

khiết và thánh thiện, sự duy trì và phát triển Phật pháp. Do đó, hoa sen là mô típ tạo hình cho cả Thiên môn: Đức Phật từ bi tọa trên đóa sen, Phật Quan Âm ngồi trên đài sen và khi lễ Phật hai bàn tay chắp lại làm thành hình hoa sen chưa nở. Hoa sen là ẩn tượng trong các công trình xây cất nổi tiếng của Phật giáo Việt như chùa Một Cột, tháp Cửu Phẩm liên hoa ở chùa Bút Tháp, chùa Tây Phương.

Hoa Sen Trong Nghệ Thuật Việt Nam

Hoa sen mang ý nghĩa biểu tượng đặc biệt trong văn hóa Việt Nam, nó xuất hiện trong các loại hình nghệ thuật: thi ca, sân khấu, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, trang trí. Hoa sen là quốc hoa có thể thấy rõ trong các vật chứng lịch sử còn được lưu lại đến ngày nay, như các họa tiết trang trí hoa sen trong các đình, đền, chùa và nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc, trang trí khác, đặc biệt là vào thời Lý, Trần.

Hoa sen cũng là loài hoa duy nhất được làm bằng đồng, bằng gỗ và xuất hiện trên bàn thờ của người Việt. Chùa Một Cột (còn gọi là Chùa Diên Hựu) xây trong năm 1049 dưới thời vua Lý Thái Tông là hình ảnh của đóa sen nổi trên hồ nước là một tiêu biểu cho kiến trúc Việt Nam.



Ở Việt Nam, đề tài hoa sen xuất hiện khá sớm trong nghệ thuật tạo hình, hầu như ở thời nào cũng được các nghệ nhân thể hiện trong các đồ án trang trí của nơi thờ tự hoặc ở các công trình văn hóa của cộng đồng như (a). Tại khu vực đền vua Đinh và đền vua Lê, ngoài đề tài trang trí chim phượng còn có đề tài hoa sen, (b) Các viên gạch lát nền, các đài hoa sen, các bệ tượng Phật bằng hoa sen trong các thời vua nhà Lý, (c). Cánh hoa sen bằng gốm sứ từ triều đại vua Lý (1009 – 1225) được chưng ra tại thành cổ Thăng Long ở Hà Nội, và (d). Các đồ án hoa sen với phong cách hiện thực sinh động trên một số gốm hoa nâu thời vua nhà Trần.

Hoa Sen Trong Văn Hóa Âm Thực Việt Nam

Các cánh hoa được sử dụng để tô điểm món ăn, lá sen to được dùng để gói thức ăn. Thân rễ (ngó sen) có thể dùng chế biến nhiều món ăn (xúp, canh, món xào) và là phần được dùng nhiều nhất. Nhụy hoa phơi khô dùng để ướp chè/trà. Các hạt nhỏ lấy ra từ gương sen có thể ăn tươi (khi non) hoặc sấy khô và cho nổ tương tự như bỏng ngô. Hạt sen già cũng có thể luộc cho đến khi mềm và được dùng trong các món như chè sen hay làm mứt sen.



Sen hồ Tịnh Tâm của Cố đô Huế ngày xưa được dùng để ướp trà cho vua. Người ta ướp trà vào ban đêm. Khi sen vừa hé nhụy là lúc trời đất đang giao hòa, hương còn rất đượm. Trà được đặt vào trong lòng hoa rồi dùng dây buộc lại, ép không cho hoa nở ra, để qua hết đêm trà sẽ hấp thụ toàn bộ hương sen. Sáng hôm sau thì thu trà, trà sen Huế vì thế có hương thơm thanh khiết và đậm đà đến say lòng.

Người Huế dùng hạt sen tươi để nấu chè. Ngoài ra, người Huế còn dùng hạt sen để nấu cơm sen rất nổi tiếng trong các món ăn truyền thống Huế. Trong những món ăn "bát bửu", cơm sen xuất hiện với một phong cách rất Huế. Ngoài miền Bắc, người ta thường dùng lá sen để gói cốm. Những hạt cốm xanh màu ngọc thạch trở nên dẻo và thơm lâu hơn khi nằm trong lòng chiếc lá sen tươi.

Mùa Hoa Sen Nở

Từ bao đời nay, hoa sen đã đi vào lòng, vào cuộc sống, và văn hóa của người Việt. Nếu hoa đào chỉ phổ biến ở miền Bắc, hoa mai là đặc trưng của phương Nam thì hoa sen được trồng phổ biến ở cả 3 miền của đất nước. Ở miền Bắc Việt Nam, hoa sen có thể bắt đầu nở sớm nhất vào tháng ba dương lịch (hay March). Song le, thông thường thì bạn có thể ngắm những bông hoa sen đẹp ở Hồ Tây ở nội thành Hà Nội bắt đầu từ đầu hè, khoảng tháng 5 âm lịch (hay June). Cứ đến thời điểm này, ngoài những gánh hàng rong để dành bắt gặp ở bất kỳ đâu trên

phố thì bạn còn có thể đến những khu chợ hoa Quảng An, chợ Đồng Xuân để tìm mua cho mình những bó sen đẹp nhất.

Ở miền Trung Việt Nam, sen từ xưa đến nay đã rất gần bó với con người xứ Huế. Dạo quanh thành phố Huế xinh đẹp vào những ngày hè khoảng tháng 6, tháng 7 dương lịch, bạn có thể dễ dàng bắt gặp những hồ sen ở quanh Đại Nội nở hoa rực rỡ với hai màu sắc chính hồng và trắng, kết hợp với màu xanh của lá tạo nên một không gian cực kỳ nên thơ, lãng mạn. Có thể nói rằng hoa sen ở hồ Tịnh Tâm là đẹp nhất mảnh đất cố đô này. Ngoài khu vực Đại Nội và hồ sen Tịnh Tâm ra, hồ sen ở thị xã Hương Trà, hồ sen ở làng La Chử cũng rất đẹp.

Ở miền Nam Việt Nam, hoa sen bắt đầu nở sớm nhất vào tháng tư âm lịch (hay May). Ở đầm sen Tam Đa ở quận 9 của thành phố Sài Gòn mùa hoa sen nở rộ là từ tháng 6 đến tháng 9 dương lịch – cả đầm có một màu xanh ngát với hàng nghìn cánh hoa khoe sắc hồng.

Tuy nhiên, tỉnh Đồng Tháp ở Đồng bằng sông Cửu Long là tỉnh có nhiều đầm và ruộng hoa sen nhất ở Việt Nam, như được diễn tả qua các câu ca dao sau.

Thấy dứa thì nhớ Bến Tre.

Thấy bông sen nhớ đồng quê Tháp Mười

Hay:

Ai về Đồng Tháp mà xem

Bông sen, bông súng nở chen lúa vàng

Tháp Mười từ lâu vốn dĩ nổi tiếng với những ao sen tỏa hương thơm ngát cùng khí hậu trong lành mát mẻ. Vào mùa nước nổi, Tháp Mười càng thu hút du khách bởi khắp nơi sen hồng khoe sắc. Đồng sen Tháp Mười tọa lạc tại xã Mỹ Hòa, huyện Tháp Mười, cách Thành phố Cao Lãnh khoảng 40 km và cách Sài Gòn tầm 160 km.

Cứ vào mùa nước nổi khoảng từ tháng 8 đến tháng 11 hằng năm là Đồng Tháp Mười lại vào mùa sen nở rộ. Sen trong ao hồ, sen ở kênh rạch, sen ngay trong ruộng lúa. Sen thường nở vào buổi sáng, khi những tia nắng sớm bắt đầu le lói, nụ sen e ấp bắt đầu chớm nở. Khoảng thời gian từ trưa cho đến khoảng 3 giờ chiều là lúc sen đẹp nhất, lúc này, những bông sen kiêu hãnh khoe sắc tỏa hương dưới ánh mặt trời. Xế chiều, sen chuyển sang hồng đậm rồi ngã dần sang đỏ khi mặt trời lặn. Trong 3 ngày sen sẽ nở theo chu kỳ như vậy rồi chuyển sang màu tím thắm và bắt đầu tàn. Cứ bông này tàn thì bông

khác lại mọc lên khoe sắc, cho nên Tháp Mười lúc nào cũng rực rỡ hoa sen.



Hoa Sen Và Kinh Tế Nông Dân Trong Những Năm Gần Đây

Trong những năm gần đây báo Nông Nghiệp Việt Nam có đăng một số tin về vai trò của hoa sen trong nền kinh tế của nông dân ở Việt Nam. Trong năm 2014, có nhiều gia đình tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và huyện Cai Lậy, thị xã Cai Lậy đã chuyển từ lúa kém hiệu quả sang độc canh cây sen. Sau khi trừ đi chi phí, lợi nhuận trồng sen đạt trên 100 triệu đ/ha/vụ (Ref 1). Trong năm 2015, ở tỉnh Hậu Giang đã có những ruộng sen bạt ngàn sau khi nông dân tranh thủ trồng sen trên những vùng đất trũng, trồng lúa vụ giữa không trúng như các vùng khác. Hoa sen chỉ được trồng sau khi cắt lúa Hè Thu. Trồng sen không chỉ giúp nhiều gia đình thoát nghèo mà còn tạo việc làm cho nhiều lao động nông thôn (Ref 2).

Năm 2018, ngoài thu nhập từ việc bán hạt sen, đầm sen ở xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nở rộ đã tạo nên bức tranh đồng quê thơm ngát và chỉ trong 3 tháng hè có rất nhiều đoàn khách tới tham quan, mỗi đoàn chỉ 20.000 đồng tiền vé (Ref 3). Cũng trong năm 2018, những đầm sen bên con đê Ngọc Tảo ở xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ, Hà Nội nở rực màu hồng của hoa sen. Người người tấp nập ra vào đầm tham quan, mua sen (Ref 4)

Nguyễn Văn Ngươi

(Tập san Việt Học – Viện Việt Học-Institut of Vietnamse Studies)

1. Ref 1: <https://nongnghiep.vn/trong-sen-de-ban-lai-kha-post127662.html>
2. Ref 2: <https://nongnghiep.vn/thu-nhap-cao-nho-trong-sen-post151448.html>
3. Ref 3: <https://nongnghiep.vn/khuyen-nong-vien-trong-sen-cao-san-tren-que-lua-post242453.html>
4. Ref 4: <https://nongnghiep.vn/dam-sen-xu-doai-thu-ca-trieu-dong-moi-ngay-post245718.html>

Hoa Lưu Ly nở trên cành diêu hương...



*Mùa Xuân, thơ ngát trầm hương
Dâng lời tôn kính cúng dường Như Lai
Hương từ bi, ánh dương ngời
Cho đời nhân ái, cho người sống vui
Xuân hoan hỷ đến muôn loài
Đón xuân mở cửa... Thơ cười hân hoan
Ba ngàn thế giới thanh thang
Hòa vui trong ánh đạo vàng Thế Tôn
Chúng con thành kính dâng hương
Tạ ân Chư Phật mười phương gió lành
Mây trời tươi cánh đàn thanh
Phúc duyên phải tự nhân lành kiếp xa
Mùa Xuân hạnh nguyện thiết tha
Cành Mai đũa gió la đà, nắng xuân
Trường A Hàm, sáng Chân Tâm
Đường xuân hoa nở... Cánh xuân Ưu Đàm,
Mùa xuân mở cửa... trần gian
Mùa xuân vạn hạnh, Phật ban phước lành...
Trời thanh thanh...
Nắng thanh thanh...
Hoa Lưu Ly nở trên cành diêu hương
Tâm hương thành kính cúng dường
A Di Đà Phật mười phương gió lành...*

• **Tuệ Nga**

Mùa Xuân Thành Phố Hoa Hồng

NIỆM PHẬT LÀ CON ĐƯỜNG VĨNG SANH CỰC LẠC

• Phương Quỳnh (Diệu Thiện)

Niệm Phật là phương pháp thực hành rất phổ biến trong Phật Giáo Đại Thừa, đặc biệt là Tịnh Độ Tông hay còn được gọi là Pháp môn Niệm Phật. Nhưng nếu thuần túy chỉ niệm Phật mà thôi, thiếu tu học thì chúng ta có thể tái sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc được hay không?

Tính cốt lõi của pháp môn Niệm Phật là lấy Minh tâm (trong sáng) làm công yếu, lấy Hạnh môn (tịnh tâm) làm chính yếu. Tu và học phải đi đôi với nhau. Tu là thay đổi bản chất, tánh nết của mình cho được tốt hơn, cho được thiện lành hơn -đó mới là tu tâm dưỡng tánh. Còn Học là để mở mang kiến thức, để hiểu và nhận ra những điều thiện lành. Vậy tu học là đôi chân vững chắc để chúng ta đi đến được bến bờ giác ngộ. Tu làm sao để nở tâm Bồ Đề, đừng nở tâm ganh tị. «Vấn, tư, tu» như lời Đức Phật dạy, trước tiên chúng ta phải lắng nghe, sau đó suy nghĩ để nhận biết rồi mới thực hành.

Khi niệm Phật chúng ta phải nhất tâm tưởng đến Phật hiện tại, giúp tâm chúng ta có chất liệu để thành Phật. «Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh» trong mỗi niệm Tâm cũng giống như mỗi niệm Phật. Niệm Phật làm cho Tâm mình không còn tham-sân-si; mà tham-sân-si cũng giống như là ao nước đục. Tu để gạn lọc Tâm ta làm cho vũng nước đục thành trong. Tương tự như vậy, niệm Phật giống như viên ngọc trị thủy làm cho nước đục thành trong. Vậy, niệm một danh hiệu Phật có thể biến tâm loạn trở thành tâm tịnh, đó là tâm Phật.

Giáo pháp của Đức Phật là «tối thượng và cố thắng». Vậy niệm Phật là pháp môn rất ráo, cứu cánh, vạch lối cho những hành giả thực hành các giáo pháp của Đức Phật để sớm thăng tiến trên con đường tu tập. Niệm Phật để đổi phiền não thành Bồ Đề, mà Bồ Đề là giác ngộ. Niệm Phật để loại trừ cái vọng trở thành cái chân, chuyển hư vọng thành chân như, gạn lọc tâm phàm phu trở thành tâm Phật. Phật tức tâm, tâm tức Phật «nhứt thiết duy tâm tạo».

Đời là khổ, nên chúng ta phải lấy «Tín, Hạnh, Nguyện» làm kim chỉ nam trong đời sống. Đời nằm trong phạm trù của pháp hữu vi, nên chúng ta phát tâm Bồ Đề và chuyên trì niệm

Phật để bước ra quỹ đạo đau khổ bởi làm được thân người đã là một nhân duyên thù thắng.

Trên con đường sanh tử luân hồi, vị thiên sư hay con người bình thường đều phải chịu luân hồi nhân quả như nhau. Thiên định về Tứ Vô Lượng Tâm là Từ-Bi-Hỷ-Xả là 4 giáo pháp của Đức Phật dạy. Quán chiếu tự thân và tâm của mình cùng với người khác mình là Một mà vô lượng cũng là Một. Tinh thần cộng trụ và cộng hưởng để quán chiếu dòng sông sanh tử, thân-thù đều bình đẳng. Đây là điều mà người vô minh không thấy được, cho nên hành giả nghe pháp bằng cảm xúc mới hiểu được và chú trọng vào 3 cách «vấn, tư, tu» vấn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Đức Phật dạy trước tiên phải biết lắng nghe, sau đó suy nghĩ rồi mới thực hành vì giáo pháp của Đức Thế Tôn vô cùng thâm sâu, vi diệu.

Trong kinh Phổ Môn có câu «từ nhân thị chúng sanh», mắt thương nhìn cuộc đời. Hãy nhìn người bằng cặp mắt rộng mở, đừng nhìn bằng cặp mắt cú vọ. Lời nói làm sao biểu lộ được tấm lòng chân thật, đừng làm một cách đạo đức giả; đó mới là tinh thần của lòng Từ Bi.

Chúng ta phải tập sống cho chúng sanh. Đó là theo tinh thần giáo pháp Bát Nhã. Tinh thần đó phải biết quán chiếu được «ngũ uẩn để trở thành giai không» là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tinh thần Từ Bi của đạo Phật ngay từng giây từng phút.

Bổ thí, trì giới, niệm Phật là phương tiện cho mỗi hành giả có được Phật tánh. Phương tiện là phải đưa đến sự thành công, đến mục đích.

Niệm Phật là phương tiện cho mỗi hành giả phát triển Phật tánh, phát tâm từ bi. Tâm con người phải gạn lọc giống như đất, nước trong đầm sen nên hoa sen mới có màu sắc đẹp đẽ và hương thơm thanh khiết.

Chúng ta đã biết rằng, bốn nguyện của Đức Phật cứu khổ tất cả chúng sanh. Khi Đức Phật thành đạo rồi, nghĩ rằng ta sẽ nhập Niết Bàn liền, nhưng Chư Thiên yêu cầu Ngài ở lại cõi Ta bà này. Ngài nhìn thấy trong hoa sen có đủ loại màu sắc..., thì ra chúng sanh cũng có vô số Phật tánh, nên Đức Phật lưu lại để cứu độ chúng sanh. Nếu chúng sanh chịu trì niệm Phật theo lời chỉ dạy của Đức Thế Tôn thì trong tương lai cũng sẽ thành Phật.

Chúng ta phải chuyên tâm khi trì niệm Phật và đặt trọn lòng tin vào Đức Phật A Di Đà thì khi vãng sanh chúng ta mới có hy vọng được Ngài rước vào cõi Tây Phương Cực Lạc đúng như lời nguyện cứu khổ chúng sanh của Ngài.

Vậy chúng ta cần củng cố niềm tin:

- **sống động** tin vào giáo pháp tối thượng của Đức Phật

- **tha thiết** tin vào Đức Phật A Di Đà cõi phước thiện

- **kiên định** để tin vào Tam Bảo, làm năng lực hộ trì cho Tam Bảo.

Tam Bảo đem lại không biết bao nhiêu lợi ích cho chúng sanh, còn giáo pháp của Phật đem lại không biết bao nhiêu nghìn trùng những điều hay vô cùng quý giá cho nhân loại.

Cho nên Phật, Pháp, Tăng là ba nơi để chúng ta nương tựa. Đã là Phật tử thì chúng ta phải luôn tín tâm vì nó như hạt giống tốt cần phải chăm sóc gìn giữ, đừng bao giờ để cho tâm bất thiện dẫn dắt mình làm những điều tội lỗi. Trong tinh thần của đạo Phật, Phật pháp là cánh cửa mở lối cho chúng ta hành trì theo lời Phật dạy.

Lòng từ bi không phân biệt hữu tình hay vô tình, nhưng trí tuệ giúp cho kiến thức chúng ta phân biệt thiện ác, hư vọng, chân như. Trì danh hiệu Đức Phật A Di Đà chưa phải là tối hậu, mà còn phải nhiếp tâm hướng về Đức A Di Đà thì năng lực trí tuệ cần thiết mới phát ra. Trì ra hơi mà không ra tiếng là Kim Cang trì. Niệm thầm gọi là nhiếp tâm. Niệm to là cao tăng niệm.

Tiền thân của Đức Phật A Di Đà trong lời nguyện thứ 32 có ghi rõ: *«Giả sử khi tôi thành Phật, từ mặt đất lên đến hư không, những cung điện, lâu đài, ao nước, cây hoa, tất cả vạn vật trong nước tôi đều dùng vô lượng châu báu, trăm ngàn thứ hương hiệp lại làm thành xinh đẹp kỳ lạ hơn hàng thiên nớ. Hương ấy xông khắp vô lượng thế giới mười phương. Bồ Tát nghe mùi hương ấy đều tu hạnh Phật. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác».*

Tịnh Độ có vô lượng cõi: Đông, Tây..., nhưng Cực Lạc chỉ có một mà thôi. Tu Tịnh Độ không phải chỉ là niệm Phật mà còn phải tích Phước. Tối hậu của Niệm là vô Niệm, tiến dần đến mức độ trong sáng là vô lượng quang, nên trong kinh Kim Cang chỉ Phật trong Tâm.

Pháp Niệm Phật là nương nhờ đến Đức Phật để chuyển hóa Tâm mình mong được giải thoát như Ngài Vĩnh Minh (Diên Thọ) vừa tu Thiền vừa tu Tịnh Độ. Mà Tịnh Độ luôn có thêm Thiền.

Trì niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà và Chư Bồ Tát sẽ được một lực rất mạnh, nên Ngài Phật Ấn thuê người niệm Phật «Nhất tâm của Tịnh Độ là niệm tất cả».

Niệm Phật là thực hành những lời Phật dạy để chúng ta tiến gần hơn với Phật.

Niệm Phật sẽ có được ba công đức là vô lượng thọ, vô lượng quang và vô lượng công đức.

Tóm lại niệm Phật, hành trì, tích lũy công đức, phát Bồ Đề tâm tự độ và độ tha... là con đường Đức Thế Tôn dẫn dắt chúng ta sớm thoát khỏi luân hồi sanh tử. Thể tánh của vô minh vốn là giải thoát. Mỗi chúng sanh đều có mang nghiệp riêng của mình, đó là định nghiệp mà mình phải trả. Nghiệp là tài sản riêng của mỗi người, là sự tạo tác qua ba phạm trù Thân-Khẩu-Ý. Nghiệp thiện sẽ làm tư lương cho đời mình, năng lực của nghiệp giống như cỏ Cú nên mình phải tự lực giải thoát, còn Đức Phật A Di Đà chỉ là tha lực để mình nương tựa mà thôi.

Lời nguyện thứ 38 trong kinh Vô Lượng Thọ là nói về năng lực chiêu cảm của những sự không tốt. Giải thoát là cởi bỏ tất cả những sự trói buộc ngay khi còn đang sống, chứ không phải chờ đến khi chết. Vì thế thể tánh của vô minh vốn là giải thoát. Là Phật tử chúng ta phải luôn nhớ giữ giới luật, ba điều thiết yếu là: từ bỏ, nên làm, bổ sung.

Trong giới luật: Phật Bảo là tánh giác ngộ, Phật Tăng là hoàn thành giác ngộ, Phật Pháp là không làm tổn hại người khác. Trong Thánh pháp luật của Như Lai không có giai cấp và nô lệ. Trong kinh Pháp Hoa: giáo pháp của Đức Phật chỉ có ba câu :

- không làm điều ác
- làm việc lành
- giữ tâm ý trong sạch

Từ ba điều trên khai triển ra thành Kinh, Luật, Luận

Thưa quý hành giả, trên đây là những giáo pháp tôi ghi chép được qua những bài pháp thoại của Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác, Hannover-Đức Quốc; Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Viện chủ chùa Phật Đà San Diego-Hoa Kỳ; Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn, Viện chủ Tu viện Vô Lượng Thọ, Dresden-Đức Quốc và Đại Đức Thích Hạnh Giới, Tịnh Thất Viên Lạc, Varel-Đức Quốc trong khóa tu Phật thất lần thứ 11 từ ngày 22 đến 28.9.2019 tại chùa Bảo Quang Hamburg-Đức Quốc.

Chắc chắn những ghi chép nêu trên còn nhiều thiếu sót, mong quý Chư Tôn Đức và các đạo hữu thiện tri thức bổ sung thêm.

Thành kính niệm ân.

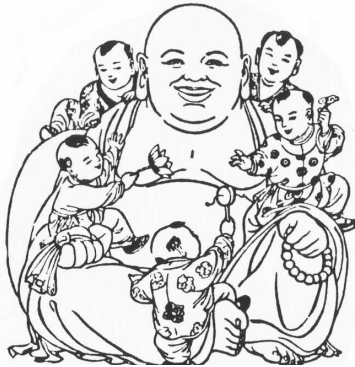
Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát.

Hamburg, tháng 10.2019

Phương Quỳnh (Diệu Thiện)

ĐỨC PHẬT DI LẶC VÀ SÁU CHÚ ĐIỀU

• Thích Nữ Giới Hương



Phật tử đến chùa đã quen dần với hình ảnh Đức Phật Di Lặc có sáu chú điều (lục tặc: 6 tên giặc) chơi giỡn, chọc léc và ngoáy rún của ngài. Hình ảnh đã để lại một bài học chánh niệm tự tại rất dễ thương.

Sáu chú tiểu đồng oanh vũ (phía trước 5 chú và 1 chú thứ sáu ẩn trong tâm không thấy) rất thơ ngây, tinh nghịch, phá phách và đại dột.

Tên của sáu điều theo thứ tự là:

- Nhãn Thức (cái biết phân biệt nơi thần kinh mắt),
- Nhĩ Thức (cái biết phân biệt nơi thần kinh tai),
- Ty Thức (cái biết phân biệt nơi thần kinh mũi),
- Thiệt Thức (cái biết phân biệt nơi thần kinh lưỡi),
- Thân Thức (cái biết phân biệt nơi thần kinh thân) và
- Ý Thức (cái biết phân biệt nơi thần kinh não).

Chú điều Ý Thức bé nhất và suốt ngày ở trong nhà tối. Chú không tiếp xúc bên ngoài, nhưng lại là đầu não ông vua chỉ huy năm chú kia ngoáy tai, chọc léc, phá lổ rún ông Phật bụng phê.

Năm chú (cái biết phân biệt nơi con mắt, cái tai, lỗ mũi, cái lưỡi và tấm thân) này là những tay sai trung thành luôn ngó ra ngoài não động lăng xăng, không định tĩnh, làm ác, hại người, phạm giới sát sanh, trộm cắp, nói láo, uống rượu... khiến tâm vương Ý Thức bên trong bị ảnh hưởng cứ thăng trầm lên xuống với những khổ vui, hờn giận, ham thích, uất ức, sầu não... đủ các thứ tâm sở kết màn vô minh. Hết ngày này trôi qua, ngày khác lại đến, các chú cứ vờn vờ trong vô minh đại dột nông cạn của những trẻ con. Câu chuyện đơn giản chỉ tượng hình như

vậy, nhưng ý nghĩa rất thâm sâu có khi cả đời chưa thực hiện được hai chữ "chánh niệm".

Chúng ta mỗi người đang nuôi sáu chú giặc này và nhận chúng làm mình, nên cứ lao xao, mất chánh niệm và không nhận được chân tướng ổn định hạnh phúc của tâm mình.

Một hình ảnh ngược lại, Đức Phật Di Lặc vẫn cứ cười tự tại 24 giờ trên 24 giờ, không bị xoay chuyển bởi những chọc phá của sáu tên giặc bởi lẽ Ngài đạt được chánh niệm, đạt được chủ quyền, cho nên Ngài có tên là A Dật Đa (Vô Năng Thắng) không có chú giặc nào vượt qua Ngài, Ngài là vô địch tướng quân, toàn thắng vô minh, nên cứ cười an vui hoài, tiếng Anh gọi ngài là Laughing Buddha (Ông Phật Cười).

Chánh niệm tỉnh giác nơi thân miệng ý, tự tại với sáu trần như Đức Phật Di Lặc là con đường duy nhất đưa đến giác ngộ giải thoát. Đạo Phật là đạo của tâm. Ai luyện tâm, làm chủ thân miệng ý, không phá phách như sáu chú giặc thì sẽ thành Vô Năng Thắng Di Lặc.

Vâng, kính chúc tất cả quý vị đều thành công như Đức Phật Di Lặc vậy!

Xuân Di Lặc Mai Vàng năm 2020

Thích Nữ Giới Hương

(huongsentemple@gmail.com)



Trong niềm thương tiếc của con cháu

Cụ Bà TẠ NGUYỆT TRINH
Pháp danh Diệu Tuyệt
Sinh ngày 26.8.1932
Đã tạ thế ngày 14.11.2019
tại Heilbronne, Đức.
Thượng thọ 88 tuổi.

Xin thành kính phân ưu cùng tang quyến.
Nguyện cầu hương linh Cụ Bà sớm vắng sanh nơi cõi Phật

Gia đình Thạch – Hà ở Kassel

NĂM TÝ NÓI CHUYỆN CHUỘT



● Tích Cốc Ngô Văn Phát

*Tuổi Tý con Chuột trong nhà
Tha gạo tha nếp tha dồn xuống hang*

Năm 2020 là năm Tý, năm con Chuột, con vật tuy nhỏ con nhưng lại được vinh dự đứng đầu mười một con vật to xương lớn xác khác trong Thập Nhị Chi. Tại sao? Tại vì theo truyền thuyết, ngày xưa Ngọc Hoàng mở đại hội triệu tập tất cả các loài vật đến tham dự, nhưng cuối cùng chỉ có 12 con đến tham dự, trong đó có chú Chuột.

Trên đường đi đến bệ kiến Ngọc Hoàng, chú Chuột thấy anh Trâu đang thủng thỉnh vừa đi, vừa ăn cỏ dọc đường, Chuột liền hỏi: *Này anh Trâu, anh đi đâu vậy?* Tôi đi châu Ngọc Hoàng, Trâu đáp. *Tôi cũng thế, vậy Anh và Tôi cùng nhau đi cho vui.* Trâu và Chuột đi một lúc, Chuột mở lời: *Anh Trâu ơi, anh lớn con đi mau, tôi chạy theo không kịp, xin anh làm ơn làm phúc cho tôi ngồi tạm trên lưng anh được không?* Được chớ, đâu có gì trở ngại. Chuột liền phóng một cái ngồi ngay trên lưng Trâu.

Khi Trâu đến cổng Trời, với bản chất khôn ranh lanh lợi, Chuột liền nhảy xuống đất chạy một mạch vào trình diện trước nhút nên đứng đầu số, rồi mới tới Trâu thứ hai, Cọp thứ ba, Mèo thứ tư vv....

Năm 2020, Chuột đứng vào hàng thứ 7 trong 10 Can là (Giáp-Ất-Bính-Đinh-Mậu-Kỷ-**Canh**-Tân-Nhâm-Quý) nên nó còn phải mang thêm một cái tên nữa là Canh nên gọi là **Canh Tý**.

● Nguồn gốc Chuột

Cho đến nay, các nhà khảo cổ học cũng chưa biết được các chú Tý đã có mặt trên trái đất này lúc nào, nhưng ước đoán rằng con người đã xuất hiện trên hành tinh này độ trên 2 triệu năm thì các chú Tý cũng có số tuổi gần cao như vậy. Chuột sống ở khắp mọi nơi trên trái đất, từ hang ngách đến ngõ hẻm, từ thành thị đến nông thôn vv....

Riêng ở nước ta, trên 75% dân sống bằng nghề nông, thì chuột là nỗi lo sợ lớn nhất đối với

người nông dân. Chúng nó phá hại mùa màng, nông phẩm, khoai, bắp, sắn vv... Nói tóm lại, trên đường sinh sống của chuột, nó phá hại từ thượng vàng đến hạ cám, không chừa bất cứ một vật gì, dây điện, ống nước cao su, túi nylon, ăn không được nó cắn phá cho bỏ ghét. Do đó thời Pháp thuộc, chánh quyền địa phương ra thông cáo:

* Nông dân nào bắt được chuột đem ra chợ bán đều được miễn nộp thuế hoa chi.

* Mỗi năm được tổ chức thi đua bắt chuột, ai giao nộp đuôi chuột nhiều, được chọn nhứt, nhì, ba, được thưởng tiền rất hậu.

● Các giống và sự sinh sản của chuột.

Chuột là loại động vật có vú, bộ gặm nhấm, mỏ dài, tai nhỏ, lông nhiều, đuôi dài, số lượng rất lớn nhờ chúng có khả năng sinh sôi rất nhanh. Chúng có thể đẻ từ 05-12 lứa/năm; 20 ngày là mở mắt, rời mẹ tự sống. Đến 2-3 tháng tuổi là có thể bắt đầu mang thai. Mỗi lần đẻ từ 4-8 con. Tuy nhiên tuổi thọ của nó ngắn, trung bình chỉ sống từ 1-2 hay hơn 3 năm, tùy theo môi trường chúng đang sống.

Chuột có rất nhiều loại, ngoài sự tác hại của nó gây ra cho con người, nó cũng còn cống hiến bản thân nó cho khoa học nữa.

Trong bài viết này, Tích Cốc chỉ liệt kê một vài loài chuột sống gần gũi nhứt với con người như:

● **Chuột cống:** To con, lông xù, có con lớn bằng con thỏ rừng. Ban ngày, nó ở dưới các ống cống trong thành phố,



đụng gì ăn nấy, từ gà vịt chết, đến đồ ăn hư thúi đổ xuống cống, cho nên nó thường bị ghẻ lở, ban đêm nó bò lên

khỏi miệng cống, vào nhà dân tìm thức ăn. Chính loại chuột này truyền bệnh dịch hạch cho con người.

Theo khảo sát, chỉ trong 1 năm, một cặp chuột cống tạo ra cả một đoàn con, cháu, chắt, chít cộng lại có thể lên tới mấy ngàn con!

● **Chuột đồng:** Lớn gần bằng con chuột



cống, ở hang trên gò cao hay ở theo bờ ruộng. Nó phá hại mùa màng, ăn cua, ăn cá, khoai bắp vv... Nông dân đào hang hoặc đặt bẫy bắt nó làm món ăn. Ở các tỉnh

miền Hậu Giang như Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá... người ta bắt chuột đồng lột da đem ra chợ bán. Các bà

nội trợ mua về chế biến ra nhiều thức ăn như bằm nhỏ xào sả ớt, xào lá cách, lá lốt, làm nhưn bánh xèo, hay rô ti nguyên con với nước dừa là những món ăn đưa cay hấp dẫn chẳng những cho bọm nhậu mà còn là món ăn bồi dưỡng cho người nông dân chân lấm tay bùn.

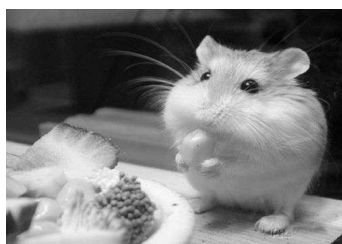
• **Chuột dừa:** Loại này gần giống như chuột



đồng, nhưng nó sống phần lớn ở trên cây dừa, ít khi nào bò xuống đất. Thức ăn của nó là nước và cơm dừa. Nó khoét một lỗ ở phần trên trái dừa rồi hút hết nước và ăn cơm dừa cho nên nó mập, thịt nó rất thơm ngon. Trái dừa bị nó khoét, vài ngày sau héo cứng rụng xuống đất. Do đó người ta dùng một cái ống tre làm bẫy với một miếng dừa nướng cho vàng để nhử nó rồi gác trên ngọn dừa để bắt nó vừa tránh được sự phá hại của nó, vừa làm thức ăn như nướng, cà ri... và nhứt là thịt chuột dừa mà rô ti với nước dừa thì khỏi chê.

Cách thức làm rô ti: Chuột làm xong, rửa sạch với rượu hay giấm hoặc chanh cho hết tanh. Sau đó ướp gia vị như ớt, tỏi, ngũ vị hương, nước mắm, đường, bột ngọt... để 20 phút cho gia vị thấm vào thịt. Xong bắt lên chảo xào sơ cho cháy cạnh, rồi đổ nước dừa vào, cho lửa liu riu và lật qua lật lại đến lúc vàng ươm là được. Người dân xứ dừa Mỹ Tho và Bến Tre mà chưa có một lần thưởng thức món ăn này thì chưa phải dân Mỹ-Bến 100%.

• **Chuột lắt** Con vật quá quen thuộc với mọi



người trên trái đất này, vì nơi nào có người sống là có chú Tý Lắt này cùng sống. Chúng thường sống ở gần khu dân cư, gần con người để tìm thức ăn. Chiều dài cơ thể nó từ 7-10 cm, trọng lượng từ 10-25 gram. Mặc dù nhỏ con nhưng nó vô cùng nhanh nhẹn, nó có thể nhảy cao đến 50 cm. Nó chuyên vào nhà kiếm ăn vào ban đêm và ngủ vào ban ngày. Nhưng khi dòng họ nó quá đông, thì bất kể ngày đêm nó vẫn vào nhà lục phá tìm thức ăn. Nó là thứ ăn tạp, đựng gì ăn nấy, tuy nhiên thức ăn nó thích là gạo, đậu, bắp, khoai, sắn, rau cải, táo, chuối, các thức ăn nấu chín v.v... Do môi trường sống của chúng dơ bẩn, thường ăn thức ăn hôi thúi nên nó mang nhiều mầm bệnh như

sốt ban chuột, dịch hạch... có thể lây sang người khi nó vào nhà tìm thức ăn.

Điều đặc biệt là ngoài các thức ăn nêu trên, nó còn ăn lại phân của nó. Điều này giúp chúng hấp thụ được chất dinh dưỡng trong phân được tạo ra do các vi khuẩn ruột của chúng sinh ra. Vì vậy trong hang chuột lắt không có phân của nó.

• **Phòng thí nghiệm:** Chắc chắn nhiều



người cho rằng, chuột thí nghiệm là chuột bạch chứ không phải chuột lắt. Thực ra, chuột bạch thuộc một trong những dòng của chuột lắt, chúng được lai tạo và sàng lọc sức khỏe để phù hợp với những cuộc thí nghiệm. Tuy nhiên chuột lắt cũng được chọn làm đối tượng thí nghiệm vì chúng nó có bộ gen gần giống với con người, cơ thể nó nhỏ bé, giúp cho những nghiên cứu nhanh chóng có kết quả hơn. Nó là loại sanh sản nhanh, giá thành rẻ, dễ nuôi nên tiết kiệm chi phí thí nghiệm rất nhiều.

Câu chuyện huyền hoặc về Chuột-Mèo

Chuyện kể rằng, chuột là giống linh thiên ở trên Trời. Nó được Ngọc Hoàng tin cậy cho nó giữ kho lúa. Với bản tánh khôn ranh, nó rủ bạn bè nhà nó vào ăn không biết bao nhiêu là lúa của Trời. Ngọc Hoàng biết được, mới đuổi nó xuống Hạ Giới cho nó giữ kho lúa của nhân gian. Nhưng bản tánh không thay đổi, nó lại rủ chuột nhà nó vào kho lúa của Người ăn no nê, hao tổn lúa Người, nên Người mới than rằng:

Chuột kia xưa ở nơi nào

Bây giờ ăn lúa nhà tao thế này?

Người mới nhờ Vua Bể bắt nó đem trả lại nơi nó xuất xứ. Vua Bể bắt nó đem trả cho Ngọc Hoàng và tâu rằng: *Chuột này là của Ngọc Hoàng sao lại thả xuống Hạ Giới để nó ăn hết lúa của người trần?* Ngọc Hoàng trả lời: *Vì trước đây, nó giữ kho lúa cho ta, nhưng nó không được ta tin cẩn nó nữa, nên ta cho nó xuống Hạ Giới để giữ kho lúa ở dưới đây.*

Vua Bể tâu: *Nó xuống dưới trần, nó vẫn tánh nào tật nấy, nên chúng con kính trình xin Ngọc Hoàng bắt nó trở về Trời vì lúa của Trời nhiều, lúa của Người ít, của Trời nó ăn không bao giờ hết, chứ của Người nó cứ vừa ăn vừa phá mãi thì sẽ hết, Người đến chết đói thôi!*

Trời nghe tâu phán rằng: *Không được, ta đã đuổi nó đi rồi, ta không cho nó trở lại đây nữa. Bây giờ ta có một cách là ta có một con Mèo, ta*

cho người đem xuống Hạ Giới với nhiệm vụ của nó là bắt giết chuột thay cho Người.

Vua Bếp lay tạ rồi đem chuột và mèo trở về Hạ Giới. Kể từ ngày đó, mèo luôn luôn tìm mọi cách để bắt chuột ăn.



Nhưng có đôi lúc, mèo ngấm nghĩ giận Vua Bếp, vì tại Vua Bếp mà mèo mới phải xuống trần gian để bắt chuột khổ cực như thế này,

nên thỉnh thoảng mèo vào giữa đồng tro trong bếp "ìa" một đồng rồi lấp tro lại vừa cho đỡ giận, vừa chọc tức Vua Bếp.

Tham nhũng phá hại đất nước như chuột

Loài chuột nói chung là không ai ưa thích, đáng ghét, cần phải tiêu diệt vì chúng nó là loại phá hại mùa màng, đục khoét, cắn rách áo quần của già trẻ, lớn bé nam cũng như nữ, đào ngạch, khoét tường chui vào nhà tìm thức ăn, ăn không hết thì ỉa đái vào cho hư thúi. Tóm lại, nói đến việc phá hại thì khó có loài nào sánh nổi với loài chuột.

Thế cho nên hiện giờ ở trong nước, người dân "làm chủ" đã và đang ví một hạng người tự xưng là "đầy tớ" của dân như là chuột, đó là bọn quan đò tham nhũng đang thống trị đất nước.

Nạn tham nhũng ở Việt Nam đã trở thành căn bệnh ung thư ác tính. Các quan đảng viên đã cướp tiền, cướp đất, cướp nhà vv... của dân cạn kiệt rồi, chúng chuyển sang buôn dân, bán nước. Đầu đội nón cối, chân mang dép râu, người đảng viên cs từ rừng tuôn ra thành phố cưỡng chiếm miền Nam. Sau 44 năm, chúng trở thành những tên tỳ, tỳ phú đô la mà người dân mỉa mai gọi chúng là "Đại tư bản đò" nhờ vào cái sách lược quái thai với đầu tư bản, đuôi cộng sản là: **"Kinh tế thị trường theo định hướng XHCN!"**

Vừa rồi, TBT Nguyễn Phú Trọng ví tham nhũng như là loài chuột. Đúng quá rồi ông Trọng Lú ơi. Nhưng tiếp theo, ông lại cảnh báo rằng, nếu đánh chuột mà không cẩn thận thì sẽ vỡ bình. Rồi ông nói tiếp theo nguyên văn một câu như sau: **"Phải bình tĩnh, tỉnh táo, rất khôn ngoan, có con mắt chiến lược, bác Hồ dạy rồi, cha ông ta dạy rồi, đánh con chuột đừng để vỡ bình, làm sao diệt được chuột mà bảo vệ được bình hoa. Tức là phải giữ cho được cái ổn định"** (Lời người viết: Cái bình mà ông Trọng nói đó nó biểu tượng cho cái đảng của ông, nó đang chứa cái chủ thuyết CNXH lỗi thời, tàn ác, dã man, gian manh, dối trá, thế mà ông đang vừa làm Tổng bí thư cái đảng đó, vừa

làm Chủ tịch nước, ôm một lúc hai chức vụ béo bở như mèo vồ được chuột!!!).

Khổ nỗi, với bằng mọi phương cách, bằng đủ các chiêu cũng chưa diệt hết được chuột. Tại sao? Tại vì loài chuột nó siêng năng lắm, mỗi tháng chúng có thể đẻ một lứa, mỗi lứa cả một đàn con. Cái nạn tham nhũng của đảng Việt cộng hiện giờ chẳng khác gì sự sinh sản của loài chuột. Nhưng Trọng Lú sợ mạnh tay đánh nó, sẽ vỡ bình thì cái đảng của ông cũng tiêu tủng luôn. Hơn nữa, nếu ông mạnh tay đánh nó, thì nó sẽ quay lại đánh ông. Tại sao? Tại vì ông cũng nằm chung trong một hạng như chúng nó!!!.

Người dân Việt chúng tôi rất ghét loài chuột, vì chính nó đã và đang dâng bán gần xong đất nước cho Hán cộng, cho nên đời sống người dân ngày càng khổ, đạo đức ngày càng suy đồi, tài nguyên ngày càng kiệt quệ... Thế cho nên bằng mọi phương cách, trước hết phải triệt tiêu chúng, dù nó là chuột cống, chuột đồng, chuột dứa hay chuột lắt vv..., sau là làm cho cái bình vỡ ra từng mảnh để thay cái bình mới khác. Nếu sợ vỡ bình mà nương tay thì sẽ có một số chuột phản tỉnh trong cái đám chuột này cũng tự làm vỡ; nếu không thì người dân cũng vùng lên làm vỡ. Một trong hai cách làm vỡ bình trên đây, cách nào cũng đáng được triệt để hoan nghênh!!!.

LỜI CUỐI:

Năm 2020 là năm Chuột cầm trịch, bản tánh của chúng nó chỉ có phá hại như tôi đã trình bày ở phần trên, mà chính ông TBT Trọng cũng ví các quan tham nhũng dưới quyền lãnh đạo của ông như là loài chuột, cần phải diệt. Vậy thì người dân trong nước còn chần chờ gì nữa mà không tiếp tay với ông Trọng đứng lên đấu tranh loại bỏ cái đám chuột này để cứu nguy đất nước, để khỏi bị Hán thuộc lần thứ 5.

Trước thềm năm mới, Tịch Cốc trân trọng kính chúc quý độc giả cùng thân bằng quyến thuộc sang năm Canh Tý luôn luôn mạnh khỏe, gặp nhiều thuận duyên trong cuộc sống tha hương và nhút là đầy đủ nghị lực, không sợ hãi để thực hiện hoàn hảo hoài bão chưa thành.



Chúc Mừng Năm Mới C a n h T ý

Laatzen ngày 30.10.2019

Tịch Cốc Ngô Văn Phát

Cựu tù nhân "cải tạo" ở Hoàng Liên Sơn - Bắc Việt

DÂN SỐ CHUỘT

• Từ Hùng

Hiện nay đám chuột sống và kiếm ăn bên Pháp, đã di động khắp Paris và giới chức thành phố đã nhận ra dân số chuột đã phát triển đông hơn cư dân "Kinh đô ánh sáng" (Nhật báo *Wall Street* đã báo động, chúng đã xuất hiện nhan nhản tại các siêu thị, công viên và ở cả nhà trẻ!). Số lượng chuột xuất hiện ngày càng nhiều ảnh hưởng đến người dân và cảnh quan nổi tiếng của nước Pháp. Khiến chánh quyền thủ đô Paris phải đóng cửa 5 công viên để diệt chuột. Các chuyên gia ước đoán hiện có hơn 4 triệu con chuột ở khắp thủ đô nước Pháp. Chúng đào đất, khoét tường vào nhà dân kiếm ăn và tha rác khắp nơi.

Thị Trưởng quận 17 (tây bắc Paris), G.Boulard phải triệu tập buổi họp khẩn hồi cuối năm 2017 để giải quyết cuộc khủng hoảng do loài gặm nhấm này gây ra. Họ đã thảo luận nhiều biện pháp và dự định sẽ dùng thuốc diệt chuột. Nhưng bất ngờ đụng phải nhóm vận động hành lang "Bảo vệ quyền sống của chuột". Khoảng 10 người biểu tình đòi đổi chất với ông và lên án kế hoạch của giới chức quận. Họ yêu cầu quận hãy xử dụng biện pháp nhân đạo hơn như là rải thuốc tránh thai cho chuột! (1).



Như vậy Paris có thêm điều thuận lợi cho loài gặm nhấm tự do hoành hành, ngoài yếu tố "địa lợi" là, thủ đô nước Pháp vốn được xây dựng trên hạ tầng cơ sở của các kiến trúc từ thời cổ La Mã với hệ thống cống rãnh kiên cố xa xưa như những con đường hầm chằng chịt khắp nơi, thích hợp để giống chuột sinh sống. Và yếu tố "nhân hòa" là, mật độ dân cư dày đặc cùng với số lượng du khách khổng lồ đổ về mỗi ngày, luôn thải ra vô số thức ăn thừa. Rồi tình trạng khí hậu biến đổi, khiến mực nước sông Seine dâng cao, tràn vào các đường cống ngầm khiến lũ gặm

nhấm phải *đổ bộ* lên mặt đất -nơi có sẵn thức ăn do dân cư và du khách vất bừa bãi khắp nơi. Chẳng trách nhiều khách du lịch lại bắt gặp hình ảnh chuột lục lạo trong những đồng rác ven sông Seine hay bên các tượng đài lịch sử.

Hồi tháng giêng, nhân viên sở Vệ sinh thành phố đã gửi đến tòa báo *Le Parisien* đoạn video ghi lại hình ảnh hàng trăm con chuột sục sạo trong xe chở rác của anh với lời chú "Điều này không nên để tiếp diễn. Đây là cơn đại dịch" (1).

Cả đám nhân viên vệ sinh dọn rác còn thấy sốc với hình ảnh lũ chuột tập hợp quá nhiều, kiếm ăn trong thùng rác, rồi không thể nhảy ra ngoài vì thùng rác quá cao. Một anh kể, đã bị chuột nhảy bấu vào cổ khi cúi xuống nhìn, còn anh kia vừa mở một nắp thùng khác đã bị một chú chuột phóng ra ôm cánh tay anh, để mượn đà nhảy xuống đất. May mà chưa ai bị cắn, phải chờ vào viện chích ngừa!

Không phải tới bây giờ, mà từ thời trung cổ Âu châu đã phải đau đầu vì nạn chuột phá hoại mùa màng và lan truyền bệnh dịch. Theo án sử đã được E.P. Evans ghi lại trong sách "*Xét xử hình sự và Án tử đối với động vật*", tòa án Pháp đã từng mở phiên luận tội đàn chuột phá hoại cánh đồng lúa mạch của dân vùng Autun. Thậm chí tòa còn chỉ định luật sư B. Chassenee đại diện cho đàn chuột!

Hiện giờ, còn có những lời kêu gọi bảo vệ quyền sống của chuột lan truyền trên mạng xã hội. Như cô C.Duperret, cựu chuyên viên quản lý hậu cần, đang điều hành nhóm "*giải cứu chuột*" với 600 thành viên trên Facebook, nêu chủ trương "*Chúng ta cần tìm một sự cân bằng để chung sống*".

Cô bắt đầu nuôi chuột từ 11 năm trước, khi cô con gái muốn xin một con về làm thú cưng. Kể từ đó cô đã giải cứu 25 con chuột khỏi sống hoang ngoài đường phố. Duperret cho biết, trẻ em thành phố từng đổ xô đi mua chuột sau khi bộ phim hoạt hình "Ratatouille" của Walt Disney ra mắt vào năm 2007. Ratatouille là tên món bắp cải nấu nhừ với xúc xích hay chân giò hầm, tiêu biểu của đa số dân Pháp đã được lấy làm tên của cuốn phim hoạt hình hài hước bằng máy tính của Mỹ, đã được các rạp chiếu bóng Việt Nam dịch là "*Chuột đầu bếp*". Chuyện kể về: Remy, một chú chuột có dáng hình người đam mê nấu ăn, tình cờ kết bạn được với Linguini, chàng trai trẻ dọn bếp tại một nhà hàng ở Paris. Remy hằng mơ ước trở thành đầu bếp và cố gắng thực hiện giấc mơ mình. Còn Linguini chưa từng phụ nấu món

nào. Nhưng họ đã hợp tác được với nhau. Remy có thể điều khiển Linguini như một con rối, bằng cách kéo tóc anh ta, khi trốn dưới chiếc mũ đầu bếp của Linguini. Remy đã giúp Linguini chứng tỏ kỹ thuật nấu nướng của anh ta với đầu bếp chánh Skinner, nên Linguini được huấn luyện tiếp để trở thành đầu bếp chuyên nghiệp ở nhà hàng. Nhưng Skinner thành công phát hiện có chuột trong nhà bếp, ông phải tìm cách đuổi giết hay bẫy bắt vì nếu sờ vệ sinh hay được, nhà hàng sẽ bị đóng cửa ngay. May nhờ cha của Remy mang tên Django (nhân vật phim cao bồi nổi tiếng của Mỹ), thủ lĩnh một thị tộc chuột hợp sức cùng anh Emile của Remy kéo cả đàn chuột đến khuấy động nhà bếp loạn xạ ngẫu, mới giải thoát được Remy chạy thoát ra đường...



Chuyện lý thú éo le ở chỗ các bà quý phái bên Tây rất sợ chuột và dân trường giả Paris càng ghét chuột vậy mà vô tình rủ nhau đi ăn ở nhà hàng do chuột nấu!

Ngày 22.06.2007, phim Ratatouille ra mắt tại Hý Viện Kodak ở Los Angeles, CA. Tác phẩm thu về 620,7 triệu US\$

từ các phòng vé và nhận được nhiều lời khen ngợi của báo chí, truyền thông. Phim cũng đã đoạt giải Oscar cho phim hoạt hình hay nhất trong năm và được bình chọn là một trong 100 phim điện ảnh vĩ đại nhất của thế kỷ 21, theo các nhà phê bình quốc tế do BBC tiến hành vào năm 2016.

Nhưng trái ngược với hình ảnh dễ thương của loài chuột trong phim hoạt hình "Chuột đầu bếp", thực tế cho thấy loài chuột rất nguy hiểm: Không chỉ gặm nhấm, phá hoại đồ đạc, chúng còn mang nhiều mầm bệnh như dịch hạch đã từng cướp đi sinh mạng của gần 60% dân số toàn châu Âu thời trung cổ và trong nước bọt và phân của chúng còn chứa nhiều vi khuẩn dẫn đến bệnh viêm màng não, vàng da, suy thận, gan cùng tiêu chảy.

Nếu dân chúng Paris phải khổn đốn vì chuột đông hơn người, thì những người dân trong nhiều thành phố ở **Vương quốc Anh** còn kinh khiếp vì đám chuột có kích thước lớn mà báo chí Anh gọi là "chuột khổng lồ". Tại Luân đôn và các thành phố Birmingham, Liverpool người ta đã bắt được những con chuột lớn như mèo, có con còn

gần bằng con chó nhỏ. Nhờ kích thước lớn, thân thể cũng mạnh lên nên chúng có khả năng đề kháng các loại thuốc chuột thông thường. Dân Anh còn lo ngại hơn nữa chính vì tốc độ sinh trưởng và phát triển của những con chuột sẵn sàng lao vào tấn công cả chó.

Nhiều người còn lo ngại có thể một ngày nào đó "xứ sở sương mù" sẽ bị phá hoại bởi loài gặm nhấm nguy hiểm này. Các chuyên gia kiểm soát dịch đã cảnh báo, số lượng chuột to lớn đó, có con đã dài hơn 60 cm, có thể ngày một gia tăng ở khắp các thành phố, khi các gia đình cư dân vẫn bất cẩn trong việc ném rác và không dọn sạch thức ăn thừa. Bộ phận kiểm soát sinh vật có hại của thành phố Liverpool cũng cho hay, những con chuột khổng lồ đã bắt đầu xuất hiện ở thành phố này và họ yêu cầu chính quyền cho phép xử dụng những loại chất độc mạnh hơn để tiêu diệt chúng.

Gần đây chúng còn tiếp tục cuộc hành trình lên phía Bắc và vùng Merseyside đã phát hiện những con chuột lớn như mèo. Chúng đang tiến lên kháng thuốc thế hệ thứ 2 bỏ trong thức ăn làm mồi nhử. Lần lần chúng đã gia tăng khoảng 15% so với các năm vừa qua. Trước đây lũ chuột thường sống ở các vùng nông thôn, trang trại, khu nông nghiệp. Hiện nay, theo đà văn minh, chúng đã di cư lên thành phố nơi có nhiều thức ăn thừa đa dạng hơn. Chính sự vô ý của cư dân vứt thức ăn thừa, tập cho chúng quen và tìm đến gần con người để dễ kiếm ăn hơn.

Những con chuột này nếu ở thôn quê Việt Nam đã làm mồi cho dân nhậu. Nông dân sau mùa gặt thường rủ nhau ra đồng đào hang bắt chuột, vừa diệt lũ phá hoại mùa màng vừa có thêm món ăn đặc sản. Ngoài Bắc sau vụ hè thu có những người chuyên môn chạy Honda hàng 60 km đến những cánh đồng theo dấu tìm hang, bịt ngách, đào bắt chuột hoặc đổ nước ngập hang hay xông khói cho chuột chạy ra đỡ tốn công sức cuốc, đào. Hàng ngày họ bắt được năm bảy cân chuột làm thịt bán. Nếu đến những cánh đồng vùng cao, đất lộn đá họ có thể bắt những con chuột thật to không kém chuột khổng lồ bên Âu châu mà họ gọi là chuột đá, có con dài hơn 60 cm nặng gần 2 cân. Ngoài chợ quê miệt lục tỉnh miền Nam, từ tháng 9 trở đi hầu như ngày nào cũng có bán thịt chuột đồng. Có những con chuột Nhum nặng tới nửa ký.

Ở bắc Ái Nhĩ Lan, một nhân chứng kể lại, trong nhà ông đã xuất hiện một con chuột to như con mèo. Ông bất ngờ bắt gặp nó nằm im nơi

góc nhà, tường nó chết, ông xách đuôi nó lên để đem bỏ ra ngoài, nhưng ông thực sự sợ hãi khi nó quay cổ lại cố cắn vào tay ông, lập tức ông ném mạnh nó xuống đất, vừa kịp con chó Berger của ông nhảy tới vồ. Có lẽ nó còn say thuốc diệt chuột ở đâu đó mới lết vào trốn trong góc nhà.



Mới đây, một kỹ sư khí đốt (gas) ở Luân Đôn nhìn thấy một con chuột khổng lồ dài tới 1,2m trong bụi rậm gần sân chơi trẻ em, lúc ông đang sửa chữa đường ống tại một ngôi nhà. Ở Grimsby, một chuyên gia kiểm dịch cũng đã bắt được một con chuột lớn nhút có thể đứng bằng hai chân, khi ông được gọi đến khu dân cư lân cận Humberston để giải quyết vấn đề gây hại của giống siêu chuột này.

Những cư dân ở Oldham lên tiếng phản đối nhà chức trách y tế địa phương đang vô tình làm cho vấn đề thêm tồi tệ, do nỗ lực diệt chuột bằng các chất độc bán sẵn, vì hiệp hội kiểm soát dịch hại Anh đã cảnh báo rằng, các loại thuốc đó chỉ tiêu diệt được những con chuột bình thường, nhưng lại để cho những con siêu chuột kháng thuốc này "đột biến" vừa phát triển lớn hơn vừa sinh sôi nảy nở thêm.

Bà Burton ở khu Đông Staffordshire báo động những con chuột to gần như chó nhỏ đã xâm chiếm vườn nhà bà và đang chun xuống sống dưới nhà kho. Bà rất kinh hoàng khi phát hiện một con chuột có kích thước của con chó Yorkie và một con khác bằng con mèo ở sau vườn. Chúng chạy quá nhanh và còn chạy nhảy quanh nhà giữa ban ngày, khiến bà lo cho hai đứa cháu 2 và 3 tuổi đang chơi quanh đó.

Những tiểu thương buôn bán ở chợ Ridley Road cho biết đây có thể là giống chuột cỏ châu Phi, thường được buôn lậu từ châu Phi sang một cách phi pháp. Chuột cỏ châu Phi dài chừng 60 cm, sinh sống ở vùng Sahara, dùng làm thực phẩm rất thơm ngon. Những năm gần đây tại Luân Đôn, thị trường tiêu thụ thịt chuột cỏ châu Phi phát triển rất mạnh. Chúng là đặc sản ở Ghana và thường được buôn lậu bằng cách nhét vào vali để mang vào Anh quốc (2).

Bên **Thụy Điển**, một phụ nữ ở Stockholm nghe tiếng động lạ trong nhà bếp, liền bước vào thì bắt gặp một con chuột to dài gần nửa thước

đang ăn thức ăn thừa trong sọt rác. Cô đã có cảm giác sợ hãi khi nó còn đứng nghinh cô chăm chăm rồi mới bỏ đi. Cả con mèo yêu quý của cô vừa trông thấy chuột to này cũng phải hoảng chạy.

Dân **Iran** cũng bắt được nhiều con chuột có kích thước tương đương với mèo, có trọng lượng lên tới 5 kg. Sở dĩ vô số chuột ở thủ đô Teheran tăng mạnh kích thước từ 60 gram lên 5kg là do chúng nhiễm chất phóng xạ và hóa chất độc hại. Số lượng chuột đột biến gene tại đây đã lên tới mức không thể kiểm kê chính xác, nhưng nhiều người khẳng định, dân số chuột ở Teheran đã lớn hơn cư dân thủ đô Iran.

Cảnh sát **Nam Phi** đã bắt giữ một bà mẹ 26 tuổi ở Katlehong, Johannesburg vì tội bỏ bê con cái. Người phụ nữ này đã để cho cô con gái ba tháng tuổi ở nhà một mình để đi chơi thâu đêm, và khi cô ta trở về nhà vào sáng hôm sau, em bé đã bị chuột ăn mất nhiều bộ phận cơ thể, chết trong đau đớn. Lũ chuột hung dữ này nhiều khả năng là chuột túi Gambia, một trong những loài gặm nhấm lớn nhút và tàn hại nhút thế giới. Nam Phi, quê hương của loài chuột này, chúng luôn gây ám ảnh cho người dân bởi các vụ tấn công, ăn thịt người. Năm 2011, hai bé gái tại nước này cũng đã tử vong vì bị chuột túi Gambia ăn thịt. (2)

Chiều dài của chuột Gambia có thể đạt tới 92 cm, nặng cỡ 4 kg, răng cửa có thể dài tới 3 cm. Loài chuột này sinh sản nhanh, với thời gian mang thai trung bình 27 ngày, mỗi lứa 2-4 con và chỉ 3 tháng là trưởng thành. Mùa hè là thời gian giao phối của chúng. Thức ăn của chúng đa dạng, từ côn trùng cho tới mối, trái cây rau củ và cả thịt người! Những con chuột cỡ lớn tại Nam Phi rất hung dữ và háu ăn, sẵn sàng tấn công cả con người khi cần.

Bên Á châu, tại khuôn viên trường đại học Y Ôn châu, **Trung Quốc**, các sinh viên phát hiện một sinh vật lạ mà họ cho là chuột khổng lồ dài gần 1m, chạy dọc theo hành lang, rồi leo lên mái các tòa nhà trong khuôn viên của trường. Sau nhiều giờ dùng lưới để vây bắt, nhân viên bảo vệ của trường đã tóm được con vật lạ to lớn đó. Về sau các tin đồn xuất hiện trên mạng xã hội cho rằng, trường đại học này thường thực hiện những thí nghiệm trên chuột và một số người nghĩ rằng chuột đã bị đột biến gen thành sinh vật khổng lồ và thoát ra khỏi phòng thí nghiệm (2).

Ở **Cuba** ghi nhận, một gia đình bắt đầu nuôi chuột Hutia (họ Capromyidae) chăm sóc và coi

chúng như vật nuôi quý. Đó là loài gặm nhấm có kích thước lớn, thường sống ở Cuba, Jamaica, Bahamas và các đảo vùng Caribbean. Cơ thể Hutia dài gần 30 cm, con lớn nhất có thể to hơn một con chó nhỏ với phần đuôi giống dây thừng, răng trước dài và trông giống một con chuột khổng lồ. Chúng có thể rất hung dữ. Nhưng gia đình này đều nhận thấy, đàn thú nuôi là những người bạn khá dễ chịu. Chủ nhà bắt đầu nuôi chúng khi tình cờ bắt gặp một con Hutia ốm yếu bên đường. Nó được đặt tên là Congui, rồi trở thành con Hutia Cuba đầu tiên được nuôi trong nhà. Về sau các con Hutia nhỏ ra đời khi họ tìm được một con đực kết đôi với Congui và được chăm sóc như đám thú nhà. Chúng có tính tò mò và khá thông minh nhưng cũng phá phách. Khi chúng cắn hỏng dây điện thoại và đồ nội thất trong nhà. Họ đành nhốt chúng trong một loại lồng đặc biệt. Cả bọn thú đều thích uống cà phê ngọt, ăn bánh bit-quy giòn và các loại rau củ. Con đực đôi khi còn được cho uống rượu Rum.

Chuột núi Lào hay chuột đá Lào là loài gặm nhấm sống ở miền Khammouan, Lào. Loại này được miêu tả lần đầu tiên năm 2005 trong một bài báo của P. Jenkins và một số người. Họ nghĩ rằng, động vật này có tính chất khác biệt với các loài gặm nhấm đang sống, đến độ cần phải đặt nó vào một họ mới, có tên Laonastidae. Nhưng chỉ một năm sau Mary Dawson và các người khác bác bỏ vì nó đã thuộc vào họ hóa thạch cổ Diatomyidae 11 triệu năm, trước đây tưởng bị tuyệt chủng.

Các mẫu vật đầu tiên đã được phát hiện từ năm 1996, thì thấy chúng bị làm thịt bán như thực phẩm tại chợ ở Thakhek, Khammouane. Sau đó năm 1998 ba bộ xương của động vật này đã thu được từ người dân. Các nhà nghiên cứu Hiệp hội bảo tồn động vật hoang dã quay trở lại Lào và đã phát hiện một số mẫu vật khác. Như vậy chúng không phải hiếm như từng nghĩ. Năm 2006 D. Redfield, giáo sư danh dự của đại học tiểu bang Florida, và nhà sinh học động vật hoang dã U. Treesucon, người Thái Lan công bố họ đã bắt, chụp ảnh và ghi hình một mẫu sống của loài này tại bản Doy ở Lào.

Con chuột này giống với chuột lớn có lông đen và đuôi dài, rậm lông, hơn nữa nó có bộ sọ rất lạ mang đặc điểm khác với các thú vật đang sống.

Tháng 9 năm 2011, tổ chức bảo tồn động vật hoang dã quốc tế (FFI) thông báo, đã phát hiện chuột núi Lào ở xã Thượng Hóa, huyện Minh

Hóa, tỉnh Quảng Bình. Theo thông báo khoa học của *Tạp san Sinh học* Việt Nam năm 2012 thì chuột núi Lào cũng được phát hiện ở vườn Quốc gia Phong Nha, Kẻ Bàng (3).

Vấn đề dân số chuột gia tăng làm khốn đốn dân chúng và các giới chức Paris, làm kinh hãi dân Luân Đôn, đối với các quốc gia Á Châu và các nước nhược tiểu không được mấy ai quan tâm. Đơn giản là khi trong nhà có chuột họ liền đặt bẫy hoặc nuôi mèo. Những nhà nghèo còn không đủ ăn lấy đâu ra thức ăn thừa cho chuột. Ngay các nhà khá giả hơn có dư chút thóc gạo cũng để nuôi gà, còn cơm thừa canh cặn thì đã có đám heo trong chuồng luôn kêu đói. Đến như:

*Chó chực miếng xương rơi nước mắt,
Mèo chờ đuôi cá rụng lông nheo.*

Nơi thôn quê thì đám chuột đồng ăn mót lúa đã bị kết án là phá hoại mùa màng, nên từ lâu đã bị lên danh sách, xử bắt đem thui, lột da làm món nướng, món nhậu...

Ngoài thành phố chuột cống phải trốn kín trong đường mương ngầm, chôn sâu dưới đất, chuột lắt chuột nhí cũng phải leo tuốt lên xà nhà. Chỉ dám ló mặt vào đêm khuya, mà đôi mắt phải lác liên rón rén trông chừng bà mèo đang rình bắt, ông chó đang chực chờ. Hễ lúc nào nghe tiếng chuột rít nhiều thì chủ nhà phải lo đặt bẫy. Nếu trong phố nghe tiếng chuột làm lộng thì các trường học liền phát động chiến dịch diệt chuột nhút là khi dạy môn vệ sinh tới bài bệnh dịch hạch. Cả đến các quân trường cũng đòi các tân binh khi về phép trở lại phải nộp 10 cái đuôi chuột.

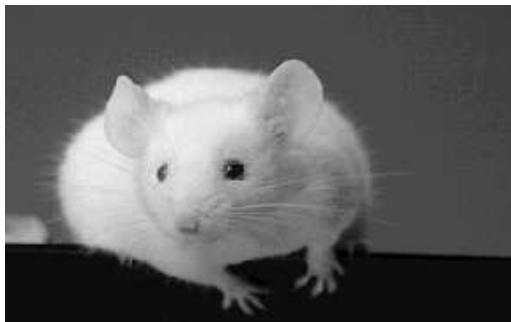
Trong sách Quốc Văn Giáo khoa thư, bài *Đền ơn đáp nghĩa* đã kể chuyện con cọp tha chết cho con chuột vì miếng mồi quá nhỏ không đủ nhét kẽ răng. Về sau đến khi Cọp bị mắc lưới thợ săn, Chuột liền kéo cả đàn đến cắn rách lưới giải thoát Cọp để đáp ơn.

Còn lạ hơn nữa, trong cổ văn có câu châm ngôn: "Sát nhút miêu, cứu vạn thử", không thể đem áp dụng bên Âu châu, khi mèo đang là thú cưng của các bà các cô, còn chuột đang làm khốn đốn dân Anh dân Pháp. Chính ra câu này hướng theo nghĩa khác: ví Mèo như cường hào ác bá mà các tráng sĩ đứng lên tiêu diệt để cứu lương dân ví là chuột hay như Kinh Kha lên đường diệt bạo chúa Tần Thủy Hoàng./.

● Ghi chú:

- (1) Thanh Danh _Thế giới_ZING. VN
- (2) Chuột khổng lồ_ Wikipedia Việt
- (3) Chuột núi Lào_ Wikipedia Việt

NĂM CANH TÝ BÀN CHUYỆN CHUỘT VÀ HỆ THỐNG MÔI SINH



• Liễu Đào

Thập Nhị Địa Chi, là 12 danh từ chỉ định 12 con thú trong hoàng đạo Trung Hoa dùng để chỉ phương hướng, bốn mùa, ngày, tháng, năm và giờ tại các quốc gia có nền văn hóa truyền thống Trung Hoa. Tý là chuột đứng đầu danh sách này, Canh Tý đúng vào năm 2020 dương lịch.

Chuột trong hệ thống môi sinh

Chuột là một danh từ phổ biến để chỉ tất cả các loại động vật có vú, họ « Gặm nhấm » với đặc điểm chung kích thước nhỏ, mõm nhọn, tai tròn, lông màu nâu xám và đuôi tương đối dài. Nói cách khác, danh từ này không tương ứng với một mức độ chính xác trong phân loại khoa học của các loài. Nó là một tên địa phương có ý nghĩa dễ gây lầm lẫn trong sinh vật học, bởi vì nó chỉ áp dụng cho một phần của các loài được phân loại theo họ gặm nhấm. Tuy nhiên, khi nói đến "chuột", người ta thường nghĩ đến chuột xám (*Mus musculus*), một loài chuột thông thường, đôi khi được nuôi làm thú cảnh hoặc động vật trong phòng thí nghiệm. Tiếng kêu của chuột như một tiếng rít nhỏ.

Một cách tương tự, danh từ "chuột" thường được sử dụng để chỉ các loài gặm nhấm nhỏ khác, gọi chung là Muridae, một họ bao gồm chuột đồng và chuột vườn, và nhiều giống chuột lớn hơn mà ở Việt Nam thường gọi chúng bằng một tên chung « chuột cống » vì chúng thường sống trong các đường cống thành phố.

Một vài đặc điểm của chuột

1./ Trong hệ thống môi sinh (Ecosystem) Chuột giữ một vai trò quan trọng trong hệ thống môi sinh:

- như một động vật đào sới và thông khí đất
- như một máy phân tán hạt giống;

- làm môi cho rất nhiều động vật ăn thịt trên địa cầu. Những động vật săn mồi này thường là loài bò sát (rắn, thằn lằn), loài chim (chim ngày như chim ó, chim ưng và chim đêm như cú mèo) và nhiều động vật có vú (cáo, chồn... kể cả chó sói khi chúng không săn được con mồi lớn hơn)
- như một ổ chứa một số mầm bệnh.

2./ Khía cạnh vệ sinh

Hầu hết các loài gặm nhấm bị cho là ổ chứa hoặc mầm mống gây nhiều bệnh và ký sinh trùng (bên ngoài hoặc bên trong), và có thể truyền bệnh sang người.

Một số loài chuột thường sống bám vào loài người để tìm thức ăn! hoặc thỉnh thoảng chúng đột nhập vào nhà cửa, nhà kho, chuồng gà, v.v..., để tìm miếng ăn. Chúng có thể truyền bệnh qua nước tiểu và phân, qua vết cắn, qua các loài ký sinh trùng chúng mang theo.

Trong thiên nhiên, động vật ăn thịt là giúp cho sự điều hòa, giảm số lượng chuột, hoặc đôi khi dịch bệnh, cháy rừng hay lũ lụt cũng giúp cho việc giảm số lượng này.

Chuột thường bị kết tội một cách sai lầm là mang mầm bệnh (enzootic) 'dịch hạch', trên thực tế không phải riêng chuột, tất cả mọi loài gặm nhấm đều là ổ chứa bệnh dịch hạch, đại đa số trong loài gặm nhấm hoang dã, khác nhau, tùy theo khu vực trên thế giới, tạo thành một ổ tự nhiên chứa mầm bệnh.

Khoảng bốn mươi loài gặm nhấm được ghi nhận tập trung mầm bệnh cao nhất, như marmots vùng Trung Á, gerbils ở Nam Phi và meriones vùng Cận Đông. Sóc đất (*Spermophilus*, *Spermophilus suslicus*) ở Đông Nam Nga và miền tây Hoa Kỳ có loài genus *Cynomys* (*S. variegatus*, *S. Becheyi*).

3./Khía cạnh thực tiễn

- Hàng triệu chú chuột được sử dụng làm động vật thí nghiệm trong các laboratories

- Thú nuôi tiên khiển (chuột trắng) hoặc làm thức ăn cho thú nuôi và vườn thú khác.

- Chuột được con người sử dụng làm nguồn protein từ thời tiền sử. Trong thế kỷ hai mươi mốt, thói quen tiêu thụ chuột vẫn tồn tại nơi một số dân tộc. Ví dụ, ở các tỉnh nông thôn phía đông Zambia. Đối với họ, chuột là một món ăn phổ biến và chúng được trẻ em săn lùng theo truyền thống; có hai điều lợi, bắt chuột hạn chế thiệt hại mà chúng gây ra cho nông nghiệp và để có được thịt giá rẻ. Tuy nhiên, dưới sự thống trị thuộc địa của người Âu châu và những ảnh hưởng hiện đại làm giảm dần việc tiêu thụ thịt

chuột.

- Chuột đóng một vai trò lớn trong lĩnh vực văn hóa: niềm tin, tục ngữ, thơ nhạc, truyện tranh, phim ảnh, phim hoạt họa với chú chuột nổi tiếng của nhiều thế hệ trẻ em, Mickey Mouse của Walt Disney hay Speedy Gonzales của Warner Bros và Jerry (Tom and Jerry) của Metro-Goldwyn-Mayer.

4./ khía cạnh hệ thống môi sinh (Ecosystem)

Danh từ "hệ thống môi sinh" đặt ra vào năm 1935 do ông Arthur George Tansley, giáo sư Thực Vật Đại Học London. Ông định nghĩa một hệ thống môi sinh là một «Tập hợp các sinh vật và các yếu tố vật lý» và «Các hệ thống được hình thành từ các thành phần căn bản trong thiên nhiên tạo thành nhiều nhóm đa dạng về loại và kích thước».

Chuột và các loài gặm nhấm gây ít nhiều thiệt hại, **một phần do lỗi loài người** làm thay đổi hệ thống môi trường sống của các loài này như vài thí dụ dưới đây:

- Phá rừng để lấy đất, là mất môi trường sống, các loài gặm nhấm tràn vào địa phận loài người để tìm thức ăn.

- Sát hại các loài săn mồi như chim ó, rắn, chim cú, rắn, trăn, chồn, cáo v.v... làm mất cân bằng sự điều hòa sinh sản giữa các loài động vật

- Dời đổi môi trường sống tạo nên số sanh sản cao như việc nuôi Coypu còn gọi là Ragondin (***Myocastor coypus***). Loài gặm nhấm lớn này, có nguồn gốc từ Nam Mỹ, được mang đến châu Á, Đông Phi, Bắc Mỹ, châu Âu vào thế kỷ 19 để khai thác lông thú. Thế kỷ 20 ngành lông thú không còn được ưa chuộng, đa số các Coypu được thả trong thiên nhiên! Tuy nhiên ở vùng đất nguồn gốc Nam Mỹ, trong thiên nhiên, cá sấu săn bắt Coypu làm điều hòa sinh sản. Tại các vùng đất mới không có cá sấu, Coypu trở thành một tại họa; như ở vùng Aquitaine, Pháp Quốc, Coypu (Ragondin) gây nhiều thiệt hại đáng kể.

Chuột điện tử và hệ thống môi sinh

Loài chuột điện tử (computer mouse) này mới được *'phát hiện'* vào giữa những năm 80 của thế kỷ trước, lúc đầu nó có cái đuôi rất dài để nối vào cái máy gọi là PC (Personal Computer); nó chỉ chạy được trên một tấm thảm nhỏ hẹp (Mousepad).

Loài chuột này có đặc điểm thay đổi hình thể (Metamorphose) một cách nhanh chóng chỉ trong vòng 30 năm, nó đã thay đổi hình thể nhiều lần; dưới đây vài thí dụ mà chúng ta ai cũng đã biết :

- Chuột đuôi dài 'ôm' banh dưới bụng
- Bất di động, mang quả banh trên lưng (Logitech Trackman)

- Rụng đuôi, tự do chạy quanh PC (wireless mouse)

- Chuột Quang học (optical mouse)

- Chuột xúc chạm (tactile mouse, touch screen)

- Chuột trò chơi (gaming mouse)

v.v...

Trên phương diện thực tế, loài chuột này tương đối cần thiết cho loài người, nhưng đối với hệ thống môi sinh, nó là mối nguy hại to lớn một cách gián tiếp. Nó được nối vào một hệ thống computing được gọi là **Information Technology system (IT system)** dùng trong cơ sở kỹ nghệ, hệ thống hành chính, giáo dục, quân sự, giao thông, v.v... tất cả lại kết nối vào hệ thống rộng lớn hơn **Information and communications technology (ICT)** với mạng lưới điện thoại, audiovisual, v.v... Đây là những hệ thống được gọi là **High Energy-Intensity (énergivore, tiêu thụ năng lượng cao)**, vì sử dụng nhiều supercomputer để điều hành và lưu trữ tất cả dữ kiện (data); năng lượng tiêu thụ đây là điện lực, khi mức tiêu thụ điện tăng thì sản xuất điện phải tăng theo tỷ lệ thuận.

Để tạo ra năng lượng điện này con người sử dụng nhiều phương pháp, dưới đây là bảng chiết tính năng lượng điện sản xuất trên toàn thế giới năm 2016:

2016 World civil power generation by source IEA, 2018 (Percentages of 24.973 TWh) Coal, *than đá* (38.4%) Natural Gas, *khí thiên nhiên* (23.2%) Hydro, *thủy điện* (16.3%) Nuclear fission, *nguyên tử phá vỡ hạch tâm* (10.4%) Oil, *dầu* (3.7%) Renewable, *tái tạo*. (8%)

Mỗi phương pháp đều có lợi ích và sự nguy hại của nó, trong đó nguyên tử lực nuclear fission (phá vỡ hạch tâm) được cho là nguy hiểm nhất vì chất phóng xạ từ các chất thải, gây tử vong cho mọi loài sinh vật, thực vật.

Tuy nhiên than đá và dầu gây ô nhiễm môi sinh và thải nhiều thán khí (CO2) gây việc hâm nóng địa cầu. Tái tạo (renewable) cần hệ thống trữ điện bằng bình điện (rechargeable battery, accumulator), đây cũng là một mối ô nhiễm đáng kể vì các kim loại nặng chứa bên trong. Thủy điện cần hồ chứa nước và đập cũng gây không ít tác hại vào môi sinh. Khí thiên nhiên tương đối tốt nhưng cũng tạo thán khí (CO2) và việc khai thác khí thiên nhiên, dầu, than đá ảnh hưởng lớn trên môi sinh.

Năm 2000, Thủ Tướng Đức Quốc Gerhard

Schröder dự trù ngưng nguyên tử lực vào năm 2015, nhưng tiếp đó đã phải dời thời hạn này lại đến 2036. Kế tiếp Thủ Tướng Angela Merkel dự trù ngưng hoàn toàn nguyên tử lực năm 2022, sau khi xảy ra vụ nổ lò nguyên tử điện lực Fukushima vào tháng ba 2011.

Đồng thời điểm 2000, chính phủ Pháp cũng dự trù ngưng nguyên tử lực, nhưng trong một buổi họp về năng lượng, một vị giáo sư École polytechnique, trường đào tạo kỹ sư nổi tiếng nhất Pháp đã trình bày: « Hoàn toàn đồng ý là nguyên tử lực là nguồn năng lượng nguy hiểm, nhưng ngưng nguyên tử lực chúng ta sẽ thay thế bằng nguồn năng lượng gì? Vì hơn 70 % điện lực ở Pháp là do nguyên tử lực!», không có câu trả lời thích đáng, buổi họp chấm dứt.

Chính trị gia muốn ngưng nguyên tử lực nhưng các kỹ thuật gia chưa có phương pháp thay thế hữu hiệu. Tất cả mọi người đều mơ một nguồn điện dồi dào, không tác hại trên hệ thống môi sinh, giá thành rẻ, v.v... Điều này có thể thành sự thật khi con người hoàn chỉnh được **Nuclear Fusion**.

Nuclear Fusion (kết hợp hạch tâm), khi hai nhân nguyên tử kết hợp lại để tạo thành một nhân nguyên tử nặng hơn. Phản ứng kết hợp nhân nguyên tử này sinh ra một nguồn nhiệt lớn, như hoạt động tự nhiên trong Mặt trời và hầu hết các ngôi sao trong vũ trụ. Đặc tính của phương pháp này là 'sạch' vì không thải ra chất phóng xạ, nguồn nhiệt gần như vô tận.

Mặc dù nhiều nghiên cứu về nuclear fusion được thực hiện trên toàn thế giới từ những năm 1950, nhưng chưa áp dụng nào thành công vào việc sản xuất năng lượng. Trong phương pháp này, các kỹ sư phải đối diện với thách thức thứ nhất là tạo ra nhiệt độ hàng triệu độ để phản ứng kết hợp nhân nguyên tử tạo thành khối **plasma**. Thách thức thứ hai, là duy trì trong một không gian hạn chế, khối plasma đã hình thành, với nhiệt độ của nó còn tăng cao nhiều lần hơn trước; nên nuclear fusion còn được gọi là Thermonuclear fusion tạm dịch là 'nhiệt nguyên tử lực'.

Ngày 21 tháng 11 năm 2006, các quốc gia tiên tiến trên thế giới đã ký kết hiệp ước nghiên cứu chung chương trình nuclear fusion với 35 quốc gia thành viên: Các quốc gia Cộng Đồng Âu Châu, Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Hàn, và Thụy Sĩ. Chương trình mang tên ITER (**International Thermonuclear Experimental Reactor**), cơ sở đặt tại Trung Tâm Cadarache ở Saint-Paul-lez-Durance gần Marseille, Pháp Quốc.

LỜI CẢM TẠ

Gia Đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ

- Quý thân bằng quyến thuộc
- Quý cựu giáo sư và cựu học sinh Trường TH Petrus Ký, Sài Gòn.
- Quý thầy cô và quý Hội Phụ Huynh trường Việt Ngữ Heidelberg
- Quý đồng nghiệp kiến trúc sư Sài Gòn
- Quý bạn hữu xa gần

Đã gửi điện thư chia buồn, gọi điện thoại thăm hỏi, an ủi, thăm viếng, tham dự tang lễ và cầu nguyện cho

**Bà Hồ Văn Thái
Nhũ danh**

Maria Têrêsa Phan Thị Hòa-Huỳnh

Đã được Chúa gọi về
ngày 10 tháng 9 năm 2019
Tại Mannheim, Đức Quốc

Xin nguyện cầu Thiên Chúa phù hộ bội phần trên quý vị

Tang Gia Đồng Cảm Tạ

- Chồng Hồ Văn Thái
- Trưởng Nữ: Hồ Thị Đoan-Trang, chồng và các con
- Trưởng Nam: Hồ Tuấn Phương, vợ và các con

Hy vọng rằng chương trình này nhanh chóng đi đến thành công, nếu không chúng ta phải suy nghĩ lại việc sử dụng năng lượng. Vì lượng điện sản xuất trên toàn thế giới không đủ cung cấp cho nhu cầu hiện tại, nay lại thêm phong trào xe điện thay thế xe xăng, dầu. Một vài ngàn xe điện đã là một vấn đề, nếu tất cả đều được thay thế bằng xe điện, thật là một viễn cảnh đáng sợ! Ngoài ra hệ thống bình điện của các xe điện này sẽ tạo thêm nhiều mâu thuẫn trong hệ thống môi sinh.

Đây là các đề tài thiên quán cho Phật tử chúng ta trong suốt năm Canh Tý 2020 và những năm sau đó.

• **Liễu Đào**

MÙA XUÂN TẢN MẠN VỚI CHỮ XUÂN

“*Nhất điểm Xuân quang xứ xứ hoa*”



• Lâm Minh Anh

Đặt nhẹ tách trà ướp sen lên bàn. Dư vị hương sen thanh khiết như còn đọng nơi đầu lưỡi, ông Tàu Tư phân trần cùng với ông Tàu Lý:

- Tết nay đến chúc Xuân bác có muện hơn mọi năm, vì tôi về thăm họ hàng, ăn Tết ở quê nhà.

Ông Tàu Lý vội đỡ lời:

- Mình vẫn còn những ngày Xuân để thưởng Xuân mà, như Thiên sư Chân Không thời nhà Lý từng viết: “Xuân đến Xuân đi ngõ Xuân hết / Hoa tàn hoa nở ấy vẫn Xuân (*Xuân lai, xuân khứ, nghi xuân tận / Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân*)”.

Mùa xuân được tính từ tháng Giêng đến tháng Ba, một trong tứ Quý.

Tháng Giêng được gọi là *Mạnh Xuân* với tiết Lập Xuân đầu tiên trong năm. Theo truyền thống, phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian, mọi sinh hoạt văn hóa được khai diễn, tổ chức trong tháng này, như lễ hương chư Phật, cúng

rước Ông Bà, chúc Xuân mừng tuổi, vui Tết hội Xuân, thông thả chơi Xuân... như cổ thi đã viết “*Xuân du phương thảo địa*”.

Tháng Hai gọi là *Trọng Xuân* với tiết Kinh Trập, có câu thơ: “Mượt mà cảnh sắc tháng Hai xuân / Chim chóc hòa ca bản hợp quần”, là tháng cho làm lễ cưới xin (Lễ Ký, phần Chu Lễ), nên Xuân cũng dùng để chỉ cho tình yêu nam nữ. Tháng Ba gọi là *Quý Xuân*, có tiết Thanh Minh, với tục tảo mộ, trẩy hội, diễu tuần nơi đình làng... Trên đường làng, *hoa Xuân (Xoan) lớp lớp rụng rơi đầy*, báo hiệu những ngày cuối Xuân. Trong *Mưa Xuân* Nguyễn Bính từng nhắc nhớ: “*Anh ạ! Mùa Xuân đã cạn ngày*”... Cụ Nguyễn trong Kiều cũng có câu: “*Thanh Minh trong tiết tháng Ba / Lễ là tảo mộ, hội là Đạp thanh*”...

Ông Tàu Tư bỗng chen lời:

- Nhưng “*nhất niên chi kế tại ư Xuân*” (Lo liệu cho một năm là ở mùa Xuân). Phải như thế nữa chứ!

Tàu Lý nhẹ cười:

- Mùa Xuân hiện ra giữa nắng hồng, muôn ngàn cỏ non xanh mướt, hoa nở trăm sắc, với hơi ấm gió trong... là biểu tượng sinh khí thăng hoa của vũ trụ vạn vật, trong đó có cả con người. Theo Kinh Dịch là “*Khởi ư Xuân*”... tức vạn vật bắt đầu vào mùa Xuân. Nói cách khác, Xuân là đức nguyên của vạn vật. Từ niềm tin này, nhân gian có tục xin chữ vào những ngày đầu xuân. Theo quan niệm “*Nhất tự thiên kim*” – một chữ đáng giá ngàn vàng, họ xin được để có treo trước hay trong nhà, cầu mong “*lấy hên*” suốt năm, bởi ý nghĩa sâu xa của chữ. Với những chữ như chữ Xuân, chữ Phúc, chữ Vương... theo sự tích lũy của thời gian, tự nó đã có ý nghĩa, có giá trị nhất định, đôi khi trở nên thiêng liêng dưới góc nhìn của dân gian.

Song với một số người, họ lại thích xin chữ “*Ngũ Phúc Lâm Môn*” – 5 Phúc cùng đến nhà. Theo thiên Hồng Phạm trong Kinh Thư thì 5 Phúc đó là: “*Nhất viết Trường Thọ; nhị viết Phú Quý; tam viết An Khang; tứ viết Hào Đức; ngũ viết Khảo Chung mệnh*”. Hào đức (đạo đức tốt, lương thiện, nhân hậu) được xem là quan trọng nhất.

Tương tự, đối với chư Tăng thì chúc Phúc cho Phật tử bằng 4 phẩm: *Sống lâu, Sắc đẹp, An vui và Sức mạnh*. Theo Kinh *Tăng Chi*, hiểu nghĩa “*Sống lâu*” là đạt được Tứ Thần túc (4 phép thiên định: Dục, Cần, Tâm, Quán), “*Sắc đẹp*” là nghiêm trì giới luật, “*An vui*” là thành tựu Tứ thiên (4 cấp độ công phu tu thiền: Sơ, Nhị, Tam,

Tứ), "Sức mạnh" là thành tựu Ngũ lực (5 lực đạt được do tu tập: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ).

Rồi chẳng biết Tàu Lý tâm đắc với điều gì, ông ngâm tràn:

*Xuân tâm, Xuân cảnh, Xuân tình,
Xuân điền, Xuân đạo, Xuân đình, Xuân kim...*

Tàu Tư nghe qua thoáng ngỡ ngợ, thoáng mơ hồ... dường như chưa kịp hiểu các từ kép mà Tàu Lý vừa buông ra. Ông định hỏi cho rõ thì Tàu Lý đã chậm rãi:

- Xuân là chữ hội ý, nên xem lại chiết tự qua từng thời kỳ hình thành chữ viết để hiểu được nguyên ngữ rõ hơn.

• Giáp Cốt Văn: có tự hình của chữ Xuân



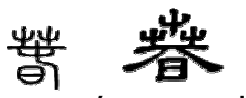
(1) Bên trái, trên là *bộ triệt* [艸], nghĩa là: cây cỏ mới mọc. Bên trái, dưới là *chữ táo* [早], nghĩa là: buổi sáng sớm, gồm chữ *đán* 旦 (buổi sáng vắng dương ló dạng ở chân trời) và chữ *nhất* 一 – viết đứng thẳng (khởi sinh vạn vật). Bên phải là *chữ xuân - truân* [屯], biểu ý cây cỏ mọc xuyên qua mặt đất...

(2) Hai bên có *bộ thảo* [艸], nhiều hoa cỏ, và *bộ mộc* [木], nhiều cây cối. Ở giữa là chữ *truân - đồn* [屯], nghĩa là: thôn trang, doanh trại, cất giữ...

• Kim Văn: tự hình của chữ Xuân 𠄎:

Trên là *bộ thảo* [艸] nghĩa là cây cỏ, giữa là chữ *xuân - truân - đồn* [屯] nghĩa là nơi trọng yếu đóng binh, dưới là chữ *nhật* [日] nghĩa là mặt trời, ban ngày, tỏa sáng.

• Cùng với ý nghĩa như trên, bước qua Triệt thư và Lệ thư, chữ Xuân đã có tự hình



• Và khi qua Khải thư có được tự hình của chữ Xuân: 春

Chữ Xuân qua Khải thư có trên là bộ thảo 艸 với 2 nét ngang 二 kết hợp chữ nhân 人 theo thuyết Tam tài (Thiên, Địa, Nhân); dưới là mặt trời – chữ nhật 日, chỉ khí dương.

Như thế, với nghĩa gốc là dưới nắng ấm của mặt trời, khí dương hiện diện, làm cho lá hoa, cây cỏ từ từ đâm chồi nảy lộc, thôn trang thức sớm, lòng người phấn khởi... nói lên sự bùng dậy sức sống của đất trời, của người và muôn vật... đó chính là Xuân.

Nghe đến đây, trong trí ông Tàu Tư như chợt hiện lên hình ảnh ngày Xuân đầy màu sắc qua cách phác họa của Hàn Mặc Tử trong "Mùa Xuân Chín":

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.*

Trong khi đó ông Tàu Lý như vẫn đang say sưa chỉ với chính ông:

- "Xuân phúc tại Kiền nguyên chi đức" – Mùa Xuân mang đến đức nguyên là khởi đầu mọi điều Thiện của Kiền (đạo Trời). Quẻ Kiền (Càn) bao gồm 4 phẩm đức là Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Kiền viết: "Nguyên giả thiện chi trưởng dã". Còn nói: "Xuân phúc khai thái" – Mùa Xuân mở ra cơ hội suôn sẻ (đức Hanh); Mùa Xuân nảy sinh vượng lộc (đức Lợi); Mùa Xuân báo hiệu điềm lành (đức Trinh).

Nói cách khác, mùa Xuân ứng với quẻ Địa Thiên Thái. Ngoại quái là quẻ Khôn ☷, hào âm 3 vạch đứt, Nội quái là quẻ Càn ☰, hào dương 3 vạch liền. Do đó có câu: "Tam dương khai thái", chỉ rằng mùa Xuân thịnh đức tại Dương.

Ông Tàu Tư tham gia góp chuyện:

- Theo thuyết Ngũ hành thì mùa Xuân cũng thịnh đức tại Mộc!

Ông Tàu Lý mỉm cười, chậm rãi:

- Nghĩa của Xuân, cả của Truân và Đồn, trong sinh hoạt dân gian xưa nay đã có nhiều đề cập. Ví dụ:

+ Dương Hùng viết: "Xuân mộc chi đồn hễ" – Cây cỏ Xuân mới mọc tươi non.

+ Trang Tử viết: "Chúng nhân dịch dịch, thánh nhân ngu truân" – Mọi người xông xộc, thánh nhân không phân biện.

+ Hồng Lô Mộng: “*Thái thị hương đồn lý đích nhân*” – Bà ấy là người thôn trang (nhà quê).

+ Tây Kinh Phú – Trương Hành viết: “*Vệ úy nhập đồn, canh dạ tuần trú*” – Vệ úy vào doanh trại, ngày đêm tuần phòng.

+ Sách xưa viết: Đóng binh làm ruộng gọi là làm đồn điền. Ngày nay họp người khai khẩn ruộng nương cũng gọi là đồn điền 屯田.

+ Thơ tặng Phạm Diệp – Lục Khải viết: “*Giang Nam vô sở hữu / Liễu tặng nhất chi Xuân*”, Giang Nam chẳng có gì, chỉ có cành mai (thanh xuân) tặng người.

+ Kinh Thi viết: “*Hữu nữ hoài xuân*” – Thiếu nữ ôm ấp chuyện vợ chồng (chỉ tình yêu nam nữ).

Ông Tàu Tư lại chen lời:

- Phải chăng xưa nay, văn chương thi phú đều phản ánh ít nhiều những nét linh động, ý nghĩa ẩn dụ của chữ Xuân trong mùa Xuân?

Tàu Lý ôn tồn:

- Không sai! Chúng mình có thể điếm qua ý nghĩa chữ Xuân đã biểu hiện trong thi ca, thử phân theo từng đề mục:

● Xuân với tuổi trẻ:

Mùa Xuân mở ra cơ hội suôn sẻ (đức Hạnh) thi tuổi trẻ với Xuân như là một, như Nhị Độ Mai – Hoa mai nở tới hai lần đã biểu hiện “*Trai tài gái sắc đương xuân vừa thì*”.

Tương tự:

+ Kinh Thi có bài Hoa Đào Yêu: “*Đào nhi yêu yêu chúc chúc kỳ hoa*” – Hoa đào tơ nõn rục rỡ lá hoa.

+ Đường Thi nào là “*Đào hồng hựu thị nhất niên xuân*” – Đào hồng nở rộ lại thêm một mùa Xuân (Khánh Toàn Am Đào Hoa của Tạ Phương Đắc). “*Dương tử giang đầu dương liễu Xuân*” – Đầu sông Dương tử dương liễu xanh (Hoài Thượng Biệt Hữu Nhân của Trịnh Cốc)...

+ Nguyễn Bính trong Cô Lái Đò: “*Sông xưa chảy mãi làm đôi ngả / Ta biết xuân nhau có một thì*”.

+ Đông Hồ trong Cô Gái Xuân: “*Tưng bừng hoa nở, bóng ngày xuân / Rục rỡ lòng cô, hoa ái ân*”...

● Xuân với sức sống:

Mùa Xuân này sinh vượng lộc (đức Lợi), tức đem lại sự sống cho muôn loài, mà trong đó ẩn tàng một sức sống, cây khô còn sống lại được “*Cô bốn phùng xuân*” (Cổ thi).

Huống hồ là:

+ “*Điều thủ hồi xuân*” – Khéo tay đem lại sự sống (Thành ngữ).

+ “*Xuân phong xuy hựu sinh*” – Gió lành làm nảy nở sinh sôi (Bạch Cư Dị trong Phú Đắc Cổ Nguyên Thảo Tống Biệt).

+ “*Kim triều hốt kiến số hoa khai*” – Sớm nay chợt thấy ngàn hoa đua nở (Trường Duy Hàn trong Xuân Nữ Oán).

+ “*Tạc dạ nhất chi khai*” – Đêm qua một cành hoa chớm nở (nhà sư Tề Kỳ trong Tảo Mai).

+ “*Đông phong niểu niểu phiếm sùng quang*” – Gió Đông phơi phơi màu Xuân sáng (Tô Đông Pha trong Hải Đường).

Tàu Lý chợt ngừng nói, với tay lấy bình rượu rót đầy 2 ly, ông đưa sang Tàu Tư:

- Xin mời Bác ly Xuân, ta cùng nhau mừng Xuân.

Ông Tàu Tư mỉm cười nâng ly. Tàu Lý tiếp lời:

- Xuân là cách gọi chỉ Rượu [酒] của người đời Đường. Chúc [酌] là rót rượu, uống rượu.

Xuân chúc [春酌] nói lên ngày Xuân ghép Rượu đề Thơ là một cách thường Xuân thời ấy.

+ Cho nên Vương Duy trong Tống Xuân Từ đã viết: “*Niên niên Xuân cánh quy / Tương hoan hữu tôn tử*” – Năm năm Xuân lại về / Vui say với vò rượu.

+ Lý Bạch trong các bài thơ Xuân Nhật Túy Khởi Ngôn Chí, Tương Tiến Tửu, Xuân Tứ... mình họa rất sát nghĩa với cái thú vui Xuân, Rượu và Thơ. Xem thử các câu: “*Giác lai khán đỉnh tiên / Nhất điều hoa gian minh / Tá vấn thử hà nhật / Xuân phong ngữ lưu oanh*...” – Tỉnh rượu dậy trông sân trước / Nghe tiếng chim hót trong hoa / Hôm nay là ngày nào nhỉ / Gió Xuân thoang thoang oanh ca...

+ Còn Vương An Thạch trong Nguyên Nhật viết: “*Xuân phong tổng noãn nhập đồ tử*” – Gió Xuân hơi ấm hương pha chén nồng.

+ Nguyễn Bính trong bài Thơ Xuân cũng viết:

“*Đây cả mùa xuân đã đến rồi
Tưng nhà mở cửa đón vui tươi
Tưng cô em bé so màu áo
Đôi má hồng lên nhí nhánh cười...*”

*Có những ông già tóc bạc phơ
Rượu đào đôi chén bút để thơ
Những bà tóc bạc hiền như phật
Sắm sửa hành trang trẩy hội chùa...*

• Tình xuân hay Xuân tình:

Mùa Xuân báo hiệu diêm lành (đức Trinh). Đắm mình trong đức Trinh, trong sức sống của Xuân, như Mạnh Hạo Nhiên trong Buổi Sớm Mùa Xuân (Xuân Hiếu) đã chìm trong giấc Xuân quên cả bình minh đang lên "*Xuân miên bất giác hiếu*". Tưởng rằng vậy, nhưng con người với sự đa cảm đâu thể không thốt với Xuân "*Xứ xứ vấn đề điếu / Dạ lai phong vũ thanh / Hoa lạc tri đa thiếu? – Khấp nơi chim ríu rít / Đêm nghe tiếng gió mưa / Hoa rụng nhiều hay ít?*".

Cái tình của con người đối với Xuân nó muôn hình vạn trạng:

+ "*Xuân phong bất cải cựu thời bả*" – Gió Xuân chẳng đổi sóng ngày xưa (Hạ Tri Chương trong Hồi Hương Ngẫu Thư).

+ "*Xuân phong bất tương thức*" – Gió Xuân ai biết cho cùng (Lý Bạch trong Xuân Tứ).

+ "*Thâm tỏa xuân quang nhất viện sầu*" – Ánh Xuân khóa chặt sầu chôn một tòa (Lưu Vũ Tích trong Xuân Từ).

+ "*Nhất phiến hoa phi giảm khước xuân*" – Một cánh hoa tàn Xuân kém tươi (Đỗ Phủ trong Khúc Giang).

+ "Đông quân sao khéo vô tình / Cảnh hoa tàn nguyệt bực mình hoài Xuân" (Nguyễn Gia Thiều trong Cung Oán Ngâm Khúc).

Ông Tào Tư vội cắt ngang:

- Đông Quân cũng còn gọi là Đông Hoàng phải không Bác?

Tàu Lý ôn tồn:

- Đúng rồi Bác. Theo như Vương Sơ trong bài Lập Xuân Hậu Thi có câu: "*Đông quân Kha bệ hường san sar*" – Chúa Xuân đeo ngọc kêu leng keng. Còn Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông của ta trong bài Xuân Văn cũng có câu: "*Như kim khám phá Đông hoàng điện*" – Gương mặt chúa Xuân nay đã tỏ. Đông quân hay Đông hoàng đều chỉ cho chúa Xuân.

• Cảnh xuân hay Xuân cảnh:

Chúa Xuân dệt nên cảnh vật, nhưng con người tiếp nhận cảnh vật trong tâm thế khi người buồn thì cảnh có vui đâu bao giờ. Trong Đề Tích Sở Kiến Xứ của Thôi Hộ, đào hoa phản ánh má ai

hồng năm nào – "*Nhân diện đào hoa tương ánh hồng*", giờ đây một nàng Xuân không biết ở nơi đâu, còn nàng Xuân kia lại vẫn cười cợt với gió Xuân.

Vì vậy với Xuân, mỗi người có một tâm trạng khác nhau:

+ "Cỏ non xanh tận chân trời / Cành lê trắng điểm một vài bông hoa" – (Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du).

+ "*Đào hoa đào điệp lạc phân phân*" – Hoa đào lá đào bay là tả (trong U Cư của Nguyễn Du).

+ "*Xuân đáo bách hoa khai / Hoàng oanh đề liễu thượng*" – Xuân đến trăm hoa nở / Oanh vàng ca liễu thắm (trong Ý Kinh Pháp Hoa).

+ "*Khách lai bất vấn nhân gian sự / Cộng ý lan can khan thúy vĩ*" – Khách vào không hỏi chuyện nhân thế / Cùng tựa lan can ngắm biếc trời (trong Xuân Cảnh của Điều Ngự Giác Hoàng).

Đến đây trong ông Tào Tư như ngập đầy hình ảnh hoa đào ở vãn thơ của Trương Húc "*Đào hoa tận nhất tùy lưu thủy*" – Hoa đào trôi mãi theo dòng nước. Ông liên tưởng đến chàng ngư phủ đời Tấn lạc động Đào nguyên, được thấy như có người tiên đang thanh thoát sống giữa cảnh tiên. Xa hơn nữa, thời nhà Hán có hai chàng Lưu, Nguyễn cũng lạc Thiên Thai. Việt Nam ta lại có chuyện ông quan Từ Thức không đi lạc, nhưng tùy ở duyên mà gặp được nàng Giáng Hương ở động Thần Phù. Cũng vậy, trong Bích Câu Kỳ Ngộ có chàng Tú Uyên nhân tiết Xuân, đi thường Xuân: "*Ngọc Hồ có đám chay tắng / Nức nô cảnh Phật tung bưng hội Xuân*". Tú Uyên có duyên may gặp được tiên nữ Giáng Kiều ở Bích Câu, kết tóc se tơ, rồi sau cả hai cùng lên được cõi tiên.

• Xuân điền, Xuân đạo, Xuân đình, Xuân kim, Xuân tâm:

Trong khi Tào Tư còn đắm chìm trong chuyện cõi tiên, ông Tàu Lý vẫn thao thao:

- Xuân điền (ruộng Xuân) gắn liền với Tâm điền (ruộng Lòng). Ruộng Xuân nếu gieo giống tốt, gặp duyên lành sẽ được mùa màng tốt. Ruộng Lòng nếu luôn nghĩ điều lành, hành trì đạo đức thì sẽ hưởng được quả lành. Từ chỗ Tâm Điền, dễ liên tưởng đến Tâm Thiền là Tâm thanh tịnh, nó được chăm sóc nuôi dưỡng, dùng để cắt đứt gốc rễ khổ đau của Thân và Tâm.

Ông Tào Tư như muốn níu kéo ông Tào Lý quay lại chuyện thi phú:

- Bác Lý à, những câu thơ Xuân bác nói lúc nãy, dường như nó bàng bạc cả không gian của Đường thi?

Ông Tào Lý cười xòa:

- Kim Thánh Thán xưa đã từng cho Đường thi là "tuyệt xướng của ngàn bậc Thánh". Không cần phải xét đến giá trị của Đường thi biểu hiện tắc lòng Xuân của người xưa nữa. Mùa Xuân là bản tình ca hòa điệu giữa con Người với Đất Trời. Từ người biết và điều được biết, từ người thấy và cái được thấy đã gặp gỡ trong thanh âm đất trời thẳm lặng giao mùa. Trong thiên Lý Xuân, tác giả Lập Hạnh đề thơ: "Xuân là Đạo, Đạo trời ban phát / Đạo là Xuân, Xuân lạc thiên nhiên / Vui Xuân vui với Tâm điền / Tiết thời hòa dịu, người yên, vật lành".

Theo Trang Tử thì xưa có cây Xuân lớn, lấy 8.000 năm làm 1 mùa Xuân. Nên sau người đời dùng chữ Xuân để chúc thọ. Xuân Đình là chúc thọ cha. Xuân Huyền là chúc thọ cho cha và mẹ. Đã có những câu chúc như: "Xuân huyền tịnh mậu thọ nguyên trường – Xuân huyền tươi tốt tuổi thọ cao". Hoặc "Đình tiền xuân thụ hộ phương linh – Cây Xuân sân trước nâng cao tuổi". Trong truyện Hoa Tiên của Nguyễn Huy Tự cũng có câu nói lên sự ước muốn trường thọ, trường sinh:

*"Nhà xuân vừa mở thọ diên
Chén pha giếng cúc, bàn chen non đào"...*

Tuy nhiên, trong thi kệ nhà Phật lại nhắc nhở: Mỗi một mùa Xuân trôi qua, đời người cũng sẽ mất đi một cái gì quý nhất (*Thị nhật dĩ quá, mạng diệc tùy giảm – Ngày này đã trôi qua, mạng sống cũng giảm dần*).

Tương tự, thiền sư Thiện Tùng viết trong bài Tuệ Triều: "Kim triều tận đạo thiên nhất tuế / Ngô đạo như kim giảm nhất niên – Sáng nay người bảo thêm một tuổi / Ta nói ngày này bớt một năm".

Trong Khóa Hư Lục, qua bài Tứ Sơn, Trần Thái Tông ví đời người như 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông tượng trưng cho Sinh, Lão, Bệnh, Tử: "Nhân chi sinh tướng tuế nãi Xuân thi – Con người sinh ra trên đời cũng như một năm bắt đầu từ mùa Xuân".

Xuân Đạo nói lên cái lý vô thường, vô ngã, con người nên giữ giới gìn tâm, giữ ý gìn lời...

Xuân của bậc tu hành là sự giác ngộ theo như thiền sư Cao Phong Diệu:

"Bách niên nan ngộ tuế triều Xuân – Trăm năm khó gặp một ngày Xuân".

Tào Tư chợt bật hỏi:

- Thế thì ngày Xuân của hôm nay (Xuân kim), khí Xuân, trời Xuân, hoa Xuân, cỏ Xuân, nhân sinh vũ trụ... được hiểu như thế nào?

Ông Tào Lý chậm rãi:

- Thực ra, Xuân thế gian hay Xuân thiên nhiên, trời đất cứ xoay vần miên man. Nó đến rồi đi, đi rồi lại đến, thoát nhiên hiện, thoát nhiên biến, "như trắng đáy nước, như hoa lồng gương", làm lòng người luyến tiếc, mong chờ, níu kéo... Cho nên trong một lần đón Xuân sang, Khổng Minh Gia Cát Lượng trong Vô Đề đã thốt: "Thảo đường Xuân thụ túc – Lều tranh tràn giắc Xuân đầy".

Đó là Tâm đối với Vật, Tâm đối với Sắc Không.

Nhưng đối với Xuân tâm hay Tâm xuân là Xuân sinh bên trong, nó bùng nổ một cách vĩnh hằng, không vì sự chuyển dịch, thay đổi, tàn tạ của hiện tượng Xuân ngoại vật mà tiêu tán. Đó là bản thể thường trú của Xuân.

Tâm Xuân nơi đây, tâm của đời sống tâm linh, tâm của bậc giác ngộ, từ bi đối với chúng sinh. Tâm như luôn có hoa nở. Tâm thanh thản để chứa cái Mỹ của Văn, cái Thiện của Đời, cái Cảm với Thiên nhiên Vạn vật... Tâm như trống không, buông xả mọi phiền não, khổ đau, không may mắn chấp trước để có thể dung chứa cả càn khôn...

Nói cánh khác, nó vượt thoát yếu tố của định luật nhị nguyên giới hạn giữa thị và phi, giữa cũ và mới, giữa diệt và sinh... Nó luôn hiện hữu với mùa Xuân bất diệt như Mãn Giác thiền sư nói trong Cáo Tật Thị Chúng: "Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận / Đình tiền tạc dạ nhất chi mai".

Không hẹn, cả Tào Tư lẫn ông Tào Lý chợt cùng quay ra ngoài ngõ. Bên mé cổng, dưới nắng ấm, trên nhánh mai già vẫn còn vài nụ hoa tươi khoe trước gió. Thật rõ muôn đời vẫn một mùa Xuân – Vạn kiếp nguyên nhất Xuân (Thiền sư Phật Nhãn).

• Lâm Minh Anh

Ý THƠ NÉT HỌA TÀI TÌNH, THOÁT TỤC TRONG THƠ 'Thi Phật' Vương Duy

• Tịnh Tâm



Wang Duy (701-761), tự Ma Cát, người huyện Kỳ, Tấn Trung, Sơn Tây, Trung Quốc (Ảnh: thivien.net)

Wang Duy được biết đến với biệt danh Thi Phật. Ông là một nhà thơ nổi tiếng, nhà thư pháp, họa sĩ với nét họa tài hoa. Có cái tài xuất chúng cùng với tín tâm tròn đầy nơi đất Phật, ông là nhà thơ duy nhất phác họa được cảnh giới tư tưởng Phật gia trong họa, và thổi hồn thiện trong từng ý thơ.

Tác phẩm của ông được đánh giá là: "Xem thơ mà nhìn họa, xem họa mà nghe thanh", nghĩa là đọc thơ mà như chiêm ngưỡng một bức họa, ngắm họa mà như nghe thanh nhạc.

Wang Duy (701 – 761), tự Ma Cát, người huyện Kỳ, Tấn Trung, Sơn Tây, Trung Quốc. Ông là một nhà thơ, một họa sĩ, một nhà viết thư pháp và một chính khách nổi tiếng đời Đường. Ông còn được người đời gọi là Thi Phật. Cùng với Lý Bạch (Thi Tiên) và Đỗ Phủ (Thi Thánh) là ba người nổi tiếng về tài thơ ca thời Đường. Ngày nay còn giữ được khoảng 400 bài thơ của ông, với phong cách tinh tế, trang nhã. Wang Duy còn là một nhạc sĩ, một nhà thư pháp, đặc biệt là một họa sĩ nổi tiếng.

Ông cũng là người tinh thông về Phật học và theo trường phái Thiền tông. Ông cả đời "thích Đạo", từ năm 15 tuổi làm thơ đã viết "Tự hữu

sơn tuyền nhập, phi nhân thái họa lai" (Non nước tự nhiên đến, chẳng phải vẽ ra tranh), điều đó thể hiện rằng ngay từ thuở thiếu thời trong lòng ông đã có núi non sông nước, tâm hồn thơ tự do thoáng đạt. Đường Đại Tông khen ngợi ông là "Thiên hạ văn tông" (Ông tổ văn chương của thiên hạ). Đỗ Phủ cũng ca ngợi ông "Câu thơ tuyệt mỹ truyền khắp cõi".

Cả cuộc đời được đắm mình trong Phật Pháp, hồn thơ mang cảnh giới siêu phàm:

Ngay từ nhỏ ông đã được thấm nhuần tư tưởng nhà Phật, được lắng nghe lời mẹ dạy hướng Phật, tín Phật. Nên trong ông và em trai ông là một tín tâm tròn đầy gửi gắm nơi Phật tịnh.

Ngay từ nhỏ ông đã được thấm nhuần tư tưởng nhà Phật, được lắng nghe lời mẹ dạy hướng Phật, tín Phật.

Cùng nổi danh với em trai tên Tấn, tư chất hiếu mẹ cha, lấy thiện đãi người mà bình hòa với bằng hữu, hai anh em đều dốc chí thờ Phật. Thiện niệm dần dần đưa ông đi đến con đường tu Phật, thanh tâm quả đục, sống cuộc sống vừa làm quan vừa ở ẩn, mỗi ngày bãi triều về phủ, liền thấp hương tịnh tọa, gạt bỏ vọng niệm, tụng niệm kinh Phật.

Với cảnh giới tâm siêu nhiên tu tâm hướng thiện, yên tĩnh xa xôi, ông đã cảm nhận được ý nghĩa chân thực của sinh mệnh và sự thần diệu của thế giới, lắng nghe được nốt nhạc đến từ thiên thượng. Ông đạt được rất nhiều thành tựu to lớn trong các lĩnh vực thơ thư họa nhạc nên được Tô Thức khen ngợi là "Vị Ma Cát chi thi, thi trung hữu họa; quan Ma Cát chi họa, họa trung hữu thi". (Thưởng thức thơ Ma Cát, trong thơ có tranh. Ngắm nhìn tranh Ma Cát, trong tranh có thơ)

Ý vị hồn thơ của ông vượt khỏi tư duy thông thường nhờ cảnh giới tư tưởng thoát tục:

Wang Duy để lại rất nhiều bài thơ lưu danh thiên cổ và nhiều bức tranh nổi tiếng truyền đời. Ông hòa nhập nghệ thuật thi họa thành một thể, đưa "thi cảnh" vào họa cảnh, làm cho ý tranh đầy đặn hơn, sâu lắng hơn, đưa "họa cảnh" hòa nhập "thi cảnh", làm cho ý thơ hình tượng hơn, tinh tế và kỳ diệu hơn.

"Đại mặc cô yên trực
Trường hà lạc nhật viên".

Dịch:

"Sa mạc làn khói trắng
Sông dài mặt trời tròn"

Ý thơ khắc họa một cảnh tượng hùng vĩ, kỳ thú, tráng lệ khiến người nghe như đang ngắm một bức họa chứ không đơn giản là một câu thơ. Là sự điềm tĩnh và vần điệu trôi chảy của:

"Minh nguyệt từng gian chiếu
Thanh tuyền thạch thượng lưu"

Dịch:

"Trăng sáng giữa rặng tùng
Suối trong trên đá chảy".

Trong thơ của ông thể hiện rõ nhất là chữ "cảnh", nó được miêu tả rất chi tiết, nhưng lại rất tinh tế. Bởi vậy mà người đời ca ngợi thơ ông: "Ý thú u huyền, điệu tại văn tự chi ngoại" (Ý tứ thú vị, sâu lắng, huyền ảo, kỳ diệu ở ngoài con chữ). Ông vui thú kết giao bằng hữu, giao lưu thi nghệ, khi ẩn cư giữa nơi sơn thủy để bồi đắp tâm thân, thì niềm vui tìm được những bằng hữu cùng chung chí hướng của ông khôn tả xiết.

Trong các bài thơ như "Sơn trung dữ Bùi tú tài thư" (Thư gửi Bùi tú tài trong núi), "Yến tử khám thiên sư" (Thiên sư ở khám Yến Tử) và "Du Ngô Chân tự" (Đạo chơi chùa Ngô Chân)... ông đã miêu tả lại những cảnh tượng khi ở cùng với bằng hữu: "Khi thì ngâm thơ xướng họa, vẽ tranh gảy đàn".

Lúc thì cùng chơi thuyền thưởng thức gió mát trăng thanh, khi thì leo lên đỉnh núi thấy các núi xung quanh nhỏ, thưởng thức mây mù trên những đỉnh núi kỳ lạ, nghe suối reo thánh thót.

Lúc thì chơi cờ với tiên nhân, trò chuyện cùng tiêu phu, vui đùa cùng chim chóc. Mùa xuân thưởng ngoạn hoa rừng rực rỡ, mùa hạ uống nước suối trong ngọt như nước cam lồ, mùa thu nghe tiếng nhạn kêu tí trời cao, mùa đông ngắm nhìn khóm trúc trong tuyết trắng.

Có thể nói rằng thơ ông như vẽ lên một bức họa chốn bồng lai tiên cảnh, thoát tục mà thấm đẫm sự tiêu giao. Từ trong kết giao bằng hữu, ông luôn tìm người đồng hành kết đạo, trong tập "Quá Lý Tập trạch" Qua nhà Lý Tập.

Có thể nói rằng thơ ông như vẽ lên một bức họa chốn bồng lai tiên cảnh, thoát tục mà thấm đẫm sự tiêu giao. (Ảnh: pinterest.com)

"Dữ ngã đồng tâm nhân
Lạc đạo an bản giả"

Dịch:

"Người đồng lòng với ta
An bản lạc đạo mà".

Hay trong Đào nguyên hành ông viết:
"Xuân lai biến thị đào hoa thủy
Bất biện tiên nguyên hà xứ tầm".

Dịch:

"Xuân đến khắp nơi đào hoa trôi
Tìm tiên đào nguyên ở đâu rồi".



Tinh thần cầu đạo và tìm đạo trong ông chưa bao giờ ngừng thôi thúc. Chính vì thế, ý thơ trong ông luôn là sự khao khát mong mỏi kiếm tìm chân đạo, tìm những bằng hữu đồng đạo như ông. Với ông cuộc sống như vậy mới đúng là thi vị đáng có của một đời người.

Nghe thơ mà chiêm họa, là nét đặc sắc điêu nghệ tài hoa của nhà thơ Vương Duy.

Những người được thưởng thức tác phẩm thi họa của ông đều nhận định trong thơ có họa mà họa có âm thanh. Ý nói rằng đọc thơ ông là thấy luôn bức tranh đang hiện ra trước mắt. Đây chính là sự khéo léo trong việc miêu tả chân thực và sinh động trong từng vần thơ, khiến người đọc thơ mà như xem họa.

Trong tác phẩm nổi bật có tên *Thanh Khê*, ông viết:

"Ngôn nhập hoàng hoa xuyên
Mai trúc thanh Khê thủy...
Ngã tâm tố dĩ nhân,
Thanh xuyên đạm như thử"

Dịch:

"Lời nói chui vào suối Hoàng hoa
Hòa theo dòng Thanh Khê cùng chảy...
Lòng ta vốn đã an nhàn sẵn,
Suối trong kia lại rất êm đềm".

Suối Thanh Khê dưới ngòi bút của thi nhân, vừa yên tĩnh, vừa sống động, vừa sâu lắng, vừa thanh tịnh, từ giai điệu không ngừng chảy của nó, hiện ra bức tranh có các cảnh trí thiên nhiên khác nhau, thể hiện ra đặc tính rõ nét và sức sống tràn trề của nó. Ngòi bút của ông một lần nữa lại thể hiện cái tài, thanh dật thoát tục, trong vắt thanh tịnh.



Lòng ta vốn đã an nhàn sẵn. Suối trong kia lại rất êm đềm. (Ảnh: pinterest.com)

Một kỳ thú không thể nghĩ bàn đó là sự khéo léo gửi gắm tâm hồn chí hướng của mình vào núi rừng sông suối, không hòa vào thế tục. Thanh Khê ở đây chính là miêu tả nội tâm của nhà thơ, thanh tịnh, an nhiên giống như nước suối trong vắt, tâm cảnh và vật cảnh ở đây đã hòa nhập vào nhau.

Thơ ông có lúc như bức tranh thủy mặc sông chảy vô tận, như chảy ra ngoài trời đất, núi xa mờ ảo, như có như không, với cảnh quận, ấp nổi chìm đã lột tả cảnh mênh mông sông nước, biểu thị quang cảnh sóng lớn hùng tráng, mênh mông tới tận chân trời:

*"Giang lưu thiên địa ngoại,
Sơn sắc hữu vô trung.
Quận ấp phù tiền phố,
Ba lan động viễn không"*

Dịch:

*"Sông chảy ngoài trời đất
Sắc núi ẩn hiện mờ
Quận ấp trôi bên nước
Sóng gợn động tầng không"*
(Trích Hán giang lâm phiếm)



Sông chảy ngoài trời đất. Sắc núi ẩn hiện mờ. (Ảnh: pinterest.com)

Nhưng có lúc thơ ông lại như bức tranh màu đậm nét, sắc màu "hồng", "lục", sau cơn mưa, hoa đào càng tươi thắm hơn, rặng liễu xanh biếc bao trùm bởi màn sương khói mờ mờ như có như không, để mọi người nhìn thấy cảnh đẹp mùa xuân ở Võng Xuyên, thưởng thức hương hoa chim hót, cảm nhận hơi thở cuộc sống đậm đà thuần phác của người dân nông thôn vất vả cần cù.

*"Đào hồng phục hàm túc vũ
Liễu lục cánh đái triêu yên.
Hoa lạc gia đồng vị tảo
Oanh đề sơn khách do miên"*

Dịch:

*"Mưa cũ, đào tươi vẫn ngậm,
Khói xuân, liễu biếc còn đeo.
Hoa rụng trẻ nhà chưa quét,
Oanh ca khách núi ngủ khoèo".*
(Trích Điền viên lạc).

Thơ Vương duy như ngắm họa thưởng thanh, trong tĩnh mà nghe được âm thanh vạn vật:

Cái Không trong thơ Vương Duy rất dễ bắt gặp như hình ảnh: "không sơn", "không lâm", "không thủy"... Nhưng cái không đó không có nghĩa là không gian chết, hay sự âm đạm tiêu trầm, mà lại mang một sức sống ẩn chứa bởi những âm thanh của vạn vật trong thiên nhiên.

Thơ Vương Duy mang một sức sống ẩn chứa bởi những âm thanh của vạn vật trong thiên nhiên.

"Không sơn bất kiến nhân,
Đán văn nhân ngữ hưởng"

Dịch:

"Núi trống vắng tanh người,
Chỉ nghe vọng nói cười".
(Trích Lộc trại)

Phương pháp đòn bẩy được Vương Duy sử dụng rất hài hòa. Miêu tả cái động để rõ nét về tĩnh giống như hang rỗng truyền âm, để lộ rõ hơn cái Vô.

"Thanh xuyên hứng du du
Không lâm đối yển kiến"

Dịch:

"Suối trung vui nhộn như
Rừng vắng năm thành thơ"
(Trích Hỷ tặng Trương ngũ đệ yên)

Ngụ ý rằng dù thế sự rối ren, dòng đời trôi nổi, nhưng có cái tâm thanh tịnh, thì vẫn ung dung tự tại, ngao du trong chốn thanh tịnh mà khoái lạc thong dong.

"Không sơn tân vũ hậu,
Thiên khí vẫn lai thu"

Dịch:

(Núi không sau trận mưa rào,
Khí trời hiu hắt về chiều ra thu)
(Trích Sơn cư thu minh)



Ruộng nước mịt mù cò trắng cánh. Cây hè rợp bóng tiếng oanh ca. (Ảnh: pinterest.com)

Ngụ ý rằng dù thế sự rối ren, dòng đời trôi nổi, nhưng có cái tâm thanh tịnh, thì vẫn ung dung tự tại, ngao du trong chốn thanh tịnh mà khoái lạc thong dong. (Ảnh: blogspot.com)

Âm thanh của tiếng mưa vừa dứt đã gạt rửa hết bụi trần trong núi, núi càng lúc càng trong trẻo tươi sáng, vút bỏ ham muốn vật chất rối loạn, rửa sạch cõi lòng liên hiển hiện cảnh giới mênh mông trong trẻo và thanh khiết.

Cảnh giới thơ ông là vô vi, là tĩnh, đượm chất của tu tập thiền định:

Trong cảnh giới tư tưởng của Vương Duy, ông nói rằng, "Không" không có nghĩa là không có gì, mà là cái không có sức sống, trong cái không mà ngộ được ý nghĩa nhân sinh, và khi tâm thật sự tĩnh, thì con người như trở về với sơn thủy tĩnh lặng tràn đầy sinh khí. Khi đã đạt được *Không* và *Tĩnh*, lập tức cảm ngộ triệt để Phật lý, cảm nhận được sức sống bất diệt của tạo hóa.

Điều này được bộc lộ rõ trong bài thơ: *Diễn viên sơn thủy*. Vẻ đẹp tâm hồn của một thi nhân khi quan niệm về cái đẹp chính là cốt lõi của *Không* và *Tĩnh*, khi nhân sinh cảm ngộ, trong tâm tràn đầy ánh quang minh, bao dung vạn vật, dùng tâm cảnh này để quan sát cảnh vật, thì cảnh vật cũng thể hiện ra hư vô, tĩnh lặng, thanh tịnh mà thoát tục, thanh tao mà thi vị

Trong bài thơ "Tích vũ Võng Xuyên trang tác" (Sáng tác ở Võng Xuyên trang lúc mưa nhiều) tác giả viết:

"Mạc mạc thủy diễn phi bạch lộ,
Âm âm hạ mộc chuyển hoàng ly.
Sơn trung tập tĩnh quan triêu cần,
Tùng hạ thanh trai chiết lộ quỳ"

Dịch thơ:

"Ruộng nước mịt mù cò trắng cánh,
Cây hè rợp bóng tiếng oanh ca.
Dưới tùng trai tĩnh sương quỳ ngắt,
Trong núi tập thiền ngắm sớm hoa".

Ông miêu tả về cõi tiên ở trốn trần tục, sự thanh tịnh trong dòng đời ô uế, tiên cảnh đó chỉ hiển hiện khi con người đạt được cảnh giới vô vi, tĩnh lặng trong việc thiền định và trai tịnh. Thanh tẩy tâm thân, lập tức thấy cò trắng bay, hoàng oanh hát, thi nhân ở sơn trang Võng Xuyên, ẩn cư tu luyện mà thấy đời là cõi tiên, đó là một sự vui thú lớn hơn thầy mọi sự đời.

Thơ Vương Duy ngoài vẻ đẹp thanh bình, còn có cả sự tinh tế phong nhã. Ý thơ luôn hàm chứa những triết lý nhân sinh cao cả. Cảnh giới tư tưởng của ông thoát tục siêu phàm, nên hồn thơ của ông phóng khoáng mà không chịu sự ràng buộc bởi những danh lợi tình thế nhân.

Người ta nói thơ của ông trong vắt thanh tịnh như gương, bởi tâm ông chẳng hề vẩn đục. Những điều mà trong thiên định và chú trọng tu dưỡng tâm thanh có được đã là chiếc chìa khóa giúp ông khai mở năng lực siêu phàm của tự thân. Vương Duy nói: "*Trong lòng siêu thoát, không trở ngại, như băng trong suốt... cho nên hạ bút không có khí bụi trần*".

Nét vẽ trong hội họa của Vương Duy như bút tích của thần:

Cảnh giới tư tưởng của ông là tĩnh, do vậy mà bút vẽ trong hội họa của ông là cái hồn của sự thanh tịnh thoát tục. Ông từng nói: "*Phàm vẽ tranh sơn thủy, ý vượt trước nét bút*", "*Trong đạo vẽ tranh, thủy mặc trên hết, mở đầu cái tính tự nhiên, thành tựu cái công của tạo hóa*".



Cảnh giới tư tưởng của ông là tĩnh, do vậy mà bút vẽ trong hội họa của ông là cái hồn của sự thanh tịnh thoát tục. (Ảnh: pinterest.com)

Nét vẽ mộc mạc, thanh khiết nhưng mới lạ. Cùng với phong cách vẽ tả ý nên độ đậm nhạt trong sử dụng mực nước được ông khai thác triệt để. Chính vì thế ông được người đời khen tụng: "*Thư họa của ông đến chỗ kỳ diệu, nét bút gợi sự nghĩ, như là tạo hóa*".

Trong tranh thủy mặc của Vương Duy, ông thường vẽ non xanh nước biếc, tuy đơn giản mà lại mang đậm sự tươi tốt, đầy sức sống, giống như quan điểm: Núi không cần màu xanh mà tự biếc, gió không cần ngũ sắc mà tự hợp. Với dụng ý vận dụng nét bút mà gửi gắm ý thay vì dùng màu mà mô tả.

Những bức họa tiêu biểu như: "Võng Sơn đồ", "Sơn Âm đồ", "Giang sơn tuyết tế đồ" của Vương Duy được đánh giá là kiệt xuất thế gian. Những bức họa này đều nổi bật về cách họa thiên nhiên non nước sông hồ, có thủy có sơn, bức họa sống động với cảnh vật tươi vui, núi rừng trùng điệp. Tâm mắt của ông như bao trọn cả sơn thủy, giống như lời bộc bạch về tư tưởng cảnh giới mà ông có được nhờ minh tâm kiến tính.



Tu viện núi rừng chìm trong mây mù (Ảnh: pinterest.com)

Dẫn dắt người xem như bước chân vào chính trong cõi tiên thơ mộng huyền ảo. Cái mà ông truyền đạt tới người xem chính là những khung cảnh thanh tịnh mà ngỡ tưởng nó không tồn tại ở cõi thế gian. Thực chất chính là góc thanh tịnh mà tâm hồn ông dung chứa.

Xưa kia trong hội họa, trúc được coi là biểu tượng cho phẩm đức ngạo nghễ tuyết sương, qua đông hàn mà không tàn úa, khiêm nhường, chính trực và tiết tháo. Dưới nét vẽ của Vương Duy, thì cây trúc phong nhã sinh động, mang đủ hình dáng và thần thái.

Tô Đông Pha một lần thưởng bức bích họa tuyết trúc của ông mà thán: "*Trước nhà hai khóm trúc, tiết tháo ngạo tuyết sương*".

Vương Duy là một đại thi họa mà kết hợp hài hòa giữa họa và thơ. Không chỉ là một bức toàn cảnh hay trọn vẹn ngụ ý mà mình gửi gắm với ý vận sâu xa, mà hơn hết ông khiến người xem như bút phá khỏi câu nệ và sự hình tượng hữu hạn trong hội họa, vẽ là vẽ từ tâm, từ cảm hứng phóng túng bút vẽ, đột phá khung cảnh, mở mang tầm rộng lớn vô hạn. Người xem dễ dàng cảm nhận được ý tại ngôn ngoại.

Ông hạ bút như thần, "*ý cảnh mỹ học, khí vận cao thanh*", đều trở thành âm điệu Thịnh Đường điển hình. Thảy mọi điều ông có được đều từ trong cảnh giới tu tập thiên định, giác ngộ Phật pháp mà ông đạt được "Tĩnh tắc sinh huệ", thể nghiệm cảnh vật tinh tế, viết tả truyền thần,

và đạt đến "Nhãn không kim vô nhiễm, tâm không an khả mê" (Nhãn không lòng chẳng nhiễm, tâm không chẳng thể mê).

Trong tu luyện mà nhìn thấu kiếp nhân sinh, rõ nhân quả và rồi ông tự bạch "Túc thế mậu tử khách, tiền thân ứng họa sư. Bất năng xả dư tập, ngẫu bị thế nhân tri" (Đời xưa là thi sỹ, kiếp trước là họa sư. Vẫn không bỏ nết cũ, nên bị người đời hay). Ông đã nhìn thấy được nhân quả tiền kiếp của mình, trong nhiều kiếp trước ông đều là văn nhân và kiếp trước gần nhất là họa sỹ, nên những thói quen kiếp trước vẫn chưa thay đổi, kiếp này ngẫu nhiên bị thế nhân phát hiện ra.

Ông cảm ngộ về thế sự nhân sinh bằng thái độ thản nhiên bình hòa, không màng đến hư danh trên thế gian, đi trên con đường phản bốn quy chân.



*Ông cảm ngộ về thế sự nhân sinh bằng thái độ thản nhiên bình hòa, không màng đến hư danh trên thế gian, đi trên con đường phản bốn quy chân.
(Ảnh: pinterest.com)*

Có thể nói rằng Vương Duy xứng đáng với danh hiệu Thi Phật. Bởi trong ông không chỉ là tài năng bản ngã, mà hơn thảy là trí tuệ siêu phàm, cảnh giới thoát tục, những điều ông truyền đạt trong thi và họa đều là cảnh giới tư tưởng mà ông đắc được nhờ giác ngộ Phật pháp, tu luyện tâm thân.

Ý cảnh thi họa của ông không gì ngoài bộc lộ tự nhiên cảnh giới tâm hồn ông, cao thượng mà hòa ái, tự nhiên cảm động lòng người, từ những tác phẩm của ông người ta có thể nhìn thấy tâm thái thuần tịnh và tinh thần hướng đạo của ông, truy cầu cảnh giới thiên nhân hợp nhất, người vật hòa đồng, truy cầu điều tốt đẹp và tươi sáng.

*Tham khảo Minhhué.net
Tịnh Tâm*

NHÂN ĐỌC MỘT BÀI THƠ XUÂN CỦA THI HÀO J.W. VON GOETHE



• Hoang Phong

Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832) là một văn sĩ, thi sĩ, kịch tác gia, khoa học gia, triết gia, chính trị gia, nói chung là một nhà thông thái lừng danh nhất của nước Đức, và đồng thời cũng là một gương mặt khá tiêu biểu cho nền tư tưởng và văn hóa Tây Phương. Ngày xuân đọc một bài thơ của ông đã khiến chúng ta không khỏi liên tưởng đến một vài bài thơ xuân khác trong nền văn hóa Đông Phương. Sự liên tưởng đó cho thấy vài nét khác biệt khá căn bản và "ngộ nghĩnh" trên phương diện xúc cảm và thi hứng giữa văn hóa Đông và Tây, thấm nhuần bởi các cội nguồn tư tưởng khác nhau.

Trước hết chúng ta sẽ đọc qua bài thơ "Lễ hội tháng năm" (Maifest) của Goethe, viết năm 1771 lúc ông còn là một thanh niên tràn đầy sức sống. Tháng năm là giữa mùa xuân tại Âu Châu, do đó "Lễ hội tháng năm" cũng có nghĩa là "Lễ hội mùa xuân". Sau đó chúng ta sẽ thường thức một bài thơ Đường thuộc thể loại thất ngôn tứ tuyệt, mang tựa là "Sơn phòng xuân sự" (山房春事/Câu chuyện mùa xuân nơi gian phòng trong núi) của Sầm Tham (岑参, 715-770). Sau hết chúng ta sẽ tìm hiểu một bài thơ xuân Việt Nam là bài "Cáo tật thị chúng" (告疾示眾/Cáo

bệnh với mọi người) của Thiên sư Mãn Giác (滿覺, 1052-1096).

Sau đây là bài thơ ngợi ca mùa xuân của thi hào J.W.von Goethe:

• Bản gốc tiếng Đức

Maifest

*Wie herrlich leuchtet
Mir die Natur!
Wie glänzt die Sonne!
Wie lacht die Flur!
Es dringen Blüten
Aus jedem Zweig
Und tausend Stimmen
Aus dem Gesträuch
Und Freud und Wonne
Aus jeder Brust.
O Erd', o Sonne!
O Glück, o Lust,
O Lieb', o Liebe,
So golden schön
Wie Morgenwolken
Auf jenen Höhen,
Du segnest herrlich
Das frische Feld-
Im Blütendampfe
Die volle Welt!
O Mädchen, Mädchen,
Wie lieb' ich dich!
Wie blinkt dein Auge
Wie liebst du mich!
So liebt die Lerche
Gesang und Luft,
Und Morgenblumen
Den Himmelsduft,
Wie ich dich liebe
Mit warmem Blut,
Die du mir Jugend
Und Freud' und Mut
Zu neuen Liedern
Und Tänzén gibst.
Sei ewig glücklich,
Wie du mich liebst!*

• Bản dịch tiếng Pháp

Fête de mai

*Comme resplendit
A mes yeux la nature!
Comme le soleil brille!
Comme rit la campagne!*

*Les fleurs jaillissent
De chaque rameau.
Et mille voix
Hors des buissons.
Et joie et délices
De tous les cœurs.
O terre, ô soleil,
O bonheur, ô plaisir,
O amour, amour,
Splendeur dorée
Comme là-haut, sur ces collines
Les nuages au matin,
Tu bénis magnifique
Le champ verdissant –
Dans la brume de fleurs
Le monde gonflé de sève!
O jeune fille, jeune fille
Combien je t'aime!
Comme ton regard luit
Comme tu m'aimes!
Comme l'alouette aime
L'air et les champs
Et les fleurs du matin
La rosée du ciel,
Ainsi je t'aime
D'un sang plein de vie,
Toi qui me donnes
Jeunesse et joie, et le désir
De chants nouveaux
Et de danses nouvelles
Eternellement sois heureuse
Comme tu m'aimes.*

Bản dịch tiếng Việt

Lễ hội tháng năm

*Rạng rỡ thay, trước mắt ta,
Thiên nhiên bừng tỉnh!
Long lanh, kìa mặt trời rực sáng!
Nở nụ cười, kìa cánh đồng bát ngát.
Trong cành lá,
Muôn hoa nở rộ!
Từng khóm cây,
lừng tiếng hát.
Bao hân hoan, thích thú,
Muôn con tim tràn ngập.
Kìa đất, trời,
Trăm hạnh phúc, vạn niềm vui.
Ôi tình yêu, tình yêu ơi!
Óng ả một màu vàng,
Như áng mây buổi sáng,
Lan nhẹ đỉnh đồi cao.
Tuyệt vời thay! Em ban phúc,*

Cho cánh đồng xanh mướt,
 Cho thể giới, giữa muôn hoa,
 Thêm căng tràn sức sống!
 Ôi em gái, người em gái của ta ơi!
 Ta yêu em biết mấy!
 Trông kia, long lanh đôi mắt em!
 Vô vàn em yêu ta!
 Ta cũng yêu em, như con chim sơn ca,
 Yêu không gian và cánh đồng bát ngát,
 Như muôn hoa yêu sương mai
 Từ bầu trời rớt xuống.
 Như thế đó ta yêu em,
 Bằng sức sống căng tràn mạch máu ta.
 Em cho ta tuổi trẻ,
 Bao niềm vui, bao thèm khát!
 Em cho ta trăm bài hát,
 Vạn vũ điệu mùa xuân.
 Xin mãi mãi trong em muôn hạnh phúc.
 Vô vàn em yêu ta!

Qua bài thơ trên đây Goethe đã nhân cách hóa mùa xuân, biến mùa xuân thành một người con gái, một người tình. Người tình hát cho Goethe nghe những bài hát mới và cả hai cùng đi nhau trong những điệu vũ mới, giữa một mùa xuân mới.

Đến đây chúng ta hãy ngược về một nơi khác, thật xa trong không gian và thời gian, mở ra cả một bầu xúc cảm khác hẳn, gợi lên bởi một bài thơ Đường của Trung Quốc vào thế kỷ thứ VIII, đó là bài "Sơn phòng xuân sự" của Sầm Tham:

山房春事其二

梁園日暮亂飛鴉
 極目蕭條三兩家。
 庭樹不知人去盡，
 春來還發舊時花

Sơn Phòng Xuân Sự (kỳ 2)

Lương viên nhật mộ loạn phi nha,
 Cực mục tiêu điều tam lưỡng gia.
 Đình thụ bất tri nhân khứ tận,
 Xuân lai hoàn phát cựu thì hoa.

Dịch nghĩa:

Chuyện ngày xuân nơi gian phòng trong núi (bài 2)

Nơi Vườn Lương lúc hoàng hôn, quạ bay loạn,

Nhìn hút mắt chỉ thấy dăm mái nhà tiêu điều.
 Trước sân cỏ cây nào hiểu được mọi người đã ra đi
 đi biệt. Xuân về hoa lại nở như thuở xa xưa.

Vào thế kỷ thứ II trước Tây lịch, dưới triều đại nhà Tây Hán, có một vị vua chư hầu là Lương Hiếu Vương (梁孝王, -184-144) còn gọi là Lương Vương, tên là Lưu Vũ, lập một khu vườn thưởng ngoạn và nghỉ mát tại huyện Thương Khâu thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay. Khu vườn rộng hơn 300 dặm vuông, tọa lạc trong một khung cảnh thiên nhiên thật tuyệt vời, cây quý đủ loại. Khu vườn này cũng là nơi nghỉ chân của vua quan khi đi săn, và cũng là nơi chiêu tập hào kiệt, Tư Mã Tương Như (司馬相如; -179 - 117) danh sĩ và cũng là thi nhân nổi tiếng thời bấy giờ, từng được Lương Hiếu Vương mời đến nơi này. Khu vườn mang tên là Đông Uyển, người dân thường thì gọi là Thổ Viên hay Trúc Viên. Theo dòng biến đổi của lịch sử, Đông Uyển lùi dần vào quá khứ và trở thành hoang phế. Người sau quên mất cái tên "Đông Uyển" rất thanh lịch của cả một thời oanh liệt và chỉ kháo nhau nơi này là "Lương viên", khu vườn của vua Lương Hiếu Vương ngày trước.

Thời gian chẳng bao giờ dừng lại và lịch sử vẫn lặng lẽ tiếp tục con đường của nó. Gần mười thế kỷ sau đó, dưới triều đại nhà Đường, vào mùa xuân năm 742, có một thi nhân tên là Sầm Tham tìm đến vùng di tích của "Lương viên" và đã trước tác bài thơ "Sơn phòng xuân sự":

Chuyện ngày xuân nơi gian nhà trong núi (bài 2)

Lương viên chiều xuống quạ bay đầy,
 Tiêu điều xa tắp nhà dăm mái.
 Cỏ cây nào biết người đi biệt,
 Xuân đến hoa xưa lại nở đầy.
 (Hoang Phong phỏng dịch)

Nếu muốn nắm bắt được xúc cảm của Sầm Tham trong bài thơ trên đây thì trước hết phải hiểu được sự tích của Lương viên là gì và "những người đi biệt" - nêu lên trong câu thơ thứ ba - là những ai. Sự tích của Lương viên đã được nói đến trên đây, riêng người đã "ra đi biệt" là Lương Hiếu Vương, người sáng lập khu vườn, là Tư Mã Tương Như, một người khách quý, là các quan lại của triều đình và các tao nhân thi sĩ thời bấy giờ, tất cả đều là những người từng quy tụ tại vườn Đông Uyển đã khoảng một ngàn mùa xuân trước. Tất cả đã đi vào lịch sử và sẽ chẳng

bao giờ còn quay lại với khu vườn hoang phế đang hiện ra trước mắt Sầm Tham.

Ngoài ra trong tựa của bài thơ cũng có một chữ khá khó hiểu, đó là chữ "sơn phòng" (gian phòng trong núi), tại sao lại là một gian phòng? Tra tự điển thì thấy chữ "phòng" (房) cũng có nghĩa là nhà, thế nhưng nếu muốn hiểu được chữ này rõ ràng hơn thì có lẽ là phải tìm hiểu thêm bài thơ "thứ nhất". Thế nhưng bài thơ "*Sơn phòng xuân sự thứ nhất*" thì lại "hiếm hoi", khó truy lùng vì không có mấy người quan tâm đến bài này. Thật vậy, bài thơ "*Sơn phòng xuân sự thứ nhất*" khá đơn giản, từ bổ cục đến nội dung, không nêu lên được một xúc cảm sâu sắc nào cả. Bài "thứ nhất" chỉ là phần mở đầu, đưa đến bài "thứ hai" bằng bạc các xúc cảm thật sâu sắc. Có thể đây là lý do khiến không mấy người chú ý và dịch bài thơ thứ nhất này. Thế nhưng điều đó là cả một sự thiếu sót, hai bài thơ phải đi đôi với nhau: bài "thứ nhất" mô tả "gian phòng" của Sầm Tham giữa khung cảnh Lương viên, bài "thứ hai" mô tả cảnh vật bên ngoài và niềm hoài cảm của thi nhân trước cảnh tiêu điều và hoang vắng của khu vườn này khi trời chiều buông xuống:

山房春事其一

風恬日煖蕩春光，
戲蝶遊蜂亂入房。
數枝門柳低衣桁，
一片山花落筆床。

Sơn phòng xuân sự (bài 1)

*Phong diềm nhật noãn dǎng xuân quang,
Hí điệp du phong loạn nhập phòng.
Số chi môn liễu đê y hành,
Nhất phiến sơn hoa lạc bút sàng.*

Trong bài thơ này tác giả mô tả một "gian phòng" chan hòa nắng ấm, bướm bay loạn cả vào bên trong phòng; trước cửa vài nhánh liễu rủ phất phơ tương tự như gió lay chiếc áo móc trên giá; gió đưa một đóa hoa rừng (山花/ sơn hoa/hoa núi) rơi trên giá gác bút. Bài thơ này cho thấy chữ "phòng" trong tựa của cả hai bài thơ đúng là một "gian phòng", là nơi tạm trú của Sầm Tham tại Lương viên. Về nội dung thì các chi tiết và hình ảnh nêu lên trong bài thơ thứ nhất này rất đơn giản: nắng ấm rơi vào phòng, bướm bay vào cả bên trong phòng, chiếc áo móc trên giá bay phất phơ như cành liễu ngoài hiên, gió đưa một cánh hoa rừng rơi trên giá bút. Các

hình ảnh đó đơn giản và rất hiện thực, nói lên sự hòa nhập của thi nhân với thiên nhiên và cảnh vật chung quanh.

Khi trời chiều buông xuống, Sầm Tham bước ra sân, thì cả một vùng không gian hoang liêu và cô quạnh vụt hiện ra với mình: những đàn quạ bay loạn trên không trung, xa tít tận chân trời chỉ thấy dăm mái nhà tiêu điều. Bầu không gian hoang vắng đó đã làm bùng lên trong lòng Sầm Tham những niềm hoài cảm man mác, nuôi tiếc cảnh vàng son và nhộn nhịp của một thời xa xưa nay không còn nữa. Niềm hoài cảm đó càng trở nên xót xa hơn khi Sầm Tham trông thấy hoa xuân nở rộ trên các cành cây, thản nhiên và vô tình, không hề hoài tưởng đến "*những người đã ra đi biệt*". Đó là nội dung của bài thơ "thứ hai". Dầu sao cả hai bài đều phải đi đôi và bổ khuyết cho nhau để nói lên sự tương phản giữa cảnh hoang tàn ngày nay và hình ảnh nhộn nhịp của khu vườn Đông Uyển một thời xa xưa. Nói chung thơ của Sầm Tham rất hiện thực, hình ảnh và sự kiện nêu lên trong thơ của ông đều được cân nhắc khéo léo, và phía sau luôn che giấu các xúc cảm kín đáo và sâu xa.

Bài thơ "*Sơn phòng xuân sự thứ hai*" có rất nhiều bản dịch sang tiếng Việt, không thể trích dẫn hết được trong bài viết ngắn này, trong khi đó thì bài "*bài thứ nhất*" dường như không có một bản Việt dịch nào cả. Với mục đích giúp độc giả so sánh và tìm hiểu sâu xa hơn về bài thơ thứ hai trên đây, một vài bản Việt dịch tiêu biểu sẽ được trích dẫn dưới đây:

Tản Đà:

*Trời tối vườn Lương quạ lượn lờ,
Nhà đâu vút mắt, nóc lư thưa.
Cây xuân chẳng biết người đi hết,
Xuân đến hoa còn nở giống xưa.*

Ngô Tất Tố:

*Trời tối, vườn Lương quạ dập diu,
Nhà xa mấy nóc, cảnh điều hiu.
Cây sân chẳng biết người đi hết,
Xuân tới, hoa xưa vẫn nở đều.*

Trần Trọng Kim:

*Vườn Lương chiều tối quạ bay,
Nẻo xa trông thấy một vài nhà hoang.
Cây sân nào biết tang thương,
Xuân về lại nở như thường hoa xưa.*

Thu Tứ - Nguyễn Đức Sơn:

*Vườn hoang quạ náo trời chiều,
Xa trông lác đác điều hiu mấy nhà.*

*Cây vườn nào biết người xa,
Xuân nay lại nở mùa hoa xuân nào.*

Các chữ "lượn lờ", "dập dìu", "qua bay", "qua náo" trong câu thứ nhất của các bản dịch trên đây không phù hợp với xúc cảm mà Sầm Tham muốn nêu lên trong bài thơ của ông, cũng không nói lên được quang cảnh hoang vắng với các đàn quạ bay loạn trên bầu trời. Quạ là một giống chim sống thành đàn ở những nơi hoang vắng xa làng mạc. Ngoài ra ba trong số bốn bản dịch trên đây gọi cây cối trước sân là "cây sân", cách gọi này không được đúng lắm trên phương diện ngữ pháp, do đó khá khó hiểu. Bản dịch thứ tư thì gọi là "cây vườn", thì cũng không được thích nghi lắm, bởi vì Lương viên không phải là một khu vườn trồng trọt mà là một khu thắng cảnh của vua chúa dưới triều đại Tây Hán, cách thời đại của Sầm Tham gần mười thế kỷ. Để tránh sự "gò ép" trong cách dịch trên đây, thiết nghĩ có thể bỏ bớt chữ "sân", vì chữ này không quan trọng lắm, do đó sẽ không phương hại đến ý nghĩa và xúc cảm của toàn bài thơ. Ngoài ra trong bản dịch thứ tư trên đây, "Lương viên" trở thành "Vườn hoang", cách dịch bất chấp điển tích này làm mất hết ý nghĩa của bài thơ. Thơ cổ của Trung Quốc, Việt Nam - chẳng hạn như Truyện Kiều - và cả trong nền thi ca Tây Phương, thường vay mượn các điển tích xưa để nói lên ý nghĩ của mình.

Đến đây chúng ta lại tiếp tục tìm hiểu bài thơ thứ ba là bài "Cáo tật thị chúng" của Thiền sư Mãn Giác, thời Lý thế kỷ XI:

Bản gốc tiếng Hán:

告疾示眾

春去百花落，
春到百花開。
事逐眼前過，
老從頭上來。
莫謂春殘花落盡，
庭前昨夜一枝梅。

Dịch âm:

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá,
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Dịch nghĩa (Hoang Phong):

Cáo tật thị chúng Cáo bệnh với mọi người

*Xuân rồi trăm hoa rụng,
Xuân nay trăm hoa nở.
Trước mắt việc đời trôi,
Trên đầu già mất rồi.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cành mai.*

Vào tháng 11, cuối năm 1096, bắt thần Thiền sư Mãn Giác tập họp các đệ tử cùng những người trong chùa, đọc lên bài thơ này. Sau đó thì Ngài ngồi xuống trong tư thế kiết già lắng sâu vào thiền định và viên tịch. Theo sử liệu là như thế và nếu đúng là như thế, thì nhất định bài thơ trên đây phải là những lời di huấn của Thiền sư Mãn Giác. Người ta thường gọi các bài thơ này là các bài thơ "thị tịch" (示寂): "thị" có nghĩa là nhắn bảo, báo trước, báo cho yên lòng; "tịch" có nghĩa là viên tịch. Dầu sao thì bài thơ này cũng không phải là một bài thơ để rung đùi và ngâm vịnh trong những lúc trà dư tửu hậu, như người ta thường hiểu lầm, chẳng qua vì đó là những lời "tâm huyết" cuối cùng của một nhà sư trước khi ra đi.

Khi đọc lên bài thơ này trước mọi người trong chùa thì Thiền sư Mãn Giác không cho biết tựa của bài thơ là gì. Vào thế kỷ XVIII, tức là bảy thế kỷ sau, dường như Lê Quý Đôn là người đầu tiên đặt tựa cho bài thơ này là "Cáo tật thị chúng" để đưa vào tập "Toàn Việt thi lục" của ông. Thiền sư Mãn Giác không hề "cáo bệnh" hay nói gì về sự viên tịch đột ngột của mình. Thật hết sức khó nắm bắt tư duy và sự quán thấy siêu việt của các nhà sư cao thâm, nhất là quyết tâm rời bỏ thế giới này của họ. Nhiều thiền sư Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và nhất là các nhà sư Tây Tạng kể cả ngày nay, từng viên tịch bằng cách ngồi kiết già và lắng thật sâu vào thiền định.

Khi xướng lên bài thơ trên đây thì Thiền sư Mãn Giác mới 45 tuổi, không phải là một người già, do đó câu thơ thứ tư: "Lão tòng đầu thượng lai"/"Trên đầu già đến nơi rồi" phải chăng có nghĩa là "kiếp nhân sinh này của mình đã cạn". Trong bản tiếng Hán chữ cuối cùng của câu thơ này là chữ "lai" (來), có nghĩa là đến, đến nơi, đã đến đến lúc... Nếu tra tự điển thì sẽ thấy rằng chữ "lai" có nhiều nghĩa tùy theo vị trí của nó trong câu, chẳng hạn nếu đặt chữ "lai" ở cuối câu thì chữ này sẽ trở thành một trợ từ và có nghĩa là một lời "kêu gọi" hay "thúc giục", thí dụ

歸去來兮/Quy khứ lai hề/Hãy về đi thôi! Điều này cho thấy sự viên tịch của Thiền sư Mãn Giác - dù Ngài không nói ra - là một quyết tâm, một ước nguyện của riêng Ngài. Ngài không nói thẳng ra điều đó mà chỉ khéo léo và kín đáo nêu lên là trên đầu mình mọi sự cho biết đã đến lúc phải ra đi.

Thế nhưng siêu phàm nhất là hai câu thứ năm và thứ sáu trong bài thơ. Câu thứ năm: "*Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết*" cho biết là dù Ngài có ra đi thì đây cũng không phải là một sự biến mất hoàn toàn và vĩnh viễn. Câu thứ sáu là một lời nhắn nhủ đầy thương cảm và từ bi: "*Trông kìa, đêm qua sân trước một cành mai*", câu này có nghĩa là Ngài sẽ quay lại với những người chung quanh đang lắng nghe Ngài lúc đó và cả chúng ta hôm nay. Mùa xuân năm ngoái hoa rụng hết, mùa xuân năm nay hoa lại nở. Bài thơ di huấn của Thiền sư Mãn Giác mang rất nhiều ẩn dụ ý nhị và kín đáo là như vậy.

Hai câu thơ đầu tiên là một "tiền đề": "*Xuân rồi trăm hoa rụng, Xuân nay trăm hoa nở*" nói lên một sự thật, đó là sự xoay vần của thế giới hiện tượng. Sự ra đi của Ngài cũng là một sự thật và cả sự trở về của Ngài trong cái thế giới hiện tượng này cũng vậy, cũng là một sự thật: "*Trông kìa đêm qua sân trước một cành mai*". Với câu thơ đó không những Ngài đã nói lên với những người chung quanh từ một ngàn mùa xuân trước mà cả với chúng ta hôm nay. Bài thơ "thị tịch" của Ngài đã được không biết bao nhiêu người phiên dịch, ngâm vịnh hay tìm hiểu. Chẳng phải mỗi người trong chúng ta đều được thừa hưởng sự trở về đó của Ngài hay sao?

Qua một góc nhìn khác "trần tục" hơn, thì bài thơ của Thiền sư Mãn Giác cũng đã mở ra cả một khu chợ thật ồn ào và náo nhiệt. Không biết bao nhiêu người tranh nhau "dịch" và "diễn giải" bài thơ di huấn trên của Ngài theo sự uyên bác và hiểu biết của cá nhân mình và mang ra bày bán, chúng ta không sao có thể so sánh, mua hết hay đọc hết được. Nói lên điều đó để hiểu rằng ngay cả bài phỏng dịch đề nghị trong bài viết này cũng chỉ là một sự vay mượn từ các bản dịch đã có từ trước, ngoại trừ hai chữ mới trong câu thứ nhất và thứ hai, là các chữ "rồi" và "nay" thay vì "đi" và "đến" trong hầu các bản dịch đã được tham khảo! Trong bản gốc tiếng Hán thì hai chữ này là "*khứ*" có nghĩa là *đi* nhưng cũng có nghĩa là *đã qua*, chẳng hạn như "*khứ niên*" là *năm ngoái*, "*khứ nhật*" là *ngày hôm qua*, và "*đáo*" thì cũng có nghĩa là *đi* hay *đến nơi*, chẳng hạn như "*đáo gia*" là *về đến nhà*.

*Xuân rồi trăm hoa rụng,
Xuân nay trăm hoa nở.*

Hai câu trên đây nói lên một cái gì đó đã "chấm dứt" và một cái gì mới sẽ "hiện ra", phản ánh sự biến động và xoay vần của mọi hiện tượng trên dòng thời gian, trong đó kể cả sự sống. Nếu dịch các chữ "xuân khứ" và "xuân đáo" là "xuân đi" và "xuân đến" thì cũng khá ổn, nhưng cũng chỉ là cách nêu lên một sự kiện hiển nhiên, không cho thấy một sự mạch lạc và liên hệ chặt chẽ nào với câu kết cho biết mùa xuân lại trở về trong đêm. Tóm lại hai câu mở đầu của bài thơ là một sự "chuẩn bị" trước khi đưa đến kết luận. Nói một cách khác theo triết học và luận lý học, thì hai câu đầu tiên là "tiền đề" trong phép tam đoạn luận (trilogy), và câu cuối cùng là kết luận. Do đó cũng xin mạn phép diễn đạt ý nghĩa của bài thơ di huấn của Thiền sư Mãn Giác như sau:

*Năm qua trăm cánh hoa đã rụng,
Năm nay trăm cánh hoa mới lại nở ra.
Trước mắt bao chuyện đời trôi nhanh,
Giật mình kiếp nhân sinh đã cạn.
Thế nhưng chẳng có gì là chấm dứt mãi mãi cả,
Đêm qua sân trước một cành mai".*

Dưới đây chúng ta sẽ chọn vài bản dịch tiêu biểu với mục đích giúp độc giả tìm hiểu sâu sắc hơn về bài thơ của Thiền sư Mãn Giác:

Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu
(1889-1939)

*Xuân đi muôn vạn hoa tàn
Xuân về thắm lại ngập tràn những hoa.
Việc đời thế sự đi qua
Trên đầu tuyết điểm một vài bông sương
Chờ cho xuân hết hoa tàn
Đêm qua sân trước nở vàng cành mai.*

HT Thích Thanh Từ (1924-)

*Xuân qua trăm hoa rụng,
Xuân tới trăm hoa cười.
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước một cành mai.*

HT Thích Tâm Châu (1921-2015)

Xuân đi lưu lại cánh hoa rơi,

*Xuân tới trăm hoa nở nụ cười.
Vạn vật thoáng qua rồi mất biển,
Đầu xanh đã điểm nét sương rồi.
Có đâu xuân lại hoa tàn mãi?
Đêm trước sân cười một nhánh mai.*

HT Thích Quảng Độ (1928-)

*Xuân đi hoa rụng rã rời,
Xuân về hoa nở nụ cười thắm tươi.
Thoáng qua trước mắt việc đời,
Trên đầu mái tóc bạc rồi không hay.
Xuân tàn, hoa hết? Lắm thay!
Đêm qua sân trước nhánh mai nở bùng!*

Các cách "mô tả" hoa xuân trong hai câu đầu trong các bản dịch trên đây, chẳng hạn như "muôn vạn hoa tàn", "ngập tràn những hoa", "trăm hoa cười", "hoa nở nụ cười", "hoa rụng rã rời", "hoa nở nụ cười thắm tươi"... , dường như không trung thực với bản gốc, cũng không phù hợp với ý nghĩa "nghiêm chỉnh" hơn của những lời "thị tịch" của Thiền sư Mãn Giác. Các sự thêm thắt và lệch lạc đó đã đánh lạc hướng chủ đích của bài thơ.

Các nhận xét trên đây cho thấy ngôn từ và các quy ước rập khuôn và công thức có thể đánh lừa tư duy và sự nhận thức của chúng ta. Nói chung các bản dịch thường thấy chưa phản ánh được ý nghĩa sâu xa và kín đáo trong những lời "di huấn" của Thiền sư Mãn Giác. Sự phân tích, cách lập luận, sự phản biện và các giả thuyết phải liên tục đánh đố nhau để mang lại sự hiểu biết và tiến bộ, đó là nguyên tắc chung trong việc khảo cứu, nhất là trong lãnh vực khoa học. Vì vậy, nếu độc giả không tán đồng bất cứ một quan điểm nào trong bài viết này thì hãy cứ xem quan điểm đó đơn giản là một giả thuyết, hãy tìm cách đưa ra các giả thuyết mới. Đối với bất cứ lãnh vực hiểu biết nào: dù là khoa học, văn hóa, chính trị và cả tín ngưỡng, nếu khẳng định tự cho mình là đúng, thì nhất định sẽ khó tránh khỏi sự sa lầy, bế tắc và tình trạng nghèo nàn về mọi mặt.

Kết Luận

Trong bài thơ trên đây, Goethe nhân cách hóa mùa xuân, biến mùa xuân thành một người con gái, và "tưởng tượng" người con gái ấy là người tình của mình, yêu mình như chính mình yêu người tình ấy của mình. Thật rõ ràng đó là một sự bám víu phát sinh từ bản năng truyền

giống. Goethe viết bài thơ này khi ông còn là một thanh niên 22 tuổi, tràn đầy sức sống.

Sầm Tham đứng trước một khung cảnh hoang liêu, tiếc thương cho một thời xa xưa vàng son và nhộn nhịp. Một niềm hoài cảm man mác dâng lên trong lòng mình. Xuân về, trước mặt mình muôn hoa nở rộ, thế nhưng người xưa đâu tá? Các xúc cảm sâu xa và ray rứt đó phát sinh thật kín đáo từ bản năng sợ chết. Sầm Tham viết bài thơ này khi ông còn là một "thư sinh" 27 tuổi chưa có nhiều danh vọng, hai năm sau đó ông mới thi đỗ tiến sĩ và ra làm quan. Bản năng sợ chết đôi khi phát sinh rất sớm.

Thiền sư Mãn Giác "không sợ chết", cũng không bị thúc giục bởi miếng ăn và bản năng truyền giống. Điều đó thật hết sức hiển nhiên, là người tu hành tất nhiên ông đã vượt lên trên tất cả các thứ bản năng. Phải chăng sau khi lưu lại vài vần thơ "thị tịch" tạm biệt những người chung quanh, thì người tu hành đó, vị Bồ Tát đó đã ngồi xuống để tiếp tục sứ mạng của mình xa hơn và to rộng hơn nữa trên Con Đường mà mình đã chọn? Thế nhưng tiếc thay, dường như không mấy người trong chúng ta hiểu được những lời di huấn đó của Ngài.

Ba bài thơ trên đây cho thấy ba cấp bậc xúc cảm khác nhau. Cấp bậc thứ nhất là bài thơ của Goethe, biểu trưng cho một nền tư tưởng và văn hóa thiết thực, trực tiếp và nhiều tham vọng của thế giới Tây phương.

Cấp bậc thứ hai, qua bài thơ của Sầm Tham, nêu lên các xúc cảm sâu xa và "thoát tục" hơn, ảnh hưởng bởi nền văn hóa mang nặng tư tưởng Khổng giáo và Lão giáo.

Cấp bậc thứ ba cao siêu hơn cả, biểu trưng bởi những lời "thị tịch" thật kín đáo, thanh thản và sáng suốt, phản ánh một nghị lực vô song và một lòng từ bi vô biên của một nhà sư: "*Dù ta ra đi, thế nhưng hãy trông kia, đêm qua sân trước một cành mai*".

Trong cả ba bài thơ, mùa xuân chỉ là hậu cảnh, một phương tiện chuyển tải các xung năng và ước nguyện phát lộ từ bên trong tâm thức của mỗi con người. Vậy chúng ta hãy thử nhìn vào bên trong chúng ta, ở nơi thật sâu kín của tâm thức và con tim mình, xem những ước nguyện nào và những nghị lực tinh khiết nào đang thúc đẩy chúng ta.

Bures-Sur-Yvette, 09.02.19
(Mùng 5 tháng Giêng - năm Kỷ Hợi)
●Hoang Phong

LỘC XUÂN



• Điểm Châu (Cát Đơn Sa)

Cũng nhờ chơi Facebook thành thạo mà cô Trinh có vẻ giỏi hơn về tài bếp núc! Cậu Trọng tuy không thích, nhưng trong bụng cảm thấy đỡ chướng hơn... cậu thường tự hỏi:

- Hồng biết cô "vợ tương lai" mẹ chọn được ai đó chỉ mảnh để làm bếp, hay là nó đã biết nấu ăn thiệt ở quê nhà!

Nghĩ vậy, nhưng đời nào cậu Trọng nói ra cho cô Trinh biết! Vì đối với cậu, thì cô ta chỉ là một người khách đang đến chơi nhà mình... chưa nói là cô còn có tính làm cao, ăn nói lúc nào cũng có vẻ trịch thượng, nhưng lúc nói với bố mẹ thì ngọt như mía lùi! Không những vậy, khi bàn luận về vấn đề gì, Trinh có thể nói xuôi nói ngược, lý lẽ chầy cối theo ý thích của mình... rồi sau đó thì lại thốt ra lời xin lỗi ỉ ôi! Cứ xoay như chong chóng!

- Nó ngoan ngoãn hiền lành thế tại sao con cứ nói xấu nó hoài vậy?

- Ngoan! vừa dữ lại điều ngoa... coi chừng mẹ sẽ hối hận!

Mẹ Trọng bĩu môi dài ra như chẳng bao giờ tin! Chỉ vì con bà có bồ Mỹ cho nên mới bày đặt chê Trinh cho bà nản đó thôi! Nhưng làm gì có chuyện đó... Bằng mọi cách bà phải "cặp đôi" hai đứa này mới được! Khác với mẹ, Trọng nghĩ bụng:

- Làm như là "bến" có bài bản đảng hoàng để huấn luyện cho dịch vụ "hôn nhân với Việt Kiều" không bằng! khiến mình tuy bực nhưng không thể làm mặt giận lâu được!

Thật vậy, Trinh là một cô dâu tương lai đến từ Việt Nam, là đất nước thân thương, nơi chôn nhau cắt rún của cha mẹ Trọng! Lý do Trọng nghe lời bố mẹ, sẽ "tùy cơ ứng biến" chịu bỏ đào Mỹ để "cưới" vợ Việt như mẹ mong muốn, là cho trong nhà dễ thở, và bố mẹ còn lên mặt với bạn bè có đứa con ngoan... vì cô ta đã từ Việt Nam đến Mỹ theo diện du lịch, ở ngay trong nhà

Trọng, bởi bố mẹ cô ta là bạn thân với bố mẹ Trọng, họ học cùng trường cùng lớp ngày xưa!

Cái gì nó cũng có nguyên do chứ không phải tự nhiên như ở trên trời rơi xuống!

- Trọng, con là con trai út của bố mẹ, ráng chịu con Trinh cho nhà này có một cô con dâu Việt Nam nghe con!

Nghe tiếng mẹ thủ thỉ bên tai, Trọng nhăn mặt:

- Mẹ nói kỳ... Con đang yêu Godiva mà!

- Mỹ tụi nó ít chịu vô bếp, với lại chẳng coi bố mẹ chồng ra gì... Khổ lắm con ạ!

- Con có thấy khổ gì đâu! Godiva hiền và ngoan lắm mẹ... Dù là người Mỹ nhưng cô ấy đảm thắm còn hơn cả mấy cô Việt Nam cùng trường với con...

Mẹ nổi giận:

- Sao con hay cãi mẹ quá vậy! Tụi Mỹ cưới là tách ra khỏi nhà ngay, rồi có khi còn kéo nhau bay về phương trời xa làm việc...

- Thì ở đâu có việc tốt là đi... chẳng lẽ ngồi đó cho cha mẹ nuôi! Nhưng con đã đi làm ở đây rồi mẹ còn lo gì nữa!

- Ý tao nói là cưới nhau xong, không đũa Mỹ nào nó chịu ở chung với cha mẹ chồng nữa, tất cả đều ra riêng hết!

- Ở riêng nhưng vẫn về thăm có sao đâu...

- Thật không đó? nhiều khi chúng để cho cha mẹ già héo hắt, chết trong nhà chẳng ai hay!

- Thì tùy đứa chú! ở đâu mà không có chuyện đó! Giờ ngay bên Việt Nam xảy ra hà rầm... con cái bất hiếu với cha mẹ thiếu gì!

Nói qua nói lại... rốt cuộc mẹ vẫn không chịu thua, bằng cách đưa Trinh từ Việt Nam qua Mỹ du lịch, ở chung nhà với mình. Mục đích làm cho Trọng phải đổi mặt và đưa cô ta đi chơi cho biết xứ Mỹ.

- Chúng nó cứ gần gũi nhau... thì sẽ có ngày thằng Trọng phải thay đổi cách cư xử thôi!

Thật sự thì mẹ không thể hiểu rằng Trọng yêu và cần Godiva như thế nào. Vì không muốn cho bố mẹ buồn, nên Trọng chưa làm tới quyết liệt. Trọng nghĩ vì chưa gặp mặt Godiva, cho nên mẹ mới nhận xét như thế.

Hai người anh của Trọng đều có vợ ngoại quốc, nên bố mẹ chẳng nhờ vả hay gần gũi gì với con dâu được! Do đó mẹ nhất quyết nhắm vào cậu con út, hy vọng nó thương mà nghe lời mình để có con dâu Việt, mà bố mẹ cô ấy lại là bạn thân từ nhỏ.

Cả mẹ lẫn con đều nghĩ cách thuyết phục lẫn nhau để người kia nghe theo lý lẽ của mình.

Nhớ lại hôm ra phi trường để đón Trinh, Trọng định không đi, nhưng Godiva đã khuyên:

- Thì anh cứ đi đón cô ấy không bố mẹ buồn lòng.

- Bộ em không sợ cô ấy cướp mất anh sao mà còn nói thế?

- Không, em tin tưởng anh. Chúng ta đang tìm cách để làm vui lòng bố mẹ anh...

- Rủi không được bố mẹ chấp nhận thì sao?

- Phải được, nếu mình quyết tâm.

Godiva siết chặt tay Trọng khi nói câu đó. Nàng là con gái của một võ sư, cha Mỹ mẹ Phi thì đã mất khi mới sinh cô ra đời... Cô có khuôn mặt Tây phương rất đẹp, cộng thêm mái tóc nâu vàng dài tha thướt nên thơ! Nhìn Godiva dáng thùy my, không ai ngờ rằng nàng lại là một võ sư cao cấp, vì được cha huấn luyện trí dục từ nhỏ.

Cũng nhờ biết võ, nên Godiva đã cứu Trọng vài lần khi bị mấy tên sinh viên "ba-gai" ở trường đánh hội đồng chỉ vì gai mắt khi thấy Godiva quen với Trọng. Lúc đó họ chỉ là bạn bè... Từ từ sự mang ơn mà tình cảm biến thành tình yêu lúc nào không hay!

Godiva để ý đến Trọng từ ngày đầu gặp gỡ, bởi cậu cũng đẹp trai, học giỏi và hiền lành là điều mà Godiva rất thích. Đi bên nhau Trọng không hề lợi dụng cô như những gã con trai khác. Để ý đến Trọng, biết cậu là người Việt, Godiva tìm tòi nghiên cứu về dân tộc này, và cô thấy mình yêu mến, gần gũi với hình ảnh những cây cầu dừa, quán lá ven sông, cho đến ẩm thực đều hấp dẫn cô rất dễ dàng, hơn các món ăn của nước khác. Cô thích nhất là phong tục tập quán ở chung nhà, được mẹ chồng săn sóc sau khi cưới, để họ còn có người đỡ chân tay khi con cái ra đời. Godiva mất mẹ sớm nên rất cần những tình thương này.

Quen nhau mới biết hiền quá cũng khổ vì hay bị bắt nạt! Sau này, Godiva đưa Trọng về giới thiệu với cha, cũng như khuyến khích cậu đi học võ để tự vệ. Chỉ vài năm sau thì không còn ai dám ngang tàng với cậu nữa!

Nghe lời bạn gái đi đón Trinh, thấy nàng từ trong đi ra, Trọng nhận xét nàng ta cũng đẹp, thuộc loại ăn diện, chắc cũng không phải hoàn toàn "con nhà lành" như mẹ giới thiệu đâu! Những thứ phụ kiện trên tay như valy, túi xách, quần áo toàn hàng hiệu, bước đi có vẻ như người mẫu, chứng tỏ nàng ta cũng thuộc loại biết theo một thời trang!

- Mẹ nó nói con Trinh này hiền lành nết na, ít khi ra ngoài đi chơi, mà chỉ hay ở nhà lo cho cha mẹ và các em.

Mẹ Trọng kể với con trai như thế, nhưng khi thấy Trinh xinh đẹp ăn diện thì lúc đó vui quá, quên cả nhận xét, lại còn nghĩ rằng "dưới mắt

mấy thằng con trai thì con gái phải đẹp mới hấp dẫn được chúng"! Lên xe, mẹ bắt Trinh ngồi trước với Trọng, cậu còn ngửi được mùi thơm lừng từ son phấn, áo quần của cô!

Khi về nhà, mẹ càng vui hơn lúc Trinh lôi ra trong một va ly lớn rất nhiều quà cáp từ Việt Nam mà cha mẹ của cô đã gửi qua cho bố mẹ Trọng. Ngoài quà còn có nhiều thức ăn khô như mứt ký nấm đông cô, tôm, cá, mực, khoai lát và măng khô thượng hạng làm cho mẹ thích thú!

- Tôm bên Việt Nam chắc rẻ hơn bên đây hả cháu?

- Dạ mẹ con nói vì biểu cho bác thì phải là hàng đặc biệt, đặt người quen từ ngoài vùng duyên hải người ta mang vào Sài Gòn cho mẹ nên cũng khá mắc, nhưng vậy cho nó lành, vì bây giờ bên đó ai cũng sợ mua phải hàng tẩm thuốc độc từ Trung Quốc bác ạ!

- Đúng vậy, trên báo chí họ than đủ lắm! Rồi nhà cháu đi chợ làm sao biết được thứ nào độc hại mà tránh?

- Nhà cháu có đất rộng lại ở ngoại thành, nên mẹ cháu mượn người làm vườn tự trồng rau quả để ăn, ngoài ra còn nuôi cả gia súc lấy trứng và ăn thịt nữa, cũng không sợ lắm...

- Phải đấy... vậy thì tốt rồi, chứ nghe nói thì cũng sợ hãi quá... rồi cuộc rồi nhiều người bị bệnh ung thư khó tránh!

- Khi đi chợ mua hàng thì mình lựa người quen mà mua, cũng đỡ phần nào!

Căn phòng mẹ dành cho Trinh ở dưới lầu, may quá là Trọng ở tầng trên, nếu không, buổi tối đi ra đi vô mà đụng đầu thì cũng á ngại lắm! Một ngày mẹ điện thoại mời gia đình hai anh về nhà ăn cơm để giới thiệu Trinh, đồng thời thông báo một tin đặc biệt với hai con dâu của bà.

- Tết năm nay các con có được nghỉ không?

- Ngày nào vậy mẹ?

- Thì là cuối tuần!

- Cuối tuần dĩ nhiên nghỉ rồi... Mẹ định làm gì?

- Năm nay nhân có cháu Trinh qua chơi, bố mẹ muốn mời mấy người bạn thân cùng các con, nhà mình sum họp, mỗi người làm một món ăn theo kiểu "potluck" để đóng góp gia đình ăn Tết...

- Thì cũng như mọi năm thôi!

- Không, sau khi ăn uống, vì ba con thích hát Karaoke, nên năm nay có màn văn nghệ, mẹ treo giải cho các con ai hát tiếng Việt hay nhất, thì mẹ sẽ có phần thưởng là 20 tấm "card" Visa mua đồ ở bất cứ đâu, trị giá là hai ngàn đô.

- Ủa, quà của tụi con cho mẹ hồi sinh nhật với Noel mà, phải không?

Mẹ cười thú nhận:

- Thì đúng là của vợ chồng mấy đứa bây tặng mấy năm nay, mẹ mới tiêu có vài cái, còn 20 cái chưa dùng.

Thì ra thấy mẹ hay đi "shop" ở các trung tâm mua sắm, ai cũng mua tặng mẹ mấy tấm card visa cho khỏe, khỏi mất công suy nghĩ. Thấy chưa có ai phản ứng, bổ thêm:

- Sao, hai ngàn đâu phải nhỏ hả?

- Nhưng hát tiếng Việt thì chắc cô Trinh đây đoạt giải quá!

- Chưa chắc đâu, vì hát giỏi, kèm theo món ăn ngon đóng góp ngon nữa...

Hai anh con trai quay đầu thì thầm thông dịch cho vợ... sau khi trao đổi qua lại, liền trả lời:

- Vợ tụi con nói đó là quà tặng cho mẹ, sao giờ mẹ lại cho đi? Bộ mẹ không thích hả?

- Mẹ thích chứ, nhưng mẹ già rồi có tiêu pha mấy đâu, giữ lại cũng uống!... Bây cho mẹ thì mẹ có quyền dùng làm bất cứ gì mẹ thích cơ mà... có đúng không?

Lại châu đầu thì thầm to nhỏ với nhau. Bổng bổ xen vào:

- Còn bố thì sẽ tặng thêm một ngàn tiền tươi để lấy hên đầu năm... chịu chưa!

Sau khi hai ông anh thông dịch cho vợ, hai bà nghe xong mỉm cười thú vị, rồi bất ngờ vỗ tay như chấp nhận. Trọng nói:

- Kiểu này chắc cô Trinh thắng giải quá!

- Đúng vậy... cháu Trinh nấu ngon mà hát cũng hay... chắc thi đua vui lắm đây...

- Ai tham dự cũng được hả mẹ?

Hiểu ý câu hỏi của con, mẹ mỉm cười đầy ẩn ý:

- Phải, nếu con mà thắng thì muốn gì cũng được!

- Rồi nghe, mẹ nói thì nhớ nhé.

- Nhớ, nhưng tất cả phải là Việt thuần túy đó nha!

Hai mẹ con ngăm cam kết với nhau. Nghe dẫn giải, hai bà chị dâu mỉm cười le lưỡi, Trọng cũng bối rối không ít! Godiva chắc cũng biết nấu vài món ăn Việt dễ, vì những khi hai người đi ăn với nhau, thì nàng rất thích gói cuốn, bún chả, phở, chả giò, cá kho tộ..., nhưng còn vụ ca hát tiếng Việt nữa chứ! chắc cầm bằng thua rồi!

Từ ngày qua Mỹ, lúc nào Trinh cũng gần gũi bên mẹ Trọng, chỉ có ba ngày cuối tuần là cô có vài người bạn đến nhà chờ đi dự tiệc tùng, hoặc coi "show", vì cô rất thích ca hát, văn nghệ. Những lần đi chơi đó, cô ăn diện nổi bật, đẹp lắm! Mẹ Trọng nhìn càng sợ mất con dâu, càng thân mật hơn để lấy lòng cô!

Lúc Trinh có nhà, hai bác cháu thường hay ở trong bếp để mẹ nấu món này món nọ đãi khách phương xa! Mẹ chiều Trinh hơi quá đáng, vì chưa có đứa con nào mà mẹ hầu nấu nướng giống vậy! Đến bố cũng thấy điều đó! Lúc này mẹ đang gò cho Trinh nấu món gì đó để tranh đua.

Trọng gặp Godiva nói cho nàng nghe về chuyện bố mẹ mình "treo giải thưởng" vụ ca hát và nấu nướng Việt Nam, thấy người yêu chăm chú gắp từng đĩa mì xào giòn đưa lên miệng, Trọng hỏi:

- Ngon không em?

- Quá ngon, em thích món này, tên nó mì xào giòn hả anh?

- Đúng.

Godiva chăm chú viết lên phôn tên món ăn này, Trọng nghĩ chắc cô nàng thích lắm mới ghi cẩn thận như thế. Cô ấy có tật là mỗi lần ăn một món mới là ghi tên món ăn và chụp hình vào phôn để nhớ.

- Anh nói cho em nghe rồi đó. Ngày Tết năm nay, thế nào anh cũng đưa em đến chào bố mẹ anh, rồi bung món gì đến đóng góp... Em nghĩ coi có thể nấu món gì nhé.

- Bố mẹ anh có thích ăn mì xào giòn không?

- Thích lắm đó, nói cho cùng cả nhà anh ai cũng thích món này.

- Vậy để em tập nấu xem sao.

- Thiệt không? Hay là làm bánh chưng?

- Bánh chưng là bánh gì?

Trọng thờ dài ngao ngán, lúc này còn chưa biết bánh chưng là gì thì làm sao nấu ngon được. Mặc dù biết món nào cũng phải học, nhưng nấu để biểu diễn thì hơi khó khăn!

- Thôi em khỏi cần biết... nghe mẹ anh nói bánh chưng mỗi lần nấu phải ngồi canh cả ngày mới chín, khó lắm! Ngày xưa vua Hùng Vương thứ 18 ra lệnh các con trong nhà ai làm được món gì ngon nhất thì sẽ truyền ngôi vua, món Bánh Chưng thành hình từ đó... anh kể em có hiểu kịp không?

Godiva cười:

- Không, mà anh đừng lo, em không muốn làm vua đâu, chỉ thích làm hoàng hậu thôi... cứ để tự em nghiên cứu coi nên nấu món nào.

Đúng là sống ở nơi tân tiến có khác! Tuy là một người con gái phương Tây, nhưng Godiva ý thức được nhiều việc, kèm theo tính tình đằm thắm của một người con gái có giáo dục đàng hoàng, Godiva thích tìm hiểu về phong tục tập quán của đất nước người nàng yêu. Không những thế, cô còn học hát nữa, cô thích hát, nhất là bài "Bèo Dạt Mây Trôi" với âm điệu luyến

láy, cứ tập ở nhà một mình với máy karaoke mà Trọng không bao giờ biết.

"Khi nào nhuan nhuyễn em sẽ nói cho anh biết thêm điều này". Tự nhủ như vậy, Godiva thường mở trang Web trên Google, tìm những thứ mình muốn biết. Cũng không khó nếu cô có ý chí muốn tìm hiểu. Những khi đi chơi với mấy bạn gái Việt Nam, rồi thực tập học tiếng Việt... thứ gì cũng có, thật hấp dẫn...

- Nhiều khi em nghĩ kiếp trước chắc mình có dính dáng gì đó với đất nước của anh, nên bây giờ thấy hình và thức ăn, là em thích liền!...

Câu này thật đúng như Godiva thốt ra, bởi cô tuy có một nửa gốc Phi trong người, nhưng nếu không nói điều đó, thì khó ai biết vì nhìn Godiva, thiên hạ có thể nghĩ là cô là người phương Tây, giống màu da của cha cô hoàn toàn, chẳng có chút lai nào cả! Thế mà cô lại thích những gì thuộc về phương Đông mới lạ!

Coi các món ăn chán, mỗi mắt, thì Godiva chuyển qua ca hát. Những bài mang âm điệu dân ca, nhưng bài có nhịp điệu Bolero là thích hơn cả... cứ thế cô nàng ngồi hát hồng với cái máy karaoke cho đến lúc mệt mới thôi.

*

Trình đứng trong bếp với mẹ Trọng, nàng đang nghĩ cách để đi chơi với các bạn tối nay. Thực ra thì có một người chồng như Trọng cũng thích, vì anh ta có học thức, đẹp trai, hiền lành, lịch sự, gia đình cũng khá giả... Có điều trong thâm tâm, Trình không thích bà mẹ chồng này! Trình từng ôm phôn ở ngoài vườn nói chuyện với bạn:

- Bà ấy cứ đi theo tao mãi làm cho mình khó chịu! Mất cả tự do!

- Thì mày lánh mặt đi...

- Lánh sao được, cũng phải có cơ chứ... Cứ làm như lấy con của bà là tao phải thành Osin cho nhà bà không bằng!

- Nếu không thích thì mày xù cho rồi, ở đó làm chi!

- Xù cho cha mẹ tao mắng rồi cúp hết tiền à! với lại ở đây thì phòng ốc sạch sẽ, đẹp đẽ, có phòng tắm riêng, nhà ít người tao cũng thích...

- Mày biết sợ cha mẹ bao giờ thế?

- Nói vậy thôi... tại tao muốn lấy số tiền thưởng Tết ba ngàn để ăn lẩu, lại lên mặt chơi...

- Là sao, nói rõ hơn coi?

Trình kể cho bạn nghe:

- Tao hỏi mấy thi hát bằng tiếng Việt mà trong nhà hai bà chị dâu trong nhà người Mỹ, ông bố hát cũng tầm tàm thôi, anh chàng của tao không biết hát, còn nấu ăn thì bà nói với tao là bà sẽ giúp tao trong vụ thi này... mấy người

kia là ngoại quốc làm sao họ nấu đồ ăn Việt Nam ngon được!

- Chà, tổ chức vui quá há! Vậy là mày giặt giải ngon lành rồi.

- Chứ sao, nghe nói họ còn mời bạn bè đến dùng tiệc và nghe nhạc, ca hát cho hứng thú. Dự thi thì chỉ trong nhà thôi, mấy người bạn tham dự làm giám khảo.

- Rồi mày định diện xoa-rê hay đồ tây?

- Tao mới mua được cái áo đầm hở vai tuyệt đẹp, cứ như là thiên thần ấy! Bên đây mỗi lần có tiệc họ mặc đẹp lắm, tao thấy trong vũ trường Việt Nam, nhiều người mặc hở vai, hở ngực xé-xy hấp dẫn cô cùng...

- Ủa, mày sửa ngực to đẹp thế phải khoe ra, nếu không thì uống mấy ngàn đô chứ giỡn sao!

- Ê, nhớ đừng có nói ai tao sửa ngực nghe, bà mẹ chồng nhà này khó chịu lắm, bà mà biết là không xong đâu... Mỗi lần đi chơi, tao phải đưa áo theo để thay cho bà khỏi thấy!

- Thế lấy nhau xong bên chồng ai cũng biết thì sao?

- Lúc đó gạo nấu thành cơm rồi, làm gì nhau được nữa... với lại sau khi cưới là tao sẽ ra ngoài ở riêng với chồng, hoặc là lấy căn nhà đó tổng cổ ồng bà đi chỗ khác!

- Thiệt không đó? Ông bà cũng đâu có ngu...

- Mày không biết gì hết, bà già này chịu ngọt... bà kể với tao chuyện thằng con bà quen với một con nhỏ Mỹ nào đó, bà xúi tao và chỉ mách làm sao cho con bà bỏ nhỏ kia thua cuộc bỏ đi là bà mừng!

- Vậy mày hên rồi, có đồng minh ủng hộ thì lo gì không lấy được tiền... mà tao nhớ mày chỉ biết hát Karaoke chứ có nấu nướng gì đâu!

- Thì đó, mà bà đâu có biết! Tao cũng làm bộ vô bếp phụ bà rửa rau bậy bạ, rồi nói rằng bà nấu hay quá, tao muốn học hỏi... thế là bà hăng hái làm hết, chỉ vẻ tận tình, làm tao được tiếng lại còn học được mấy món ngon... có điều tao không thích nấu ăn! Lần này bà còn hứa chỉ mách tao vụ nấu ăn... còn mấy con nhỏ kia người Mỹ, làm sao biết nấu nướng và hát tiếng Việt được!

- Chúc mày thành công. Đừng quên mua cho tao cái bóp hàng hiệu khi về đây nhé...

Thấm thoát đã đến ngày hội họp. Bạn bè của bố mẹ cũng cả hai mươi người. Mẹ lần này muốn chơi nổi đã đặt vài món chính ở nhà hàng đưa đến, còn những món khác nữa do các con bung tới, và chính mẹ cũng nấu vài món nên bàn tiệc nhìn cũng đình đám lắm.

Một bàn trống được trang hoàng cẩn thận dùng để đặt các món mỳ đũa con của mẹ sẽ dự thi. Vợ chồng anh Cả hân hoan bước vào, trên tay bưng một đĩa thịt heo quay chiên giòn nhìn thật ngon lành. Mẹ ngạc nhiên vì không ngờ vợ anh lại khéo thế... Tiếp theo là anh Hai cùng vợ cũng khệ nệ trên tay chiếc mâm to, thì ra chị ấy nấu xôi gấc. Cũng hay, hai đĩa này làm như tụi nó nâng đỡ nhau, thịt quay ăn với xôi gấc là hết xẩy! Thực ra mẹ không biết là do hai ông anh hỏi ý bạn bè, rồi ra ngoài tiệm mua về, chứ hai bà vợ làm sao biết nấu những món này!

Món của Trinh đóng góp là Gà bát bửu. Mẹ đã chỉ cho cô ấy cách đun thịt heo bên trong. Chỉ cần mua thêm gói gia vị gồm các loại táo khô, thuốc Bắc hạt sen là để làm mà ngon. Con gà được bỏ trong một cái tô lớn kiểu cổ có nắp đậy rất trịnh trọng. Cả nhà chỉ còn chờ cho cô bạn của Trọng nữa thôi.

Trọng lo lắng ra ngoài sân đón Godiva, vì cô nói muốn cho cậu và cả nhà ngạc nhiên. Chiếc xe tắc xi ngừng lại và cô bước xuống trong tà áo dài tím thướt tha... Trọng ngẩn người ra nhìn, không ngờ bạn mình mặc áo dài lại đẹp đến vậy! Hôm nay Godiva làm món thịt bò lúc lắc với rau xà lách soong trộn trứng. Thịt bò mềm đã được ướp đủ gia vị, chỉ cần chiên lên là dọn ra được. Bố Mẹ và quan khách trở mắt nhìn Godiva hiền thực trong tà áo dài. Đêm nay không có ai mặc áo dài cả làm cho Godiva ngạc nhiên, nhưng điều đó đã làm cho cô nổi bật hơn tất cả, bởi cô người Mỹ. Rồi cô vào bếp mượn chảo để chiên thịt. Món của cô nhờ có phi tỏi nên thơm lừng căn bếp, khi đổ thịt lên trên rau, chính Trinh và mẹ cũng phải tấm tắc khen vì nó vừa đẹp vừa hấp dẫn.

Bàn tiệc được chụp hình ghi lại những món ăn. Sau đó là màn ăn uống tưng bừng để bước qua phần văn nghệ.

Vợ anh Cả lên sân khấu hát một bài với giọng ca ngượng nghịu, vợ anh Hai thì ca khá hay trong một bài nhạc Mỹ. Sau khi bố hát thay đổi chương trình, đến lượt Trinh lên sân khấu. Trong chiếc áo bó sát thân thể, hở ngực thật sâu, cô hát bài "Yêu anh bằng cả Trái Tim"... khán giả vỗ tay, nhưng hình như họ cũng không hào hứng cho lắm... Mọi người đang chờ coi Godiva sẽ hát bài gì.

- Và bây giờ xin mời cô Godiva lên sân khấu...

Tiếng ông xướng ngôn viên cất lên, ai nấy vỗ tay chờ đợi. Trọng cũng lo lắng nhưng cô bóp nhẹ tay cậu trấn an... Godiva cầm Micro nói tiếng Việt:

- Em xin hát bài Bèo Dạt Mây Trôi ạ...

Tiếng ạ của cô thật dễ thương, ai cũng thích... hình như là bố mẹ cũng trong số đó. Sau tiếng vỗ tay vang dội, Godiva cất tiếng hát. Giọng của cô ngọt ngào luyện láy thật hay. Trọng há hốc miệng nhìn, không ngờ bạn gái mình biết hát tiếng Việt! Vậy mà mình không biết!

Khi bài hát kết thúc, những tiếng vỗ tay, tiếng huýt gió vang lên, rồi thì "bis" "bis"... vang dội.

Trinh cảm thấy tức tối trong lòng từ khi Godiva lên sân khấu! Tưởng nó không hát được tiếng Việt thì cô sẽ nổi đình nổi đám, nhưng giờ đây bao nhiêu tình cảm người ta đã dành cho cô ta hết rồi!

Trinh nhìn mẹ Trọng, hình như bà ấy không hài lòng lắm từ khi thấy Trinh mặc chiếc áo này! Ánh mắt của bà có vẻ tư lự! Tiếng bố Trọng vang lên:

- Bây giờ chúng tôi xin tuyên bố kết quả. Sau khi đã kiểm phiếu của bốn người: Chị Cả, Chị Hai, Trinh và Godiva bạn cháu Trọng, tôi xin tuyên bố Godiva đã được nhiều phiếu nhất ngày hôm nay, chúc mừng cháu...

Trọng nghe xong, mừng quá chạy đến bên Godiva ôm hôn cô thăm thiết, khiến cho mọi người hiện diện cùng cười và vỗ tay vang dội! Trinh tức tối cau mày, mẹ Trọng thì làm như cố tình tránh ánh mắt của cô! Trọng thấy rõ ràng mẹ đang nhìn Trọng cười và mắt có vẻ ngời lên sung sướng.

Trinh từ giả gia đình Trọng sớm hơn cả tháng nói là đi về, nhưng thật sự cô đến ở với bạn để ăn chơi tiếp và tìm đại gia khác. Mẹ Trọng thì sau đó đã đổi hẳn thái độ với con trai, tỏ ra thích Godiva hơn cả Trọng mong muốn.

Ngồi trên xe trong buổi chiều dạo mát, Trọng chăm chú nghe Godiva hát một bài mới được thu thử trong CD: "*Về đây nghe em, về đây nghe em, về đây mặc áo the, đi guốc mộc, kể chuyện tình bằng lời ca dao, kể chuyện tình bằng nỗi ngô khoai, kể chuyện tình bằng hạt lúa mới, và về đây nghe lại tiếng xưa, để nhớ trong tiếng vỗ bờ...*"

- Em sẽ học tiếng Việt thật nhuần... chúng ta sẽ ở chung với bố mẹ nghe anh...

Khung trời trước mặt sáng rạng ngời, Trọng cảm thấy sung sướng quá... ôm người yêu trong tay, cậu thì thầm:

- Cám ơn em, cám ơn GOD đã cho con đặc ân này...

• Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

HẸN VỚI MÙA XUÂN

• Nguyên Hạnh HTD

Bản nhạc "Anh đến thăm em đêm 30" của Vũ Thành An, phổ thơ Nguyễn Đình Toàn, có một câu tôi rất thích, thuộc nằm lòng và những ngày cuối năm ở quê nhà lúc trời trở rét, còn thỉnh thoảng thấy mình hát nho nhỏ cho riêng mình nghe thôi: "*Trời sắp Tết hay lòng mình đang Tết!*". Tôi bâng khuâng nhớ lại khung cảnh tất bật nhưng ấm ấm của gia đình, Mẹ tôi lo đặt lá dong, đặt đậu xanh loại thượng hạng để gói bánh chưng, bánh tét. Tối tối, trẻ con ngồi chầu rìa xem người lớn chế lạt từ mấy cái ống tre đã ngâm nước trước mấy hôm cho trắng ra. Những sợi lạt mỏng tanh và mềm như lụa được bó sẵn thành bó. Sung sướng nhất vẫn là lúc chờ Mẹ gói gần xong, bỏ bánh vào nồi nấu chín, sau đó trẻ con sẽ được một đón bánh tét nho nhỏ cho riêng mình để rồi cứ đem ra ngắm nghía mãi, không dám ăn!

Nhớ tới những xô xào, lòng rộn ràng trong những ngày sắp Tết, sáng tối một mình lén ướm thử lên người bộ áo quần mới, đôi dép nhưng thêu cườm mà mỗi năm chỉ được Ba tôi sắm cho một lần. Lòng bồn chồn sao mãi vẫn chưa tới ngày mong Một Tết, cứ nhớ đến rồi tự mỉm cười một mình.

Ở đây buổi chiều hơi lạnh, bầu trời có ngày mây mù ảm đạm, con đường trước nhà ngập đầy lá vàng. Dù sao cái se thắt lạnh của những ngày cuối năm luôn làm kẻ tha phương chạnh lòng, những cái mốc thời gian qua vùn vụt mà đường về cố lý càng ngày càng mịt mù khép lại. "Ngày về xa quá người ơi!".

Nhớ lại chợ Tết ở Huế còn có sân khấu trình diễn Hát Bội, đào kép vẽ mặt bằng phẩm màu có hai cái lông công thật dài và cong vút được gài phía sau cổ áo. Còn có tục lệ đánh bài Chòi, có người hò những bài vè, điệu xàng xê rất vui tai. Có cả nơi đá gà, cờ bạc, bầu cua cá cộ thật vui và rộn rịp.

Nay những cái chợ Tết ở quê nhà đã thật chìm sâu vào quá khứ xa vời rồi! Muốn tìm lại không khí Tết của những ngày xa xưa, xin hãy về vùng đất định cư ở Cali. Họ tổ chức Tết càng ngày càng phong phú hơn về nội dung, qui mô hơn về hình thức.

Ở đây tôi thích nhất là được nhìn thấy các anh em cựu Quân nhân mặc quân phục với đầy đủ giày Saut, áo trận, huân chương đeo đầy ngực, xen lẫn với các cụ cao niên trịnh trọng

trong những bộ y phục cổ truyền, tất cả đã làm tôi xúc động vô cùng!

Năm nào họ cũng về đây, như một cái hẹn không thể bỏ qua, một nơi chốn không thể không tới, một mối tình cố cựu dù có phai lạt phần nào nhưng cũng không đành lòng quay mặt. Tuy năm nào tổ chức cũng quay đi quẩn lại chỉ có từng đó tiết mục, cảnh trí; nhưng khách du xuân dường như vẫn hớn hờ được trở về tắm trong cái ao làng bèo nước thân quen để thấy người đồng hương dù xa xôi cách trở.

Cả khu công viên rộng lớn tràn ngập màu sắc và khách du xuân, người Việt Nam di tản ở nhiều phương trời cách biệt vẫn luôn tìm về nơi có đông đồng hương quần tụ để sưởi ấm tâm hồn. Đúng là mỗi người Việt Nam ra đi đều mang theo quê hương trong lòng mình.

Nhìn về quê nhà, tin tức và hình ảnh những ngày tháng Chạp Âm lịch chào đón Tết bao giờ cũng làm cho tôi ngậm ngùi xót xa. Bên cạnh chợ hoa được tái lập và mở rộng trên đường Nguyễn Huệ; cỏ cây hoa lá dưới bàn tay cắt xén tinh tế và đầy sáng tạo của các nghệ nhân ưu tú, trải dài như một dòng trường giang bát ngát.

Khác với Sài Gòn hừng hực sức sống của thiên nhiên và con người, Hà Nội như một thiếu phụ đã qua thời xuân sắc, khép nép những con phố chật hẹp. Hà Nội đón xuân bằng hình ảnh những cô gái đi xe đạp thồ hoa đào và cây quất vàng từ ngoại ô về thành. Những bến xe khách và sân ga đầy chật người chờ đợi chuyển xe hay chuyển tàu muôn đưa họ về sum họp gia đình sau cả năm (hay lâu hơn nữa) bỏ làng quê đi tha phương cầu thực. Nét mặt họ đầy nặng trĩu lo âu, không một ai có chiếc vali, mỗi người đeo một cái túi trên lưng, chắc chỉ gồm một ít áo quần và vật dụng tùy thân. Họ nằm ngổn ngang khắp nơi ngay cả trước các quầy bán vé, nhìn thấy mà xót xa!

Năm cùng tháng tận, ai cũng nhớ thiết tha một nơi chốn phải tìm về, kể cả những người Việt lưu vong; hằng năm chờ ngày Nguyên Đán, hành hương về phiên chợ Xuân nơi mình tạm cư như chợ Phước Lộc Thọ ở Cali chẳng hạn, mong tìm lại chút hương vị thân quen của một thời đã qua.

Tết ở quê người, nhiều gia đình Việt Nam vẫn còn giữ tục lệ cúng đưa Ông Táo về trời vào chiều 23 tháng Chạp và đến tối 30 Giao Thừa lại cúng rước Ông Táo trở về trần. Tục lệ cúng Giao Thừa, xuất hành hái lộc, xông đất năm mới vẫn còn được nhiều gia đình đồng hương hải ngoại duy trì và tôn trọng rất thành kính. Bàn thờ gọn nhẹ hơn ở quê nhà nhưng vẫn trang trọng với

đèn nến, hoa tươi, nhang trầm, trà thơm, bánh chưng, bánh tét, mâm ngũ quả được bày ra.

Vẫn trời đất bao la ấy, vẫn là thình không chung cả nhân loại nhưng sao Giao Thừa Âm lịch như là trời đất và thình không của riêng mình. Tôi vẫn chờ đúng nửa đêm, nhang đèn lễ Giao Thừa lung linh, khép cửa bước ra xuất hành; những bước chân đầu tiên vào năm mới, trên con đường ngập lá vàng, tìm hái một cành lộc trong mênh mông thanh vắng, nghe cả nhịp đập của trái tim mình rồi trở về nhà, cắm cành lộc vào một ly nước, ngậm ngùi nhớ về quê hương và cha mẹ anh em.

Quê hương chúng ta, nơi Phật giáo đã ăn sâu vào lòng dân tộc, gắn liền với nếp sinh hoạt của người dân nên tục lệ đi chùa vào ngày đầu năm Tết Nguyên Đán và Rằm tháng Giêng đã có từ xa xưa. Cũng từ khi Nho giáo và Đạo giáo du nhập vào Việt Nam phát triển mạnh vào thế kỷ 13; hòa nhập với Phật giáo thành "Tam giáo đồng nguyên" và kết hợp đi đến "Tam giáo đồng qui" thì những tín ngưỡng ảnh hưởng từ Nho giáo và Đạo giáo như cúng bái, xin xăm, coi quẻ, hái lộc... cầu bình an, may mắn cho cả năm đã xuất hiện trong nhân gian. Qua bao vật đổi sao dời, tập tục ấy vẫn còn tồn tại và lưu truyền cho đến ngày nay trở thành Truyền thống Văn hóa cổ truyền dân tộc Việt Nam. Biển cổ 75 khiến người Việt Nam phải lưu vong, nhưng theo bước chân Tăng lữ, chùa chiền đã được gây dựng lại tại hải ngoại và làn sóng người Việt tỵ nạn vẫn còn có cơ duyên tìm về mái chùa xưa. Ngoài những lễ khác trong năm như Phật Đản, Vu Lan... Tết Nguyên Đán và Rằm tháng Giêng được các chùa tổ chức lớn, nhỏ tùy theo môi trường, hoàn cảnh nơi cư ngụ.

Tại Đức, chùa Viên Giác, Hannover do Hòa Thượng Phương Trượng Thích Như Điển khai sơn và kể từ khi Thầy lui về vị trí Phương Trượng để có nhiều thời gian tham khảo, nghiên cứu kinh sách, dịch thuật và sáng tác. Từ đó đến nay trải qua ba thời kỳ với ba Vị Trụ Trì tiếp nối là: Thượng Tọa Thích Hạnh Tấn (2003 - 2008), Đại Đức Thích Hạnh Giới (2008 - 2017), Đại Đức Thích Hạnh Bốn (2017 - hôm nay).

Dù ở thời kỳ nào Tết Nguyên Đán và Rằm tháng Giêng vẫn được quý Thầy nhất tâm tổ chức trọng thể tại chùa Viên Giác dưới sự chủ trì của Hòa Thượng Phương Trượng trong không gian thiêng liêng khói nhang hương trầm nghi ngút, kinh cầu Phật niệm nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của người Việt Nam ly xứ vẫn hoài niệm về những cái Tết cổ hương.

ĐÊM TRĂNG



*Ngồi đây mượn chén rượu đầy
Mượn thân tứ đại về say đêm này.
Mượn thêm bụi trúc gió lay,
Mượn hàng liễu rũ chiều nay bên cồn.*

*Lên non mượn áng mây vờn,
Lối xưa mượn lại dấu chân bụi mờ
Hỡi cô giắt lụa bên hồ
Hãy cho mượn tạm ngấn ngơ trong lòng.
Ngủ đi này nụ hoa hồng,
Để ta mượn giấc mơ nồng bên hiên.*

*Trăng trong gió mát ban hiên,
Kể vai mượn cả Thần Tiên non bồng.
Nâng ly mượn bóng trong lồng
Uống vô nghi ngút trong lòng khói mây...*

• **Chúc Liên**

Ngôi chùa tiêu biểu mái nhà chung -Mái nhà Việt Nam- là nơi qui tụ trong dịp Tết cổ truyền trong ý nghĩa đoàn viên của những người con Việt lưu lạc, là nơi tìm về để cùng nhau hòa chung niềm vui đón Xuân sang giữa những ngày đông giá xứ người.

Tính đến Tết Nguyên Đán Canh Tý sang năm là vừa tròn 45 năm. Trong suốt gần nửa thế kỷ, người Việt Nam đón Tết Âm lịch như dòng suối nguồn tẻ ra hai nhánh. Nhánh tại Việt Nam và nhánh kia, chính là những người Việt Nam xa xứ sống lưu vong tại hải ngoại.

Bình yên hay phong ba, Tết Nguyên Đán vẫn luôn luôn là cái hẹn của tôi; vẫn mong có một ngày về hưởng lại cái Tết thanh bình ở quê nhà, với những nụ cười rạng rỡ trên môi và những ánh mắt tràn đầy niềm tin yêu và hy vọng. Nhưng biết đến bao giờ!!!?

"Hoài cố xứ mà tơ lòng đứt đoạn" (Ngọc An).

• **Nguyễn Hạnh HTD**

VIẾT VỀ H.C. ANDERSEN



• Thích Như Điển

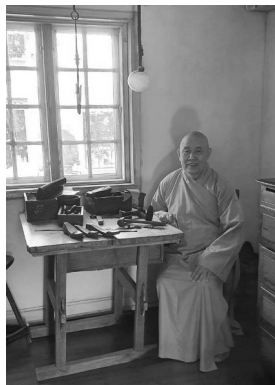
Hans Christian Andersen là một nhà văn nổi tiếng của Đan Mạch, hay nói đúng hơn là của tuổi thơ. Ông sinh ngày 2 tháng 4 năm 1805 và mất ngày 4 tháng 8 năm 1875, thọ 70 tuổi. Đa phần tên Ông được viết tắt là H.C. Andersen, có lẽ để cho người ta dễ đọc và dễ nhớ, nhất là cho trẻ em. Ngày Ông sinh ra tính cho đến nay ở đâu thế kỷ thứ 21 này cũng đã trên 200 năm rồi. Ngày ấy Odense vẫn là một ốc đảo của Đan Mạch, nằm giữa những đảo lớn, có thủ đô Copenhagen và vùng Kolding. Từ Kolding hay Copenhagen muốn đến Odense đều phải đi ngang hai chiếc cầu dài nhất nhì tại Âu Châu và những chiếc cầu này cũng chỉ mới được xây dựng vào thế kỷ thứ 20, chứ trước đó thì chắc rằng người ta phải đi ngựa và đi thuyền mới đến được những nơi nào người ta muốn đến của hai mảnh đất liền nằm hai bên ốc đảo Odense này.

Tôi có duyên với Đan Mạch từ rất lâu, ít nhất là hơn 40 năm về trước, kể từ năm 1978, 1979. Hồi ấy người Việt Nam mình ở Đan Mạch rất ít, nơi có người Việt ở nhiều là vùng Aarhus. Thuở ấy Đan Mạch cũng chưa có Thầy nào đến định cư, nên mỗi lần có lễ lộc như ma chay, thuyết pháp v.v... các Phật tử hay những cơ quan từ thiện lo cho người Việt Nam thường gọi qua Pháp hoặc Đức nhờ chúng tôi sang Đan Mạch để làm lễ. Người đầu tiên mà chúng tôi biết đến là gia đình của Bác Quang. Đây là một vị lão thành kỳ cựu, là viên gạch đầu tiên xây dựng nên Phật Giáo tại địa phương này. Khi Hòa Thượng Thích Quảng Bình sang định cư tại Đan Mạch thì Thầy ấy mới gầy dựng thêm những Chi Hội như: Odense, Copenhagen, Aalborg, Esbjerg, Joering và Aarhus, rồi từ đó đến nay hầu như tất cả các địa phương này đều có chùa để cho chư Tăng Ni và Phật tử sinh hoạt.

Địa phương Odense có Chùa Vạn Hạnh đã được thành lập cách đây cũng gần 30 năm và hầu như năm nào tôi cũng có sang đây để hướng dẫn lễ, cũng như giảng pháp cho các Phật tử sau Rằm tháng Giêng hay lễ Phật Đản và Vu Lan, nhất là khi Thầy Hạnh Bảo còn Trụ Trì tại đó. Bây giờ thì Thầy Pháp Quang thay thế và Thầy Hạnh Bảo đã về Turku, Phần Lan để Trụ Trì chùa Liên Tâm. Sau này tại địa phương Odense có thành lập thêm Chùa Quan Thế Âm do Ni Sư Thích Nữ Hạnh Khánh Trụ Trì nữa, nên mỗi lần về Odense tôi vẫn thường ghé đến hai chùa này để giảng pháp. Lần này vào ngày 2 tháng 9 năm 2019 vừa qua, sau ngày làm lễ Vu Lan tại Chùa Quan Thế Âm, tôi rảnh gần một ngày nên cũng có ý đi thăm nơi sinh ra Ông Andersen. Bởi vì tôi đã đến Đan Mạch cũng như Odense nhiều lần, nhưng chưa bao giờ có thời gian để đi, do vậy có một em Phật tử con của Đạo hữu Diệu Quả phát tâm chở tôi đến thăm căn nhà kỷ niệm của Đại Văn hào này. Hiện nay căn nhà nơi Ông sinh ra, người ta vẫn còn giữ nguyên vẹn, hầu như không thay đổi bất cứ một chi tiết nào. Nhà nằm ở đường Hans Jenens Andersen (không biết là người này có là họ hàng với Ông không), nhưng nếu ai muốn đến thăm nơi này cũng nên để ý bản chỉ dẫn, chứ không sẽ dễ bị nhầm đường. Đặc biệt hơn nữa là những con đường tại đây ngoài tiếng Đan Mạch ra còn có thêm tiếng Hoa và khi vào bảo tàng lịch sử của Ông, tiếng Hoa cũng được dùng để hướng dẫn cho du khách rất tận tường qua những tài liệu hướng dẫn. Nhưng khi tôi hỏi rằng: "Ở đây có ai nói tiếng Hoa được không?", thì những nhân viên đều lắc đầu và tôi hỏi tiếp rằng: "Tại sao lại phải có bản hướng dẫn bằng tiếng Hoa ngoài tiếng Anh và tiếng Đức?", người bán vé vào cửa bảo rằng: "Vì có rất nhiều người Hoa đến Đan Mạch chỉ muốn đến Odense để thăm viếng những nơi mà khi còn sanh tiền Ông Andersen đã sống, cũng như làm việc và viết truyện cổ tích cho tuổi thơ tại đó. Như vậy chúng ta thấy rằng: Vị trí văn học của Ông Andersen không còn nằm trong phạm vi Đan Mạch hay Âu Châu nữa, mà tiếng tăm của Ông đã có mặt khắp nơi ở năm châu bốn biển rồi. Do vậy, nếu ai đang ở Đan Mạch mà không đi đến được Odense để thăm thì quả là một điều thiếu sót vô cùng.

Tôi đã có nhân duyên đến đây và đã ngồi vào chỗ đóng giày của Ông Nội và Cha của Ông ngày nào khi còn tại thế. Nhà cửa Đan Mạch ngày ấy quá thấp và phòng ốc cũng rất nhỏ, mỗi phòng chỉ dung chứa được chừng ba bốn người là nhiều. Trong nhà không có phòng nào lớn, từ phòng ăn,

phòng ngủ, phòng khách, phòng làm việc, phòng viết văn của Ông, cũng như nhà vệ sinh tất cả đều nhỏ thó khiêm nhường. Tôi cao một mét 72, mà khi vào nhà này phải khom lưng xuống thì



chứng tỏ người Đan Mạch của hai thế kỷ trước họ không được cao ráo như bây giờ. Mới đi chưa hết 10 phút thì đã hết chỗ xem rồi. Nếu quý vị muốn xem thêm thì phải đi vào viện bảo tàng gần đó để xem những con rối mà Ông đã dạy cho trẻ con thực hiện, cũng như giới thiệu về thành phố

Odense ngày xưa và nay. Hình bên dưới, quý vị nhìn thấy tôi đang đứng trước cửa vào nhà Ông Andersen, mà mái nhà sà xuống thấp như vậy thì đủ biết là nhà ngày xưa tại Đan Mạch xây cất không cao lắm và con đường này rất nhiều du khách qua lại, nhưng chính phủ Đan Mạch vẫn giữ lại nét cổ xưa cho xe ngựa đi, chứ không tráng nhựa như những con đường bên cạnh. Đặc biệt là cả dãy phố này cũng vậy, chứ không phải chỉ một ngôi nhà này. Ngày trước ở Việt Nam người ta hay kháo nhau là người Nhật lùn, nhưng hôm ấy tôi đến đây, thấy rằng người Tây phương hay nói đúng hơn là người Đan Mạch sinh ra và lớn lên vào thế kỷ thứ 19 cũng không cao mấy.



Cách đây chừng 10 năm có gia đình của Đạo hữu Tâm Trí Lê Hữu Khải sinh sống tại Copenhagen, có mang đến tôi một bản thảo đã đánh máy xong nhan đề là "Truyện kể của Andersen" và gia đình muốn xuất bản để giữ lại kỷ niệm của Thân phụ mình đã một thời sống tại đất nước quân chủ này. Ông Lê Hữu Khải trước năm 1975 là một Giáo Sư Đại Học tại Đại Học Huế. Thời Ông ai cũng phải học tiếng Pháp, do vậy khi qua Đan Mạch, Ông đã tìm hiểu về Andersen và đã dịch hết 105 truyện của Andersen viết cho tuổi thơ, có thể từ tiếng Pháp hay tiếng Anh sang Việt Ngữ. Bởi vì Đan Ngữ là một trong những loại ngoại ngữ khó và khi Ông

đến Đan Mạch tuổi đã lớn rồi nên tôi chắc rằng Ông không dịch thẳng từ tiếng Đan sang tiếng Việt như nhiều người Việt Nam sau này đã dịch. Tôi chấp nhận việc xuất bản và gia đình đã bỏ tiền ra để in. Cuối cùng sách được đóng bìa cứng và có độ dày đến 1.059 trang. Nội dung sách có nhiều mẫu chuyện như: Nữ Nhân Ngư, bộ quần áo mới của Hoàng Đế v.v... rất là thú vị. Quý vị nào muốn đọc những truyện này cũng không khó lắm, vì ngày nay trên mọi mảng thông tin hoàn vũ, quý vị có thể lên Internet để lấy xuống đọc; hoặc giả liên lạc về Chùa Viên Giác Hannover để có một tập sách thật dày và in ấn rất công phu do nhà xuất bản Đài Loan lo khâu in ấn này.

Hai Ông Bà và cả Bác Sĩ Minh cũng như gia đình và con cái là những người Phật tử thuần thành xuất thân từ Huế, nên tất cả những công đức có được qua việc xuất bản tác phẩm này đều hồi hướng lên Tam Bảo để cầu nguyện cho Hai Ông Bà Cụ được sanh về cõi Phật và đặc biệt là làm sao có thể gìn giữ lại được những bút tích mà người thân trong gia đình đã một thời ở Đan Mạch và đã trực tiếp hay gián tiếp góp tay vào việc bảo tồn cũng như phát huy nền văn hóa của dân tộc Việt Nam và người Đan Mạch càng ngày càng được gần gũi với nhau hơn. Cũng có nhiều người Việt Nam đang sinh sống ở Đan Mạch rất hãnh diện vì chồng của Nữ hoàng Đan Mạch trong hiện tại là người Pháp, nhưng được sinh ra ở miền Bắc Việt Nam. Do vậy mà nữ Hoàng và Hoàng tế xứ Đan Mạch đều có cảm tình rất đặc biệt đối với người Việt Nam trong hiện tại.



Đến đây để thấy rằng Ông Andersen vốn xuất thân từ gia đình lao động bình thường, thế nhưng Bà Nội của Ông vẫn kể rằng gia đình của họ có quan hệ với dòng dõi quý tộc. Trên thực tế thì gia đình Ông cũng có liên hệ với giai cấp quý tộc Đan Mạch, nhưng đó là sự

quan hệ về công việc chứ không phải là vấn đề huyết thống.

Bây giờ nhiều người Việt Nam đang ở tại Đan Mạch cũng như vậy, họ rất hãnh diện về việc được làm công dân của nước này và đặc biệt là Hoàng Tế được sinh ra và lớn lên tại Việt Nam, nên họ cảm thấy gần gũi hơn với người dân địa

phương. Trên thực tế thì người Việt chúng ta rất giỏi, ngày nay đã có mặt tại 150 quốc gia trên thế giới với hơn 4 triệu người, nhưng đi đâu cũng được nghe khen thưởng còn việc chê bai cũng có, nhưng ít hơn là việc tán dương này. Nhiều lúc tôi đi trong xe lửa hay xe điện ngầm, gặp những người Đức bắt chuyện và họ biết tôi có xuất xứ từ Việt Nam, nên họ rất vui và đã nói rằng: "Tại sao chính phủ Đức nhận người Việt Nam ít quá như vậy? Lẽ ra phải nhận thêm nhiều nữa mới đúng, vì lẽ người Việt Nam rất chăm chỉ và nhất là thể hệ thứ hai, thứ ba học hành cũng như làm việc rất tận tụy với nghề nghiệp của mình. Khi nghe như vậy tôi cũng vui lây, nhưng sợ họ nói thêm rằng: "Nhưng tại sao ở Nhật Bản, một đất nước văn minh như vậy mà có nhiều người trẻ Việt Nam đi ăn trộm, khiến cho thế giới ở đâu người ta cũng biết đến cả? Vậy thì người Việt Nam ở Nhật Bản và ở Âu Châu cũng như Úc Châu và Mỹ Châu có giống nhau hay khác nhau chẳng? Nếu quý vị bị gặp câu hỏi này thì cứ xin tùy nghi ứng biến theo từng hoàn cảnh một, chứ "mía thì sâu có đốt, còn nhà dột thì có nơi"; chứ không lẽ cây mía nào cũng bị sâu hết và nhà mà bị dột hết khắp nơi thì làm sao có thể nương thân được.

Kỳ này tôi có dịp sang Pháp, nơi chùa Khánh Anh ở Evry để làm lễ vía Đức Quan Thế Âm cũng như chủ trì hai ngày Thọ Bát Quan Trai cho các Phật tử tại gia vào cuối tuần này (18-19/10/2019) và được Thầy Trụ Trì Thích Quảng Đạo sắp xếp để nghỉ tại hậu liêu của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm, người khai sáng ra Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu cũng như Khánh Anh nhị tự. Lòng cảm thấy nao nao, vì lẽ cơ ngơi đó, hình ảnh này, ngôi đại tự kia mà Hòa Thượng Minh Tâm đã một thân một mình lặn lội đó đây để khuyến khích Phật tử phát tâm xây dựng nên, nhưng ngày nay đến đây chỉ còn thấy chân dung của Thầy nơi Tổ Đường, và trên thực tế thì Thầy đã không ngơi nghỉ công việc một ngày nào trước khi viên tịch vào ngày 8 tháng 8 năm 2013 tại Turku, Phần Lan trong lúc khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 25 được tổ chức tại đó. Thầy đi lúc 74, 75 tuổi và nay tôi cũng đã ở tuổi 70, 71 rồi và cũng sẽ có một chuyến đặng trình giống như Thầy và mọi người đều phải kinh qua. Không phải vì buồn hay tủi phận, nhưng nhận thấy rằng: Cuộc đời của mỗi người trong chúng ta cũng giống như những chuyến xe dài nhiều toa tàu và xe ấy sẽ ngừng ở nhiều bến đỗ. Mỗi bến như vậy đều có kẻ lên và người xuống. Có người mang nặng hành lý trên hai vai, trên lưng, mà cũng có lắm người có lẽ đã nhẹ gánh tang

bồng, họ không bị chi phối hay bận rộn bất cứ những thứ gì chung quanh mình nên đã ra đi một cách an nhiên tự tại.



Bùi Giáng là một nhà thơ đại tài của trang sử Việt, nhưng khi Ông sống thì chẳng có người nào ngó ngang tới, ngoại trừ những chùa viện và Tăng Ni ở Sài Gòn thuở ấy, hay nhiều lắm chỉ có một số người tri kỷ như Kim Cương, Phạm Công Thiện, Trịnh Công Sơn... và có thể chỉ qua tư tưởng, còn hình hài, sự sinh hoạt thường nhật v.v... họ chắc rằng khó có những điểm chung với nhau. Thế mà hôm nay đã thấy tại Đà Nẵng có tên Đường Bùi Giáng rồi đó. Như vậy cũng có nhiều người chết đi rồi mới nổi tiếng, còn trong khi sống thì chẳng ai quan tâm đến. Riêng tôi thì chủ trương hơi khác một chút rằng: Nếu khi ta sống, ta đã chẳng làm được gì cả cho thế nhân, thì khi chết cũng không nên làm rình rang để làm gì. Vì lịch sử bao giờ cũng trung thực và tại sao ta phải tô son trét phấn để làm gì như vậy?

Tôi cũng mong rằng: Những gì Ông Andersen viết hay Bùi Giáng đã để lại cho đời những áng văn, thi phẩm hay như vậy thì hãy nên trân quý lúc còn hiện tiền vẫn hay hơn là khi lớp áo quan phủ lại rồi thì người nằm đó cũng khó cảm nhận được rằng chúng ta đã, đang và sẽ đối xử như thế nào đối với họ, đầu cho có tử tế cách mấy đi chẳng nữa!!!

Thích Như Điển

*Viết xong vào lúc 16 giờ ngày 18 tháng 10 năm 2019
tại thư phòng chùa Khánh Anh Evry, Pháp Quốc.*



VU VƠ VỤN VẶT CHUYỆN BỜM

• Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn

1.

Nghỉ ba tuần lễ mới vừa vào đến văn phòng làm việc. Cả một khối email phải đọc và giải quyết. Tôi cố ngồi chia từng khối theo đề mục thứ tự cho dễ đọc và trả lời. Bỗng nhiên có email của một cô đồng nghiệp khiến tôi phải ngừng lại. Đó là chị Sabine ở Institut Vật lý ứng dụng, chị hỏi tôi có biết ai trong số người quen muốn đảm nhận một công việc thích thú mà lương khá cho một chương trình nghiên cứu mới. Tôi cầm điện thoại gọi ngay để hỏi thêm chi tiết vì nghĩ, biết đâu có người quen của mình đang tìm việc. Phần khác cũng tò mò muốn biết là công việc gì mà lại thích thú và lương cao.

- Chị có khỏe không?

- Tôi xem lục trong danh mục UniVIS của niên học này tình cờ thấy tên anh. Có chuyện muốn hỏi. Tôi nghĩ mấy anh người châu Á nên có thể quen biết rộng hay có nhiều ý kiến lạ.

- Ô chưa chắc thế đâu. Nhưng chị nói chị có việc lương khá và thích thú, là việc gì vậy?

- Ô thích thú lắm. Có hãng làm đồ ăn và bánh ngọt ở Thụy Sĩ đang đề nghị hợp tác với chúng tôi làm một công trình nghiên cứu về Chocolate.

- Ô nếu vậy thì thích thú thật. Để tôi đoán xem đã. Có thể họ muốn nghiên cứu làm sao để ăn nhiều Chocolate vào mà vẫn không bị béo phì phải không?

- Không, chuyện ấy xưa quá đi rồi. Chị ta trả lời tôi trong một tràng cười rộ.

- Vậy... ăn nhiều mà lượng mỡ trong máu không tăng lên? Hay huyết áp?

- Cũng không nốt.

- Thôi chị nói đi, đừng bí mật mãi.

- Họ muốn nghiên cứu rằng, làm cách nào mà người tiêu dùng có thể cầm miếng Chocolate

lâu trong tay mà miếng Chocolate không bị chảy để khỏi dính tay.

Trời ạ, đúng là nhà giàu ở không, ngứa tay kiếm chuyện giải trí. Tôi ngạp ngừng chút. Và yên lặng. Cả một chuỗi ngày thơ hiện ra trong tôi. Những ngày thơ ở làng quê nghèo. Đầu dây bên kia hỏi giục:

- Anh còn đó không?

- Còn. Công trình nghiên cứu này của chị để ęc. Tôi đã từng làm bao nhiêu lần trong đời từ mấy mươi năm trước, từ ngày còn nhỏ xíu.

Tôi tưởng tượng hai con mắt xanh xoe tròn đang mở lớn tò mò phía bên kia đầu dây.

- Thật không? Tôi biết mà, dân Á Châu mấy anh thông minh lắm và những kiến thức trong truyền thống Á đông có nhiều điều cho chúng tôi học hỏi lắm.

- !!!

- Sao, anh nói đi. Chừng nào mình có thể có giờ hẹn để bàn thêm chi tiết.

- Vâng, tôi chỉ sợ khi nghe tôi nói xong thì chị hủy ngay công trình nghiên cứu của chị.

- Ô... không. Thôi anh nói sơ lược đi.

- Ừ. Chị biết nước chúng tôi là nước nghèo. Mà trong cái đất nước nghèo ấy gia đình của tôi lại là loại nghèo. Chị có thể tưởng tượng được rằng, trong suốt quãng đời thơ ấu, cho đến lúc bắt đầu học trung học, tôi chưa hề nếm được một miếng Chocolate nào.

- !!!

- Nhưng tôi thường được bà nội thưởng cho một cục đường nhỏ, chặt nhỏ ra từ một cục đường tán. Đường tán là loại đường rẻ tiền, nấu từ mía và còn tương đối nguyên sơ, chưa lọc cho trắng, nên cũng có màu nâu nâu hay đen giống như Chocolate của Tây phương vậy. Thường đường được đổ thành một tán tròn cỡ bàn tay mở rộng ra.

- Rồi sao?

- Mỗi lần có việc gì đáng để khen thưởng, bà nội tôi lấy cái dao phay chặt cho một cục nhỏ, cỡ gần bằng ngón tay cái, nhưng bề dài chỉ nhỏ như chỗ móng tay thôi nhé, để thưởng. Gia đình mấy bạn tôi ai cũng vậy. Cục đường nhỏ quá, nên mấy đám trẻ khác thường kẹp giữa ngón cái và ngón trỏ và liếm dần thay vì ăn ngay vì sợ mau hết. Tôi là đứa rất sợ dính tay nên đã nghĩ ra phương pháp khác.

- Phương pháp để không cho dính tay?

- Đúng vậy.

- Vậy phương pháp của anh là sao?

- Tôi lúm hết cả cục đường vào miệng.

- Chỉ có thế?!?!

- Rồi dùng lưới chận cục đường bé xíu ấy lên phía hàm trên, nơi ít nước miếng. Cục đường sẽ tan dần và chảy vào lưới. Tôi thưởng thức dần vị ngọt của cục đường.

- ...!!!

- Thấy chưa, tay tôi không hề dính chút đường nào cả.

Tôi thấy đầu kia yên lặng và tưởng tượng ngay được vẻ mặt thất vọng của chị.

Tôi lại tự cười với mình. Vì dư dả quá nên ăn Chocolate sợ dính tay, chứ nếu chỉ có một cục thì lúm vào là hết ngay rồi. Không nghe chị ấy nói gì thêm nên tôi chào và gác máy.

Trong cái yên lặng ấy tôi hồi tưởng về tuổi thơ nghèo khổ ngày xưa và nghĩ ngay đến bài hát đồng dao:

*Thằng Bờm có cái quạt mo
Phụ ông xin đổi ba bò chín trâu
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu
Phụ ông xin đổi một xâu cá mè
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè
Phụ ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim
Phụ ông xin đổi con chim đồi mồi
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi
Phụ ông xin đổi năm xôi, Bờm cười*

Nói thật, hồi ấy nếu tôi có nguyên tán đường trên tay mà rui có đến mười ông phú ông đem mười chiếc xe hơi đến đổi chưa chắc tôi đã đổi. Tôi hiểu lòng "Thằng Bờm" của tôi lắm.

2.

Rồi bằng đi thời gian lâu tôi cũng quên hẳn chuyện đó. Cũng không quan tâm chị Sabine có hợp tác với hãng kia bên Thụy Sĩ nghiên cứu cách ăn Chocolate không dính tay chẳng? Mãi đến hôm kia, đọc được một câu chuyện quá hay và vui trên mạng nên Bờm của tôi lại quay về.

Nhưng khổ nỗi, tác giả câu chuyện lại bị vợ chê là "Bờm khờ". Tôi bỗng thấy tức mình muốn bênh vực cho tác giả và cả cho anh Bờm của tôi (Tôi gọi là anh vì nếu chàng Bờm thật có trên đời này thì anh ấy phải lớn tuổi hơn tôi nhiều lắm, khi tôi sinh ra đã có anh ấy rồi.)

"Có lần, tôi hí hửng đi chợ mua một miếng heo quay về ăn, gọi là mừng món mới ngày lĩnh lương. Những tưởng thế nào cũng được người bạn đời khen: "Trời ơi! Sao hôm nay anh đảm đang thế!", và tôi sẽ ưỡn ngực ra đây tự hào: "Xưa nay anh vẫn đảm đang ấy chứ lì." Ai ngờ, nàng cầm miếng thịt lên nhìn và lắc đầu, "Bờm ơi

là bờm! Đàn ông đàn anh các anh đi chợ là để bị lừa lắm. Nó bán được cho anh chỗ này nó vừa mừng lại vừa cười vào mũi cho, bờm ạ!"

Tôi đờ người ra, tôi bị nàng gọi là bờm, mà sao là bờm?

Tôi hỏi nàng: Sao em bảo anh bờm?

Nàng nói: "Chính câu hỏi của anh đã chỉ ra anh là thằng bờm thứ thiệt rồi chứ còn là sao nữa. Bờm ơi là bờm! Lại còn hỏi..."¹

Tôi thì nghĩ khác.

Tôi may mắn chưa hề bị ai gọi là Bờm. Vợ cũng chưa từng gọi tôi là Bờm. Nhưng nếu giả sử nàng, hay nếu ai đó gọi tôi là Bờm thì chắc tôi sẽ không đờ người ra. Có khi tôi còn mừng thầm nữa là khác. Miễn là người ấy đừng gọi: thằng Bờm. Xin gọi là anh Bờm, chú Bờm, lão Bờm v.v... gọi sao cũng được, nhưng xin tránh chữ thằng.

Vì sao?

Bởi vì, không biết vì sao mà ai đánh chết tôi cũng nói: Bờm của tôi phải là một chú tiểu. Bờm dễ thương, bờm đạo vị vì... Bờm là chú tiểu. Mà là chú tiểu trong chùa thì phải gọi là chú, chú Bờm. Chú tiểu dù nhỏ tuổi bao nhiêu, dù khôn dù ngu, dù hiền lành dù nghịch ngợm cũng phải gọi là chú. Người gọi dù nhỏ tuổi hơn, dù bằng tuổi, hay tuổi đáng ông nội bà ngoại cũng gọi chú tiểu là chú. Ai gọi chú tiểu là thằng thì chắc chắn thiên hạ sẽ nói người ấy thiếu... văn hóa. Đó là lỗi nói kính trọng của dân gian Việt Nam mình đối với những người ở trong đạo, trong chùa.

Không tin tôi sao?

Bạn cứ mở máy vi tính gõ hai chữ thằng bờm vào google đi. Người ta chả nói: "Trăm năm trong cõi người ta, cái chi không biết phải tra google" đó sao? Mở ngay chỗ tìm kết quả bằng hình ảnh thì thấy hàng loạt những hình vẽ bờm có ba cái chòm tóc trên đầu. Có họa sĩ vẽ "bờm thời nay" cũng vẽ ba cái chòm ấy. Mà trẻ cạo đầu để chòm thì đích thị là chú tiểu trong chùa.

Nhưng đó là hình dáng bên ngoài. Cái tâm mới quan trọng hơn. Bờm có cái tâm của một thiền sư con, của một tiểu hòa thượng.

Cùng đọc vào bài đồng dao sẽ biết ngay.

3.

Thằng Bờm có cái quạt mo,

¹ Bùi Công Thuấn: *Bờm ơi là bờm*. Nguồn: <http://buicongthuan.blogtiengviet.net> (đọc 16.08.2019)

Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.

Ngay từ câu đầu này, xin phép phải tạm dừng để định nghĩa thêm vài danh từ khó hiểu.

Nói chuyện quạt mo trước.

Không biết bây giờ ở hải ngoại mấy người ở thế hệ thứ nhất biết quạt mo. Hay hơn là biết cách làm quạt mo từ cái mo cau. Thế hệ thứ hai hay thứ ba như các con tôi thì có thể không biết cái cau là gì chứ đừng nói là mo cau.

Cây cau có trái nhỏ, kết thành từng buồng lớn, dùng để các cụ xưa (như bà nội tôi) nhai chung cùng lá trâu. Sau này đi Ấn Độ tôi cũng thấy người ta nhai lá trâu nhưng lại không thấy cau.

Thường ở quê nhà nào cũng có một hay hai cây cau trồng ở trước hoặc hông nhà. Vườn cũng trồng chuối nhưng chuối thường được trồng ở hông hoặc vườn sau. Người nhà quê có công thức: chuối sau cau trước. Khác với nhà ở thành phố, nhà ở quê thường chỉ có cửa lớn phía trước, cửa sổ bên hông, phía sau là tường (hay phen) kín mít. Phía ấy thường để dựng chuồng heo, nhà tắm hoặc nhà vệ sinh. Thân cau cao nên thoáng, gió có thể đưa thẳng vào nhà từ phía trước. Bụi chuối thường mọc um tùm, tuy làm cho mát mẻ nhưng lại che kín gió. Cây cau thân nhỏ, đường kính cỡ chừng 20-30 cm, không có cành, chỉ suôn đuộc thẳng tới trên ngọn, nơi sau này nở ra buồng cau. Cau cao chừng 15, 20 mét. Hoa cau khi nở có mùi thơm nhẹ và nở rất lâu. Mùa cau trổ bông thì bẹ (mo) cau thường rụng và rơi xuống đất. Bẹ (mo) cau có hai loại, cái bao bọc buồng cau thì gọi là mo cái, còn cái nào phía trong không có buồng gọi là mo đực. Mo cái thanh mỏng, ruột trắng phau, làm quạt vừa nhẹ, vừa đẹp. Lũ trẻ lượm mo và kéo giữa hai chân chơi trò cưỡi ngựa tàu cau, vừa chạy vừa hát "Con nít, chúng ta là con nít, đội mũ lá mít, cưỡi ngựa tàu cau...". Người lớn cắt hình quạt mo vừa tầm tay, lấy vật nặng đè lên phía trên cho thẳng và phơi khô. Chừng 3, 4 hôm là có thể có một chiếc quạt mo xinh xắn và tiện dụng. Muốn leo lên cây cau phải có "chiếc nèo", thường bằng bẹ chuối đánh thành hình số 8 cột vào 2 bàn chân, sang và chắc chắn hơn là dây dứa, rồi ôm chặt vào thân cây cau để đi dần từng bước lên ngọn, chặt cả buồng cau cho rớt xuống đất. Làm được việc này cho bà nội để bà có cau cúng ông bà và ăn trâu là được nội thưởng ngay. Một cục đường ngọt lịm.

Hết chuyện cau xin nói tiếp chuyện phú ông.

Đồng dao là do người bình dân sáng tác ra, không có tác giả. Vậy mà người xưa ở quê, chắc

do ăn uống thực phẩm ít độc hại, hít thở không khí ít ô nhiễm nên ăn nói có phần đẹp để chính xác hơn. Họ gọi ông nhà giàu ấy là phú ông. Người xưa ai có cấp sách đến trường học sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư (Lớp Sơ Đẳng) thì học thêm các từ khác như hào phú, phú gia... Thời nay ở Việt Nam có một từ mới (mà hải ngoại lại cũng có khi có người bắt chước nói theo), gọi các vị này là "đại gia". Thật tếu hết chỗ nói! Ví như gọi họ là "đại phú gia" thì còn nghe được, vì họ là người giàu có lớn. Cũng có chỗ gọi người quyền thế là "đại nhân gia", nhưng nói "đại gia" thì nghe không ổn. Mình gọi ông ấy là "đại" thì những người khác là "tiểu" cả sao? Mà ông ấy chỉ có tiền chứ có gì để gọi là lớn? Nhân cách lớn nhỏ có khi tỷ lệ nghịch với tiền bạc. Tôi xin nhấn mạnh hai chữ "có khi" thôi nhé, vì cũng rất có nhiều trường hợp ngoại lệ. Trên thế giới đã có rất nhiều người giàu tiền của và giàu cả lòng nhân ái. Trường hợp như ông Bill Gates là một thí dụ - một Trưởng Giả Cấp Cô Độc của thời hiện đại. Hay người ta muốn tôn xưng nịnh bợ "quý ngài đại gia", muốn nâng ông ấy vào hàng lãnh tụ nhưng không dám dùng từ "vĩ đại", sợ phạm thượng nên gọi là "đại gia". Mà nghĩ kỹ coi, chắc chi mấy ông đã thích mình gọi là đại gia. Vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất, nếu chữ gia hiểu là "cái nhà" thì thành ra họ là cái khối gạch xi măng khổng lồ hay sao? Thứ hai, nếu chữ gia là nhân vật, như thương gia là nhân vật buôn bán thì chẳng lẽ đại gia nhà nhân vật to lớn, công kênh thô kệch sao? Đời nào họ chịu vậy. Ngày xưa người phúc hậu được hiểu như là người mập mạp hồng hào. Bây giờ thường người nghèo mới to mập thừa thịt dư mỡ (trừ vài trường hợp ngoại lệ do bệnh hay di truyền). Còn người giàu có lo thể dục thể thao thân hình gọn nhẹ, hay thậm chí bỏ tiền đi hút mỡ, giải phẫu thẩm mỹ.

Vậy mình đồng ý với nhau rằng: phú ông là ông nhà giàu, có nhiều tiền của, gia sản, ruộng nương...

Bờm có cái quạt mo đẹp và tốt quá. Gặp bữa tiết trời nóng nực đứng gió, phú ông khó chịu trong người - mà phú ông là người lúc nào cũng phải tắm tất khăn áo nên lại càng nóng nực hơn. Phú ông muốn mượn hay mua lại cái quạt ấy của Bờm. Phải khen cho phú ông thời xưa, chỉ muốn thương lượng mua lại chứ thời nay thì Bờm đã phải mất ngay quạt mà có khi còn... mất mạng như chơi. Phú ông gạ đổi ba bò chín trâu. Ra giá ấy là phú ông nghĩ phần mình thôi, và phú ông muốn khoe của. Nhưng phú ông đâu ngờ, chỉ cần nghe đến bò và trâu là chú Bờm đã sợ. Ở nhà cha mẹ, Bờm đã từng phải giữ bò giữ

trâu quá ư khổ cực, phải giúp cày bừa nhọc nhằn nương trên ruộng dưới. Bây giờ đã ở chùa thì trâu bò ích gì đây. Bờm nói ngay: "No, Sir! Thanks."

Cuộc thương lượng lại tiếp tục.

4.

Phú ông xin đổi một xâu cá mè.

Lại một lần nữa lòng tham, cộng thêm tiết trời nóng nực làm phú ông đâm ra khờ khạo. Ai đời đi dụ chú tiều mà đem xâu cá mè ra dụ. Chú làm sao dám đem cá về chùa, không khéo là chết đòn. Bờm cũng là người chay tịnh nên dĩ nhiên là không cần - dù có thèm Bờm cũng sẽ nói không. Nhưng Bờm không thèm.

Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.

Cuộc thương lượng bước vào giai đoạn căng thẳng. Phú ông đoán rằng, chùa sẽ cần gỗ xây dựng Tăng phòng, Bờm sẽ nghĩ đến Sư Cụ nên sẽ lạy lục phú ông để đổi. Xưa nay những trọc phú thường mưu mô quỷ quyệt, hay chơi đòn tâm lý. Nhưng chùa của sư phụ mái tranh đạm bạc đâu cần gỗ lim, mà cả bè gỗ lim để ngâm ngoài bờ sông thì lại mất công giữ. Bờm ta chỉ nhắm mắt phe phẩy quạt và thưởng thức làn gió mát mà không trả lời phú ông. Phú ông tức tối, suy nghĩ tiếp.

Phú ông xin đổi con chim đổi môi.

Đây là cách đánh một đòn quyết liệt dụ trẻ. Thoạt vừa nghe mắt Bờm đã sáng lên. Chơi chim đổi môi thì ngày xưa Bờm thích lắm. Nhưng giờ nghĩ đến việc làm đau đớn thú vật là Bờm sợ ngay. Thôi thôi, Bờm không dám đâu, sáng nay thời công phu Bờm đã tụng câu Tứ hoằng thể nguyện, thương tất cả chúng sanh. Bờm nhìn phú ông, chấp tay hoa sen nói (mà giọng còn run run): Mô...ô...ô Phật.

Không bỏ cuộc. Lần này phú ông ranh mãnh hơn, đổi chiến lược.

Phú ông xin đổi năm xôi,

Bờm cười.

Bờm cười, bờm nở một nụ cười tươi. Trẻ con thì cười kiểu nào cũng tươi. Bờm lại là chú tiều nên nụ cười của Bờm không chỉ tươi mà còn rất giải thoát. Bờm đâu tham xôi, chùa thiếu gì xôi oản.

Cười cũng có nhiều kiểu: cười hể hả, cười mỉm, cười ruồi, cười ngạo... Câu đồng dao tưởng chừng như thiếu một chữ, một trạng từ diễn tả thái độ cười của Bờm. Câu đồng dao cũng không

nói là Bờm đã OK ký hợp đồng trao đổi với phú ông. Bờm chỉ cười thôi.

5.

Như vậy nghĩa là, Bờm ta không hề khờ khạo.

Đúng vậy! Bờm từ bi, Bờm hạnh phúc.

Nhưng, chắc chi ý câu đồng dao muốn nói về Bờm!

Đúng, câu đồng dao ấy nói về phú ông? Ông nhà giàu, một khi đã muốn có cái gì thì bám vào cái ấy và đeo đuổi tới cùng để đạt được cho đây túi tham. Phú ông chỉ muốn đạt được cái mà phú ông chưa có, thế thôi. Bờm là chú tiều, Bờm đã bước qua khỏi lẩn mức ấy. Bờm không tham. Bờm cười vì phú ông vẫn cứ tham.

Câu đồng dao thời xưa kể chuyện hình ảnh phú ông giàu có và muốn chiếm hữu tất cả, chỉ mượn chữ nghĩa đơn giản để nói lên một thói đời. Còn thời nay? Chắc cũng thế. Thiếu chẳng là hình ảnh chiếc mo cau. Tiếc quá! Ta đang sống trong thời đại mà phương tiện kỹ thuật tràn ngập, kể bên các hệ thống quạt điện, quạt hơi nước lạnh... thậm chí còn có hệ thống máy lạnh mát rượi. Thời hiện đại - hại điện, hại cả môi trường thiên nhiên. Thời này không còn ai nghĩ đến quạt mo. Trẻ con thời nay làm gì biết đến hình thù chiếc quạt mo, chiếc mo cau hay cả những mâm cau trầu trong các nghi thức hôn lễ, một thời rất trang trọng và cũng rất chi là... sang trọng.

Nếu được phép nói thêm một lời thật lòng, tôi sẽ xin nói rằng: Phú ông thời nay cũng nhiều lắm. Hơn thế, thời đại càng văn minh thì Phú ông càng ranh mãnh, tinh vi hơn. Nói với người cũng là để tự nhắc mình, vì công tâm mà xét, trong lòng mình cũng có chút "bờm" mà cũng có chút tính khí "phú ông". Hãy cẩn thận nhắc nhở nhau. Lòng tham là chữ đầu trong ba độc: Tham Sân Si. Khi mình chưa giàu thì nói dễ như chơi, lúc hầu bao rủng rinh tiền bạc lại khó sống đời sống thiện lương như thuở cơ hàn. Tôi từng chứng kiến.

Giàu có, sang trọng là một phước báo tích lũy từ bao nhiêu đời trước, không phải tự nhiên mà có cũng không phải ai cũng có được. Có người tài giỏi, làm việc cật lực, tiết kiệm từng ly từng tí mà cả đời vẫn nghèo. Lại có người làm việc gì, dù bỏ ít công phu mà luôn thành công, nhiều phúc lợi. Phải hiểu đó là công đức tích lũy từ bao nhiêu đời trước. Biết trân quý những lợi lạc này mà gây thêm nhân phước đức nữa là cách hành xử thông minh. Như ông Bill Gates đã dùng tài sản đi làm các chuyện công ích xã hội, hỗ trợ mạnh mẽ các kế hoạch bảo vệ thiên nhiên. Tích

lũy bao nhiêu thì lúc ra đi cũng chỉ còn hai bàn tay trắng, lạnh khô như bao nhiêu người khác. Còn nếu ai đó cứ mãi say đắm tài sản, bằng mọi giá ôm giữ đồng tài sản thì có khi chính nó lại là lưỡi dao quay lại hại mình. Và lại, tài sản tiền bạc là những vật có chân. Nó có thể đến nhưng cũng có thể đi. Mấy mươi năm chinh chiến, thay đổi thể chế ở Việt Nam đã giúp tôi thấy rõ điều đó. Các nhà kinh tế còn nói rằng, đồng tiền phải luôn luân chuyển. Có khi nó luân chuyển chiều thuận, tiền tạo ra tiền, nhưng cũng có khối trường hợp tiền luân chuyển chiều nghịch, phút chốc bỗng biến thành... bọt biển.

* * *

Ở trên tôi có nhắc chuyện sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Mấy mươi năm mài dũa quần ở bao nhiêu trường học, từ Việt Nam sang đến hải ngoại, giờ nghĩ lại vẫn thấy cuốn sách giáo khoa này là cuốn hay nhất mình học được trong những ngày còn ở trường làng. Vì vậy để kết thúc chuyện Bờm, xin chép thêm một câu chuyện về thuật xử thế trong chương trình Lớp Sơ Đẳng để hầu bạn. Cũng là câu chuyện giữa phú ông và người làm.

"Một hôm, một người hào phú có chuyện lời thoí với một người thợ. Đang cơn tức giận, người hào phú lấy hòn đá ném người thợ. Người thợ nhặt hòn đá cất đi một chỗ, nghĩ bụng rằng: "Thế nào cũng có lúc tao lấy hòn đá ném được vào đầu mày."

Cách ít lâu, người hào phú chẳng may cửa nhà sa sút, tiền của sạch không, phải đi ăn xin. Một hôm, người thợ trông thấy người ấy ăn mặc rách rưới, đi qua trước cửa, vội vàng chạy đi lấy hòn đá, định để ném lại. Nhưng khi tay đã cầm hòn đá, anh ta lại nghĩ rằng: "Người ấy lúc còn giàu sang mà ta báo thù thì là đại, bây giờ người ấy khổ sở mà ta báo thù thì là hèn. Thôi, ta không nên báo thù."

Rồi quăng hòn đá xuống ao."

Cuối bài, trong sách ấy có ghi thêm phần giải nghĩa từ khó.

(1) nhặt = lượm.

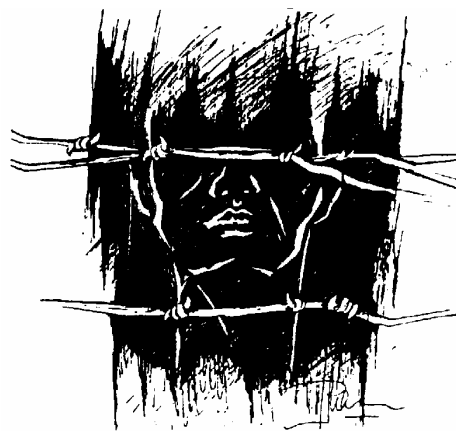
(2) Hào phú = người giàu có và có thần thế.

(3) Sa sút = suy kém.

(4) Đại = đây là có ý nói lúc người hào phú có của, có thế, mà mình báo thù thì tất nó hại được mình.

• **Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn**

Những con đường „Bi đất“



*Đầu thế kỷ hai mươi thuở trước
„Bác“ chọn đường „bung nước“ ra đi
Thế rồi bác đến Paris*

*Nộp đơn xin học trường Tây đàng hoàng
Tây không nhận bèn mang mỗi hận
Vì trong lòng căm giận Lang-Sa
Tìm đường sang Mác-cơ-wa
Rinh luôn đường lối nước Nga đem về
Theo chủ nghĩa Mác-Lê tranh đấu
Gây chiến tranh đổ máu ba miền
Giờ đây đảng „Bác“ nắm quyền
Thực dân vắng bóng chính chuyên thế vào
Dân lớn nhỏ trước sau trốn chạy
Đầu bước đường chẳng thấy tương lai
Vì Thiên đường „Bác“ dựng xây
Bất công áp bức bọn Tây khó bằng
Đại biểu dân nhiều thẳng chuẩn mắt
Khi biết rằng hết gặt hốt tiền
Dân đen đủ cách vượt biên
Ngoại giao, du lịch, hết thuyền tới xe
Chuyện cô gái làng Nghèn xứ Nghệ (1)
Đủ chứng minh thể chế hiện nay
Đem so cùng với thời Tây
Việt Nam giờ đáng bậc Thầy Thực Dân.*

• **Trần Thế Thi**

(1) Cô Phạm Thị Trà My một trong số 39 nạn nhân tử vong trong container đông lạnh ở Anh ngày 23.10.2019.

VUI BUỒN NGHIỆP... BÁO

• Phù Vân



Trước đây tôi thường tự hỏi, không hiểu trong tiền kiếp tôi đã gieo nhân như thế nào mà kiếp này tôi lại phải nhận nghiệp báo, trong khi đó rất nhiều người quen thân lại hưởng được phước báo. Hẳn đây là cái quả mà tôi phải nhận như lời Phật dạy, bởi trước đây tôi không gieo đủ duyên lành nên bây giờ tôi phải lãnh nghiệp... báo !

Cái „*ngiệp... báo*“ đến với tôi hết sức tình cờ. Số là, khi tôi vừa mới chuyển từ trại tạm cư Rothenburg ob der Taube thuộc tiểu bang Bayern, sau khóa học tiếng Đức, đến định cư tại thành phố Hamburg vào năm 1982. Một hôm có người bạn và bà Ilse Rützel – „Bà Mẹ của người Việt tỵ nạn tại Hamburg“ (danh hiệu này do báo Hamburger Abendsblatt gán cho), nhưng người Việt địa phương thường gọi là Bà Rützel đơn giản mà thân thương. Bà yêu cầu tôi tiếp tục thực hiện tiếp tờ báo... đúng hơn là bản Tin của Người Việt Tỵ Nạn tại Hamburg (Information der vietnamesischen Flüchtlinge in Hamburg) chỉ mới ra 2 số do bà và anh bạn đảm trách. Đây là Bản Tin song ngữ Việt Đức. Tôi hết sức từ chối vì ngoài khả năng, tiếng Đức vừa mới học xong và nơi này tôi cũng chẳng quen biết ai nhiều. Anh bạn thì vin lý do còn có con mọn và bận rộn việc làm, nên cứ „ép“ tôi phải nhận. Thế là vì tánh cá nể, lại nhớ ơn bà đã hết tình giúp đỡ cho cộng đồng người Việt, nên tôi đành chấp nhận, chứ tôi

nào có rảnh rỗi gì, cũng phải „kéo cày trả nợ áo cơm“!

Tôi đã „*khởi nghiệp*“ như vậy đó. Trên thương trường người ta thường khởi nghiệp, trước hết phải có chút kiến thức về nghề nghiệp, một ít vốn liếng căn bản để hoạt động; còn tôi chẳng qua một trường lớp đào tạo báo chí hay một khóa „*chuyên tu*“ nào cả. Khi từ ghe vượt biển được vớt lên tàu Cap Anamur vào tháng 3.1980, vốn liếng của tôi chỉ vốn vẹn có một quần xà lỏn áo may-ô mà thôi.

Sau đó tôi đổi tờ Bản Tin này thành Tờ báo Nguyệt san Hamburg và chuyển cho Hội Người Việt Tỵ Nạn nơi này, tôi chỉ đảm nhiệm vấn đề điều hành. Thế mà cũng có vài chuyện vui buồn trong thời gian mấy năm làm báo địa phương. Một bà độc giả gửi bài viết mong được đăng báo, kèm theo lá thư nhắc khéo „... Tôi có mấy đứa em trai to con lắm đó. Ông nên liệu lý giải quyết đi nhé !“. Lại cũng có một cô độc giả khác, gửi đến tòa soạn một phong bì lớn dày cộm, trong đó có những phóng ảnh siêu âm (Ultraschal) cái bào thai, hình chụp chung của đôi trai gái ở một đảo tỵ nạn nọ và một bức thư thật dài kể đầu đuôi ngọn ngành về chuyện tình yêu của cô gái... nhẹ dạ, để lỡ mang... nặng bụng. Không hiểu từ đâu cô ta lại biết anh chàng họ Sở „*quất ngựa truy phong*“ đến xứ sở này, lại còn biết thêm địa phương có tờ báo để „*nhờ vả*“, tìm kiếm, khuyên nhủ anh chàng Sở Khanh đó hãy mau trở về làm tròn bổn phận người cha! Thực tình tôi không ngờ tờ báo lại có uy tín, tạo được niềm tin nơi độc giả đến thế !

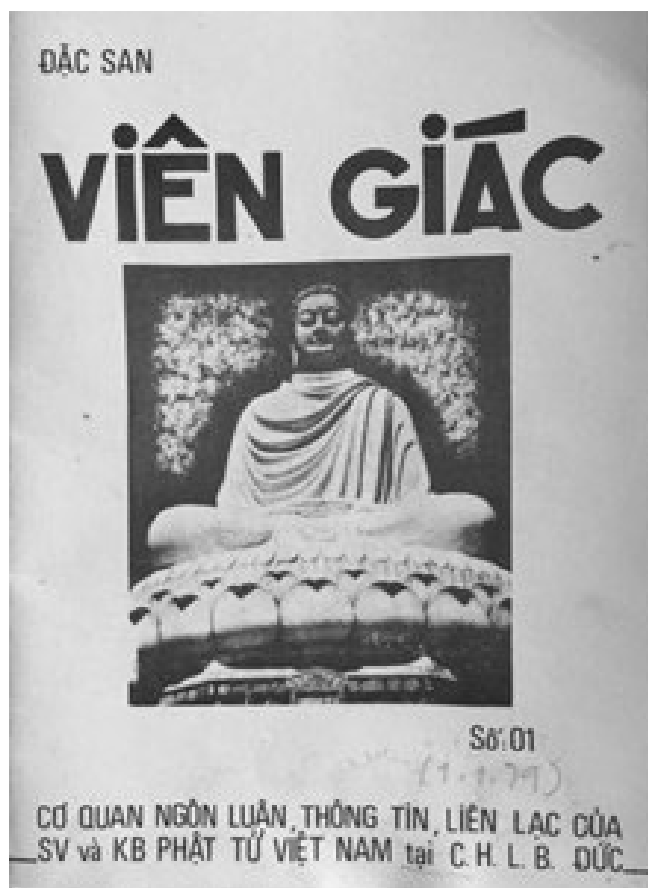
Biết tôi đang phụ trách tờ báo, Thầy Thích Như Điển một lần đến Hamburg làm lễ định kỳ và giảng pháp cho bà con Phật tử, đã yêu cầu tôi cộng tác với tờ báo Viên Giác do Thầy chủ trương. Tôi phân vân, không biết mình phải viết như thế nào mới hợp với tờ báo Đạo. Thầy giao cho tôi mấy số báo Viên Giác đã phát hành để tôi nghiên cứu mục đích, đường lối, chủ trương... Có lẽ đây mới là „*định nghiệp*“ của tôi - ngày lao động tay chân, đêm lao động trí óc. Vào năm 1984, tôi đề nghị anh Vũ Ngọc Long, một ký giả thứ thiệt, tốt nghiệp khoa Báo chí trường Đại Học Vạn Hạnh, đã từng là phóng viên của tờ báo Sống, Sóng Thần ở Việt Nam; anh ta đang phụ trách phần chính trị của tờ báo tôi đang điều hành, về cộng tác với Viên Giác trước. Còn tôi hứa với Thầy sẽ dàn xếp công việc - chuyển giao nhiệm vụ điều hành tờ báo cho Hội Người Việt TNCS Hamburg, xin ngưng chức vụ Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử VNTN Hamburg, rồi dẫn

dẫn ngưng cộng tác với các tờ báo như Độc Lập tại Đức và tờ Làng Văn, Lửa Việt tại Canada. Và sau đó tôi sẽ về đầu quân báo Viên Giác.

Thế là từ năm 1985, tôi chính thức „cộng nghiệp” với Viên Giác, cái nghiệp muốn dứt mà cũng khó dứt khỏi ! Tờ báo có một quá trình cải tiến qua nhiều giai đoạn, đại lược như sau:

- **Viên Giác bộ cũ:** khổ nhỏ A5, có tên là **Đặc San Viên Giác – Cơ quan ngôn luận, thông tin, liên lạc của SV và KB Phật Tử Việt Nam tại CHLB Đức.** Địa chỉ liên lạc: Niệm Phật Đường Viên Giác – Kestner Str. 37 – 3000 Hannover 1 – Germany.

Mục đích, đường lối, chủ trương của tờ Đặc San đã được ghi rõ trong „Lời Đầu” của Đặc San số 01 phát hành ngày 01.01.1979:



„Kính thưa quý vị độc giả,

Lần đầu tiên Đặc San Viên Giác hân hạnh ra mắt với quý vị độc giả bốn phương, với hình thức thô sơ và nội dung gồm những cây bút non trẻ, không mấy tên tuổi trên diễn đàn văn học và Đạo pháp. Nhưng niềm mong mỏi duy nhất của Đặc San Viên Giác là gạch nối giữa các thế hệ trẻ và người lớn tuổi, giữa người có Đạo cũng như không có Đạo, giữa trong cũng như người ngoài nước. Đặc biệt nhất là sự liên lạc mật thiết giữa

các tôn giáo cũng như giữa các hội đoàn sinh viên và kiều bào Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức. Riêng đối người Phật tử, đây là cơ quan thông tin và liên lạc những tin tức, phổ biến giáo lý căn bản và niềm cảm thông tuyệt đối trong tinh thần từ bi và lợi tha của Đạo Phật.

Mặc dầu danh nghĩa „Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức” chưa thành lập chính thức, nhưng Đại Đức Thích Như Điển – Chi Bộ Trưởng PGVN tại đây đã hoan hỷ cho Viên Giác ra đời không ngoài mục đích là thấu ngăn hành trình của tổ chức để mọi người con Phật tại đây sớm có tin tức và có cơ hội gặp gỡ trên diễn đàn này.

Đặc San Viên Giác sẽ ra mắt bất thường và chỉ phổ biến một số tin tức giới hạn, vì muốn tránh sự lộn xộn của nhiều báo chí khác đã có mặt khắp mọi nơi.

Đặc San mong đón nhận những ý kiến, phê bình, cũng như đóng góp bài vở và tiền bạc để Đặc San sớm hoàn thành nhiệm vụ của nó – là mang Đạo vào Đời vậy. Mong Thay.

Ban Biên Tập.

Trên căn bản, mục đích, đường lối, chủ trương này vẫn được giữ đúng cho đến ngày nay mặc dù trải qua nhiều đợt cải tiến từ hình thức cho đến nội dung.

- **Đặc San Viên Giác**, khổ nhỏ, bìa màu vàng, chữ đen, đánh bằng máy đánh chữ, bỏ dấu bằng tay, photocopie giấy A 4, xếp hai và đóng kẹp lại. Mỗi kỳ khoảng 300 số.

Thời gian đầu chưa có người cộng tác bài vở nhiều, nên Thầy chủ nhiệm bao thầu trọn gói, Phật tử rất ít, chưa biết có Niệm Phật Đường Viên Giác đã thành lập từ năm 1978, nên cũng ít người lui tới công quả.

Thầy Như Điển vốn „đã mang cái nghiệp vào thân...” – cái nghiệp văn chương chữ nghĩa. Hồi còn du học ở Nhật Bản từ 1972 đến 1977, Thầy đã làm thơ, viết sách đến mấy tác phẩm; nên dù chỉ mới tạm ổn định chốn thanh tu, Thầy đã tiến hành việc hoằng pháp và truyền bá văn hóa Phật Giáo bằng phương tiện sách báo để bổ túc những bài thuyết giảng tại chùa trong những ngày lễ.

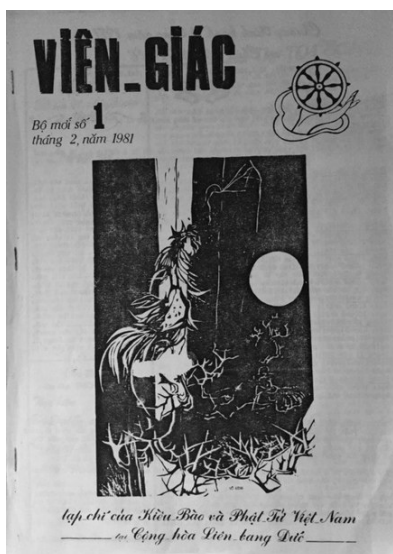
Đặc San Viên Giác phát hành từ tháng 01.1979 đến tháng 12.1980 được 6 số (ấn hành không định kỳ), rồi đổi thành tờ báo Viên Giác khi Niệm Phật Đường được chuyển đến địa điểm khác tương đối rộng rãi hơn. Cũng trong dịp này Niệm Phật Đường được đổi thành Chùa Viên Giác từ năm 1981.

- Viên Giác bộ mới: khổ lớn A4 có tên là **Viên Giác - Tạp chí của Kiều Bào và Phật Tử Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.**

Tạp chí Viên Giác bộ mới số 1 phát hành tháng 02.1981. Sự cải tiến tờ báo Viên Giác là bước đầu tiến tới việc thành lập một Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại CHLB Đức nhằm tạo dựng một môi trường thuận lợi cho việc gieo trồng hạt giống Bồ Đề để giữ gìn chánh pháp. Đó chính là tâm nguyện của Thầy Như Điển và nguyện vọng của hầu hết các Phật tử nơi đây.

Từ số báo này, Viên Giác đã có nhà thơ Mai Vi Phúc đảm trách phần thực hiện và đạo hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp lo phần layout.

Trong thời gian từ 1981 bắt đầu có sự cộng tác của nhà văn miệt vườn Hồ Trường An (Pháp), nhà văn nữ Huyền Châu (Anh), các nhà thơ như Thị Nguyễn Đăng Trinh Wallenstätter (Thanh Hải Vô Thượng Sư), Bà Thanh Bình ở Thụy Sĩ, nữ sĩ Tôn Nữ Chung Anh (Karlsruhe) trong Thi Đoàn Quỳnh Dao từ Việt Nam, và một số nhà thơ khác... nên nội dung tương đối phong phú hơn. Nhưng anh Mai Vi Phúc cũng chỉ thực hiện đến số báo VG 07 tháng 02.1982 mà thôi.



Những năm sau này có thêm nữ sĩ Vân Nương Lê Ngọc Chấn (Sarlat, Pháp) và Nữ sĩ Tuệ Nga (Hoa Kỳ), cả hai cũng là thành viên của Thi Đoàn Quỳnh Dao. Tiếp theo còn có thêm những nhà biên khảo „gạo cội” Vũ Ký (Bi), Hương Giang Thái Văn Kiểm

(Pháp), Bà Lê Thị Bạch Nga (Canada), Họa sĩ Phạm Thăng (Canada)... cũng đến góp mặt với Viên Giác.

Trong thời gian đó đã có Trang Giáo Lý Gia Đình Phật Tử, Trang Gia Chánh, Trang Xã Hội do Kỹ sư Nguyễn Lê Nghĩa phụ trách, đặc biệt có Trang tiếng Đức Allgemeine Buddhalehre. Từ năm 1984 có thêm Trang Thiếu Nhi do Nguyễn Từ Văn, bút hiệu khác của nhà văn Vũ Nam, sau đó đổi thành Trang Hoa Phượng từ năm 1989 do chị Hồng Nhiên và Ngọc Tuyết phụ trách. Trang Gia Đình Phật Tử một thời do anh Thiện Căn Phạm Hồng Sáu chăm sóc. Nhưng theo thời gian

những trang này cũng được cải tiến cho hợp với nhu cầu của độc giả ngày càng đông. Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát, từ năm 1984 đã phụ với Thầy Như Điển trong giai đoạn vật lộn với máy in báo, đặc trách về Thể Thao với bút hiệu Người Giám Biên. Sau này Bác chuyên về những bài tham luận, phân tích thời sự chính trị của chế độ CSVN với bút hiệu Tích Cốc.

Qua thời gian, khá nhiều cây bút đầu quân với Viên Giác như Từ Hùng Trần Phong Lưu (Saarland), Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ), Dương Ngọc Liên từ Duisburg (nay là Thi Thi Hồng Ngọc ở Friedrichshafen), Đan Hà (Reutlingen), Huy Giang (Schramberg). Ngoài ra còn có Bác sĩ Tôn-Thất Hứa (Würzburg), Dr. Thái Công Tụng (Canada), Bác sĩ Thú Y Nguyễn Thượng Chánh (Canada), Bác sĩ Trương Ngọc Thanh (Minden) thường viết chung với Dược sĩ Trương Mỹ Hà (Hamburg). Gần thập niên sau này còn có thêm hai cây bút Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn (Kiel), Lương Nguyên Hiền (Bad Vibel) góp thêm nội dung của tờ báo phong phú hơn...

Đến năm 1995, trong một buổi họp Ban Biên Tập mở rộng, Thầy đã chính thức giao cho tôi nhiệm vụ Chủ Bút để thay thế đạo hữu Thị Chơn vì sinh kế không đủ thời gian chăm sóc chu toàn tờ báo Viên Giác được. Từ đó, với danh chính ngôn thuận tôi liên lạc với nhiều văn thi hữu khắp nơi để mời gọi họ gia nhập gia đình Viên Giác, bởi từ năm 1987 tôi là thành viên của Trung Tâm Âu Châu/Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại thuộc Văn Bút Quốc Tế. Tôi cũng xin phép và được Thầy chấp thuận tiếp nhận những cây bút như cố Giáo Sư Vũ Ký, GS. Võ Thu Tịnh, ông bà Dr. Bùi Hạnh Nghi, Kỹ sư Lê Ngọc Châu, Nguyễn Quý Đại là những tín hữu thuần thành của Ky-tô giáo.

Cũng cần trình bày thêm, tờ báo Viên Giác được chính quyền Đức tài trợ về chi phí in báo và lệ phí bưu điện trong suốt 25 năm từ 1979 đến 2004, là thời gian đủ cho người Việt tỵ nạn có cuộc sống tự túc và đủ khả năng đóng tiền ủng hộ cho tờ báo.

Do nhu cầu của độc giả theo tình hình thời sự biến chuyển, tôi đã thừa lệnh của Thầy cũng như đã tham khảo và phân chia nhiệm vụ cho những cây bút phụ trách từng phần. Mục Tôn Giáo: vẫn nhờ Thầy chăm sóc; Mục Văn Học Nghệ Thuật: do Phù Vân phụ trách; Mục Tin Tức gồm: Tin Phật Sự do đạo hữu Nhựt Trọng Trần Văn Minh (Mannheim) phụ trách; Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng giao cho anh Nguyễn Quý Đại (München); Tin Nước Đức do Kỹ sư Lê Ngọc Châu (München)

phụ trách; Tin Thời sự Chính trị trước đây do anh Vũ Ngọc Long (Reutlingen), sau khi anh mất thì Giáo Sư Phạm Đức Bảo (Münster) tiếp nối, sau nữa do Bác sĩ Phan Ngọc Minh tức Phan Ngọc (Reutlingen) và hiện giờ được giao cho anh Quảng Trực Trần Viết Dung (Úc) vừa lo Tin Thế Giới vừa Tin Việt Nam. Mục Điểm sách do đạo hữu Đan Hà và Sớ Táo Quân giờ được giao cho Trần Thế Thi (Đỗ Văn Thông) đảm trách. Tranh bìa: do 2 họa sĩ ViVi Võ Hùng Kiệt và Cát Đơn Sa Điểm Châu ở Hoa Kỳ chăm sóc.

Kính thưa quý vị,

Cá nhân tôi không thể nào nhớ và ghi lại hết danh tính của hàng trăm chư tôn đức, văn thi hữu hiện tiền hay đã quá cố ở các châu lục, đã đóng góp đòan kỳ hay thường xuyên với tờ báo Viên Giác trong 40 năm qua, nhưng trong tâm thức của Hòa Thượng sáng lập Chủ nhiệm và Chủ bút vẫn luôn trân trọng và vô vàn biết ơn quý vị.

Chùa Viên Giác, trong giai đoạn đó là ngôi chùa Việt Nam đầu tiên trên CHLB Đức, nên tiếng lành đồn xa, không những chỉ có người Việt ở Đức mà còn rất nhiều Phật tử ở các quốc gia láng giềng tìm đến viếng chùa hay tham dự trong những ngày đại lễ Phật Đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán càng ngày càng đông. Vì vậy Thầy Như Điển quyết định mua miếng đất hơn 5.000 mét vuông đối diện để xây chùa mới. Kiến Trúc Sư Từ Hùng Trần Phong Lưu đảm trách vẽ họa đồ. Thầy trụ trì bắt đầu vận động Phật tử khắp nơi ủng hộ, cho mượn hội thiện không lời, kêu gọi đóng góp một thước đất xây chùa, một viên gạch „bắt thang lên cõi Niết Bàn” hay một mái ngói phủ ấm „mái chùa che chở hồn dân tộc”. Bác Quang Kính ở Hannover là một „nhà thơ cổ động” tuyệt vời đã làm thơ kêu gọi bà con đóng góp tài lực trong



việc xây dựng chùa Viên Giác. Tờ báo Viên Giác trong giai đoạn này cũng thường xuyên thông báo đến bà con Phật tử về tiến trình xây cất để tạo niềm tin vững chắc và phát tâm Bồ Đề kiên cố đối với những vị đã ủng hộ hay đang suy nghĩ

để ủng hộ.

Đến năm 1991 chùa mới xây xong. Trong buổi lễ Hoàn Nguyên, Thầy Như Điển trong Đạo từ khai mạc, Thầy đã phát nguyện cúng hiến ngôi chùa này cho Giáo Hội Phật Giáo VNTN Âu Châu. Thầy nói „Khi Thầy đến đây với hai bàn tay trắng thì lúc ra đi Thầy cũng sẽ để lại tất cả”.

Sau chuyến đi hoằng pháp ở Hoa Kỳ năm 2002 trở về, Thầy triệu tập Ban Biên Tập và Kỹ Thuật quyết định tổ chức cuộc thi „Viết Về Âu Châu”. Tôi thừa lệnh Thầy, viết thông báo thể lệ cuộc thi, số bài tối đa gửi dự thi, thời gian nộp bài, giá trị các giải thưởng. Ban Giám Khảo gồm: Giáo Sư Vũ Kỳ (Bi), nhà văn Nguyễn Thị Vinh (Na Uy) thành viên của Tự Lực Văn Đoàn, Họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật (Na Uy), Dr. Bùi Hạnh Nghi (Đức), nhà thơ GS Hán văn Huyền Thanh Lữ (Đức) đủ để đảm bảo sự vô tư, trung thực khách quan của cuộc thi. Trị giá các giải thưởng là 15.000 EURO. Theo dự trù báo Viên Giác sẽ tổ chức hằng năm một lần, nhưng lần đầu tổ chức, với tính rộng rãi Thầy đã chi „cạn vốn”. Sau đó không kêu gọi được Mạnh Thường Quân tài trợ, nên các cuộc thi sau đành „xù” luôn. Kết quả chỉ in được cuốn sách „Viết Về Âu Châu” để lại cho con cháu mà thôi!

Năm 2003 là đúng 25 năm giữ chức Trụ trì và Chi Bộ Trưởng cũng như Chủ Nhiệm Báo Viên Giác, Thầy Như Điển đã trao quyền lãnh đạo Chi Bộ cũng như nhiệm vụ Trụ trì cho Thầy Thích Hạnh Tấn và yêu cầu tôi phải tiếp tục chăm sóc điều hành tờ báo. Thầy dành thời gian còn lại để nhập thất, dịch kinh và viết sách...

Trong số báo VG 135 tháng 06.2003 Kỷ niệm 25 năm thành lập chùa Viên Giác, đại diện cho anh chị em trong Ban Biên Tập, Kỹ Thuật & Ấn Loát tôi đã viết cho Thầy mấy dòng tâm tình như sau:

Nam Mô A Di Đà Phật,

Kính bạch Thầy,

Chúng con viết thư này không phải là để tiễn biệt Thầy, khi Thầy quyết định lui về ẩn tu, nhập thất, nghiên cứu kinh điển... bởi vì tinh thần của Thầy - tinh thần của Viên Giác, vẫn luôn tồn tại và hiện hữu trong tờ báo mà trước đây 25 năm Thầy đã khai sinh và luôn giữ vững giềng mối hài hòa giữa đạo và đời.

Chúng con không viết những lời giả từ, bởi trong tâm khảm tình sư đệ vẫn luôn gần gũi và tương kính. Qua đó chúng con đã học ở Thầy ít nhiều hạnh nguyện để cùng chung hòa điệu sống trong tinh thần từ bi, hỷ xả của nhà Phật, chúng

con cũng theo gương văn đức của Thầy trong cách "văn dĩ tải đạo" khi thực hiện tờ báo Viên Giác nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa Phật Giáo và văn hóa Việt Nam trên xứ người.

Tuy nhiên, chúng con cũng cần ghi lại một vài sự việc mà Thầy đã hành trì để chúng con có dịp quán chiếu bản thân.

25 năm trước đây, kể từ ngày 02.04.1978 Thầy đã xây dựng ngôi chùa Viên Giác tại Hannover, khởi đầu cho bước đường hoằng dương Phật pháp trên xứ người; đặt được nền tảng vững chắc của Phật Giáo Việt Nam tại xứ Đức và truyền bá sâu rộng giáo lý Phật Đà cho người dân bản xứ; và đặc biệt là tổ chức được một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chặt chẽ tại Đức Quốc.

Trong suốt 25 năm Thầy đã hành xử rất đúng tinh thần "Phật Giáo trong dòng sinh mệnh của Dân tộc", nên Thầy đã cùng với cộng đồng người Việt tỵ nạn kiên trì đấu tranh cho tự do, dân chủ, nhân quyền tại Việt Nam.

Từ đó Thầy đã chọn cho tờ báo một hướng đi thích hợp với quần chúng Phật tử, dung hòa với tinh thần của cộng đồng người tỵ nạn Việt Nam luôn hướng về quê hương và dân tộc.

Phải có tinh thần biết chăm lo về văn học, Thầy mới quan tâm xây dựng một cơ sở ấn loát để có thể xuất bản sách báo và ấn tống kinh sách.

Phải có ý thức về tiền đồ của Phật Giáo và phải có nhiều đạo hạnh, Thầy mới thu nhận và đào tạo được những đệ tử trẻ thành những tăng tài có học và có khả năng. Ngoài ra Thầy còn cấp nhiều học bổng hằng năm cho Tăng Ni các nơi theo học Đại học, Cao học ở Ấn Độ, Đài Loan... để sau này phục vụ cho Giáo Hội Phật Giáo.

Phải có nhiều tình thương chúng sanh đang chịu nhiều khổ đau, Thầy mới vận động được Phật tử đóng góp cho những chương trình xã hội, từ thiện.

Trong quá trình nhập thế, Thầy mong cầu đem Đạo vào Đời, hoằng hóa chúng sanh, đem hạt giống hạnh lành gieo khắp mười phương, giúp phương tiện cho chúng sanh tu niệm để đời bớt khổ đau.

Không những Thầy đã hy sinh rất nhiều thời gian tu học cho chính bản thân, mà Thầy còn phải bận tâm bận trí theo những biến hóa bên ngoài, theo những điều van xin cứu giúp của chúng sanh. Có khi Thầy còn phải mang ít nhiều phiền não, hệ lụy vô cơ vào thân. Nhưng Thầy vẫn thản nhiên, vì trước đây đã phát nguyện rằng:

- xin nguyện thân này như dòng sông để chuyên chở tất cả căn bã của cuộc đời.

- xin nguyện thân này như mặt đất để chứa đựng tất cả dơ bẩn của nhân thế.

Thầy xin nhận tất cả dơ bẩn, căn bã xấu xa của xã hội để cho mọi người được an lành hạnh phúc, để cho đời được trong sạch thanh cao. Hẳn không còn gì cao quý hơn !

Kính bạch Thầy,

Chúng con không mấy ngạc nhiên khi nghe tin Thầy lui về ẩn tu. Bởi vì, khi bên ngoài nền móng tổ chức đã vững vàng, khi bên trong Thiền môn cương vị đã ổn định; thì chính thời điểm này Thầy rút về vai Phương Trượng tức là Thầy đã thực hiện được đức Xả trong Tứ Vô Lượng Tâm, hay tư tưởng Tam Vô Cầu: vô Kỳ, vô Công, vô Danh tức là không mưu cầu chuyện gì cho mình, không mưu cầu công hay danh cho mình. Đó mới là lúc tâm an, trí định để chuyên tu, viết sách, nghiên cứu kinh điển theo đúng tâm nguyện của Thầy.

Lời cuối, chúng con xin nguyện theo gương Thầy để cố gắng hành xử cho đúng tác phong của người Phật tử, đúng lương tâm của người cầm bút, đúng theo tinh thần Viên Giác mà Thầy đã dày công vun bồi...

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

TM. Ban Biên Tập, Ban Kỹ Thuật và Ấn Loát.

Chủ Bút

Phù Vân (pd. Nguyễn Trí)

Đến năm 2008 khi Thầy Hạnh Giới đảm nhận chức vụ trụ trì thay thế Thầy Hạnh Tấn, tôi xin phép Thầy Phương Trượng thực hiện cuốn sách "Những Cây Bút Nữ" gồm những cây bút đã cộng tác với Viên Giác và tôi chọn thêm một vài chị em nữa. Sách được in tại Đài Loan, 1.000 cuốn phân phối cho các chị em bán và số còn lại phát hành trong ngày ra mắt sách trong lễ Vu Lan năm 2008 tại chùa Viên Giác. Số sách tiêu thụ rất nhanh, chưa đầy một năm đã bán sạch. Nương theo niềm vui và ước nguyện của các chị em, tôi thành lập "Nhóm Bút Nữ Viên Giác" và được Thầy Phương Trượng hoan hỷ chấp thuận.

Đến năm 2014, các chị em lại kết hợp lại lần nữa yêu cầu tôi xin Thầy yểm trợ để thực hiện cuốn "Những Cây Bút Nữ 2". Số lượng sách lần này bán chậm hơn, nhưng tương đối các chị em cũng lấy lại được vốn.

Có nhiều chuyện vui buồn trong những năm làm báo Viên Giác, tôi chỉ xin trình bày vài chuyện đặc biệt để các bạn trẻ suy nghiệm:

- Vì chưa đủ kinh nghiệm trong việc "viết, lách" của thuở mới "*lập nghiệp*", nên trong một bài phóng sự - mà bản tánh của tôi thường viết phóng sự rất tếu lại hay trích dẫn những câu ca dao tục ngữ "lời thanh ý tục", viết về cuộc biểu tình ngồi im lặng của Phật tử Hamburg vào năm 1985 để thỉnh cầu Ban Tổ Chức thành lập Giáo Hội Phật Giáo tại Đức, không chấp thuận cho một Nhóm Phật Giáo Việt Nam thân cộng, dĩ nhiên khác với chính kiến của cộng đồng người Việt tỵ nạn, được gia nhập vào trong Giáo Hội này, gồm tất cả tông phái Phật Giáo như Tây Tạng, Thái Lan, Lào, Cao Miên, Việt Nam (mà quyền lợi và nghĩa vụ cũng giống như Giáo Hội Công Giáo). Tôi viết và nêu đích danh người thủ lĩnh của Nhóm với những lời châm biếm thật "gợi hình" gây ấn tượng... Sau khi báo phát hành, bài báo này bị kiện tới "ba tòa ông lớn" xét xử về việc vu cáo, phỉ báng, bôi nhọ cá nhân với 14 tội danh đủ loại. Hai bên luật sư làm việc dựa theo những tài liệu chứng minh. Dù có đủ chứng cứ, nhưng Thầy vẫn bảo tôi an tâm chuẩn bị "vác chiếu hầu tòa". Tôi chỉ lo là tờ báo bị mang tiếng và chùa tổn kém về các khoản tiền phạt vạ. Nhưng một thời gian sau chùa nhận được thư thông báo của Tòa án Hannover là đương đơn đã xin rút lại hồ sơ kiện tụng vì theo luật báo chí, báo phát hành đã quá 3 tháng thì vụ kiện không còn giá trị nữa. Thật hứ hồn! Cũng kể từ đó, tờ báo Viên Giác mới có Ban Biên Tập và các cộng sự viên mà vị Chủ Bút phải có quốc tịch Đức để gánh trách nhiệm cho Thầy Chủ Nhiệm nếu có vấn đề liên quan đến tố tụng. Trong giai đoạn giao thời đó, chúng tôi chưa ai nhập quốc tịch Đức cả, chỉ có đạo hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp là đủ điều kiện mà thôi.

- Khi đức Hồng Y Joseph Aloisius Ratzinger người Đức được bầu làm Giáo Hoàng Benedictus XVI vào ngày 19.4.2005, một tín hữu Ki-tô cộng sự viên báo Viên Giác đã viết một bài về cuộc đời và hành trạng của vị Giáo Hoàng này. Tuy là Việt Nam, không là tín hữu Ki-tô, nhưng tôi là một công dân Đức, nên cũng hòa chung niềm vui và tự hào với dân tộc Đức có được một vị Giáo Hoàng. Tờ báo Viên Giác ở Đức, có nhiều độc giả Thiên Chúa giáo, tôi lo tin này cũng là một điều cần thiết. Sau khi báo phát hành, tôi nhận được lá thư của một tổ chức Phật giáo khác ngoài nước Đức, không biết có nên gọi họ có tư tưởng kỳ thị tôn giáo hay không, đã kích cá nhân tôi và yêu cầu xóa tên trong danh sách độc giả báo Viên Giác. Tôi yên lặng suốt buổi tối, quán chiếu bản thân và việc làm của mình. Hôm sau

tôi viết một lá thư đơn giản với mấy dòng cảm ơn...

- Tờ báo thường nhận những thư từ, điện thư, điện thoại khen chê. Đối với những lời khen tặng, tôi cũng rất vui và tự hứa sẽ cố gắng nhiều hơn để xứng đáng với niềm tin của độc giả. Riêng với những thư phê phán, tôi phải xét lại để sửa sai. Đơn cử một ví dụ: Có một anh bạn độc giả ở Đức gửi cho tôi một bức thư "hỏi thăm sức khỏe" với những lời lẽ "trách móc nặng nề" tại sao tờ báo không có tin tức Việt Nam? Anh ta đặt hoài nghi về chính kiến thiên tả thiên hữu, về ranh giới quốc cộng v.v... Tôi thông cảm, vì bức xúc bà con bị áp bức dưới chế độ độc tài đảng trị cộng sản Việt Nam, nên anh bạn mới viết thư yêu cầu. Lời yêu cầu này rất hợp lý, bởi vì từ trước tình hình Việt Nam nằm trong Tin Tức Thời Sự Thế Giới; nhưng trong Mục này người phụ trách chỉ phân tích về tình hình chính trị mà không thể ghi chi tiết tin tức trong nước. Kể từ đó, trong Mục Tin Tức báo Viên Giác có thêm Tin Việt Nam. Tôi viết thư cảm ơn anh ta về đề nghị này và hy vọng anh cũng như những độc giả ở các châu lục khác sẽ hoan hỷ có sự cải tiến này.



Trước khi kết thúc bài tường trình về sự hình thành và phát triển của tờ báo Viên Giác, tôi kể thêm vài mẩu chuyện vui buồn:

- Mùa Xuân năm Tân Mùi 1991, trong buổi họp các Ban Biên Tập, Kỹ Thuật và Ấn Loát, Thầy Chủ Nhiệm có mang "trình làng"

sổ báo Xuân do Thầy thực hiện, 174 trang, khổ lớn hơn A4, nặng nề, không bỏ vào trong thùng thư bình thường được, không thể cầm lên đọc được. Thầy chuyển cho tất cả anh chị em xem qua và lần lượt hỏi cảm tưởng của từng người. Nhà báo Vũ Ngọc Long cẩn thận đặt vấn đề Thầy lấy những bài viết này ở các báo khác đăng lại có sự đồng ý của tác giả hay không? Để phá tan bầu không khí căng thẳng vì anh chị em khó trả lời, tôi khôi hài, thưa Thầy sổ báo này tuy "có trọng lượng nhưng chưa hẳn đã có chất lượng". Mọi người phá lên cười vì câu nói tếu. Thầy yên lặng rất lâu. Tôi biết Thầy không hài lòng vì câu

nói đùa không đúng lúc của mình. Ngay sau đó, Thầy quyết định, đúng hơn là một mệnh lệnh, giao cho tôi hằng năm phải thực hiện số báo Xuân Viên Giác, bìa màu, 200 trang. Tôi chỉ biết tuân lệnh và than thầm trong bụng: "Tân Mùi ơi là Tân Mùi !" vì Tân Mùi là "Tôi Mần(g) là tôi phải làm!". Đúng là tự mang nỗi khổ vào thân ! Kể từ đó, số Xuân báo Viên Giác được thực hiện 200 trang, trong khi 5 số báo thường chỉ dày 100 trang mà thôi. Chuyện này để trả lời cho một số độc giả hỏi tại sao số báo Xuân Viên Giác lại có đến 200 trang.

- Nhận thấy mỗi năm họp Ban Biên Tập, Kỹ Thuật & Ấn Loát không quy tụ đầy đủ mấy anh chị em, không có hiệu quả như mong muốn, chỉ tốn kém ngân quỹ của tờ báo về chi phí tiền xe, tàu di chuyển, tiền ăn trưa hay ăn tối do chùa đài thọ, hàm ý của Thầy là có dịp hội ngộ để Thầy cảm ơn và "li-xì" chúc Tết. Nên tôi đã đề nghị Thầy một phương cách khác là hằng năm Thầy gửi thiệp chúc Tết cho tất cả những văn thi hữu, và nếu chọn ai có tinh thần tích cực đóng góp thì Thầy có thể kèm theo hồng bào "li-xì" là đủ. Giải pháp này rất hiệu quả, Thầy đã gây được nhiều thiện cảm với nhiều người cộng tác mà trước đây một số người chỉ liên lạc với Phù Vân mà thôi. Đó chưa kể là vô hình chung những tấm thiệp của Thầy tự nó đã giải thích được những ngộ nhận đồn đãi trên các trang mạng...



- Đầu năm 2014, khi được tin tờ báo Dân Chúa Âu Châu loan báo đình bản hay ngưng phát hành để chỉ còn trên báo mạng, Thầy đã họp anh em Biên Tập và Kỹ Thuật, xét một vài yếu tố để tờ báo nên tiếp tục hay không: (1)- số lượng độc giả còn ủng hộ đặt báo,

có đủ chi phí hay không?, (2)- số cộng tác viên còn tiếp tục đóng góp bài vở nhiều hay ít ? và (3)- Chủ Bút và anh em còn đủ tinh thần và sức khỏe để điều hành thực hiện tờ báo hay không ? Xin thưa, câu trả lời chính xác là tờ báo vẫn phát hành từ đó đến bây giờ và quý độc giả vẫn còn liên tục nhận báo Viên Giác. Cụ thể là số báo VG

229 phát hành tháng 02.2019 Kỷ niệm 40 Năm Báo Viên Giác.



- Má Nga, một bà cụ gần 90 tuổi ở Ý, trong thời gian điều trị ở bệnh viện cũng đam mê đọc báo Viên Giác; hoặc như má Loan ở Đức, hơn 90 tuổi, tuy vận động tay chân khó khăn cũng hằng ngày yêu cầu con cháu đọc báo Viên Giác cho bà nghe.

Thưa các văn thi hữu, đó chính là niềm an ủi cho người làm báo và cũng là niềm vui của những văn nhân thi hữu cộng tác.

Chính niềm vui và niềm an ủi đó là phần thưởng tinh thần khuyến khích những người làm báo như tôi phải cố gắng làm tốt hơn để phục vụ độc giả. Tôi biết tờ báo Viên Giác là niềm tự hào của Thầy Phương Trượng. Tờ báo sống thọ cũng nhờ vào cái nghiệp văn chương và lòng đam mê văn học nghệ thuật của Thầy. Tờ báo sống thọ cũng nhờ sự cộng tác vô vị lợi của những văn thi hữu; dĩ nhiên có sự tín nhiệm và ủng hộ của độc giả khắp nơi cũng như sự nhiệt tình của anh em Ban Biên Tập và Kỹ Thuật. Không ai muốn cho tờ báo đình bản vì đó là món ăn tinh thần hiếm quý của độc giả.

Nhưng „lực bất tòng tâm” như thư của anh Trần Bình Nam năm 2013 gửi cho độc giả trên các Diễn Đàn, thông báo anh đã 80 tuổi cần „xếp bút nghiên” để nghỉ dưỡng. Bây giờ tôi cũng đang ở lứa tuổi như anh hồi đó, đã vài lần trình bày với Thầy sáng lập Chủ Nhiệm xin được „gác bút”, nhưng Thầy chỉ cười và bảo tôi „Anh hãy cố gắng tiếp tục cho đến khi ngã quy thì thôi !” hoặc có khi Thầy trả lời „Khi nào anh tìm được người kế thừa thì báo cho Thầy biết”.

Người „kế thừa” thì có thể kiếm, nhưng được Thầy chấp nhận không phải là chuyện đơn thuần.

Thế tôi biết "chuyển nghiệp" này cho ai ? Làm sao và đến khi nào tôi mới „trả nghiệp... báo" được đây?

• Phù Vân

Kỷ niệm 40 năm Báo Viên Giác 1979 - 2019
Trong Đặc San Văn Hóa Phật Giáo -
Viên Giác Tùng Thư phát hành năm 2019

ĐÈN RẠNG NHÀ AI

IL lume dell'altra casaⁱ

Nguyên tác: **Luigi Pirandello**
Bản dịch của **Trương Văn Dân**

Luigi Pirandello (28-6-1867 – 10-12-1936) là nhà văn, nhà thơ và nhà viết kịch Ý đoạt giải Nobel Văn học năm 1934. Năm 1901 ông xuất bản tiểu thuyết đầu tiên *L'esclusa* (Người đàn bà bị ruồng bỏ). Năm 1903, gia đình phá sản vì lụt phá sập hầm mỏ, vợ mắc bệnh tâm thần nặng, nhưng ông vẫn tiếp tục sáng tác; cuốn tiểu thuyết thứ ba *Il fu Mattia Pascal* (*Mattia Pascal quá cố*, 1904) đã mang lại cho Pirandello thành công lớn. Từ năm 1915, ông gần như dành toàn bộ thời gian cho sáng tác kịch (trong 6 năm 1915-1921 ông viết 16 vở kịch và tất cả đều được trình diễn). Các tác phẩm của Pirandello mang khuynh hướng duy thực, đi sâu vào tâm lý, miêu tả nỗi đau khổ của con người. Vở kịch *Sei personaggi in cerca d'autore* (*Sáu nhân vật đi tìm tác giả*) viết năm 1921 thực sự tạo cú thúc quyết định cho sự phát triển của sân khấu hiện đại.

*

Đó là một buổi tối chủ nhật, sau một cuộc đi dạo trở về.

Tullio Buti đã thuê căn phòng đó từ hai tháng nay. Nhưng bà chủ nhà Nini, một bà lão thuộc lớp xưa và cô con gái lẽ thì, héo úa, rất ít khi thấy mặt ông. Ông thường rời nhà từ sáng sớm và đến tối mịt mới trở về nhà. Họ chỉ biết đại khái ông là luật sư và là nhân viên của một bộ, thế thôi.

Căn phòng ông thuê khá khiêm tốn, chỉ được trang bị vừa đủ và hầu như không lưu lại dấu vết đặc biệt gì của ông. Dường như ông ta có tính toán, cố tình sống như một khách vắng lai và xem nó như một căn phòng trong khách sạn. Dĩ nhiên là ông cũng có bỏ một ít quần áo trong các hộp, treo vài chiếc áo vest trong tủ, nhưng trên tường, trên các tủ bàn khác thì không có gì cả, không một chiếc hộp, không một quyển sách, không một bức tranh, hay một bức hình nào. Chưa bao giờ họ thấy có một lá thư trên bàn làm việc của ông, chưa bao giờ trên thành ghế có vắt một chiếc áo, một chiếc cà vạt... để chứng tỏ ông xem đây là nhà của mình.

Hai mẹ con bà Nini phập phồng lo là ông ta sẽ không ở đây lâu. Họ đã khó nhọc lắm mới tìm

được người để cho thuê căn phòng. Nhiều người đến xem nhưng chẳng có ai chịu thuê phòng. Thực ra mà nói thì căn phòng đó không được tiện nghi và cũng chẳng vui mắt gì cho lắm, nó chỉ có một cửa sổ duy nhất mở ra một con đường tư nhân, nhỏ, hẹp, ánh sáng và không khí rất khó vào vì bị che chắn bởi căn nhà cao nằm đối diện.

Hai mẹ con bà Nini rất muốn bù đắp cho vị khách mong đợi từ lâu này bằng tất cả sự quan tâm. Họ đã suy tính và chuẩn bị nhiều thứ khi chờ ông dọn đến: "*Minh sẽ làm cho ông ta cái này, minh sẽ nói với ông ta như thế*" v.v... v.v. Nhất là cô con gái, Clotildina, đã tính làm nhiều việc rất dễ thương, và như người mẹ nói rất "văn minh", nhưng thực ra họ tính làm mọi thứ chỉ vì lòng tử tế và lịch sự thôi chứ chẳng có mục đích thứ hai nào. Mà làm thế nào phục vụ vị khách, nếu ông chẳng bao giờ cho họ nhìn thấy mặt?

Nhưng nếu họ nhìn biết rõ sinh hoạt của ông ta, có lẽ họ sẽ hiểu ngay là mọi sự lo ngại đều vô căn cứ. Cái căn phòng tối tăm và buồn thiu ấy, cửa sổ còn bị che bởi căn nhà đối diện lại rất thích hợp với tính khí của vị khách.

Tullio Buti lúc nào cũng một mình thui thủi trên đường, không có cả hai vật dụng thường đồng hành với những người cô độc và thận trọng: Chiếc gậy và chiếc xì gà. Với hai tay thọc sâu trong túi áo choàng, cau mày, đầu rúc sâu trong cổ áo, mũ đội lúp xúp trên trán kéo gần phủ mắt, dường như trong lòng ông đang âm ỉ một nỗi hận đời.

Ở văn phòng ông cũng chẳng trò chuyện với ai và các đồng nghiệp vẫn chưa nhất trí về việc dùng tên con cú hay con gấu để nói về ông.

Chưa từng ai thấy ông bước vào quán cà phê, chỉ thấy ông bước thật nhanh trên những con đường đông đúc rồi vội lách mình vào những con đường âm u và vắng vẻ, chậm chậm nép mình dọc theo các bờ tường hay đi vòng né tránh quầng sáng từ các cột đèn chiếu xuống.

Không một cử chỉ bất thường, không một máy động tối thiểu của các cơ mặt, không một dấu hiệu từ đôi mắt hay bờ môi hấp háy nhằm tiết lộ những ý nghĩ trong đầu, ông hoàn toàn khép kín với những niềm đau của mình. Niềm đau u uất ấy chắc đã hủy hoại tâm hồn ông một cách khủng khiếp và có lẽ vì thế nên hiện rõ trong cái nhìn đau nhói từ đôi mắt màu nhạt và sắc bén nằm trên khuôn mặt tái tái và những sợi râu lởm chồm trên cằm.

Ông không viết nên cũng không bao giờ nhận được thư; ông không đọc báo; Đi không dừng lại

và dù bất cứ điều gì xảy ra trên đường phố làm người khác tò mò ông cũng chẳng thèm ngoài đầu nhìn; Và nếu trời bất chợt mưa to, ông chỉ rào bước nhanh hơn và tiếp tục đi như chẳng có chuyện gì xảy ra.

Ông đã sinh ra và làm gì trong cuộc đời này, không ai biết. Có lẽ chính ông cũng không biết nốt. Ông sống... thế thôi! Có lẽ ông cũng chẳng bao giờ biết rằng người ta có thể sống bằng một cách khác hay nếu xử sự khác đi mình có thể thấy đời sẽ bớt nhàm chán, bớt buồn thảm và do đó cũng bớt nặng nề hơn.

Ông không có tuổi thơ. Ông chưa bao giờ là một đứa bé. Chưa bao giờ! Cảnh tàn ác mà ông chứng kiến từ những ngày thơ ấu, sự dã man cùng tính gia trưởng, độc tài và độc ác của người cha, đã đốt cháy trong lòng ông mọi mầm sống.

Mẹ ông chết khi còn rất trẻ sau những hành hạ tàn nhẫn của người chồng, gia đình thế là tan vỡ: người chị gái đi tu, người anh trai trốn chạy qua Mỹ. Ông cũng trốn ra khỏi nhà, lang thang, khốn khổ, và bằng những nỗ lực kinh người ông mới cố gắng đạt được cuộc sống hiện nay.

Giờ thì ông không đau khổ nữa: thế nhưng nhìn ông ai cũng dễ lầm tưởng là ông đang đau, chẳng ai biết là cảm giác đau khổ đã trở rồi trong hệ thần kinh của ông. Dường như lúc nào ông cũng ngập chìm trong suy tư, nhưng cũng chẳng phải, ông chả nghĩ ngợi gì. Thần khí ông lúc nào cũng như bị treo trong một bầu không khí âu sầu và u ám làm ta cảm thấy như là có chút gì cay đắng trong lòng. Trong những cuộc đi dạo ban đêm, ông chỉ biết đếm những ngọn đèn đường và không làm gì khác. Hay có khi ông nhìn bóng của mình, nghe tiếng dội của những bước chân, thảng hoặc ông mới dừng bước ở khu vườn của một biệt thự để nhìn những hàng tùng bách đang thu mình, như ông, trong bóng tối của đêm thâu.

Chiều chủ nhật đó, mệt mỏi sau chuyến đi dạo dọc theo con đường Appia cổ kính, ông trở về nhà sớm hơn thường lệ. Lúc đó còn hơi sớm mới đến giờ cho bữa cơm chiều. Ông nghĩ sẽ ở trong phòng và đợi cho ngày tắt hẳn rồi mới đi ăn.

Đối với hai mẹ con bà Nini thì đây là một điều thú vị bất ngờ. Quá vui mừng nên cô Clotildina đã vỗ tay vui. Điều tử tế nào trong nhiều điều "lịch sự" và "văn minh" mà lâu nay hai mẹ con đã tính toán và chuẩn bị cần đem ra dùng bây giờ đây? Hai mẹ con thăm thì bàn tính và dùng một cái, Clotildina giậm mạnh chân và vỗ tay vào

trán. Chúa ơi, cây đèn. Mang cho ông cây đèn trước đã! Điều đầu tiên là thấp và mang cho ông ta một chiếc đèn dầu, loại có giá đỡ đẹp và còn tốt mà hai mẹ con dành riêng cho những buổi tối quan trọng, loại giá đỡ bằng sứ có trang trí nhiều màu. Cô đốt đèn và vội mang cho ông khách, gõ nhẹ nhẹ lên cửa phòng. Tay cô run run vì hồi hộp và xúc động, suýt chút nữa thì ổng kiếng che đèn nghiêng ngã và bốc cháy.

- Xin lỗi, tôi mang đèn đến cho ông đây!

- Cảm ơn cô. Không cần đâu. Buti trả lời từ bên trong- Tôi sắp đi ra ngoài rồi.

Cô gái lờ thì nhăn mặt, liếc mắt nhìn xuống dưới như thể ông khách có thể nhìn thấy mình, và nói thêm:

- Tôi đã mang sẵn đây rồi nè. Để ông khỏi ngồi trong bóng tối.

Nhưng ông Buti lặp lại câu trả lời khô khan lúc nãy:

- Không cần. Cảm ơn cô.

Ông ta ngồi trên chiếc đi văng nhỏ đặt sau chiếc bàn, mở mắt lơ đãng nhìn bóng tối đang dần dần đậm đặc lại trong phòng trong lúc ngoài cửa kính những tia sáng buồn thảm cuối ngày cũng đang tắt lịm dần.

Ông đã ngồi bất động như thế bao lâu, đôi mắt mở to và chẳng suy nghĩ gì, không cảm nhận là bóng tối đang vây quanh và bao phủ mình?

Rồi, bất thành linh, ông nhìn thấy.

Kinh ngạc. Ông đảo mắt nhìn khắp xung quanh. Đúng rồi, căn phòng như đột nhiên chiếu sáng, một thứ ánh sáng mờ mờ lan tỏa khắp phòng, như một phép lạ.

Chuyện gì vậy? Điều gì đang xảy ra?

Ah! Đây rồi! Ánh sáng đến từ một căn nhà khác. Nó vừa đến từ ngọn đèn vừa thấp lên từ căn nhà đối diện: một thứ sinh khí xa lạ vừa bước vào căn phòng u ám để xua tan bóng tối, lấp đầy khoảng trống mênh mông như sa mạc trong sự hiện hữu của đời ông.

Đứng một hồi rất lâu để chiêm ngưỡng thứ ánh sáng lờ mờ đó như một phép màu. Rồi một nỗi kinh hoàng bỗng trào lên chặn nghẹn cổ họng, ông phát hiện ánh sáng đang nhẹ nhàng ve vuốt lên chiếc giường, lên bức tường, rồi đáp xuống hai bàn tay tái mét của ông đang buông thõng trên bàn. Và trong sự kinh hãi ấy ông bỗng nhớ lại tuổi thơ đầy áp bức của mình, của mẹ mình. Rồi ông thấy luồng ánh sáng của một bình minh thật xa xôi hình như đang nhẹ nhàng thổi vào bóng tối của tâm hồn mình.

Đứng dậy, ông tiến đến gần cửa sổ rồi len lén áp mặt vào tấm kính, nhìn về phía nguồn sáng, phát ra từ cửa sổ của căn nhà đối diện.

Ông nhìn thấy cảnh một gia đình đang ngồi quanh bàn ăn: ba đứa bé và người cha đã ngồi quanh bàn, chỉ có người mẹ là hãy còn đứng và đang bày thức ăn ra bàn. Bà ta đang cố gắng, ông tưởng tượng từ những cử chỉ của bà, đồ dành hai thằng con lớn đang háu đói và liên tục cầm muỗng hươ trong không khí, người lắc lư trên ghế. Thằng bé nhất cứ xoay xoay cái đầu tóc vàng, có lẽ bà mẹ đã cột chiếc khăn ăn vào cổ nó chặt quá, thế nhưng nếu mẹ múc thức ăn cho nó trước thì có lẽ nó cũng chẳng thấy khó chịu lắm đâu. Đúng rồi, nó đang hùng hục múc thức ăn cho vào miệng, đang cho cả chiếc muỗng vào miệng nữa kia kìa. Còn người cha đang mỉm cười trước đĩa thức ăn đang bốc khói. Bây giờ thì người mẹ cũng vừa ngồi đối diện trước mặt chồng. Một cách đầy bản năng, Tullio Buti bước thụt lùi khi nhận thấy bà mẹ đang đưa mắt nhìn về phía cửa sổ, nhưng chỉ lát sau ông nghĩ rằng mình đang đứng trong bóng tối nên bà ta không thể nào nhìn thấy và thế là ông cứ đứng để quan sát bữa cơm của gia đình kia rồi quên đi bữa ăn tối của mình.

Từ hôm đó về sau, tất cả mọi buổi chiều, sau khi rời phòng làm việc, thay vì đi dạo cô đơn trên những con đường vắng vẻ, ông chọn con đường để về nhà: Mỗi tối ông đều chờ bóng đêm chìm xuống căn phòng mình và đèn nhà bên kia tỏa sáng, rồi đứng đó, áp mặt vào cửa kính, như một kẻ ăn xin đang nhắm nháp bằng niềm đau sự thân mật ngọt ngào của gia đình người khác, so sánh những điều mà người ta đang được hưởng rồi nhớ lại là tuổi thơ của mình hiếm hoi lắm mới có được một buổi tối bình yên, khi người mẹ... người mẹ của ông... như người đàn bà ấy...

Rồi ông bật khóc.

Vâng. Ánh sáng từ căn nhà kia đã làm nên một thứ phép lạ. Sự buồn thảm u ám từ nhiều năm phủ kín tâm hồn ông bỗng tan biến theo thứ ánh sáng mờ mờ đó.

Nhưng Tullio đã không thể nghĩ đến việc hai mẹ con bà Nini đã bàn tán và đặt ra nhiều giả thuyết kỳ lạ và quái gỡ về việc ông núp trong bóng tối ở trong phòng mình.

Hai lần khác Clotildina đã thử mang cho ông ngọn đèn đều vô ích. Ít ra ông ta cũng phải thắp một ngọn đèn cây chứ! Nhưng không, tất cả tối đen. Ông ấy không được khoẻ chẳng? Clotildina

đã đánh bạo và ngọt ngào hỏi ông vào lần thứ hai cô mang đèn đến, nhưng ông ta đáp:

- Không, tôi thích thế!

Cuối cùng... ah, phải rồi, Chúa ơi, ai mà trách! Nhìn trộm qua lỗ khóa và Clotildina thật ngạc nhiên, vì chính cô cũng nhìn thấy thứ ánh sáng mờ mờ tỏa ra từ căn nhà đối diện, căn nhà của gia đình Masci. Cô thấy ông khách đang đứng sát vào tấm kính ở cửa sổ, nhìn trộm qua nhà Masci.

Clotildina ba chân bốn cẳng chạy ra báo cho mẹ biết điều cô vừa khám phá:

- Ông ta yêu thầm bà Margherita! Bà Margherita Masci! Yêu! Yêu!

Vài tối sau đó, trong khi Tullio Buti nhìn sang nhà đối diện, gia đình đang ngồi quanh bàn ăn nhưng tối đó không có người cha, ông ngạc nhiên thấy hai mẹ con bà Nini bước vào và được đón tiếp như các người bạn quen biết từ lâu năm.

Có một lúc Tullio Buti giật mình, hoảng hốt thối lui và thở hổn hển.

Người mẹ và ba đứa con cùng một lúc đưa mắt nhìn về phía cửa sổ nhà ông. Chắc chắn là hai mẹ con bà chủ nhà đang nói gì về ông rồi.

Làm sao bây giờ? Vậy là tất cả mọi chuyện đều sẽ chấm dứt! Vậy là tối hôm sau, người mẹ hay ông chồng, biết là từ cửa sổ phía bên này có một người đàn ông đang đứng trong bóng tối nhìn sang, họ sẽ kéo màn che lại; Và như thế là từ giờ trở về sau ánh sáng sẽ không còn đến nữa, thứ ánh sáng yêu quý mà đối với ông chỉ là một sự thụ hưởng vô hại và cũng là niềm an ủi duy nhất mà ông có.

Nhưng điều ấy đã không xảy ra!

Ngay tối hôm đó, khi ánh đèn vừa tắt và bóng tối vây phủ, sau khi chờ cho gia đình bên kia đi ngủ, ông lần ra, cẩn thận mở cửa sổ để thay đổi không khí trong phòng và chợt thấy cửa sổ nhà bên kia cũng để mở; lát sau, ông còn thấy, và người ông run lên, người đàn bà phía bên kia đang thò đầu ra, có thể do tò mò vì những điều mà hai mẹ con bà Nini đã nói về ông.

Đây là hai tòa nhà được xây cao, hai cửa sổ nằm đối diện trong tầm mắt của hai người nhưng không cho phép họ nhìn lên bầu trời trên cao hay nhìn xuống mặt đất bị che kín bởi một cổng ra vào phía dưới. Khoảng không ấy quá chật hẹp để ánh nắng hay ánh trăng có thể chiếu vào.

Vậy thì, người đàn bà kia chỉ có thể ló mặt ra vì ông thôi và chắc chắn là bà đã nhìn thấy ông từ khung cửa sổ đã tắt đèn.

Trong bóng tối, họ chỉ lờ mờ nhìn thấy nhau. Thế nhưng đã từ lâu ông biết bà là một phụ nữ xinh đẹp. Ông biết tất cả các nét duyên dáng, các cử chỉ thanh thoát, nụ cười tươi, cái liếc mắt đa tình và bờ môi đỏ mọng.

Chỉ có điều là, vì đây là lần đầu tiên, sự bất ngờ quá lớn nên tinh thần ông bấn loạn, ông hồi hộp, run rẩy như đang ngộp thở và cảm thấy bối rối. Ông phải cố gắng hết sức mới giữ mình đứng yên, không tránh mặt và chờ cho người đàn bà rút lui trước.

Ui chao, tất cả những giấc mơ về sự bình an, về tình yêu, về sự thân thiết ngọt ngào và triu mến trong một mái gia đình mà ông hằng tưởng tượng là gia đình kia đang thụ hưởng, và do đó mà ông cũng được hưởng lây... nó sẽ sụp đổ nếu người đàn bà kia, lén lút, trong bóng tối, chường mặt ra với một người xa lạ.

Và người xa lạ ấy chính là ông.

Trước khi khép cửa sổ để đi vào người đàn bà còn nói nhỏ:

- Chào ông!

Hai mẹ con bà chủ nhà đã theo dõi điều gì để khơi dậy và kích thích sự tò mò của bà ta? Lại thật, sự bí ẩn về của cuộc đời khép kín của ông đã thu hút mãnh liệt, và nếu ngay từ lúc đầu, bà ta dám bỏ các con nhỏ để ra đây làm bạn cùng ông?

Mặt đối mặt, dù cả hai đều thận trọng và không dám nhìn thẳng vào mặt nhau, cả hai đều giả bộ như mình đứng bên cửa sổ chỉ là một sự tình cờ và không hề có ý gì khác, nhưng ông tin chắc là cả hai đều đang run rẩy chờ đợi, bị quyến rũ vì sự gần gũi và có bóng tối vây quanh. Một buổi tối, lúc đó đã khuya, ông ra đóng cửa và biết chắc là tối hôm sau, thế nào lúc tắt đèn bà ta cũng ló mặt ra cửa sổ. Và quả đúng như vậy.

Từ đó về sau Tullio Buti không còn chờ đợi ánh sáng đến từ căn nhà kia nữa mà hồi hộp chờ đợi lúc ánh sáng kia được tắt.

Niềm đam mê về tình yêu mà cả đời chưa bao giờ có bùng lên như ngọn lửa đốt nóng một cách tham lam trái tim người đàn ông từ nhiều năm sống ngoài đời sống, tràn lên mãnh liệt, va đập, cuốn hút như một tuốc-bin và quật ngã người đàn bà kia.

Rồi cũng trong ngày mà ông Tullio Buti rời căn phòng của hai mẹ con bà Nini, tin bà Masci ở tầng thứ ba của căn hộ đối diện cũng đã bỏ chồng và ba đứa con nổ tung như một quả bom.

Căn phòng cho ông Buti thuê chừng 4 tháng qua bây giờ bỏ trống. Ánh đèn của căn nhà đối diện cũng tắt ngúm sau nhiều tuần lễ, nơi trước

đây gia đình quây quần sum họp vào bữa cơm chiều.

Rồi ánh đèn cũng được bật lên trên chiếc bàn ăn, ngôi đó là ông chồng thần thờ sau tai ương buồn bã nhìn ba khuôn mặt thất thần của lũ con đang im lặng và không dám nhìn ra cửa, nơi người mẹ thường bước vào với bát súp nóng trên tay.

Ánh sáng ảm đạm chiếu lên chiếc bàn ăn một cách buồn thảm và cũng ma quái tỏa sáng căn phòng đối diện, trống rỗng.

Còn Tullio Buti và nhân tình, họ sống ra sao và nhận được gì mấy tháng sau cơn mê tình tàn nhẫn đó?

Một buổi tối, hai mẹ con bà Nini kinh hồn khi nhìn thấy trước mắt mình xuất hiện người thuê phòng cũ. Họ thật sự hoảng hốt và chấn động. Ông ta muốn gì đây? Căn phòng, căn phòng cũ, nếu còn trống và chưa cho ai thuê! Không, không phải cho tôi, mà cũng không phải để ở đâu! Chỉ muốn được phép mỗi tối đến đó một giờ thôi, chỉ một chút thôi và giấu kín, không cho ai biết! Bà làm ơn đi, tôi van bà, vì lòng thương đối với một người mẹ muốn nhìn ngắm mấy đứa con mình mà không bị phát hiện! Bà mẹ sẽ dùng mọi sự cẩn trọng cần thiết, bà ta sẽ hóa trang, bà ta sẽ lên phòng sau khi biết chắc là sẽ không gặp ai ở cầu thang, tôi sẽ trả tiền hậu hĩnh, gấp đôi, gấp ba tiền thuê nhà và chỉ xin được phép đến mỗi ngày một lát thôi.

"Không". Bà Nini không đồng ý.

Nhưng khi căn phòng còn trống, bà nói, chỉ thỉnh thoảng thì bà cho phép... nhưng nhớ là đừng để ai trông thấy! Và chỉ ít lần thôi đấy nhé.

Tối hôm sau, như hai tên trộm, cả hai cùng đến. Họ hỗn hển và hồi hộp bước vào căn phòng tối đen, và chờ đợi, chờ đợi cho đến lúc ánh đèn nhà bên kia bật sáng.

Vì, từ đằng xa, nhờ ánh đèn đó mà họ sống.

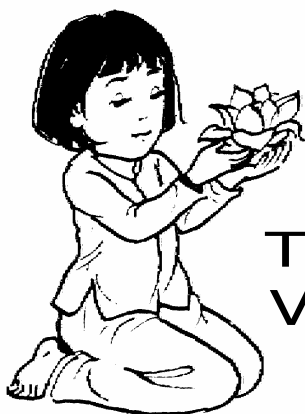
Đấy rồi!

Tullio Buti gần như không thể chịu nổi. Còn bà mẹ, tiếng thút thít bị chặn trong cuống họng, bà nuốt như một người đang khát rồi lao vào sát cửa kính, áp mạnh chiếc khăn tay vào miệng mình. Những đứa con của bà, những đứa bé... đây rồi... đang ngồi vào bàn ăn...

Tullio đến sát để đỡ bà, cả hai tựa vào nhau như bị đóng đinh, lén nhìn sang.

Trương Văn Dân dịch

ⁱ Truyện được in lần đầu trên nhật báo "Corriere della Sera" vào tháng 12-1909



LỜI THÌ THẨM VỚI PHẬT

• Huỳnh Ngọc Nga

Đức Phật ơi,

Hôm nay con lại niệm Phật trễ nữa rồi. Ngày chỉ có hai buổi, mỗi buổi chỉ có nửa giờ vậy mà con cứ dãn dãn trễ nãi để xin lỗi Đức Phật hoài.

Đức Phật tha lỗi cho con nghen, thật tình con nghe đuối quá Đức Phật ơi, đuối từ sức khỏe đến tinh thần. Theo thời gian, con đang bước dần về mùa thu để không nghe những năng động của thuở thiếu thời, sức khỏe vì thế mà lãnh đạm, hời hợt với con. Và nhìn chung quanh, dòng chảy cuộc đời đây nhiều khê, thẳng trầm biến đổi trong sắc sắc, không không khiến con chợt hiểu tại sao chuyện xưa hơn hai ngàn năm trăm năm trước vẫn còn sống động và lưu truyền mãi đến tận bây giờ.

Những ngày còn thơ, nghe người lớn kể chuyện có vị Thái tử tên Sĩ Đạt Ta của vương quốc Ca Tì La Vệ, ở tuổi mười chín tự đứng rời bỏ cung vàng điện ngọc để sống gian truân tìm phương giải thoát cho chúng sanh thoát khỏi tứ khổ Sanh, Lão, Bệnh, Tử, dứt tuyệt Tham, Sân, Si để ra ngoài ải vô minh tìm về quốc độ Cực Lạc không có khổ đau bởi dục lạc của cõi ta bà. Con nghe để nghe, như nghe tiếng ru của mẹ, tiếng hát của đời. Nghe để biết rằng mình hiểu đại khái lịch sử Phật giáo hầu khi có dịp phiếm luận cùng chung quanh còn biết để tham gia đôi câu cho ra vẻ ta đây cũng một tay thông thạo chuyện đạo, chuyện đời chứ trong thâm tâm con thực sự hoàn toàn rỗng toát chẳng biết chi là Phật, Pháp, Tăng. Tất cả nơi con chỉ là rồn rảng tiếng kêu oang oang của một cái thùng không. May thay, thời niên thiếu đó của con còn có những ngày Rằm, mừng Một má con cho cả nhà ăn chay, những ngày con lon ton theo ngoại con đến chùa hay quỳ bên nội con trong những chiều lễ Phật, tất cả đã như có những nụ mầm chờ chực trong tâm con để chờ ngày nở rộ đức tin.

Và nụ mầm đó thực sự xanh màu khi con lớn, lúc con biết đọc những quyển kinh có lời Phật dạy, những ngày lễ Phật đạp xe đến chùa nghe giảng mà nghe sâu lắng hơn thế nào là Bát chánh đạo, Tứ diệu đế.

Nhưng cuộc sống đời thường cuốn hút con vào vòng xoáy bon chen, con đường cơm áo khiến con dù biết ít nhiều cách hành xử với thế gian theo thuyết Phật nhưng con vẫn vui, buồn, giận, ghét theo cái tâm sân si của một người bình thường còn nặng nghiệp căn dù con vẫn theo nếp nhà ăn chay, niệm Phật.

Và duyên nợ đẩy đưa sau ngày tàn cuộc chiến của quê hương con, con làm chim thiên di tận trời Ý xa xôi và lập gia đình với một anh chàng bản xứ, dị đạo. Anh là một người Thiên Chúa giáo vô tư, tâm lành, trí sáng. Chúng con sống thuận hòa bên nhau dù thỉnh thoảng vẫn bàn luận chuyên khác biệt giữa Phật, Chúa hai bên. Anh tuy mang tên thánh mà lòng không tin tôn giáo nào ngay cả đạo Chúa của anh, anh bảo anh là người đi tìm, tìm chân lý, tìm sự thật vì anh thấy có quá nhiều đạo giáo trên thế gian này để không biết đâu là sự thật để theo. Anh chờ đợi ở con những lời lý giải về Phật pháp, nhưng con không thể nào giải thích được dù con đã đọc và nghe giảng khá nhiều kinh sách đạo vàng vì con thiếu quá nhiều từ vựng ngôn ngữ tương đồng giữa Ý và Việt. Anh thường bảo Phật giáo chỉ là triết lý chứ không phải tôn giáo với lý do mỗi tôn giáo đều có một Giáo chủ với đầy đủ uy lực biến hóa thế gian, riêng đức Phật chỉ dạy con đường ta bước, cách ta sống và tất cả không có gì tùy thuộc ở người mà hoàn toàn do tự ta tạo, ta biến hóa ra từ nhân, quả. Anh lại hay đem khoa học để bẻ gãy những lời con phân trần. Anh giỏi lý luận, con thừa đức tin nhưng không đủ khả năng giảng dẫn và những lần như vậy con buồn vì thấy mình bất lực trong việc chuyển tải pháp lý từ bi, con mang mặc cảm một đứa con Phật không tròn câu hiểu đạo.

Những đứa con của con, lúc nhỏ con dạy chúng lạy Phật mỗi đêm, dạy chúng cảm ơn Trời cho mưa thuận gió hòa, cảm ơn cả bác nông dân, những người lao động đã cho chúng cơm ăn áo mặc và những tiện nghi trong đời sống, cảm ơn ông bà cha mẹ đã cho chúng chào đời và cầu xin trong giấc ngủ không nằm mơ điều xấu. Nhưng đức tin của chúng đã bị ảnh hưởng những lý lẽ khoa học của cha chúng làm lung lay. Chúng không làm những nghi thức đó khi chúng bắt đầu vào Trung học và chúng đang sống bằng cái đầu của thế hệ mới, quay cuồng

theo kỹ thuật khoa học. Thời đại vi tính mở rộng, con người vượt sông dài, biển rộng, lên non, xuống biển khi vẫn ngồi một chỗ trước màn hình. Lũ trẻ tình tự quen biết nhau không cần đến nơi hò hẹn, chỉ cần một chiếc điện thoại, một máy vi tính là chúng tự do thấy như ngồi bên nhau tâm sự suốt buổi, suốt ngày. Chúng thương con nên chịu hứa mỗi ngày trước khi ngủ và sáng trước khi thức niệm một lần, chỉ một lần thôi, câu "Nam Mô A Di Đà Phật". Con muốn giữ căn bản trong tâm hồn chúng bằng câu niệm đơn sơ mà thâm thúy nhiệm mầu này. Con thường nửa đùa nửa thật với chúng rằng:

- Các con tin hay không tin chẳng quan trọng bây giờ, chỉ cần các con niệm như vậy trước khi ngủ và sau khi thức dậy mỗi ngày là các con thương má. Hạnh niệm Phật sẽ thành thói quen và ăn sâu vào tâm các con, không nhiều như những nhà tu hay những người có đức tin sâu rộng, nhưng sẽ như những đồng tiền tiết kiệm các con bỏ ống mỗi ngày giúp các con có được một khái niệm gì đó, dù nhỏ nhoi để chờ đến lúc hạnh duyên đến các con sẽ có sẵn một số vốn làm cơ bản cho đức tin thêm vững chắc và phúc hạnh sẽ vuông tròn hơn.

Bây giờ chúng đã có gia đình, ra riêng sống đời độc lập nhưng con vẫn nhắc nhở chúng câu niệm đó mỗi ngày và chúng cho biết vẫn giữ lời hứa niệm câu Di Đà ngày hai lần cho con an tâm. Con nghe nhẹ lòng với chúng hơn vì ít ra mầm đạo con đã và đang gieo trong tâm hồn của chúng và con chờ thời gian để chúng trưởng thành tâm ý hơn mà hướng về Tam Bảo.

Đức Phật ơi, con lại quấy rầy đức Phật với những chuyện riêng tư về gia đình con rồi. Nhưng sắp đến ngày Phật Đản, ngày đức Phật ra đời mở lối đi cho chúng sanh tìm đường thoát khổ, là tín đồ của Phật với đức tin không gì lay chuyển, kể chuyện chông và con của con cho Phật biết như để trình bày cùng người về không gian nhỏ của một tín đồ luôn mong muốn thấy đạo vàng lan tỏa khắp nơi mà vẫn chưa làm được gì hữu ích cho ngày đản sinh sắp tới.

Hơn bảy mươi tuổi đời, con đã vượt qua bao chặng đường duyên nghiệp. Con may mắn có được một đời sống bình thường mà bình an giữa những người chung quanh, từ cha mẹ, anh em đến chông, con, bạn hữu, láng giềng. Nhưng con thật sự hoảng sợ những diễn tiến của cuộc sống xã hội hôm nay. Con tự hỏi, trên cao Niết Bàn người có thấy chúng sanh đang ngụp lặn giữa biển khổ của cõi trần này không, Pháp Phật làm sao cứu vớt thế nhân ra khỏi những trầm luân

đang giăng bủa khắp nơi. Con người đang tiến dần đến hủy diệt trái đất và chính họ Đức Phật ơi.

Với trí thông minh, họ sinh ra những thiên tài trong mọi bình diện, từ văn hóa đến kỹ thuật, kinh tế, khoa học, quân sự. Qua từng giai đoạn lịch sử, họ tiến bước không ngừng, sức tiến nhanh như vũ bão. Mới ngày nào con người còn sống đời muôn thú, sống bầy đàn theo hướng tìm đến những thảo nguyên của đời du mục, vậy mà bộ óc người tiền sử đó biết tìm ra lửa, khởi đầu cho những bước nhảy vọt sau này đưa con người với khoảng trên dưới 6,5 triệu năm đủ cho họ hoàn toàn thống trị trái đất này, thử sức với các hành tinh khác và muốn vượt quyền tạo hóa trong cả vấn đề sanh tử.

Con người tự hào về trí não họ, gọi đó là nguồn cội của nền văn minh nhân loại. Từ văn minh lửa, rồi sang văn minh đồng, họ chế tạo các vật dụng phục vụ cho đời sống ngày càng tinh tấn hơn. Nhưng khổ nỗi thay, các vật dụng đó có cả những thứ để họ tàn sát lẫn nhau, đó là vũ khí để giết hại nhau hầu tranh giành ban đầu là thức ăn, sau đó là vật chất và cuối cùng là chức vị, lợi quyền để có được tất cả. Thời Đức Phật tại thế, chắc người đã sống qua bao thảm trạng chiến tranh, ngay cả dòng họ Thích Ca của Phật cũng tang thương vì binh biến bởi thù hận lẫn lợi quyền.

Người xưa hay nói "Nhân chi sơ tính bản thiện" có nghĩa là con người từ thuở ban đầu đã có tính thiện, tính lành. Nhưng Đức Phật ơi, đó chỉ là xảo ngữ theo con thấy. Con người tự bên trong họ đã có sẵn mầm ác. Ác nên mới dùng trí thông minh của mình chế tạo vũ khí chiến tranh, tìm tòi binh pháp để thanh trừng lẫn nhau. Ác nên họ quên ơn trời cho mưa nắng trồng trọt hoa màu, đất cho sông, núi để hoa màu đó có nơi phát triển, vì quên nên họ phá núi, lấp sông, hại rừng, khai mỏ để phục vụ cho những tiện nghi kỹ thuật tân tiến của họ mà không cần thấy thịt xương trái đất oằn mình đau đớn nhả ra những ta thán độc hại làm như bắn khí trời. Chưa hết, trí thông minh của họ còn biết chế biến những vũ khí thần kỳ chỉ cần bấm nút là có thể tiêu hủy hàng triệu sinh linh. Và những lời thì thầm cùng Phật hôm nay của con nguyên nhân bắt đầu từ sự lo sợ một ngày chung cuộc của trái đất này khi những cái tâm ác nằm trong tay quyền lực lần điều kiện để họ có thể hạ lệnh bấm nút cho chúng sanh một ngày tận thế.

Con biết rằng con đang quơ đũa cả nắm vì không nói đến những cái tâm lành trong những

bộ óc thông minh kỳ diệu sinh ra cứu đời, đem vui cho nhân thế. Đó là những nhà nghiên cứu thuốc men, những chuyên gia y tế, những nhà văn hóa. Nhưng Đức Phật ơi, cái Hiền luôn thua cái Ác vì cái Hiền không chủ tâm thống trị trong khi cái Ác luôn muốn làm bá chủ muôn loài. Từ thuở xa xưa, ngay khi còn đời du mục hay đến lúc biết định cư thành hình tập thể sống quây quần có lãnh thổ, chính quyền, con người đã không ngừng đâm đá lẫn nhau, khói bụi mịt mờ từ đông sang tây, từ Âu qua Á. Dân chúng hiền lành thiếu cơm, thiếu áo, lúc nào cũng bị cuốn hút vào những cuộc chiến của những cái đầu lãnh tụ hiếu chiến, tham lam, Và có lẽ vì quá khổ sở nên cũng chính con người tạo ra tôn giáo để có niềm tin, có nơi nương tựa phần tinh thần trong những lúc chao đảo. Tôn giáo cũng được gọi là Đạo, Đạo là con đường như con đường Đức Phật đang dạy bảo, hướng dẫn chúng con.

Nhiều tôn giáo ra đời với nhiều lý thuyết khác nhau và mỗi tôn giáo lại có riêng số tín đồ của mình. Oái oăm thay, tôn giáo sanh ra thay vì để con người lành thiện hơn thì ngày nay chính tôn giáo lại là một trong những lý do để con người dựa vào đó mà kiếm cớ tạo chiến tranh. May thay, đạo của Phật không nằm trong những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang bùng nổ ở nhiều nơi từ xưa đến nay. Con không tin các giáo chủ dạy con người câu chinh chiến, con chỉ sợ hãi tâm Ác của con người khi dùng tôn giáo để gây họa đao binh. Con cảm ơn Đức Phật đã dạy chúng sanh câu hòa hiếu, rằng kẻ thù ghét ta cũng là thiện tri thức của ta, tập ta tánh Nhẫn, tính Bi do lục dục, ngũ uẩn trong mỗi cá nhân con người quấy loạn xui giục tự nhân. Tự bản thân con, con sẽ cố gắng gạt giữa bỏ bớt tánh sân si, sân hận. Con sẽ tôn trọng ý chồng để không buồn khi vợ chồng con chẳng đồng quan điểm về đức tin, sẽ nhẫn nại chờ ngày hạnh duyên đến cùng hai đứa con của con cho biết cúi đầu lạy Phật thật lòng như thuở còn thơ. Ngày Phật Đản sắp tới con sẽ tập cho mình cái Tâm Vô Nhiễm, sống an vui với những gì đang có ở hiện tiền, không suy nghĩ những chuyện xa xôi.

Đức Phật ơi,

Trên đây là những lời thì thầm đầy hỗn độn của một Phật tử đang bị cuốn xoáy thời gian làm điều đúng, con xin Phật tổ chứng nhận cho con bày giải nỗi niềm để con tìm thấy sự thanh an trong giờ nguyện cầu sắp tới.

Nam Mô A Di Đà Phật.

HUYỀNH NGỌC NGÀ
Torino, ITALIA – 16.05.2019

MỪNG VUI PHẬT PHÁP QUANG HUY

*Giờ này viễn khách hồi quy,
Viếng chùa Nam Phổ uy nghi rỡ ràng.
Chung tay kiến thiết Đàn Tràng,
Trang nghiêm trọng thể khai đàn mùa thu.
Nhớ ngày chùa được trùng tu,
Đẹp xinh lớn rộng, chi thu khá nhiều.
Thập phương tiếp sức đều đều,
Chấn hưng Đạo Pháp, là điều hoan nghênh.
Khánh thành thiết lễ linh đình,
Vào năm Đinh Hợi (1), quê mình đông vui.
Trai Đàn Chấn Tế tới lui,
Khách trong ngoài nước, người người cầu mong.
Mưa hòa gió thuận đẹp lòng,
Người còn kẻ mất, song song hòa hài.
Kỷ Hợi (2) diễn tiến lần hai,
Đồng tâm nhất trí triển khai Đàn Tràng.
Nguyện cầu Quốc thái Dân an,
Âm dương lưỡng lợi, chu toàn thắng duyên.
Chùa đà tăng trưởng phước điền.
Đẹp lòng nhân thế, khắp miền hoan ca.
Mừng vui làng xã thắng hoa,
An cư lạc nghiệp, nhà nhà đẹp xinh.
Trẻ thơ chăm chỉ học hành,
Mong ngày thành đạt, rạng danh nếp nhà.
Cao niên hoan hỷ dưỡng già,
Gia đình êm đẹp, đậm đà thân thương.
Ước mong Tân Hợi (3) niên trường,
Chùa mình mở hội thông thường lần III.
Đồng hương đồng đạo gần xa,
Góp phần công quả, làm quà quê hương.
Trai Tăng, Bạt Độ cúng dường,
Phóng sanh, chấn tế... âm dương chu toàn.
Đôi lời nhiệt liệt hân hoan,
Đón chào Thiện hữu, Đồng hương đồng tình.*

Trân trọng,
Thay mặt Phật tử Nam Phổ hải ngoại
Trần Trọng Khoái & Trần Kim Quê
1400 Lakeshore Avenue # 3
Oakland, CA 94606, USA

Ghi chú:

- (1) Năm Đinh Hợi -> dương lịch 2007
- (2) Năm Kỷ Hợi -> dương lịch 2019
- (3) Năm Tân Hợi -> dương lịch 2031

MADRID DU HỌC KÝ

• Hoàng Quân

Giấc Mơ

Năm 2007, khi sang làm việc tại văn phòng Miami, tôi mê tới không khí Florida. Mơ màng một ngày nào đó, có dịp tha phương cầu thực ở xứ nắng ấm, trời xanh này. Lúc ngồi tán dóc với đồng nghiệp, tôi mới hay mình lạc lõng. Cả đám xí xỏ với nhau bằng tiếng Tây Ban Nha. Có tôi, họ phải chuyển sang tiếng Anh. Nhưng, mỗi khi kể chuyện gì thích chí, họ đổi giọng qua *Espanol*. Về Đức, tôi ngẫm nghĩ, nếu muốn “di dân” qua bên, phải biết nói tiếng Ét-pa-nhôn. Đang trong cơn “say” xứ Cờ Hoa, tôi ba chân bốn cẳng phóng ra thư viện thành phố, khuôn ngay một lô sách, *Học Tiếng Tây Ban Nha Trong 30 Ngày, Tiếng Tây Ban Nha Sơ Cấp, Tiếng Tây Ban Nha Cấp Tốc...* Đêm đêm chong đèn i tờ. Học văn phạm, ngữ vựng, luyện giọng... Thay vì nghe nhạc như thường lệ, tôi thâu các mẫu đối thoại vào điện thoại, nghe rì rả trên đường đi làm. Tôi dương đông, kích tây. Mấy tuần đầu, rất xôm trò. Khấp nấp trong nhà, tôi dán tờ giấy nho nhỏ để ôn ngữ vựng. Có những chữ chẳng bà con họ hàng gì đến tiếng Anh, tiếng Đức, tôi nghĩ ra mẹo để nhớ. Ví dụ cái món mát lạnh ưa chuộng mùa hè, tiếng Anh là *ice cream*, tiếng Đức là *Eis*, hay *Eiscreme*, tiếng Việt là *cà-rem* nghe cũng hao hao. Vậy mà, tiếng Tây Ban Nha là *helado*, đọc ra, nghe hổng giống ai (phát âm đại khái ê-lá-đô). Tôi bèn đặt thành câu đố để dễ nhớ chữ *helado*. Hỏi rằng, bán hàng món gì “Ế là đồ”? Xin thưa, đó chính là món *cà-rem helado*. Tôi tập nghe các đàm thoại đi hỏi đường, vào nhà hàng... Nhưng, đâu tập dợt với ai được! Chỉ mỗi anh bạn đồng nghiệp người Thụy Điển, có cô bồ người Tây Ban Nha, anh biết nói sơ sơ. Gặp anh, chỉ hỏi, “*Qué tal? Khỏe không? Muy bien. Tốt lắm*”. Vậy là xong vốn liếng tiếng Tây Ban Nha. Không khí tự học của tôi nô nức, rộn ràng kéo dài vài tuần. Sách thư viện đến hạn phải trả. Nhiệt tình học của tôi từ từ nguội xuống. Tình cờ, tôi vướng những cảm dỗ, bận rộn khác. Tôi lơ là với sách vở. Nhưng đâu đó trong trí, tôi vẫn mơ ngày học hành ngôn ngữ “Tây Bán Nhà” cho ngay ngắn, đàng hoàng.

Cơ Hội

Mọi người nhốn nháo, khi hãng báo tin sẽ đóng cửa văn phòng ở Munich, Đức Quốc. Ai muốn theo, nhanh chóng nộp đơn tìm việc ở những văn phòng bên Anh, Pháp, Thụy Điển... Nếu không, hãng xin gửi một lời chào và dăm dúi chút tiền bồi thường. Đa số, có lẽ không muốn rời xa thành phố non nước hữu tình Munich, đồng ý chia tay với hãng. Nhiều người, bỗng nhiên nhận ra một vấn đề nho nhỏ, khi quyết định bám trụ ở đây, đó là tiếng Đức. Bao lâu nay, trong hãng nói tiếng Anh. Họ chỉ cần bập bẹ vài chữ tiếng Đức, buổi sáng mua ly cà phê, ổ bánh mì. Đọc, hiểu bảng hiệu giao thông. Vậy là đủ. Ở Đức, mấy khi họ cần tới tiếng Đức tươm tất đâu. Tiếng Anh trong nhà hàng cũng lẹ, trong phòng mạch bác sĩ cũng xong. Bây giờ, với mảnh bằng *MBA* đó, biểu họ viết tờ đơn tiếng Đức, chỉ có cách phải chạy vào *Google translate*, chứ biết làm sao. Bởi vậy, hãng làm một cử chỉ đẹp, chi cho mỗi nhân viên ở Đức một số tiền để học... nội ngữ. Thế là, dân chúng thi nhau ghi danh ở Goethe Institut, Linguarama, các trường dạy tiếng Đức cao cấp... Phần tôi, tùm tùm cười khoái chí. Sau nhiều năm bị tiếng Đức “quay” như tử ở trung học và đại học, vốn tiếng Đức của tôi xem như “dừa đủ xoài”. Tôi nhớ ngay giấc mơ học tiếng Tây Ban Nha. Món quà học chữ của hãng sẽ giúp tôi thực hiện điều ước của mình. Phải rồi, không thầy đồ mầy làm nên!

Tôi xin cuộc hẹn ở trường Linguarama. Ông hiệu trưởng vồn vã tiếp đón. Trường ông trúng mỗi “sộp”. Ông cắt nghĩa, “Một trong những cách học ngoại ngữ hiệu quả nhất là học thứ tiếng trên ngay đất nước đó. Cô thích học *español*? Vậy, hãy đến *España*. Cô có thể chọn Madrid hoặc Barcelona. Cô sẽ ở lại với một gia đình, *host family*. Ngoài giờ học ở trường, cô sẽ cùng sinh hoạt với họ. Tất nhiên, chỉ nói tiếng *español* mà thôi”. Tôi đã đến Barcelona cách đây nhiều năm. Lần này tôi chọn thủ đô Madrid. Nghe ông hiệu trưởng hoạch định chương trình, tôi mơ màng trên mây. Ăn, chơi, học... gì cũng Ét-pa-nhôn “tất tần tật”. Học cấp tốc, tập trung như vậy, sau ba tuần chắc sẽ có chút vốn liếng Tây Ban Nha, dặng đi lòe con cháu nữa chứ.

Nhà trường sắp xếp xong xuôi. Tôi sẽ ở ba tuần với gia đình bà Hermosilla. Trước khi bay qua Madrid, tôi gọi điện thoại đến bà, hỏi thăm sơ sơ, báo tin cho bà biết ngày giờ tôi đến. Tôi “thủ” sẵn mấy câu tiếng Tây Ban Nha. Tôi vừa nói xong, bà trả lời bằng một tràng liên thanh.

Tôi tắt tiếng, bèn chậm từng chữ tiếng Anh. Rằng ngày mai tôi đến nhà bà, lúc mấy giờ... Chỉ nghe bà nói, "Sí sí, ya sé... Biết rồi, biết rồi."

Ngôn Ngữ

Kể ra, tiếng Tây Ban Nha có điểm giống tiếng Việt. Giống chỗ ít dùng chủ từ. Tưởng tượng đôi trẻ đứng ở nhà ga xe lửa Madrid tiễn nhau. Cậu hỏi, "Piensas de este lugar?". Cô không trả lời trực tiếp, chỉ nói, "Te extraño". Tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp phải có chủ từ *you, du, tu* đầy đủ. Tiếng Tây Ban Nha nói trống không như vậy, chẳng có chủ từ, chỉ chia động từ cho ngôi thứ hai mà thôi. Nếu không gian là bến xe ở Sài Gòn, mẫu đối thoại cũng tương tự. Chàng nói bằng quơ, "Đi xa, có nhớ chốn này không?". Nàng chỉ thì thầm, "Nhớ anh". Thì rõ, nàng nhớ chàng, chứ ai trông khoai đất này. Không có chủ từ, đôi khi lại thành ra rất tình, rất dễ thương. Theo như so sánh rất chi là phi khoa học của tôi, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt giống nhau, kiểu lửng lơ con cá vàng khi dùng chủ từ. Chỉ chừng đó thôi. Ngoài ra, hai ngôn ngữ cách nhau một trời, một vực. Văn phạm tiếng Việt dung dị. Thì quá khứ thêm chữ "đã". Thì tương lai thêm chữ "sẽ". Đơn giản như đang giỡn. Đại khái, nói sơ sơ, cũng lờ mờ hiểu được nhau. Văn phạm của tiếng Tây Ban Nha bày đặt nhiều thì, nhiều cách. Các động từ thay đổi tứ tung. Đã vậy, lủ khủ bao nhiêu động từ bất quy tắc. Hồi giờ, tôi đình ninh, Đức ngữ khó nuốt nhất. Tưởng mình nói được tiếng Đức, coi như ngon cơm, muốn học tiếng gì thì học. Giờ mới hay là bé cái nhâm, nhâm to.

Buổi sáng đầu tiên, bà chủ nhà chuẩn bị điểm tâm cho tôi. Bà dọn cho tôi một tô (loại xe lửa) hột yến mạch ngâm trong sữa, một khúc bánh mì ăn với *jamón serrano* (một loại thịt sống sấy khô). Thêm một ly cối cà phê. Bằng vốn liếng tiếng Tây Ban Nha sơ cấp, tôi cắt nghĩa cho bà hiểu, tôi cần ít nhất ba tiếng đồng hồ mới "hoàn tất" bữa ăn của bà. Tôi hoa tay, múa chân, trợn thêm vài chữ tiếng Anh diễn tả rằng, bà làm đồ ăn rất ngon, nhưng bao tử tôi bé tí, không xơi được nhiều. Chớ thiệt ra, tôi muốn nói, đã nhiều, mà không hợp khẩu vị. Tôi ngao ngán nhìn mâm đồ ăn sáng. Ngày hôm sau, tôi thay đổi chiến thuật. Tôi dậy sớm hơn, ra làm phụ với bà, chủ động giảm lượng đồ ăn ngay từ ban đầu. Nghe bà lục đục trong bếp, tôi phóng ra, tươi tắn chào bà:

- *Buenos días. Qué tal?*

Bà vui vẻ trả lời:

- Tốt tốt, cô ngủ ngon không?

Bà vừa nói, tay nhanh nhẹn chuẩn bị đồ ăn. Tôi mau mắn:

- Dạ, được lắm. Cám ơn chị. Tôi được phép giúp chị chứ?

Vì lẽ gì đó, tôi lẫn lộn động từ *ayudar* (giúp đỡ) với động từ *desayunar* (ăn sáng, điểm tâm). Bởi vậy, câu hỏi của tôi trở thành, "Tôi được phép "xơi" chị cho bữa điểm tâm chứ? "

Tôi phát âm có lẽ khá rõ. Bà nghe câu hỏi, chẳng biết tại sao bữa nay tôi lại đòi... "xực phàn" bà. Bà trợn tròn con mắt, lắc lắc đầu:

- Ăn sáng tôi, ăn sáng tôi. *No te entiendo*. Tôi chẳng hiểu gì cả.

Tôi biết ngay là mình đã nhất ngôn (kỳ quái) ký xuất, vội vàng ngoác miệng cười giả lả:

- Ồ, ồ, tôi nói lộn. Ý tôi là muốn giúp chị đó mà.

Chiều tối, tôi đang ngồi hóng gió ngoài sân thượng. Bà ra kéo ghế gạ chuyện. Bà nói lằng rằng, lú lú. Tôi chỉ bắt kịp vài chữ, nghe như "mô-kí-tô". Nghĩ ngay đến chữ con muỗi trong tiếng Đức *Moskito*. Làm ra vẻ hiểu biết, tôi nhéo da tay mình, rồi làm dấu, như con muỗi trong bài hát thuở bé... *đêm khuya con muỗi vo ve, cắn tay, cắn đùi, còn bay lên khoe...* Bà chăm chú ngó tôi múa máy chân tay. Hiểu ra, bà cười ngặt nghẽo:

- *No mosquito*. Có con muỗi gì đâu. Tôi chỉ nói *un poquito de frío* (đọc đại khái là un pô-kí - tô đề phờ- rí- ồ). Buổi tối hơi mát mát một chút đó thôi.

Tôi cười, hơi quê quê. Thăm nghĩ, "Chờ đó ngheh bà! Hồi nào bà phải học tiếng Việt, chắc chắn bà sẽ cống hiến cho tui nhiều trận cười còn ác liệt hơn nữa nghe bà".

Trường Lốp

Nhà trường giới thiệu, chủ nhà là một hơi hơi *old but very nice lady*. Hồi ra, *old lady* đó 50 tuổi... Ô là la, dzậy là "bà già" đó già bằng... con em kể tôi. Bà "cụ" lo cho ăn sáng và tối trong suốt thời gian tôi ở đây. Ngày đầu, bà "dắt" tôi đi học. Bà chỉ dẫn cách mua vé xe. Bà nói lú lo, rằng đi đứng phải cẩn thận, vì những nơi đông người hay có ăn cắp. Bà phăng phăng đi trước, tôi chạy lúp xúp theo sau. Đây nhé, đây là trạm gần nhà Diego de León. Đi xe số 10, xuống trạm Cuzco. Bà đưa tôi đến tận trường, xí xa xí xồ, giao tôi cho ông thầy, rồi mới vẫy tay chào ra về. Ngày đầu đến trường, dù đã "già đầu", tôi vẫn

cảm nhận những rộn ràng của học trò. Làm học trò bao giờ cũng vui. Cho dù đã xa vắng lẫn thuở:

*Làm học trò không sách vở cầm tay,
Có tâm sự đi nói cùng cây cỏ.*

Đi học, thấy mình trẻ ra một chút. Vui là đầu óc không đến nỗi như đêm ba mươi. Sáng học với thầy. Chiều ngồi cặm cụi làm bài tập. Hai thầy giáo đặc trách dạy dỗ tôi trong thời gian này. "Ông" thầy già, tuổi vừa ngũ tuần, độc thân vui tính, "xí trai" mà không đẹp lão. "Ông" thầy trẻ, ngoại tam tuần, mặt mày bảnh bao, có điều ổng là dân "ghê". Ông chỉ mê trai, chớ không mê gái. Ông đi đứng coi bộ còn yếu điệu hơn các cô. Thôi, vậy là tôi chẳng có cơ hội mộng ngoài cửa lớp. Chỉ chí thú học hành. Thì cũng tiện, khỏi bị phân tâm. Có những chữ, những câu, tôi biết chắc chắn đã học rồi. Biết ghi ở đâu trong vở, nhưng lại quên nghĩa. Cho nên phải mần mò, lật lui tới cuốn tập chi chít chữ của mình để tìm.

Tan trường, về đến nhà khoảng 5 giờ chiều. Đến 6 giờ, hai con mắt nặng trĩu. Nếu không cố gắng hết sức, tôi lảo đảo ra, làm một giấc đến chạng vạng. Mãi chín giờ rưỡi mới có cơm tối. Sang đây, chưa biết học *español* tới đâu. Mà đã học ngay cái thói quen (xấu) *siesta*, ngủ trưa.

Sau mấy tuần học cấp tốc, nhiều ngày miệt mài đèn sách, tôi rút ra một chân lý cực kỳ ba phải. Rằng 30 năm trước, khi đến nước Đức, hồi đó mình trẻ hơn, lạnh hơn, nhay bén hơn, học chi cũng nhanh, cũng gọn. Chừ thì rù rờ, đủng đà, đủng đỉnh bước, mà vẫn cứ vấp vấp, trật tria tùm lum.

Chủ Nhà

Bà chủ nhà của tôi thuộc loại ái quốc cực đoan. Bà chê bếp Ý có gì, ba cái xốt cà chua, dờ òm. Tụi Tây à, cứ nghe tiếng rượu *Bordeaux*, ôi, xưa lắc xưa lơ rồi. Rượu Tây Ban Nha mới nhất thiên hạ.

Bà chủ lo lắng cho tôi rất chu đáo. Bà đãi tôi những món ăn rất tâm đắc của bà. Nhưng, cao lương mỹ vị của bà không hấp khẩu vị của tôi. Nhiều bữa, bà chủ nấu ăn dở thầy chạy. Món nào cũng lạt lạt, nguội ngắt, không tiêu, không ớt. Tối nọ, bà chủ đãi món *paella*, cơm hải sản thập cẩm, món quốc hồn, quốc túy của xứ Tây Ban Nha. Tôi cố gắng đóng tuồng, chớ thiệt ra, trong héo ngoài tươi. Đau khổ nuốt, mà tôi phải vờ gật gù, *muy bien, muy bien*, quá chiến, quá chiến. Hột cơm, có màu vàng ệch của hóa chất

tartrazin, nhai sừn sứt như cơm sống, cơm sượng. Cơm trộn muối và vài gia vị khác tôi không nhận ra, kèm theo vài con tôm heo héo. Đang cố gắng nhần nhần những hột cơm dòn dốt, tôi nghe cái rột. May, chỉ là hạt cát be bé, chưa làm sứt mẻ cái răng nào. Nhưng tôi khựng, kín đáo vô nhà bếp, tìm chỗ nhỏ nhúm cơm trộn cát nhuyễn trong miệng. Bà chủ "âu yếm" nhìn tôi ăn, luôn miệng hỏi ngon không? Tôi vờ ra vẻ tự nhiên, "*muy delicioso*, ngon ghê". Trong bụng than thầm, không biết làm sao giải quyết hết đĩa cơm chù ụ của bà. Bà hớn hở kể, nhiều người mê món này của bà lắm. Họ cứ khen bà hoài, mong được bà nấu cho ăn. Tôi nghĩ, mấy người khách của bà mấy ai lịch sự, tế nhị, chịu khổ như tôi mà bùng bít sự thật. Ờ, biết đâu! Họ nói thật lòng. Vì ăn những món bà nấu, họ sẽ hết thèm ăn. Nhờ vậy, họ sẽ mau chóng xuống cân, có được thân hình thon thả. "Đai-ớt" như dzậy hiệu quả quá trời. Bà chủ mời thêm mấy con tôm. Bà gắp mấy cái thủ cấp tôm dứ dứ, hỏi tôi thích ăn không? Tôi lắc đầu. Bà tiếc cho tôi. Bà tẩm tặc:

- Đầu tôm *phenomenal, phantastico...* Nói chung là ngon kinh khủng!

Trong lúc lan man nghe bà ríu rà, ríu rít, tôi có cảm tưởng như rằng tôi đang được xe tơ, kết tóc. Lại ngừng nhai, lừ lừ miếng cơm trong miệng, kéo ra sợi tóc hoe hoe. Không phải tóc tôi. Vì tóc tôi chỉ hoặc màu tiêu đen, hoặc màu muối trắng, chớ không có màu hạt dẻ nâu đỏ. Bà chủ hơi ngượng ngượng, nói:

- Có lẽ là tóc của tôi. Hồi này tôi nấu ăn, lật đật, quên kẹp tóc.

Tôi ghen ngào trả lời:

- Không sao, *no importa*.

Mà thật sự, tôi không thể nào ăn tiếp được nữa. Tôi đành giả là:

- Nhiều quá chị ơi. Mai tôi ăn tiếp nghe.

Chỉ là hoãn binh, chớ chắc tôi không bao giờ rớ tới *paella* nữa. Hay đúng hơn món cơm hải sản thập cẩm của bà chủ nấu.

Có hôm bà chơi sang, cho tôi ăn cá chẻm chiên giòn. Con cá chiên vàng tươi, nằm chỏng chơ trên đĩa, chỉ có mỗi lát chanh mỏng te làm bạn. Chà, phải chi có chút nước mắt gừng chấm cá thì tuyệt cú mèo. Tuy thiếu nước chấm, con cá chiên vẫn ngon miệng. Tôi ăn một loáng là xong. Chứ không như nhời như mấy hôm khác. Bà chủ rất hài lòng, "đăm đuôi" nhìn tôi, nhìn cái đĩa, nhận xét:

- Cô ăn cái đĩa sạch trơn, giống y chang con chó của tôi, *como mi perro*.

Chèng đét ơi, phải chi vốn tiếng Ét-pa-nhôn của tôi kha khá một chút, tôi “giữa” cho bà một trận te tua. Dám đem tôi so sánh linh tinh, lang tang. Mà bây giờ, chữ nghĩa hầy còn lem nhem. Đành cười trừ, chớ biết sao.

Buổi chiều đi học về, tôi thả bộ dạo loanh quanh gần nhà, tìm thùng thư. Tình cờ thấy tiệm trái cây, bày biện trông mát mắt, hấp dẫn. Vào tiệm, ngay quày rau, phía trên ghi *cilantro*, nhìn giống ngò. Tôi mừng rỡ lại sát quày, len lén nhéo một lá, đưa lên mũi. Thơm phức. Đúng mùi ngò.

*Thò tay mà ngắt ngọn ngò,
Thương ai đứt ruột giả đồ ngó lơ.*

Tôi rinh ngay bó ngò to như bó rau muống bên quê nhà, phom phom lại quày trả tiền. Tôi hí hửng khoe bà chủ món rau mới mua. Hôm đó bà làm mì xào tôm. Tôi tưởng tượng đĩa mì chắc sẽ ngon nhức răng, nếu bỏ ngò vào. Tôi nghĩ với bà chủ. Bà vùng vằng:

- Không được, không được. Món này của tôi là tuyệt hảo. Không bỏ gì khác vào, làm hư đi.

Thấy tôi có vẻ thất vọng. Bà đầu dụ:

- Đưa *cilantro* đây. Tôi làm cho cô đĩa xà lách nhé.

Bà thêm vài lát cà chua, dưa leo, xịt giấm, dầu, dọn kèm đĩa xà lách ngò cho tôi. Ăn là lạ. Thôi thì, cũng chút hương vị quê nhà. Bó ngò to quá. Liên tiếp ba ngày, bữa nào bà cũng làm cho tôi một đĩa xà lách ngò trộn dầu giấm. Tôi hết cả hào hứng. Hơi lo lo trong bụng. Không biết bà có làm lạnh, đi sắm thêm bó khác, để đãi tiếp món xà lách ngò không.

Ra Phố



Theo lịch trình định sẵn của trường, tôi đến Madrid một ngày trước khi nhập học. Trưa chủ nhật, tôi có mặt ở nhà trọ. Bà chủ nhà đón tiếp niềm nở. Ba giờ chiều, căn phòng của tôi nóng

hầm hập, dù bà đã mở quạt máy chạy vù vù. Bà cho biết cơm tối sẽ vào khoảng 9 giờ rưỡi tối. Thấy còn thông thả thì giờ mới được ăn, tôi ướm ý bà, nói muốn đi dạo một vòng phố cho vui. Bà đồng ý ngay.

Bà bươn bả đi trước, tôi lạch bạch cố chạy cho kịp bà, dỏng tai nghe bà cắt nghĩa, lâu lâu nghe có chữ gì tựa tựa tiếng Đức, tiếng Anh, tôi mừng rỡ nói to lên *yes, yes, sí sí*. Đi khoảng hai chục phút, chúng tôi đến Plaza de Toros. Đến coi cho biết, chứ tôi chẳng mặn mà với môn đấu bò. Tôi đứng cạnh bức tường, cơ man là bò, nào là bò mộng, bò húc... Chụp một tấm hình, coi như xong nghĩa vụ. Biết đâu, khi đem tấm hình khoe bạn bè, sẽ có đứa buột miệng, ủa, sao có con sư tử đứng cạnh đàn bò vậy ta?

Cuối tuần, tôi mua vé trọn ngày đi ngoạn cảnh Madrid. Ngồi trong xe, cầm theo bản đồ, đến đâu phong cảnh hữu tình, xuống xe, thăm thú xong xuôi, chờ chuyển tiếp, leo lên.

Museo del Prado là một trong những bảo tàng viện nghệ thuật lớn nhất và quan trọng nhất thế giới, với hơn ba triệu khách vào thăm mỗi năm. Đến bảo tàng viện Prado, tôi tấp vào, tính xếp hàng mua vé vào cửa. Rồi nghĩ, trời đẹp quá, hôm nay đi chơi ngoài trời. Hôm nào thời tiết không đẹp, sẽ mua vé vào xem. Dọc bên hông của bảo tàng viện có những lễ đường thoải thoải. Du khách lần dần bản xứ đứng ngồi khắp nơi.



Bên hiên phải của Museo del Prado

Có nhạc công ngồi bên lễ cỏ, đang chơi đàn tây ban cầm. Năng chiều đã dụ. Hít thở không khí của Tây Ban Nha, lắng nghe tiếng đàn tây ban cầm, đọc tấu tác phẩm *Recuerdos de la Alhambra (Memories of the Alhambra)*. Tuyệt vời!

Trong vai du khách, tôi có dịp gặp gỡ nhiều tuýp người dọc đường. Thường là những trao đổi ngắn gọn mà lý thú. Nhưng cũng có khi gặp người tưng tửng. Cặp vợ chồng Đức khó chịu, vì tôi tình cờ đứng gần bức tượng, mà bà vợ muốn chụp hình. Thay vì nói tôi tránh ra. Bà vợ lầu bầu bằng tiếng Đức, "Cái con nhỏ Tàu này đứng đây làm choán chỗ". Tôi định trả lời bằng tiếng Đức cho bả hết hồn chơi. Gần trạm Sevilla, thấy ở băng ghế có cặp đang ngồi, tôi hỏi bằng tiếng Tây Ban Nha, cho tôi ngồi chung được không, ông bà vui vẻ trả lời "oui". À ha, ông tây, bà đầm, sẵn dịp, tôi xoắn vài câu tiếng Pháp. Thế là tôi vừa đổi đôi giày thể thao để lộ bộ tiếp, vừa "đánh vần" hỏi chuyện. Ông bà đã du lịch ở Việt Nam, rất thích, có nhiều ấn tượng tốt. Đứng trước nhà hát lớn, tôi nhờ cặp trẻ trẻ chụp hình. Tán chuyện, đó là những người Ý tươi tắn, đầy sức sống. Cậu là ca sĩ tình lẻ. Cô hãnh diện viết *link* có nhạc của cậu, rủ tôi nghe thử.

Xuống trạm *Temple of Debod*, tôi đứng ngó trái, ngó phải để định hướng. Tình cờ, (không biết có thật tình cờ chẳng?) có cô du khách, dáng vẻ như người xứ Trung Đông đến hỏi đường đi. Tôi nói, tôi cũng là du khách mới đến. Cô đề nghị, "Vậy chúng mình cùng đi chung vào tìm hiểu". Đền thờ *Templo de Debod* là đền thờ cổ Ai Cập, thờ thánh nữ Ai Cập *Isis*. Ngày xưa đền nằm dọc bờ sông Nil. Để đáp lại thiện chí của Tây Ban Nha trong chương trình gìn giữ bảo tồn đền *Abu Simbel*, chính phủ Ai Cập đã tặng đền *Debod* cho Tây Ban Nha vào năm 1968. Đền được tháo dỡ ra thành nhiều phần, được chuyên chở bằng tàu thủy đến Madrid vào năm 1970. Sau đó, được xây dựng phục chế ở một trong những khu đẹp nhất Madrid. Ngày nay, du khách có thể thưởng ngoạn một di tích của kiến trúc Ai Cập cổ ở thủ đô Tây Ban Nha. Cô du khách kể, cô là người Kuwait, khi dự định đến Madrid, cô nhất định phải đến xem cho bằng được đền thờ này. Tôi vui, bất ngờ có người đồng hành. Khi hai đứa lò mò đến cổng, mới biết, đã hết giờ mở cửa cho vào xem. Hơi thất vọng, hai đứa đi lòng vòng chung quanh khuôn viên đền. Sẵn dịp, tôi chụp hình cho cô, cô chụp hình cho tôi. Lúc đó, (lại) tình cờ, có một ông trung niên mặc bộ vét màu sáng đi ngang qua. Chúng tôi nhờ ông chụp cho tấm hình chung hai đứa. Bỗng nhiên, tôi nghe hai người nói với nhau bằng thứ tiếng khác. Tôi hỏi cô:

- Ông này là đồng hương của chị hả?

Cô nói:

- Không. Ông người Ả Rập. Nhưng tại tôi nói cùng một thứ tiếng. Ông ấy nói gần đây có giếng nước uống.

Đang khát nước, nghe vậy, tôi liền theo hai người đến giếng nước. Húng đậy chai, uống ừng ực. Cô khách lại thông dịch:

- Ông này biết coi chỉ tay. Mình lại ghé công viên ngồi nghỉ chân đi.

Thế là ngồi đó, ông coi chỉ tay cho cô trước. Ông xì xà, xì xỏ gì với cô ta. Tôi tò mò hỏi. Cô gục gặc:

- Ủ, ông nói tôi là người đa đoan, lo ôm đồm nhiều việc, đang có vấn đề trong tình cảm.

- Chị thấy có đúng không?

Cô ta tin lắm:

- Trúng phóc hà. Em có muốn ông coi chỉ tay không?

Tôi nghĩ vui vui. Kệ cứ đưa tay thử. Ông coi bàn tay tôi, rồi rì rầm gì với cô Kuwait:

- Cô này may mắn lắm! Cổ mơ gì, được đó.

Nghe thông dịch như vậy, tôi mát mẻ trong ruột. Ông bảo cô ta nói tôi nhắm mắt, mở lòng thì ông mới "đọc" tiếp được. Tôi lật đật rút tay lại:

- Thôi cảm ơn ông. Ông coi cho như vậy là đủ rồi.

Tôi cáo từ, rào bước về trạm xe. Cô Kuwait cũng đi cùng chuyến xe *bus*. Nhưng khi tôi xuống trạm Royal Palace, cô không xuống theo, mà vẫy tay *bye bye*. Về nhà tôi kể cho mấy chị em nghe. Em tôi phán:

- Ông nói chị may mắn là quá đúng. Chị hên lắm, mới không bị trấn lột đó. Chớ mấy màn gạt gẫm trá hình qua bói toán, chỉ tay, đây đây ở những thành phố du khách. Madrid đứng đầu bảng đó.

Lúc đó tôi mới giật mình. Hú hồn.

Đến Plaza Mayor, ngắm những quầy hàng bán các loại y phục để nháy *flamenco*. Một dọc những họa sĩ vẽ tranh cho khách. Thấy vui vui, tôi chậm chân ngắm một họa sĩ có dáng vẻ Á Châu, đang vẽ chân dung cho một phụ nữ Âu Châu. Không hiểu sao, tôi chặc chặc đó là người Việt. Ông chăm chú vẽ, ngược lên nhìn người, rồi lại cúi xuống với nét vẽ. Dù trời nóng, ông mặc áo sơ mi, quần tây nghiêm chỉnh, khác với các họa sĩ quanh đó, đa số trẻ hơn ông, mặc quần *jeans*, áo thun sặc sỡ. Người họa sĩ Việt giữa quảng trường Mayor sao lạc lõng, cô đơn lạ. Ông đang tập trung vào bức họa của ông, nhưng ánh mắt của ông như trĩu nặng u buồn, bất an. Nửa muốn đứng lại xem ông vẽ, đợi lúc thuận tiện

chào ông một câu tiếng Việt. Nửa lại bán khoắn, e làm ông ta bối rối, khi gặp đồng hương trong một tình huống không mấy thuận tiện. Dậm chân bước đi, ông họa sĩ quỳ bên cạnh lôi kéo ngay:

- Tôi vẽ cho cô một bức hí họa thật đặc biệt nhé.

- Thôi, tôi không còn nhiều thì giờ ông ạ.

Ông khoát tay:

- Nhanh lắm cô à. Tôi chỉ cần 15 phút thôi.

Tôi nhìn những tranh mẫu ông trưng bày. Trông rất vui, đa số là các ca sĩ, diễn viên, với những nét hí họa xuất sắc. Tôi xiêu lòng, ngồi xuống ghế đầu ông chỉ. Ông vờn tay, vẽ nhanh. Ông vẽ mặt mũi, đầu tóc. Tôi nhìn, nghĩ, ông đang vẽ ai. Tôi lúc lắc đầu:

- Có giống gì tôi đâu?

Ông cười lỏn lén:

- Tôi sẽ cố gắng. Nhưng không sao. Tôi sẽ vẽ vóc dáng thật đẹp.

Ông quẹt quẹt nhanh nhiều nét. Trời đất, đây là thân hình của... Jennifer Lopez. Vòng một, vòng ba gấp đôi của tôi, còn vòng hai chỉ bằng phân nửa. Ông hớn hờ đưa tôi:

- Đẹp chưa! Xin cô cho 15 EUR.

Tôi trao tiền cho ông, phì cười:

- Ông ghi giùm tôi trên tranh, "Đây là Thúy", để về nhà tui có bằng chứng nữa chứ.

Cũng vui vui. Tôi cuộn bức tranh, nhàn tản, lang thang quanh phố. Phố xá đông đúc, du khách tấp nập. Trời trong, nắng ấm. Trong không gian tươi sáng, ai nấy mở lòng, vui vẻ với nhau. Thích chụp hình ở đâu, cứ chọn chỗ, điều rới, điều rụng, xia máy hình cho người đứng gần, nhờ nháy là xong. Tôi lững thững dạo. Một cô bé người Á Châu chạy lại, nhờ tôi chụp hình. Cô kể nhanh, cô ở Mỹ, đón mẹ từ Hongkong qua đi chơi cùng. Tôi chụp nhiều hình cho hai mẹ con cô. Thật dễ thương, lúc ôm vai mẹ, choàng tay qua eo mẹ... Tôi bỗng nghe mũi mình nóng nóng. Tôi thôi không bao giờ có diễm phúc như cô bé. Mẹ tôi qua đời đã mấy năm, mà niềm thương nhớ khôn vơi.

Rời quảng trường Mayor, tôi thả bộ đến khu chợ nhà lồng Mercado de San Miguel. Đây là khu chợ sống động, nhộn nhịp nhất nằm ngay trung tâm của Madrid, rất được du khách ưa chuộng. Chợ được xây xong từ năm 1916. Chợ có nhiều quầy hàng bán những mặt hàng với phẩm chất thượng hạng, giới thiệu du khách văn hóa ẩm thực của Tây Ban Nha. Chợ nhà lồng, với kiến trúc thích hợp cho nhiều sinh hoạt. Từ buôn bán, đến trưng bày các mặt hàng, món ăn mới. Tôi

liên tưởng đến khu ăn uống của các chợ Việt Nam, đầy đủ sơn hào hải vị. Đến hàng bán nước sinh tố, những trái dâu mọng đỏ, trái mận tím, đào lông vàng tươi... trông thật hấp dẫn. Chen giữa những trái cây màu sắc tươi mát, tôi thấy mấy lông mía. Tôi mừng tí tởn. Mơ được, ước thấy. Xăng xái tiến đến quầy hàng, tay chỉ, miệng đồng giọng gọi một ly *sugarcane juice*. Thời gian ở Madrid tôi luôn tập nói tiếng Tây Ban Nha. Nhưng chuyện này quan trọng lắm. Phải tránh hiểu lầm, tôi nói tiếng Anh cho chắc ăn. Và lại, tôi chưa học chữ mía trong tiếng Tây Ban Nha. Ông bán hàng cười lắc đầu, "Không có nước mía cô ạ. Cô muốn món trái cây nào trong tủ to tướng này, tôi cũng ép, xay, làm nước cho cô. Nhưng mía chỉ để trưng bày thôi!". Tôi tiu ngui, tà tà dọc theo các hàng bán thức ăn. Thấy quầy đồ biển, người ta bày sò móng tay trông ngon lành. Xào nấu hành tiêu ớt tỏi thơm phức. Tôi tính kéo ghế, nhậu chơi. Sực nhớ, ghéu sò ốc hến thuộc dạng hàn. Ăn vào dễ lạnh bụng. Tào Tháo rượt, chạy sút dép. Thôi, để sức còn đi chơi tiếp nữa. Tấp qua hàng bên cạnh, thấy món râu bạch tuộc lẫn bột chiên. Ngó bộ, chân đi không rời. Tôi đặt mua một phần ăn. Thấy bảng giá ghi một phần (*portion*) là 8 EUR. Cô bán hàng trao cho tôi gói giấy be bé xinh xinh, trong có 5 khúc râu mực cỡ ngón tay... út của con nít. Chà, vậy thì phải làm bộ khảnh ăn để được tiếng thực như miêu. Ngon thiệt, mà ít quá. Hay tại ít, nên ngon. Vậy đó, tự nhiên tôi có được cơ hội học thêm một trong những ngôn ngữ phổ biến nhất thế giới. Có được dịp "cối ngựa, xem hoa" nơi thủ đô đất nước của nhạc *flamenco*, quê hương của những cây cọ Picasso, Goya, Dalí..., của những ngòi bút Cervantes, Hernández..., của những ngón đàn Tárrega, Sor, Segovia...

Đôi khi tôi làm "đày" với mình, gạt ngang những ước mơ có vẻ giả tưởng, bất chợt lờn vờn trong trí, "Hú! Đừng mơ với mộng". Nhưng ngoài nhìn lại con đường mình đã đi qua, hình như, hể tôi chịu khó li lợm mơ, chẳng chóng, thì chầy, tôi cũng được thỏa ước.

Vậy là thêm một giấc mơ thành hiện thực. Tôi nghiệm ra rằng, thỉnh thoảng cao hứng, mình cứ vẽ ra vài giấc mơ trong trí. Cứ tiếp tục ấp ủ, nâng niu giấc mơ. Rồi ra, sẽ có lúc mình reo lên rằng, "Ôi, đời đẹp như mơ!".

Hoàng Quân
Tháng Sáu 2015

KẸ MỘNG DU

• Đỗ Trường

(Có những người bạn chẳng thân cũng không sợ, lúc thì thâm sâu khó lường, khi thì mộng du, ảo tưởng nông cạn. Họ mất đi, đôi khi cũng để lại một khoảng trống trong tâm hồn. Từ đó, buộc ta phải cầm bút viết về họ, như thể khép lại một chặng đường đã qua vậy)

*

Hắn mất ở một thành phố rất xa, sau một tuần tôi mới biết, từ báo chí của cộng đồng. Một cái chết không gây cho tôi sự bất ngờ. Bởi, đã bước vào cái ngưỡng gần thất thập, bị thiên mất một lá phổi, và thương tích chiến tranh vẫn còn găm đây mình, song hắn vẫn giữ lối sống hoang phí ở cái tuổi hai mươi. Mới tháng trước, hắn về Leipzig mua xe ô tô cũ, và ở lại nhà tôi ít ngày. Dù bị tràn dịch màng phổi sau một thời gian điều trị không lâu, hắn vẫn ực bia, đốt thuốc mù nhà. Cái khoản cá cược bóng đá, hoặc ngồi bấm máy Automat hắn không thể bỏ. Tuy chỉ chơi nhỏ với khoản tiền trong túi, nhưng hắn thường ngồi thông đêm. Chẳng vậy, mấy ngày ở Leipzig, cứ hai, ba giờ sáng, nhè đúng lúc vừa qua cơn trằn trọc, tôi bắt đầu thiu thiu ngủ, hắn bấm chuông gọi mở cửa. Chịu không nổi, tôi lừ hắn: Đã quá tam ba bận rồi, lần sau ngủ ngoài đường nhé. Hắn cười rất hồn nhiên, nhảy lên giường, rồi bật bia tu ừng ực...

Tôi gặp hắn lần đầu vào một chiều cuối năm 1986. Khi tôi và Hải Bia đang ngồi khật khừ ở hàng bia hơi Hoàn Béo đầu Ô Chợ Dừa, Hà Nội. Bia mới nhất tuần, chợt có chiếc Simson đồ khừ trước mặt. Một gã có lẽ, lớn hơn chúng tôi đến chục tuổi, dáng có vẻ còn thư sinh lắm, bước xuống, cười cười bắt tay Hải Bia thật chặt:

- Đến nhà, bà già bảo ông vừa biến. Đoán hôm nay ông sẽ ngồi ở đây, nên tôi mò đến. Trúng y phóc.

Hải Bia không trả lời, gọi thêm một vai, rồi kéo ghế chỉ cho hắn ngồi xuống. Thấy hắn quay sang tôi định chào hỏi, Hải Bia giới thiệu luôn, rồi chỉ vào hắn:

- Lê Quốc Bình, tức Bình Cảnh. Một tay chơi của Bộ công nghiệp nhẹ.

Lời ra, tiếng vào trong lúc khật khừ bia rượu, biết được Bình Cảnh đang nhờ Hải Bia lấy giấy xác nhận lý lịch đủ tiêu chuẩn sang Đức lao động của An ninh (A17). Bởi, thời gian này, hắn luôn bị Cục điều tra hình sự, Bộ công an gọi hỏi về vụ làm giả giấy tờ cho một gã bạn vào làm việc ở Sông Bé. Do vậy, việc xét lý lịch sang Đức rất

khó khăn, buộc hắn phải tìm đến Hải Bia. Hải Bia là kỹ sư, xuất thân từ Đại học Bách Khoa Hà Nội (K22) chuyển sang Bộ công an. Tôi và Hải Bia quen biết, thân nhau qua Phạm Văn, một thương binh Quảng Nam tập kết cũng là sinh viên Đại học Bách Khoa. Thời gian ấy, Phạm Văn đang cứu vạt máy khâu từ Hải Phòng về Hà Nội cho tôi. Chuyển vào an ninh, chẳng biết Hải Bia có học nghiệp vụ ngành hay không, mà lúc quái nào cũng thấy hắn lật khật, mặt mũi tưng bưng. Dường như, muốn gặp hắn, kể cả giờ hành chính thì phải tìm đến các quán bia. Nên cái Spitzname Hải Bia vận vào hắn từ khi nào cũng chẳng hay. Tuy theo dõi Bộ công nghiệp thực phẩm, nhưng Hải Bia vẫn có thể với tay sang Bộ công nghiệp nhẹ được. Do vậy, lời hứa với Bình Cảnh của Hải Bia cứ chắc nịch...

Cuối thu 1988, từ Limbach- Oberfohna Bình Cảnh đến Leipzig tìm tôi. Hắn bảo, đang là thợ sửa chữa máy khâu ở xí nghiệp may mặc. Qua trường độ nặng nhẹ hơi thở của giọng nói, cảm nhận ra ngay, sự chán chường của hắn đang ở mức kịch trần. Bởi, ở Việt Nam làm giả, ăn thật, suốt ngày hắn khệnh khạng bia bọt, phét lác, rong chơi. Ở Đức buộc hắn phải vào guồng máy, khuôn khổ. Và đã đến nơi đây, chức tước, già trẻ, lớn bé đều là thẳng cày thuê cuốc mướn, xé vé đồng hạng (như nhau). Sự hụt hẫng ấy, làm cho hắn sụp đổ hoàn toàn về mặt tâm lý. Và con đường quay về Việt Nam chính là sự giải thoát. Hắn lăm lăm với tôi như vậy. Vỗ vai hắn, tôi an ủi, động viên:

- Mới sang chưa quen thôi. Ít ngày nữa có đuổi ông cũng chẳng chịu về đâu.

Bình Cảnh âm ừ, im lặng. Tôi liền nhắc lại cái án làm giấy tờ giả, vẫn còn treo lơ lửng trên đầu hắn, nếu quay về, và hỏi:

- Cái vụ làm giấy tờ đều cho bạn, nếu ông không là thái tử con quan, có lẽ, nó cho ông ra bã từ lâu rồi ấy nhỉ?

Hắn cười:

- Vụ đó là cái con mẹ gì. Còn những vụ ác đòn hơn thế nhiều. Lúc nào đó, tôi sẽ kể cho ông nghe.

Thấy hắn hứng khởi, tôi hỏi tiếp:

- Vụ bạn ông, làm thế quái nào bị "nghĩa lộ" vậy?

- Thẳng đấy ham hố chết là phải thôi. Rất may sự việc chỉ đến tôi thì dừng, bằng không liên lụy đến nhiều người.

- Sự việc thế nào, ông có thể nói rõ hơn chẳng?

- Nó là bạn học. Năm 1969, chúng tôi cùng tốt nghiệp cấp 3. Để bù lại sự thiếu hụt quân số

từ Tết Mậu Thân 1968, hầu như con trai khóa chúng tôi đều phải vào bộ đội. Chỉ còn lại thằng thấp bé nhẹ cân, không đủ sức khỏe như nó mới học tiếp. Đến năm 1972 lệnh tổng động viên, các sinh viên đại học cũng phải nhập ngũ, vào chiến trường. Lúc đó, nó phổng phao, đủ cân đủ lượng nhưng sợ nghèo, chuồn về quê, rồi theo đám thợ xẻ lên rừng. Nó sống như vậy, cho đến hết chiến tranh. Năm 1978, tôi gặp lại, thấy nó vất vưởng, không giấy tờ, hộ khẩu đâm chạnh lòng. Tôi bàn bạc, và mua cho nó hồ sơ bộ đội phục viên chuyển ngành khổng. Tôi dặn đi dặn lại nó, phải vào các tỉnh phía Nam xin việc, và suốt đời chỉ là một công nhân bình thường. Nó ừ ừ, cạc cạc... phấn khởi, rồi phương Nam thẳng tiến. Với vỏ bọc đó, nó được nhận vào làm công nhân lâm nghiệp tỉnh Sông Bé. Tưởng đã yên thân, và yên tâm như vậy, nhưng không ngờ, thời gian sau, nó bắt đầu quấy đập. Chẳng hiểu bằng cách nào, nó lọt qua cửa kiểm tra lý lịch vào đảng, và được cử đi học đại học tại chức, rồi vọt lên phó, trưởng phòng... Và đường công danh, tài lộc đang phát, thì bị phe cánh đồng chí phó giám đốc tìm ra thóp, bắt vở chọc ngoáy, khi nó vừa ngồi vào ghế giám đốc. Sự việc tóe loe, khi an ninh đến hỏi thăm, tôi mới biết. Đạn dượt của nó lúc đó đủ bắn các cửa, nên không bị tù tội, nhưng buộc phải về nhà ôm đít vợ. Thật ra, vì hoàn cảnh có rất nhiều người buộc phải làm giấy tờ giả để có một cuộc sống, mưu sinh bình thường. Điều này, ai cũng có thể hiểu và cảm thông. Nhưng thằng này, không thoát ra được sự căm dỗ, đấu đá tranh giành quyền lực. Do vậy, không trước thì sau, nó phải đi điếu thôi. Tôi suýt nữa cũng toi theo nó, nếu không có ông già chống đỡ.

Bình Cảnh kể một thôi một hồi, rồi đột nhiên dừng lại, tu liền tù tì mấy chai bia, như thể vừa bỏ được gánh nặng, trút được ả ức ở trong lòng vậy. Chờ tâm trạng hẳn dịu lại, tôi bảo:

- Ông già của ông đã đến tuổi về vườn, chắc chắn không thể chống lưng cho ông mãi được. Ông yên tâm ở lại cày kiếm tiền, đỡ ngựa mắt chúng nó. Năm, sáu năm sau trở về sự việc có thể đã hóa bùn.

Hắn không trả lời, với bao thuốc chằm lửa... hai mắt nhắm nghiền lại.

Có lẽ, nhắc lại án cũ làm cho Bình Cảnh chờn chờn, tổn tổn trước sự chăm sóc của An ninh chẳng? Nên những lần gặp sau (tịnh) không thấy hắn than thở và muốn trở về Việt Nam nữa.

Năm 1989, mùa Thu dường như đến sớm. Mới tháng mười mà gió và rét như quất vào mặt người. Cùng đó, cơn bão tự do nổi lên, quật đổ

bức tường Berlin, dẫn đến thống nhất nước Đức. Với kỹ thuật cổ lỗ, phần lớn nhà máy phía Đông phải đóng cửa. Không việc làm, dẫn đến không chỉ riêng tôi, mà dường như tất người Việt ở Đức, kể cả sinh viên và nghiên cứu sinh chạy loạn xì ngầu. Có lẽ, Bình Cảnh chợt tỉnh ngộ chẳng? Hắn không chịu nhận tiền đền bù để về nước, như phần đông các đồng nghiệp, mà chuồn thẳng sang Niedersachsen. Ở đó, hắn tự hành nghề bán hàng rong.

Sau một thời gian chạy lòng vòng, tôi lại quay về Leipzig. Thành phố thân yêu, với những kỷ niệm không thể nào quên, ngay từ buổi đầu tôi đặt chân đến Đức.

Cuối tuần, về Leipzig lấy hàng, hỏi thăm ai đó, Bình Cảnh biết tôi đang bán bia hơi và đồ ăn ở trung tâm thành phố, hẳn mò đến ngay. Mấy năm không gặp, trông hẳn có vẻ khí thế, đầy đà hẳn ra. Dù vợ con ở nơi quê nhà dọa sẽ sang, hẳn vẫn ảm thêm một em mắt xanh, mỏ đỏ vừa từ Việt Nam qua tỵ nạn. Ngất ngưỡng diu em bước xuống từ chiếc xe BMW bóng nhẫy, hẳn rất tự tin: Đây là em Hồng.

Rồi hẳn nói liên chi hồ điệp, với hơi thở bắn ra toàn mùi tiền, đập vào mặt tôi cứ rất rần rạt. Tương lai, mấy cái met quần áo ngoài chợ trời của hẳn trở thành công ty, thương hiệu cả thế giới phải biết tên, điểm mặt đến nơi rồi cũng không chừng. Viễn cảnh hẳn vẽ ra, làm tôi cứ rung lên bần bật: Gớm, cái tính lạc quan kỳ này chẳng bù tí tẹo nào cho cái khuôn mặt gà rù của ông hồi mới sang nhỉ. Bắt tay, ôm vờ em mắt xanh mỏ đỏ, nhìn chỗ sang hẳn, tôi bảo vậy. Hẳn cười phơ phớt: Sông có khúc, con người có lúc chớ.

Kể từ đó, tuần nào về mua hàng ở Leipzig, Bình Cảnh cũng ngủ qua đêm ở nhà tôi. Biết tôi, khoái đi chợ đồ cổ, đồ cũ. Do vậy, hôm Buss und Bettag, hay ngày lễ gì đó riêng của bang Sachsen, tôi được nghỉ làm việc, trùng với phiên chợ trời (Flohmarkt) bán đồ cũ ở Braunschweig, hẳn hẳn có hứng thú thì sang đi cùng...

Khi tôi tới chợ, ô đã dựng xong, Bình Cảnh và Hồng đang bày biện quần áo lên bàn. Chỗ đứng của hẳn ở ngay cửa ra vào, rộng và dài nhất chợ. Một vị trí đẹp, hàng hóa đập thẳng vào mắt người qua lại. Nhìn chéo sang, thấy có một gã cũng tóc đen mũi tẹt, tuổi trạc Bình Cảnh đang chăm sóc, lau chùi mớ đồ giả cổ trên một chiếc bàn gập bé tẹo. Ngẩng đầu lên, thấy tôi đang nhìn, gã dừng tay gật đầu chào.

Trời cuối thu, đứng lâu cái rét đã ngấm vào người. Tôi vòng quanh chợ một lần nữa, rồi sà vào hàng Glühwein. Mới tợp được vài ngụm,

quay lại thấy gã bán đồ giả cổ, tay cầm ly Glühwein còn bốc khói, đứng ngay sau lưng. Tôi bắt tay gã, chào một câu tiếng Đức. Bóp chặt tay tôi, gã đáp lại bằng câu hỏi tiếng Việt, với chất giọng pha trộn, rất khó đoán người vùng nào:

- Em cũng là người Việt?

- Ô! Vậy mà từ nãy đến giờ tưởng em cứ ngỡ bác là người Thái, Phi hay Indo... chứ. Bởi, người Việt ta ở Đức hình như ít có ai buôn bán cái món này. Tôi phụt ra một tràng tiếng Việt làm gã bật cười:

- Thi thoảng mình đi chợ, bán cho vui thôi.

Câu chuyện đang đi vào chiều sâu về cuộc sống, sinh hoạt của người Việt ở hai miền Đông, Tây, đột nhiên gã hỏi:

- Cái ông bán hàng vải ở cửa chợ, nhìn rất giống một người bạn thời trai trẻ của mình. Ông ấy tên gì, và người nhà của em à?

- Không. Là người bạn lớn tuổi thôi. Anh ấy tên Lê Quốc Bình.

- Hình như, ông ấy còn cái tên khác nữa?

- Còn Spitzname Bình Cảnh. Trước đây là lính tráng có thay tên đổi họ hay không, quả thực em không rõ. Anh đến chuyện trò thử xem, biết đâu là cố nhân.

Ước xong ly Glühwein có lẽ nóng người, tinh thần gã phấn chấn hẳn ra, theo tôi đến hàng Bình Cảnh ngay.

Trời đã về chiều, dường như chợ sắp tan. Bình Cảnh đang lùi chiếc xe ba khoang to vật vờ đến gần để dọn hàng. Thấy tôi đi tay không với gã bán hàng giả cổ, Bình Cảnh nhảy xuống xe, hỏi:

- Không tìm được cái gì hợp khẩu vị hả?

- Tuy không mua được gì, nhưng tôi tìm được bác này, có thể là cố nhân của ông. Nhìn xem thấy có quen không?

Lúc này, Bình Cảnh mới quay sang gã hàng giả cổ. Phút giây im lặng,... đến khi gã hàng giả cổ tự lột chiếc mũ, để lộ ra vết sẹo to vật trên đầu của mình, Bình Cảnh chột vuột ra:

- Nhấn. Nhấn Seo phải không?

Gã hàng giả cổ gật đầu, rồi cũng réo tên:

- Trần Phước Long. Tao ngờ ngờ ngay từ khi nhìn thấy mày. Thật không ngờ chúng ta còn có thể gặp nhau. Và ở trên mảnh đất xa tít mù tắp này.

Rồi cả hai cười ha hả, lao vào bá cổ và đắm bùm bụp vào bụng nhau. Tôi ngơ ngác, ngẩn tò te đứng nhìn. Lúc sau, hai gã mới rời nhau. Bình Cảnh quay sang tôi bảo, quả thật là cố nhân...

Tuy ở Braunschweig, nhưng sống độc thân, nhà cửa chật chội, thiếu bàn tay bếp núc cho việc nhắc lên đặt xuống khật khừ, do vậy Nhấn Seo

đồng ý về nhà Bình Cảnh ở Helmstedt. Hàng hóa chỉ có ở trong tay nải và chiếc bàn gấp nhỏ, do vậy gã cho cả vào xe của tôi. Trên xe, chuyện trò, tôi mới biết, Nhấn Seo người gốc Quảng Bình. Năm 1954, mới 5 tuổi cha mẹ đã cho lên thuyền dong duổi vào cửa biển Hội An. Ở đây gã theo cha mẹ làm nghề chài lưới. Năm mười sáu tuổi, chẳng biết đạn pháo kích của ông Nga, ông Tàu, hay của ông Mỹ, ông Hàn đang đem bắn nát gia đình gã. Một mình sống sót, với vết thương ở trên đầu khó có thể thành sẹo. Vật vờ sống như kẻ mộng du, mấy năm sau, gã xin vào lính thám báo Mỹ. Năm 1973, Mỹ rút quân, gã chuyển sang lính Việt Nam Cộng Hòa. Sau 1975, rất may hồ sơ quân bạ thời gian đi lính thám báo, người Mỹ đã mang về nước, gã chỉ phải đi tù cải tạo một thời gian rất ngắn. Đang vật vờ khát, một chủ thuyền vượt biên tìm đến bảo, cần người có kinh nghiệm tàu bè biển khơi, sông nước như gã. Nếu có hứng thú đi cùng, không phải chi trả gì cả.

Vậy là, như chết đuối vớ được cọc... và gã đã đưa con thuyền lá tre ấy tới đích, rồi định cư ở Đức từ đó.

Bữa nhậu hội ngộ của hai gã rất khí thế. Nhấn Seo hò hét, rượu Wodka cứ nhát một, đang khua tay múa chân, đột nhiên gục tại chỗ. Tôi và Bình Cảnh còn ngồi lai rai cho đến hết câu chuyện của hẳn. Quả thực, quãng thời gian lính tráng đầu đời của Bình Cảnh như một kịch bản vậy, mà tác giả phải là người có trí tưởng tượng thật phong phú. Nếu không trực tiếp nghe hẳn kể, và gặp được Nhấn Seo, thì tôi khó có thể tin, đó là sự thật...

Vừa hành quân, vừa luyện tập trên đất Campuchia, đến cuối năm 1969, Bình Cảnh đến được Phước Long, bổ sung cho Sư đoàn 7 vừa bị thiệt hại nặng nề trong Tết Mậu Thân. Không được học hành, và tập luyện cơ bản về đại đội trình sát là vô cùng khó khăn đối với Bình Cảnh. Tuy nhiên, bước đầu hẳn được các đàn anh cùng tiểu đội kèm cặp. Trước Tết Canh Tuất (1970) tổ trình sát của hẳn mò vào một đơn vị thuộc Sư đoàn 18 bộ binh, Quân đội Việt Nam Cộng Hòa, chuẩn bị cho trận đánh vào những ngày Tết. Bị phát hiện, và súng đã nổ trong đêm. Cũng tưởng rằng, tử trận cùng với bốn đồng đội, nhưng không ngờ, chỉ một mình hẳn, một lính mới tò te lại sống sót, dù dính mấy viên đạn. Bình Cảnh bị bắt, và được các y sỹ sơ cứu. Sau đó, hẳn được chuyển về Tổng Y Viện Cộng Hòa tại Gò Vấp.

Được điều trị, ăn uống đối xử như những người lính Việt Nam Cộng Hòa làm cho vết thương của Bình Cảnh dường như cũng mau

lành. Tuy trở thành tù binh của chiến tranh, song sự mặc cảm, khoảng cách của hắn với những người lính VNCH, và xã hội dần dần được xóa bỏ. Sự sầm uất của Saigon, nhất là những ngày Tết, và con người nơi đây làm cho suy nghĩ dẫn đến nhận thức của Bình Cảnh hoàn toàn thay đổi. Do vậy, chiêu hồi là cánh cửa mở cũng như giải pháp tốt nhất mà hắn đã lựa chọn. Tuy nhiên, sự mâu thuẫn và nỗi lo sợ cho gia đình nơi quê nhà luôn ray rứt, và đè nặng lên con người hắn. Bởi, ông bố đang quan to đầu ngành của tỉnh. Nếu tin hắn chiêu hồi vọng về đó, thì bố hắn và gia đình sẽ đi tong. Do vậy, chờ được tin, xác bốn đồng đội do Quân đội Việt Nam Cộng Hòa chôn cất, hắn mới thở phào nhẹ nhõm, quyết định chiêu hồi. Bởi, cuộc nổ súng không cân sức ấy, không thấy ai trở về, chắc chắn đơn vị sẽ cho rằng, cả tổ trinh sát của hắn đã tử trận. Tin này chắc chắn sẽ được chuyển về quê hương cùng gia đình. Và tấm hình của hắn sẽ ngồi trên nóc tủ ngắm gà khỏa thân, với tấm bằng Tổ quốc ghi công là cái chắc. Vậy là, về mặt lý thuyết Lê Quốc Bình đã nghèo. Và sau sự tẩy rửa, hắn sống lại với cái tên cúng cơm mới: Trần Phước Long.

Học tập ở trại chiêu hồi mấy tháng, rồi hắn được về Hồ Nai, Biên Hòa định cư, và học nghề mộc. Nơi đây, phần đông là đồng bào Công giáo di cư từ miền Bắc, nên hắn hòa đồng rất nhanh. Được mấy tháng, chợt có thằng bạn học, cũng dân Bắc di cư, rủ hắn đi khám tuyển vào lính thám báo không số quân, do Mỹ trả lương. Nghe bùi tai, và đang chán cảnh cửa xẻ, bào đục, hắn đồng ý ngay...

Đến đây, thấy giọng kể của Bình Cảnh có vẻ hơi bị yếu và đứt quãng, tôi liền rót đầy hai ly, đẩy về phía hắn: Cạn phát cho khí thế. Hắn cầm cốc đưa lên miệng, nghĩ thế nào lại hạ xuống, chỉ vào Nhấn Sẹo đang ngheo đầu ngheo cổ, gáy như sấm ở trên Sofa:

- Mấy năm làm lính thám báo, chuyến nào tôi và nó cũng đi cùng. Đầu năm 1972, cứ tưởng hai thằng đi điều trong rừng Dak Tô rồi chứ... Số là...

Cắt ngang lời hắn, tôi hỏi:

- Nay! Sau 1975 làm thế quái nào ông trở thành thương binh, được học đại học ngon lành cảnh đào như vậy?

Hắn cười phơ phớt, rồi giảng giải:

- Năm 1973, ông Mỹ rút, không như Nhấn Sẹo chuyển sang lính Việt Nam Cộng Hòa, tôi trở lại Saigon, với cuộc sống đời thường. Vì tôi cảm thấy mạo hiểm thế là đủ. Vẫn cái tên Trần Phước Long, tôi làm đủ các nghề, giạt vòm khắp nơi. Đùng một phát, biến cố 30.4.1975 xảy ra. Cũng định tìm đường ra đi, dù thế nào, tôi đã có mấy

năm làm việc cho ông Mỹ. Nhưng ngay sau đó, tôi nghĩ đến gia đình, nhớ đến quê hương ngoài Bắc. Và trong lúc lộn xộn đó, dò hỏi, và biết chắc hồ sơ thám báo, người Mỹ đã đưa tất cả về nước rồi, tôi mới quyết định ở lại. Tôi cũng hy vọng ở bố tôi, có lẽ lúc này ông đã là Phó hoặc Chủ tịch tỉnh rồi. Bởi, ngày tôi đi lính, ông mới 40, một Trưởng ty trẻ được học hành, và có năng lực. Thế là, cái tên Lê Quốc Bình hồi sinh, quần áo nhàu nát độc bộ, lộn ngược dòng người, tôi trở về với dòng sông Đạ Huoai, với núi rừng Tây Nguyên.

- Ngày đó ông còn trẻ, nghĩ ra cái trò này, kể cũng quái thai ngậm giấm ra phết nhĩ. Và một mình sống như vậy, ông không sợ à? Chờ hắn cạn nốt chai bia, tôi hỏi vậy.

Giọng hắn trầm hẳn xuống:

- Sợ gì, tôi đã được học, và rèn luyện kỹ năng sống, chiến đấu trong mọi hoàn cảnh, rồi trải qua thực tế, với những tháng ngày của người lính biệt kích. Do vậy, không riêng tôi, với thằng lính biệt kích nào cũng vậy, sống một mình giữa bản làng hoang phế là rất bình thường.

- Thế rồi sao nữa, ông tiếp tục đi.

Hắn không trả lời, nhưng hỏi lại tôi:

- Năm đầu thập niên tám mươi, ông đã từng đi qua Đạ Huoai, Bảo Lộc phải không?

- Đúng vậy.

- Thời đó, huyện lỵ vẫn còn hoang vu thế, thì hồi 1975 ở những buôn làng xa ông không thể tưởng tượng ra được đâu. Tuy nhiên, tôi ở đó không lâu, người dân rải rác trở về. Thấy tôi lang thang, khờ khạo, khi gặp tiếp xúc, họ nghĩ ngay, tôi là bộ đội bị thương mất trí. Do vậy, vài tuần sau, người của huyện đội tìm đến. Họ hỏi, tôi cứ ú ớ, nhe răng cười. Nhìn thấy áo quần tôi rách lòi ra những vết sẹo to vật vã, họ có vẻ hơi ái ngại. Rồi có hai người nói tiếng Bắc từ tỉnh đội đến chuyện trò. Mãi họ cũng luận ra được tên tuổi, quên quán và đơn vị cũ của tôi. Nghe họ nói, sẽ xác minh và quay lại. Và tôi không phải chờ lâu, vài tuần sau có người đàn ông lặn lội vào tìm và bảo, làm ở Ủy ban Quân quản thành phố, mới ngoài Bắc vào. Rồi ông ấy đưa cho tôi bức ảnh. Liếc mắt, tôi nhận ra bố tôi đứng cùng các đồng nghiệp ở Ủy ban tỉnh. Thấy tôi đuột mặt ra, người đó hỏi, có nhận ra ai không? Ngập ngừng, tôi chỉ tay vào bố tôi, giả vờ nói đứt tiếng: Bố... bố. Người đàn ông có vẻ mừng lắm bảo, vậy thì đúng rồi. Bố cháu hiện đang là Phó chủ tịch thường trực tỉnh nhà. Cháu sẽ điện báo cho ông ấy ngay. Một vài tuần tới, ông ấy sẽ vào đón cháu về thôi. Bố cháu có nhờ chú chăm sóc cho

cháu trong thời gian này. Bây giờ, cháu về chỗ chú nhé...

Không ngờ, tuần sau bố tôi bay vào ngay. Bố con gặp nhau, tôi vẫn phải diễn cho đến khi ông đưa tôi ngược ra Bắc về đến nhà. Khi tôi nói thật, bố tôi hơi hoảng, mắng tôi một trận. Rồi trấn tĩnh trở lại, bằng mọi quan hệ, quyền uy của mình, ông lấy lại cho tôi hồ sơ, giấy tờ từ đơn vị cũ, và khám chữa bệnh, cũng như đánh giá thương tật. Và tôi nghiễm nhiên trở thành thương binh. Năm sau, tôi vào Trường văn hóa thương binh luyện thi đại học. Và sau khi tốt nghiệp Đại học kinh tế kế hoạch, năm 1981 tôi về làm việc ở Bộ công nghiệp nhẹ, như ông đã biết.

- Giới, tôi phục ông. Bao năm vậy mà không bị thăng nào chọc ngoáy.

Đốc ngược ly rượu cuối cùng, tôi khen. Hần cười:

- Giới chó gì! Cái chính là tôi không đảng đoàn, không ham hố tranh giành quyền lực. Chỉ khoái kiếm tiền bia rượu, vui chơi bạn bè. Vậy tôi mới có tên là Bình Cảnh...

Đoạn kết cho một kiếp người:

Năm 2012, tuổi đã ngoài lục tuần, Bình Cảnh và Nhấn Sẹo cũng tiết kiệm được một khoản tiền. Nghe bạn bè rủ rê mang về Việt Nam chung nhau lập công ty công teo gì đó, bắt chấp sự can ngăn của mọi người. Bởi, viễn cảnh vẽ ra cứ tươi roi rói, chắc nịch nịch. Phen này, thành đại gia, chủ lớn ở cái tuổi cuối chầu là cái chắc. Vỗ đùi đen đét, Bình Cảnh nói với bạn bè vậy. Thôi thì cũng mừng cho hẳn.

Một năm sau. Mùa hè, tôi đang nhặt hào, câu cua ở biển Holland, nhận được điện thoại của Bình Cảnh. Hỏi, ngày mai có thể đón hẳn ở sân bay Tegel không? Tôi trả lời, không về kịp.

Mấy ngày sau, từ Holland về, thấy Bình Cảnh ngồi chờ tôi ở cửa. Nhìn hẳn thấy, xuống sắc lắm. Hỏi, Nhấn Sẹo đâu? Hẳn trả lời nhát gừng, bị tăng xông chết rồi. Sao vậy, vẫn còn khỏe mà? Chúng tôi bị lừa, và bị lột sạch cả rồi. Nhấn Sẹo không chịu nổi áp lực. Còn tôi chuồn gấp sang đây.

Khi chuyện trò, mới biết, hẳn tìm và nhờ tôi đưa ra Sở lao động xin tiền, xin nhà ở và ra Sở ngoại kiều trình báo. Bởi, hẳn không đủ tiếng Đức để giải thích, và khai báo, dù đã sống mấy chục năm ở Đức. Hơn nữa, hẳn vẫn mang quốc tịch Việt Nam, không được phép rời khỏi nước Đức quá 6 tháng, nên hơi bị run.

Làm xong giấy tờ, từ đây hẳn cũng ít đến chỗ tôi. Thịnh thoảng hẳn có điện thoại, được biết, hẳn đã xuống vùng cực Nam của nước Đức làm

Từ cái chết của 39 „thùng nhân“

*Việt Nam bắt đầu trả luật nhân quả từng ngày
Sự im lặng của bầy cừu bất hạnh
39 thùng nhân Hà Tĩnh, Nghệ An*

Chết trong xe container đông lạnh

Cô bé Trà My không thở được nữa rồi

*Không phải trại tập trung người Do Thái ở thế
chiến thứ 2 nhưng cái cách lừa đời*

*Đều cùng mẫu số chung trong phòng hơi ngạt
Cũng không phải bây giờ mới vàng tan ngọc
nát*

*Mà ngay biến cố 1975 người đã biến thành
cừu*

*Thủ Tướng Anh đau lòng trước 39 người xấu
số muốn nhập cư*

*Rằng «đây là thảm rạn không thể hình dung
khiến tim tôi tan nát!»*

*Vậy mà ngay trên chính quê hương các nạn
nhân, có kẻ cầm quyền gào lên như hát :*

*«Việt Nam là một quê hương đáng sống tuyệt
vời»*

*Đáng sống nên người miền Nam «oversea»
chết trên biển ngậm ngùi.*

*Hôm nay tiếp tục người miền Bắc không
ngừng vượt biên mất tích*

*Tội nghiệp 39 oan hồn chết lưu vong vì khai
man quốc tịch*

Quốc tịch China thay quốc tịch Tiên Rồng

*Vậy mà bọn tay sai bán nước nở gào lên «Việt
Nam đáng sống»*

Đáng sống cái gì khi bán rẻ đất cha ông!

● **Bùi Chí Vinh**
26.10.2019

thuê cho một nhà hàng, quán ăn gì đó... Và rồi, hẳn ra đi khi đang lái xe đưa đồ ăn cho khách hàng. Một cái chết không vợ con gia đình, không người thân bên cạnh. Âu cũng là một kiếp người, nhưng quả thật đáng buồn...

Leipzig 24.10.2019
Đỗ Trường

VÁC CÁI NGÀ VOI

• Trầm Cà Mau



Ông Huy đã tám mươi lăm tuổi, dáng dấp còn khỏe mạnh, lanh lẹ như thanh niên. Lưng thẳng, bụng chưa xệ, bắp thịt tay cứng, bước chân vững vàng, nụ cười toe toét luôn đơm trên môi. Chuyên nghiệp 'ăn cơm nhà vác ngà voi' cho thiên hạ. Bạn bè, bà con, ai có việc gì không tự làm được, hoặc làm biếng, ngại khó, hay tiếc tiền thuê thợ, cứ réo ông để nhờ vả. Cả chín mươi chín gia đình trong cái cư xá người già này, hầu như ai cũng biết ông, và đã nhờ, hoặc toan tính nhờ ông làm một việc gì đó.

Nhiều người bảo trời bắt ông, tháo vát, khỏe mạnh, giỏi, để cho thiên hạ cậy nhờ và sai khiến. Ông hớn hờ giúp đỡ mọi người, hăng hái còn hơn làm chuyện nhà, không màng được trả công. Nếu có ai đem quà cáp biểu xén để đền ơn sau khi được giúp đỡ, ông nhăn mặt bực mình, không nhận, và buồn trong lòng, vì nghĩ rằng họ xúc phạm đến cái lòng tốt của ông. Đâu phải ông giúp đỡ để làm ơn, hầu mong được đền đáp. Làm như thế, chẳng khác nào xem ông như một người thợ đi làm kiếm tiền, trả công sòng phẳng, phải tay, huề. Ông có mong chi thiên hạ mang ơn đâu, cứ làm được việc gì tốt cho ai, trong lòng ông vui sướng, hân hoan. Đó là phần thưởng tinh thần quý báu nhất nhận được, thế là đủ. Những người muốn đền bù công lao, phải chờ cho đến nhiều tháng sau, để chuyện nhờ vả cũ dường như đã quên, rồi tình cờ, đem món quà nhỏ tặng ông. Ông hớn hờ tiếp nhận, vì cứ nghĩ do lòng tốt, do tình thân, niềm thương mến đặc biệt họ dành cho ông. Ông sung sướng, vui vì đã được bà con bạn bè quý mến thương yêu.

Hàng tháng vợ chồng ông tổ chức sinh nhật chung cho những ông bà có ngày sinh trong

tháng đó. Ông Huy kêu điện thoại, gõ cửa mời, lập danh sách thực phẩm sẽ được bà con hứa đem đến, mua thiệp chúc mừng, đặt bánh sinh nhật. Cả hai vợ chồng đều lăng xăng. Tiền mua bánh, mua thiệp, mua đèn cầy, đã được bà con hứa hẹn đóng góp bồi hoàn. Nhưng rất nhiều khi họ bận rộn, quên luôn. Ông phải ghi vào danh sách, để kỳ sau truy thu một lần luôn. Thế nhưng vẫn có người kỳ kèo, nói họ nhớ đã đóng rồi, có lẽ họ nhớ đóng vào kỳ nào trước đó. Bà vợ ông tế nhị hơn, nhờ bà này nhắc bà kia, để họ khỏi quên. Tuy mỗi người chẳng bao nhiêu, nhưng không lẽ để ông bà phải chịu một mình. Nhiều khi, ông bà vui vẻ lờ việc thu tiền cho vài ba người. Không sao cả, để còn giữ được cái tình. Có người thấy ông bà Huy vất vả, bực mình gắt: "Sinh nhật của ai, hãy để cho họ lo lấy. Việc chi ông bà Huy phải tất bật lo lắng, có khi còn bị mắng cho. Đáng đời!". Ông Huy cười hiền: "Tổ chức vui chung, mua một chút hạnh phúc đơn sơ cho bà con trong tuổi già".

Chuyện đóng tiền đăng báo chia buồn, mua vòng hoa tang mà phúng điếu, cũng khó để thu lại tiền cho đầy đủ. Bà con lại còn trách móc này nọ, thiếu tên người này, người kia. Thiên hạ cứ đẩy việc cho ông Huy, xem như bổn phận, nhiệm vụ của ông. Có lần ông đi xa, không ai lo phúng điếu thăm viếng, khi trở về, tang chủ lại giận và trách ông vô tình, mà không trách ai khác.

Mỗi khi đi viếng tang, đưa người quá cố ra huyệt mộ, các bà trong cư xá đều đến níu áo ông Huy, đòi được ông cho đi cùng, xe ông chỉ chở thêm được ba người thôi. Ông phải kêu người này, gọi người kia, để gởi gắm các bà. Đáng ra họ phải tự làm lấy, nhưng vì ngại ngùng, nhờ ông Huy dàn xếp dễ hơn.

Tấm lòng tốt của ông đã được đền bù xứng đáng: bà vợ đã bỏ ông về ở với gia đình người con gái. Vợ ông đâu phải là một người đàn bà hẹp hòi xấu bụng. Nhưng bà không muốn ông chồng tất bật bôn ba lo việc 'trời ơi' cho thiên hạ, mất thì giờ, mất sức, hao tổn tiền bạc. Bà cho rằng, ông đã bị lợi dụng quá đáng. Khi giận, bà mĩa mai rằng tử vi của ông có cung 'nô bộc' nên ưa đi làm tô tở cho mọi người. Bà hỏi tại sao ông cứ hạ mình đi làm mọi không công cho người ta, lại còn có kẻ chê ngu. Bà không muốn có ông chồng ngu, nên xa nhau, bà bỏ đi, cho khỏi xấu mặt và bực mình.

Tuy ông bao đồng lo việc thiên hạ, nhưng chưa bao giờ thiếu bổn phận đối với gia đình. Bà vợ thường mắng, nếu không có việc chi làm để

tiêu phí thời gian, cứ nằm phè ra cho sướng cái thân già, tội chi nhọc nhằn, đổ mồ hôi lo toan, chạy ngược chạy xuôi!

Bà đã cảnh cáo ông nhiều lần trước khi dứt áo ra đi. Nhưng cứ chứng nào tật đó, ông hăm hở đi làm việc giúp người. Khi chẳng được công khai giúp thiên hạ vì bà vợ không vui, ông cứ bí mật lén lút làm. Mỗi khi thấy có ai thì thầm với ông, và mắt ông liếc xéo e dè nhìn quanh, bà vợ đoán chắc ông đang hứa hẹn giúp ai việc gì đó. Lần cuối cùng, ông đón giúp người hàng xóm từ phi trường về nhà, gặp thời tiết xấu, máy bay đến trễ, mưa như xối, đường kẹt xe, tai nạn dính chùm. Xe ông chỉ bị móp méo thôi, nhưng phải chờ cho biên bản tai nạn lập xong mới được đi, về đến nhà, đã hơn chín giờ đêm. Lúc ra đi, ông dự định về nhà trước giờ cơm chiều, và bà vợ sẽ không biết, không thắc mắc. Bà vợ chờ cơm, đói, nổi cơn tam bành, và chuyện nhỏ thành to.

Bà căn nhắc dẫn vật mãi, hỏi rằng tại sao người ta có tiền, không dùng xe công cộng, phải nhờ ông, đã mất công, mệt nhọc, tốn tiền xăng, hư xe, ai trả cho chi phí này? Ông biết lỗi, ban đầu im lặng, nhưng càng lúc bà càng nói nhiều lời sỗ sàng, thô lỗ, xúc phạm. Khi hết chịu đựng nổi, ông cũng gào lên như người điên. Sau một hồi lờ qua tiếng lại, không ai nghe ai, nói cho sướng miệng và tự nghe thôi. Bà vào phòng đóng sầm cửa và nói: "Tôi sẽ bỏ nhà đi, để cho ông mặc sức đem thân làm tôi mọi không công cho thiên hạ". Ông tưởng bà dọa lấy như nhiều lần trước, nhưng bà đi thật.

Sau khi vợ bỏ về ở với con gái, ông Huy tiếp tục ngày đêm, tự do lu bù gánh vác việc thiên hạ. Những ông bà quen biết có máy vi tính trục trặc, không mở máy được, hoặc chạy chậm, đến cầu cứu ông Huy. Ông đã cần mẫn kiên nhẫn, ngồi hàng ba bốn giờ liền, để tìm hiểu nguyên nhân, loại bỏ 'virus', cập nhật các chương trình cần thiết. Có khi ông say sưa ngồi tìm hiểu lý do, đọc hướng dẫn cách chữa bệnh, thử nghiệm cái máy vi tính cho đến hai ba giờ sáng. Khi đã vào giường, cái đầu cứ nóng bừng bừng, tiếp tục suy nghĩ mãi, làm sao cho máy vi tính hết bệnh. Chưa hết, có bà nhờ sửa, để máy vi tính lấy lại tốc độ cũ, vì máy đang chạy quá chậm. Khi tạm sửa xong, bà bắt đền, vì có những hồ sơ, bài viết bị biến mất, tìm không ra. Thế rồi ông Huy phải mất thì giờ lục lạo, kiếm tìm, điên đầu. Có khi tìm không được, bị mắng rằng: "Nếu không biết sửa, đừng có mó tay vào, bây giờ mất tài liệu, hình ảnh quý, biết tìm đâu ra?". Ông Huy tự bảo,

lần sau bà này đừng hòng được ông sửa giúp máy vi tính. Thế nhưng sau đó không lâu, bà này cầm cái máy vi tính rách tay đến nhờ sửa, ông Huy quên mất chuyện hôm trước, vội vã nhận lời. Khi bà nhắc ông đừng có làm mất hồ sơ của bà như lần trước nữa nhé. Ông giật mình, ngần ngại thoái thác rằng dạo này bận việc quá, vả lại không được khỏe, xin bà đem máy về, nhờ ai khác sửa giúp, hoặc để chừng vài tháng sau, khi có thì giờ, ông sẽ đến nhà sửa giúp. Bà giận ông, bảo 'nhờ một tí', cũng không giúp, và gán cho ông ích kỷ, thế mà lâu nay tưởng ông tử tế lắm. Lại có vài người khác, kêu réo trên điện thoại nói: "Bác làm sao mà hôm qua, tôi mở vi thư mãi không ra? Mấy hôm trước vẫn bình thường kia mà!". Rồi cũng có người đổ cho ông làm lây 'virus' qua máy họ, và bắt đền.

Ông Huy không buồn, bởi ông đã bị trách móc như thế nhiều lần rồi, vì người ta kém hiểu biết về cách sử dụng máy. Ông không cãi, không chống chế. Có giải thích họ cũng không chịu nghe đâu! Phải, lỗi tại ông, 'lỗi tại ông mọi đàng'. Những rắc rối nhỏ nhặt của máy tính bảng, hoặc của điện thoại thông minh, không ngày nào thiếu người đến ông nhờ điều chỉnh. Chỉ trong vài ba phút, ông giải quyết xong ngay vấn đề giúp họ. Người ta đồn thổi cái tài ba thông thái của ông, làm ông phát ngượng. Ông phải ghi danh học các lớp dạy về máy vi tính, mỗi tuần hai buổi chiều tối. Ông học chăm chỉ, về nhà ôn bài và thực tập ngay sau mỗi buổi học. Ông còn tự học thêm trên mạng Google, cách giải quyết các vấn đề phức tạp khác.

Ông Huy còn cái thú sửa những hình đã chụp, cho rõ ràng, đẹp hơn, cân đối và cắt ráp cảnh đẹp, đổi màu, ghép người. Công việc này làm ông tiêu phí mất nhiều thì giờ. Các bà nhờ ông sửa hình, như xóa các vết nhăn tuổi tác, mở banh con mắt cho lớn hơn, kéo cho mắt dài thêm một chút, tô lông mày cong và cao hơn, và xóa dấu chân chim ở đuôi mắt, thu thon lại cái mặt bạnh mõ, kéo cho dài thêm cái cằm lẹm, xóa cái bìu da cổ nhăn nheo. Những tấm hình ông sửa xong, làm các bà mê tơi, họ cứ tự ngẫm ngía mãi không chán mắt và cười sung sướng. Có bà ngạc nhiên, và tự khâm phục, không ngờ bà đẹp đến thế này. Thấy họ rạng rỡ mừng, ông cũng vui theo, vì đã đem lại nguồn vui, một chút hạnh phúc nho nhỏ cho bà con thiên hạ. Đêm nào ông cũng cặm cụi sửa hình trên máy vi tính, cứ nghĩ đến những nụ cười thỏa mãn sung sướng của các bà, ông quên cả mệt nhọc trong tuổi già. Bà

tay ông trẻ trung hóa các ông bà già, trẻ lại cả chục tuổi. Cũng có nhiều bà nghĩ quàng rằng, ông Huy có chút tình cảm bí mật riêng tư dành riêng cho bà. Vì ngay cả chồng bà cũng chưa để sai bảo và chịu khó mất thì giờ cho bà như ông này. Lâu lâu, ông Huy cũng bắt gặp những ánh mắt âu yếm, thiện cảm dành cho ông.

Rồi có bà Lam trong cư xá, đến năn nỉ, nhờ ông sửa cái vòi phòng tắm bị rỉ nước tong tong nghe nhức đầu suốt đêm không ngủ được. Ông mau mắn đến, vặn tới, vặn lui, lắc lắc cái ống, cái vòi rồi không hiệu quả. Ông bảo bà kêu thợ sửa tiện hơn, vì ông không rành nghề ống nước, vả lại, không có đồ nghề chuyên môn. Bà nhờ ông kêu thợ giúp. Thợ hẹn hai ngày sau sẽ đến, và đòi trả công sáu chục đô cho việc đến nhà, chưa kể tiền công sửa chữa tính theo giờ, và vật dụng cần thiết. Ông Huy tức mình, về nhà mở máy vi tính, xem cách trị cái bệnh vòi bị rỉ nước. Xem đi xem lại hai ba lần của từng trường hợp khác nhau, ông thấy quá dễ dàng, ai cũng có thể làm được. Ông mở cái nút vặn khóa nước, đem ra tiệm, mua cái vòng cao su mới, thay cho cái vòng cũ bị mục cứng, chỉ tốn vài đồng bạc. Xong ngay, và kêu ông thợ ống nước hủy bỏ buổi hẹn. Thế rồi ông Huy mang thêm cái khổ vào thân, vì bà Lam đi rêu rao cái tài trị vòi nước bị rò rỉ của ông. Từ đó, cả mấy chục căn nhà trong cư xá, ai có vòi nước bị nhỏ giọt, đều kêu réo nhờ ông giúp. Ông không từ chối được ai, nên càng bận rộn thêm, Ông chỉ dẫn cho các bạn già để họ tự sửa lấy, khỏi phải nhờ vả, nhưng các người này không chịu tự làm lấy. Những ông bạn này, vài người còn trẻ hơn ông Huy cả chục tuổi, có thể họ làm biếng, cũng có thể họ vụng về chẳng. Ông Huy thường nói rằng, tay tôi yếu hơn, mắt tôi mờ hơn mắt anh, cũng còn làm được, thì anh dư sức, làm một lần cho quen tay, sau khỏi nhờ vả ai. Nhưng họ cứ bảo, bác đã làm quen tay, làm giúp cho mau. Nghe thế, ông Huy hơi bất bình, nhưng rồi cũng không từ chối được. Lần khác, khách của nhà bên cạnh, vặn cái chốt khóa cửa bên trong phòng ngủ, rồi để lạc chìa đâu đó, không tìm ra, không vô lại phòng được. Đêm đã muộn, họ kêu thợ, ông thợ đến loay hoay mãi không xong, chịu thua, và trước khi ra về, còn xin phí tổn tiền xăng, vì nhà ở xa. Cả nhà xúm lại bàn cách mở cửa phòng, người đề nghị khoan và phá cái ống khóa, người đề nghị cửa một lỗ trên cửa để luồn tay vào vặn chốt mở khóa, người đề nghị tung mạnh cho cửa bể bung

ra. Có nhiều đề nghị, nhưng dụng cụ như cưa, và khoan không ai có. Bà chủ nhà chạy qua gõ cửa nhờ ông Huy. Sau khi nghe kể lể, ông Huy lắc đầu bảo, thợ khóa đã đầu hàng, ông làm sao giải quyết được. Chủ nhà cứ năn nỉ, nói bác cứ thử xem, xưa nay bác tài lắm mà, việc chi cũng hay, biết đâu bác còn giỏi hơn thợ. Ông Huy nghe mà phồng mũi, nói vài câu vớt vát cho đỡ ngượng rồi từ chối. Nhưng khi biết bà khách là vợ của một người bạn cũ, ông hăng hái mở máy vi tính lùng tìm cách giải quyết trong trường hợp này. Ông thấy có cách giải quyết khá giản dị: dùng một tấm thẻ tín dụng bằng nhựa, hơi nóng, uốn cong, len dần vào khe cửa, nơi có chốt khóa. Chỉ nháy mắt, ông mở được cửa như đã làm ảo thuật. Cả nhà reo vang, vỗ tay tấm tắc khen ngợi và khâm phục. Ông bảo, việc này ai cũng tự làm lấy được, nếu chịu khó tìm tòi một chút. Bà khách nói nếu không có bác giúp, thì tối nay không có áo quần ngủ, và phải nằm tạm ngoài phòng khách. Ông dặn chủ nhà đừng có rao báo với ai về việc mở khóa này, người ta tưởng ông có nghề, rồi nhờ vả. Không giúp, họ buồn, nếu giúp nhưng làm không được, họ trách không hết lòng, phần ông lại phí thì giờ vô ích. Nhưng sau đó, trong cư xá, trong bạn bè, có ai kẹt ống khóa, người ta mách nhau đến nhờ ông, không quên dặn dò nhau: "Đừng nói với ông Huy biết tôi xúi bà đến nhờ ông ấy nhé!". Có lẽ ông 'mát tay' nên đã mở khóa giúp cho rất nhiều ông bà già khi quên hoặc mất chìa. Ông học được ba mươi lăm cách mở khóa trên máy vi tính, và càng thực hành càng quen tay, ông Huy thành thạo như một thợ khóa chính cống. Có người dọa ông, cứ làm ơn mở cửa cho thiên hạ, đến khi họ mất đồ, họ có thể nghi ngờ oan cho ông.

Nhiều ông nhà văn, nhà thơ từ các tiểu bang xa về thành phố này để ra mắt hồi ký, tập truyện, tập thơ, họ lại níu kéo ông Huy. Nhờ ông liên lạc thuê mượn hội trường, nhờ đăng quảng cáo, thông báo, đưa tin cho các hội đoàn. Một nhất là việc gửi thư mời bạn bè, bà con, văn nghệ sĩ đến tham dự. Ông Huy phải năn nỉ những người quen biết, mỗi người lãnh cho ông chừng năm bảy thiệp mời, và chính ông, phải ghi địa chỉ bạn bè, dán tem và ra bưu điện gửi thư đi. Khi gần đến ngày hội, lại phải điện thoại, điện thư nhắc từng người, nếu không, họ cũng quên phút. Cũng chưa xong, ông phải chở nhiều thùng sách đến nơi hội họp, bày ra bàn, nhờ người ngồi bán ghi tên, thu tiền. Việc này đối với ông quá dễ dàng, vì có rất nhiều bà trong cư xá rảnh rỗi,

muốn ăn mặc đẹp, ra ngồi tiếp khách văn chương, giao tiếp với đám 'tao nhân mặc khách', chụp hình chung làm kỷ niệm có tham gia sinh hoạt văn chương nghệ thuật. Rồi ông phải chờ tác giả chạy lui chạy tới ngược xuôi trong thành phố để thăm ông này, bà kia. Chạy xe mịt mù trời đất, mà cái tuổi già nặng trên vai, đôi khi cũng làm ông mệt phờ muốn bỏ cuộc. Cả ngày bận rộn mệt nhọc, đêm về nằm lăn ra giường, ông thấy khoan khoái, hạnh phúc, nhàn nhã. Nhưng ông cảm thấy vui trong lòng, vì đã giúp đỡ cho bạn bè những việc họ cần làm cho xong.

Có khi về nhà chưa kịp thở, điện thoại lại reo, bà ở lầu trệt nhắc ông, ngày mai lúc chín giờ đưa bà đến sở xã hội như ông đã hứa. Ông cảm ơn bà đã nhắc, nếu không thì có lẽ cũng quên. Nhưng có lẽ ông sẽ không quên đâu, vì mỗi tối trước khi đi ngủ, ông xem lại tờ lịch ghi các công việc cần làm ngày hôm sau, để chuẩn bị. Đến sở xã hội, còn phải thông dịch, giải thích và bênh vực cho các bà mù mờ thủ tục.

Thấy ông hăng hái nồng nhiệt, làm nhiều bà nghi ông có tình cảm chi đặc biệt với riêng bà, nên ông ẻo, nhỏng nhẻo, và làm bộ tịch. Ông Huy cũng lờ mờ biết các bà hiểu lầm, nhưng không tỏ thái độ phản đối hay đồng tình, để cho các bà vui, ông không mất chi cả.

Mỗi tháng hai lần, ông Huy chở các ông bà tình nguyện vô những viện dưỡng lão thăm viếng người già mà thân nhân ít lui tới. Những ông bà già này cô đơn, cảm thấy bị gia đình bỏ rơi, tủi thân, và xuống tinh thần. Nhóm ông đem thức ăn đặc biệt của Việt Nam đến, dọn ra cùng ăn, chuyện trò, nghe họ kể chuyện cũ, an ủi, và hướng họ suy nghĩ tích cực. Cho họ biết rằng, họ cũng đang có phước hạnh và vô cùng sung sướng khi đem so với các cụ đồng cảnh ngộ đang ở tại Việt Nam, phải dầm mưa dãi nắng, đi bán vé số, ăn xin, không thuốc thang, không ai chăm sóc và đối thường trực. Làm chi được như các cụ ở đây, có giường êm, nệm ấm, có máy sưởi mùa đông, máy lạnh mùa hè, có cơm bưng nước rót ngày ba bữa, có bác sĩ, y tá chăm sóc đêm ngày. Thế thì nên đổi buồn tủi làm vui, hãy nhìn vào mặt tích cực phước hạnh, quên đi những chán nản tiêu cực. Thịnh thoàng, ông mời các ban nhạc tài tử đến ca hát giúp vui cho các cụ già cô đơn này.

Ông Huy cũng tham gia hoạt động trong nhóm tổ chức những bữa ăn tình thương cho các người lang thang không nhà. Các nhóm thiện nguyện chia nhau tổ chức. Nhóm ông trách

nhệm vài tháng một lần. Ông không kêu gọi bà con đóng góp tiền bạc, bởi những người quen ông ai cũng chỉ đủ ăn thôi. Ông yêu cầu họ góp công, cùng quẩn chả giò, chiên đùi gà, làm bánh, cơm chiên, xào rau đậu, trộn rau xà lách. Mỗi lần phục vụ cả vài trăm người. Xem như trả lại chút ân tình của đất nước này đã cứu mang cộng đồng tự nạn.

Cứ xả thân gánh vác việc cho bà con, riết rồi nhiều người xem ông Huy như kẻ có trách nhiệm và bốn phận phải giúp đỡ họ. Họ kêu réo ông như ra mệnh lệnh, như bắt đền, đòi hỏi, chứ không phải đang nhờ vả:

"Ông Huy, cái bồn rửa chén nhà tôi bị nghẹt nước, hôm nay ông đến thông nhé!"

"Ông Huy, chốc nữa tôi đem cái máy tính bảng qua, cái màn ảnh tự nhiên đông cứng, không mở được, ông sửa nhé!"

"Bác Huy, nhớ ngày mai mười giờ tôi có hẹn bác sĩ, bác đừng quên!"

"Bác Huy đã điền cái đơn của sở xã hội giúp tôi chưa?"

"Ông Huy, nhớ đưa tôi ra phi trường ngày thứ tư, đi trước bảy giờ sáng!"

Vân vân và vân vân. Ông Huy cười, không dám từ chối ai.

Năm sau, bà vợ ông Huy bị bệnh nặng, đau rổ không đủ sức chăm sóc mẹ già, ông bay qua Florida đẩy bà về trên xe lăn. Bây giờ ông dành toàn thời gian chăm sóc cơm nước, vệ sinh, tắm rửa cho bà. Ngày ngày ngồi bên bà, ông kể chuyện vui, ca hát, đánh đàn cho bà nghe, mở truyền hình, chiếu cho bà xem những phim ảnh mà bà ưa thích.

Hàng ngày bà con trong cư xá rần rần ghé thăm, an ủi, nói chuyện cho vợ chồng ông vui. Họ không tiếc thời gian ngồi bên bà hàng giờ thủ thỉ chuyện trò, phụ giúp đi chợ, mua các thứ cần thiết, đem tặng thức ăn, đồ dùng và phụ giúp ông nhiều chuyện khác. Ai cũng thân thiết, tận tình như anh chị em trong gia đình. Bà vợ ông cảm động và nhận ra cái thành quả việc vác ngà voi của chồng, tuy không mong đền đáp, mà được trả lại bội phần. Ông Huy cứ thản nhiên, tưởng như cái tử tế của bà con là điều đương nhiên mà mọi người phải cư xử với nhau, chứ không phải chỉ đặc biệt dành riêng cho ông bà./.

• **Tràm Cà Mau**
Tháng 7/2019

KHÔNG CẦN LỜI TỎ



• Trần Thị Hương Cau

Tôi ám ức với cái tên cứng cộm của mình để sợ: Ngô, Ái Ngô. Hồi còn học tiểu học tại Việt Nam, toàn bị bạn bè chọc ghẹo "Nị ái ngô, ngô ái nị" suốt cả ngày. Thế là cục tức dồn lên nghẹn họng, không biết trút vào đâu cho hết, tôi đứng đứng chạy về nhà, lồi người cha hiền lành nhỏ nhẹ, hoàn toàn phù hợp với chiều cao và sức nặng của ông là một mét sáu ba trên 45 kg ra chất vắn:

- Không biết mô, ba đặt tên con chi mờ kỳ cục. Mấy đứa trong lớp ngày mô cũng chọc con muốn độn thổ. Ba đem giấy khai sanh đi đổi tên khác cho con đi.

Bốn chị nhanh chân chào đời trước tôi đã xí phần bốn cái tên mỹ miều Công, Dung, Ngôn, Hạnh hoàn toàn thông cảm với con em út thiệt thòi, đều một lòng ủng hộ cho việc đổi tên. Chỉ có mẹ tôi, người cầm cân nảy mực trong nhà, người có quyền quyết định mọi việc lớn nhỏ, đã mắng té tát liền:

- Tổ cha con Ngô, nhỏ bằng hột mít mờ bày đặt chê bai cái tên đẹp đẽ, hết sức ý nghĩa cha mẹ đặt cho. Tau là tau cấm tiệt.

Chuyện đổi tên coi như xếp xó, cha còn lép vế hưởng hồ là hạng tếp riu như tôi. Tôi nhớ ngày xưa, mỗi lần kỳ giỗ trong nhà, mấy o mấy thím trong họ thường chụm đầu nhau thì thầm sau lưng mẹ tôi, đại khái như "Mạnh cái yếu đực" vì cái tướng phốp pháp của mẹ với đôi mắt xếch,

mũi hếch, miệng rộng đã đem lại nhiều thị phi cho bà.

Cũng may đến xứ người, gia đình tôi cư ngụ tại một thành phố nhỏ, ít người Việt nên đến trường không còn bị trêu chọc nữa. Đám bạn Đức trường trung học đều thích chơi với tôi vì tôi học giỏi, cởi mở, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ bạn bè.

Rồi tôi bước vào tuổi 18. Như có một bà tiên nhân từ nào rải bụi vàng lên người tôi để một sáng mai thức dậy, các chị của tôi phải ngỡ ngàng trước sự thay da đổi thịt của con Ngô đẹt ngày nào. Tôi nhỏ giò cao hơn hẳn các chị, da căng bóng mịn màng. Tôi thừa hưởng tất cả ngoại hình của mẹ, nghĩa là mắt xếch nhưng to tròn hạnh nhân, mũi hếch nhưng nhỏ nhắn và miệng rộng nhưng đỏ hơn bất cứ loại son môi đắt tiền nào của các chị.

Năm sau tôi ra Tú Tài hạng á khoa của toàn trường và được giấy cho học của cả ba trường Nha, Y, Dược. Gia đình lại họp bàn tưới hột sen rộn rịp. Các chị cũng là phận gái nên liên hệ ngay tới đời huê của con em út:

- Con Ngô học Dược đi, mất có 5 năm mà rành thuốc không thua chi bác sĩ. Học Y hết 7 năm với 5 năm chuyên khoa thì học xong có nước mà ế chồng gọn.

Cha tôi liên hệ tới bộ răng thường hay đau rúng của ông:

- Để em nó học Nha. Ba mẹ già rồi, răng cỏ hư hết.

Mẹ tôi đưa ý kiến sau cùng nhưng gần như là mệnh lệnh:

- Con Ngô phải học Y để chăm sóc sức khỏe cho cả nhà. Có hai thằng con trai đều học kỹ sư không nhờ được chi hết. Không bàn lui nữa.

Mẹ tôi chưa tính sai một việc trọng đại nào nên cứ theo lời bà là bảo đảm hơn cả. Thành phố tôi ở nhỏ như cái mũi, nên ngày ngày tôi phải đi về hơn 3 tiếng đồng hồ bằng xe lửa sang thành phố đại học bên cạnh.

Sang năm thứ 2, lần đầu tiên thực hành trong giờ Sinh Hóa, lúc chia nhóm, con Lena ngồi bên cạnh khều tôi:

- Ê Ngô, có đồng hương của mi kia.

Tôi quay lại và thấy một lão Á Châu trạc tứ tuần, ăn vận xềnh xoàng với chiếc quần jean bạc phếch và chiếc áo len xám cài nút trước ngực như áo đàn bà. Tôi phì cười:

- Chắc ông ta đi lộn phòng, ổng mà là sinh viên thì bảo đảm phải học 30 học kỳ rồi, vì ổng già khú đế.

Lena cười hồn nhiên:

-Ai mà biết, dân Á Châu bọn mi ai cũng trẻ quá.

Tôi đoán sai. Lão Á Châu không đi lộn phòng, lão chờ sinh viên vào hết rồi đóng cửa phòng và bước lên bục giảng viết mấy chữ "Protein" to tướng. Thì ra lão là giáo sư, lão nói tiếng Đức rất chuẩn. Bài giảng ngắn gọn, rõ ràng, rồi kêu chúng tôi bắt tay vào làm.

Chúng tôi cặm cụi phân tích các thành phần Protein từ các mẫu máu như bài tập yêu cầu. Cuối giờ, tôi hồi hộp đem bài lên nộp, lão thầy đổi sang tiếng Việt ngọt xót:

- Chào cô Ngô. Tôi cũng là người Việt như cô, tôi tên là Cường. Cô có cái tên rất lạ nhưng lại dễ thương.

Tôi cho là lão đang ngạo tôi nên tôi đứng yên chim bìm. Lão chẳng thèm xem kết quả trong bài mà cứ hỏi loanh quanh cô qua Đức năm nào, qua cùng với ai và hiện nay ở đâu. Tôi vừa trả lời giật cục vừa nhủ thầm trong bụng "*Hỏi chi nhiều rứa cha nội, rặng không hỏi mỗi ngày ăn mấy chén cơm luôn đi ?*"

Tuần sau tôi lại có giờ của Cường. Kỳ này bài thực tập khó và dài lê thê nên nộp bài xong là tôi phải chạy ra nhà ga cho kịp chuyển xe lửa 6 giờ chiều. Đang đứng bồn chồn đợi xe bus trước trường, chợt tôi nghe có người gọi tên mình. Chính là Cường, lão nói không úp mở:

- Tôi có việc đi về phía nhà Ngô, lên xe tôi chở cho nhanh.

Đi xe hơi thì vừa nhanh vừa khỏe, có điều cũng cần nắn gân lão này một tí:

- Em nghe nói người phương Tây lịch sự lắm cơ, đối với phụ nữ lúc nào họ cũng mở đầu "*Cho phép tôi đưa cô về nhà*" mà.

Cười cười hóm hình:

- Không sợ rớt thực tập hả bé con?

Chúng tôi cùng cười hồn nhiên. Lên xe, lần này chính tôi lại phỏng vấn Cường và biết Cường ra bác sĩ hơn 10 năm rồi, hơn tôi gần 20 tuổi, hiện anh đang nghiên cứu ung thư tại Trung tâm Hạt nhân của thành phố. Anh đến đại học giảng dạy để lấy học vị giáo sư. Cường đã ly dị một người vợ Đức tên Rita và đứa con trai chung 9 tuổi đang ở với mẹ.

Đến nhà tôi, tự dưng Cường lại đòi vào thăm gia đình làm quen. Tôi không nỡ nhắc đến "*công việc đi về phía nhà Ngô*" mà còn rộng lượng cho phép anh khiêng cái cặp táp khổng lồ của tôi vào nhà. Cường đã ở lại dùng cơm và hòa đồng thân mật với cả nhà. Cha vẫn thiết tha kể hàng lô hàng lốc các bệnh của cha, các chị thì khúc khích nheo mắt chọc ghẹo tôi, chỉ có mẹ là kín đáo quan sát Cường với đôi mắt sắc như dao cau của bà.

Lúc Cường ra về, các chị giễu dờ:

- Con Ngô coi Mai Lệ Huyền ca "*Năm anh 20, em mới sinh ra đời*" nhiều quá riết bị nhập tâm.

Cha thì cười hiền lành còn mẹ chỉ phán "Đế coi" chứ không thấy cấm cản gì cả.

Vài tuần sau, Cường mời tôi đi nghe hòa nhạc cổ điển. Chao ơi, lão này đúng hiệu là đồ cổ, đồ đá, đồ đồng chi đây chớ con gái người ta đang xuân phơi phới, ai mà đi nghe ba cái nhạc cổ điển đó. Các bà chị tôi lại nghĩ khác, ra sức đốc thúc tôi:

- Con Ngô phải đi mới được, phải tới những nơi sang trọng đó mà học hỏi với người ta.

Tôi được vắn tới bàn phần, bà thì bới tóc kiểu trái chuối, bà thì trang điểm cho ra người quý phái, bà thì lựa áo, lựa giày bắt rộ rành như họp chợ. Trước khi Cường đến, mấy bà không quên dặn dò 5 lần 7 lượt:

- Tính mi lanh chanh như hành không muối, phải đợi người ta vỗ tay trước rồi mình mới làm theo. Chớ bài chưa hết mà mi bộp chộp vỗ tay là lời cái què mùa ra liền. Nhớ chưa ?

Tối hôm đó, mang tiếng là đi học hỏi với người ta mà tôi có học được khi khô gì. Schubert, Tchaikovsky khi thì êm ái lúc thì réo rắt cứ vào tai này ra tai kia vì tôi chỉ mãi mê nhìn hai ông hát giọng Tenor tung hứng điêu luyện và một bà giọng Soprano cao vút. Bà này có bộ ngực "đạn bắn không thủng" khiến tôi cứ ngẫm nghĩ, có phải nhờ vậy mà bà ém được làn hơi sung mãn để có thể đẩy giọng hát cao vút lên hay không? Vốn liếng cổ điển của tôi chỉ vòn vẹn tên tuổi Schubert luôn gắn liền với kiệt tác Sérénade, và nhắc tới Tchaikovsky thì nhớ ngay tới bản Hồ Thiên Nga bất diệt.

Lúc ra về, Cường hỏi tôi có thích không, tôi cười điệu:

- Hay tuyệt. Đúng là liều thuốc an thần vô cùng công dụng, giải tỏa hết mọi căng thẳng.

Cường bật cười ha hả, rồi gật gù công nhận:

- Ngộ nói chơi mà đúng đó, anh tối nào cũng nghe nhạc cổ điển trước khi đi ngủ. Hồi anh mười hai mười ba gì đó, bố anh bắt anh ôm vĩ cầm đến nhà dòng học dù anh chỉ thích đánh trống. Anh gắng gượng đến khi thi Tú Tài 1, viện cố bài nhiều, ông cụ mới cho nghỉ học đàn. Thế mà bây giờ già rồi, anh lại ghiền nghe mấy thứ cổ điển này. Bữa nào anh đưa cho em cái đĩa của Vivaldi có tổ khúc Bốn mùa về nghe thử, du dương lắm.

Cường ơi, anh có biết nhà tôi thì cha mẹ ghiền Duy Khánh Thanh Thúy, các chị lại mê mẩn Ngọc Lan Thùy Dương, riêng tôi không biết tại sao chỉ đắm đuối Ngọc Cẩm Nguyễn Hữu Thiết với những tình khúc chân chất quê mùa dân dã, còn tai nào để nghe nhạc cổ điển của anh đây trời.

Cuộc tình giữa hai chúng tôi cứ đong đưa êm ả, cho đến một hôm Cường phôn báo tin mừng anh đã bảo vệ thành công học vị giáo sư của mình, nên mời tôi đi ăn mừng với anh. Ở nhà hàng sang trọng ra, Cường rủ tôi đi dạo bến tàu cho... đã rượu. Nhìn tôi co ro trong cái áo đầm mỏng, Cường cởi áo vest khoác cho tôi rồi thản nhiên quàng vai ôm tôi vào lòng đầy thương yêu che chở. Tôi thì bồi hồi cảm động, không biết nói gì hơn là dụi đầu vào lòng anh e ấp.

Sau lần tỏ tình không cần lời đó, Cường rủ tôi về sống chung với anh cho tiện việc đi học. Tôi thấy vô cùng hợp lý vì mỗi ngày đi xe lửa đến trường quá cực nhưng vẫn nơm nớp cha mẹ không bằng lòng. Trái với lo sợ của tôi, mẹ tôi đã đồng ý cái rụp. Bà nói rạch ròi:

- Tau thà cho phép mi còn hơn để mi phải thăm lén. Biểu thẳng nó tới đây cho tau căn dặn vài việc.

"Vài việc" dặn dò của bà mà hết gần cả nửa buổi chiều. Sau đó Cường được phép khiêng 2 va ly áo quần, 2 thùng sách và bể nuôi cá vàng của tôi ra xe. Thấy tôi cứ bịn rịn, mấy mục chị ra sức chọc cười:

- Con Ngộ ròm nhà mình tưởng không ai dám rở vậy mà nay đã dám vượt đèo đò cả 4 bà chị sắc nước hương trời của hấn rồi nè.

Cường tha tôi về cái chuồng chim sát mái của anh. Các bức tường bị sách che kín tận trần nhà. Giữa căn phòng rộng thênh thang chỉ duy nhất cái xô pha có thể kéo ra làm giường ngủ. Cái phòng bên cạnh trước đây anh dùng để làm việc thì nay được đổi thành phòng treo áo quần giày

dép cho tôi tha hồ bày biện. Tủ lạnh toàn đồ nguội để ăn bánh mì khiến tôi yên tâm phần nào vì tôi là đứa nấu nướng vụng về nhất trong các chị em.

Cuộc sống tay đôi của chúng tôi diễn ra thật bình an hạnh phúc. Tôi vươn vai, duỗi chân thụ hưởng mọi săn sóc nhượng bộ của anh. Đêm ngủ tôi đá văng tê cả mền gối thì đã có Cường thức dậy kéo mền đắp lại cho tôi. Buổi sáng Cường dậy sớm, sợ làm tôi mất ngủ, anh thường mang tài liệu vào bếp làm việc. Phần tôi cứ ngủ nướng cho đến khi anh mang bánh mì và trà vào tận giường. Rồi trước khi chở tôi đến trường, anh thường xem xét xem tôi mặc áo đã đủ ấm chưa, bỏ tiền vào ví cho tôi ăn trưa. Nếu cuối tuần hai đứa không có chương trình gì riêng tư thì Cường lại chở tôi về nhà cha mẹ quây quần ấm cúng.

Cho tới một ngày cuối tuần đi học về sớm, tôi ghé siêu thị mua mực ống về nhồi thịt để đổi món thì Cường gọi phôn bảo đừng chờ cơm anh, anh phải ghé qua nhà Rita vợ cũ vì con trai anh sốt li bì. Tháng trước đi tàu quanh cảng chơi, chúng tôi tình cờ gặp Rita nhưng chỉ có Cường đến hỏi thăm, còn tôi lại tránh đi cho họ được tự nhiên. Theo Cường kể, lúc gần ra trường tự đứng Cường ho ra máu, phải vào viện nằm điều trị bệnh lao cả năm trời. Chỉ một tay Rita lo lắng săn sóc cho anh vì lúc đó đã mất nước nên đầu chuyển ngân qua được. Hết bệnh, họ tổ chức đám cưới. Nhưng khi sống chung, xung đột cứ tiếp diễn xảy ra vì bản tính Rita rất cứng cỏi quyết đoán còn hơn cả một người đàn ông thực thụ. Đợi cho đứa con chung vào trường là họ chia tay. Nghe nói mấy năm nay, Rita đã lên chức Hiệu trưởng một trường trung học khá lớn nhưng vẫn sống đơn lẻ lạnh lùng.

Tôi đợi tới hơn 9 giờ Cường mới về, anh ngồi phịch xuống mệt mỏi:

- Không nặng lắm, thẳng bé bị lên rạ. Anh ở chơi, đọc sách với nó và ghi toa thuốc uống cho bớt ngứa nên nó cũng ngủ yên rồi.

Khi anh đứng lên cởi áo khoác thì tôi thấy màu son nâu tím trên cổ trên ngực áo sơ mi của anh. Tim tôi như đập hụt một nhịp vì lần trước gặp Rita ngoài cảng, chị ấy cũng dùng đúng cái màu nâu tím đặc biệt ấy. Tôi lắp bắp:

- Những vết son này ở đâu ra, có phải hai người vừa... ngủ với nhau ?

Anh lại ngồi phịch xuống bối rối. Im lặng chính là công nhận. Tôi giận đến run cả người. Không sao chịu nổi, tôi phải đi, xỏ chân vào

quần- đội đầu vào áo mà đi càng sớm càng tốt. Cường chặn ở cửa năn nỉ:

-Anh không yêu gì cô ấy nhưng cô ấy van vi dưới chân mình khiến anh thấy bất nhẫn. Từ khi quen em đến giờ, lần này là lần đầu và cũng là lần cuối. Anh xin thề với em như vậy.

Tôi nói văng cả nước miếng vào mặt anh một câu nói thâm thúy được truyền từ đời mẹ đến đời con trong nhà:

- Anh buông tui ra, tôi ốm anh quá, anh chỉ là đồ heo nọc không hơn không kém.

Rồi tôi cũng về được nhà. Hằng ngày đi học đến tận tối mịt mới về, ai hỏi gì cũng ừ hử lấy lệ. Cường có gọi đến tôi cũng không chịu nghe máy. Cả nhà đoán già đoán non chắc hai đứa "hờn anh giận em" chi đây vì con Ngô nhà mình là thứ đại đầu bò đầu bấu. Tôi cũng không thèm thanh minh, kể ra mấy chị bàn hươu tán vượn nghe còn tâm trạng hơn.

Mẹ tôi lo lắng hỏi nhỏ mấy chị, *tụi bây hỏi em đau sao mà mặt mày vêu vao để sợ quá*. Mấy mẹ chị độc miệng dí liền cho bà một cú sốc điện, y như trong nhà thương vẫn thường làm khi bệnh nhân bị bất tỉnh tim ngừng đập:

- Trưa ni con Ngô bỏ cơm, chỉ ăn nửa trái thơm chua lôm, nhai nhóp nhép ngon lành. Coi chừng...

Tôi nằm trong chăn nguyên rủa mấy mẹ chị vô hậu. Tôi vẫn còn con gái nguyên xi vì ba tháng sống chung vừa qua Cường đã không "xơi tái" tôi như mấy chị tiên đoán. Cường hay nói, *"Chỉ đụng tới cái bụng là em đã gồng cứng như lực sĩ cử tạ làm anh tội quá. Biết em sợ nên anh ráng chờ"*. Anh nâng niu, giữ gìn cho tôi từng tí, thế sao lúc bên người vợ cũ, anh lại buông tuồng như vậy, hả anh?

Cứ năm gặm nhấm mãi nỗi buồn lâm ly của mình thì lại càng buồn thêm, tôi vùng dậy thay áo quần tới chơi nhà chị Kim theo lời mời. Chị Kim vốn là công nhân lao động hợp tác bên Đông Đức, hôm Tết vừa rồi chị có dạy cho bọn con gái chúng tôi múa nón bài thơ cho hội Xuân. Đến nơi, ngoài tôi ra chị Kim còn mời thêm hai cô gái làm trong tiệm Nails với chị và hai chàng trai mà tôi đều quen biết vì sinh viên người Việt ở đây đâu có bao nhiêu người. Hai cô gái chỉ lo khoe áo quần bó sát hông xịn của họ và hai chàng trai đều nhắm nháy tôi. Cả hai chàng đều học điện toán, một chàng mặt hơi tồ, thân hình dềnh dảnh như khung xe đạp tên là Cự, chàng

còn lại điều đóm, ăn diện chải chuốt tên là Mai. Bún thang chị Kim nấu có chả lụa, trứng thái chỉ, gà xé và đủ loại rau thơm ngon ác liệt. Tôi xin thêm tô thứ hai bỏ thật nhiều ớt. Hai chàng trai có vẻ sững sốt vì thấy tôi ăn uống thật tình quá. Thấy kệ, tôi đang buồn nên tôi phải ăn uống giải khuây, ai muốn đánh giá đánh xeng gì tùy ý.

Sau đó chị Kim dọn bàn ghế để lấy chỗ nhảy đầm. Trong nhà mấy chị em tôi hứng bất tử cũng lôi nhau ra nhảy nhưng hôm nay chán đời, tôi chẳng chịu hưởng ứng. Chuông gõ 10 giờ tôi đứng dậy xin rút. Mắt Cự buồn tiếc nuối, còn Mai lại tìm cơ hội ghi bàn:

- Mai có xe để Mai đưa Ngô về rồi quay lại nhảy cũng được.

Lên xe, Mai ân cần săn sóc, chải chuốt từng câu nói, nhưng hồn vía tôi còn đang bay nhảy theo một người vừa già vừa bài xài, thậm chí một lời tỏ tình cũng không tìm thấy ở miệng lão bao giờ. Đến nhà, dù Mai có môi miếng, tôi vẫn lạnh lùng đòi xuống đầu đường, không cần sự tháp tùng đến tận cửa như Mai mong mỏi.

Xe Mai vừa quành đi, tôi lột phẳng đôi giày cao gót đã cắm vào chân nãy giờ đau điếng, đi chân đất thông dong về nhà. Có bóng ai quen quen đứng dựa bên cột đèn đường. Vẫn cái quần jean bạc phếch và cái áo len xám của Rita bỏ lại. Tôi đi ngang anh vài bước và không hiểu tại sao lại dừng lại. Chỉ có một tuần giận nhau mà cả hai đều xơ xác héo hon. Cường đến bên tôi không nói, chỉ ngược nhìn tôi bằng ánh mắt van xin của người trọng tội khiến tôi mềm lòng chao đảo. Trong tích tắc đó tôi biết rõ như biết mặt trời mọc ở hướng Đông và lặn ở hướng Tây là tôi yêu anh và mãi mãi yêu anh.

Rồi một lần nữa, không cần lời tỏ, Cường lại ôm tôi vào lòng tha thiết. Hạnh phúc dâng trào, tôi đã tha thứ cho anh nhưng vẫn còn rấm rứt:

- Thế nào rồi em cũng đan cho anh một cái áo len mới.

Phụ lục

Vậy mà 25 năm đã trôi qua, chúng tôi đã lấy nhau hạnh phúc và có hai đứa con ngoan ngoãn giỏi giang. Các con tôi luôn xem con trai riêng của Cường như người anh lớn và ba đứa hay rủ nhau cùng đi leo núi, đi nghỉ hè. Sau khi con trai vào đại học thì Rita dọn về sống chung với một ông luật sư, nghe đâu hai người từng là bồ bịch thời sinh viên...

• **Trần Thị Hương Cau**

TỖ BÀ HÀNH BẠCH CƯ DỊ



Bạch Cư Dị 白居易 (772-846) tự Lạc Thiên 樂天, hiệu Hương Sơn cư sĩ 香山居士 và Túy ngâm tiên sinh 醉吟先生, người Hạ Khê (nay thuộc Thiểm Tây). Ông là thi nhân tiêu biểu nhất giai đoạn cuối đời Đường, là một trong những nhà thơ hàng đầu của lịch sử thi ca Trung Quốc. Người ta chỉ xếp ông sau Lý Bạch và Đỗ Phủ. Ông xuất thân trong một gia đình quan lại nhỏ, nhà nghèo nhưng rất thông minh, 9 tuổi đã hiểu âm vận, 15 tuổi ông đã bắt đầu làm thơ, thưở nhỏ nhà nghèo, ở thôn quê, đã am tường nỗi vất vả của người lao động.

Năm Trinh Nguyên ông thi đậu tiến sĩ được bổ làm quan trong triều, giữ chức Tả thập di. Bởi mâu thuẫn với Tể Tướng Lý Lâm Phủ, ông chuyển sang làm Hộ tào tham quân ở Kinh Triệu rồi lại được triệu về kinh lo răn dạy Thái Tử. Năm Nguyên Hòa thứ 10 (Đường Hiến Tông), do hạch tội việc Tể Tướng Vũ Nguyên Hành bị hành thích và ngục sử Bùi Độ bị hành hung, dám quyền thần cho là ông vượt qua quyền hạn, đày làm Tư Mã Giang Châu. Ông chủ trương đổi mới thơ ca. Cùng với Nguyên Chấn, Trương Tịch, Vương Kiến, ông chủ trương thơ phải gắn bó với đời sống,

phản ánh được hiện thực xã hội, chống lại thứ văn chương hình thức.

Ông nói: "Làm văn phải vì thời thế mà làm... Làm thơ phải vì thực tại mà viết", mục đích của văn chương là phải xem xét chính trị mà bổ khuyết, diễn đạt cho được tình cảm của nhân dân. Thơ ông mang đậm tính hiện thực, lại hàm ý châm biếm nhẹ nhàng kín đáo. Trường hận ca để nói mỗi tình đẹp của Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi, nhưng đọc kỹ thì những ý châm biếm, mỉa mai kín đáo đều có. Ông cùng Nguyên Chấn để xứng phong trào Tân Nhạc Phủ, nên trong thơ, ông luôn công kích đời sống xa hoa dâm dật của bọn quý tộc, bóc trần sự bóc lột của bọn quan lại, thông cảm với nỗi thống khổ của dân chúng (Tân trung ngâm, Tân nhạc phủ). Thơ ông thấm nhuần tư tưởng nhân đạo, nhân văn. Ông hòa đồng cùng dân chúng, không coi việc làm quan của mình là gì, mà thấy mình cũng bị cuộc đời làm cho bầy nổi ba chìm chẳng khác gì người đời (Tỳ bà hành). Ông thông cảm với những thân gái chịu bao tập tục hủ bại và cảnh nghèo túng mặc dù sắc đẹp thì chẳng thua ai (Nghị hôn).

Bạch Lạc Thiên chủ trương thơ ca phải giản dị để dân chúng đều hiểu được. Không những thế, tình cảm, tư tưởng phải giàu tính nhân dân, nói được nỗi lòng của mọi người trước thế sự. Thơ ông giàu tính trữ tình. Khi ông bị đày từ Tràng An đến Tây Giang, ba bốn ngàn dặm, dọc đường thấy trường học, chùa chiền, quán trọ... đều có đề thơ của mình, nên càng tự tin ở chủ trương của mình hơn. Riêng hai bài Tỳ bà hành và Trường hận ca đã đủ tỏ tài thơ của Bạch Cư Dị. Bằng lối kể chuyện miêu tả, với chủ đề khác nhau, hai bài thơ dài của ông, bài thì bay bướm, hình ảnh đẹp, lời bình trầm lắng, ý ngoài lời, ca tụng, mỉa mai đều kín đáo, bài thì hòa đồng vào cảnh ngộ cùng nhân vật, viết lên những tâm trạng gửi gắm của cả hai, người gảy - người nghe, vào tiếng đàn trên bến Tâm Dương, bài thơ da diết, buồn thấm thía mà nỗi đời thì vời vợi mênh mang.

Ngoài ra ông còn làm một số bài thơ về thiên nhiên, nhân bản. Lối nói u hoài, vương một nỗi buồn riêng kín đáo. Ông thích đàm đạo về thiên, về Lão Trang, cũng như là biểu hiện trốn đời, sau khi đã quá ngán về nhân tình thế thái. Ông để lại hàng ngàn bài thơ. Thơ ông lời lẽ rất bình dị, tác phẩm của ông đầy đủ nhất là tập Bạch thị trường khánh, gồm 71 quyển, trong đó có hơn 40 quyển là thơ.

琵琶行 - 白居易
Tỳ Bà Hành - Bạch Cư Dị

潯陽江頭夜送客
Sông Tâm Dương đầu hôm tiễn khách
楓葉荻花秋瑟瑟。
Lá Phong rơi hoa cỏ mùa Thu
主人下馬客在船，
Chủ nhơn xuống ngựa, khách ở thuyền
舉酒欲飲無管弦。
Nâng chén rượu muốn uống nhưng không đàn
sáo
醉不成歡慘將別，
Say chẳng thành vui, sầu ly biệt
別時茫茫江浸月。
Xa rồi mang mang, trăng lẳng xuống sông
忽聞水上琵琶聲，
Bỗng nghe tiếng Tỳ Bà trên mặt nước
主人忘歸客不發。
Chủ nhơn quên về, khách chẳng đi
尋聲暗問彈者誰，
Tìm cho ra chủ tiếng đàn kia
琵琶聲停欲語遲。
Tiếng Tỳ Bà im bật, muốn nói chuyện mà chần
chừ
移船相近邀相見，
Dời thuyền đến gần, để muốn gặp
添酒回燈重開宴。
Rót thêm rượu, lại khêu đèn, lại yển tiệc
千呼萬喚始出來，
Gọi ngàn lời, vạn tiếng bắt đầu hiện
猶抱琵琶半遮面。
Do ôm Tỳ Bà che nửa mặt kia
轉軸撥弦三兩聲，
Vặn trục gảy dây hai ba lần
未成曲調先有情。
Chưa thành khúc nhạc, lại có tình
弦弦掩抑聲聲思，
Dây nào cũng nghẹn ngào, tiếng nào chẳng có ý
似訴生平不得志。
Giống như cuộc sống, chẳng toại nguyện
低眉信手續續彈，
Hạ thấp lông mi, tay tiếp tục đàn
說盡心中無限事。
Nói hết tâm can, chẳng ngại ngừng
輕攏慢撚抹復挑，
Nhẹ nắn, chậm vuốt, rồi gảy tiếp
初爲霓裳後六么。
Đầu là khúc Nghê Thường, sau là khúc Lục Yêu
大弦嘈嘈如急雨，

Dây lớn réo rắt như mưa to
小弦切切如私語。
Dây nhỏ sàu sàu như chuyện riêng
嘈嘈切切錯雜彈，
Réo rắt dần cao, áp cung đàn
大珠小珠落玉盤。
Châu lớn, châu nhỏ rơi vào trong mâm ngọc
閒關鶯語花底滑，
Tiếng chim oanh, qua lại trong hoa
幽咽流景水下灘。
Suối chảy ngập ngừng, nước chảy xuống bãi
水泉冷澀弦凝絕，
Nước suối lạnh hơn, đàn ngưng tiếng
凝絕不通聲漸歇。
Tiếng đàn ngưng lại, không thông, nghe ngưng bật
別有幽愁暗恨生，
Có biệt ly, sầu dâm, hận cuộc sống
此時無聲勝有聲。
Lúc ấy vô thanh thắng hữu thanh
銀瓶乍破水漿迸，
Bình vàng đổ vỡ, nước trào tuôn
鐵騎突出刀鎗鳴。
Ngựa xe xuất hiện, gươm giáo sáng ngời
曲終收撥當心畫，
Khúc hát im lìm tâm rỗng không
四弦一聲如裂帛。
Bốn dây vang lên như xé lụa
東船西舫悄無言，
Thuyền Đông thuyền Tây đã hết lời
惟見江心秋月白。
Chỉ thấy trăng thu rọi sáng giữa sông
沈吟放撥插弦中，
Nàng trầm ngâm gỡ phím, cài vào các cung đàn
整頓衣裳起斂容。
Chỉnh đốn y trang cả sắc diện
自言本是京城女，
Tự bảo mình: ta đây nữ kinh thành
家在蝦蟆陵下住。
Nhà ở Lăng Hà Mô
十三學得琵琶成，
Mười ba tuổi ấy học Tỳ Bà
名屬教坊第一部。
Tên thuộc bộ thứ nhất của giáo phường
曲罷曾教善才服，
Có khúc chưa dạy hết, lại khá rành
妝成每被秋娘妒。
Khi trang điểm xong, Thu Nương cũng ganh ghét
五陵年少爭纏頭，
Ngũ Lăng lúc nhỏ tranh tặng biếu
一曲紅綃不知數。

Một bản Hồng Tiêu chẳng biết bao tấm lụa đào
 鈿頭銀篦擊節碎，
 Vành lược bạc, trâm vàng, gõ nhịp tan
 血色羅裙翻酒污。
 Quần lụa màu huyết dụ, rượu đổ ra hoen ố
 今年歡笑復明年，
 Năm nay tươi cười, năm khác cũng vậy
 秋月春風等閒度。
 Trăng Thu gió Xuân mấy độ nhàn
 弟走從軍阿嬈死，
 Em trai đi lính, rồi di chết
 暮去朝來顏色故。
 Chiều qua, sáng đến nhan sắc tàn
 門前冷落車馬稀，
 Trước cửa lạnh lùng xe ngựa bớt đậu lại
 老大嫁作商人婦。
 Khi có tuổi trở thành vợ người buôn bán
 商人重利輕別離，
 Người lái buôn chỉ xem lợi, xem thường nỗi biệt ly
 前月浮梁買茶去。
 Tháng trước đi Phù Lương mua trà
 去來江口守空船，
 Xưa nay ở đầu sông một mình, với thuyền trống
 繞船明月江水寒。
 Bên thuyền trăng sáng, nước sông lạnh
 夜深忽夢少年事，
 Đêm khuya bỗng nằm mộng chuyện ngày xưa
 夢啼妝淚紅闌干
 Trong mộng thấy khóc nhòe, má hồng phấn son
 我聞琵琶已歎息，
 Ta nghe tiếng Tỳ Bà, rồi thảng thốt
 又聞此語重唧唧。
 Lại nghe lời này càng bùi ngùi
 同是天涯淪落人，
 Cùng là kẻ luân lạc khắp chân trời
 相逢何必曾相識。
 Gặp nhau đây, hà tất từng rõ biết
 我從去年辭帝京，
 Ta từ năm trước bỏ Kinh Thành
 謫居臥病潯陽城。
 Bị cho đến Tầm Dương, liền ngọa bệnh
 潯陽地僻無音樂，
 Tầm Dương chốn ấy chẳng có âm nhạc
 終歲不聞絲竹聲。
 Cả năm chẳng nghe tiếng đàn sáo
 往近湓城地底濕，
 Ta ở gần sông Bồn, nơi thấp và ẩm ướt
 黃蘆苦竹繞宅生。
 Lau vàng, trúc vỏ mọc quanh nhà
 其間旦暮聞何物，

Nơi này sáng chiều chưa từng nghe điều gì
 杜鵑啼血猿哀鳴。
 Đỗ Quyên than khóc ra máu cùng vượn kêu bi ai
 春江花朝秋月夜，
 Xuân Giang hoa sớm, trăng đêm Thu
 往往取酒還獨傾。
 Đến rồi mang rượu lại uống một mình
 豈無山歌與村笛，
 Há chẳng lời ca cùng tiếng sáo
 嘔啞嘲晰難為聽。
 Khốn nỗi líu lo, líu lút, thật khó nghe
 今夜聞君琵琶語，
 Đêm nay nghe được tiếng Tỳ Bà của nàng
 如聽仙樂耳暫明。
 Như nghe nhạc Tiên, tai nghe thật rõ
 莫辭更坐彈一曲，
 Chưa bỏ, ngồi đàn lại một khúc
 為君翻作琵琶行。
 Ta sẽ vì nàng làm bài Tỳ Bà Hành
 感我此言良久立，
 Cảm được lời này, nàng đứng lâu một lúc
 卻坐促弦弦轉急。
 Liên ngồi xuống lấy đàn, đàn chuyển thành nhanh hơn
 淒淒不似向前聲，
 Buồn thảm chẳng giống tiếng đàn trước đây
 滿座重聞皆掩泣。
 Tất cả người ngồi nghe, lại đều che mặt khóc
 座中泣下誰最多，
 Trong những người ấy, ai là người khóc nhiều nhất
 江州司馬青衫濕
 Giang Châu Tư Mã ướt đẫm vạt áo xanh。

Thích Như Điển

(dịch nghĩa đen nội dung bài Tỳ Bà Hành)

Tỳ Bà Hành



Tầm Dương giang đầu dạ tổng khách (1)
 Phong diệp dịch hoa thu sắt sắt
 Chủ nhân há mã khách tại thuyền
 Cử tửu dục ẩm vô quản huyền

Túy bất thành hoan thắm tương biệt
 Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt
 Hốt vắn thủy thượng tỳ bà thanh
 Chủ nhân vong quy khách bất phát
 Tâm thanh âm vắn đàn giả thù
 Tỳ bà thanh đình dục ngữ tri
 Di thuyền tương cận yêu tương kiến
 Thiêm tửu hồi đấng trùng khai yển
 Thiên hô vạn hoá thi xuất lai
 Do bảo tỳ bà bán già diện
 Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh
 Vị thành khúc điều tiên hữu tình
 Huyền huyền yếm ức thanh thanh tư
 Tự tổ sinh bình bất đắc chí
 Đê mi tín thủ tục tục đàn
 Thuyết tận tâm trung vô hạn sự
 Khinh lung mạn nhiên mặt phục khiêu
 Sơ vi Nghê thường hậu Lục yêu (2)
 Đại huyền tào tào như cấp vũ
 Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ
 Tào tào thiết thiết thác tạp đàn
 Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn
 Nhàn quan oanh ngữ hoa để hoạ
 U yết lưu cảnh thủy hạ than
 Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyết
 Ngưng tuyết bất thông thanh tiệm yết (3)
 Biệt hữu u sầu ám hận sinh
 Thử thời vô thanh thẳng hữu thanh
 Ngân bình sạ phá thủy tương bính
 Thiết kỵ đột xuất đao thương minh
 Khúc chung thu bát đương tâm hoạch
 Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch
 Đông thuyền tây phảng tiêu vô ngôn
 Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch
 Trầm ngâm phóng bát sáp huyền trung
 Chinh đốn y thường khởi liễm dung
 Tự ngôn bản thị kinh thành nữ
 Gia tại Hà Mô Lăng hạ trú (4)
 Thập tam học đặc tỳ bà thành
 Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ (5)
 Khúc bãi tăng giáo thiện tài phục (6)
 Trang thành mỗi bị Thu Nương đồ (7)
 Ngũ Lăng niên thiếu tranh triển đầu (8)
 Nhất khúc hồng tiêu bất tri số
 Điền đầu ngân tì kích tiết toái
 Huyết sắc la quần phiên tửu ố
 Kim niên hoan tiểu phục minh niên

Thu nguyệt xuân phong đấng nhàn độ
 Đệ tẩu tòng quân a di tử
 Mộ khứ triều lai nhan sắc cố
 Môn tiền lãnh lạc xa mã hy
 Lão đại giá tác thương nhân phụ
 Thương nhân trọng lợi khinh biệt ly
 Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ (9)
 Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền
 Nhiều thuyền nguyệt minh giang thủy hàn
 Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự
 Mộng đề trang lệ hồng lan can
 Ngã vắn tỳ bà dĩ thán tức
 Hựu vắn thử ngữ trùng tức tức
 Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân
 Tương phùng hà tất tăng tương thức
 Ngã tòng khứ niên từ để kinh
 Trích cư ngoạ bệnh Tâm Dương thành
 Tâm Dương địa tích vô âm nhạc
 Chung tuế bất văn ty trúc thanh
 Trú cận Bồn thành địa thế thấp (10)
 Hoàng lô khổ trúc nhiều trạch sinh
 Kỳ gian đán mộ văn hà vật
 Đỗ quyên đề huyết viên ai minh
 Xuân giang hoa triều thu nguyệt dạ
 Vãng vãng thử tửu hoàn độc khuynh
 Khởi vô sơn ca dữ thôn địch
 Âu á triều triết nan vi thính
 Kim dạ văn quân tỳ bà ngữ
 Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh
 Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc
 Vị quân phiên tác Tỳ bà hành
 Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập
 Khước tọa xúc huyền huyền chuyển cấp
 Thê thê bất tự hướng tiền thanh
 Mãn tọa trùng văn giai yếm khắp
 Tọa trung khắp hạ thủy tối đa
 Giang Châu tư thanh sam thấp (11)

- (1) Tâm Dương ở phía Bắc huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây-
- (2) Nghê thường: tên của vũ y khúc; lục yêu: tên của ca khúc
- (3) cũng có chỗ dùng chữ tạm 暫
- (4) địa danh: Phía nam thành Trường An, nổi tiếng vì có nhiều ca nữ
- (5) giáo phường: chỗ huấn luyện ca nữ đời Đường
- (6) Có bản chép là "thường" 常 hoặc "năng" 能 -
 Thiên tài: chỉ cho các nhà tu sĩ PG đời nhà Đường

(7) chỉ nàng Đổ Thu Nương 杜秋娘, một kỹ nữ nổi tiếng đương thời, tác giả của bài Kim lý y.

(8) địa danh: Ở phía bắc thành Trường An, nơi có nhiều nhà quý tộc ở. - triển đầu: Tiền hoặc vật tặng ca nữ. Theo Quách Tử Nghi truyện (Cựu Đường thư), tháng hai năm Đại Lịch thứ 2, Tử Nghi nhập triều, tể tướng Nguyên Tái, Vương Tấn, bộc xạ Bùi Miện, Kinh Triệu doãn Lê Cán, nội thị Ngự Triều Ân xuất tổng cộng 30 vạn thiết yến tại nhà Tử Nghi, vua Đại Tông ban hai trăm tấm gấm lụa để dùng làm khăn vấn (triển đầu phi).

(9) Tên huyện ở tỉnh Giang Tây

(10) địa danh: tức Tầm Dương giang

(11) Nay là huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. - Tư

Mã: Chúc quan giúp việc cho thứ sử một châu.

Tỳ Bà Hành

**Nguyên tác: Bạch Cư Dị
HT. Thích Như Điển dịch**



Tầm Dương một buổi đầu hôm
Tiễn người khách quý lên đường ra đi
Lá phong rơi rụng sầu bi
Hoa kia thu đến khác gì với nhau
Chủ nhơn xuống ngựa trước sau
Khách còn ở đó mong cầu hàn huyền
Nâng ly rượu, chén thuyền quyền
Không đàn không sáo chỉ phiến bạn thôi
Khi say trời đất chẳng vui
Khi sầu ly biệt bụi ngùi nhớ thương
Nỗi đau xót vẫn còn vương
Trăng kia lặn xuống còn đương chờ người
Tỳ Bà tấu khúc chơi với
Dường như nước động bồi hồi tâm ai
Chủ và khách chẳng là hai
Kẻ về người ở chẳng nài chi nhau
Tìm ai khảy tiếng đàn sầu
Chủ nhân nào phải cơ cầu đó chẳng ?
Tỳ Bà lặng tiếng dưới trăng
Ngỏ lời tham vấn hay còn bâng khuâng
Thuyền kia dời bến lại gần
Mong sao kết được tri âm đời đời
Đốt đèn hoa, chén ly bôi
Mà vui yến tiệc, lại cười hoan ca ?

Ngàn lời như giọt châu sa
Tiếng kia đáp lại đâu là ai đây
Tay nâng phím, tay nắn dây
Nửa kia che mặt, mắt đầy bi thương
Lên dây chuyển trục vấn vương
Dây vân dây vũ mấy lần so dây
Tuy chưa thành khúc nhạc hay
Mà tình ẩn chứa nơi này chốn kia
Dây đàn réo rắt nghẹn ngào
Tiếng đàn gảy cũng xuyên xao khách trần
Như trong cuộc sống trầm luân
Bao giờ mới dứt những lần lo toan
Hàng mi hạ xuống dây đàn
Tay nâng phách ngọc, tay ngang Tỳ Bà
Tâm can thổ lộ hết ra
Chẳng hề nuôi tiếc, chẳng là lãng quên
Tiếng trầm tiếng bổng đua chen
Lại ngồi gảy tiếp như quen ngọn nguồn
Ban đầu dạo khúc Nghê Thường
Lục Yêu là khúc vấn vương thuở nào
Dây cao réo rắt càng cao
Tưởng như thác đổ, ào ào suối tuôn
Dây thấp chẳng phải sầu buồn
Tình riêng ai biết thêm buồn thêm lo
Đàn càng réo rắt lên cao
Cung đàn áp sát như trào dâng mau
Giọt châu lớn nhỏ đan nhau
Rơi vào chén ngọc dầu dầu bi ai
Oanh kêu đầu đó gọi nhà
Như hoa như cỏ sương sa lạnh lùng
Suối kia nước chảy ngập ngừng
Cuối cùng nước cũng băng rừng đến nơi
Nước càng lạnh, tiếng càng lời
Cung đàn ngưng tiếng bật lời du dương
Đàn kia dứt, lời cùng đường
Ngậm ngùi tim cũng bi thương đau cùng
Biệt ly sầu ấy thấu chẳng
Sầu dâng chất ngất sống bằng như không
Tiếng kia dường để ní non
Bằng không nghe cũng chẳng còn lẽ lời
Bình kia đã vỡ đi rồi
Nước kia đã đổ ra ngoài dặm khơi
Ngựa xe xuất hiện đầy trời
Giáo gươm sáng chói ai thời hay không ?
Bấy giờ khúc hát chẳng còn
Tâm ta cũng chẳng mơn trong đêm
Bốn dây một lúc vang lên
Nghe như lụa xé hai bên bồi hồi
Thuyền Đông rời bến đổi đời
Thuyền Tây cũng đã cạn lời với ai
Giờ đây trăng sáng làng chài
Thu kia mang lại ai hoài ai trông

Nàng ngồi ở đó trầm ngâm
 Phím đàn đổi bậc, cung đàn sâu bi
 Lướt là xiêm áo bước đi
 Mặt hoa da phấn ai thì chẳng trông
 Hỡi ai là khách má hồng
 Ta đây cũng nữ kinh thành chẳng ngoa
 Nhà ta chẳng phải phương xa
 Lãng Hà Mô ấy thường là nghe danh
 Mười ba tuổi đã học hành
 Tỳ Bà khúc tấu lại thành mê man
 Học đâu mấy bộ quen thân
 Sau dân học đến những phần khó khăn
 Có khúc chưa biết cách đàn
 Nhưng khi đã vững lại càng đều tay
 Nét đài trang, kẻ kém may
 Sinh lòng ganh ghét ai tà Thu Nương
 Ngũ Lãng xưa chốn học đường
 Nam nhi tranh tặng, không nương lời nào
 Bản Hồng Tiêu, tiếng xô xao
 Lụa đào mấy tấm đã vào tay em
 Trên đầu lược bạc cài lên
 Trâm vàng cài tiếp làm nền nhạc tan
 Quần hồng, quần tía màu vàng
 Rượu đầu làm bản khiến nàng kém vui
 Năm nay được dịp tươi cười
 Sang năm cũng vậy mười mười vẹn tuyền
 Trăng thu soi bóng thuyền quyên
 Gió xuân mấy độ xây miền thành thới
 Em trai nhập ngũ lâu rồi
 Người đi lại chết trên đời biệt ly
 Bóng chiều đã ngã về tây
 Tàn phai nhan sắc chẳng ngày đợi trông
 Trước nhà xa mã vắng không
 Chẳng còn như trước ai mong từng ngày
 Tuổi cao ai ngóng đợi đây
 Trở thành vợ để mua đây bán non
 Người buôn chỉ lợi còn con
 Như tiền thu nhập, đâu còn quý hoa
 Trà Phù Lương, bên mình ta
 Mua đem về lại quê nhà thưởng nhau
 Từ xưa lẫn đến ngày sau
 Một mình một bóng còn đâu bóng hồng
 Thuyền kia trắng sáng bênh bông
 Nước sông lạnh buốt giữa dòng thu mưa
 Đêm khuya mơ chuyện ngày xưa
 Thấy mình là mộng, mộng vừa bay đi
 Trong cơn mộng ấy khóc thì
 Má hồng son phấn tiếc gì tấm thân
 Tỳ Bà kia lại dập dờn
 Thốt lên nhiều đoạn làm hồn đặng cay
 Càng nghe ta lại càng say
 Bụi ngùi nhớ lại những ngày xa xôi

Như ta luân lạc khắp nơi
 Chân trời góc bể ngàn khơi là nhà
 Gặp nhau giữa chốn phong ba
 Há là đã biết để mà nhớ thôi
 Chốn Kinh Thành ở xa xôi
 Ta từng từ bỏ để rồi ly hương
 Đến đây gặp xứ Tâm Dương
 Thân sinh tật bệnh biết ai nương nhờ
 Tâm Dương một cõi chơ vơ
 Chẳng gì mang đến nỗi chờ bấy lâu
 Sống nơi đây luống mong cầu
 Tiếng đàn tiếng sáo dải dầu phong ba
 Sông Bồn chốn ấy nhà ta
 Chỗ kia ẩm thấp thật là xót xa
 Lau vàng bao phủ quanh nhà
 Trúc kia tạo dáng trông ra mỹ miều
 Ở đây cô quạnh đều hiu
 Giống từ sương sớm đến chiều nắng phai
 Đổ Quyên tiếng gọi bi ai
 Vượn kêu inh ỏi như hoài ai đây
 Xuân Giang là ở chốn này
 Thu kia đang đến hoa vầy điều linh
 Đến đây rượu uống một mình
 Cho hay ai biết cái tình là sao
 Không tiếng hát, chẳng lời rao
 Sáo đàn cũng bật ai chào ai trông
 Tiếng kia nghe cũng nhọc lòng
 Biết ai mang lại mà hồng can ngăn
 Đêm nay nghe được tiếng đàn
 Tỳ Bà quen thuộc của nàng là đây
 Nhạc Tiên cùng sánh chẳng tầy
 Nghe đàn lòng chẳng với đây hay sao?
 Rời đi ta chẳng nở nào
 Rán ngồi nghe khúc tiêu dao muôn trùng
 Vì nàng ta phải lao tâm
 Vì nàng ta phải tạo nhân Tỳ Bà
 Lòng ta nàng cảm chẳng là
 Như chờ như đợi ta nào chẳng yên
 Nàng vội đến, gảy đàn liền
 Càng đàn càng nhập vào miền thiên cung
 Bây giờ đàn ấy nào nùng
 Chẳng không duyên đó thì cùng nợ đây
 Ai nghe mà chẳng lụy lây
 Nên đành giấu mặt giải bày tâm can
 Cho hay giọt lệ đài trang
 Làm bao hán tử khóc than phận người
 Áo xanh đầm ướt vật rồi
 Giang Châu Tư Mã ngâm ngùi xót thương.

• **Thích Như Điển**

*dịch theo thể thơ lục bát, xong ngày 20.1.2019
 tại chùa Khánh Anh Évry, Pháp Quốc.*

VĂN HÓA VIỆT NAM CỘNG HÒA LÀ GÌ?

• Nguyễn Quang Duy

Việt Nam Cộng Hòa thành lập ngày 26/10/1955, đang lúc chiến tranh nên quốc sách bảo vệ tự do được ưu tiên, nhưng không phải vì thế mà quên lãng mục đích xây dựng một xã hội dựa trên triết lý nhân bản, khai phóng và dân tộc.

Lời mở đầu Hiến Pháp 1956 ghi rõ: "...*dân tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ để hoàn thành sứ mạng trước đấng Tạo hóa và trước nhân loại là xây dựng một nền văn minh và nhân bản bảo vệ phát triển con người toàn diện.*"

Còn Điều 11 của Hiến pháp 1967 ghi rõ "*Văn hóa giáo dục phải được đặt vào hàng quốc sách trên căn bản dân tộc, khoa học và nhân bản.*"

Con người làm gốc

Việt Nam Cộng Hòa nhìn nhận mọi người đều có quyền và có bổn phận như nhau, không ai được sử dụng người khác làm phương tiện hay công cụ phục vụ cho mục tiêu cá nhân hay đảng phái.

Người miền Nam tin rằng giới lãnh đạo cũng là con người nên đều mắc phải những sai lầm, vì thế cần xây dựng một thể chế đa nguyên, đa đảng đối lập, với luật pháp chặt chẽ để kiểm soát quyền lực của tầng lớp lãnh đạo.

Việt Nam Cộng Hòa nhìn nhận sự khác biệt giữa người và người, ngăn cấm việc kỳ thị giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, sắc tộc, trình độ học vấn hay kỳ thị dựa trên lý lịch, trên chính kiến, mọi người đều có cơ hội bình đẳng.

Mọi chiến lược, chính sách, chủ trương, hành động quốc gia đều phải phù hợp với nhân sinh quan về con người, với mục đích phục vụ con người, quan tâm tới quyền lợi và hạnh phúc của con người.

Ngoài việc xây dựng thành công nền giáo dục nhân bản, mọi sinh hoạt tôn giáo, sắc tộc, hướng đạo, văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật, dân sự đều được đối xử một cách công bằng không thiên vị.

Chính quyền miền Nam nhìn nhận và bảo vệ quyền con người, quyền dân sự được ghi trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế nhân quyền.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, gia đình những người theo cộng sản vẫn được đối xử một cách công bằng như mọi công dân khác, được pháp luật bảo vệ, được quyền bầu cử, quyền gia nhập quân đội bảo vệ đất nước, quyền tham gia chính trị, được làm ăn buôn bán, con em họ được đến trường như mọi trẻ em khác tại miền Nam.

Từ năm 1962, chương trình Hồi chánh giúp trên 200 ngàn cán binh cộng sản buông súng quay về tạo dựng cuộc sống mới trong cộng đồng dân tộc.

Dân tộc làm nền

Tinh thần dân tộc được hình thành và phát triển theo dòng lịch sử, tạo tình đoàn kết, gắn bó dân tộc và phát triển quốc gia.

Trong thời bình thúc đẩy người dân đóng góp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, nâng cao dân trí. Vào thời chiến giúp toàn dân đoàn kết đánh đuổi ngoại xâm.

Việt Nam Cộng Hòa luôn đề cao các giá trị lịch sử dân tộc, độc lập, tự chủ, ngôn ngữ, nghệ thuật, văn hóa. Ngay từ tấm bé trẻ em miền Nam được dạy yêu nước thương nòi.

Người miền Nam luôn tôn trọng các giá trị đặc thù, các truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong mọi sinh hoạt gia đình, nghề nghiệp, sắc tộc, địa phương và đất nước.

Chính phủ miền Nam chủ trương bảo tồn và phát huy những tinh hoa, những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc, để không bị mất đi hay bị đồng hóa với văn hóa nước ngoài.

Người miền Nam giữ gìn văn hóa dân tộc nhưng luôn cởi mở, cầu tiến, học hỏi, gạn lọc điều hay cái đẹp của văn hóa dân tộc khác.

Việt Nam Cộng Hòa đặt Tổ quốc trên hết, đặt dân tộc và đất nước trên cá nhân, trên giai cấp, trên đảng phái và trên cả thể chế chính trị.

Tự do để tiến bộ

Việt Nam Cộng Hòa lấy triết lý khai phóng làm rường cột thăng tiến, mọi người được tự do mở rộng tầm nhìn, tự do trau dồi năng khiếu, tự do ngôn luận, tự do quyết định cho chính mình, tự do tìm ra sự thật, ra điều hay, lẽ phải, tìm đến chân, thiện, mỹ.

Ngay từ nhỏ trẻ em miền Nam đã được giáo dục tự do, được khuyến khích mở rộng tầm nhìn tiếp nhận những tư tưởng và kiến thức tân tiến trên thế giới.

Nhờ vậy xã hội miền Nam đào tạo được những công dân tự do, sẵn sàng nhận trách

nhệm, tôn trọng luật pháp, biết xây dựng kinh tế, phát triển xã hội, đón nhận văn minh thế giới và tích cực đóng góp vào sự thăng tiến nhân loại.

Miền Nam đã xây dựng một hiến pháp và một thể chế dân chủ tam quyền phân lập rõ ràng.

Nền Cộng Hòa tại miền Nam có thể được xem là một nền dân chủ hiến định và pháp trị tiên tiến vào bậc nhất trong khu vực Á châu thời ấy.

Nền tảng triết lý Việt Nam Cộng Hòa

Tổng hợp 3 tinh thần nhân bản, khai phóng và dân tộc tạo thành triết lý xây dựng Việt Nam Cộng Hòa, một quốc gia vừa giành được độc lập, phải đối đầu với chiến tranh và chỉ trong vòng 20 năm đã xây dựng được nền tảng vững chắc.

Một quốc gia với kinh tế tự do, y tế đại chúng, người cày có ruộng, báo chí tự do, tôn giáo, văn học, văn nghệ, nghệ thuật phát triển tự do, và một nền dân chủ hiến định, pháp trị với tam quyền phân lập rõ ràng.

Một xã hội dân sự với nhiều hội đoàn dân sự, gồm các tổ chức tôn giáo, nghiệp đoàn, hướng đạo, đồng hương, tương trợ, từ thiện, nghiên cứu, các câu lạc bộ, đã được hình thành tại miền Nam.

Đặc biệt, nền giáo dục dựa trên nhân bản, khai phóng và dân tộc, đã đào tạo được những thế hệ công dân tốt cho miền Nam, cho Việt Nam và cho nhân loại.

Văn hóa Việt Nam Cộng Hòa

Con người làm gốc, dân tộc làm nền, tự do để tiến bộ đã trở thành nền tảng văn hóa Việt Nam Cộng Hòa, được bảo tồn và được truyền đạt đến các thế hệ Việt Nam ngày nay.

Văn hóa thể hiện qua cách sống cách suy nghĩ. Người Việt Nam Cộng Hòa sống, suy nghĩ và hướng về tương lai hoàn toàn khác với người cộng sản.

Sau 20 năm chia cắt lấy thời điểm 30/4/1975 làm mốc, miền Bắc đã trở thành một bản sao của cộng sản Trung Hoa.

Xem lại phim ảnh cách ăn mặc, cách phục sức, cách sống, cách giáo dục, xem lại sách báo, lại văn thơ, lại âm nhạc, lại tranh ảnh miền Bắc bạn sẽ dễ dàng nhận ra điều này.

Ở hải ngoại, 44 năm qua người Việt Nam Cộng Hòa vừa bảo vệ cộng đồng, bảo tồn văn hóa, vừa hỗ trợ quốc nội đấu tranh cho tự do và ven toàn lãnh thổ.

Ở những nơi đông người Việt sinh sống nhiều hội đoàn dân sự được thành lập, có trường dạy tiếng Việt, có sách giáo khoa soạn theo chương trình trước 1975, có tổ chức những buổi lễ ghi ơn các anh hùng dân tộc, tổ chức Tết, Tết Trung Thu cho trẻ em.

Mỗi gia đình đều cố gắng gìn giữ tiếng Việt cho con em, duy trì những sinh hoạt gia đình và cộng đồng, vừa giảng giải cho con em truyền thống dân tộc, vừa nhắc nhở con em lý do phải bỏ nước ra đi.

Nhiều ban nhạc, ban kịch, ban cải lương, câu lạc bộ văn học nghệ thuật và cả điện ảnh cũng được hình thành ở khắp nơi.

Truyền thanh, truyền hình và báo chí là những phương tiện phục vụ cộng đồng có mặt ở mọi nơi.

Nhiều nơi còn xây dựng đền thờ Quốc Tổ, đền thờ và tượng đài các anh hùng dân tộc, viện bảo tàng, chùa, nhà thờ, võ đường, trung tâm sinh hoạt cộng đồng.

Phục hồi Việt Nam

Ở trong nước, người Việt Nam Cộng Hòa vẫn âm thầm gìn giữ và truyền bá cho thế hệ tiếp nối nền văn hóa nhân bản, khai phóng và dân tộc, mong một ngày phục hồi đất nước.

Sức sống của văn hóa Việt Nam Cộng Hòa vô cùng mãnh liệt, mặc dù bị nhà cầm quyền Hà Nội ngăn cấm âm nhạc, văn học, nghệ thuật, cách sống tại Việt Nam ngày nay được phục hồi mạnh mẽ.

Phong trào thoát Trung là nỗ lực đẩy lùi tì vết văn hóa Trung Hoa còn tồn đọng tại Việt Nam.

Nhiều người cộng sản miền Nam trong tiềm thức vẫn chưa quên một xã hội miền Nam đầy nhân bản, khai phóng và dân tộc.

Trước Quốc Hội cộng sản, 12/9/2018, bà Chủ tịch Nguyễn Thị Kim Ngân phải thừa nhận kiến thức về sử ký và địa lý nước nhà, bà học từ thời Việt Nam Cộng Hòa nay vẫn nhớ không quên điều gì.

Bà Ngân biểu lộ lòng luyến tiếc vì giờ đây trẻ em học hành khổ sở, nhưng sử ký và địa lý nước nhà hầu hết đều không biết.

Triết lý nhân bản, khai phóng và dân tộc ngày nay được nhiều người miền Bắc biết đến, nhất là giới trẻ Việt Nam những người đang tìm kiếm một con đường thay cho con đường cộng sản bị nhân loại đào thải.

(Xem tiếp trang)

TƯỜNG NHỚ NHỮNG NGƯỜI LÍNH BỊ BỎ QUÊN CỦA MIỀN NAM VIỆT NAM

**Sau 33 năm:
81 người lính dù từ Hawaii về
yên nghỉ ở Little Sài Gòn**

• **JIM WEBB**



Hình chính thức của ông Jim Webb khi ông giữ chức Nghị Sĩ Liên Bang Hoa Kỳ. (Wikipedia)

Trong một bài ý kiến được đăng trên báo USA Today thứ Sáu, 13 tháng 9, 2019, ông Jim Webb đã viết một bài mang tựa đề "Tường Nhớ Những Người Lính Bị Bỏ Quên Của Miền Nam Việt Nam" (Remember South Vietnams Forgotten Soldiers). Ông Jim Webb từng là một sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến chiến đấu tại Việt Nam, trở thành một nghị sĩ liên bang đảng Dân Chủ đại diện Virginia, và từng giữ chức Tổng Thư Ký Hải Quân Hoa Kỳ. Dưới đây là bài viết của ông.

*

Chiếc vận tải cơ C-123 của quân đội Hoa Kỳ bị bắn rơi trong Chiến Tranh Việt Nam, mang theo những quân nhân đồng minh của chúng ta bị mất tích từ đó đến nay. Những hài cốt của họ không có quê hương. Biết vậy nên tôi phải hành động.

Xã hội của chúng ta tưởng nhớ những người quá cố như thế nào, kể cả những người mất mạng trong lúc chiến đấu cùng với chúng ta ngoài trận địa? Ông William Gladstone, một thủ

tướng Anh trong thế kỷ thứ 19 đã đưa ra một công thức bất diệt: "Chỉ cho tôi xem cách thức một quốc gia hay một cộng đồng chăm sóc những người chết của họ, và tôi sẽ đo lường với sự chính xác bằng toán học về mức độ cảm thông tế nhị của những con người sống trong cộng đồng đó, sự tôn trọng luật pháp của họ đối với đất nước, và sự trung thành của họ đối với những lý tưởng cao cả."

Vào ngày thứ Sáu này (13 tháng 9, 2019), một chiếc phi cơ của Không Quân Hoa Kỳ sẽ chuyên chở hài cốt trộn lẫn của 81 quân nhân nhảy dù thuộc quân lực Việt Nam Cộng Hòa từ Hawaii, nơi mà họ đã được cất giữ trong cơ sở của quân đội trong hơn 33 năm qua, đến California. Vào ngày 26 tháng 10, một buổi lễ tưởng niệm và vinh danh trịnh trọng theo nghi thức quân đội sẽ được tổ chức dành cho những người này tại Westminster, nơi được gọi là Little Saigon và có hàng ngàn người Mỹ gốc Việt đang sinh sống.

Đây là một sự kiện rất đặc biệt vì chúng ta có thể không bao giờ biết những hài cốt là ai và vì họ là những người lính đồng minh của chúng ta.

Sau buổi lễ, những người bị lãng quên này sẽ được yên nghỉ trong một nghĩa trang của người Mỹ gốc Việt lớn nhất tại đất nước của chúng ta.



*Hài cốt của 81 quân nhân Việt Nam Cộng Hòa bị lãng quên trong hơn nửa thế kỷ qua sẽ được vinh danh trong một buổi lễ tại Tượng Đài Việt Mỹ ở Westminster ngày 26 tháng 10, 2019.
(Phúc Quỳnh/Viên Đông)*

Đây sẽ là nơi yên nghỉ cuối cùng của một hành trình phức tạp dài 54 năm từng bắt đầu trên một trận địa trong một cuộc chiến tàn ác từng xé nát đất nước của chúng ta, để lại hậu quả 58,000 quân nhân Hoa Kỳ và hàng triệu người Việt Nam phải bỏ mạng.

Vào cuối năm 1965, một chiếc vận tải cơ C-123 của Hoa Kỳ bị bắn rơi, giết hết bốn người Mỹ trong phi hành đoàn và 81 quân nhân Nhảy Dù Nam Việt Nam. Địa điểm máy bay bị rơi nằm trong vùng đang có tranh chấp và mãi cho đến năm 1974 mới có thể vào được. Những mảnh xương và những món đồ cá nhân đã được thu thập, thế nhưng tất cả những hài cốt đã trộn lẫn vào nhau để có thể đưa vào trong một quan tài. Những hài cốt được chuyển đến Bangkok. Những quân nhân Mỹ đã được xác nhận danh tính bằng phương pháp thử nghiệm DNA và được chôn cất chu đáo. Thế nhưng đối với những người lính Việt Nam Cộng Hòa thì họ không có bảng kê khai chuyển bay. Vào năm 1986, hài cốt của họ được gửi đến phòng thí nghiệm POW/MIA tại Hawaii, nơi có nhiệm vụ xác định danh tính của những quân nhân mất tích của quân đội chúng ta.

Và rồi hài cốt của những quân nhân Miền Nam Việt Nam này đã được cất giữ ở đó trong suốt 33 năm qua. Vì không có bảng kê khai chuyển bay cho sứ mạng lúc trước, chúng ta có thể sẽ không bao giờ biết được tên tuổi của những người lính Miền Nam đã bị mất mạng. Họ chỉ có thể được xác định là thuộc một Sư Đoàn Dù thiện chiến của quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Chính quyền Hà Nội đã hai lần từ chối nhận những hài cốt này để an táng họ tại Việt Nam. Và vì họ không phải là công dân hay quân nhân Hoa Kỳ, cũng không có cách rõ ràng nào để chôn cất và vinh danh họ tại Hoa Kỳ. Họ là những người lính vô danh, và thật sự là "Những Người Vô Tổ Quốc," sau khi họ đã hy sinh mạng sống cho một đất nước mà nay đã không còn.

Tôi được biết về trường hợp này hai năm trước đây. Đối với tôi, thông điệp bất diệt của ông Gladstone là mốc hướng dẫn. Nếu chúng ta là những con người và đất nước như chúng ta nghĩ, thì chúng ta không chỉ chăm sóc cho những người chết của chúng ta mà còn chăm sóc những người từng chiến đấu cùng với chúng ta. Những người lính vô danh này xứng đáng được tưởng nhớ với danh dự và nhân phẩm.

Sau nhiều tháng thương lượng một cách khó khăn về mặt ngoại giao cũng như luật pháp, giờ đây sự kiện này mới có thể xảy ra. Vào ngày 26 tháng 10, sau một buổi lễ truy niệm tại công viên Freedom Park ở thành phố Westminster, những người lính này sẽ được an táng tại một nơi ghi nhớ sự can đảm và sự đóng góp của hàng trăm ngàn người tỵ nạn Việt Nam, những người đã liều mạng ra khơi trong giai đoạn nguy hiểm nhất, hy sinh hết tất cả để có thể đến đất nước của chúng ta.

Buổi lễ đó sẽ đi xa hơn việc tưởng nhớ sự hy sinh và hành trình dài năm thập niên của những người lính đã hy sinh mạng sống khi còn trẻ tuổi cho lý tưởng tự do cho một quốc gia mà nay đã không còn. Buổi lễ sẽ nhắc cho chúng ta nhớ tới hàng trăm ngàn người lính khác cũng đã hy sinh mạng sống và hàng trăm ngàn hài cốt chưa được tìm thấy.

Cuộc hành trình buồn nhưng vĩ đại của những người lính bị lãng quên từ trận địa Việt Nam đến một nghĩa trang lớn nhất của người Mỹ gốc Việt tại Hoa Kỳ sẽ mang đến một kết cục cho nhiều người khác đã tự trả giá và tìm đường đến nước Mỹ. Nó sẽ cho phép đất nước chúng ta có dịp ghi ơn và trân quý sự hy sinh của 2 triệu người Mỹ gốc Việt, những người đã giúp cho xã hội chúng ta được mạnh mẽ và linh động hơn.

Và nó sẽ giúp chúng ta nhớ rằng là người Hoa Kỳ thì phải sống như thế nào, và chúng ta nên luôn ước nguyện sẽ trở thành: những người biết quý mạng sống của con người, và những người không bao giờ quên những ai đã từng đứng sát bên cạnh chúng ta trong những thời điểm khó khăn nhất.

CHUYỆN VỀ NHỮNG NGƯỜI GIÚP MANG HÀI CỐT CỦA 81 -THIÊN THẦN MŨ ĐỎ VỀ LITTLE SAIGON

• **Đỗ Dzũng / Người Việt**
September 19, 2019



*Bà Nina Nguyễn, phu nhân Đại Tá Gino Castagnetti, và hai thùng đựng hài cốt của 81 chiến sĩ Nhảy Dù VNCH tử trận năm 1965.
(Hình: Nina Nguyễn cung cấp)*

LITTLE SAIGON, California (NV) – Trong bất cứ một sự kiện lịch sử nào cũng luôn có những câu chuyện, và con người, phía sau, làm

cho sự việc xảy ra, có khi công khai, có khi âm thầm.

Câu chuyện hài cốt của **81 chiến sĩ binh chủng Nhảy Dù VNCH**, thường được gọi là “Thiên Thần Mũ Đỏ,” hy sinh tại chiến trường Việt Nam cách đây 54 năm, và sau khi “bị kẹt” ở Hawaii 33 năm, giờ được đưa về miền Nam California, nơi có cộng đồng người Việt lớn nhất hải ngoại để vinh danh và chôn cất vào ngày 26 Tháng Mười tới đây, cũng không phải là ngoại lệ. Sau khi nhật báo Người Việt đăng bài về câu chuyện này vào ngày 15 Tháng Chín, chúng tôi có liên lạc với cựu Thượng Nghị Sĩ Jim Webb (Dân Chủ-Virginia), người phụ trách công tác này, để hỏi nguyên thủy của vấn đề, nhưng được ông giới thiệu Luật Sư Jeffrey McFadden, đồng giám đốc tổ chức Lost Soldiers Foundation. Ông McFadden từng là thiếu tá Hải Quân Hoa Kỳ. Ngoài ông McFadden, còn có hai giám đốc khác là ông Webb và Đại Tá Gino Castagnetti, cựu giám đốc National Memorial Cemetery of the Pacific ở Honolulu, Hawaii, và hiện là cố vấn Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington, Virginia.

Điều lý thú là cả hai ông Webb và ông Castagnetti đều là cựu Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, từng tham chiến tại Việt Nam, và có vợ người Việt.

Hai người là bạn thân từ lúc còn ở Việt Nam. Ông Webb lúc đó là thiếu úy, còn ông Castagnetti là đại úy.

Thành lập Lost Soldiers Foundation

Ông McFadden kể: “Phải nói chính Thượng Nghị Sĩ Jim Webb là người tình nguyện làm việc không mệt mỏi trong hai năm qua, thảo luận với Bộ Quốc Phòng, Bộ Ngoại Giao Mỹ, và Bộ Ngoại Giao Việt Nam để đem hài cốt của 81 anh hùng này về California.”

“Ông là người có nhiều ảnh hưởng trong chính quyền liên bang, là người được nhiều người tin tưởng, và là người duy nhất có thể làm được việc này,” Đại Tá Castagnetti nói với nhật báo Người Việt.

Trước khi làm thượng nghị sĩ, ông Webb từng là bộ trưởng Bộ Hải Quân Hoa Kỳ dưới thời Tổng Thống Ronald Reagan.

Ông McFadden kể tiếp: “Hôm đó là ngày 21 Tháng Ba, Bộ Quốc Phòng chuẩn thuận chuyển các hài cốt này từ Cơ Quan Tìm Kiếm Tù Binh/Người Mất Tích (DPAA) ở Hawaii qua cho Thượng Nghị Sĩ Jim Webb làm người giám hộ.”

“Sau đó, ông Webb cùng tôi và Đại Tá Castagnetti lập ra hội bất vụ lợi Lost Soldiers Foundation vào Tháng Sáu năm nay. Đến Tháng

Bảy, ông Webb email cho một số mạnh thường quân, nhờ giúp đỡ, trong đó có Bác Sĩ Nguyễn Ngọc Hiệp, chủ tịch Gia Đình Mũ Đỏ Việt Nam, và chúng tôi dự định gây quỹ hơn \$100,000 để có tiền mua đất ở Westminster Memorial Park, để chôn cất những anh hùng này, những người từng một thời chiến đấu với người Mỹ,” ông McFadden kể.

Luật Sư McFadden kể tiếp: “Sau đó, chúng tôi đến California lo thủ tục giấy tờ để chuyển các hài cốt về đây, trong đó bao gồm cả việc lo một chuyến máy bay quân sự bay từ Hawaii đến.”

Về chuyện mời Đại Tá Castagnetti tham gia, ông McFadden giải thích: “Ông Webb nói rằng lý do ông mời Đại Tá Castagnetti vì ông này từng là giám đốc một nghĩa trang quân đội lớn, có rất nhiều kinh nghiệm về việc chôn cất cũng như chuyên chở.”



Đại Tá Gino Castagnetti (phải) cùng một binh sĩ Mỹ khiêng thùng đựng hài cốt từ trên máy bay xuống. (Hình: Nina Nguyễn cung cấp)

Chứng kiến 81 bộ hài cốt

Đại Tá Castagnetti chia sẻ: “Tôi và ông Webb có một tình bạn thắm thiết, vì cùng một binh chủng, và cùng tham gia chiến tranh Việt Nam.” Ông Castagnetti cho biết, khi ông Webb đến Hawaii, ông đưa vị cựu thượng nghị sĩ đến DPAA ngay, để chứng kiến các hài cốt.

“Mọi chuyện bắt đầu từ đó,” vị đại tá nói. “Và rồi tôi hỏi ông Webb làm thế nào để chôn cất các vị anh hùng này một cách tử tế, đúng nghi lễ, và vinh danh họ, vì họ rất xứng đáng, và họ đã ở đây 33 năm rồi.”

“Ông Webb nói bây giờ ông được Bộ Quốc Phòng giao nhiệm vụ, và có quyền hành, nên phải có trách nhiệm giải quyết vấn đề một cách danh dự,” ông Castagnetti nói.

Ông nói thêm: “Và ông Webb nói thêm rằng chúng ta phải chôn cất những người này một

cách danh dự, không chỉ cho cộng đồng Việt Nam tại Mỹ, mà còn cho cộng đồng người Mỹ tại Hoa Kỳ, mà nhiều người vẫn chưa hiểu hết cuộc chiến Việt Nam.”

“Giống như cố Tổng Thống Richard Nixon từng nói cuộc chiến Việt Nam là cuộc chiến mà ít người dân Mỹ hiểu nhất. Cho tới ngày hôm nay, chúng ta vẫn còn nhiều người chưa trở về,” Đại Tá Castagnetti nói. “Buổi lễ sắp tới không chỉ vinh danh những chiến sĩ này, mà là vinh danh tất cả chiến sĩ VNCH, những người mà con cháu họ, thế hệ thứ hai, bây giờ cũng đang cầm súng bảo vệ nước Mỹ và đóng góp vào xã hội này.”

Trong bài báo trước, Bác Sĩ Hiệp có nói với nhật báo Người Việt rằng: “Ban đầu, chúng tôi dự trù đưa về Little Saigon để làm lễ vinh danh nhân dịp 30 Tháng Tư, nhưng rồi trục trặc giấy tờ thủ tục gì đó, không thực hiện được. Đến Tháng Năm năm nay ông Webb cho biết chuẩn bị đưa 81 hài cốt về California, và chúng tôi dự trù làm lễ vào dịp Đại Hội Gia Đình Mũ Đỏ lần thứ 39, được tổ chức ở Little Saigon hồi cuối Tháng Tám vừa qua, nhưng lại cũng chưa đem về được. Bây giờ, khi các hài cốt đã về tới California rồi, tôi tin chắc chúng tôi sẽ làm lễ vào ngày 26 Tháng Mười.”

Luật Sư Jeffrey McFadden giải thích: “Có hai trở ngại ở đây. Thứ nhất, chúng tôi phải ký giấy tờ với các cơ quan và với Bác Sĩ Hiệp, qua nhiều thủ tục rắc rối. Thứ hai, để có một chuyến bay quân sự chở 81 hài cốt về California không hề đơn giản. Tất cả tùy thuộc vào chuyện có chuyến bay hay không, nhất là đối với quân đội.”

Và cuối cùng, 81 bộ hài cốt được chở đến Nam California vào ngày 13 Tháng Chín.

“Trước đó, tôi phải bay đến California, và chờ đợi 81 hài cốt này. Chính tay tôi khiêng hai thùng đựng hài cốt từ trên máy bay xuống. Tôi được Thượng Nghị Sĩ Jim Webb ủy quyền ký nhận các hài cốt này, và tôi đã hoàn thành nhiệm vụ đó, trước khi bay về lại Hawaii,” Đại Tá Gino Castagnetti nói.



Đại Tá Gino Castagnetti và phu nhân

Ngày định mệnh của 81 “Thiên Thần Mũ Đỏ”

Theo ông Webb, vào năm 1965, một chiếc máy bay C-123 bị rơi trên một vùng hẻo lánh ở Việt Nam, làm phi hành đoàn gồm bốn phi công Mỹ và 81 chiến sĩ Nhảy Dù VNCH thiệt mạng. Mãi đến năm 1974 người ta mới tiếp cận được nơi máy bay rơi.

Tuy nhiên, tất cả hài cốt bị trộn lẫn vào nhau, nên người ta đưa vào một quan tài, và chuyển về Bangkok, Thái Lan.

Qua thử nghiệm DNA, Bộ Quốc Phòng Mỹ xác nhận được danh tính của bốn binh sĩ Mỹ, đem về chôn ở Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington.

Trong khi đó, không có thông tin gì để xác nhận 81 người Việt Nam còn lại.

Năm 1986, 81 bộ hài cốt này được chuyển về DPAA, nơi phụ trách xác định danh tính những người tử trận hoặc mất tích trong chiến tranh.

Về chi tiết chiếc máy bay bị nạn, Bác Sĩ Nguyễn Quốc Hiệp cho biết như sau: “Đó là ngày 11 Tháng Mười Hai, 1965, lúc đó, Tiểu Đoàn 3 và Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù vừa xong nhiệm vụ, chuẩn bị chuyển về Sài Gòn, thì được lệnh của Quân Đoàn 2 ở lại để đánh giải vây cho Sư Đoàn Mãnh Hổ của Nam Hàn đang bị kẹt ở Tuy Hòa. Chẳng may, Đại Đội 72 thuộc Tiểu Đoàn 7 lại đi trên chiếc máy bay C-123 định mệnh đó.”

“Tôi nhớ, viên phi công trưởng là Thiếu Tá Robert M. Horsky, từng lái B-52, nhưng vì hôm đó sương mù nên bay thấp, và thế là máy bay đâm vào núi, làm tất cả tử nạn. Vùng máy bay rơi là khu rừng hiểm trở, cách Tuy Hòa 32 cây số về phía Tây, gần như không thể vào được. Mãi đến năm 1974, khi người dân đi sâu vào rừng kiểm củi, họ mới phát hiện xác máy bay và các hài cốt,” ông Hiệp kể tiếp.

Được biết, chiếc C-123 hôm đó bay từ phi trường Pleiku đến phi trường Tuy Hòa thì bị nạn. Theo ông Webb, “Chính quyền Hà Nội từng hai lần từ chối cho những hài cốt này được chôn cất một cách đàng hoàng ở Việt Nam. Và bởi vì họ không phải là công dân hoặc binh sĩ Hoa Kỳ, không thể tìm được chỗ nào để chôn và vinh danh họ tại Mỹ.”

Ngày vinh danh 81 tử sĩ

Luật Sư McFadden cho biết, Thượng Nghị Sĩ Jim Webb, Đại Tá Gino Castagnetti, và cá nhân ông sẽ có mặt tham dự buổi lễ vào Tháng Mười. Ban tổ chức cũng sẽ mời các cựu quân nhân QLVNCH và quan khách địa phương tham dự. Ông Webb sẽ có bài phát biểu.

"Ngày hôm đó, chúng tôi cũng sẽ vinh danh tất cả quân cán chính VNCH và 1 triệu người Việt Nam, trong đó có nhiều người từng bị tù Cộng Sản sau ngày 30 Tháng Tư, 1975. Chúng tôi cũng vinh danh thế hệ trẻ người Việt Nam đã đến đây, và đang đóng góp cho đất nước này," ông McFadden nói.

"Chúng tôi rất hồi hộp chờ đợi ngày này," ông nhấn mạnh. "Các chiến sĩ này chiến đấu cho chúng ta cách đây hơn 50 năm, bây giờ họ phải được chôn cất một cách đàng hoàng," ông McFadden nói.

Đại Tá Castagnetti cũng cho biết, ông đang xin thành phố cho tổ chức một cuộc diễu hành nhỏ, để mọi người có thể đi cùng với các hài cốt này, từ Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ đến Westminster Memorial Park.

Trong khi đó, bà Nina Nguyễn, phu nhân Đại Tá Castagnetti, viết trong một email gửi ra rằng: "Chương trình vinh danh bắt đầu lúc 9 giờ sáng tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ."

"Tôi tha thiết yêu cầu chúng ta hãy tình nguyện làm thân nhân mặc áo đen, để tang trắng cho những Anh Hùng Thiên Thần Mũ Đỏ và để cho mọi người biết, còn biết bao người lính VNCH mồ xiêu, mả lạc, nằm xương tàn rải rác khắp quê hương Việt Nam chưa có cơ hội được chôn cất để các anh được yên vị."

(**Đỗ Dzũng**)

VĂN HÓA VIỆT NAM CỘNG HÒA LÀ GÌ?

(Tiếp theo trang ...)

Tự do và dân chủ chỉ là điều kiện cần, mục đích và triết lý sống của dân tộc là điều kiện đủ để phục hồi Việt Nam.

Mục đích và triết lý sống giúp mỗi dân tộc biết đang ở đâu, đang làm gì, đang sống như thế nào, sẽ đi về đâu, đi cách nào và làm sao để đạt được mục tiêu tối thượng trong hoàn cảnh và khả năng có được.

Mục đích, triết lý và văn hóa xây dựng xã hội thời Việt Nam Cộng Hòa đã thích hợp và thành công ở miền Nam, cũng sẽ thích hợp với cả nước.

Nhân bản, khai phóng và dân tộc sẽ trở thành mục đích, triết lý và văn hóa chung cho toàn dân tộc làm nền tảng đưa đất nước đi lên theo kịp đà tiến bộ và văn minh nhân loại.

• **Nguyễn Quang Duy**
Melbourne, Úc Đại Lợi
26/10/2019

Thành Kính Phân Ưu

Được tin buồn:

Anh Đặng Tự Lực

Pháp danh Thị Lượng

Sinh ngày 29.01.1956 tại Sài Gòn-Việt Nam

Đã thuận thế vô thường xả bỏ thân tứ đại

ngày 25.9.2019 tại Henstedt-Ulzburg

Hưởng thọ 64 tuổi.

Chúng tôi thành thật phân ưu cùng chị Trần Thị Ngọc Hương và đại gia đình tang quyến, đồng thời cầu nguyện cho hương linh Thị Lượng Đặng Tự Lực sớm được vãng sanh về cõi Phật A Di Đà.

*Mừng anh đến cõi an bình cực lạc
Cuộc hành trình kết thúc thật thanh thơi
Bao khổ lụy gửi cho Ngai Di Lạc
Và an nhiên tiếp nhận nụ cười tươi.*

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

GĐ. Phù Vân Nguyễn Hòa, Bs. Dương Anh Dũng,
Nguyễn Tích Phùng-Đàm Thị Bích Liên, Văn Công
Tuấn, Nguyễn Chí Thanh, Đoàn Ngọc Chánh,
Tám-Nguyệt, Đỗ Hiệp Thuận, Bs. Trần Văn
Khiêm, Nguyễn Mạnh Hùng



PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Anh Phê Rô Nguyễn Tài Cung

Sinh ngày 19 tháng 09 năm 1973

tại Sài Gòn Việt Nam

Mất ngày 03 tháng 10 năm 2019

tại Böblingen Đức Quốc

hưởng dương 46 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng gia đình anh chị Nguyễn Anh Tuấn và các cháu. Nguyên cầu Linh Hồn anh Phê Rô Nguyễn Tài Cung sớm về nước Chúa.

* GĐ Phù Vân Nguyễn Hòa ở Hamburg. GĐ Ngô Ngọc Hiếu ở Berlin. GĐ Hàn Cường. GĐ Trần Văn Huyền. GĐ Lý Văn Văn ở Reutlingen.

TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO



• Phạm Văn Tuấn

Bức tượng Nữ Thần Tự Do là một món quà thiện chí của nhân dân Pháp tặng cho nhân dân Hoa Kỳ và được đặt trên một hòn đảo nằm trong hải cảng New York, hoàn thành vào năm 1886. Tượng Nữ Thần Tự Do là một nữ đại sứ của tình huynh đệ giữa hai quốc gia Pháp và Hoa Kỳ, với nước Pháp chủ trương "*Tự Do, Bình Đẳng, Huynh Đệ*" (*Liberté, Égalité, Fraternité*), kết hợp với lòng trông đợi của người Mỹ về "*Đời Sống, Tự Do và việc theo đuổi Hạnh Phúc*" (*Life, Liberty and the Pursuit of Happiness*).

Hơn một thế kỷ về trước, một nhà điêu khắc người Pháp đã phác họa ra bức tượng này rồi kể từ đó, bức tượng Nữ Thần Tự Do đã là một biểu tượng độc đáo của miền Bắc Mỹ. Đây là hình ảnh của một nhân vật chịu đựng, khắc khổ, cương quyết với cánh tay vươn cao, gơ lên ngọn đuốc để đón tiếp hàng triệu người di cư tới miền đất mới của Bắc Mỹ, họ là những người đi tìm kiếm một đời sống tốt lành hơn cùng với các tự do chính trị và tôn giáo.

Tượng Nữ thần Tự Do biểu hiện các lý tưởng về lòng trắc ẩn, sự an toàn, niềm hy vọng, sự hướng dẫn và trên hết là chủ trương Tự Do của các nhà lập quốc Hoa Kỳ. Bức tượng cũng là niềm tin của nhiều sắc dân tha hương trên Thế Giới.

Từ cuối thế kỷ 18, dù cho là nước dẫn đầu trên Thế Giới về các tư tưởng Dân Chủ, nước Pháp chỉ trải qua hai thời kỳ Cộng Hòa ngắn ngủi, thời kỳ thứ nhất vào thập niên 1790, tiếp theo cuộc Cách Mạng Pháp và nền Cộng Hòa thứ hai giữa các năm 1848 và 1852. Tại nước Pháp, hai thể chế quân chủ và đế quốc (empire) đã tồn tại lâu dài, khiến cho người dân nước Pháp đã quen với lòng trung thành với nhà Vua. Cấu trúc

chính trị của nước Pháp chỉ thay đổi vào năm 1870, sau khi nước Pháp thua trận Chiến Tranh Pháp-Phổ (the Franco-Prussian War) với hậu quả là sự sụp đổ của đế quốc Pháp do Hoàng Đế Napoléon III lãnh đạo. Từ nay bắt đầu nền Cộng Hòa Thứ Ba.

Mặc dù phải sống dưới vương quyền, trong lòng người dân Pháp sống vào thế kỷ 19 vẫn còn ý thức đối kháng lại thể chế quân chủ, vì họ cho rằng vương quyền là một hình thức chính quyền không đáng được duy trì. Hợp Chúng Quốc Bắc Mỹ được thành lập vào thế kỷ 18 và trong hơn 100 năm theo đuổi thể chế Cộng Hòa, nên hình thức chính quyền của Hoa Kỳ đã khác biệt với các chế độ quân chủ của châu Âu. Rồi do các ý tưởng và ước vọng về cuộc Cách Mạng Pháp 1789 đã không bao giờ tàn lụi đối với nhiều người Pháp, và cũng do chính quyền Cộng Hòa của Bắc Mỹ là sự thể hiện lý tưởng của người Pháp về "Tự Do, Bình Đẳng, Huynh Đệ" trong thời đại của Lý Trí, nên bức tượng Nữ Thần Tự Do đã là một sáng tạo để tượng trưng cho các lý tưởng kể trên và là một hiện thực của câu nói "Tự Do chiếu sáng Thế Giới" (*La Liberté éclairant Le Monde*).

1- Các nhân vật có công đầu



Edward de Laboulaye

Ông Edward de Laboulaye (tên viết theo tiếng Pháp là Édouard René de Laboulaye) là một nhà luật học, một giáo sư, một diễn giả được nhiều người biết danh tiếng và cũng là một chuyên viên về lịch sử hiến pháp Hoa Kỳ. Năm 1865, ông Laboulaye đã tổ chức một bữa tiệc trong đó các người tham dự đã thảo luận về việc cần phải dựng nên một kỷ vật để tượng trưng cho tình cảm của nước Pháp đối với cuộc Cách Mạng Hoa Kỳ, bởi vì tại cuộc Cách Mạng này,

hiều người Pháp đã chiến đấu và đổ máu cho nền Độc Lập và Tự Do của Bắc Mỹ. Trong cuộc thảo luận, ông Laboulaye đã tin tưởng rằng dân chúng Hoa Kỳ đã yêu mến Hầu Tước De Lafayette và các binh lính tình nguyện Pháp, cũng như họ đã kính trọng các vị anh hùng Mỹ vậy. Và tình bạn giữa hai quốc gia này không thể bị quên lãng.

Ông Laboulaye đã nói: *"nếu một đài kỷ niệm được xây dựng tại châu Mỹ như là một kiến trúc tưởng nhớ về nền Độc Lập, thì tôi cho rằng đài kỷ niệm đó nên được xây dựng bằng các cố gắng hợp tác, đó là một công trình chung của cả hai quốc gia và đó cũng là một điều tự nhiên"*.

Trong số các thực khách có mặt tại bữa ăn đặc biệt đó, có một nhà điêu khắc ở tuổi 31, tên là Frederic Auguste Bartholdi. Về sau này, nhà điêu khắc đã nhớ lại như sau: *"Cuộc đàm thoại đó đã hấp dẫn tôi mãnh liệt, đã ăn sâu vào trí nhớ của tôi"*. Ông Laboulaye đã xác định lại quan điểm của mình về việc thực hiện một đài kỷ niệm và đã thúc giục Bartholdi nên qua châu Mỹ để *"tìm ra một ý tưởng hay một kế hoạch có thể kích thích sự phấn khởi của quần chúng"*. Ý tưởng về một bức tượng mô tả nền Tự Do đã ra đời sau bữa ăn định mệnh đó, nhưng việc thực hiện sáng kiến này phải chờ 21 năm, hay 3 năm sau khi ông Laboulaye qua đời.

Ý tưởng xây dựng một đài kỷ niệm thuộc về ông Laboulaye nhưng cỡ lớn của đài kỷ niệm đó lại do ảnh hưởng của kiến trúc Ai Cập. Năm 1856, ông Bartholdi qua thăm viếng miền đất của các Vua Pharaohs. Mức độ cổ xưa của các Kim Tự Tháp, tầm vóc vô cùng lớn lao của các lăng mộ đó đã ám ảnh nhà điêu khắc người Pháp này và ông Bartholdi đã phải bình luận rằng các công trình vĩ đại đó đã làm cho người ta quên đi hiện tại và bị ám ảnh bởi tương lai không giới hạn.

Ông Bartholdi trở lại du lịch Ai Cập vào năm 1869, khi người Pháp khánh thành Kênh Đào Suez. Việc thực hiện công trình kênh đào này là do ý muốn hiện đại hóa đất nước của vị Phó Vương Ismail Pasha và hai năm về trước, khi Phó Vương ghé qua Paris, ông Bartholdi đã có cơ hội đề nghị với Phó Vương nên xây dựng một bức tượng của một nữ nông dân Ai Cập (fellah) tay cầm một ngọn đuốc gơ cao. Đề tài của bức tượng là *"Tiến Bộ" (Progress) hay "Ai Cập mang ánh sáng tới châu Á"*. Bức tượng như vậy vừa là một biểu tượng của việc hiện đại hóa đất nước Ai Cập của Phó Vương, vừa được dùng làm một hải đăng đứng bên bờ kênh đào mới.

Trong hai năm làm việc có khi không liên tục, nhà điêu khắc Bartholdi đã hoàn thành được bản vẽ cuối cùng và một bức tượng nhỏ mô tả về kỷ vật dành cho buổi lễ năm 1869, nhưng vị Phó Vương vào lúc này không còn lưu tâm tới bức tượng hải đăng đó nữa và vì vậy, Bartholdi đã nhớ lại đề nghị của ông Laboulaye khi trước mà quan tâm trở về dự án của châu Mỹ.

Hình ảnh của một phụ nữ gơ cao lên một thứ gì đó, thường được dùng trong nghệ thuật của thời bấy giờ, vì thế việc phác họa bức tượng Nữ Thần Tự Do của châu Mỹ phải có những đặc điểm tương tự như bức tượng của một nông dân Ai Cập. Và ông Bartholdi đã giận dữ khi các báo chí cho rằng vì ông không bán được bức tượng cho Ai Cập nên đã dùng bức tượng này để bán lại cho Hội Đoàn Kết Pháp-Mỹ (the Society of the French-American Union). Lời tố cáo không công bằng này đã không cứu xét tới việc khảo sát và các năng lực trong nhiều năm của ông Bartholdi để làm phát triển các ý tưởng ban đầu và các công lao xây dựng bức tượng Nữ Thần Tự Do.

2- Ông Bartholdi tới Hoa Kỳ



Frédéric Auguste Bartholdi

Năm 1869, ông Bartholdi đã đề nghị bức tượng *"Tự Do"* là một món quà của nhân dân Pháp tặng cho Hoa Kỳ nhân dịp kỷ niệm 100 Năm Hoa Kỳ độc lập. Năm 1871, để cứu xét sự khả thi này, nhà điêu khắc đã xuống tàu qua thăm Bắc Mỹ. Khi đứng trên con tàu đi vào hải cảng New York, ông Bartholdi đã nhận thấy ngay ảnh hưởng của địa điểm xây dựng đài kỷ niệm, vì nơi đây là hải cảng mà phần lớn các tàu biển đi vào Tân Thế Giới. Đây phải là chỗ lý tưởng đặt bức tượng *"Tự Do"*.

Trí tưởng tượng của nhà điêu khắc người Pháp đã sống dậy: bức tượng *"Tự Do"* phải có hình dạng một nữ thần cổ điển, không giống một

nữ nông dân Ai Cập, với vương niệm trên đầu và ngọn đuốc cầm trên tay giơ cao, tượng trưng cho nhân cách, uy quyền và sự giải phóng. 7 mũi nhọn của vương niệm diễn tả sự tự do được tỏa rộng tới 7 lục địa và 7 đại dương, và ở dưới chân của bức tượng, cái xiềng đã bị phá vỡ, bộc lộ sự giải phóng khỏi bạo quyền. Một đặc điểm khác là trên tay bức tượng "*Tự Do*" có tấm bảng ghi ngày Tuyên Bố Độc Lập của Hoa Kỳ: *tháng 7 ngày 4 năm 1776*.

Vào cuộc viếng thăm Hoa Kỳ lần đầu tiên trong 4 lần đi khảo sát, nhà điêu khắc Bartholdi đã xúc động trước sự bao la, rộng lớn của lãnh thổ Hoa Kỳ, đã ngạc nhiên và khâm phục tốc độ phát triển và xây dựng quá nhanh các thành phố của người Mỹ, cho nên chỉ có tấm vóc thật lớn của bức tượng mới diễn tả được các quan điểm không giới hạn về thời gian và không gian, mới bộc lộ được các đặc tính của miền Bắc Mỹ.



Ulysses S. Grant
Tổng Thống thứ 18 của Hoa Kỳ

Cuộc viếng thăm này cũng ở vào một thời điểm rất thuận tiện, bởi vì trước đó vài tháng, Đế Quốc Thứ Hai của Vua Napoléon III đã bị sụp đổ và nước Pháp đã có một nền Cộng Hòa mới. Giữa hai nước Pháp và Hoa Kỳ đang duy trì một tình cảm đoàn kết và thân ái. Nhà điêu khắc đã lợi dụng được bầu không khí thiện chí tốt đẹp này để tạo nên các liên lạc cần thiết cho dự án của mình. Trong các nhân vật mà ông Bartholdi đã làm quen, có ông John W. Forney là chủ nhân tờ báo Philadelphia và sau này là đại diện của Hoa Kỳ tại cuộc Triển Lãm 100 năm tổ chức tại Pháp, rồi cũng nhờ ông Forney, Bartholdi đã liên lạc được với Tổng Thống Hoa Kỳ Ulysses S. Grant. Nhà điêu khắc cũng gặp nghệ sĩ John LaFarge, thi sĩ Wadsworth Longfellow, kiến trúc sư H. H. Richardson... và cả cộng đồng người Mỹ gốc Pháp sinh sống tại New York, và nhóm dân

này đã ủng hộ dự án xây dựng một đài kỷ niệm.

Năm 1871, Bartholdi lại qua Hoa Kỳ để lựa chọn địa điểm đặt bức tượng. Vào lúc này, các mô hình ban đầu của bức tượng Tự Do đã hoàn tất nhưng hoàn cảnh chính trị tại nước Pháp lại không ổn định. Nước Pháp mới thua trận chiến tranh Pháp-Phổ 1870 và phải bồi thường cho nước Đức 5 tỷ quan tiền (vào khoảng 1 tỷ Mỹ kim) và cho tới năm 1873, việc bồi thường vẫn còn tiếp tục và quân đội Đức vẫn còn chiếm đóng miền đông của nước Pháp. Mặc dù vào tháng 9 năm 1870, chế độ Cộng Hòa được tuyên bố thành lập nhưng Quốc Hội Pháp lại do các người bảo hoàng chiếm ưu thế. Khi Quốc Hội chấp thuận một Hiến Pháp Cộng Hòa vào tháng 12-1875, thì dự án về bức tượng Tự Do đã được chính thức phổ biến vào một năm trước.

Ngày 6 tháng 11 năm 1875, một bữa tiệc lớn được tổ chức để công nhận Hội Đoàn Kết Pháp-Mỹ (the Union Franco-American). Ông Edward de Laboulaye đã là vị Chủ tịch đầu tiên của hội này. Hội Đoàn Kết cũng gồm nhiều nhân vật danh tiếng, kể cả các cháu chắt của hai vị anh hùng De Lafayette và Rochambeau. Dự án xây dựng bức tượng Tự Do sẽ là một hợp tác của hai quốc gia theo đó nhân dân Pháp sẽ hoàn tất và chuyên chở bức tượng tới Hoa Kỳ, còn cái bệ trên đó đặt bức tượng sẽ do người Mỹ vẽ kiểu, xây dựng và đài thọ.

Công cuộc vận động tài chính tại Pháp đã gặp hưởng ứng sớm và nồng nhiệt. Tiền bạc đã tới từ 181 thành phố và hơn 100 ngàn cá nhân. Nhiều cuộc gây quỹ đặc biệt được tổ chức, chẳng hạn như nhà soạn nhạc lừng danh Gounod đã viết ra bản "*Thanh Nhạc Tự Do*" (*Liberty Cantata*) trình diễn tại Đại Hý Viện Paris. Cũng có một cuộc xổ số 528 giải thưởng với giá vé 1 quan tiền và tại cuộc Triển Lãm Quốc Tế Paris năm 1878 (the Paris Universal Exhibition of 1878), phần đầu và phần vai của bức tượng Tự Do đã được làm xong và được trưng bày, các du khách muốn coi phần bên trong bức tượng phải trả tiền vào cửa, nhờ vậy tiền thu được đã giúp một phần vào công cuộc xây dựng bức tượng. Vào lúc này, tấm bảng đồng ghi chú về bức tượng được viết là: "Đài Kỷ Niệm Độc Lập, Tự Do chiếu sáng Thế Giới" (Monument de l'Indépendance, la Liberté Eclairant le Monde). Nhưng các khó khăn gặp phải khi bắt đầu xây dựng bức tượng đã làm trị giá ước lượng ban đầu 250.000 Mỹ kim lên tới 400.000 Mỹ kim.

3- Ủy Ban xây tượng Hoa Kỳ

Công trình thực hiện bức tượng Tự Do về phía Hoa Kỳ đã tiến triển chậm chạp vì vào tháng 1 năm 1877, chi nhánh của Hội Đoàn Kết Pháp Mỹ mới được thành lập và được gọi tên vẫn tắt là "Ủy Ban Hoa Kỳ" (*the American Committee*), lúc đầu gồm khoảng 100 hội viên, rồi 10 năm sau, số hội viên tăng lên tới 400 người.

Các nhân vật danh tiếng của Hoa Kỳ đã tham gia vào hội này, như các ông Samuel D. Babcock, một kỹ nghệ gia, John Taylor Johnson, Giám đốc Hỏa xa và Giám đốc đầu tiên của Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Metropolitan, John Jay, nhà cải cách xã hội, William Cullen Bryant, thi sĩ kiêm chủ nhiệm nhật báo, Edwin F. Noyes, nguyên Thống đốc Tiểu bang Ohio rồi về sau là Đại Sứ Hoa Kỳ tại Pháp. Đứng đầu Ủy Ban là nhà luật học danh tiếng William M. Evarts, sau này trở thành vị Bộ Trưởng Ngoại Giao. Ủy Ban có ông J.W. Pinchot làm thủ quỹ và ông Richard Butler làm thư ký, lãnh việc tiếp xúc với nhà điêu khắc. Ủy Ban Hoa Kỳ còn gồm có một số chính trị gia, thương gia, các nhà mạnh thường quân, các người yêu nghệ thuật, các người dân gốc Pháp phần lớn sinh sống tại New York và nhiệm vụ của Ủy Ban này là gây quỹ 125.000 mỹ kim, là số tiền cần thiết để xây cái bệ đặt bức tượng Tự Do.

Năm 1876, nhân dịp Triển Lãm 100 Năm của Hoa Kỳ (*America's Centennial Exhibition*) tại Philadelphia, cánh tay phải của bức tượng và ngọn đuốc đã được đem trưng bày để du khách tới coi. Món quà tặng của nước Pháp đã được chính thức hóa và Quốc Hội Hoa Kỳ đã chấp thuận về một địa điểm đặt tượng cùng ngân khoản dùng vào việc bảo trì bức tượng về sau này.

Ủy Ban Hoa Kỳ, mặc dù bao gồm nhiều loại hội viên nhưng đa số vẫn là các người giàu có. Trong số 161.000 Mỹ kim quyên góp được cho tới tháng 11-1884, chỉ có 7.000 Mỹ kim do những món tiền nhỏ hơn 100 Mỹ kim, tương đương với lương tháng trung bình của một người dân thường vào thời bấy giờ. Đa số hàng trăm và hàng ngàn Mỹ kim đều từ những nhân vật danh tiếng như các ông John Jacob Astor, nhà độc quyền về buôn lông thú và bất động sản tại thành phố New York, Andrew Carnegie, nhà tư bản thép, Cyrus W. Field, người sáng lập ra công ty điện tín và đường dây cáp xuyên qua Đại Tây Dương, P.T. Barnum, chủ gánh xiếc...

Ngoài ra, cuộc Triển Lãm Nghệ Thuật New York (*the New York Art Loan Exhibition*) đã mang về gần 14.000 Mỹ kim do vé vào cửa. Tới năm 1885, số tiền thu được của Ủy Ban Hoa Kỳ lên tới

180.000 Mỹ kim trong khi đó, phí tổn xây dựng bệ bức tượng lại tăng gấp hai, làm cho công trình kiến trúc có khi phải ngừng lại.

Đối với dân chúng Hoa Kỳ vào thời bấy giờ, một số người bi quan đã chỉ trích bức tượng là mô tả "Nữ thần tà giáo" (*Pagan goddess*), một số khác lại nghi ngờ lòng ngay thẳng của nhà điêu khắc và cho rằng việc thực hiện bức tượng là trách nhiệm của những người giàu có sống tại thành phố New York.

Cuối cùng vào tháng 3-1885, bức tượng Tự Do đã được làm xong tại Pháp và chờ đợi chuyên chở qua Hoa Kỳ. Vào thời điểm này, Ủy Ban Hoa Kỳ phải kêu gọi tới lòng ái quốc của quần chúng Mỹ:

"Nếu bây giờ tiền bạc không được đóng góp nữa, thì bức tượng sẽ bị trả về cho người tặng, đó là sự bất hạnh cho dân chúng Mỹ, hay bức tượng sẽ bị gửi tới một thành phố khác và đó là việc làm mất danh dự của thành phố New York, chúng tôi yêu cầu các bạn tránh tai họa đớn đau và buồn tủi này. Chúng tôi xin các bạn, mỗi người và mọi người, tùy theo phương tiện của mình, đóng góp theo khả năng và không quên một cơ hội cuối cùng xây dựng một vinh quang bất diệt cho chính các bạn và cho Đất Nước". Sau đó, hàng ngàn món tiền nhỏ đã gửi tới Ủy Ban tổ chức và phần lớn là nhờ vào công lao và sự quan tâm nhiệt thành của ông Joseph Pulitzer, chủ báo Thế Giới New York (*the New York World*).



Joseph Pulitzer

Ngày 16 tháng 3 năm 1885, một tuần lễ trước khi Ủy Ban Hoa Kỳ ra thông báo kêu gọi sự đóng góp, ông Pulitzer đã phát động một phong trào

gây quỹ. Trên trang đầu và trong phần quan điểm, ông Pulitzer đã chê trách các người giàu có, đã không đóng góp đủ những món tiền dù nhỏ, để có thể thu nhận bức tượng Tự Do và ông kêu gọi tới lòng hãnh diện của người Mỹ, sẽ đưa dự án từ tầm vóc địa phương lên tầm vóc quốc gia, và ông Pulitzer nói rằng bức tượng này là quà tặng cho toàn thể nhân dân Hoa Kỳ và đã do nhân dân Pháp trả tiền. Ông Pulitzer đã viết: *"Chúng ta hãy phản ứng bằng phương cách tương tự. Chúng ta không chờ đợi các triệu phú cho tiền",* và tờ báo *"Thế Giới"* đã hứa sẽ công bố tên họ của mọi người tặng tiền, dù là một món tiền nhỏ.

Số báo ra ngày 22-4-1885 đã viết như sau: *"Thực là một kiến trúc rực rỡ đứng vươn cao lên tận tầng mây tại hải cảng đẹp đẽ. Đó là một kỳ vật đầu tiên mà mọi người mới đến bờ biển này nhìn thấy. Bức tượng sẽ là một biểu tượng của Tự Do, cao như trái núi trước các con mắt của những người tới từ các quốc gia bị áp chế bên kia bờ đại dương. Bức tượng báo hiệu sự hoàn thành đầy đủ nhất về Tự Do của Nhân Loại và sẽ đứng vững mãi mãi để kể về đề tài đó".*

Các lý tưởng Tự Do của Hoa Kỳ đã ảnh hưởng tới ông Joseph Pulitzer. Ông đã di cư từ Hungary qua Bắc Mỹ vào giữa cuộc Nội Chiến. Sau khi phục vụ trong quân đội Miền Nam, ông Pulitzer đã là Chủ nhiệm tờ báo Post Dispatch tại thành phố St. Louis. Năm 1883, ông đã mua tờ *"Thế Giới" (The World)* và đã di chuyển tòa soạn về New York và cố gắng làm cho tờ báo nổi danh. *"Tự Do"* đã là đề tài hấp dẫn khiến cho tờ *"Thế Giới"* thành công với số báo phát hành cao nhất tại Tây Bán Cầu và ông Pulitzer trở thành *"nhà báo của dân chúng" (people's journalist)*.

Người dân Hoa Kỳ vào lúc này không còn ác cảm với *"ngọn hải đăng New York"* nữa, hàng ngàn món tiền tặng, có khi nhỏ tới 10 xu, 20 xu... đổ về tòa báo mỗi ngày và tờ *"Thế Giới"* đã giữ lời hứa, đã đăng tải danh sách các người hảo tâm, gồm các công nhân, các người nữ bán hàng, các công chức... Tờ báo cũng kể vài câu chuyện theo đó một em nhỏ 9 tuổi đã lạc quyền được 7 Mỹ kim từ các nhân viên làm việc cho cha của em, hay một em gái 13 tuổi gây quỹ từ hàng trăm bạn học cùng lớp...

Tại phía bên kia bờ Đại Tây Dương, người Pháp cũng tổ chức các buổi trình diễn âm nhạc, các dạ hội, các cuộc tranh tài thể thao để gây quỹ cho bức tượng. Ngày 11 tháng 8 năm đó, tờ *"Thế Giới"* công bố đã thu được 100.000 mỹ kim từ hơn 120.000 người và dự án bức tượng *"Tự Do"* tại cả hai phía Hoa Kỳ và Pháp đã thành

công, khi bức tượng được đóng hàng, mang xuống con tàu Isère và chở qua hải cảng New York.

4- Thực hiện kỹ thuật và nghệ thuật cho bức tượng

Khi hội Đoàn Kết Pháp-Mỹ được thành lập vào năm 1875, nhà điêu khắc Bartholdi đã hoàn thành được vài mẫu vẽ bức tượng Tự Do. Nhà điêu khắc phải đương đầu với rất nhiều vấn đề, chẳng hạn như vẽ kiểu và cách chế tạo, đòi hỏi tới năng khiếu riêng của nhà sáng tạo, vì trước đó đã không có các kiểu mẫu nào to lớn đến như thế.

Vào thế kỷ 19, một đài kỷ niệm cao 302 feet (92 mét) kể cả bệ, sẽ chế ngự cả một vùng chân trời và ngọn đuốc giơ lên cao sẽ khiến cho nhiều nơi trông rõ. Bức tượng Nữ Thần Tự Do như vậy sẽ lấn át bức tượng Rhodes (Colossus of Rhodes), là một trong 7 kỳ quan của Thế Giới Cổ Xưa, hơn cả bức tượng S. Carlo Borromeo, và tượng Nữ Thần Tự Do sẽ vừa là một sáng tạo kỹ thuật đặc biệt và cũng là một tác phẩm nghệ thuật.

Ông Bartholdi là một nghệ sĩ nên đã bị ảnh hưởng bởi thời đại của ông, bởi các bài học của quá khứ... Một trong các bức họa gây được nhiều ấn tượng sâu sắc vào tâm hồn nhà điêu khắc, là tác phẩm *"Tự Do hướng dẫn Dân Chúng" (La Liberté Guidant le Peuple)* năm 1830 của họa sĩ Delacroix. Đây là một biểu tượng của cuộc Cách Mạng Tháng 7, đã bị chính quyền Pháp xếp vào bóng tối cho đến khi có bầu không khí chính trị bao dung hơn.



Tư tưởng của ông Bartholdi cũng bị ảnh hưởng do ý niệm hòa bình của ông Laboulaye, vì vậy bức tượng đã không mang một lá cờ, một cây súng là biểu tượng của cách mạng, mà mang

bên mình các biểu tượng thụ động hơn, đó là một ngọn đuốc và một tấm bảng, giống như tấm bảng của nhà tiên tri Moses, nằm trong cánh tay vững chắc.

Bức tượng Nữ Thần Tự Do còn có vẻ mặt nghiêm trang và khắc khổ, và theo như lời ông Bartholdi, bộ diện mạo này đã phản ánh một phần nào bộ mặt của người mẹ nhà điêu khắc, bởi vì bà đã là một nạn nhân chính trị, một góa phụ người Pháp sống trong miền Alsace bị quân đội Đức chiếm đóng. Tượng Tự Do này là hình ảnh của một nữ thần cổ điển, có bộ mặt tỏ lộ ra một vẻ đẹp thánh thiện cùng với sức mạnh, hòa hợp với vòng vương niêm 7 nhánh trên đầu.

Mô hình của bức tượng được nặn bằng đất sét, cao 1,25 mét (hơn 4 feet), đã được phóng lớn 3 lần thành chiều cao 2,85 mét, rồi lại được tạc thành tượng cao hơn 11 mét (hơn 36 feet). Chính ở tầm vóc này, nhà điêu khắc đã duyệt xét lại mọi chi tiết. Sau đó, độ phóng lớn cuối cùng làm cho kích thước của mẫu hình cao tới 46 mét (151 feet). Trên bức tượng, các nhân viên kỹ thuật đã dùng tới hơn 300 điểm chuẩn chính và 1.200 điểm chuẩn phụ, và họ đã thực hiện hơn 9.000 công cuộc đo lường dùng cho bức tượng. Tượng được đổ bằng thạch cao rồi chuyển sang lớp đồng mỏng. Các lớp đồng dày được cẩn thận ép từ bên trong và gõ bằng tay, sau đó được sửa chữa bằng cách đập gõ từ bên ngoài. Tất cả có hơn 300 miếng đồng, tạo nên phần ngoài bức tượng.

Phần sườn thép bên trong, chịu đựng bức tượng, đã được vẽ kiểu và thực hiện do kỹ sư Gustave Eiffel, nhân vật vào năm 1889 đã xây dựng nên Tháp Eiffel là đài kỷ niệm 100 năm Cuộc Cách Mạng Pháp. Ông Gustave Eiffel là kỹ sư danh tiếng nhất về xây dựng các cầu xe lửa, với sự hiểu biết uyên thâm về cách thiết kế bằng sắt thép và cách tính sức chịu đựng (stress). Cấu trúc của phần sườn sắt gồm 4 cột sắt cao mỗi cột 29,54 mét (96 ft 11 in.), mọc lên từ bệ của bức tượng và chịu đựng tất cả trọng lượng, rồi từ chiếc tháp trung tâm này, có các đà nhỏ hơn, nương theo hình dạng của bức tượng. Hàng trăm bộ phận đã tạo nên một hệ thống nhún (suspension system), với độ co giãn điều chỉnh tùy theo sự giãn nở hay co hẹp.

Sau 10 năm chế tạo tại Pháp, các phần của tượng Tự Do đã dần dần hoàn thành. Cánh tay phải và bó đuốc được chở qua Hoa Kỳ nhân dịp kỷ niệm 100 Năm Độc Lập 1876, rồi tới năm 1878 thì đầu của tượng đã được làm xong và được trình bày trước dân chúng thành phố Paris.

Tại Hoa Kỳ, cánh tay phải và đầu bức tượng Tự Do đã được di chuyển về Công Viên Madison của thành phố New York và nằm tại đây từ 1877 tới 1884. Địa điểm này đã là nơi xuất phát và dừng chân của nhiều đoàn diễu hành tại thành phố đó.

Ngày 4 tháng 7 năm 1884, một buổi lễ đã được tổ chức để chính thức chuyển giao tượng, từ vị đại diện nước Pháp là ông Ferdinand de Lesseps, một nhân vật danh tiếng đã đào xong Kênh Đào Suez, qua ông Đại Sứ Hoa Kỳ là Levi P. Morton. Về phần Hoa Kỳ, việc xây dựng bao gồm các công tác chọn lựa địa điểm, đắp nền móng và cái bệ đứng với chiều cao gần bằng chiều cao của tượng.

Địa điểm đặt tượng phải nằm trong hải cảng New York. Ông Bartholdi đã lựa chọn hòn đảo Bedloe, một đảo nhỏ, cô đơn, không làm cản trở tầm nhìn của các con tàu biển đi vào hải cảng. Đảo Governor cũng là một địa điểm đề nghị và cả hai đảo này đều thuộc về chính quyền Liên Bang. Năm 1877, Quốc Hội Hoa Kỳ đã giao quyết định chọn lựa cho Tướng William T. Sherman, một vị anh hùng trong thời Nội Chiến Nam Bắc Mỹ. Ông Sherman đã thiên về ý kiến của nhà điêu khắc và chọn đảo Bedloe.

Bức tượng Nữ Thần Tự Do có kích thước vĩ đại, vì vậy cũng đòi hỏi cái bệ khổng lồ, có chiều cao vào khoảng một tòa nhà 10 tầng. Cái bệ này cũng phải được vẽ kiểu sao cho tượng vẫn là trung tâm hấp dẫn sự chú ý của du khách, rồi cả ba thành phần toàn cảnh, cái bệ và tượng phải hòa hợp với nhau thành một toàn thể kiến trúc mang đầy đủ ý nghĩa và mỹ thuật. Nhiều kiểu vẽ bệ đã được cứu xét, chẳng hạn như kiến trúc 6 cánh với nét vẽ từ pháo đài của Viollet-le-Duc. Ông Bartholdi cũng vẽ cái bệ của tượng là một hình vuông, đứng trên là một kiểu Kim tự tháp, có lẽ do ảnh hưởng của kiến trúc Ai Cập. Cuối cùng, công trình của kiến trúc sư nổi danh Richard Morris Hunt đã thay thế các đề nghị kia. Dự án của ông Hunt là làm cho chiều cao của bệ giảm xuống còn 89 feet, nhưng cách xây dựng đã làm tăng phí tổn thêm 20.000 mỹ kim. Kiểu vẽ của ông Richard M. Hunt đã phối hợp được tỷ lệ và kiểu cách, để bổ túc cho tượng Tự Do.

Từ ngày 20 tháng 7 năm 1884, con phà Bartholdi đã nặng nề chuyên chở các vật liệu kiến trúc qua đảo Bedloe. Trên đảo, người ta cũng đặt một đoạn đường xe lửa để di chuyển đá, sắt... Nền của bệ có thể tích 11.680 yard khối (8.916 mét khối). Điều khiển công trình này là Tướng Charles P. Stone. Ngày 22-4-1886, tảng đá cuối cùng được đặt vào chỗ và Hoa Kỳ sẵn

sàng đón nhận món quà tặng lớn lao nhất, để trở nên bức tượng danh tiếng nhất và được yêu mến nhất trên Thế Giới.

Về phía nước Pháp kể từ tháng 1 năm 1885, bức tượng Tự Do đã được đóng vào trong 214 thùng gỗ đặc biệt, mỗi thùng được ghi chú cẩn thận để việc lắp ráp dễ dàng. Trọng lượng gỗ và kim loại dùng vào công việc này nặng 500.000 pounds (vào khoảng 250.000 kilô). Các thùng hàng được chở từ Paris tới Rouen bằng đường xe lửa rồi bốc lên tàu chiến Isère. Con tàu này rời bến cảng vào ngày 21-5-1885 và cập bến New York một tháng sau.

Bức tượng Tự Do đã rời khỏi thành phố Paris, để lại nhung nhớ cho người dân thành phố này, khiến cho ngay sau đó, các người dân New York sống tại Paris đã quyên góp tiền bạc và xây dựng một bức tượng tương tự, nhưng nhỏ bằng một phần tư và đặt trên đảo Cygnes (Iles des Cygnes), khá gần Tháp Eiffel.

Công trình bức tượng Nữ Thần Tự Do đã thành công là do các nhân vật tận tụy: Laboulaye, Bartholdi, Eiffel, Hunt, Stone, Pulitzer, Lesseps, Evarts... Các vị này đã tới đúng nơi, làm việc đúng lúc, hoàn thành vai trò của mình dù lớn hay nhỏ, để tạo nên một kỳ quan của Thế Giới.

5- Tự Do chiếu sáng Thế Giới



*Ra mắt tượng nữ thần Tự Do soi sáng thế giới
(tranh của Edward Moran)*

Ngày 28 tháng 10 năm 1886, đã có một cuộc diễu hành quan trọng trên đường phố New York và tại hải cảng, một hạm đội lớn các tàu thuyền đủ loại, màu sắc rực rỡ, đang chờ đón giờ phút khánh thành bức tượng Nữ Thần Tự Do. Buổi lễ được chủ tọa bởi Tổng Thống Hoa Kỳ Grover Cleveland và trên hòn đảo, bức tượng được che phủ bằng lá cờ Pháp ba màu. Sau khi bài diễn văn cuối cùng chấm dứt, nhà điêu khắc Bartholdi đã bấm nút một cơ phận điều khiển, tấm màn che phủ bức tượng được kéo xuống: *hôm nay là ngày tưởng nhớ tới Tự Do, Công Lý, lòng Ái Quốc, tình Huynh Đệ và mọi người cùng hồi tưởng đến những người đã hy sinh vì Tự Do.* Các con tàu biển trong hải cảng New York đã kéo vang còi tàu, đồng thời các cỗ đại bác trên bờ và trên tàu đã bắn 21 phát súng chào mừng. Ngọn đuốc trên tay Nữ Thần Tự Do đã tỏa sáng, dù rằng ánh sáng lúc đó còn rất yếu ớt.

Tổng Thống Hoa Kỳ Cleveland hôm đó trong bài diễn văn, đã xác định ý tưởng chính trị đã liên kết 2 dân tộc Mỹ và Pháp, đó là: hình thức chính quyền Cộng Hòa thì rất cần thiết cho nền Tự Do tồn tại và *"một làn sóng ánh sáng sẽ xuyên thủng màn đêm của sự ngu dốt và áp bức của con người, cho tới khi nào Tự Do chiếu sáng Thế Giới"*.

Ánh sáng từ bức tượng Tự Do đã được coi là quan trọng kể từ khi bức tượng được phác họa và như vậy, bức tượng sẽ hoạt động như một ngọn hải đăng, cho nên bức tượng Nữ Thần Tự Do đã được Cơ Quan Hải Đăng Hoa Kỳ (the Lighthouse Board) phụ trách việc trông nom.

Khi ông Bartholdi vẽ kiểu bức tượng, đèn điện chưa được phát minh. Nhà điêu khắc đã cho rằng cũng nên có ánh sáng tỏa ra từ vương niệm trên đầu bức tượng nhưng rồi kỹ thuật về điện lực đã làm thay đổi dự tính. Một tháng trước ngày khánh thành và với sự đồng ý của nhà điêu khắc Bartholdi, ngọn đuốc được thắp sáng bằng điện lực, nhưng ánh sáng tỏa ra vẫn còn quá yếu.

Năm 1902, việc quản trị bức tượng Tự Do được chuyển qua cho Bộ Chiến Tranh (the War Department) và vấn đề chiếu sáng của ngọn đuốc vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Năm 1916, tờ báo Thế Giới New York (the New York World) lại kêu gọi việc gây quỹ để cải tiến hình ảnh của Bức Tượng Tự Do về ban đêm và một lần nữa, dân chúng Hoa Kỳ đã đóng góp 30.000 Mỹ kim nhờ đó bức tượng được chiếu sáng chan hòa, với 1.200.000 lumen từ 246 ngọn đèn pha. Nhà điêu khắc lừng danh Gutzon Borglum cũng trông coi việc lấy đi khoảng 600 miếng đồng từ

ngọn đuốc và thay vào bằng các miếng kính có màu vàng hổ phách. Kết quả là ngọn đuốc đã phát ra ánh sáng 250.000 lumen, cộng với 95.000 lumen của các ngọn đèn khác, gây nên vẻ chập chờn của ngọn lửa đang cháy. Trong buổi lễ khánh thành hệ thống chiếu sáng mới này có Tổng Thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson và Đại Sứ Pháp Jules Jusserand, đồng thời trên bầu trời, nữ phi công Ruth Law đã bay vòng quanh bức tượng, kéo theo đuôi máy bay hàng chữ lớn "Tự Do".

Năm 1931, một hệ thống chiếu sáng thứ hai được dùng tới, sửa chữa các khuyết điểm của hệ thống cũ với cường độ 2 triệu lumen ánh sáng. Khánh thành buổi lễ này là cô Jose Laval, ái nữ của Thủ Tướng Pháp. Đứng trên tầng lầu thứ 102 của tòa nhà Empire State Building, cô Laval đã truyền đi một tín hiệu vô tuyến tới một máy bay đang lượn trên bức tượng Nữ Thần Tự Do và từ máy bay đó, tín hiệu đã làm bật sáng toàn thể bức tượng và khu vực.

Theo quyết định của Quốc Hội Hoa Kỳ năm 1877, bức tượng Nữ Thần Tự Do được quản trị bởi Cơ Quan Hải Đăng, rồi tới năm 1902, do Bộ Chiến Tranh phụ trách. Từ ngày 15-10-1924, bức tượng này trở thành một đài kỷ niệm quốc gia (a national monument). Tới năm 1933, Cơ Quan Công Viên Quốc Gia (the National Park Service) lo quản trị bức tượng Tự Do và đã cố gắng làm thay đổi phong cảnh chung quanh bức tượng cho thích hợp với các lý tưởng về tự do và đa dạng của người Mỹ. Các cơ sở quân sự trước kia của Bộ Chiến Tranh đã phải dọn đi nơi khác vào năm 1937, dành chỗ thích đáng để làm tôn lên vẻ đẹp và tư cách của bức tượng, nhưng Thế Chiến II đã xảy ra, khiến cho các chỉnh trang khu vực quanh bức tượng bị chậm lại cho tới đầu thập niên 1950.

Ngày 3-10-1956, đảo Bedloe được đổi tên thành "Đảo Tự Do" (*Liberty Island*) và từ nay, toàn thể hòn đảo này được dành cho đài kỷ niệm nổi danh nhất của Hoa Kỳ, tức là bức tượng Nữ Thần Tự Do.

Trong 13 năm trường, bức tượng này, cao 152 feet (46 mét) và nặng 225 tấn, đứng trên cái bệ cao 150 feet, đã là một kiến trúc cao nhất, vượt hơn tòa nhà Western Union Telegraph xây dựng năm 1873 với chiều cao 230 feet, hơn Giáo Đường Trinity xây năm 1848 cao 246 feet. Tòa nhà Tribune (Tribune Building) và các tháp Cầu Brooklyn (the Brooklyn Bridge Towers) đều thấp hơn bức tượng Tự Do 23 feet. Năm 1899, tòa nhà St. Paul cao 310 feet đã vượt hơn bức tượng

Nữ Thần Tự Do về chiều cao và trở nên kiến trúc nhiều tầng cao nhất thế giới.

Từ năm 1956, hòn đảo Ellis ở gần đó được sát nhập vào Đài Kỷ Niệm Quốc Gia "Tượng Nữ Thần Tự Do" (*the Statue of Liberty National Monument*). Đảo Ellis này trong các năm từ 1892 tới 1954 đã là cửa khẩu nhập cảnh của 16 triệu người di cư vào Hoa Kỳ từ châu Âu và vùng Cận Đông với mức độ cao nhất là 5.000 người một ngày vào năm 1907.

Đã có nhiều nhân vật danh tiếng sang Hoa Kỳ tìm nơi nương náu như các ông Samuel Gompers (1850-1924), lãnh tụ Tổ Chức Lao Động Quốc Tế, từ nước Anh; Albert Einstein (1879-1955), nhà bác học vĩ đại, từ nước Đức; David Sarnoff (1891-1971), nhà tiên phong về máy truyền thanh và máy truyền hình, từ nước Nga; Bary Fitzgerald (1888-1961), nhà diễn kịch xuất sắc, từ nước Ái Nhĩ Lan...

Là một biểu tượng của Hoa Kỳ, bức tượng Nữ Thần Tự Do với cánh tay phải cầm ngọn đuốc giơ lên cao, hứa hẹn sự tự do và một đời sống tốt lành hơn cho các kẻ bị áp bức. Những người di dân tới Hoa Kỳ đã có các nguồn gốc từ hơn 40 sắc dân và quốc gia khác nhau, khiến cho Hoa Kỳ trở thành "*mảnh đất của các di dân*".

Trong bài thơ có tên là "*Bức Tượng Vĩ Đại Mới*" (*the New Colossus*) của nữ thi sĩ Emma Lazarus, khắc trên bệ của bức tượng Nữ Thần Tự Do, đã có câu:

*"Hãy cho tôi các kẻ mệt nhọc, các kẻ nghèo khó, các đám đông ước vọng được hít thở tự do....
Hãy gửi đến cho tôi những kẻ vô gia cư, những người bị chìm đắm vì bão tố.*

Tôi giơ cao ngọn đèn bên cạnh cánh cửa vàng".

*"Give me your tired, your poor,
Your huddled masses yearning to breathe free,
The wretched refuse of your teeming shore.
Send these, the homeless, tempest-tost to me,
I lift my lamp beside the golden door!"*

Bức tượng Nữ Thần Tự Do là hình ảnh của lý tưởng Tự Do và Bình Đẳng. Những kẻ hiện đang bị đàn áp tại nhiều nơi trên Trái Đất đã ghi khắc hình ảnh này trong trái tim của họ.

• **Phạm Văn Tuấn**
(Đặc San Lâm Viên)

Tài liệu tham khảo:

Wikipedia.org, Britannica Encyclopedia, The Story of the Statue of Liberty and Ellis Island by James B. Bell and Richard L. Abrams, Doubleday & Co., N.Y. 1984.

ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG SÁNG TẠO CHỮ QUỐC NGỮ

• Châu Yến Loan

Đầu thế kỷ XVII với mục đích chinh phục lương dân theo đạo Kì tô, các giáo sĩ người Âu đến Đàng Trong đã nỗ lực học tiếng bản xứ để có thể trực tiếp rao giảng phúc âm mà không cần thông ngôn, từ đó họ đã sáng chế ra cách ghi âm tiếng nói của nước ta bằng mẫu tự La Tinh. Trong công cuộc sáng tạo chữ Quốc ngữ, ngay từ lúc phôi thai, người Việt Nam đã có những đóng góp lớn lao vào cuộc cách mạng chữ viết này.

Bức thư của Pina viết năm 1623 gửi cho cha Khâm mạng Jeronimo Rodriguez Senior tại Macao, cho biết: *"Về vấn đề học ngôn ngữ thì luôn luôn ở Kẻ Chàm (Đinh Chiêm) chính là nơi tốt nhất. Đây là kinh đô của triều đình. Ở đây người ta nói hay. Nhiều người trẻ quy tụ về đây. Họ là sinh viên (nhỏ sĩ). Gắn họ, những người mới bắt đầu học ngôn ngữ có thể được giúp đỡ"*.

Những thanh niên Việt Nam giúp việc tại các nhà giảng rất cần thiết để giúp đỡ cho những giáo sĩ trẻ mới bắt đầu đến Đàng Trong, những người mà Pina sẽ chịu trách nhiệm đón tiếp và huấn luyện: *"Với con những thanh niên này không cần thiết lắm vì con đã biết tiếng, nhưng với những người bắt đầu đến và cho tương lai thì có việc cho họ"*. (Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lãnh vực Việt ngữ học, Roland Jacques, nxb Khoa học Xã hội 2007, tr 43, 46).

Những người này đã luyện tập cho các giáo sĩ nói tiếng Việt và phiên dịch cho họ. Cha bề trên Manoel Fernandez đã phải nhờ một giáo dân người Việt tên là André tập cho ông đọc mỗi ngày hai lần và làm thông ngôn cho ông, và nếu không có André thì cha Fernandez cũng không thể ra khỏi nhà và không có ai để luyện nói cũng như dạy từng từ tiếng Việt cho cha. Cậu thanh niên André chính là người Pina đã giáo dục, đào tạo, sau đó ở lại làm thông ngôn cho cha Marques rồi lại làm thông ngôn cho cha Fernandez. Trong bức thư, Pina cũng khen ngợi một thanh niên giáo dân người Việt làm phiên dịch cho cha Buzomi ở Quy Nhơn tên là Augusto. Người này rất giỏi vì không những được học tiếng Bồ Đào Nha mà còn thông thạo chữ Hán và

chữ Nôm. Ngoài ra cha Buzomi còn có hai hoặc ba ông sãi giúp cho cha mọi việc.

Francisco de Pina tuy tự mày mò học tiếng với nỗ lực của chính mình nên đã vận dụng ngôn ngữ thoải mái không cần có người thông ngôn nhưng đó chỉ là sử dụng tiếng Việt ở trình độ nói, còn khi nghiên cứu ngôn ngữ và văn học thì ông ước ao được làm việc với những người thầy giỏi. Chính ông đã nhận thấy: *"Nếu con cũng có tiền trả công cho thầy dạy con học ngôn ngữ và văn chương thì ngày nay con đã là người thợ đầy đủ phẩm chất. Chỉ vì lý do này con không biết văn chương. Và đây là chỗ trống rất đáng tiếc"*. (Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lãnh vực Việt ngữ học, Roland Jacques, nxb Khoa học Xã hội 2007, tr 47).

Khi Pina tập hợp những truyện thuộc nhiều loại khác nhau để cung cấp những trích dẫn của các tác giả nhằm củng cố nghĩa của từ và các quy tắc ngữ pháp, ông phải nhờ ai đó đọc các từ để ông phiên âm.

Như vậy là không phải đợi đến khi chữ Quốc ngữ hình thành người Việt mới tham gia để cải tiến và hoàn thiện mà ngay buổi đầu họ đã có những đóng góp âm thầm mà vô cùng quan trọng để sáng tạo chữ Quốc ngữ chứ nó không phải là công trình riêng của các giáo sĩ người Âu.

Trong buổi bình minh của chữ Quốc ngữ, có hai nhóm người Việt đã hợp tác với cha Pina và các giáo sĩ phương Tây để La Tinh hóa tiếng Việt:

Nhóm thứ nhất là các thanh niên giáo dân ở các nhà đạo, các nhà thờ Thiên chúa giáo. Đó là những học sinh trẻ ở giáo đoàn do các gia đình tình nguyện phò thác cho nhà đạo để được các giáo sĩ giáo dục và đào tạo trong một thời hạn nhất định và họ hoàn toàn tham gia vào đời sống tu viện về mọi mặt. Tôn giáo phải bảo đảm giáo dục miễn phí, kể cả tri thức của người thanh niên, ngược lại họ phải phục vụ không công cho giáo đoàn.

Những người trẻ này phải bắt đầu học tiếng Bồ Đào Nha để làm thông ngôn cho các giáo sĩ trong việc giảng đạo và trong các cuộc tranh cãi. Họ phải đọc và viết được tiếng Bồ để đạt được sự thông suốt và sự vững chắc trong việc vận dụng trí tuệ mà người thông ngôn của giáo đoàn phải có.

Roland Jacques cho rằng: *"Biết đọc tiếng Bồ thì chỉ trong một thời gian tập luyện ngắn, người ta có thể dễ dàng đọc hiểu được các văn bản tiếng Việt đã phiên âm theo chữ cái La Tinh. Khi đã học văn tự Bồ Đào Nha các trò trẻ nhanh*

chúng đem lại sự đóng góp thực sự cho việc phiên âm theo chữ La Tinh những văn bản mới của kho tàng văn học Việt Nam. Họ cũng đóng góp vào công việc hệ thống hóa chính cách phiên âm dẫn đến chữ Quốc ngữ” (Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lãnh vực Việt ngữ học, Roland Jacques, nxb Khoa học Xã hội 2007, tr 75).

Năm 1618, Pina cùng với một thanh niên giáo dân người Việt có tên đạo là Phê rô lần đầu tiên dịch sang tiếng Việt kinh Lạy cha và các kinh căn bản khác trong Ky tô giáo, có thể xem là khởi đầu của công cuộc ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La Tinh. Kiến thức uyên bác về chữ Hán của Phê rô đã giúp ích rất nhiều cho Pina trong công việc nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. (Theo Roland Jacques, Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha và thời kỳ đầu của Giáo hội Công giáo Việt Nam, tr 80).

Sự kiện này, Roland Jacques rút ra từ một bản phúc trình chính thức của cơ sở truyền giáo “người ấy (một nhân sĩ quen thân với đoàn truyền giáo) có một người con trai 16 tuổi, là thanh niên lanh lợi và thông minh nhất trong vùng; anh này lại viết tiếng Hán rất đẹp, được dân chúng hâm mộ vô cùng... Anh tên thánh rửa tội là Phê rô, nhờ có tài hay chữ nên giúp linh mục rất nhiều trong việc dịch kinh Pater noster, Ave Maria, Credo và Mười điều răn ra tiếng địa phương, (các kinh) mà Ki tô hữu đã thuộc lòng. Linh mục cũng viết ra các điều phải tin bằng tiếng địa phương ấy”. (Theo Roland Jacques, Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha và thời kỳ đầu của Giáo hội Công giáo Việt Nam tr 83).

Bản văn gốc tiếng Việt trong tài liệu (1632)

Cia ciúm toi ễ tlen blời ciúm toi nguyên đaim Cia cả sám. Coác Cia trí đen. Bum í cia lam ciúm óét bàm ciúm blời bẻ. Ciúm toi tloom cia rài cio ciúm toi hàm ngải dum ốũ. Mã tha nẻ ciúm toi bàm ciúm toi it tha kẻ ciũ nẻ toi bẻ. Lãi cẻ ể ciúm toi sa ciúm cám đở. Bẻn cẻa ciúm toi ciúm tai đử.

Bản văn 1632 ghi lại theo chính tả được chuẩn hóa trong từ điển Alexandre de Rhodes (1651)

Cha chúng tôi ở trên blời, chúng tôi nguyện danh Cha cả sáng. Cuộc Cha trị đến. bằng í Cha làm chùng đất [đét] bằng chùng blời bậy. Chúng tôi tloũ Cha rày cho chúng tôi hàng ngày đũ đủ, mà tha nợ chúng tôi bằng chúng tôi it tha kẻ chủ nợ tôi bậy. Lại chớ ể chúng tôi sa chùng cám đở, bẻn chửa chúng tôi chùng tai đử.

Đây là bản kinh Lạy cha được viết tay năm 1632, trích từ sách “Các nhà truyền giáo Bồ Đào

Nha và thời kỳ đầu của Giáo hội Công giáo Việt Nam của Roland Jacques.

Năm 1622, Pina đã hoàn thành việc xây dựng một hệ thống chuyển mẫu tự La Tinh cho thích hợp với lối phát âm và thanh điệu tiếng Việt Nam. Ông đã làm được một tuyển tập và bắt đầu viết một bản văn phạm.

Kết quả đó, linh mục Pina đã đạt được một cách viết và, với sự trợ giúp của một số ít học sinh Việt Nam qui tụ chung quanh ông. (Theo Roland Jacques, Các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha và thời kỳ đầu của Giáo hội Công giáo Việt Nam, tr 85).

Nhưng muốn cho công trình đạt kết quả tốt hơn thì các học sinh trẻ ngoài việc học tiếng Bồ cần thiết phải học chữ Nho và chữ Nôm. Pina đã giáo dục, đào tạo cho một giáo dân người Việt tên là André trở thành một thông ngôn, anh có thể giao tiếp bằng tiếng Bồ và ít nhất cũng biết khái quát các phần cơ bản của giáo lý Cơ Đốc. Có thể là anh cũng biết đọc hiểu chữ cái La Tinh, vì điều đầu tiên mà Pina yêu cầu ở những người trẻ là phải học chữ La Tinh. Tuy nhiên Pina không thể đào tạo cho anh một cách đầy đủ như ông mong muốn. Pina rất tiếc cho André, một người có khả năng và nhiệt tình mà không được cha bề trên Fernandez cho đến trường học chữ Nho. Và như thế thì năng lực của anh sẽ bị yếu kém đi không thể vững vàng như Augusto (thông ngôn của cha Buzomi ở Quy Nhơn) vừa giỏi tiếng Bồ Đào Nha vừa tinh thông chữ Hán, chữ Nôm.

Alexandre de Rhodes cũng được một cậu bé ở Thanh Chiêm giúp đỡ ông học tiếng Việt một cách đặc lực. Cậu bé này sau được đào luyện trở thành thầy giảng tên là Raphael Rhodes. Trong ba tuần lễ cậu đã dạy cho ông các dấu khác nhau và cách đọc hết các tiếng. A. de Rhodes kể lại: “*Cậu không hiểu tiếng tôi mà tôi thì chưa biết tiếng cậu, thế nhưng, cậu có trí thông minh biết những điều tôi muốn nói. Và thực tế cũng trong ba tuần lễ, cậu học các chữ của chúng ta, học viết và học giúp lễ nữa. Tôi cũng chợt thấy trí thông minh của cậu bé và trí nhớ chắc chắn của cậu. Từ đó cậu đã làm thầy giảng giúp các cha... Cậu rất mến thương tôi nên đã muốn lấy tên tôi”* (Hành trình và truyền giáo, Alexandre de Rhodes, Bản dịch Việt ngữ của Hồng Nhuệ, Tủ sách Đại Kết, Ủy ban Đoàn kết công giáo TP Hồ Chí Minh 1994, tr 56).

Nhóm thứ hai là các trí thức am hiểu sâu sắc tiếng mẹ đẻ và nền văn hóa dân tộc, có khả năng đóng góp cho các giáo sĩ phương pháp

phiên âm và các tư liệu nghiên cứu. Đó là các thầy đồ, các nhà sư v.v..., những tinh hoa của xứ Đàng Trong từ Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa đến Bình Định, Phú Yên, khắp nơi đã hội tụ về đây. Họ là những cộng tác viên đắc lực của Pina trong công trình ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La tinh.

Trước hết là các thầy đồ. Đó là các nho sĩ theo đạo Khổng, có trình độ học vấn cao, am hiểu các kinh sách của Nho học, dạy chữ Nho theo phương pháp truyền thống. Pina ao ước được học chữ Nho với một thầy đồ để nắm chắc được các chữ tượng hình hầu có thể hiểu được toàn bộ khối văn học mà không cần trung gian. Nhưng rất tiếc là ông không thực hiện được.

Xung quanh các nhà truyền giáo còn có các đạo trưởng, các nhà sư, nhất là khi họ đã cải tôn theo đạo Thiên Chúa. Pina mong muốn có thể sử dụng ảnh hưởng và tài năng của họ để phục vụ cho đạo Chúa. Ông cũng có thể sử dụng họ để hoàn chỉnh kiến thức ngôn ngữ của chính ông, nhất là về thuật ngữ tôn giáo và để cải thiện cách tiếp cận trong các tranh luận về tôn giáo, trong đó việc làm chủ ngôn ngữ một cách hoàn hảo là công cụ làm việc không thể thiếu được (Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lãnh vực Việt ngữ học, Roland Jacques, nxb Khoa học Xã hội 2007, tr 78).

Trong thư, Pina nói đến các ông Sãi (nhà sư) là những người có trình độ học vấn khá cao, có thể đọc các văn bản và tài liệu tra cứu. Chính họ đã giúp cho Pina rất nhiều khi ông tập hợp các tư liệu văn học để soạn cuốn ngữ pháp. Ông phải nhờ những người thông thạo chữ Hán và chữ Nôm đọc và viết các từ ngữ để phiên các văn bản này ra chữ cái La Tinh. Pina viết: "*Dù con đã tập hợp các truyện thuộc các loại khác nhau để cung cấp các trích dẫn của các tác giả nhằm củng cố nghĩa của các từ và các quy tắc ngữ pháp, cho đến bây giờ con phải nhờ ai đó đọc các từ đó cho con*". (Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lãnh vực Việt ngữ học, Roland Jacques, nxb Khoa học Xã hội 2007, tr 44).

Những người Việt cũng đã giúp rất nhiều cho A.de Rhodes khi ông viết cuốn sách giáo lý "Phép giảng tám ngày". Đọc tác phẩm này ta thấy ông sử dụng nhiều từ ngữ, thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt như: *lộn lạo, láo nháo, đơm (thêm), trời che đất chở, sống gửi thác về, dấy bèn khả buộc sừng trâu, ba năm bú mớm, chín tháng cừu mang, bên ướm mẹ nằm, bên ráo con lăn v.v...* chứng tỏ đã có những người Việt hợp tác với ông để soạn sách vì nếu không có họ thì làm sao một

người nước ngoài mới học tiếng mà có thể vận dụng ngôn ngữ Việt Nam một cách thành thạo như thế.

Trong lời tựa của cuốn từ điển Việt-Bồ-La, A. de Rhodes cũng nói đến sự đóng góp của những người Việt vào công trình này:

"Tuy nhiên trong công việc này ngoài những điều mà tôi đã học được nhờ chính người bản xứ trong suốt gần mười hai năm thời gian mà tôi lưu trú tại hai xứ Cô sinh (Đàng Trong) và Đông Kinh (Đàng Ngoài)" (A.d.Rhodes, Từ điển An Nam-Lustian-La Tinh (bản dịch của Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính) nxb Khoa học Xã hội 1991, tr 3).

Ngoài ra trong thời kỳ này còn có tài liệu của 14 giáo dân Việt Nam ghi bằng chữ Quốc ngữ, tán đồng ý nghĩa mô thức rửa tội, do 31 linh mục Dòng Tên thảo luận ở Viện Thần học tại Áo Môn năm 1645. Tài liệu này là một bản La văn do các linh mục Dòng Tên soạn, để trả lời cho Linh mục Sebastião de Jonaya, nhan đề: "Cirra formam Baptismi Annamico Idiomate prolatam" (Chung quanh mô thức rửa tội bằng thổ ngữ An Nam). Phần chữ Quốc ngữ của 14 giáo dân Việt Nam ghi như sau:

"Nhin danh Cha và con và Su-phi-ri-to-sang-to í nài An-nam các bốn đạo thì tin rằng ra ba danh ví bằng muốn í làm một thì phải nói nhin nhít danh cha etc.- tồ là Giu ã cũn cũn nghi bại - tồ là An re Sen cũn nghi bại - tồ là Ben tò vắn triển cũn nghi bại - tồ là Phe rô uấn nhít cũn nghi bại - tồ là An jo uấn tấu cũn nghi bại - tồ là Gi-ro-ni-mo cũn nghi bại - tồ là I-na sô cũn nghi bại - tồ là tho-me cũn nghi bại - tồ là Gi-le cũn nghi bại - tồ là lu-i-si cũn nghi bại - tồ là Phi-líp cũn nghi bại - tồ là Do-minh cũn nghi bại - tồ là An-ton cũn nghi bại - tồ là Giu ã cũn nghi bại " (nhân danh Cha và con và Su-phi-ri-to Sang-to Spirito Santo ý nầy An nam các bốn đạo thì tin rằng ra ba danh. Ví rằng muốn ý làm mộy thì phải nói : nhân danh Cha vắn vắn. Tôi là Giu an Cai (?) Trâm cũng nghĩ vậy - Tôi là An rê Sen cũng nghĩ vậy - Tôi là Ben tô Văn Triều cũng nghĩ vậy - Tôi là Phê rô Văn Nhất cũng nghĩ vậy - Tôi là An gio Văn Tang cũng nghĩ vậy - Tôi là Gi-rô-i-mô cũng nghĩ vậy - Tôi là Gi le cũng nghĩ vậy - Tôi là lu-i-si cũng nghĩ vậy - Tôi là Phi líp cũng nghĩ vậy - Tôi là Đô Minh cũng nghĩ vậy - Tôi là An ton cũng nghĩ vậy - Tôi là Giu an cũng nghĩ vậy). (Theo Huỳnh Ái Tông, Nguồn gốc chữ Quốc ngữ). Tài liệu đã cho chúng ta thấy sự đóng góp của người Việt Nam trong tiến trình hình thành chữ Quốc ngữ.

Về việc phiên dịch sách giáo lý sang chữ Nôm, các giáo sĩ cũng nhờ người Việt hợp tác “Về hình thức sách dạy giáo lý được biên soạn bằng tiếng Đàng Trong, đó là tiếng nói thông dụng. Chắc chắn là nó đã được viết ra hoặc là trong khi biên soạn hoặc là sau này nhằm bảo tồn và phổ biến nó. Nó phải được biên soạn bằng sự cộng tác của các giáo sĩ, được sự giúp đỡ của những người phiên dịch mà các giáo sĩ sử dụng hoặc bởi một số trí thức đã quy theo đạo Thiên Chúa hay được các giáo sĩ kết bạn” (Lettre du Père Gaspar Luis sur la Concincina. “Bulletin des Amis du Vieux Hue” 1931, N 3-4).

Philipphê Bình cũng cho biết giáo sĩ Girolamo Majorica đã cộng tác với một nhà Sư rất giỏi chữ Hán và chữ Nôm (về sau quy đạo Thiên Chúa tên là Phanxicô) để phiên dịch sách giáo lý sang chữ Nôm.

Khi A. de Rhodes hoạt động ở Đàng Ngoài thì bà Catarina, công chúa em chúa Trịnh Tráng đã soạn cuốn tiểu sử Chúa Giê Su bằng thơ Nôm.

Trong công trình ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La Tinh, Pina và các đồng huynh đã tập hợp được các cộng tác viên người Việt có chất lượng cao để sáng tạo một thứ chữ viết mới - Chữ Quốc ngữ - rất tiện lợi cho chúng ta. Họ đã có những đóng góp quan trọng vào cuộc cách mạng chữ viết này mà nếu “không có họ, mọi công trình ngôn ngữ học nghiêm túc không thể hoàn thành được” (Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lãnh vực Việt ngữ học, Roland Jacques, nxb Khoa học Xã hội 2007, tr 72).

Vậy là, từ đầu thế kỷ XVII, Francisco de Pina là người tiên phong sáng tạo ra cách ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La Tinh dẫn đến sự hình thành chữ Quốc ngữ trong đó có sự đóng góp rất quan trọng của những người Việt ở Dinh Chiêm nói riêng và Quảng Nam nói chung. Rất tiếc là trong buổi đầu của công trình này, tên tuổi của những người Việt không được ghi lại một cách rõ ràng mà chỉ ghi bằng tên Thánh như André, Augusto hoặc nói chung như những học trò trẻ, các thầy đồ, nhà sư, đạo trưởng...

Cho đến thế kỷ XVIII trở về sau, chúng ta mới được biết tên những người Việt Nam tham gia trong việc cải tiến và hoàn chỉnh chữ Quốc ngữ như Philipphê Bình hợp tác với giám mục Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) biên soạn Từ điển An Nam-La Tinh năm 1772, Phan Văn Minh hợp tác với Giám mục Taberd biên soạn Từ điển An Nam-La Tinh in năm 1838...

• Châu Yến Loan



Được tin buồn

**Văn hữu Vũ Nam Lý Văn Văn
Pháp danh Thiện Thanh**

Cựu SVSQ Không Quân QLVNCH
Hội viên Trung Tâm Văn Bút Âu Châu/VB-VNHN
Thành viên Ban Biên Tập Báo Viên Giác
Sinh ngày 28.4.1954
tại Việt Nam
Tạ thế ngày 18.11.2019
tại Gromagingen, Đức Quốc
Hưởng thọ 65 tuổi.

*Tiền anh đi trời chớm đông lạnh giá
Tiếng kinh cầu nghe vời vợ niềm thương
Lời kinh nguyện anh vui miền đất lạ
Chuyện tử sinh chỉ một thoáng vô thường.*

Chúng tôi chân thành phân ưu cùng chị Vũ Nam và đại gia đình tang quyến; đồng thời thành kính cầu nguyện cho hương linh văn hữu Vũ Nam sớm được vãng sanh Cực Lạc Quốc.

- Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác, kiêm Sáng lập Chủ Nhiệm Báo Viên Giác, Đức Quốc
- Phù Vân, Chủ Bút và Ban Biên Tập - Kỹ Thuật Báo Viên Giác
- Nhóm Cỏ Thơm Margazine: Nguyễn Thị Ngọc Sung, Hoa Kỳ. Gđ Dư Thị Diễm Buồn, Hoa Kỳ.
- Nhóm thân hữu: Gđ. Trần Xuân Hiền, Trần Văn Huyền, Hàn Cường, Lê Thọ Hạng, Nguyễn Anh Tuấn, Dương Tường, Cổ Kim Trường, Trần Thái Hòa, Nguyễn Văn Hùng, Võ Văn Hùng, Hồ Trường An (Pháp), Phan Ngọc Minh, Trần Phong Lưu, Gđ. Huy Giang, Gđ. Phạm Hồng Sáu.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

LÀNG MẠC VÀ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



• Thái Công Tụng

1. Dẫn nhập

Khi đề cập đến làng mạc Việt Nam, nông thôn Việt Nam, ta liên tưởng ngay đến những lũy tre xanh, những con sông dài, những cổng làng, đồng ruộng v.v... Nhiều thi ca rải rác đây đó trong kho tàng văn học Việt cũng nói lên điều đó. Mọi người Việt cũng xuất phát từ làng, rồi mới lên tỉnh.

Với nhà thơ tiền chiến Hồ Dzếnh:

*Làng tôi thất đấy... lưng tre
Sông dài cỏ mượt đường đê tứ mùa
Nhịp đời định sẵn từ xưa
Ươm tơ tháng sáu, lên chùa tháng giêng...*
(Lũy tre xanh)

Ta thấy ngay địa lý nhân văn, địa lý hình thể, địa lý nông nghiệp của một làng miền Bắc! Với bài hát quen thuộc:

*Làng tôi có cây đa cao ngất từng xanh,
có con sông lơ lửng vờn quanh êm xuôi về
Nam.
Làng tôi bao mái tranh san sát kề nhau.
Bóng tre ru bên mấy hàng cau.
đồng quê mơ màng!*

Ta thấy hình ảnh cây đa, đình làng, cây tre, bến nước. Tiếng gà gáy ban trưa, tiếng cối chày giã gạo giữa đêm khuya cũng là những âm thanh vắng vắng khi ta đề cập đến làng Việt Nam:

*Theo dõi đêm sâu mỗi tiếng gà
Tưởng chừng chốc lát sẽ đi xa
Tình còn lưu chút mùi nhân thế
Lay lắt hoàng hôn một gốc hoa*
(thơ Yến Lan)

hoặc:

*Cảm ơn cái cối cái chày
Nửa đêm gà gáy có mày có tao
Cảm ơn bụi chuổi bờ ao
Nửa đêm gà gáy có tao có mày*

Tục ngữ ta có nhiều câu đề cập về làng như: Sống lâu lên lão làng, Phép vua thua lệ làng, Áo gấm về làng, Một miếng ở làng bằng một sàng xó bếp v.v...

2. Các sinh hoạt nông nghiệp của làng Việt

Từ ngàn xưa, nông nghiệp là căn bản kinh tế: dĩ nông vi bản và làng mạc là tế bào của xã hội Việt Nam trong đó có đình làng là nơi hội họp, có đền làng là nơi thờ các thần hoàng của làng xã, có hương ước ràng buộc các người trong làng tuân thủ luật lệ. Làng mạc với lũy tre xanh, với cổng làng, luôn luôn sống quanh sông ngòi để có nước trồng trọt, để di chuyển dễ dàng, để buôn bán: *nhất cận thị, nhị cận giang*.

Cũng phát xuất từ làng mạc là những kho tàng ca dao với đầy tính nhạc điệu, từ ngữ, hình ảnh gắn chặt với đời sống nông dân từ trồng trọt đến thu hoạch, văn hóa ruộng vườn.

Các nền văn minh lớn của nhân loại như văn minh Ai Cập, văn minh Trung Đông là phát xuất từ những dòng sông lớn như dọc sông Nil, dọc sông Tigre và sông Euphrate. Đó là vì nhờ đất phì nhiêu, tạo căn bản cho một nền kinh tế trù phú. Mà kinh tế xưa kia phần lớn dựa vào sản xuất nông nghiệp. Riêng Việt Nam nói riêng và Đông Nam Á nói chung thì nông nghiệp dựa vào một cây chủ lực, đó là lúa nước.

Thực vậy, trên tổng số hơn 6 tỷ người trên thế giới hiện nay thì có hơn 3 tỷ là sống nhờ lúa gạo (Trung Quốc, Ấn Độ đã có hơn 2 tỷ rồi). Ngành trồng lúa nước dựa vào đất đai và nước trời: tùy các loại khí hậu, tùy theo các tiểu địa hình, địa mạo mà nông dân bố trí các mùa vụ khác nhau cùng với các giống lúa khác nhau

2. 1 Các tiểu địa hình của làng mạc

Châu thổ sông Hồng cũng như châu thổ sông Cửu Long, mới nhìn thì bằng phẳng nhưng thực ra có những tiểu địa hình mà cao độ chỉ khác nhau vài mét: các danh từ về địa mạo như bãi ngoài, đồng trong, giồng, bưng, gò, biên, doi v.v... đã nói lên điều ấy.

*Trên đồng **cạn**, dưới đồng **sâu**
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa*

hoặc trong câu hát ru em:

*Cái ngủ, mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy ruộng **sâu** chưa về*

vô hình chung cũng cho thấy có các ruộng sâu, ruộng cạn.



Tại miền châu thổ sông Hồng, có thể phân biệt nhiều loại hình sau đây:

- . hai bên bờ sông Hồng và các sông nhánh thường có các sống đất do nước lũ bồi đắp, cao có khi tới 15mét, rộng tới vài trăm mét, dốc đứng về phía lòng sông và thoải dần về phía các bãi bồi châu thổ. Các sống đất ấy đã ngăn châu thổ thành từng ô trũng khó thoát nước.

- . các ô trũng ngập sâu như ô trũng Hà Nam Ninh, phía Nam Hà Nội: hệ thống đê điều toàn vùng đồng bằng đã khiến cho sự bồi đắp không đồng đều; thực vậy, bề mặt nhiều nơi còn lồi lõm, có thời gian ngập úng trên 6 tháng.

Mỗi loại đất có chức năng khác nhau:

Đất màu trồng đậu trồng ngô

Đất lầy cấy lúa, đất khó làm vườn

Cần để ý tại miền châu thổ sông Hồng có đất phù sa nhưng có thể phân chia thành đất phía ngoài đê và đất phía trong đê:

- đất bãi ngoài đê được bồi tích hàng năm nên luôn luôn trẻ và màu mỡ

- đất trong đê không được bồi tích

Tại miền châu thổ sông Cửu Long cũng vậy: ven bờ sông Tiền, sông Hậu là các dãy đất cao vì có phù sa sông ngòi bồi tụ trong khi các vùng xa sông là những bưng sâu, khó thoát nước. Dọc biển Đông, có nhiều giồng là vết tích của các bờ biển xưa vào các giai đoạn rút lui của biển khỏi đồng bằng ngày nay. Thực vậy, dưới lớp đất mặt các giồng này, có nhiều di tích các sinh vật biển xưa như vỏ sò, ốc, hào.

Miền Trung thì gần dãy Trường Sơn nên các đồng bằng rất hẹp với 'mặt mù dậm cát đồi cây' ven biển mà ngay trong đồng bằng đã chật hẹp này cũng đã có các tiểu địa hình (microrelief) như các tên dân gian thường gọi: bàu, trũng, lung, doi v.v...

Sau đây là sơ đồ cho thấy có tương quan giữa các loại tiểu địa hình và sử dụng đất đai:

Địa mạo	Đồi	Vườn, nhà	Và cao	Và vừa	Và thấp
<i>Nguồn nước</i>	Nước trời	Nước trời, ao, giếng	Nước trời hoặc có tưới	tưới tiêu từ sông	tưới tiêu từ sông
<i>Cây lương thực</i>	Khoai mì, nường	lúa	Rau cải, khoai lang...	lúa	lúa
<i>Cây lâu năm</i>	chè, rừng	cây trái	cây ăn		

2.2 Khí hậu thời tiết

Nông nghiệp chịu ảnh hưởng của khí hậu và nhất là mưa. Tại miền Bắc và miền Nam, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5-6 và chấm dứt tháng 10-11. Nhưng lượng mưa không đều vì có năm mưa trể. Hết mùa mưa là mùa nắng.

Mùa mưa miền Bắc cũng như miền châu thổ Cửu Long thường khởi sự đầu hè, đúng như bài thơ Nguyên Sa:

Tháng sáu trời mưa, trời mưa không ngớt

Trời không mưa, anh cũng lạy trời mưa

Anh lạy trời mưa phong tỏa đường về

Và đêm mưa xin cứ dài vô tận

Còn miền Trung, vì có dãy Trường Sơn nên khí hậu hơi khác: mùa mưa trể hơn miền Bắc, khởi sự từ tháng 8 và chấm dứt tháng 1-2 năm sau với hiện tượng gió Lào khô nóng vào tháng 5-6, nhất là từ Thanh Hóa đến Quảng Trị.

Kinh nghiệm nông dân Việt Nam về dấu hiệu báo hiệu thời tiết đã được un đúc trong văn học bình dân:

-Đêm mù sương, trăng sao không tỏ,

Ấy là điềm mưa gió tới nơi.

Đêm nào sao sáng, xanh trời,

Ấy là nắng ráo, yên vui suốt ngày

Những ai chăm việc cấy cày,

Nhìn trời trông gió, liệu xoay lấy mình

-Nửa đêm trăng sáng mây cao,

Triệu thời nắng gắt, nắng gào chẳng ai

-Thâm đông, hồng tây, dựng may,

Ai ơi, ở lại ba ngày hăng đi

Vì không chủ động được thời tiết nên nhà nông thường cầu khẩn cho mưa thuận gió hòa:

Người ta đi cấy lấy công

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề

Trông trời, trông nước, trông mây

Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm

Trông cho chân cứng đá mềm

Trời yên bể lặng mới yên tấm lòng

Các tiểu địa hình cũng như khí hậu vừa đề cập trên kia có ảnh hưởng đến các loại cây trồng với mùa trồng, các giống trồng v.v...

2.3 Các loại cây trồng

Vì làng mạc Việt Nam trải dài trên nhiều vĩ tuyến, từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau, nên ngành trồng trọt cũng đa dạng do nhiều khí hậu khác nhau, đất đai khác nhau. Ngoài lúa đóng vai trò chủ yếu, còn có các cây có củ (khoai các loại), cây ăn quả, các loại rau, cây công nghiệp (mía, chè...).

*Quê ta mát đất phù sa,
Trồng rau, rau tốt, trồng cà cà sai
Quê ta lắm bắp nhiều khoai,
Đồng trong chắc lúa, bãi ngoài xanh dâu
Dâu xanh, xanh ngắt một màu,
Xóm làng đan né, rủ nhau chăn tằm
Ruộng vườn, ta bón ta chăm,
Cho dâu đầy lá, cho tằm thêm tơ.*

Sau đây, ta thử bàn qua về vài loại cây trồng.

2.3.1 Lúa

Bài hát 'Tình hoài hương' bắt đầu với những câu:

*Quê hương tôi, có con sông đào xinh xắn
Nước tuôn trên đồng ruộng vắng
Lúa thơm cho đủ hai mùa
Dân trong làng trời về khuya
vẳng tiếng lúa đẻ mè*

Bài hát gợi cho ta hình dung ngay các ruộng lúa miền châu thổ sông Hồng, với hai mùa lúa. Thực vậy, lúa trồng cả mùa mưa lẫn mùa nắng, đúng với nhịp điệu của khí hậu nhiệt đới. Tuy nhiên vào mùa mưa, có khi mưa trề, có khi mưa dút sớm, có năm mưa ít gây hạn hán và cũng có năm mưa nhiều đem bão lụt nên vấn đề chống chọi với thiên nhiên rất khắc nghiệt:

– để chống hạn hán trong ruộng, nhà nông xưa kia đã sử dụng xe đạp nước, các bánh xe dâng nước chuyển động với dòng nước chảy như thường gặp ở Bình Định, Quảng Ngãi, đào kênh mương, dùng gầu để tát nước vào ruộng:

*Ruộng thấp đóng một gầu giai
Ruộng cao thì phải đóng hai gầu sòng*

Ngày nay, nông dân có máy bơm nước, hoặc nước tự chảy vào ruộng nhờ các đập nước.

– để chống mặn, phải làm đê ngăn mặn, giữ ngọt ở duyên hải.

– để chống lũ lụt miền bắc, nông dân phải xây đắp đê dọc sông Hồng và sông Thái Bình ngay từ đời nhà Lý.

– để chống úng thủy và thoát phèn, nông dân đào kinh. Đặc biệt tại miền châu thổ Cửu Long, có rất nhiều kinh đào chằng chịt giúp giao thông, buôn bán, và cải tạo đất.

Như trên đã đề cập đến, các loại khí hậu và các tiểu địa hình có ảnh hưởng đến sự bố trí các hệ thống canh tác. Riêng về ngành trồng lúa có 3 hệ sinh thái chính:

- hệ sinh thái vùng đất cao nước trời (rainfed upland ecosystem) trong đó lúa trồng cạn là chủ yếu; lúa này chỉ phụ thuộc vào nước trời mà lượng nước mưa này lại thay đổi theo năm nên năng suất thấp. Ta có thể kể các loại lúa rẫy, lúa lốc trồng trên đất bãi cao ven sông, các gò đồi.

- hệ sinh thái vùng đất thấp nước trời (rainfed lowland ecosystem) trong đó có lúa nước (wetland rice). Tổ tiên ta trồng lúa nước đầu tiên và còn lợi dụng nước sông được nâng lên với thủy triều ở các vùng duyên hải ven biển để tưới ruộng. Dần dà, lúa nước đã được đưa dần từ ruộng nước lên ruộng cạn. Lúa nước là loại trồng trên các đất có chân nước trong ruộng và chiếm nhiều diện tích.

Vào mùa mưa, nông dân tận dụng nước trời để trồng lúa: đó là lúa mùa với nhiều giống sớm, muộn khác nhau tùy theo mực nước trong ruộng:

*Ra đi mẹ có dặn dò
Ruộng sâu thì cấy, ruộng gò thì gieo*

Trong khi ruộng gò thì gieo vãi lúa vì không có nước trong ruộng thì ruộng sâu phải cấy mạ. Nhưng ruộng sâu cũng có thửa ruộng sâu vừa, có thửa ruộng sâu trũng:

– ở chân ruộng cao, cấy giống sớm (vì ruộng cao thì thủy cấp sâu, đất dễ thoát nước)

– ở chân ruộng thấp, phải cấy giống muộn (vì ruộng thấp giữ được nước lâu hơn nên sử dụng giống lúa thân dài và chu kỳ sinh trưởng dài).

Tại miền châu thổ sông Hồng, trồng lúa mùa, trùng vào mùa mưa: cấy lúa tháng 5 và gặt tháng 11, tức tháng mười âm lịch, đúng như bài ca dao:

*Bao giờ cho đến tháng mười
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta
Gặt hái ta đem về nhà
Phơi khô quạt sạch ấy là xong công*

Sau **lúa mùa** trồng vào mùa mưa, nông dân trồng một vụ khác, thường gọi là vụ **lúa chiêm**: gieo cấy vào cuối năm âm lịch và thu hoạch vào hè năm sau. Lúa chiêm, du nhập xưa kia từ Chiêm Thành, chịu khô hạn nên được du nhập vào miền Bắc để gieo cấy vào mùa ít mưa. Đầu vụ chiêm thường gặp rét, từ giữa vụ nóng lên và

có mưa rào, thêm giông sấm chớp đem theo chất đạm nên có câu:

"Lúa chiêm lấp ló đầu bờ
Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên!"

Sau khi cấy xong lúa chiêm thì tháng giêng, tháng hai lúa chiêm vẫn chưa gặt nên nhân rồi đúng như ca dao:

Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè

Giống lúa này có chu kỳ dài chiếm đất lâu nên ngày nay, có lúa Xuân, vừa năng suất cao, vừa chu kỳ sinh trưởng ngắn hơn thay thế.

Vài giống lúa thơm đặc sản như lúa Tám Xoan, Nếp cái hoa vàng ở ngoài Bắc, lúa Nàng Hương, Nàng Thơm Chợ Đào trong Nam. Thông thường, các lúa thơm đều có quang cảm (photosensitive) nên chỉ trồng vụ mùa, gặt khi trời hơi lạnh và ngày ngắn vào tháng 10-11. Một loại canh tác lúa nước trời đặc biệt là lúa nổi (deep water rice): lúa nổi trồng tại các vùng có nước ngập sâu đến 3-4 mét như Châu Đốc, Long Xuyên thường bị lụt sâu; lúa nổi có thân cao và tăng trưởng theo mực nước lên; lúa nổi được sạ vào tháng 5. Sau vụ lúa nổi gặt vào tháng 12, nông dân tận dụng nước ầm còn trong ruộng lúa để làm thêm hoa màu phụ.

-hệ sinh thái nước tưới (irrigated ecosystem). Với nhiều công trình thủy lợi như máy bơm, đập nước, kinh mương, guồng xe để đưa nước lên ruộng v.v... nên nhiều vùng có nước tưới để trồng lúa vào mùa nắng như lúa Đông Xuân trong Nam, lúa tháng 8 ở miền Trung. Vì chủ động được nước tưới nên nông dân trồng các giống lúa cải thiện, thấp dần, phản ứng với phân bón và vì vào mùa nắng nên quang hợp mạnh do đó năng suất lúa cao hơn lúa trồng mùa mưa.

Các giống lúa trồng có hai loại chính: đó là lúa tẻ sản xuất ra gạo nấu cơm và lúa nếp có hạt gạo dẻo dùng nấu xôi, gói bánh chưng, bánh tét, làm rượu nếp, cơm rượu v.v...

Ca dao cũng dùng lúa tẻ, lúa nếp để giải bày tâm tình trai gái:

Anh thưa với mẹ cùng cha
Nếp mà lộn tẻ, lựa ra hay đừng?
Đò đưa đến bến đò ngừng
Anh thương em thưở trước, nửa chừng lại thôi!

Trồng lúa thì không phải mùa nào cũng trồng một giống lúa vì có giống hợp với nước sâu, có giống hợp với chân ruộng trũng:

Tháng Giêng cho chí tháng Mười
Năm mười hai tháng em ngồi em suy
Vụ chiêm em cấy lúa di,

Vụ mùa lúa gié, sớm thì ba trăng (ba tháng)
Thú quế, rau cá đã từng
Gạo thơm cơm trắng, chi bằng Tám Xoan

Các giống lúa xưa kia thì rơm nhiều thóc ít còn khoa học ngày nay tuyển lựa lai tạo ra những giống thấp cây, chu kỳ sinh trưởng ngắn và nhiều hạt. Vì chu kỳ ngắn nên ngày nay nông dân thường sạ lúa (direct seeding) thay vì cấy lúa; thực vậy khi cấy lúa, cây lúa mất sức nên thời gian sinh trưởng kéo dài hơn, do đó nông dân không kịp làm mùa sau.

Vì Việt Nam có nhiều châu thổ trải dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau nên trong một năm, không có tháng nào mà không có thu hoạch lúa: tháng 1-2 thì gặt lúa trong Nam, tháng 3 thì gặt lúa tháng 3 miền Trung, tháng 4-5 thì gặt lúa chiêm miền Bắc, tháng 8 gặt lúa tháng 8 miền Trung, tháng 10 thì gặt lúa mùa miền Bắc v.v...

Ngành trồng lúa đòi hỏi nhiều nhân lực từ làm đất, nhổ mạ, cấy mạ, chăm sóc, thu hoạch, xay lúa, giã gạo:

Tháng ba cấy vỡ ruộng ra,
Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng,
Ai ai cùng vợ cùng chồng,
Chồng cấy, vợ cấy, trong lòng vui thay!

Công việc sau thu hoạch gồm có đập lúa, phơi lúa, xay lúa, giã gạo, giần sàng:

Ngày thì đem thóc ra phơi
Tối lặn mặt trời đổ thóc vào xay
Một đêm là ba cối đầy
Một tay xay giã, một tay giần sàng

hoặc:

Ra đường bà nọ bà kia
Về nhà không khỏi cái nia cái sàng
Ra đường võng giá nghênh ngang
Về nhà hỏi vợ 'Cám rang đâu mà?'
Cám rang tôi để cối xay
Hễ chó ăn hết thì mà với ông



Giã gạo xay lúa là công việc nặng nhọc cần nhiều sức lực nên có câu về cô gái Sơn Tây:

Giã gạo vú chằm đầu chày

Xay thóc cả ngày, được một đấu ba

Như vậy công việc phụ nữ thôn quê thật là vất vả. Nhiều nơi gần núi, người phụ nữ phải đi đốn củi, trèo đèo nên than rằng:

*Mỗi ngày ba bận trèo non
Lấy gì mà đẹp mà giòn hỡi anh!*

Ngày nay, nhiều công việc như đập lúa, xay lúa, giã gạo không còn dùng cơ bắp mà được cơ giới hóa với máy đập, máy xay xát lúa nên không cần nhiều nhân công như ngày trước.

2.3.2 Bắp, còn gọi là ngô, có tên khoa học là *Zea mays*. Bắp trồng từ Bắc vào Nam và có bắp tẻ, bắp nếp với chu kỳ sinh trưởng khác nhau: có giống dưới 90 ngày, có giống lâu hơn. Ngoài lương thực cho người, bắp là nguyên liệu chủ yếu cho thức ăn gia súc. Bắp còn dùng trong kỹ nghệ làm tinh bột; tinh bột bắp sử dụng trong công nghiệp chế biến các loại đường như sản xuất glucose dùng trong bánh kẹo, dextrin trong keo dán. Gluten bắp dùng trong công nghiệp mì sợi. Dầu bắp tinh khiết làm dầu ăn còn dầu thô dùng làm xà phòng.

2.3.3 Đậu: các loại đậu

Đậu đen (*Vigna cylindrica*), đậu Hòa Lan (*Pisum sativum*), đậu nành (đậu tương), đậu ngự (*Phaseolus lunatus*), đậu ván (*Dolichos lablab*), đậu xanh (*Vigna aurea*), đậu tằm (*Phaseolus vulgaris*). Vài vùng có đậu triều (*Cajanus indicus*). Trong Nam có trồng đậu bắp (*Hibiscus esculentus*) nhưng họ Malvaceae, không phải họ Papilionaceae như các loại kia.

2.3.4 Rau cải

Quanh các đô thị lớn có nhiều nhu cầu tiêu thụ rau cải, nên nông dân trồng nhiều loại rau như ca dao sau đây chứng tỏ:

*Đi đâu mà chẳng biết ta,
Ta ở kẻ Láng vốn nhà trồng rau
Rau thơm, rau húng, rau mùi
Thìa là, cải cúc, đủ mùi hành hoa
Mồng tơi, mướp đắng, ớt, cà
Bí đao, đậu ván, vốn nhà trồng nên.*

Rau thơm (*Mentha aquatica*), có tên khác húng Láng.

Mồng tơi (*Basella rubra*) vì là dây leo nên trồng trên hàng rào quanh nhà:

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau một giậu mồng tơi xanh rờn
(thơ Nguyễn Bính)*

Bí có thể là bí đao (*Benincasa cerifera*), trồng lấy quả ăn và làm mứt hoặc bí ngô tức bí đỏ (*Cucurbita pepo*) hoặc bí rợ (*Cucurbita maxima*) trồng ăn quả, ăn ngọn non, lấy hạt rang ăn.

Làng mạc xây trên đất cao, xung quanh nhà là vườn với ao; trong bài thơ 'Bạn đến chơi nhà' của Nguyễn Khuyến có mô tả sơ qua về quang cảnh một khu vườn nhà miền Bắc như sau:

*Ao sâu nước cả, khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà
Cải chửa ra hoa, cà chửa nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa*

Ao để thả cá, nuôi bèo và dùng tắm giặt. Ngoài ra, ao cũng có rau muống là loại cây chịu nước, đúng như tên khoa học: *Ipomea aquatica*. Vùng trũng có chỗ trồng củ ấu tức *Trapa bicornis*:

*Thương nhau thì củ ấu cũng tròn,
Ghét trái bở hòn cũng méo.*

Cà và rau muống là 2 thức ăn thông dụng trong bữa cơm:

*Anh đi anh nhớ vợ nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà giảm tương.*

hoặc:

*Công anh làm rể Chương Đài
Ấn hết mười một mười hai vại cà
Giếng đâu thì xách ăn ra
Không thì anh chết vại cà nhà em.*

Cà có nhiều loại nhưng cà ở đây là cà pháo dùng để muối:

*Bồng em đi dạo vườn cà
Trái non bỏ mắt, trái già làm dưa
Làm dưa ba bữa dưa chua
Để dành ăn cấy, khỏi mua tốn tiền.*

Mướp có nhiều loại như mướp hương (*Luffa acutangula*), mướp đắng (*Momordica charantia*), mướp ta (*Luffa cylindrica*) khi non để ăn, khi già cho xơ rửa bát. Bầu (*Lagenaria vulgaris*) trồng quanh vườn nhà, thả trên dàn leo.

2.3.5 Cây kỹ nghệ: cà phê, tiêu, điều, trà...

Cây trà (chè) có trồng nhiều miền Trung Du ngoài Bắc như Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ cũng như vùng cao nguyên Blao. Ở Cao nguyên Việt Nam, nhất là ở vùng Ban Mê Thuột, nhiều nông trại trồng cà phê Robusta, với trên 185.000 ha, sản lượng hàng năm đạt từ 380.000 tấn cà phê trở lên, phần lớn cho xuất cảng. Cây tiêu trồng nhiều ở Phú Quốc. Cây điều trồng nhiều ở Bình Phước là những cây kỹ nghệ quan trọng về kinh tế nông nghiệp vì hạt tiêu, hạt điều có mặt trên khắp các thị trường: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Úc, Hồng Kông, Anh, Hòa Lan. Cây cao su cũng là một cây kỹ nghệ vì cung cấp mủ cao su. Diện tích cao su trồng ở Việt Nam khoảng

450.000 hecta, trong đó cao su tiểu điền chiếm 37%.

2.3.6 Các loại khoai

Khoai lang (*Ipomea batatas*), khoai mì (*Manihot esculenta*), khoai sọ (*Colocasia antiquorum*) có tên khác là khoai môn, củ dùng làm thức ăn, củồng (dọc) có thể muối dưa, khoai nưa (*Amorphophallus rivieri*) cũng cùng họ Ráy (*Araceae*) như khoai sọ, có củ ăn hơi ngứa, khoai nước (*Colocasia esculenta*), còn gọi là môn nước, củ và củồng đều ăn được, khoai từ (*Dioscorea esculenta*) trồng phổ biến nhiều làng mạc.

2.3.7 Gia vị

Gừng (*Zingiber officinale*) vừa làm gia vị và làm thuốc trị tê thấp, ho, suyễn; riềng (*Alpinia officinarum*) họ Gừng (*Zingiberaceae*), củ nghệ (*Curcuma longa*) họ Gừng có củ được dùng làm bột cari, bôi mụn nhọt; ớt (*Capsicum annum*), tiêu (*Piper nigrum*) v.v...

-Ai ơi chua ngọt đã từng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.

-Ớt nào là ớt chẳng cay

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.

-Ăn tiêu nhớ tới bụi ngùi

Ngồi bên đám họ nhớ mùi rau răm

Hỡi người quân tử trăm năm

Quy tơ có nhớ mỗi tấm hay không?

Các vùng núi phía Bắc có trồng mạch ba góc (*Fagopyrum esculentum, sarrasin*), cao lương (tức lúa miến *Sorghum*).

2.3.8 Cây ăn trái



Miền Bắc có các loại cây ôn đới như đào, mận, táo, cây á nhiệt đới như vải, mơ. Miền Nam có cây ăn trái nhiệt đới như chôm chôm, măng cụt, sầu riêng, mãng cầu, xoài, dứa, xa-pô-tê,

chuối v.v... được thi vị hóa dưới nhiều bài ca dao:

-Làng tôi có lũy tre xanh

Có sông Tô Lịch uốn quanh xóm làng

Bên bờ vải nhãn hai hàng

Dưới sông cá lội, từng đàn tung tăng.

-Vị cam nên quít đèo bông

Vì anh cần mẫn nên lòng em mơ.

Ngày nay, nông nghiệp không còn có tính cách tự cung, tự cấp như xưa mà liên quan đến thị trường nên nhiều loại cây trồng như cây đay, cây cói, dâu tằm, càng ngày càng giảm sút vì không có nhu cầu tiêu thụ. Hình ảnh cây cau như trong thơ Hàn Mặc Tử 'nhìn nắng hàng cau nắng mới lên', hoặc trong thơ Quang Dũng:

Những tàu cau đượm làm chi ánh nắng?

Chum nước, gáo dừa, nhà xoan, gốc mít.

Đỏ, nâu, mít chín trĩu cành.

Thưa thoáng trời xưa êm ả...

Nay càng ngày trở nên 'vang bóng một thời'. Xưa kia thì 'miếng trầu là đầu câu chuyện', ngày nay khởi đầu là thuốc lá hoặc vài chai bia nên không còn hình ảnh cây trầu trong vườn nhà.

Ngoài những làng mạc sống bằng nghề nông cũng còn có ven biển những làng sống bằng nghề biển:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông

Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá...

(Tế Hanh)

Ca dao cũng có câu:

Nhà tôi nghề giã, nghề sông

Lặng thì tôm cá đầy trong đẫy ngoài

Cá trắng cho chí cá khoai

Còn như cá lẹp, cá mai cũng nhiều.

Thực vậy, Việt Nam có bờ biển dài, tài nguyên cá khá đa dạng; càng ngày với phương tiện cơ giới, ngư dân Việt không phải chỉ đánh cá ven bờ mà đi xa hơn, khai thác nhiều loại cá khác nhau với sản lượng hàng năm khoảng 1,5 triệu tấn, xuất cảng sang nhiều xứ các loại cá như cá hồng, cá mú, cá chẽm dưới dạng cá đông lạnh.

Ngoài cá biển, còn có cá đồng:

Đông Tháp Mười cò bay thẳng cánh

Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm

Nông dân còn nuôi cá trong bè (cá điêu hồng, cá lóc bông) và trong ao đầm nuôi cá tra.

Mỗi năm, vào mùa mưa, đồng bằng sông Cửu Long có nước lũ từ thượng nguồn đổ về. Đầu mùa, nước nổi tràn đồng, cá linh non và nhiều loài cá khác cũng lên đồng sinh sôi nảy nở. Sau 3 tháng ở lại trên đồng, lũ cá non lớn lên và thành cá già. Khi nước lũ rút dần vào đầu mùa nắng, các cánh đồng bắt đầu cạn nước nên cá theo con nước ra sông và chính lúc đó là mùa thu hoạch nhiều cá linh.

3. Nông nghiệp và thâm canh

Với dân số tăng, ngày nay, ngành nông nghiệp không còn cổ truyền như trước. Thực vậy, nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật như máy cày, máy sấy, máy xay lúa, phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, các giống lúa thấp cây và chu kỳ sinh trưởng ngắn, bắp lai, các giống heo nái ngoại, gà mái đẻ ngoại, bò sữa v.v... đã được du nhập vào Việt Nam

Nhu cầu lương thực cho dân số càng ngày càng đông đòi hỏi một nền nông nghiệp thâm canh:

– tăng vụ: trước kia làm 1 vụ lúa thì nay phải làm 2 vụ, chỗ nào trước kia trồng 2 vụ lúa thì nay làm thêm một vụ đông. Phải sử dụng các giống có chu kỳ sinh trưởng ngắn mới làm được nhiều vụ trong cùng một năm: ví dụ trước kia trồng vụ Chiêm với giống chu kỳ sinh trưởng dài; ngày nay, tại miền châu thổ sông Hồng, với các giống lúa cải thiện chu kỳ ngắn, nông dân trồng được lúa xuân (cấy từ 1 tháng 2 đến 10 tháng 2 (ra Tết) và gặt từ 25 tháng 5 đến 5 tháng 6), sau đó trồng lúa hè và làm thêm được vụ màu đông (bắp, dưa hấu, khoai lang, rau cải...) như sơ đồ dưới đây: 10/2 - 5/6 - 10/7 - 5/10 - 5/10 - 25/1.

Lúa xuân 1/2 - 25/5

...

Lúa hè 30/9 - 10/1

– gối vụ (relay cropping): trước khi thu hoạch, nông dân đã phải tận dụng đất trồng một hoa màu khác. Ví dụ: trước khi thu hoạch lúa quãng 10 ngày, đã cấy bắp hoặc trồng khoai lang, hoặc dưa hấu trong ruộng lúa.

Muốn tăng năng suất thì phải sử dụng các giống cải thiện (bắp lai, lúa lai, lúa thấp cây, nhiều hạt hơn rơm...) và phân hóa học, trong điều kiện sử dụng nước tối ưu. Lúa trồng mùa khô như lúa Đông Xuân có năng suất cao hơn lúa trồng vào mùa mưa vì cường độ quang hợp vào mùa khô nhiều hơn. Riêng về phân hóa học, theo thống kê thì những năm gần đây, trung bình Việt Nam sử dụng mỗi năm quãng 2 triệu tấn phân đủ loại (NPK) để trồng 740.000 hecta lúa (theo tài liệu IRRI).

4. Nông nghiệp, dân số và môi trường

Dân số Việt Nam tăng nhanh: năm 1954, toàn nước Việt chỉ có 25 triệu; ngày nay, năm 2000, là 80 triệu. Theo thống kê, vào thời điểm 1999, dân số mỗi năm tăng 1,65%. Dù đã giảm nhiều từ 3% vào đầu thập niên 90, nhưng với nhịp tăng gia như vậy có nghĩa là cứ mỗi 42 năm, dân số sẽ tăng xấp đôi. Hiện nay, cứ mỗi năm, dân số tăng lên 1 triệu người, nghĩa cứ mỗi thập niên, dân số Việt Nam tăng lên 10 triệu người!

Dân số tăng gây sức ép trên môi trường thiên nhiên như sơ đồ tóm lược dưới đây:

4.1 Diện tích đất canh tác cho mỗi đầu người nông dân càng ngày càng giảm. Vài tỉnh miền Trung, chỉ còn 300 m² cho mỗi nông dân, mà lại manh mún ra hai ba thửa đất. Thực vậy, khi dân số tăng lên thì đất chuyên dùng như đất xây dựng, đất giao thông, đất thủy lợi và đất nghĩa trang đều phải tăng, đất thổ cư cũng phải tăng do đó diện tích đất nông nghiệp trong quỹ đất của làng xã phải giảm.

Thực vậy, theo thống kê, vào năm 1930, số nông dân châu thổ sông Hồng là 5,9 triệu dân nghĩa là 7 người cho mỗi hecta trồng trọt, đến 1960, lên đến 7,3 triệu tức 10,7 người cho mỗi hecta và năm 1969 với 11,3 triệu nông dân thì phải cùng chia xẻ diện tích đất với 16 người cho mỗi hecta trồng trọt.

Hiện nay nhiều nông dân không còn có đất canh tác vì đất nông nghiệp càng ngày càng giảm. Do đó giá trị đất nông nghiệp càng ngày càng tăng. Hệ luận của nhận xét này là phải giành các đất xấu (đất phèn, đất laterit, đất núi đồi...) cho các hoạt động và cơ sở phi nông nghiệp như sân golf, các nhà máy, các khu kỹ nghệ, các nghĩa trang v.v... thay vì sử dụng các loại đất phù sa phì nhiêu cho các hoạt động này như thực tế hiện nay chứng tỏ.

Theo tin tức báo chí trong nước thì tại miền châu thổ Cửu Long, số dân không đất tăng lên. Không đất thì chỉ đi làm thuê làm mướn cho nông dân khác và vì không đất nên không vay được tiền ngân hàng để đầu tư nên nghèo vẫn nghèo.

4.2 Số nông dân không có việc làm ở nông thôn càng ngày càng nhiều nên phải ra thành thị sinh sống chui rúc trong các xóm nghèo, không đủ hạ tầng cơ sở vệ sinh, gây thêm ô nhiễm môi trường với cống rãnh bị ngập, bãi rác không chỗ chứa. Do đó, đói nghèo từ nông thôn (rural poverty) đang chuyển sang đói nghèo thành thị (urban poverty). Ngoài ra cùng trong một thành phố, sự phân hóa giàu nghèo trở nên sâu sắc: người giàu có nhiều cơ hội có thêm nhà và

ngược lại người nghèo không có lấy được một mái nhà.

4.3 Vì dân số tăng nên đòi hỏi thâm canh để thỏa mãn nhu cầu lương thực, do đó sử dụng phân hóa học, thuốc diệt cỏ và thuốc bảo vệ thực vật như thuốc trừ sâu, trừ nấm để giúp tăng sản lượng thực phẩm. Các hóa chất như phân đạm gây phú dưỡng cho nước (eutrophisation), nhất là nitrat, gây hại cho người uống. Thực tế cho thấy các thửa ruộng bón quá nhiều đạm làm cho cây lúa dễ mắc cảm hơn đối với các bệnh như bệnh cháy lá (tức đạo ôn *Piricularia oryzae*), bạc lá và từ các ổ dịch này, khi gặp điều kiện thuận tiện thì sẽ lan nhanh. Ngoài ra, tập quán dùng phân bắc còn tươi để bón rau cũng gây hậu quả xấu đến môi trường.

Nông dân không áp dụng ngưỡng phòng trừ sâu bệnh vì mới thấy sâu bệnh là đã xịt thuốc mà lại do từng gia đình làm riêng rẽ chứ không tập trung. Thực ra, sâu bệnh luôn luôn có mặt trong hệ sinh thái, vấn đề là khi nào sâu bệnh thực sự có hại và hại đến mức nào cho cây trồng và cho con người thì lúc đó mới diệt chúng vì chúng chỉ là các thành viên góp phần ổn định hệ sinh thái với tư cách là một mắt xích của lưới thức ăn trong hệ. Sử dụng quá liều lượng, quá nhiều lần làm những sinh vật có ích cũng bị tiêu diệt như cua đồng, tép ruộng, ốc, ếch, nhái, rắn, cà cuống v.v... vốn là nguồn thực phẩm tự nhiên cho con người. Phun thuốc quá nhiều tạo ra dư lượng trong rau cải, trong đất, gây ô nhiễm môi trường nước, thêm vào đó là nước thải các kỹ nghệ ở đô thị xả xuống.

5. Kết luận

Với toàn cầu hóa làng mạc, nơi sinh sống của 70% dân số Việt Nam sống về nông nghiệp sẽ có nhiều cơ hội nhưng cũng đồng thời lại càng ngày càng gặp nhiều thách thức.

Cơ hội vì nông nghiệp hướng về xuất cảng sẽ không còn là kinh tế tự túc, tự phát, tự cung mà phải là nông nghiệp hàng hóa đem về ngoại tệ để tái đầu tư.

Thách thức vì đất và nước là tiền đề cho nông nghiệp; thế nhưng môi trường này càng ngày càng bị sức ép với dân số tăng nhanh mà tài nguyên đất thì càng ngày càng co rút lại do đô thị hóa, kỹ nghệ hóa đó là chưa kể nhiều vùng đất bị xói mòn do gió, do mưa, do phá rừng, do triều cường phá đê biển, nên nhiều nông dân không còn đất để canh tác.

Như vậy, phải giảm số lao động nông thôn bằng cách tạo và huấn nghệ cho họ đi vào con đường dịch vụ (buôn bán, chuyển vận, ngân

hàng, du lịch v.v...) hoặc tạo các công nghệ ngay tại nông thôn như chế biến nông sản, tóm lại là những ngành không đụng chạm đến đất (off-the-land activities) để số nông dân còn lại có thêm diện tích cày cấy, tạo ra các vùng chuyên canh rộng lớn để từ đó giảm giá thành, để cạnh tranh dễ hơn. Việc dạy nghề phải đáp ứng nhu cầu của người học, nhu cầu tuyển dụng; nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của mỗi địa phương thì mới có hiệu quả bền vững. Nông nghiệp hướng về xuất cảng sẽ gây tăng trưởng kinh tế nhưng tăng trưởng kinh tế phải đi song hành với công bằng xã hội sao cho mọi người dân quê ở làng mạc xa xăm vẫn có mọi tiện nghi như đô thị, song hành với phát triển xã hội sao cho mọi người dân quê có học hành, bớt sinh đẻ, không nghiện ngập, song hành với bảo tồn môi trường thiên nhiên, tóm lại phát triển bền vững và hài hòa với thiên nhiên.

• Thái Công Tụng

Tài liệu tham khảo

-Trần Văn Đạt. *Lịch sử trồng lúa Việt Nam*. Nxb Nông Nghiệp bền vững 2010.

-Trần Văn Đạt. *Sản xuất lúa gạo thế giới. Hiện trạng và khuynh hướng phát triển trong thế kỷ 21*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp 2006.

-Trần Văn Đạt. *Tiến trình phát triển sản xuất lúa gạo tại Việt Nam từ thời nguyên thủy đến hiện đại*. Nhà xuất bản Nông Nghiệp 2002.

-FAO. *Speciality rices of the world*. Technical editors Ram C. Chaudhary&D.V.Tran2001.

-Lê Văn Khoa (Chủ biên). Nguyễn Đức Lương, Nguyễn Thế Truyền. *Nông nghiệp và môi trường*. Nhà xuất bản Giáo Dục 1999.

-Philippe Papin. *Việt Nam: Hành trình một dân tộc*. Nguyễn Khánh Long dịch, Thời Mới Toronto 2001.

-Tôn Thất Trình. *Tìm hiểu về cây ăn trái có triển vọng cho vùng cao Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp 2004.

-Thái Công Tụng. *Việt Nam: Môi trường và con người*. Vietnamologica số 6 Montreal 2005.

-Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam. *Nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng trong thời gian cải cách hiện nay*. Nhà xuất bản Nông nghiệp 1995.

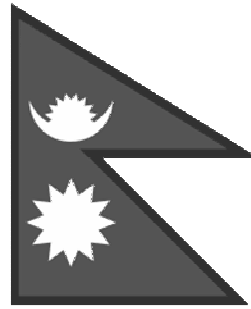
-Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam. *Tính bền vững của sự phát triển nông nghiệp ở miền Bắc Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp 1995./.

TỚI NEPAL ĐỂ GIÓ CUỐN ĐI

• Lương nguyên Hiền

Chiếc máy bay Airbus A333 của hãng Turkish Airlines đáp xuống phi trường quốc tế Tribhuvan cách thủ đô Kathmandu ở Nepal 3 km vào một buổi tối đầu tháng tư. Đây là phi trường quốc tế duy nhất ở đất nước này. Gió tháng tư vẫn còn mát lạnh, thổi vào mặt làm tôi tỉnh ngủ sau một chuyến bay dài. Cũng may chúng tôi được đổi máy bay ở Istanbul, nên có mấy tiếng đồng hồ ở phi trường để duỗi tay, duỗi chân, đi đi, lại lại, trước khi bước lên phi cơ, ngồi vật vờ thêm 8 tiếng đồng hồ nữa. Tổng cộng là 12 giờ bay từ nơi tôi ở đến Nepal, không kể thời gian đợi ở phi trường. Mỗi lần bay đi đâu xa, phải ngồi lâu trên máy bay, tôi đều cảm thấy hơi ớn ớn. Khác với khi xưa, lúc còn trẻ mọi chuyện đến với tất cả dễ dàng, không một chút phiền toái. Bây giờ thì khác, mỗi lần đi đâu dù xa hay gần là cả một sự tính toán, lo toan.

Anh hướng dẫn viên người Nepal đứng đón chúng tôi tại phi trường. Anh tự giới thiệu tên là Nabin, khoảng 40 tuổi, nói tiếng Đức rất sành sỏi. Anh chưa một lần qua Đức, hỏi anh học tiếng Đức ở đâu? Anh cười nhẹ và trả lời là theo phương pháp „Blondine“ (cô gái tóc vàng). Anh kể, anh có người bạn gái Đức và cô đã trở thành thầy dạy tiếng Đức của anh. Anh dẫn chúng tôi ra xe Bus đang chờ ở ngoài và đi với chúng tôi về Hotel ở trung tâm thành phố Kathmandu. Hotel nhỏ nhưng rất sạch sẽ, ngăn nắp, trang trí theo lối Tây Tạng trông rất đẹp mắt. Ăn tối ở Hotel, ngủ một đêm lấy sức cho một chuyến đi dài 15 ngày và điểm khởi hành đầu tiên là thủ đô Kathmandu.



Đất nước và quốc kỳ Nepal
(Ảnh Internet)

Nepal, đất nước của núi cao

Phải thú thật, sự hiểu biết của tôi về Nepal rất hạn chế, không phải như phần đông các quốc gia khác mà tôi đã đi qua, tôi đã biết ít nhiều về quốc gia đó trước khi đặt chân tới. Một điều duy nhất, mà tôi còn nhớ được là vào thập niên 70, vô tình tôi được nghe nam ca sĩ „hippy“ Cat Stevens hát ca khúc „Katmandu“ trong tập Album „Mona Bone Jakon“. Trong đó có đoạn:

*Katmandu I'll soon be seeing you
And your strange bewildering time
Will hold me down*

Dịch:

*Katmandu, anh sắp gặp em
Và thời gian bâng quơ kỳ lạ bên em
Làm anh ngất ngây*

Giọng ca nhẹ nhàng, truyền cảm của Cat Stevens đã gây trong tôi một sự cảm xúc sâu đậm. Và rồi, đã có lúc tôi ước mơ được tới Kathmandu, để thăm thành phố đã làm anh chàng ca sĩ Cat Stevens ngất ngây. Nhưng phải chờ đến ngày hôm nay, mấy thập niên đi qua, tôi mới có dịp đặt chân lên đất nước mà một thời đã được chọn làm thánh địa cho dân „hippy“ vào những thập niên 60, 70.



Mũ Topis của người đàn ông Nepal (Ảnh tác giả)

Nepal là một quốc gia nằm trên một tọa độ cao nhất thế giới, dài 800 km và rộng 200 km trông giống như một cái thang nằm vắt chéo lên dãy Himalaya (Hy Mã Lạp Sơn), nơi có 50 ngọn

núi cao hơn 7.200 m, 8 ngọn núi cao trên 8.000 m trong đó ngọn núi Everest cao nhất thế giới với 8.848 m. Người dân ở đây gọi Everest là Sagarmatha, nghĩa là "vàng trán của bầu trời", để diễn tả độ cao ngất trời của ngọn núi quanh năm phủ tuyết trắng này. Với diện tích 147.181 km² và 29 triệu dân, Nepal thu mình nằm giữa hai quốc gia khổng lồ Ấn Độ và Trung Quốc, mà mỗi nước láng giềng có hơn 1 tỷ dân. Tuy bé nhỏ, Nepal lại có cái đặc thù của nó là đa dân tộc, đa ngôn ngữ và đa tôn giáo sống trên một mảnh đất có một địa lý đa dạng. 100 dân tộc khác nhau với 124 ngôn ngữ kể cả thổ ngữ (ngôn ngữ chính thức là Nepali) với bốn tôn giáo chính là Ấn Độ giáo (80%), Phật giáo (9%), Hồi giáo (4%) và Thiên Chúa giáo (1,4%) [1] chen vai sát cánh chung sống trong một đất nước có núi non trùng trùng điệp điệp với hồ rộng sông dài, thắng cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Nepal đất nước của Himalaya, nóc nhà thế giới, nên tất cả ở đây hình như đều xoay quanh núi và non. Lá quốc kỳ Nepal có một không hai trên thế giới, không vuông vức như các lá cờ khác mà 2 hình tam giác chồng lên nhau, biểu tượng cho những đỉnh núi trên dãy Himalaya. Ngay cái mũ Topis mà người đàn ông Nepal đội trên đầu cũng có dáng của núi đồi.

Tên chính thức của Nepal là „Cộng hoà Dân chủ Liên bang Nepal“ (Federal Democratic Republic of Nepal). Năm 2008, quốc hội Nepal truất phế nhà vua, bãi bỏ chế độ quân chủ, chuyển qua chế độ dân chủ. Trước thế kỷ XVIII, Nepal là tập hợp của rất nhiều các vương quốc nhỏ. Năm 1768, quốc vương Prithvi Narayan Shah của dân tộc Gurkha đã thống nhất được lãnh thổ và lập lên vương quốc Nepal. Trong 300 lịch sử dựng nước và giữ nước, Nepal chưa từng bị làm thuộc địa bao giờ, tuy đã bị các quốc gia láng giềng như Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Quốc và sau cùng là nước Anh dòm ngó và tấn công. Người Anh sau khi chiếm được Ấn Độ, tìm cách xâm nhập Nepal, nhưng bị người Gurkha ở Nepal đánh bật ra. Người Gurkha là những người lính nổi tiếng về sự trung thành, kỷ luật và lòng can đảm. Một vị tướng của Ấn Độ đã nói „Nếu người nào nói tôi không sợ chết, hoặc anh ta là một người nói dối hay anh ta là một người Gurkha“. Chính nhờ những người lính Gurkha, Nepal đã giữ được độc lập của mình trong bao năm qua. Cuối thế kỷ 20, Nepal bị lôi kéo vào những cuộc nội chiến đẫm máu. Qua đầu thế kỷ 21, các thế lực chính trị, đảng phái đã ngồi lại với nhau để từ bỏ vũ lực và xây dựng hòa bình.

Kathmandu, thủ đô của chùa chiền

Sau một đêm ngủ vui, sáng hôm sau dậy sớm, chúng tôi được chở đi bằng xe bus một vòng thăm Kathmandu, thủ đô của Nepal. Kathmandu thành phố lớn nhất Nepal, nằm trong một thung lũng, ở độ cao khoảng 1.000 m, thấp hơn Đà Lạt (1.500 m) mấy trăm mét và cũng là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của quốc gia này. Kathmandu, thành phố của chùa chiền, đền đài và stupa (bảo tháp). Chùa lớn chùa bé, đền to đền nhỏ, stupa cao stupa thấp, mới xây hay xây cách đây ngàn năm ở khắp nơi, chỗ nào cũng có, đầu đường cuối chợ. Kathmandu thật đúng là một thành phố tâm linh, nhưng lại nằm trong một đô thị ồn ào đông đúc, xe cộ chen chúc, buôn bán náo nhiệt trên các đường phố, trong các ngõ hẻm. Và lúc nào, cũng mù mịt khói xe, bụi đất bay đầy trời. Điều đặc biệt nhất ở nơi đây, hầu như không có đèn xanh đèn đỏ, ở ngã ba, ngã tư hay ngã sáu đều có một ông cảnh sát tay chỉ đường, miệng thổi còi theo nhịp điệu của dòng xe chạy.

Bảo tháp Swayambhunath, niềm hãnh diện của Nepal



Bảo tháp Swayambhunath (Ảnh tác giả)

Buổi chiều, chúng tôi được chở tới chiêm bái bảo tháp Swayambhunath, nằm trên ngọn đồi cũng có tên là Swayambhunath. Bảo tháp Swayambhunath là quốc hồn của đất nước

Nepal, niềm tự hào của thủ đô Kathmandu. Trên đồi, ngoài bảo tháp Swayambhunath còn có rất nhiều chùa chiền và đền thờ khác. Trong xe Bus, anh hướng dẫn Nabin kể cho chúng tôi sự hình thành của ngôi bảo tháp này. Mấy ngàn năm trước, nơi đây là một hồ nước rộng lớn mênh mông. Tương truyền rằng, ở giữa hồ có một bông sen thơm ngát và phát ra ánh sáng kỳ diệu. Bông sen này do vị Phật Adibudha, Phật Tự Tạo, trồng. Ngài Văn Thù Sư Lợi (Manjushri) khi đó đang ở Ngũ Đài Sơn (Pancasirsa) bên Trung Quốc, quán chiếu thấy hoa sen, cõi sư tử cùng các học trò đi tới Kathmandu. Để cho mọi người được tới gần đánh lễ hoa sen, Ngài lấy kiếm dùng thần lực xẻ núi cho nước thoát ra, làm hồ khô cạn, biến thành thung lũng. Lúc đó, bông sen bay lên cao hóa thành ngọn đồi và ánh sáng từ hoa sen tỏa ra thành bảo tháp Swayambhunath, thờ Phật Adibudha. Sau khi đã hoàn tất mọi việc, Ngài Văn Thù để môn đệ ở lại lập lên vương quốc Nepal và trở về Trung Quốc, bỏ lại nhục thân, trở thành một vị Bồ Tát. Từ thung lũng này, thành phố Kathmandu đã được xây dựng lên và cũng từ thành phố này đất nước Nepal được tạo ra. Ngài Văn Thù rất được kính trọng và tôn sùng ở Nepal, một đền thờ Ngài Văn Thù đã được xây trên đồi Swayambhunath và Kathmandu đã lấy thanh kiếm của Ngài làm biểu tượng cho thành phố mình. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát tượng trưng cho trí tuệ siêu việt. Tay phải Ngài cầm kiếm vàng gươm cao hàm ý chặt tất cả vô minh phiền não, tay trái cầm hoa sen trên có cuốn kinh Bát Nhã biểu trưng cho tỉnh thức và giác ngộ.



*Một bảo tháp ở trên đồi Swayambhunath
(Ảnh tác giả)*

Bảo tháp Swayambhunath còn gọi là chùa Khi. Khi ở đây rất nhiều có đến mấy trăm con. Nhưng hôm tôi tới, chỉ có 1 con khi duy nhất bám trên một ngọn tháp cao mà không dám

xuống. Hôm nay là ngày lễ, khách thập phương đến nườm nượp không có chỗ chen chân, thú vật cũng phải vì người mà tránh đi chỗ khác. Từ xa, người ta đã nhìn thấy được mái vòm màu trắng và tháp vàng cao vút lấp lánh, tương phản với nhau trên một bầu trời xanh ngắt. Qua những hình ảnh lịch sử khắc trên đá, người ta tin là tháp có từ thế kỷ thứ 1 và nơi đây là một địa điểm hành hương quan trọng của các tín đồ Phật giáo ở thế kỷ thứ 5. Lối kiến trúc của tháp cũng rất độc đáo, chịu ảnh hưởng rất nặng triết lý Phật giáo. Mười ba tầng vòng tròn chồng lên nhau tượng trưng cho bước tiến của sự giác ngộ và cuối đỉnh là một vòng tròn lớn, vòng Mandala, biểu trưng cho điểm đến đó là sự giác ngộ. Trên mỗi bốn mặt của tháp, có đôi mắt biểu tượng cho Phật nhãn, sự thấy hoàn toàn và thấu suốt. Ở dưới mắt là dấu hỏi thay cho mũi. Trong chữ Nepal, dấu hỏi là 1, tượng trưng cho sự hợp nhất của vạn vật.

Muốn lên đồi, khách hành hương phải bước lên 365 bậc thang, cửa ải của những du khách không quen đi bộ. Theo dòng người đông đúc, tôi đi vòng quanh bảo tháp, theo chiều kim đồng hồ. Ở bảo tháp không chỉ có các tín đồ Phật giáo mà cả các tín đồ Ấn giáo (Hindu) tới đây thờ phượng. Phật giáo và Ấn giáo đã song hành với nhau, hòa hợp với nhau trong đời sống tâm linh của dân Nepal từ mấy ngàn năm. Ấn giáo tin rằng Đức Phật là hiện thân của vị thần của họ, thần Vishnu. Trong Ấn giáo có 3 vị thần (Trimurti: Tam thần Ấn giáo) rất linh thiêng và quan trọng, Brahma là thần sáng tạo, Vishnu là thần bảo hộ, Shiva là thần hủy diệt. Nên không ngạc nhiên khi thấy các tín đồ Ấn giáo cũng tới các chùa Phật giáo ở Nepal quỳ lạy. Còn Phật giáo đi vào đời sống người dân, thân nhận những phong tục tập quán ở đây để phát triển. Như trên đồi Swayambhunath có một điện thờ thần Hariti, một vị thần thuộc Ấn Giáo chuyên giúp các trẻ em bị bệnh đậu mùa. Phật tử ở đây cũng tới cầu khẩn để xin cho con cái mau lành, chóng khỏi bệnh.

Nhân đây cũng xin viết thêm một ít về Phật giáo Nepal. 2500 năm trước, Đức Phật hạ sanh ở Nepal và đặc đạo ở Ấn Độ và từ Ấn Độ đạo Phật được truyền đến Nepal và các nước chung quanh. Cho đến thế kỷ 5, Phật giáo đã có những thời kỳ rất cực thịnh. Nhưng đến thế kỷ 11, Ấn Độ bị đế chế Hồi giáo Mughal xâm chiếm. Chùa chiền bị phá hủy, tu sĩ bị bức hại, Phật giáo bị đẩy vào trong bóng tối. Năm 1197 học viện Phật

giáo Nalanda ở Ấn Độ bị tàn phá. Phật giáo Nepal cũng theo chân Phật giáo Ấn Độ mà suy tàn. Năm 1768, tiểu vương quốc Gurkha thống nhất được Nepal, Ấn giáo được cổ xúy và trở thành một tôn giáo có tín đồ đông nhất. Phật giáo đã từ 90% ở mấy thế kỷ trước tụt dần xuống còn lại 9-10% tổng số dân chúng. Ấn giáo và Phật giáo tuy vậy vẫn sống chung với nhau rất hài hòa, Nepal trở thành nơi giao thoa của hai tôn giáo. Nhiều chùa chiền đã được tín đồ Ấn giáo lấy để thờ phượng và một số các vị Bồ Tát được phong làm thần thánh của họ như Đức Quan Thế Âm thuộc phái Mật Tông được coi như một nữ thần chuyên cứu khổ cứu nạn Tara của Ấn giáo. Do sự mất dần tín đồ, một số chùa chiền Phật giáo đã biến thành đền thờ của Ấn giáo, khác với ở Campuchia các ngôi đền được biến thành chùa chiền do sự suy thoái của Ấn giáo ở đó.

Đền Ấn giáo Pashupatinath thiêng liêng

Tới Kathmandu không thể không thăm đền Pashupatinath. Pashupatinath là một trong những ngôi đền Ấn giáo thiêng liêng và lớn nhất Nepal, nằm ở ngoại ô của Kathmandu, bên bờ sông Bagmati. Bagmati chảy vào dòng sông linh thiêng Ganga (Hằng) bên Ấn Độ. Các tín đồ thường tới sông Bagmati tắm để gột rửa tội lỗi, cũng như làm lễ hỏa thiêu cho người quá cố. Đền thờ thần Pashupatinath, hiện thân của thần Shiva, thần của sự sống và sự chết. Theo truyền thuyết thì khi thần Shiva hiện hữu đến Kathmandu, thần Shiva đã thay dạng đổi tên là Pashupatinath, chính vì vậy tín đồ Ấn giáo ở Nepal đặt tên là "đền thờ thần Pashupatinath". Đền được xây từ thế kỷ 19, đây là một quần thể gồm nhiều ngôi đền, miếu. Đền chính chỉ mở cửa cho tín đồ Ấn giáo, còn các đền phụ bên cạnh thì cho tất cả mọi người. Lối kiến trúc ở đây mang đặc thù của Ấn giáo, lồng lẩy với những tác phẩm điêu khắc bằng gỗ rất đẹp.



Đền Ấn giáo Pashupatinath bên bờ sông Bagmati (Ảnh tác giả)

Bảo tháp Boudhanath lớn nhất thế giới

Nơi thứ ba cũng đáng tới chiêm ngưỡng là bảo tháp Boudhanath thuộc Phật giáo Tây Tạng. Được bắt đầu xây dựng từ thế kỷ thứ 4, đây là bảo tháp Mật tông lớn nhất thế giới, hình bán cầu, cao 36 m, chu vi 100 m. Trên cao nhìn xuống bảo tháp giống như một Mandala (Mạn Đà La) ba chiều. Theo quan niệm của Mật tông, bảo tháp là hiện thân của đức Phật trong tư thế ngồi thiền, nên lối kiến trúc của bảo tháp có nét cân xứng, hài hòa. Các tín đồ Phật giáo, các tăng ni từ khắp nơi mà phần đông là từ Tây Tạng tới đây hành hương. Họ đi bộ chung quanh tháp theo chiều kim đồng hồ dưới những lá cờ phướn Phật giáo bay phất phới. Họ vừa đi vừa cầu nguyện, đọc câu thần chú „Om Mani Padme Hum” („Ngọc quý trong hoa sen”, có nghĩa là „tâm Bồ đề nở trong lòng người”). Tiếng „Om” (đọc là „um”) được ngân dài vang vọng trong lòng người và hòa lẫn tiếng quay „ro ro” của bánh xe cầu nguyện Mani. Bánh xe Mani thường làm bằng kim loại hay gỗ, hình trụ. Theo Mật tông, bánh xe cầu nguyện Mani dùng để tích lũy các nghiệp tốt, tịnh hóa những nghiệp xấu và là một phương tiện khéo léo để các hành giả đến gần với việc thực hiện giác ngộ.



Bảo tháp Boudhanath



Bánh xe cầu nguyện Mani (Ảnh tác giả)

Quảng trường Durbar Square

Bảo tháp Swayambhunath, đền Ấn giáo Pashupatinath, bảo tháp Boudhanath, cả ba được UNESCO công nhận là Di sản thế giới vào năm 1979. Trong 10 di sản ở Nepal được UNESCO công nhận, Kathmandu đã chiếm 7 di sản. 4 di sản còn lại là đền Ấn giáo Narayan ở Changu thờ thần Vishnu cổ xưa nhất Nepal, và 3 quảng trường Patan Durbar Square, Kathmandu Durbar Square, Bhaktapur Durbar Square. 3 quảng trường này là cố đô của 3 tiểu vương quốc của người Newar khi xưa, là quần thể bao gồm những công trình kiến trúc gồm cung điện, đền đài, tượng các vua chúa, thần thánh,... Như ở Kathmandu Durbar Square có tổng cộng trên 50 chùa chiền, đền đài được xây dựng từ thế kỷ 12. Patan Durbar Square cách Kathmandu khoảng 5 km nằm bên kia bờ sông Bagmati, giữa lòng cố đô Lalitpur. Nổi tiếng với ngôi đền năm tầng Kumbeshwar thờ thần Shiva, phía Phật giáo có chùa Vàng (Hiranya Varna Mahavihar), chùa Ngàn Phật (Mahabuddha). Bhaktapur Durbar Square cách thủ đô khoảng 13 km, nằm trong cố đô Bhaktapur, nổi tiếng với cung điện Nge Nyapa Jhya Laaykoo có 55 cửa sổ được xây dựng từ thế kỷ 15, cổng vàng và nghề làm đồ gốm. Các công trình kiến trúc ở nơi đây cũng rất đặc thù, mang đậm nét kiến trúc cổ kính của Tây Tạng, Kambodscha, Ấn Độ. Kỹ thuật chạm khắc trên gỗ, trên đá, trên kim loại rất tinh vi và tỉ mỉ. Qua những nét chạm khắc trên các pho tượng, cánh cửa, đồ lưu niệm, đồ thờ cúng,... chúng ta có thể đánh giá được nền điêu khắc của Nepal đã đạt được trình độ cao siêu.



Bhaktapur Durbar Square (Đang trùng tu)



Patan Durbar Square (Ảnh tác giả)



Kathmandu Durbar Square



Những căn nhà đổ nát không người ở (Ảnh tác giả)

Ngày 25 tháng 4 năm 2015, một trận động đất dữ dội đã phá hủy thành phố Kathmandu tan hoang. Hơn 8.000 người bị chết, trên 800.000 căn nhà bị sập, trong đó có vô số những công trình cổ xưa bị tàn phá. Cho đến ngày hôm nay, sau gần 4 năm trời, dấu vết vẫn còn để lại trên thủ đô của đất nước này. Nepal quá nghèo để có thể nhanh chóng vực dậy sau cơn động đất dữ dội. Hoang tàn và đổ nát hiện diện trên đường sá, nhà cửa, đền đài, cung điện và cả trên khuôn mặt im lìm, trầm tư của người dân Nepal. Đến Durbar Square, du khách thấy vẫn còn những thanh gỗ chống giữ bức tường cho khỏi đổ, những căn nhà không người ở, những con đường tróc đá, những ngôi chùa bị sập, những ngôi đền mất mái che, những bức tượng không còn nguyên vẹn. Dù vẫn còn đó dấu vết của trận địa chấn năm nào, đi giữa ở Durbar Square, trên những con đường trải đá, qua những cung điện xưa, vào những ngôi đền cũ, trong những ngôi chùa cổ, tôi vẫn có cảm tưởng mình đang lạc vào thế giới xa xưa, cổ kính, đầy thần tiên và liên tưởng đến một thời huy hoàng, cực thịnh đã qua của Kathmandu. Tôi còn nhớ có lần anh Nabin đưa tôi cuốn sách chụp ảnh Kathmandu trước năm 2015, anh ngậm ngùi nói là chúng tôi còn lâu lắm mới trùng tu lại được như cũ. Tôi hiểu anh, Kathmandu không phải Paris. Sau đêm 16.4.2019, hỏa hoạn nhà thờ Notre-Dame ở Paris, người Pháp đã quyên được trên 700 triệu Dollar. Còn cho cả thành phố

Kathmandu cần bao lâu để được số tiền quyền đó?

Nagarkot, cảnh đẹp như tranh vẽ

Ở Kathmandu mấy ngày, chúng tôi lên đường đi Nagarkot. Hai thành phố cách nhau không đến 30 km, nhưng xe bus cần hơn 4 tiếng đồng hồ. Chiếc xe bus Tata, made in India, bò chậm chạp từ đèo này qua đèo khác. Từ trên đèo ngó xuống thấy sâu thẳm, đường đi vòng vèo như rắn bò, gồ ghề, chòng chành như đi thuyền trên sông gập nước lớn. Đường sá đầy xe tải, xe hơi, xe gắn máy, mà chỉ có 2 làn nên kẹt cứng. Ở Nepal, chỉ có một phương tiện chuyên chở duy nhất là đường bộ, không có đường xe lửa, cũng không có đường thủy. Tất cả mọi thứ đều bỏ lên xe tải để chuyên chở, từ đồ ăn, nước uống cho đến xăng dầu.



Mặt trời lặn Nagarkot (Ảnh tác giả)

Tối Nagarkot, chúng tôi ngủ đêm tại Hotel Himalayan Villa, nằm trên một sườn núi cao khoảng 2.100 m, nhìn ra dãy núi Annapurna xa xa. Dãy Annapurna, thuộc Himalaya, có ngọn Annapurna 1 cao 8.091 m và 6 ngọn núi cao trên 7.200. Buổi chiều sau khi ăn cơm xong, ngồi ở ban-công nhấp một ngụm trà Masala với hương thơm đặc biệt, ngắm mặt trời lặn. Xa xa là núi non trập trùng, dưới sâu là thung lũng xanh ngát, bao quanh bởi dòng sông Indrawati chảy lững lờ, trời trong vắt, tia nắng cuối cùng của một ngày trải dài trên đỉnh núi tuyết trắng. Trong không gian tĩnh mịch của núi rừng, đâu đó có tiếng chim hót, có tiếng vượn hú từ rừng sâu vọng về hòa lẫn với tiếng kẽo kẹt của hàng tre già trước ngõ. Cảnh đẹp như tranh vẽ. Tôi ngồi bất động một lúc lâu, thấy lòng mình yên ả, trầm lắng với muôn vàng hạnh phúc ập tới bất ngờ. Lâu lắm rồi tôi mới cảm nhận được cái đẹp vô vàng, cái bình an vô tận của thiên nhiên mang lại. Bao nhiêu mệt nhọc của chuyến đi vừa qua,

ồn ào ở thành phố Kathmandu, bụi bặm của những con đường đất đỏ, bỗng như biến mất trong tôi. Tôi ngồi yên, tận hưởng cái đẹp tuyệt vời của trời đất cho đến khi mặt trời khuất sau rặng núi.

"Đi dạo" trên Himalaya



"Đi dạo" trên Himalaya



Ruộng bậc thang (Ảnh tác giả)

Sáng hôm sau, dù trời vẫn còn mờ hơi sương, chúng tôi lên đường tới Telkot. Telkot nằm trên cao khoảng 2.500 m và từ đó chúng tôi đi bộ 7 km đến ngôi đền cổ Narayan xây năm 325 ở Changu, thờ thần Vishnu. Ở Nepal, người ta nói dưới 4.000 m mới chỉ là đi dạo, trên 4.000 m mới thực sự là leo núi. Chúng tôi "đi dạo" trên những con đường mòn khúc khuỷu, vòng quanh những ngọn đồi lúa thưa vài chòm cây, đi qua những bản làng của dân tộc thiểu số. Vài đứa trẻ trong vườn đứng vẫy tay chào, mấy bà mẹ ôm con trước hiên nhà đang sửa soạn nấu bữa cơm trưa. Cuộc sống của dân chúng ở đây còn đơn sơ, bình dị, phần đông sống bằng nghề nông, họ trồng lúa trên "ruộng bậc thang" giống ở Sapa Việt Nam. Sau hơn hai tiếng đồng hồ cuộc bộ, chúng tôi tới được Changu và từ đây được chở tới ngôi làng cổ Dhulikhel, nằm sát biên giới Tây Tạng và

cách Kathmandu khoảng 40 km. Theo chương trình ngày mai, chúng tôi được tham quan tu viện Thrangu Tashi Yangtse và bảo tháp Namo Buddha với những sự tích về tiền thân của Đức Phật.

Bảo tháp Namo Buddha huyền thoại

Tương truyền, tiền thân của Đức Phật là một vị hoàng tử, nhân đi dạo trong rừng, gặp một con hổ mẹ đang đi săn mỗi cho 5 hổ con vừa mới sinh còn đang thoi thóp vì đói. Ngài bèn hiến thân mình để cứu đàn hổ đang đói. Hành động trên nói lên được hạnh bố thí của nhà Phật, là buông xả tất cả những gì sở hữu thuộc về mình để hiến tặng cho chúng sinh. Hạnh bố thí là một trong sáu hạnh Ba-la-mật (Lục độ), để đối trị với tham ái, vị kỷ và là phương pháp để dẫn đến giải thoát. Bảo tháp Namo Buddha được dựng lên để đánh dấu nơi tiền thân Đức Phật đã hiến thân mình cho cạp mẹ. Ngoài bảo tháp ở Nepal còn một bảo tháp thứ hai cũng theo truyền thuyết trên ở Gandhāra thuộc Pakistan.



Bảo tháp Namo Buddha

Tu viện Thrangu Tashi Yangtse là một tu viện của Phật giáo Tây Tạng được xây dựng năm 1978, nằm trên ngọn đồi sát bên bảo tháp Namo Buddha. Có 180 vị tu sĩ đang tu hành ở đó và 70 tu sĩ trẻ tuổi đến đây tu học. Theo chương trình chúng tôi sẽ được ngủ lại 1 đêm ở tu viện, nhưng đến phút chót anh Nabin cho biết tu viện đang đón một số đông khách tới tu tập nên không đủ chỗ. Thật là tiếc, bù lại chúng tôi được tham dự một buổi lễ kéo dài hai tiếng đồng hồ ở chánh điện. Đây là một đại sảnh lớn có thể chứa được mấy trăm người, được trang hoàng rất đẹp mắt và hài hòa. Đẹp mắt về lối trang trí thanh nhã với những hoa văn vẽ rất công phu, tỉ mỉ và đầy ấn tượng. Hài hòa về màu sắc, về ánh sáng và cả trong cách trưng bày những pho tượng,

những bức tranh vẽ. Tôi thích nhất là ngắm những bức tranh cuộn Thangka rất đẹp được treo khắp nơi. Tranh Thangka là một loại tranh đặc biệt của Tây Tạng, Nepal vẽ trên giấy và thường thể hiện về tôn giáo, như cuộc đời Đức Phật, các vị Daila Lama và các hình Mandala, ... Tranh Thangka được gọi là "Tranh cuộn", vì khi không cần thì cuộn lại được và khi cần thì mở ra, nên rất tiện khi phải di chuyển.



Tu viện Thrangu Tashi Yangtse (Ảnh tác giả)

Buổi lễ được diễn ra trong tiếng chuông tiếng trống tiếng kèn nhịp theo tiếng tụng kinh ngân nga vang vọng, lúc hùng tráng lúc trầm bổng như một bản giao hưởng đang giục giã tâm thức trở về trong chánh niệm. Tôi nhắm mắt yên lặng, để âm thanh lắng đọng trong người và tận hưởng giây phút tuyệt vời đó.

Lumbini, điểm tới

Từ Dhulikhel chúng tôi được chở tới Kurintar, một thành phố nhỏ bên bờ sông Trisuli. Ngủ một đêm lấy sức, sáng mai đi tiếp tới Lumbini. Lumbini nằm phía nam của Nepal, gần biên giới Ấn Độ, dưới chân núi Himalaya, cách Kurintar khoảng 180 km, xe bus chạy mất gần 7 tiếng đồng hồ kể cả nghỉ ngơi. Đường đi tới Lumbini rất xấu, phần đông chỉ trải đất và đá, nên bụi bay tung trời và đầy ổ gà.

Lumbini (Lâm Tỳ Ni) nơi Đức Phật hạ sanh cách đây 2.563 năm, là một trong bốn thánh tích linh thiêng của Phật Giáo (Tứ động tâm). Lumbini đã có một thời bị bỏ quên, mãi đến năm 1896 mới được phục hồi, khi một nhà khảo cổ người Đức, tiến sĩ Alois Führer, đã tìm thấy được trụ đá có ghi sắc lệnh của vua Ashoka (A Dục vương). Năm 249 trước Công Nguyên (TCN), vua Ashoka, một vị vua kiệt xuất của Ấn Độ, đã đến đây để chiêm bái nơi Đức Phật hạ sanh. Năm 1997, Lumbini được UNESCO công nhận là Di sản thế giới.



Ngọn lửa hòa bình vĩnh cửu

Công viên Lumbini do một kiến trúc nổi tiếng người Nhật là Kenzo Tange khởi công xây dựng từ năm 1978. Công viên hình vuông rộng 1x3 miles (khoảng 1,6x4,8 km). Ở giữa là một con kênh dài, đầu của con kênh là một ngọn lửa tượng trưng hòa bình vĩnh cửu. Vào công viên Lumbini, chúng ta gặp tượng Phật sơ sinh màu vàng. Tương truyền, khi hoàng hậu Maha Maya hạ sinh Đức Phật, lúc ấy là thái tử Siddhartha Gautama (Tất Đạt Đa Cồ-đàm), ở vườn Lumbini dưới tàng cây vô ưu (cây sala). Đức Phật đi bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất và nói "Thiên Thượng Thiên Hạ Duy Ngã Độc



Tượng Phật sơ sinh (Ảnh tác giả)

Tôn". Trên trời dưới trời, chỉ có ta (ngã) là trên hết. Bởi chỉ có ta, con người, mới định đoạt được số phận của chính mình, chỉ có con người mới giải nghiệp và tạo nghiệp cho chính mình. Ngoài ra không một ai hay bất cứ một thần quyền nào có thể quyết định thay cho ta.

Đi qua một hồ nước, tới một ngôi đền trắng, đền thờ Hoàng hậu Maya (Mahadevi temple), bên cạnh là trụ đá lịch sử của vua Ashoka. Trong



Đền thờ Hoàng Hậu Maya

đền gìn giữ những di tích từ thời Đức Phật. Chung quanh công viên Lumbini

còn có những ngôi chùa đại diện cho 16 quốc gia, trong đó có Việt nam Quốc Tự, chùa Linh Sơn do Phật tử Việt Nam ở Pháp xây, chùa Nhật Bản được đặt tên là "Tháp hòa bình", chùa Thái Lan được sơn màu trắng toát, chùa Miến Điện là ngôi



Trụ đá do vua Ashoka xây

chùa vàng Shwedagon ở thủ đô Yangon thu nhỏ, chùa Đức được xây rất tỉ mỉ từng chi tiết,...

Vườn quốc gia Chitwan

Chúng tôi tới vườn quốc gia Chitwan vào một buổi chiều nắng nóng, đường từ Lumbini tới đây dài hơn 170 km. Vườn quốc gia Chitwan rộng 932 cây số vuông, thuộc vùng đất thấp Terai ở Nepal, có khí hậu ẩm ướt của rừng nhiệt đới, thuận lợi cho cây cỏ mọc xanh tươi và các loài động vật sinh sôi nảy nở. Nơi đây có rất nhiều động vật quý hiếm như 800 con tê giác 1 sừng (năm 1968 chỉ còn 95 con), cọp Bengal duy nhất còn ở Nepal, linh dương 4 sừng ngoài ra còn có báo, voi, cá sấu, trâu, bò Yak và hơn 543 loài chim cộng thêm vô số kỳ hoa dị thảo. Nepal đã bỏ công bỏ sức rất nhiều để bảo tồn khu Chitwan, gìn giữ loài thú sắp tuyệt chủng. Năm 1984, nơi đây được UNESCO công nhận là Di sản thế giới.



Thuyền độc mộc



Cầu khỉ ở vườn quốc gia Chitwan (Ảnh tác giả)

Sáng hôm sau, chúng tôi được chở từ Hotel tới vườn quốc gia Chitwan. Phái đoàn chúng tôi được tăng cường thêm một hướng dẫn viên địa phương và 2 người cầm gậy dài đi theo bảo vệ. Đi bộ quanh co trong những cánh đồng cỏ xanh bất tận, đi dưới những rừng cây um tùm rậm rạp, nghe loài chim lạ hót líu lo trên cao, ngắm các loài động vật hoang dã sống trong tự nhiên, vượt qua bao nhiêu cây cầu khỉ. Mỗi lần bước chân lên cầu khỉ, tôi lại nhớ câu ca dao ở Việt Nam:

Phải chi lấy được vợ vườn

Tập đi cầu khỉ thêm đường dọc ngang

Dọc ngang đâu không biết, nhưng mỗi lần qua cầu tôi lại phải cẩn thận để giữ thăng bằng không cho rơi xuống nước. Đi bộ mấy tiếng đồng

hồ, cuối cùng chúng tôi được đền bù, được ngồi trên những chiếc thuyền độc mộc bơi trên sông Rapti để ngắm cá sấu nằm phơi nắng trên bờ. Thuyền độc mộc là một dạng thuyền truyền thống ở Nepal đực từ một thân cây lớn nguyên vẹn.

Từ Chitwan chúng tôi tới Pokhara, thành phố cổ kính, yên bình nổi tiếng với hồ nước Phewa thơ mộng, bao bọc bởi dãy núi Annapurna phủ tuyết. Sau Pokhara, chúng tôi quay về thủ đô Kathmandu, để lên máy bay từ giã Nepal.

Cuối cùng một chuyến đi

Có một câu tục ngữ ở Nepal „*Lần đầu tiên, du khách tới Nepal vì núi cao, nhưng những lần sau tới vì con người*”. Viết về con người Nepal, tôi thấy không ai như nhà văn người Đức Martin Zinggl. Trong cuốn sách “Nepal”, ông viết: „*Đất nước Nepal với nhiều nghịch lý, nghịch lý giữa lý thuyết và thực hành. Có nghĩa là đời hàng giờ kẹt xe giữa thiên nhiên đẹp vô cùng tận. Giữa giàu và nghèo. Giữa ngẫu hứng và quan liêu cứng rắn. Giữa thân thiện và nhẫn tâm. Giữa chính trị bất ổn và sự hài lòng. Giữa sự hối hả và chậm rãi. Giữa bảo vệ môi trường và tàn phá. Giữa khoan dung và kỳ thị. Giữa thảm họa và sáng tạo. Nhưng trong cái nghịch lý ấy, sự bình thản của người Nepal đã làm tôi cảm phục, bình thản trước những biến cố lớn như động đất năm 2015. Họ vẫn bình tâm uống trà sữa*” [2]. Ông viết tiếp: “*không một lời than thở, trách móc tôi nghe được trong suốt cả chuyến đi, về thiếu nước, thiếu điện, thiếu áo mặc dù ở đây điện bị tắt như cơm bữa mỗi ngày. Tôi đã học về sự kiên nhẫn trong mọi hoàn cảnh khó khăn*”.



*Một cô gái Nepal khuôn bao cát nặng trĩu
(Ảnh tác giả)*

Đối với tôi, con người của đất nước Nepal thật đặc biệt. Họ hiền hòa, bình dị và có sức chịu đựng vô bờ bến. Mặc dù không được thiên nhiên

ưu đãi và nhiều khi còn quá phũ phàng (động đất năm 2015), nhưng nếu để ý chúng ta sẽ thường xuyên bắt gặp những nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt sạm nắng của người dân Nepal. Anh bạn đi cùng với tôi, anh nói khi về lại châu Âu, anh sẽ quên hết tất cả, mà chỉ nhớ có một điều là nụ cười. Còn tôi, tôi không làm sao quên được hình ảnh cô gái gầy gò còng lưng khuôn từng bao cát nặng trĩu để kiếm tiền sống qua ngày, hình ảnh một cụ già đầu tóc bạc phơ đi nhặt từng cục gạch để xây lại ngôi nhà đổ nát, hình ảnh người công nhân mồ hôi nhễ nhãi đập từng cục đá trên những con đường mờ bụi xe. Tuy thế khi đi giữa Kathmandu đổ nát, tôi lại thấy dấy lên một niềm tin. Họ là người dân của một trong mười quốc gia nghèo nhất thế giới, nhưng ở các địa điểm du lịch hầu như không có những cảnh chèo kéo mua bán, để giữ không khí trang nghiêm những nơi thờ phượng như ở Lumbini không có cả đến những quán cóc bán đồ ăn hay quầy bán đồ lưu niệm và điều đáng nói là trong suốt thời gian ở Nepal tôi không bao giờ có cảm giác là sợ bị giật đồ hay bị móc túi như một số quốc gia tôi đã đi qua. Họ khổ nhưng không thấy họ cực, họ nghèo nhưng họ không thấy họ tham.

Đất nước này là nơi Đức Phật đã sinh ra cách đây 2.500 năm để cứu khổ cứu nạn chúng sinh, nơi Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát thành đạo, nơi một dân tộc bé nhỏ nhưng ba trăm năm qua chưa một lần bị đô hộ, trong khi các nước láng giềng to lớn bên cạnh lại không tránh khỏi nạn ngoại xâm giày xéo, nơi những em bé mặt thơ ngây, đôi mắt trong sáng, mặc đồng phục thắt cavat đến trường, mà tôi gặp trên những con đường gồ ghề đổ nát, nơi những nụ cười chân tình được gửi đi như đóa hoa sen đang nở. Nơi tôi cũng chỉ xin được có “*Một tấm lòng,... để gió cuốn đi*”[3].

Bước lên máy bay, tôi thấy trong tôi vẫn còn vang vọng tiếng ngân dài “Om Mani Padme Hum” (Tâm Bồ đề nở trong lòng người). Tôi cúi chào vĩnh biệt Nepal với muôn vàn tình thương mến và thầm nói:

Namaste
Mùa Xuân 2019

Tài Liệu Tham Khảo:

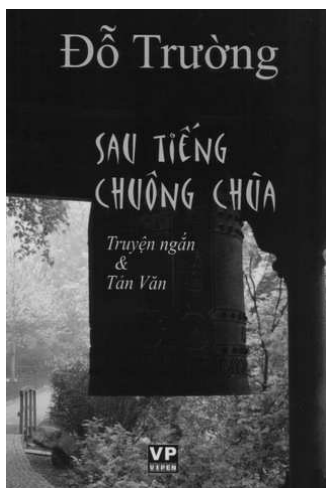
- [1] “Nepal Reiseführer-Alles was du über Nepal wissen musst”, Martin Merten, 12.Mai.2018
- [2] Sách “Nepal”, Martin Zinggl, 2016
- [3] “Để gió cuốn đi”, Trịnh Công Sơn

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

• **Phù Vân**

- **Sau tiếng chuông Chùa của Đỗ**

Trường (Truyện ngắn & Tản văn):



Gồm 13 Truyện ngắn và 12 Tản văn. Thật khó minh định Đỗ Trường thuộc trường phái nào, bởi anh viết nhiều thể loại, mà theo tôi ở thể loại nào anh cũng xuất chúng cả. Tuy nhiên anh thật sâu sắc, tinh tế trong những bài phê bình. Anh đã thẳng thừng vạch trần những tội trạng của

những thành phần cán bộ, lãnh đạo chính quyền sâu dân hại nước. Vì họ đã ngoảnh mặt làm ngơ trước những đau thương của toàn dân tộc, nhưng họ lại mê đắm trước cám dỗ của danh lợi, quyền thế nên ơn hèn cúi đầu để cho ngoại bang chiếm dẫn đất nước...

Chính vì thế, vài năm trước đây trong chuyến về thăm quê, anh đã bị công an Hà Nội giữ lại để „làm việc“ tại phi trường Nội Bài. Nhưng với lý luận sắc bén xác thực, họ không thể kết tội anh; nên đành trả anh về lại Đức...

Bạn đọc muốn có sách, xin liên lạc với tác giả qua email: chinhhnnhanle60@gmail.com ; hoặc với nhà xuất bản: the.dung@vipen.de

- **Sắc màu Thơ Văn của Diễm Châu (Cat Đơn Sa)**



Thật đúng là họa sĩ, nên khi nhận được đã thấy ngay bìa sách được trình bày thật nhiều sắc màu của cuộc đời, thể hiện qua 22 „Truyện ngắn Xã Hội Hiện Thực“. Hiện thực vì những mẫu chuyện này xảy ra từ những năm có người Việt đến định cư tại Hoa Kỳ. Vì vậy nên có những hiện trạng xã

hội thường mang đến những vui, buồn cho nhiều

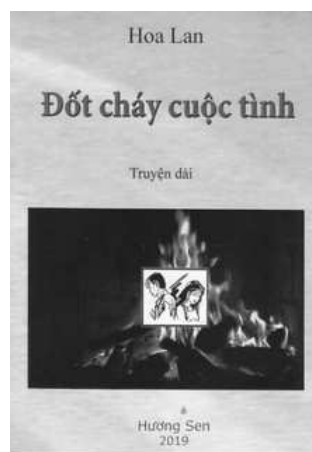
gia đình, cho những cặp tình nhân hay cho những đôi vợ chồng Việt Mỹ...

Nhưng cái hay của tập truyện Sắc Màu Thơ Văn, tuy chúng ta không tìm thấy Thơ trong đó, nhưng những bức tranh phụ bản của tác giả: đẹp, dễ thương cũng đã nói lên được nét thơ mộng rồi. Ngoài ra, hầu hết các truyện đều có hậu, mang tính nhân bản của dân tộc Việt Nam.

Muốn có sách, xin liên lạc với Diễm Châu qua:

email: catdonsa@yahoo.com .

- **Đốt cháy cuộc tình của Hoa Lan:**



Truyện dài 15 Chương, là một chuyện tình định mệnh quái quít từ tiền kiếp, cũng có thể kéo đến vị lai, nhưng lại nồng nhiệt dẫn xé trong hiện tại, đến nỗi „... những buổi sáng trong lúc thành tâm lạy Phật, hình ảnh chàng lại hiện qua trong óc tôi (tác giả)... (Chương I). Rồi hện

hò, rồi gặp gỡ cà-phê... Lạ thật, hình như chẳng ai dám nói một lời tỏ tình- mỗi tình cảm (Chương II)! Nhưng người ấy là ai? Là Cá Chết (*kỷ niệm buổi quen nhau trong thời gian Vũng Áng xảy ra vụ Formosa*). Có thể là Bạch Tuộc, là Người Yêu Dấu, là chàng Sò Điệp, là chàng Hải Mã. Cuối cùng cũng chỉ là „Anh Chân Dài“ mà thôi. (Chương VI)...

Cái cuộc tình cứ vòng vo khắp chốn Ta Bà, cứ thăng trầm theo thời tiết bốn mùa trong những Chương tiếp theo, có khi tưởng đã trầm tích xuống lòng đất nhưng rồi lại trỗi dậy cuộn cuộn như mùa lũ. Để rồi một ngày Nàng gặp được minh sư, thệ nguyện theo chân Ngài Cù Đàm ngày đêm trì tụng kinh chú, „... nguyện kiếp này tôi phải tự làm tốt và thành tâm sám hối cho tội lỗi ngày xưa“. Tội đó là tội gì?

Và cuối cùng Nàng quyết tâm „Đốt cháy cuộc tình“ (Chương XV). Nhưng có đốt cháy được không, khi „... Lãng mạn cho tới... chết...“ và „nếu cuộc tình này đem đi đốt đến mười lần mà vẫn không dứt, ắt sẽ là chân tình...“. Rồi dứt khoát rằng „... moi ra được chân tâm và dùng lửa Tam Muội đốt cháy cuộc tình...“. Thế nhưng...

Sách „Đốt cháy cuộc tình“ dày 160 trang, do chính tác giả trình bày và xuất bản năm 2019.

Liên lạc qua email: hoalan@gmx.de

NGUYỄN MINH TIẾN
GIỚI THIỆU SÁCH
**CHỖ QUÊN MÌNH
LÀ NƯỚC**
của tác giả Văn Công Tuấn ¹



Bác sĩ, nhà thơ Đỗ Hồng Ngọc viết lời giới thiệu tập sách này như những lời tâm sự, bày tỏ chỗ tâm đắc của anh với "một cõi lòng" của tác giả Văn Công Tuấn. Và anh gọi đó là *chút "thốn tâm"...*

Một nhà thơ họ Đỗ khác, xa lắc xa lơ từ thế kỷ 8, ông Đỗ Phủ (712-770) từng viết:

*Văn chương thiên cổ sự,
Đắc thất thốn tâm tri.*

文章千古事，
得失寸心知。

Tôi tạm dịch nôm na:

*Văn chương là chuyện muôn đời,
Dù được dù mất, cõi lòng biết thôi!*

Tôi mượn luôn chữ "cõi lòng" để dịch chữ "thốn tâm", vì cũng như anh Đỗ Hồng Ngọc, tôi thích chữ này, cho dù hiểu sát nghĩa thì phải là "tắc lòng". Nói cho cùng, "cõi lòng" thì dường như mênh mông hơn một "tắc lòng", và có như vậy mới chuyên chở hết được những gì Văn Công Tuấn muốn nói cùng chúng ta qua tập sách này.

Dù vậy, tôi vẫn chưa tin hẳn khi anh thưa, chứ không phải nói, từ đầu sách rằng: "Nó không phải là công trình khảo cứu (dù có khi phải trưng dẫn vài con số), cũng chẳng là tác phẩm văn học. Nó chỉ là một cõi lòng". Ừ, thì cứ cho là anh nói đúng, chỉ là một cõi lòng, nhưng sao ta có thể tin được rằng "một cõi lòng" này không phải

là một tác phẩm văn chương? Vì thế, dù không dám quên lời nhắc nhở của anh Đỗ Hồng Ngọc rằng "hãy đọc từ một cõi lòng", tôi vẫn còn đôi chút phân vân.

Đọc "từ một cõi lòng" có nghĩa là hãy đọc và cảm nhận bằng con tim, và theo lời thi hào Đỗ Phủ thì "đắc thất thốn tâm tri", nên chỉ sự cảm nhận bằng con tim ấy mới có thể biết được giá trị muôn đời của văn chương. Nhưng tôi không tin là Văn Công Tuấn lại muốn tác phẩm này của anh để giá trị cho muôn đời sau. Tôi tin rằng anh rất muốn và cần tất cả chúng ta - những người đọc - phải nhận biết được những gì anh chuyển tải qua tác phẩm này ngay hôm nay, trong chính môi trường mình đang sống. Đợi đến muôn đời sau thì muộn quá rồi! Và vì vậy, đọc sách của anh với con tim là điều cần thiết nhưng dường như chưa đủ.

Cho nên, tôi muốn đọc sách này của anh không chỉ với con tim mà còn bằng cả khối óc hạn hẹp của tôi!

Nhìn từ một góc độ, tác phẩm này quả thật là "một cõi lòng" của Văn Công Tuấn. Cái cõi lòng mênh mông yêu đời thương người ấy luôn bàng bạc trong từng câu chữ đến mức quá hiển nhiên không sao phủ nhận được. Nhưng từ một góc độ khác, có thể thấy sách này cũng là kết tinh của rất nhiều nỗ lực công phu và trí não. Chỉ cần nhìn vào thư mục tham khảo cũng đủ thấy anh đã phải "ngốn" hết bao nhiêu sách vở để có thể viết nên tác phẩm này, chưa nói đến số vốn tri thức "tự có" hết sức phong phú của riêng anh được thể hiện rõ rệt trong nhiều lãnh vực. Tôi không muốn dùng chữ uyên bác ở đây vì quá biết rõ tính khiêm hạ của anh, nhưng quả thật không thể phủ nhận được sự "đi nhiều biết rộng" của tác giả qua từng vấn đề được nêu ra trong sách. Hơn thế nữa, với những khảo sát chi ly, những dẫn chứng thuyết phục, những so sánh cụ thể và thích hợp, những dữ liệu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau trải dài qua thời gian lâu xa và không gian rộng khắp, chúng ta biết chắc rằng anh không tùy tiện nêu lên những vấn đề quan trọng trong sách này chỉ như một cảm xúc nhất thời. Ngược lại, cách trình bày của anh cho ta thấy một sự trăn trở, thôi thúc đã từ lâu, nên khi anh "xâu chuỗi lại những suy tư và nỗi niềm" của anh thì chúng ta thật may mắn có được tác phẩm giá trị này.

Không chỉ là những kiến thức khoa học hàn lâm hay kinh nghiệm dân gian được anh vận dụng nhuần nhuyễn và trình bày thích hợp, mà xuyên suốt và bao trùm lên toàn bộ nội dung tập sách, người đọc còn dễ dàng nhận ra những lời

¹ Trích „Lời Bạt“ trong tác phẩm

dạy của đức Phật được anh nhận hiểu thấu đáo và áp dụng thành giải pháp thực tiễn cho từng vấn đề. Hơn thế nữa, cách thức mà anh dùng để khơi dậy sự đồng cảm của người đọc đối với các vấn nạn môi trường không chỉ đơn thuần là lý luận hay chê trách, mà chính là tình thương yêu bao la đối với đồng loại cũng như với mọi sinh vật đồng cư trên trái đất này. Trong 16 bài viết, tôi chỉ thấy anh bốn lần rơi nước mắt, nhưng tôi lại dường như cảm nhận được dòng nước mắt thương cảm đó của anh đã chảy dài từ đầu sách đến cuối sách. Cảm xúc này rất thật khi anh vẽ ra trước mắt người đọc hình ảnh các nạn nhân đã và đang gánh chịu những thảm họa môi trường bằng ngòi bút chất chứa đầy từ tâm, nhân ái. Và hơn thế nữa, anh thật từ hòa nhưng không thiếu phần quả quyết khi chỉ ra rằng mỗi chúng ta đều đã và đang góp phần gây nên thảm họa. Đây chính là giải pháp cho mọi vấn đề, bởi khi mỗi cá nhân còn chưa nhận lãnh phần trách nhiệm về mình thì mọi sự hô hào cứu lấy môi trường như hiện nay đều là vô ích. Và nền tảng mà Văn Công Tuấn đã dựa vào để đi đến giải pháp này không gì khác hơn chính là lòng vị tha, là tâm từ bi theo lời Phật dạy.

Tôi tin rằng sự phổ quát của tác phẩm sẽ đến với người bình dân cũng như hàng trí thức, người ít học cũng như giới nghiên cứu, bởi bất kỳ ai trong chúng ta cũng đều đang đối mặt với những tổn thất nặng nề mà nhiều năm qua cả nhân loại này đã gây ra cho ngôi nhà trái đất. Và giải pháp cho vấn đề không chỉ đến từ các bàn hội nghị quốc tế hay trong nội các của những chính phủ đang cầm quyền, mà còn phải đến từ việc mỗi chúng ta biết vận nhỏ hơn vôi nước lúc rửa tay hay theo dõi thật kỹ càng đường đi lối về của những bà Ny-lon, những ông Mũ nhựa... Độc giả của sách chắc chắn sẽ nhận ra được điều này và nhiều điều khác nữa...

Nhà Phật dạy rằng, từ bi và trí tuệ như đôi cánh của một con chim, thiếu một trong hai thì chim không bay được. Cũng vậy, người học Phật phải có đủ từ bi và trí tuệ thì mới có thể hành xử tự lợi và lợi tha, mới có thể cứu mình và cứu người, để cuối cùng mới có thể tự giải thoát cho mình và giải thoát cho người khác.

Mặt khác, khi ta có một tình thương đủ lớn, ta sẽ có khả năng nhận thức vấn đề một cách đúng thật và giải quyết được theo cách hiệu quả nhất. Cho nên, lòng từ bi sẽ dẫn sinh trí tuệ. Ngược lại, khi có một trí tuệ đủ sáng suốt ta sẽ luôn nhận thức được mọi vấn đề trong tương quan toàn cảnh, một là tất cả và tất cả là một. Không thể có bất kỳ giải pháp tốt đẹp nào chỉ

riêng cho một cá thể trong toàn cảnh, bởi sự sinh tồn là chung cho tất cả và sự diệt vong cũng sẽ không loại trừ ai. Do vậy, khi nhận thức đúng về thực tại sẽ dẫn sinh một tình thương rộng lớn đối với muôn người, muôn loài. Đó là từ bi.

Văn Công Tuấn đã xây dựng tác phẩm này trên nền tảng từ bi và trí tuệ. Anh đã viết từ "một cõi lòng" quan tâm đến đồng loại, đến muôn loài, đó là tâm từ bi rộng lớn. Anh đã nỗ lực hết sức công phu trong việc thu thập dữ liệu và khéo léo trình bày các vấn đề theo một cung cách khoa học và hiệu quả, đầy tính thuyết phục, đó là trí tuệ. Vì có đủ đôi cánh từ bi và trí tuệ nên tôi chắc rằng tác phẩm này của anh sẽ vươn cao bay xa.

Bây giờ thì tôi không còn phân vân nữa. Tôi hiểu rằng dù đọc tác phẩm này từ một cõi lòng hay bằng phân tích lý luận thì kết quả cuối cùng vẫn là sự cảm nhận một tình thương bao la và tri thức mệnh mông hàm chứa trong từng câu chữ. Ta có thể đến với Văn Công Tuấn bằng con tim hay khối óc. Dù bằng cách nào, với sự chân thành thì ta đều có thể hiểu được anh.

Và tôi muốn kết thúc lời bạt này bằng cách nói của chính anh trong tác phẩm: *Sách ngắn quá, đọc xong vẫn thấy thèm*. Khi nào có dịp gặp anh, chắc chắn tôi sẽ "xúi" anh viết thêm một vài quyển nữa!

• **Nguyễn Minh Nguyễn Minh Tiến**

Westminster, California
Tháng 7/2019

CHỚ QUÊN MÌNH LÀ NƯỚC

Tạp văn - khảo luận về nước và môi trường

Tác giả: Văn Công Tuấn

Lời tựa: Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc

Lời bạt: Nguyễn Minh Tiến

Phụ lục: Những cảm nhận của HT Như Điển, HT Phước An, Lương Nguyên Hiền, Nguyễn Hiền-Đức.

Nhà xuất bản Liên Phật Hội (Hoa Kỳ), 2019.

ISBN-13: 978-1-6875-2509-3

ISBN-10: 1-6875-2509-9

Mua sách ở Amazon qua đường link rút gọn sau:

https://pgvn.org/pg_5604hw



BỆNH LAO PHỔI (TUBERKULOSE, TBC)

- **Bác Sĩ Trương Ngọc Thanh**
- **Dược Sĩ Trương Thị Mỹ Hà**

Mặc dù Lao Phổi được cho là Bệnh hiểm thấy ở Cộng Hòa Liên Bang Đức, nhưng đến nay, do làn sóng người nhập cư vào Đức cao, nên tỷ lệ mắc bệnh được ghi nhận tăng lên đến mức đáng ngại.

Vào năm 2015 với con số 7,3 trên 100.000 dân. Số tử vong lên đến 100 người.

Con số tử vong và số người mang bệnh Lao so với thực tế còn cao hơn số thống kê rất nhiều lần, do nhiều yếu tố như: không phát hiện, có những cư dân sống bất hợp pháp.

Đó là con số không nhỏ trong một quốc gia kỹ nghệ như Đức, nơi đây được xem là một trong những quốc gia có nền văn minh, đời sống vệ sinh và phương tiện y khoa, điều trị cao trên thế giới.

Thế giới hiện có đến 1 phần 3 dân số bị nhiễm bệnh Lao. Trong số này có một phần nhỏ bị bệnh. 1,8 triệu người tử vong trong số hơn 10,4 triệu người mắc bệnh. Do tính hay lây nên dịch lao thường thấy ở những nơi nghèo đói, có điều kiện vệ sinh và mức dinh dưỡng thấp kém, và ở những người bị các bệnh có hệ thống kháng nhiễm yếu kém như HIV (SIDA), biến đổi di truyền. Trong nhóm người này bệnh Lao thường xuất hiện ở nhiều cơ quan khác nhau.

Vi trùng bệnh Lao còn tìm thấy ở loài Bò, nên sữa bò tươi chưa được diệt khuẩn (Pasteurisierung) cũng là mầm mống gây bệnh cho loài người.

Bệnh Lao Phổi dẫn đầu về số tử vong trong các bệnh truyền nhiễm. Lao Phổi gây chết người được xếp hạng thứ 10 trên thế giới sau các bệnh về tim mạch, ung thư, COPD...

Bệnh lao phổi do vi trùng Mycobacterium tuberculosis gây ra, được Robert Koch mô tả vào năm 1882. Công bố này đã là một bước tiến vạm vỡ trong ngành vi trùng và ký sinh trùng thời

ấy. Tuy danh từ Tuberkulose đã được nhắc đến trước đó ở các quốc gia miền Nam Châu Âu để chỉ một bệnh tạo khối u ở các cơ quan khác nhau, hay lây và dẫn đến tử vong, nhưng người ta còn hoài nghi về nguyên do, vì không biết đâu là nguồn gốc gây bệnh.

Vào những năm 1800 ở Châu Âu có 2 nhà khoa học, vi trùng học lừng danh là Louis Pasteur (Pháp) và Robert Koch (Đức) với các công trình nghiên cứu, đóng góp cống hiến và khám phá của họ đã giúp thế giới từng bước đẩy lùi các bệnh truyền nhiễm, nan y. Đó là nền tảng của những tiến bộ điều trị sau này.



Robert Koch (1843-1910)



(Louis Pasteur (1822-1895))

Robert Koch là một nhà vi trùng học, vệ sinh học và bác sĩ y khoa người Đức. Tên tuổi của ông gắn liền với vi trùng gây bệnh lao phổi, nên còn được gọi "Vi Trùng Koch". Sự thành công và cống hiến của ông cho nhân loại đã được ghi nhận và đánh giá với giải thưởng Nobel cao quý về Y Học và Sinh lý Động vật vào năm 1905. Ông cũng đã từng có thời gian làm Bác Sĩ ở một làng nhỏ Langenhagen, gần Hannover, sau khi học ở Göttingen.

I - CÁCH TRUYỀN VÀ LÂY BỆNH:

Đối với các cá thể khỏe mạnh, đầy đủ dinh dưỡng, có sức đề kháng bệnh tật cao do di truyền, thì khi tiếp xúc với vi trùng Lao, đường hô hấp như phế quản của họ có thể loại bỏ được vi trùng này. Các Thực Bào trong các phế nang họ có khả năng tiếp nhận và cô lập vi trùng Lao và làm chúng chết dần cùng với tế bào chủ. Đây là dạng Lao Phổi như Fromage, Käse (verkäsende Nekrose).

Vi trùng Tuberkulose không những chỉ xuất hiện trong phổi (Lao Phổi) mà chúng còn được tìm thấy trong xương (lao xương), hạch bạch

huyết, da, bộ phận sinh dục, hệ thống thần kinh,....

Đây là nhóm vi trùng có dạng hình gậy, đũa, gram Dương, hiếu khí, ít cử động, chúng phân cắt đôi và sinh sản tương đối chậm khoảng 18 giờ một lần.

Vi trùng Koch (Mycobakterien) thường được lây truyền qua đường hô hấp dưới dạng những vi thể hạt dịch qua ho, đờm, nước miếng, máu hoặc những dịch cơ thể, như tinh dịch.

Vi trùng này cũng có thể theo đường tiêu hóa qua thực phẩm chưa khử trùng hay nấu chín như sữa, trứng sống vào cá thể bị nhiễm bệnh.

Các hài nhi bị nhiễm bệnh trong lúc sinh ra, khi người mẹ bị nhiễm khuẩn ở đường sinh dục.

II - TRIỆU CHỨNG

Người bị bệnh Lao thường có triệu chứng sau:

- Ho kéo dài nhiều hơn 3 tuần, nhiều đến dữ dội, ho nhiều đờm (đàm)
- Ho ra máu
- Toát mồ hôi nhiều về đêm
- Sốt nhẹ về chiều và đêm
- Sụt mất ký
- Luôn cảm thấy mệt mỏi, đuối sức
- Các hạch bạch huyết sưng to, ở cổ, háng hoặc nách
- Đau tức ngực hoặc bụng

Người ta phân biệt:

* *Bệnh Lao tiềm ẩn, Lao kín:* sau khi nhiễm bệnh độ 3 đến 6 tuần, hệ thống kháng thể của cá thể này được hoạt hóa, gây phản ứng tạo thành những nốt nhỏ bao kín Vi Trùng Lao. Vùng nhiễm bệnh này có thể tồn tại nhiều năm trong cơ thể bệnh nhân, không gây bệnh và cũng không lây cho người khác.

* *Bệnh Lao không kín, rất dễ lây cho người khác:* Khi cá thể nhiễm bệnh và không có sức đề kháng để bao kín và cô lập Vi Trùng Lao, thì Vi Trùng Lao có thể phát triển trong đường hô hấp, theo đường máu đi đến các cơ quan khác và gây bệnh Lao thực thụ với các triệu chứng tiêu biểu kể trên.

III - CÁCH ĐỊNH BỆNH

- Trước kia người ta hay sử dụng Tuberkulin Test để tìm cá thể nhiễm bệnh. Nhược điểm của phương thức này gây sai kết quả ở những người có hệ thống kháng nhiễm thể suy yếu và không

phân biệt được trường hợp đang bị bệnh hay đã bị và lành bệnh.

- Tìm vi trùng lao trong đờm, dịch rửa phế quản, máu, các mô sau khi nuôi cấy vi mẫu trong nhiều ngày liên tiếp. Cho đến khi có kết quả có thể kéo dài đến 8 tuần.

- Xét tìm dưới kính hiển vi, với Nucleinsäure-Amplifikations-Test, dựa theo Phản ứng dây chuyền đa phân tử (Polymerasekettenreaktion: PCR)

- Chụp hình quang tuyến phổi lồng ngực hai chiều. Bổ túc với CT (định hình cắt lớp) giúp nhận biết các biến đổi hạch và biến đổi trong phế quản

- Phát hiện vi trùng Lao bằng máy GeneXpert

- Đối với nhóm bệnh nhân Lao mang bệnh tiềm ẩn thì họ không có triệu chứng cấp tính như sốt nhẹ, ho, sụt ký.... (LTBI) thì phương pháp định bệnh gián tiếp với IGRA (Interferon Gamma release assays) là cần thiết. Nhóm người này không là mầm gây lan bệnh cho người khác.

Do tính hay lây lan, khó kiểm soát được vì bệnh nhân khó bị cách ly với người thân và xã hội, trước 1975 ở Việt Nam có Trung Tâm Bài Lao Hồng Bàng, nằm gần Đại Học Y Khoa Sài Gòn mang trọng trách điều trị và giảm đi phần nào việc truyền bệnh.

IV - PHƯƠNG THỨC ĐIỀU TRỊ

1. Bệnh nhân mắc bệnh Lao cần được cô lập ở những trung tâm điều trị chuyên khoa, tránh tiếp xúc với gia đình và người khác, cho đến khi lành bệnh. Khi phát hiện thì những người đã tiếp xúc với bệnh nhân thì họ phải được kiểm soát và theo dõi một thời gian dài, xem họ có mang mầm bệnh tiềm ẩn hay không.

2. Bệnh nhân cần được dinh dưỡng đầy đủ, để tăng sức đề kháng. L- Arginin và Vitamin D cũng có vai trò hỗ trợ điều trị.

3. Điều trị dược học: Vào những năm 1960 thì Streptomycine là dược chất duy nhất trị lao. Do ảnh hưởng tác dụng phụ với thính giác và lờn thuốc nên vai trò của chất này không còn được nhắc đến nữa.

Hiện nay bệnh nhân được điều trị theo phác đồ kết hợp như sau, do tính đề kháng và lờn thuốc của vi trùng Lao ở phổi:

a) 2 tháng đầu với 4 loại thuốc: Ísoniazid (INH), Rifampicin (RMP), Pyrazinamid (PZA), Ethambutol (EMB)

b) 4 tháng kế tiếp chỉ với: INH và RMP

c) Đối với Bệnh Lao ở những cơ quan khác thời gian điều trị phải kéo dài lâu hơn, đến 12 tháng khi bị bệnh Lao ở hệ thống thần kinh. Trong thời gian thai nghén vẫn phải bắt buộc.

d) Đối với trường hợp chỉ lớn 1 loại thuốc như INH hoặc RMP, thì thuốc thay thế sẽ là Fluorochinolon.

Do phản ứng phụ như dị ứng, ói mửa, gây độc hại gan việc điều trị phải thay đổi theo từng cá thể.

Đối với những người bị tái phát bệnh thì việc điều trị cũng trở nên phức tạp và kéo dài lâu hơn.

e) Bedaquiline, Delamanid, Rifampentine, Kanamycin, Protionamid... là những loại thuốc mới dùng ở những vùng đã bị lờn thuốc, như Việt Nam, Banglades... , khi 4 loại thuốc kể trên không còn tác dụng nữa.

f) Thiacetazon vì các phản ứng phụ nên không được sử dụng ở những nước tiên tiến.

V - CHỨNG NGỪA LAO:

Ở CHLB Đức thuốc chủng ngừa Lao BCG đã được áp dụng cho đến năm 1988. Thuốc này không còn được tiêm chủng nữa do hiệu quả bị mất đi với thời gian và gây nhiều phản ứng phụ ở chỗ tiêm thuốc. Ngay cả những vùng nhiệt đới và bán nhiệt đới thuốc này cũng chẳng có hiệu quả.

Thuốc chủng ngừa Lao VPM 1002 đang trong vòng thử nghiệm, được ghi nhận với ít tác dụng phụ nguy hại dự kiến sẽ thực nghiệm trên 2000 người ở Ấn Độ vào năm 2020.

Do tính hay lây, khó kiểm soát được vì bệnh nhân khó bị cách ly với người thân và xã hội, trước 1975 ở Việt Nam có Trung Tâm Bài Lao Hồng Bàng, nằm gần Đại Học Y Khoa Sài Gòn mang trọng trách điều trị và giảm đi phần nào việc truyền bệnh.

Hiện nay con số nhiễm và mắc bệnh Lao ở Việt Nam, theo thống kê đứng hàng thứ 13 trong số 30 quốc gia thường bị quen và lờn thuốc điều trị trên thế giới. Con số tử vong hàng năm vào khoảng 13.000 người (tháng 7.2018).

Số người mới mắc bệnh hàng năm hơn 126.000 người.

Do sự điều trị không chuyên khoa và tính biến ứng thích nghi của Vi Trùng Lao đã gây khó khăn trong điều trị, do quen và lờn thuốc.

Minden, den 03.11.2019

- **Bác Sĩ Trương Ngọc Thanh**
- **Được Sĩ Trương Thị Mỹ Hà**

Nhớ ngày trọng đại

*Cảm tác theo Thơ „Mùa Đông Xứ Người”
của Tỳ Kheo Thích Hạnh Phẩm.
(TĐH)*

*Chùa Viên Giác một ngày rất trọng đại
Muôn hoa sen đua nở giữa cung vàng
Gió trầm hương bay ngát khắp đạo tràng
Đang lời hát chúc mừng ngày Khánh Tuế*

*Đất Quảng Nam Thầy bước vào trần thế
Theo tháng ngày trên mọi nẻo vân du
Cởi áo đời khoác chiếc áo Người Tu
Và đi khắp muôn nẻo đường vô ngại*

*Vì vận nước Thầy bôn ba hải ngoại
Đốc sức đem ánh đạo chiếu mười phương
Một tấm lòng trải rộng vạn tình thương
Ân giáo dưỡng một đời con ngưỡng mộ.*

*Niềm vui đến qua nhân duyên hạnh ngộ
Bao tấm lòng chúc tụng nghĩa Ân Sư
Nguyện cầu xin chư Phật ban rải lòng từ
Cho Thầy được Thân Tâm Thường An Lạc.
Nam Mô A Di Đà Phật*

• **Trần Đan Hà**

*Để nhớ ngày 28 tháng 6 năm 2019
Mùng Khánh Tuế lần thứ 71
Hòa Thượng Thích Như Điển,*

Thông Báo

Lịch Canh Tý năm 2020

Trân trọng thông báo đến quý Đạo Hữu & Phật Tử, giá phát hành Lịch Tử Vi & Lịch Treo Tường năm Canh Tý (2020) như sau:

	Lịch Tử Vi	Treo tường
- tại Chùa Viên Giác	17 €	11 €
- gửi trong nước Đức	20 €	17 €
- gửi ngoài nước Đức	25 €	19 €



LÀ KHÁCH LẠ, NGAY TRÊN QUÊ HƯƠNG MÌNH !

• Thích Nữ Huệ Trân



*Một tiệm bán hàng trên đường phố Nha Trang
(ảnh Người Việt)*

Có tình cờ không, khi tin tức trên mạng gần đây, cả trong và ngoài nước đều đưa tin và hình ảnh những địa danh như Khánh Hòa, Nha Trang, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Bãi Cháy, Hạ Long... đều đang biến dạng thành đất Tàu!

"Đất Tàu" chứ không phải "Phố Tàu" như China Town, Japanese Town, v.v... ở Hoa Kỳ, hay ngay như Chợ Lớn khi xưa, là những minh định rõ ràng trên phương diện thương mại, nơi đó, phố đó, với những thỏa thuận dành cho dân tộc đó buôn bán, giao tiếp, giới thiệu, những gì đặc thù của dân tộc họ, với người đồng hương cũng như với người bản xứ.

Những địa danh tại Việt Nam đang được đề cập đến không ở trong dạng thức đó. Hình ảnh phổ biến là những dãy phố, những hàng quán treo biển hoàn toàn chữ Tàu, không có một chữ tiếng Việt! Và choáng ngợp tới mức mắt với 2 màu vàng, đỏ.

Cũng theo tin tức thì có những tiệm, ngoài biển viết là bán các loại nước hoa, mỹ phẩm nổi tiếng (nhờ người biết chữ Tàu dịch lại) nhưng vào trong tiệm thì không hề có những món hàng loại đó, nhưng người ra, kẻ vào thì cứ xí xồ tiếng Tàu, chả có chi thắc mắc!

Không biết người bán thực sự bán món gì và người mua thực sự tìm mua gì, thậm chí có tiệm, họ còn tự nhiên thoải mái mua bán bằng tiền Tàu! Tất nhiên, đây chỉ là một vài địa danh tiêu biểu được báo chí nhắc tới.

Cũng theo những tin phổ biến rộng rãi, thì nhiều khách du lịch nước ngoài (không phải khách Tàu) khi dừng chân ở những địa danh nêu trên đã không khỏi ngẩn ngơ tự hỏi "Có mua làm vé du lịch Trung Quốc, thay vì Việt Nam???".

Những bi hài kịch này khiến tôi nhớ về thời điểm khoảng giữa năm 2001. Đó là khi ranh giới Việt – Trung bị âm thầm dời đổi, chỉ bằng một cái bảng mới, với tên "Cây số Zero," nằm giữa Ai Nam Quan cũ và Cửa Hữu Nghị bây giờ. Ranh giới này đã dời sâu vào nội địa Việt Nam, cắt đôi thác Bản Giốc thuộc tỉnh Cao Bằng, từng là thắng cảnh nổi tiếng của miền Bắc Việt Nam, nay một nửa đã thuộc về Trung Quốc. Dân chúng quanh vùng cao nguyên đó, khi nhìn thấy "Cây số Zero" cũng chỉ là nhìn thấy một cách mơ hồ. Chỉ khi có ai đó, hồn nhiên bước qua và bất ngờ bị gọi lại, hỏi giấy tờ, mới được dạy dỗ là đã phạm tội vượt biên giới, vì đây là... đất Tàu!!!

Đất đã vậy, biển thì sao? Chỉ tạm đọc một góc nhỏ trên nghiencuuquoc@org về chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp biển Đông từ 2007 đến 2012 sẽ hiểu ngay vì sao Trung Cộng có thể đơn phương áp đặt lệnh cấm đánh cá ở biển Đông, đặc biệt là vào những mùa đánh bắt cao điểm đối với ngư dân Việt Nam; vì sao tàu chiến Trung Cộng có thể coi thường dư luận quốc tế mà nã súng vào những chiếc thuyền đánh cá mong manh của ngư dân Việt Nam, có nơi chỉ cách Sài-gòn 350 Km!!!...

Bị đuổi, bị cấm, bị bắn trên những vùng biển đã nhiều đời nuôi sống ngư dân mà không được nhà nước lên tiếng bảo vệ, che chở, thì chờ đợi chi ở những phiên tòa, khi người dân lên tiếng phản đối nhà máy gang thép Formosa của Đài Loan, thải khí độc tràn lan mặt biển khiến hải sản chết trắng suốt dọc bờ biển miền Trung, mà những người dân đó lại bị bắt, bị kết tội, bị bỏ tù...

Nhớ về những thời điểm này cũng khiến tôi nhớ một bài viết cũ, tôi viết đã hơn 10 năm, vì hình ảnh ngày nay quá tương phản!

Lục tìm chồng sách cũ, thấy lại bài viết trên trang giấy đã ngả vàng, tôi đọc lại, khó ngăn nổi ngậm ngùi, nên xin trích dăm đoạn, chia sẻ nơi đây:

"... Có phải những tầng mây xám thấp, mang theo tiết lạnh cuối đông mới khiến lòng người dễ bùi ngùi khi đọc một đoạn văn, nghe một dòng nhạc? Với tôi, hình như không! Tôi không thường bị ngoại cảnh kéo chùng xuống, mà những sự kiện phi thường trong thăm lặng lại là những gì dễ khiến tôi sùng sốt bàng hoàng.

Như hôm nay, ngoài vườn đang tràn ngập nắng vàng, mây xanh, gió mát và chim hót líu lo. Vậy mà tôi đang thổn thức vì vừa đọc một bài trên báo, viết về những người mẹ Tây Tạng can đảm, âm thầm đưa con nhỏ vượt Hy Mã Lạp Sơn với một ước mong duy nhất là gửi được con mình cho các ngôi trường của người Tây Tạng lưu vong, ở Napal hay Ấn Độ, nơi đó, những người mẹ hy vọng con mình được hưởng nền giáo dục Tây Tạng và sẽ giữ được giáo Pháp của Phật Giáo Tây Tạng.

Vượt Hy Mã Lạp Sơn đồng nghĩa với vượt ranh giới giữa sống và chết, vì muôn trùng hiểm nguy của chênh vênh đèo núi, của tuyết phủ rêu phong, của những họng súng biên phòng hờm sẵn, của đói, lạnh, thương tích...

Vậy mà, những người mẹ vẫn đưa con ra đi; gửi được con rồi, lại đơn độc vượt núi băng rừng trở về, trong tâm trạng kiếp này đành vĩnh biệt!

Bi thương đến thế, nhưng theo bài báo thì hàng năm vẫn có từ 2.500 đến 3.000 người mẹ Tây Tạng vượt Hy Mã Lạp Sơn với tấm lòng băng thạch là tìm môi trường bảo vệ văn hóa của dân tộc mình cho lớp măng non. Niềm hy vọng đó của họ đang mòn dần theo năm tháng với những biến chuyển lạnh lùng của thế đứng toàn cầu! Nhưng thực tế đó không lay chuyển Trái-Tim-TâyTạng.

Đây có phải là quyết tâm bất thối, như những Phật tử tu pháp môn Tịnh Độ, hướng về Tây Phương Cực Lạc bằng Tín, Nguyện, Hành thì Tịnh Độ ngay nơi bước chân qua? Những người mẹ Tây Tạng vô danh đó tin gì, nguyện gì, mà có thể quyết tâm phụng hành như thế? Làm sao những người mẹ đó có đủ can đảm dắt các con nhỏ xông pha sương tuyết, thập phần hiểm nguy với dấu mốc mờ hồ, xa thẳm, là con mình sẽ không bị đồng hóa với ngoại bang, sẽ được nuôi dạy trong nền giáo dục đặc thù dân-tộc-tính và nhất là được tự do phụng thờ giáo pháp mà họ hãnh diện gọi riêng là Phật Giáo Tây Tạng?

Động lực giúp họ can đảm ra đi, chắc không phải chỉ là sức chảy của triền suối, dòng sông, mà phải là sức mạnh bạt ngàn sóng cả của đại dương trùng trùng bất tận.

Những bà mẹ Tây Tạng đó phải là những chiến sỹ vô danh quả cảm, phi thường, không chỉ âm thầm mang thân mình chiến đấu, bảo vệ nền văn hóa của dân tộc mà còn đặt cả hậu thân vào lý tưởng.

Trong lễ Quán Đảnh Mật Pháp Kalachakra lần thứ 30 của thế giới, Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh đạo tinh thần của dân tộc Tây Tạng đã ngậm ngùi bày tỏ rằng, rồi chỉ còn là vấn đề thời gian,

một mai Tây Tạng bị sức ép, thống nhất vào Trung Quốc, nếu thế giới không bất ngờ đột ngột thay đổi cục diện cho một trật tự toàn cầu!

Đó là trạng huống thực tế mà những ai quan tâm đều có thể nhìn thấy. Đường xe lửa nối liền Hoa Lục và Tây Tạng sẽ ồ ạt đưa người Hán vượt biên hợp pháp, đem theo công kênh hành trang ngũ trược vào một xứ sở bốn mùa trầm lắng tiếng chuông ngân!

Rồi sẽ còn không, hương thiền trang nghiêm nơi bao tu viện ẩn mình sau những rừng cây, đồi núi trong xanh?

Rồi sẽ còn không, tiếng kinh chiều nhắc nhở người quy thiện?

Rồi sẽ còn không, những cậu bé được dọn thân tâm từ thuở ấu thơ, hoan hỷ lấy mái tu viện làm nhà, lấy sư trưởng, bạn đồng môn làm thân thuộc?

Rồi sẽ còn không, nền văn hóa tắm đẫm giáo pháp từ bi, thể hiện trong từng cá nhân, từng gia đình? Rồi sẽ còn không, bóng cà-sa thấp thoáng trên đường phố, hòa vào dòng chảy của dân tộc, chung một đạo vị từ bi, nhân ái?

Rồi sẽ còn không, ngôn ngữ, phong tục, tập quán của một xứ sở nhỏ bé với hơn sáu triệu dân mà đại đa số thuần nhất hướng về Chư Phật?

Hy vọng mong manh quá! Vậy mà những người mẹ can trường kia vẫn tiếp tục mang thân tâm mình và con mình để vun đắp, tài bồi niềm hy vọng ấy trong trạng huống cực kỳ hiểm nguy, cực kỳ cùng khốn!..."

Có ai quặn đau, tủi hổ khi nhìn về bên kia dãy Hy Mã Lạp Sơn, để thấy mờ ảo trong sương tuyết, những bà mẹ lấm lũi, run rẩy, ôm con vượt chết, chỉ để tới được miền đất tạm dung, nơi hy vọng tìm được sự sống cho thế hệ mai sau, một đời đáng sống. Đó là được sống với trọn vẹn TINH THẦN DÂN TỘC.

Trong khi, tại quê hương Việt Nam, những người còn đang nắm chủ quyền, lại tự biến dạng quê Cha đất Tổ bằng bản chất dị biệt của dân tộc khác!

Ngày nay đang tự biến thành Đất Tàu, liệu ngày mai còn là Đất Việt không? Ngược lên chót đỉnh non cao, nơi năm mươi con từng theo Mẹ lên núi. Nhìn xuống thẳm sâu đại dương, nơi năm mươi con từng theo Cha xuống biển. Ôi, dường như núi cao, biển sâu đều đang đồng vọng âm thanh... Âm thanh tiếng gọi của Hồn Thiêng Sông Núi!

•Thích Nữ Huệ Trân

Mùa Hè mất dấu chim bay, 2018

Thư Viện Hoa Sen



MAI CON LỚN

*(Bài thơ đã làm đau thắt
lòng người
trước vận nước điêu
linh của dân tộc Việt)*

Mai con lớn khắp nơi toàn người Hán
Tiếng Việt mình, nói nhỏ nhé con ơi
Dù mình trên quê hương đất Tổ
Nhưng ai đông hơn sẽ thành chủ, con à!

Mai con lớn lấy chồng sao tránh khỏi
Bọn Hán kia tìm mọi cách „gieo nòi“
Con trai Việt thoát sao đời nô lệ?
Chẳng biết lúc nào mất nội tạng, con ơi!

Mai con lớn, chữ mình con quên hết
Khắp nơi nơi toàn kiểu chữ tượng hình
Sử sách Việt sẽ ngày càng mai một
Ai nhớ từng có Âu Lạc với Văn Lang!

Mai con lớn đến nơi nào cũng cúi
Xứ mình nhưng chẳng dám ngẩng cao đầu
Vào quán xá nhớ nép mình trong góc kẹt
Đừng tranh ăn với lũ đói bên Tàu!

Mai con lớn những nơi nào đẹp nhất
Hạ Long, Ninh Bình, Đà Lạt, Phong Nha...
Và nhiều chỗ con đừng léo hánh
Người Việt ta không tới đó nữa con à!

Mai con lớn những kinh đô, thành quách
Những tượng thờ tiên tổ, các Hùng Vương
Những ngôi miếu tôn vinh Bà Trưng, Bà Triệu
Sẽ bị đập tan, lán lóc giữa hoang tàn!

Mai con lớn, đồ ăn toàn bẩn, độc
Của ngon đều bị tước hết con ơi
Mai con lớn biển, sông, hồ nhiễm độc
Nước thải phương xa không ngớt đổ về!

Mai con lớn xin đừng òa khóc
Hận tiền nhân sao nở để cháu con mình
**Sống trong lòng giặc thờ không dám thờ
Vì thời của mẹ cha, ai cũng chỉ muốn
„được yên bình“!**

Mai con lớn xin con đừng hờn trách
Tổ tiên hèn với giặc, ác với cháu con
Con hãy hiểu ngày hôm nay ai cũng nói
„Ta không đòi được đất thì để con cháu ta
đòi“!

**Mai con lớn xin con đừng phẫn hận
„Ngày xưa giặc chưa vào sao câm nín, im
ru?“**

**Nay giặc ở khắp mọi miền bờ cõi
Bắt cháu con đòi, nghe có lọt tai không?!**

Mai con lớn, thôi mẹ không nghĩ nữa...
Chỉ mong bình minh đến thật mau...
Và tất cả chỉ là cơn ác mộng
Xin Thiên cơ ban tặng một phép màu...

• Vô Danh



BÀI THƠ CHO NƯỚC

1. Tôi sinh ra giữa lòng Cộng Sản
Và lớn lên dưới ảnh Bác Hồ
Bao nhiêu năm viết “Độc lập - Tự do...
và Hạnh phúc” nhưng chưa từng thấy thế!
2. Đất nước tôi có bao người tuổi trẻ
Đều lầm tin vào lịch sử Đảng truyền
Họ nói rằng: Bác là thánh, là tiên
Người đưa Nước thoát khỏi vòng nô lệ.
3. Nhưng trong tôi thấp muôn vàn lý lẽ
Cuộc chiến nào mà Đảng thắng - Nước thua?
Dân làm giặc mà Đảng lại làm vua
Trên danh nghĩa “kẻ tôi đòi trung hiếu”.
4. Đất nước tôi tất thảy do Đảng liệu
Đảng phân công, quản lý hết cuộc đời
Từ cây kim, sợi chỉ đến chén cơm, manh áo dù
rách nát, nhỏ nhoi
Thì tất cả đều nhờ ơn của Đảng.
5. “Yêu Tổ quốc” có nghĩa là “yêu Đảng”
“Chống chính quyền” là “phản bội quê hương”

Bao người vì non sông với niềm tin vào ngày
mai nước Việt hùng cường
Đều lần lượt chịu tù đày, khổ ải.

6. Đất nước tôi có gì không độc hại
Từ thức ăn, nước uống đến không khí ô nhiễm
tràn lan

Từ nhu yếu phẩm của đứa trẻ sơ sinh đến cụ
già sắp lìa khỏi trần gian
Đều tắm độc vào xác - hồn nước Việt.

7. Có nơi đâu mà người dân thua thiệt
Bằng thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa thế này
không?

Máu dân oan đã nhuộm đỏ sông Hồng
Loài hung bạo chiếm hết trời - đất - biển...

8. Đất nước tôi với mọi điều trái ngược
Ngược văn minh, ngược tiến hóa loài người
Những phát ngôn của quan chức nực cười
Ngược đời thế, nhưng "tài tình lãnh đạo"!

9. Ươn hèn nhất, bọn bút nô - Tuyên giáo!
Với hàng trăm tờ báo, đài vô tuyến - truyền
hình
Ngoài mị dân, ru ngủ, chỉ những tin "cướp -
giết - hiếp" hay bản nhạc "đúng quy trình"
Còn nhục nước họa dân thì muôn đời nín lặng.

10. Đất nước tôi với sưu cao thuế nặng
Còn hơn thời phong kiến, thực dân
Những trạm BOT mọc lên khắp tỉnh thành
Cùng hàng vạn "áo vàng" chực rình thu mãi lộ.

11. Ôi chân lý mà bao người "giác ngộ"
Làm suy đồi đạo đức mấy ngàn năm
Đưa quốc dân vào chia rẽ - thù hằn
Và kiểm tỏa đường tương lai dân tộc.

12. Đất nước tôi mất dần vào Trung Quốc
Mất Hoàng Sa, rồi mất đến Trường Sa
Mất Biển Đông, Bản Giốc, rồi những nơi trọng
yếu của nước nhà
Đảng biết rõ, nhưng làm ngơ tất cả.

13. Từ có Đảng, biết bao điều tai họa
Như mệnh trời muốn thử thách người Nam
Mà Đảng vẫn huênh hoang nào "thắng lợi vẻ
vang"
Nào "thời đại Hồ Chí Minh", nào "dân giàu
nước mạnh".

14. Đảng hào nhoáng với ngai vàng lấp lánh
Còn dân đen thì đói khổ, nghèo nàn
Những ủy ban, hội đồng... đều mang mác
"nhân dân"
Chỉ kho bạc là của riêng "nhà nước".

15. "Đổi mới" rồi "kiến tạo" với bao đời Thủ
Tướng
Bao đời Tổng Bí Thư từ Chinh, Duẩn, Linh,
Mười...
Bao sai lầm mà Đảng chẳng nên người
Sợ kinh nghiệm rút kiếp nào cho hết.

16. Đảng cứ sống và dân thì cứ chết
Cứ chết dần trong mơ ước tàn phai
Trong căn bệnh ung thư hay tai nạn giao
thông... rồi sẽ đến một mai
"Chết từ từ" để giết nòi giống Việt!

17. Tôi xấu hổ khi nói cùng thứ tiếng
Và viết chung ngôn ngữ với một đảng đê hèn
Hít thở bầu khí quyển màu đen
Bóp nghẹt Tự Do ở dưới triều Cộng Sản.

18. Tôi sinh ra giữa lòng Cộng Sản
Nhưng tôi là một người Việt Tự Do
Trong tim tôi là lý tưởng Quốc Gia
Và chính nghĩa là chủ trương dân tộc.

19. Xin cảm ơn những tấm gương bất phục
Và những người yêu Nước của hôm nay
Đã dẫn thân vào những chốn đọa đày
Vẫn khí khái cất cao lời tranh đấu.

20. "Ghét Cộng Sản" chẳng bao giờ là xấu
"Yêu đồng bào" từ dòng máu Việt Nam
Chúng ta là con cháu xứ Văn Lang
Và thề quyết làm sáng danh Hồng - Lạc.

21. Hỡi những người trai, cô gái Việt
Hãy đứng lên vì non nước lâm than
Diệt bá quyền, lật đổ lũ tham tàn
Cho không thẹn với hồn thiêng sông núi.

22. Hãy bước đi theo tiếng đời thúc gọi
Triệu tấm lòng vì đất nước - quê hương
Sẽ noi gương anh dũng của Trưng Vương
Mang ý chí Diên Hồng xây đắp nền Cộng Hòa
tự chủ.
Cho quê hương Việt Nam, mùa Xuân 2018.

● Trương Chi

BÃI TƯ CHÍNH TRONG TAM GIÁC VIỆT NAM-HOA KỲ-TRUNG CỘNG

• Trần Gia Phụng

1.- BÃI TƯ CHÍNH Ở ĐÂU?



Vị trí bãi Tư Chính (Vanguard Bank) có 4 điểm đáng chú ý:

1) Bãi Tư Chính là một bãi san hô chìm dưới mặt nước biển, **không phải là một hải đảo**, nằm trong thềm lục địa (continental shelf). (*BBC NEWS Tiếng Việt*, 29-7-2019), và nằm trong vùng đặc quyền kinh tế (ĐQKT) (exclusive economic zone) 200 hải lý (370 Km) của Việt Nam, ở nam Côn Sơn, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, do một tiểu đoàn Hải quân CSVN quản lý và khảo sát khí tượng,

2) Dưới lòng biển bãi Tư Chính có tiềm năng lớn về dầu hỏa và khí đốt, nên nhiều nước dòm ngó.

3) Bãi Tư Chính nằm trên trục giao thông hàng hải đông-tây và bắc-nam ở Biển Đông. Đây là con đường giữa Âu Châu, Phi Châu và Á Châu. Ở Á Châu, từ eo biển Hormuz (giữa Iran và các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất) đến eo biển Malacca (giữa Malaysia và đảo Sumatra thuộc Indonesia) là đoạn đường huyết mạch ra Biển Đông.

4) Theo công ước về luật biển của Liên Hiệp Quốc, bãi Tư Chính nằm trong vùng ĐQKT của Việt Nam. Trung Cộng không chịu nhận điều này,

và tự quy định rằng bãi Tư Chính nằm trong đường nối 9 điểm của Trung Cộng trên Biển Đông.

Đường này trước kia chưa có. Cho đến đầu thế kỷ 20, nước Trung Hoa chỉ tới đảo Hải Nam. Một bản đồ năm 1948 thời Trung Hoa Dân Quốc vẽ thêm một đường gạch cách khoảng, nối 11 điểm trên Biển Đông mà Trung Hoa cho rằng thuộc chủ quyền Trung Hoa. Qua thời Trung Cộng đường này rút lại còn 9 điểm, tạo thành một khu vực có hình chữ U, giống hình lưỡi bò, rộng khoảng 80% diện tích Biển Đông. Nếu kể từ đất liền Trung Cộng, đường lưỡi bò dài hơn 1.000 hải lý, chỉ cách đất liền các nước Philippines, Malaysia và Việt Nam trên 100 hải lý, "ăn vào 67 lô" dầu khí của Việt Nam trên Biển Đông. (*BBC tiếng Việt* ngày 23-5-2018). Cần chú ý là Trung Cộng quan niệm đường lưỡi bò của Trung Cộng là bất di dịch, bất chấp luật biển LHQ.

Hai thuật ngữ theo công ước về luật biển:

1) Thềm lục địa là phần đất nổi dài từ đất liền chạy ra biển, thông thường là 200 hải lý.

2) Vùng ĐQKT rộng 200 hải lý kể từ hải phận. Nước chủ nhà chỉ được quyền đối với tầng đất vùng ĐQKT. Tầng nước biển và tầng bầu trời (không phận) vùng ĐQKT thuộc quốc tế. Thềm lục địa và vùng ĐQKT do luật biển LHQ quy định, không nước nào có quyền đi ngược lại luật này.

2.- BÃI TƯ CHÍNH NỔI SÓNG

Sau chiến tranh với CSVN năm 1979, Trung Cộng cải tiến quân đội, hiện đại hóa Hải quân để bành trướng bằng đường biển. Đại tướng Lưu Hoa Thanh (Liu Huaqing), Tư lệnh Hải quân Trung Cộng từ 1982, đưa ra chiến lược xây dựng Hải quân Trung Cộng thành một lực lượng toàn cầu vào giữa thế kỷ 21.

Đáp lại chiến lược mới của Trung Cộng, Hoa Kỳ thời Tổng thống Barack Obama quyết định xoay trục qua Á Châu do Ngoại trưởng Hillary Clinton công bố ngày 24-7-2010 tại diễn đàn hội nghị ASEAN ở Hà Nội năm 2010, làm cho Trung Cộng quan ngại (Ngọc Trân, *RFA*, 31-7-2010).

Khi Hải quân khá mạnh, Tập Cận Bình công bố dự án "một vành đai, một con đường" (nhất đới nhất lộ) năm 2013, phỏng theo "con đường tơ lụa" Trung Hoa thời xưa. Cũng trong năm này, ngày 25-7-2013, Hoa Kỳ và CSVN thiết lập quan hệ đối tác toàn diện. (Chưa phải là đối tác chiến lược). Lúc đó, CSVN hợp tác với các công ty tây phương thăm dò dầu khí trong vùng ĐQKT trên Biển Đông khiến Trung Cộng phật lòng vì Trung

Cộng muốn hợp tác khai thác dầu khí với CSVN. Từ 2-5-2014, Trung Cộng đưa giàn khoan HD 981 đến đe dọa vùng ĐQKT Việt Nam, bị dân Việt biểu tình phản đối dữ dội. Trung Cộng rút giàn khoan HD81 ngày 16-7-2014.

Trước tình hình mới, ngày 02-10-2014, Hoa Kỳ dỡ bỏ một phần lệnh cấm vận bán vũ khí sát thương với Việt Nam. Khi đến Việt Nam năm 2016, Tổng thống Obama tuyên bố Hoa Kỳ dỡ bỏ toàn phần lệnh cấm vận bán vũ khí sát thương cho Việt Nam, đưa đoàn Peace Corps (Đoàn Hòa Bình) đến hoạt động ở Việt Nam, và mở Đại học Fulbright Việt Nam ở Sài Gòn.

Trong khi đó, Trung Cộng vẫn tiếp tục gây áp lực đối với CSVN, khiến năm 2017 CSVN phải dẹp bỏ hai dự án dầu khí lớn là **Cá voi xanh** ở Quảng Nam và **Cá rồng đỏ** ở bãi Tư Chính. Dự án Cá voi xanh "có trữ lượng ước tính 150 tỷ mét khối, sẽ đóng góp vào ngân sách Việt Nam gần 20 tỷ đô la" (Thụy My, RFA, 16-11-2017). Dự án Cá rồng đỏ được "ước tính là có trữ lượng 45 triệu thùng dầu và 172 tỷ feet khối khí gas"(Bill Hayton, *BBC News*, 23-3-2018). Tiền trong túi mà không được lấy kể cũng ứ!

Được thế, Trung Cộng làm tới, yêu cầu CSVN chấm dứt luôn hoạt động của giàn khoan Hakuryu 5 (Nhật Bản) do Công ty dầu khí Việt Nam hợp đồng với công ty Rosneft (Nga) thuê, đang hoạt động ở phía bắc bãi Tư Chính. Tuy nhiên, lần này CSVN không tuân hành lệnh của Trung Cộng (VOA 26-7-2019).

Ngày 18-6-2019, Trung Cộng đưa tàu *Hải Cảnh 35111*, tuần tra khu vực tây bắc Tư Chính trong thềm lục địa Việt Nam. Ngày 3-7-2019, Trung Cộng đưa thêm tàu *Hải Dương Địa Chất 8 (HDĐC 8)* đến vùng ĐQKT Việt Nam, cũng gần Tư Chính. Đưa tàu nghiên cứu đến Tư Chính trong vùng ĐQKT của Việt Nam nói là để nghiên cứu địa chất ở đây, rõ ràng là một hành vi gây hấn.

Tức thì xảy ra cuộc đối đầu giữa tàu hải cảnh hai nước. Hai tàu của Trung Cộng và bốn tàu của CSVN quần thảo nhau gần giàn khoan Hakuryu-5, trong khi tàu *HDĐC 8* tiếp tục khảo sát địa chấn tại đây. Bất ngờ, ngày 7-8-2019, Trung Cộng rút tàu *HDĐC 8* khỏi bãi Tư Chính. Báo *Hà Nội Mới* ngày 12-8 loan tin do "nỗ lực không khoan nhượng của cơ quan chức năng" của nhà nước CSVN nên *HDĐC 8* rút lui. Dầu vậy, cũng thật bất ngờ, ngày 13-8-2019 *HDĐC 8* quay lại bãi Tư Chính như vào chỗ không người.

3.- VÌ SAO BÃI TƯ CHÍNH NỔI SÓNG

Trung Cộng đe dọa bãi Tư Chính lần này có thể vì hai lý do sâu xa:

1) Lý do thứ nhất rất dễ hiểu: Trung Cộng đã đề nghị hợp tác với CSVN thăm dò và khai thác dầu khí trong thềm lục địa Việt Nam, nhưng CSVN từ chối, mà CSVN lại hợp tác với các nước khác.

2) CSVN đang xích lại gần Hoa Kỳ.

Trong khi tiếp tục cuộc hành trình xoay trục qua Á Châu, Hoa Kỳ đưa ra chiến lược an ninh và quốc phòng "Ấn Độ – Thái Bình Dương" năm 2017, càng làm cho Trung Cộng thêm nóng mặt. Ngày 27-5-2018, hai chiến hạm Hoa Kỳ mang hỏa tiễn, di chuyển trong hải phận quốc tế, và chỉ cách Hoàng Sa 12 hải lý. (*BBC NEWS – Tiếng Việt*, 27-5-2018). Tại hội nghị đối thoại Shangri-La lần thứ 17 ở Singapore từ 1-6-2018, khi một Đại tá trong phái đoàn Trung Cộng chắt vắn, Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ James Mattis trả lời: "We do not do freedom of navigation for America alone... it's freedom for all nations, large and small, that need to transit those waters for their own prosperity and they have every reason to do so". (Bonnie S. Glaser and Gregory Poling, "Vanishing Borders in the South China Sea - The U.S. Must Do More to Stop China's Encroachments", June 5, 2018.) (Xin tạm dịch: "Chúng tôi không thực hiện quyền tự do hàng hải cho riêng chúng tôi... Đó là tự do cho tất cả các quốc gia, lớn hay nhỏ, mà họ cần phải di chuyển trong những hải phận [quốc tế] đó cho sự phồn thịnh của nước họ, và họ có đủ lý lẽ để làm như thế").

Chiến lược này được ghi rõ trong "Indo-Pacific Strategy Report" (Báo cáo chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương", dày 56 trang do Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đưa ra ngày 1-6-2019, có đoạn riêng về Việt Nam, như sau "The Department is building a strategic partnership with Vietnam that is based on common interests and principles, including freedom of navigation, respect for a rules-based order in accordance with international law, and recognition of national sovereignty. The U.S.-Vietnam defense relationship has grown dramatically over the past several years, as symbolized by the historic March 2018 visit of a U.S. aircraft carrier for the first time since the Vietnam War." (pp. 36-37) [Xin tạm dịch: "Bộ [Quốc phòng Hoa Kỳ] đang xây dựng một sự hợp tác chiến lược với Việt Nam, đặt căn bản trên những quyền lợi và nguyên tắc chung, gồm tự do hàng hải, sự tôn trọng một trật tự dựa trên quy luật phù hợp với luật quốc tế và sự tôn trọng chủ quyền quốc gia.

Mối quan hệ quốc phòng giữa Hoa Kỳ và Việt Nam phát triển một cách đáng kể trong nhiều năm qua, tiêu biểu là cuộc thăm viếng lịch sử của một Hàng không mẫu hạm Hoa Kỳ vào tháng 3-2018, lần đầu tiên kể từ chiến tranh Việt Nam”] (tt. 36-37).

Sự đối đầu giữa kế hoạch “xoay trục qua Á Châu” và dự án “một vành đai một con đường” đưa đến một hình thức chiến tranh lạnh mới giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng, và cuộc thương chiến giữa hai nước năm 2018. Trong thời gian gần đây Hoa Kỳ và CSVN lại tăng cường ngoại giao và thương mại.

Ngoài ra, tại hội nghị an ninh châu Á ở Singapore vào tháng 5-2019, đại diện CSVN “không hề nhắc đến” chủ trương ba không của CSVN như những lần trước. (*Không liên minh quân sự với bất kỳ nước nào. Không cho bất cứ nước nào đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam. Không dựa vào nước này để chống nước kia.* (RFA, 05-06-2019). Tất cả những sự việc trên làm cho Trung Cộng nghi ngờ CSVN, nên đưa tàu đến uy hiếp CSVN.

4.- PHẢN ỨNG SAU VỤ BÃI TƯ CHÍNH

Như thông lệ, ngày 16-7, CSVN lên tiếng nhẹ nhàng phản đối Trung Cộng. Sau đó, Bộ Ngoại giao CSVN bất ngờ đổi giọng cứng rắn trong cuộc họp báo ngày 19-7-2019, tố cáo đích danh tàu Trung Cộng vi phạm thềm lục địa Việt Nam ở khu vực phía nam, mà không còn gọi là tàu lạ. Tại hội nghị Ngoại trưởng ASEAN ở Bangkok (Thái Lan) từ 31-7-2019, Ngoại trưởng CSVN thẳng thừng lên án hành động của Trung Cộng tại Biển Đông. Khi hai Ngoại trưởng CSVN và Trung Cộng gặp riêng, thì như hai người điếc nói chuyện với nhau, chẳng ai nghe ai. Mỗi bên giữ vững quan điểm của mình.

Bên cạnh CSVN, Hoa Kỳ là nước phản đối Trung Cộng mạnh mẽ nhất. Ngày 20-7-2019, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ lên án Trung Cộng gây bất ổn tại Biển Đông, bắt nạt các quốc gia trong vùng, và yêu cầu Trung Cộng ngưng hành động xâm phạm quyền thăm dò và khai thác dầu khí các nước này trên Biển Đông.

Có ý kiến cho rằng đây là cơ hội thuận tiện để CSVN khởi kiện Trung Cộng ra Tòa án La Haye? Đúng là nền kiện để tính chuyện mai sau. Tuy nhiên, trong vụ án Scaborough do Philippines kiện Trung Cộng năm 2013, Tòa án Trọng tài thường trực (Permanent Court of Arbitration), trụ sở ở La Haye (Hà Lan), phán quyết năm 2016 rằng Trung Cộng không có cơ

sở lịch sử và pháp lý về đường lưỡi bò, và Trung Cộng không có quyền độc quyền làm chủ biển và tài nguyên trong vùng đường lưỡi bò, thì Trung Cộng chẳng quan tâm tí nào đến phán quyết này. Trung Cộng chỉ dùng lý của kẻ mạnh, dựa vào thế lực kinh tế và quân sự, thương thuyết song phương với từng nước để dễ dụ dỗ, dễ mua chuộc, và cũng dễ đe dọa.

Khi tàu Trung Cộng quay lại bãi Tư Chính ngày 13-8, thì ngày 16-8, Bộ Ngoại giao CSVN lên tiếng phản đối và yêu cầu Trung Cộng rút toàn bộ tàu bè ra khỏi biển Việt Nam. Ngày 21-8, Hoa Kỳ lên án Trung Cộng một lần nữa. Cùng ngày 22-8, CSVN lại phản đối Trung Cộng, và thông báo Việt Nam sẽ tham gia cuộc tập trận chung trên biển với các nước ASEAN và Hoa Kỳ từ ngày 2-9 đến ngày 6-9 từ phía bắc Thái Lan đến phía nam Cà Mau. Đáp lại, có thể để tránh đụng độ gây căng, ngày 24-8, tàu HDĐC 8 tiến gần về phía đảo Phú Quý (Bình Thuận) và bờ biển Phan Thiết.

Khác với vụ đặc khu kinh tế năm vừa qua, lần này trong nước chỉ có một cuộc biểu tình nhỏ ngày 6-8, trước tòa đại sứ Trung Cộng ở Hà Nội, liền bị dẹp yên ngay. Một nguồn tin từ trong nước cho biết rằng khi vụ Tư Chính căng thẳng, báo chí CS được phép đăng tin, và gợi ý chuyện biểu tình, nhưng anh chị em trong nước rất dè dặt, không muốn tổ chức “biểu tình quốc doanh” theo lệnh đảng CSVN. Dầu vậy, anh chị em chuẩn bị sẵn sàng, sẽ đứng lên khi cần. Việc chưa biểu tình của dân chúng trong tình thế căng thẳng hiện nay là một thái độ bất hợp tác và cũng là đối đầu với nhà nước CS.

5.- BÃI TƯ CHÍNH TRONG TAM GIÁC VIỆT NAM – HOA KỲ - TRUNG CỘNG

Mối quan hệ giữa CSVN và Trung Cộng bắt đầu khi Hồ Chí Minh từ Liên Xô qua Trung Hoa hoạt động năm 1924. Năm 1949, đảng CSTH thành công và lên nắm quyền. Lúc đó, CSVN thua trong chiến tranh với Pháp, liền qua Trung Cộng cầu viện. Nhờ thế, CSVN thành công năm 1954. Năm 1958, Phạm Văn Đồng ký công hàm thừa nhận Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Cộng để đổi lấy viện trợ đánh miền Nam và thành công năm 1975. Sau một thời gian lạnh nhạt, Nguyễn Văn Linh qua Trung Cộng xin tái lập bang giao năm 1990 tại hội nghị Thành Đô. Để cầu viện, Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh bí mật cam kết những gì, thì chỉ có chủ nợ biết. Trung Cộng chắc chắn dùng lời cam kết bí mật của các con nợ để đòi lại, ví

dụ công hàm Phạm Văn Đồng năm 1958 (đưa đến vụ Hoàng Sa năm 1974), mật ước Thành Đô năm 1990 (đưa đến hai hiệp định biên giới trên đất liền năm 1999 và trên biển 2000...).

Vấn đề Hoàng Sa trong công hàm Phạm Văn Đồng là vấn đề song phương giữa Trung Cộng và CSVN, quốc tế không can thiệp. Vấn đề bãi Tư Chính không dính đến công hàm trên, mà bãi Tư Chính lại nằm trên hải lộ quốc tế, tàu bè nhiều nước qua lại. Xâm phạm vùng biển bãi Tư Chính, Trung Cộng đụng chạm đến hải lộ quốc tế có tàu thuyền nhiều nước qua lại, nên bị nhiều nước phản đối khắp nơi trên thế giới. Ví dụ các nước Âu Châu ở xa Việt Nam mà cũng phản đối Trung Cộng.

Hoa Kỳ phản đối Trung Cộng chẳng phải vì riêng Việt Nam, mà vì cả các nước vùng Biển Đông và cả các nước có tàu bè qua lại trên Biển Đông, vừa thử thách Trung Cộng trong cuộc thương chiến giữa hai nước, vừa chặn đứng tiềm năng dầu khí ở bãi Tư Chính lọt vào tay Trung Cộng, vừa bảo vệ tự do hàng hải trên Biển Đông.

Như thế trong vấn đề bãi Tư Chính và cả Biển Đông, sự khác biệt căn bản giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng là Hoa Kỳ tôn trọng quy định Liên Hiệp Quốc về luật biển, chống lại việc Trung Cộng muốn độc chiếm Biển Đông thành "ao nhà" của Trung Cộng, muốn làm gì cũng được theo lý của kẻ mạnh.

Sự khác biệt về quan điểm tự do lưu thông trên Biển Đông chỉ là một phần trong sự đối đầu giữa Trung Cộng và Hoa Kỳ. Mỗi thâm thù của Trung Cộng đối với Hoa Kỳ bắt đầu từ thời chiến tranh lạnh sau thế chiến thứ hai. Vào đầu thập niên 70, vì cần liên kết để chống Liên Xô, nên hai bên tạm hòa hoãn.

Ngày 1-1-1979, Hoa Kỳ chính thức công nhận Trung Cộng. Tuy vậy Hoa Kỳ vẫn ban hành "Luật Quan hệ Đài Loan" ngày 10-4-1979, xác định mối quan hệ chính thức với Đài Loan, bảo vệ Đài Loan, tuy không có ngoại giao. Sau đó, Hoa Kỳ xoay trục qua Á Châu làm cho Trung Cộng tức giận, vì Hoa Kỳ là nước có thể gây trở ngại sự bành trướng của Trung Cộng. Gần đây nhất, Hoa Kỳ quyết định mở cuộc chiến tranh thương mại có thể gây tổn hại cho nền kinh tế Trung Cộng.

6.- THÔNG ĐIỆP BÃI TƯ CHÍNH

Sự kiện bãi Tư Chính đầu chỉ mới qua giai đoạn 1, đã bày ra một thực tế rõ ràng. Thế hệ lãnh đạo CS nợ máu và nợ tù cải tạo với nhân dân, nay đều đã chết. Thế hệ CS cầm quyền hiện nay là thế hệ thừa kế, thư lại quan liêu

(bureaucracy), tự mãn hưởng thụ, không có tinh thần chiến đấu, dùng tài sản sẵn có của đất nước dâng cho kẻ thù để cầu an, chỉ giỏi đàn áp dân chúng, "*hèn với giặc, ác với dân*". Nhờ tham nhũng, cán bộ CS hiện nay giàu có so với trước 1975, sống sung túc, xa hoa, trụy lạc, xa rời quần chúng.

Trong khi đó, nước Việt Nam càng ngày càng suy thoái. Giới lãnh đạo CS không có tầm nhìn chiến lược phù hợp với sự phát triển của thời đại. Biển cố Tư Chính bày ra rất rõ sự suy nhược, bất lực của đảng CS. Nhà nước CS, không đủ khả năng bảo vệ đất nước.

Trong nước, ngoài thành phần theo đảng CS để kiểm soát, đại đa số dân Việt hiện nay chỉ lo mưu sinh, không quan tâm đến chính trị, bất tín nhiệm và bất hợp tác với nhà nước CS, an phận cùng gia đình hoặc quên thế sự ở quán cà-phê, quán nhậu, và cả trụy lạc nữa. Nhà nước CS tự xem đất nước là của riêng đảng CS và xem dân như cỏ rác, thì dân không có lý do gì hợp tác với CS, hay hòa giải hòa hợp với CS.

Ngoài nước, người đàn anh Trung Cộng "4 tốt" chẳng tốt tí nào, chập chờn đe dọa, còn "16 chữ vàng" là cái bánh vẽ dụ khị CSVN vào vòng lệ thuộc. Hai nước "môi hở răng lạnh", nhưng răng cắn lưỡi hoại, làm sao lưỡi chịu nổi? Yếu thế, bạc nhược, không có tinh thần chiến đấu, lại là đàn em trong ý thức hệ CS, CSVN liên tục nhượng bộ, nhưng CSVN càng nhượng bộ, càng thỏa hiệp, thì Trung Cộng càng lấn tới, càng đòi hỏi. Sau Tư Chính, coi chừng Trung Cộng có thể sẽ vùi vĩnh những nơi khác, như Côn Sơn, Phú Quốc. Đảng CS bám theo Trung Cộng, sẽ có ngày câu "*theo Tàu mất nước*" trở thành hiện thực.

Về phía Hoa Kỳ, trong khi đang diễn ra thương chiến, Hoa Kỳ có thể liên kết với CSVN để chặn đứng phía nam Trung Cộng, nhưng Hoa Kỳ dư biết CSVN đang đu dây nước đôi, nên cũng chẳng vội vàng gì trong việc mở rộng ngoại giao với CSVN. Ngày 26-6-2019, trên đài truyền hình Fox Business Network (Hoa Kỳ), Tổng thống Donald Trump mạnh mẽ chỉ trích CSVN lợi dụng Hoa Kỳ còn tệ hơn cả Trung Cộng. Trong thương mại và ngoại giao, Hoa Kỳ đòi hỏi các nước phải luôn luôn tôn trọng luật lệ nghiêm minh của Hoa Kỳ. Người Hoa Kỳ rất thực dụng, không có đồng minh vĩnh viễn, không có kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có quyền lợi vĩnh viễn, và không can thiệp vào những gì không liên hệ đến quyền lợi của họ.

Cần chú ý là từ trước cho đến nay, vụ bãi Tư Chính là sự kiện đầu tiên làm cho cả hành pháp và lập pháp Hoa Kỳ quan tâm và lên tiếng phản

đối Trung Cộng mạnh mẽ. Đây là cơ hội cho CSVN tăng cường giao dịch với Hoa Kỳ về nhiều mặt, nhưng phải dứt khoát thể đứng và tôn trọng luật lệ Hoa Kỳ và quốc tế.

Như thế, thông điệp của biển cờ bãi Tư Chính rất rõ ràng là **đã đến lúc CS phải quyết định**:

1) Hoặc theo Tàu, để còn đảng nhưng từ từ mất nước, mà mất nước thì cũng sẽ mất luôn đảng CS; ngoài ra, còn bị nhân dân nguyện rửa và sẽ kiếm cách đứng lên lật đổ.

2) Hoặc muốn sống còn với dân tộc, thì CS cần ý thức xu hướng thời đại là trào lưu dân chủ hóa toàn cầu, mà dân chúng Việt Nam từ lâu đã chọn lựa.

KẾT LUẬN

Hiện nay, đảng CSVN quyết định chọn lựa xu hướng dân chủ tuy rất khó khăn, vì người CS có thể mất địa vị, mất quyền lợi nhưng bù lại tránh khỏi nhiều nguy hiểm, kể cả nguy hiểm đến mạng sống. Kinh nghiệm Đông Âu cho thấy những nước biết chuyển hướng, như Ba Lan, Đông Đức, Liên Xô... tốt hơn và an toàn hơn là số phận của Nicolae Ceausescu ở Romania.

Nhà nước CSVN chẳng lẽ không biết lời truyền khẩu dân gian "*Cộng sản chết rồi mà chưa chôn*"? Hiện nay, việc dân chúng vùng lên chôn đảng CS thật khó, nhưng không phải là không thể xảy ra, vì lịch sử luôn luôn tiềm ẩn những đột biến bất ngờ. Có ai ngờ CS Đông Âu và Liên Xô mạnh như thế mà sụp đổ? Có ai nghĩ rằng cái chết của một sinh viên đưa đến cuộc cách mạng Hoa Lài ở Tunisia năm 2010? Đường đi khó, thật khó, nhưng đảng CS phải chọn lựa dứt khoát một lần cho tương lai của người CS.

Cuối cùng, nếu CS không tự chuyển hướng thì sẽ có ngày dân Việt vùng dậy, tự tiến lên con đường tự do dân chủ, sinh lộ duy nhất dẫn đến tương lai tươi sáng cho dân tộc. Không còn con đường nào khác!

TRẦN GIA PHỤNG

(Trình bày tại Toronto, 07-09-2019)



CHÚNG TA CHỜ AI ĐÂY

• Nguyệt Quỳnh

Những ngày cuối tuần ở Hồng Kông trời vẫn có mưa. Mà dù nắng hay dẫu có mưa đi nữa, thì vẫn có hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn người vẫn cùng nhau đi trong mưa. Với hàng triệu triệu những chiếc ô đủ màu trên tay, thành phố nhìn từ trên cao như một dòng sông đang tuôn chảy. Lúc này, mưa hay nắng cũng tràn đầy ý nghĩa. Lúc này, bạn không cần nói về tình yêu vì nó tràn ngập trong không gian, trong mắt nhìn, trong nhịp đập từ lồng ngực trái tim.

Chưa có bài ngợi ca tình yêu nào ý nghĩa hơn thế! Chưa có bài ngợi ca tự do nào đẹp hơn thế! Bởi đằng sau dòng sông kia là hiểm họa của tù đày, là máu, là nước mắt; bởi sát cạnh Hồng Kông là Thâm Quyển, là những đe dọa đến nghẹt thở trước những đoàn xe quân sự vẫn lạnh lùng tiến vào thành phố - với sự trú đóng dài hạn của Giải phóng quân Nhân dân Trung Quốc.

Bắc Kinh đã đem cái thế giới đầy bạo lực từ đại lục sang Hồng Kông. Những thứ mà người VN khao khát tự do như chúng ta đang phải trải nghiệm. Từ chuyện sử dụng côn đồ vây đánh đồ máu người dân ở Yuen Long cho đến phớt lờ những đòi hỏi chính đáng của người biểu tình, vu khống họ là khủng bố hay đồ vấy cho các thế lực nước ngoài v.v...

Đây là một cuộc chiến giữa tự do và cộng sản; giữa những người trẻ nhiệt huyết, lý tưởng và một chính quyền tàn nhẫn, nham hiểm; giữa những khuôn mặt măng sữa, dũng cảm sẵn thân vì tương lai của Hồng Kông và một thế lực bá quyền hùng mạnh đầy tham vọng đang trên đà nuốt chửng thế giới.

Đây cũng chính là ranh giới của sự sống và cái chết; ranh giới của phẩm cách và hoang dã; ranh giới của con người và con vật.

Những ngày Bắc Kinh gia tăng đàn áp người biểu tình. Đêm đêm nơi những cánh cửa sổ mở ra giữa phố, người ta nghe những tiếng thét to: "Tự do cho Hồng Kông, Tự do cho Hồng Kông". Và rồi khi cánh cửa sổ đó đóng lại, một cánh cửa sổ khác lại mở ra với cùng một thông điệp. Và cứ như thế người Hồng Kông đã chuyền sức mạnh cho nhau. Có lẽ những vì sao trên trời cũng đang lắng nghe họ. Những đêm Hồng Kông ấy chắc sẽ ghi khắc mãi trong trời đất. Dẫu cho hàng ngàn năm nữa có qua đi, thì tấm bích chương mang tâm nguyện của những con người tha thiết với tự do sẽ còn được thế giới ghi nhớ: "*Ngay cả đêm*

tăm tối nhất cũng phải chấm dứt. Cùng nhau chúng ta chiến đấu và mặt trời sẽ mọc”.

Có chứng kiến Hồng Kông những năm tháng này mới thấy hết cái mạnh mẽ, cái cao quý của con người và mới thấy chúng ta cần nhau như thế nào. Tôi nghĩ về đất nước mình mà thương những ngày còn lành lặn, khi con người chưa bị hủy hoại bởi cái thể chế CS hoang tưởng. Thương cái hiền hòa nhân bản của người miền Nam, thương cái dũng cảm dấn thân của người miền Bắc. Dầu chiến tranh có triền miên, nhưng người ta gắn bó với quê hương mình như máu thịt. Dầu chiến tranh có khốc liệt nhưng người ta không chọn sống chỉ để nghĩ cho riêng mình.

Người VN đã trải nghiệm gần một thế kỷ cái gọi là “XHCHN”. Chúng tôi đã nhìn rõ, đã ăn, đã ngủ, đã sống cùng với cái hoang dã của nó: hàng loạt những quan chức giàu lên do tham những hàng triệu đô la trong khi có những người mẹ dân oan tụt cả áo lẫn quần gào khóc trước “trụ sở tiếp dân” ở Hà Nội. Một người mẹ khóc rức nằm lăn ra giữa đường xe đang chạy. Một chiếc xe chở bia gặp nạn, người ta thi nhau đổ ra hôi của. Hai người bị tai nạn nằm hôn mê trên mặt đường, mọi người thản nhiên bước qua. Một nhà báo bị đánh hội đồng, kêu gào giúp đỡ trước sự thản nhiên của người khác, ... một thế giới mà sự tử tế đã khô cạn, không còn ai nghe được tiếng chim, không có cả bầu trời xanh. Một thế giới đã bị lấy đi mất trái tim!

Thế cho nên một Trung Quốc hùng mạnh, vĩ đại cũng không khiến cho người Đài Loan hay người Hồng Kông muốn làm công dân của họ. Con người muốn được sống với nhân bản và yêu thương. Khi nào chúng ta chưa có được sự tử tế với nhau thì mọi hô hào, mọi kế hoạch, mọi hành động chính trị chỉ là vô ích. Hãy nhìn Joshua Wong, anh tự nhiên, xuềnh xoàng, chẳng có vẻ gì là một khuôn mặt chính trị. Thế nhưng câu nói chân thành của người sinh viên vừa qua tuổi hai mươi, có cái khả năng đẩy ngã cái thể chế đã ruồng nát này:



- Chúng tôi không muốn nói dối để được phần nhiều hơn.

- Chúng tôi không muốn phải ăn cắp, tham những để được nhà cao cửa rộng.

- Chúng tôi không muốn lẫn lộn giữa đảng cầm quyền và Tổ Quốc, chúng tôi không quên nguồn cội và cũng không quên những gì mà đảng cộng sản Trung Quốc đã gây ra cho cha ông chúng tôi.

Chúng ta cũng không quên những gì đảng CS đã gây ra trên đất nước VN thân yêu này. Nhưng chúng ta đã làm gì?

Trước mặt những thanh niên trẻ kia là sự không lùi bước của ĐCSTQ, là cuộc thảm sát ở Thiên An Môn, là những đe dọa của tù đày, giết chóc và hủy diệt. Thế nhưng họ chọn trả giá để không phải sống trong cái thế giới mà rồi đây con người phải sống với yếu đuối, sợ hãi, và tệ hơn nữa là sống với cái phần hèn mọn của chính mình.

Đâu cần biết cái kết thúc của Hồng Kông sẽ ra sao. Chỉ biết rằng đối mặt với sóng gió là những con người đang sống từng giờ từng phút cho chính họ. Cho cái giá trị mà họ tin vào. Chỉ thế thôi, mà sao cuộc đời thật đẹp và đáng sống làm sao! Hãy nhìn đôi mắt của những đứa trẻ đang nắm tay cha mẹ đi trong đoàn biểu tình. Có ai dám nghĩ rằng chúng lớn lên sẽ cúi đầu hèn mọn?

Ngày 10/9 vừa qua, tuổi trẻ VN cũng bị cảnh sát chích điện, bị xịt bằng bình chữa cháy chỉ vì... đi đón sao Hàn Quốc Ji Chang Wook. Nhìn những thanh niên trẻ cuồng nhiệt đón sao Hàn thay vì đi biểu tình chống Trung Quốc xâm phạm bãi Tư Chính, có ai không cảm thấy hối tiếc? Tuổi trẻ Việt Nam có thua kém tuổi trẻ Hồng Kông không? Chắc chắn không. Tôi chạnh nghĩ đến những ngôi sao cô độc của chúng ta như Phan Kim Khánh, Trần Hoàng Phúc, Nguyễn Văn Hóa, Nguyễn Văn Oai, ...

Đất nước này sẽ chẳng bao giờ trở thành một quốc gia mà lẽ ra nó xứng đáng trở thành. Tuổi trẻ Việt Nam sẽ luôn khác xa tuổi trẻ Hồng Kông chỉ vì chúng ta vắng mặt. Chúng ta không hiện hữu.

Ai sẽ phải chịu trách nhiệm cho sự tuyệt vọng này? Ai có thể giúp cho tuổi trẻ VN biết rằng họ không thể đương nhiên bị chích điện, bị xịt bằng bình chữa cháy dù họ không gây rối, không bạo động? Ai có thể giúp các em xé bỏ những giới hạn, những rào cản do cha mẹ, thầy cô, do nỗi sợ dè dặt? Ai có thể giúp tuổi trẻ VN vươn vai đứng dậy?

"Ngay cả đêm tăm tối nhất cũng phải chấm dứt" người Hồng Kông tin như vậy. Đất nước Việt Nam cũng đang chìm trong màn đêm tăm tối. Người Hồng Kông ngóng chờ nơi tuổi trẻ của họ, còn chúng ta, chúng ta chờ ai đây? ./.



• Phù Vân

* Đại Hội Khoáng Đại Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (WBSC):

Đại Hội Ban Chấp Hành của Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (WBSC) lần thứ nhất của Khoáng Đại 10 tại Macau từ ngày 29.10 đến ngày 2.11.2019.

Tháng 10 năm 2018 vừa qua tại Đại Hội Khoáng Đại lần thứ 10 ở Mã Lai, Hội Liên Hiệp Phật Giáo Quốc Tế của Macau và Tổng Hội Phật Giáo tại Macau đã được Đại Hội WBSC quyết định thông qua việc tổ chức cho kỳ họp lần thứ nhất của Khoáng Đại 10 này; nên năm nay 2019 Đại Hội đã được diễn ra trong những ngày trên và chư tôn đức toàn Ban Chấp Hành khắp các châu lục đã sẵn sàng chuẩn bị tham gia Hội Nghị lần này.

Macau là một lãnh thổ nhỏ, trước đây trực thuộc Bồ Đào Nha và kể đến hôm nay (2019) thì đảo này đã được trao trả lại cho Trung Quốc, tính đến nay cũng đã được 20 năm, giống như Hồng Kông đã được người Anh trao trả lại cùng năm như vậy. Đến đây để thấy điều ngạc nhiên đầu tiên là: tuy trực thuộc Macau nhiều thế kỷ; nhưng Macau xe cộ và người di chuyển vẫn đi phía tay trái chứ không phải phía bên phải như ở Bồ Đào Nha và ngôn ngữ ngày nay ở đây được sử dụng nhiều nhất là tiếng Phổ Thông, Quảng Đông, Bồ Đào Nha và Anh ngữ. Đảo này hiện có 645.000 dân cư đang sinh sống và hằng năm có đến 3 triệu rưỡi người ngoại quốc đến đây chủ yếu để nghỉ ngơi và thăm viếng các sông bãi. Đông Tây Nam Bắc của Macau chỉ rộng hơn 30 cây số vuông; nhưng lợi tức từ sự đầu tư của các sông bãi lên đến mấy trăm tỷ Mỹ Kim hằng năm. Đến đây cũng để thấy những kiến trúc cổ của Tây Ban Nha vẫn còn hiện hữu, giống như kiến trúc của người Pháp ở Sài Gòn hay Hà Nội vào thế kỷ thứ 19 bước sang đầu thế kỷ thứ 20.

Đại Hội kỳ này được tổ chức cho các Đại Biểu ở tại khách sạn "Ngư Nhân mã đầu" và ăn uống cũng như làm lễ khai mạc, bế mạc và họp các khoáng đại tại "Áo Môn Ngư Nhân mã đầu hội triển trung tâm". Hội trường rất lớn; nơi đây có thể chứa vài ngàn người. Các đại biểu từ hơn 30 quốc gia trên thế giới đã về đây gồm 4 châu lục như: Á Châu, Âu Châu, Mỹ Châu và Úc Châu, có

hơn 300 đại biểu Tăng Ni và 200 đại biểu Phật Tử đã đến từ ngày 28 & 29.10.2019. Sáng ngày 30.10.2019 là lễ khai mạc Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Thế Giới. Hôm khai mạc có khoảng hơn 2.000 người tham dự. Lần này Đại Lão Hòa Thượng Thích Liễu Trung, Hội Trưởng Hội PGTGTG bị cảm nặng; nên không đến tham dự được và hầu hết các việc điều hành chính đều do Hòa Thượng Thích Huệ Hùng, đệ nhất Phó Chủ Tịch, đến từ Singapore cũng như Hòa Thượng Hội Trưởng Hội Phật Giáo tại Macau đảm nhiệm. Đầu tiên có lân múa chào mừng Đại Hội; kế tiếp là chụp hình lưu niệm; đại diện chính quyền Macau có chúc từ đến Đại Hội, Hòa Thượng Thích Huệ Hùng đại diện cho Đại Lão Hòa Thượng Liễu Trung đọc diễn từ khai mạc Đại Hội và Hòa Thượng chủ tịch Hội Phật Giáo Macau đã lên khán đài để cảm ơn chính quyền cũng như những đại biểu đến tham dự Đại Hội. Kế tiếp là lễ trao quà kỷ niệm cho đại biểu chính quyền, lễ tụng kinh bằng ba truyền thống của Nam, Bắc Tông và Tây Tạng. Tiếp đến là lễ cúng dường trai tăng của các đại thí chủ đến từ Hồng Kông và Macau.

Buổi chiều ngày 30.10 có 2 lần tường trình những sinh hoạt Phật sự ở các nước tại các châu lục và lần này Hòa Thượng Thích Như Điển cũng đã đại diện cho Phật Giáo nước Đức cùng Âu Châu phát biểu ngắn bằng Anh ngữ và đã được phiên dịch ra Hoa ngữ về: Phật Giáo tại nước Đức ngày nay. Đây là một trong 12 bài tham luận phát biểu của các quốc gia trong 6 phiên họp khoáng đại tất cả. Trước đó Hòa Thượng Thích Huệ Hùng, đại diện cho Trưởng Lão Liễu Trung cung đối trước chư Tăng Ni vừa được bầu vào Ban Chấp Hành lần trước tại Mã Lai cho nhiệm kỳ 2019-2024 trao đến những chứng chỉ ghi đậm nét son về Phật sự mà chư Tăng Ni trong Hội Đồng đã, đang và sẽ đóng góp cho Hội. Tối ngày 30.10.2019 tất cả các đại biểu đều được mời đến Hội Trường thể thao gần đó để dự lễ khánh tuế 20 năm Macau được trao trả về lại cho Trung Quốc. Hôm đó có cả chính quyền và chư Tăng Ni, Phật Tử từ Trung Quốc đến chắc cũng không dưới 5.000 người để tham dự lễ này.

Buổi sáng ngày 31.10 tiếp tục nghe báo cáo về Phật sự các địa phương và buổi chiều có nhiều chương trình Phật sự được đề nghị cũng như thảo luận rộng rãi và phiên họp cuối trong ngày 31.10 đã đi đến những quyết định của Hội Nghị như sau:

1)- Đại Học Phật Giáo Nàgànanda International Institute (NIIBS) tại Tích Lan đề nghị trao đổi những Tăng Ni sinh thuộc các

truyền thống Phật Giáo khác nhau có thể đến Tích Lan để học tập, nghiên cứu và việc này bên phân ban Giáo Dục của Hội Đồng Tăng Già sẽ đảm nhiệm.

2)- Đại Hội Ban Chấp Hành lần thứ hai của khoảng Đại 10 sẽ được Thượng Tọa Thích Phước Ân, Trụ Trì Quan Âm Sơn tại Auckland, Tân Tây Lan sẽ đứng ra tổ chức từ ngày 25 đến 29.9.2021.

3)- Những thành viên của Hội đóng tiền niên liễm mỗi năm 100 USD; nên chuyển thẳng vào account của Hội để đỡ chi phí khấu trừ của ngân hàng. Nếu gửi check thì xin gửi 120 USD cho mỗi năm thay vì gửi check 100 USD.

Kế tiếp là lễ bế mạc đơn giản cũng như trao tặng quà cho Ban Tổ Chức và đại biểu của Đại Hội.

Tối ngày 31.10.2019 các đại biểu được mời đi tham dự ca nhạc biểu diễn của các nghệ sĩ Phật Tử chuyên nghiệp đến từ Hoa Lục và Phật Tử Macau.

Từ sáng đến chiều ngày 1.11.2019 Ban Tổ Chức đã đưa các Đại Biểu lên các xe Bus để đi tham quan Đại Học Macau, viện bảo tàng, chùa Phổ Tế Thiền Tự (Quan Âm Đường) cũng như mua sắm trước khi ra về và tối ngày 1.11 là lễ bế mạc chính thức được diễn ra tại Hội Quán nghệ thuật của Macau gồm lễ kỷ phước Pháp Hội và tuyên bố chấm dứt chương trình của những ngày Đại Hội.

Về phía chư Tăng Ni và Phật Tử Việt Nam tham dự kỳ này có phái đoàn của Thượng Tọa Thích Phước Ân đến từ Tân Tây Lan, Thượng Tọa Thích Phước Tấn đến từ Úc Đại Lợi, Hòa Thượng Thích Như Điển đến từ Đức và Thượng Tọa Thích Hạnh Bảo đến từ Phần Lan.

Mọi đại biểu đều ra về lại trụ xứ của mình vào ngày 2.11.2019 và hẹn gặp nhau lại vào tháng 9 năm 2021 tại Tân Tây Lan.

(Giải Minh)

*** Lễ hiệp kỳ chư hương linh và lễ xuất gia tại chùa Bảo Quang Hamburg:**

Lễ hiệp kỳ chư hương linh năm nay được chùa Bảo Quang tổ chức vào 2 ngày 09 và 10.11.2019.

Trong ngày 09 vào lúc 14 giờ. Đặc biệt có lễ thí phát xuất gia cho Phật tử Minh Tường, năm nay cô 42 tuổi, chưa lập gia đình, dưới sự chứng minh của Chư Tôn Đức Tăng Ni Pháp Quốc và chùa Bảo Quang.

Phật tử Minh Tường tên thật là Hà Mộng Trinh, quy y với Hòa Thượng Thích Trí Minh ở Na Uy, là đứa con gái thứ 4 trong gia đình có 6 anh

chị em. Năm 1987 gia đình cô vượt biển, năm 1988 đến định cư ở Phần Lan theo Phật giáo thuần thành. Nên khi mới 18 tuổi Minh Tường đã nuôi chí nguyện xuất gia, nhưng chưa đủ nhân duyên. Xuyên suốt 24 năm cô thường về chùa Bảo Quang, đến nay đã đủ duyên lành, gặp duyên thầy trò, cô chọn được minh sư là Sư Cô trụ trì Tuệ Đàm Nghiêm.



Buổi lễ thật trang trọng và cảm động, có sự hiện diện của song thân và Minh Tâm là bà tỷ của Minh Tường và khoảng trên 60 nam nữ Phật tử tham dự. Sư Cô trụ trì đặt tên cho đệ tử là Nhuận Minh theo dòng kệ của Sư Bà Viện Chủ Thích Nữ Diệu Tâm là chữ NHUẬN. Món quà Sư Cô tặng cho đệ tử là một cuốn sách cũ gần rách gáy nhưng rất quý, Sư Cô học thuộc lòng và gìn giữ 22 năm qua, cùng với những lời giáo huấn dặn dò đệ tử luôn lấy chữ TÍN làm đầu trong mỗi bước đi theo chân Phật tìm con đường giải thoát.



Thân phụ của cô Nhuận Minh cảm động tha thiết ngỏ lời tri ân Chư Tôn Đức và nhân nhũ với con gái mình.

Khi được tin này Thượng Tọa Thích Quảng Đạo, Viện Chủ Tổ Đường Khánh Anh ở Ery, Pháp Quốc có lời chúc mừng "Nơi nào có thêm những

Phật tử phát tâm xuất gia là nòng cốt cho Tam Bảo được cứu trụ tại thế gian, cầu cho đất các Châu mỗi nơi đều được như vậy thật là thiện tai thiện tai...”.

Đến 15 giờ khai kinh Địa Tạng và tụng đến hôm sau ngày 10.11.2019 cho hết toàn bộ kinh dưới sự hành lễ của TT Thích Thiện Niệm và TT Thích Nguyên Lộc đến từ Pháp Quốc.

Suốt 2 giờ đồng hồ 2 vị Thượng Tọa thuyết linh và cung tiễn chư hương linh với một bài pháp thật dài thâm sâu vi diệu nói về chữ Nghiệp trong đạo Phật. Chúng ta đừng nghĩ rằng số phận như vậy thì nên chấp nhận. Khi con người hiểu rõ được nguồn cội của chữ Nghiệp thì ta nên tu Tâm để biến nghiệp xấu thành nghiệp tốt.

Cuối cùng Thượng Tọa cũng khuyên nhủ hương linh nên sám hối để được về cõi A Di Đà.

Buổi lễ hoàn mãn vào lúc 15 giờ 30 trong ngày.

(*Phương Quỳnh Diệu Thiện*)

*** Lễ Xuất gia của Phật tử Thanh Phụng tại chùa Trúc Lâm, Thụy Điển:**



... Thân và Tâm của một người xuất gia đã đồng nhất, an bản lạc đạo, nên gọi là thân và tâm đều xuất gia. Quán triệt ý nghĩa trên nên Phật tử Thanh Phụng ở Đan Mạch đã phát tâm xuất gia và được Hòa Thượng Thích Tâm Huệ nhận làm đệ tử. Lễ thí phát được tổ chức ngày 13.10.2019 tại chùa Trúc Lâm Thụy Điển và Hòa Thượng đã đặt tên cho đệ tử là Quảng Diệu.

Buổi lễ xuất gia có sự chứng minh của HT Thích Tâm Huệ, Thượng Tọa Thích Hạnh Bảo (chùa Liên Hoa, Phần Lan), Thượng Tọa Thích Pháp Trú (Chùa Liễu Quán, Đan Mạch), Đại Đức Thích Tự Đức, Đại Đức Thích Thông Giáo (Viên Lạc, Đức), Ni Sư Thích Nữ Từ Khánh, Sư Cô Tuệ Âm, Sư Cô Hạnh Thân, và quý Sư Cô ở Việt Nam.

(*Nguyễn Trí Nguyễn Văn Tâm*)

vị ngọt tình xa

*Giọt sương còn đọng trên hoa
Đêm chưa tàn hết trăng tà bóng nghiêng
Giấc nào trần trở khó yên
Nửa thương nửa nhớ muộn phiền vây quanh*

*Như làn sương khói mong manh
Bước đời thoáng chốc lá xanh úa rồi
Bèo trôi mây giạt xa xôi
Bao nhiêu ước vọng theo thời gian trôi*

*Sắc hoa đào thắm hồng môi
Tại em duyên dáng nói cười dễ thương
Ngàn xa cách trở đôi đường
Làm sao kề cạnh má hường tri âm?*

*Đêm chưa tàn, đêm lặng thắm
Đứng nhìn trăng xế nghe tâm rối bời
Thiệt tha mà cách xa xôi
Anh Houston em tận trời Luzern*

*Yêu đắm đuối càng nhớ thêm
Bao giờ mới được bên em hỏi tình?
Trăng tàn sương lạnh lung linh
Ảnh hình tri kỷ khắc in tươi màu*

*Hương tình yêu vị ngọt ngào
Đắm say tha thiết dạt dào lòng anh...!*

• **thylanthảo**
29.8.2019

Thông Báo Lịch Canh Tý năm 2020

Trân trọng thông báo đến quý Đạo Hữu & Phật Tử, giá phát hành Lịch Tử Vi & Lịch Treo Tường năm Canh Tý (2020) như sau:

	Lịch Tử Vi	Treo tường
- Chùa Viên Giác	17 €	11 €
- Trong nước Đức	20 €	17 €
- Ngoài nước Đức	25 €	19 €

IN SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

• Đại Nguyên phụ trách

THÔNG BÁO

v/v góp bài cho ĐẶC SAN VIÊN GIÁC

- Kính gửi Chư Tôn Đức,
- Kính gửi quý Văn-Thi hữu khắp nơi
- Kính gửi Ban Biên Tập và Cộng tác viên báo Viên Giác,
- Kính gửi Hội Phật Tử VNTN và Ban Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Đức

Kính thưa quý vị,

Tiếp nối tinh thần của cuốn Đặc San Văn Hóa Phật Giáo đã phát hành vào dịp kỷ niệm 40 năm xuất bản Báo Viên Giác cùng với những đại lễ của chùa Viên Giác trong những ngày cuối tháng 6 năm 2019, chúng tôi dự tính hằng năm sẽ ấn hành một cuốn Đặc San với nội dung mở rộng hơn về:

Văn Hóa Việt Nam và Văn Hóa Phật Giáo
(biên khảo, truyện ký, thơ văn, truyện ngắn,...)

Đặc San VIÊN GIÁC

Kỷ niệm 41 năm Viên Giác 2020

- Thời hạn góp bài: **14.04.2020**
- Phát hành **trong tháng 06.2020**
- Gửi bài cho Phù Vân, Chủ Bút báo Viên Giác: **vongatuong@yahoo.de**

Chúng con/chúng tôi ngưỡng mong Chư Tôn Đức và quý vị Thi-Văn Hữu cũng như các Đạo Hữu trong Hội Phật Tử và các Huynh trưởng GDPT dành thì giờ viết bài cho nội dung cuốn Đặc San thêm phong phú hơn.

Và nếu được, mong các Huynh Trưởng khuyến khích các Đoàn sinh GDPT viết về những sinh hoạt của GDPT bằng tiếng Việt hoặc tiếng Đức, tiếng Anh hay tiếng Pháp...

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát
TM Nhóm Chủ Biên
Phù Vân

*** Bắc Cali tổ chức một Hội chợ sách (Book Fair):**

San Jose - Thứ bảy 19/10/2019 lúc 14:30 tại Thư Viện Tully thành phố San Jose bắc California, Nhóm Phật Tử do Huynh trưởng Tâm Thường Định Bạch Xuân Phê đến từ Sacramento, phối hợp cùng một số Huynh trưởng, Đoàn sinh GDPT trong vùng Bắc Cali tổ chức một Hội chợ sách (Book Fair). Ra mắt sách của nhà xuất bản Lotus Media, Inc, Hương Tích Phật Việt, Việt Ananda Foundation, tác phẩm của Thầy Thích Như Điển, Thầy Tự Lực, Thầy Nguyên Tạng... và nhiều tác giả khác.



Buổi sinh hoạt "Có mặt cho nhau" được tổ chức nhằm tạo cơ hội sinh hoạt chung, để chia sẻ truyền lửa cho nhau và thảo luận một số đề tài, những thao thức và kinh nghiệm hoằng pháp Phật Giáo.

(Tin Mạc Phương Đình)

* Lễ Tưởng Niệm và Lễ An Táng 81 Chiến Sĩ Nhảy Dù VNCH:

Đúng 8:45 sáng ngày Thứ Bảy, 26 tháng 10 năm 2019, tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ (Sid Goldstein Freedom Park), thành phố Westminster, Nam California, Hoa Kỳ, đã diễn ra trọng thể Lễ Tưởng Niệm (Memorial Ceremony) cho 81 Chiến sĩ Nhảy Dù thuộc Đại Đội 72, Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù/QLVNCH, đã thiệt mạng trong một tai nạn máy bay C-123 tại miền Nam VN ngày 11 tháng 12 năm 1965.

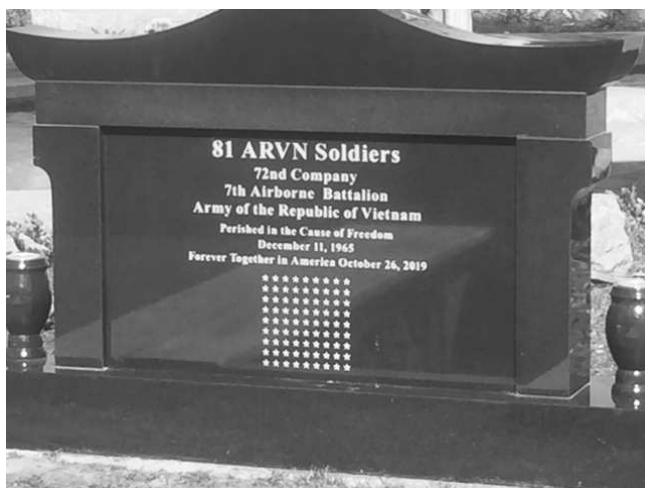
Cựu Đại Tá TQLC Hoa Kỳ Gino Castagnetti đã điều hợp chương trình theo đúng nghi thức quân cách của TQLC với U.S. Marine Corps Band và ban Tu Ca Xuân Diễm trong hai bản Quốc Ca Mỹ-Việt.

Quan khách và đồng hương đã tề tựu từ rất sớm, nên mới 8 giờ sáng mà các khu vực dành cho parking đã không còn chỗ trống. Khi toán cựu sĩ quan Mũ Đỏ khiêng quan tài lên sân khấu, nghi thức chào quân kỳ bắt đầu, và tiếng kèn trời lên từ một nhạc công người Mỹ mặc trang phục

Tô Cách Lan tiến vào khu vực sau sân khấu. Sau lời giáng và cầu nguyện của Tuyên Úy Hải Quân Hoa Kỳ Chin Van Dang, là lời chào mừng quan khách và diễn văn chính của Thượng Nghị Sĩ (TNS) Jim Webb. TNS Jim Webb cho biết sau khi máy bay rơi năm 1965, mãi đến 1974 các thi hài còn lại của phi hành đoàn và 81 chiến sĩ Nhảy Dù mới được thu hồi và chuyển qua Thái Lan. Một thời gian sau mới được chuyển qua Hawaii và nhờ có DNA mới tìm thấy 4 hài cốt là người Mỹ, và việc an táng 4 quân nhân Mỹ này đã hoàn tất; tuy nhiên việc lưu giữ hài cốt còn lại của 81 Thiên Thần Mũ Đỏ vẫn để ở Hawaii trong nhiều thập niên. Mọi người đều biết, nhưng TNS Jim Webb chính là người đã nghĩ đến việc phải an táng các chiến sĩ Mũ Đỏ này. Ông đã xin phép Bộ Quốc Phòng và đã được chấp thuận. Các diễn giả được mời lên nói cảm tưởng là Thị Trưởng Trí Tạ, Bộ Trưởng Hải Quân Richard Spencer, Ông Fred Smith, Phan Nhật Nam, và BS Nguyễn Quốc Hiệp, Chủ Tịch Gia Đình Mũ Đỏ Việt Nam.

Các vòng hoa được từ từ mang lên sân khấu cho một phút yên lặng, và toán TQLC Hoa Kỳ bắn ba phát súng như chào các tử sĩ. TNS Jim Webb lên nói lời bế mạc Lễ Tưởng Niệm này để chuyển qua Lễ An Táng.

Sau đó là nghi thức di quan qua khu tượng Đài Thuyền Nhân bên Westminster Memorial Park. Các vị đại diện tôn giáo đã đến bên cạnh quan tài làm phép và Lễ An Táng được trân trọng cử hành cùng với ba phát súng bắn chỉ thiên của Toán U.S Marines. Vào khoảng giữa Ngọ, quan tài được từ từ hạ huyệt tại Nghĩa Trang Westminster Memorial park, Thành Phố Westminster, Nam California, Hoa Kỳ. Trên mộ bia người ta thấy đề hàng chữ:



81 Chiến Sĩ QLVNCH
Đội 72
Tiểu Đoàn 7 Nhảy Dù
Quân Lực VNCH
Đã thiệt mạng cho Lý Tưởng Tự Do
Ngày 11 tháng 12 năm 1965
Mãi Mãi Bên Nhau tại Hoa Kỳ ngày 26 Tháng 10
năm 2019

*Ghi nhanh Phạm Gia Đại
(TreDepOnline)*

*** Thi sĩ Du Tử Lê qua đời :**



*Nhà thơ Du Tử Lê
(Ảnh: Triết Trần)*

TTO - Trái tim nhà thơ Du Tử Lê vừa ngừng đập lúc 8 giờ 6 phút tối thứ hai 7-10 (theo giờ Mỹ) tại nhà riêng của ông ở Garden Grove (Mỹ), hưởng thọ 77 tuổi, theo thông tin từ người nhà phát đi trên trang cá nhân trưa nay.

Du Tử Lê tên thật là Lê Cự Phách, sinh năm 1942 tại Kim Bảng, Hà Nam. Ông là nhà thơ có tiếng tại miền Nam từ trước 1975.

Du Tử Lê tham gia giới viết văn làm báo, là chứng nhân của nhiều trào lưu văn nghệ tại miền Nam trước đây.

Những kinh nghiệm từ quãng đời này giúp ông viết thành một số công trình có tính chất tổng thuật và khảo cứu về văn nghệ miền Nam trước 1975: *Phác họa toàn cảnh sinh hoạt 20 năm VHNT miền Nam 1954-1975, Sơ lược 40 năm văn học nghệ thuật Việt 1975-2015.*

Du Tử Lê làm thơ từ rất sớm, bút hiệu Du Tử Lê được dùng chính thức từ năm 1958 trên tạp chí Mai.

Nhiều thế hệ bạn đọc Việt Nam từng yêu thơ Du Tử Lê, đặc biệt cả giới trẻ trước và sau 1975 có nhiều người hâm mộ bài hát Khúc Thụy Du vốn được nhạc sĩ Anh Bằng phổ từ bài thơ cùng tên của Du Tử Lê.

Khúc Thụy Du được Du Tử Lê viết từ tháng 3-1968, như một phần cảm thức của người trẻ trước cuộc chiến đang lan rộng tại Việt Nam.

Du Tử Lê định cư tại Mỹ sau ngày 30-4-1975. Theo thống kê chưa đầy đủ, Du Tử Lê có hơn 70 tác phẩm đã xuất bản. Những năm gần đây, một

số sách của ông trở lại với bạn đọc trong nước thông qua các đơn vị xuất bản:

- Du Tử Lê tùy bút tuyển chọn (2015)
- Với nhau, một ngày nào (tản văn, 2018)
- Trên ngọn tình sầu (tập thơ, 2018)
- Chỉ nhớ người thôi, đủ hết đời (tùy bút dạng hồi ký, 2017)
- Khúc Thụy Du (tuyển thơ, 2018)
- Giữ đời cho nhau (tuyển tùy bút, 2018)
- Chúng ta, những con đường (thơ, 2019)...

Theo ghi nhận của người trong giới, Du Tử Lê bên cạnh Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên làm nên bảy gương mặt thơ xuất sắc nhất miền Nam thời trước 1975.

Về hoạt động liên quan đến thơ, từ năm 1981 tới nay, nhà thơ Du Tử Lê có nhiều buổi thuyết trình tại một số đại học tại Hoa Kỳ, Pháp, Đức, và Úc. Ông từng hai lần được mời đến đại học Harvard để nói chuyện về thơ của mình.

Từ năm 2009 tới 2012, mỗi năm Du Tử Lê đều có ít nhất một lần thuyết trình về thơ tại đại học UC Berkeley và đại học Cal State Fullerton.

Sự nghiệp thơ của Du Tử Lê từng được một học viên cao học tại Đại học Khoa học, xã hội và nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội là Trần Thị Như Ngọc chọn làm luận văn tốt nghiệp, nhan đề *Thơ Du Tử Lê dưới góc nhìn tư duy nghệ thuật* thuộc chuyên ngành Lý luận văn học.

Một số sách và bản thảo của Du Tử Lê vẫn đang được các đơn vị làm sách trong nước giao dịch với ý định sẽ ấn hành trong tương lai.

*** Dạ tiệc gây quỹ 26/10/2019 cho Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose của Đoàn Thanh Niên Thiện Nguyện Việt Nam:**

Trong tinh thần bảo tồn và phát huy Văn hóa Việt tại Hải Ngoại, một số thân hữu trong cộng đồng, những người hăng quan tâm đến việc gìn giữ và phát triển tiếng Việt nơi xứ người đứng ra tổ chức một buổi Văn Nghệ - Dạ Vũ nhằm gây quỹ cho việc điều hành Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang SJ và chuẩn bị tài chánh cho lễ kỷ niệm 40 năm thành lập TTVN-Văn Lang. Trải qua 37 năm đồng hành với những thăng trầm của cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản tại San Jose, TTVN-Văn Lang đã được hình thành từ một lớp học với 30 em học sinh vào năm 1982 cho đến nay đã trở thành một trung tâm dạy tiếng Việt lớn nhất tại Hải ngoại với gần 1.000 em học sinh và hơn 100 thầy cô tình nguyện tham gia giảng dạy vào mỗi cuối tuần. Thành quả mà TTVN-Văn Lang

đạt được hôm nay là do tâm huyết của những anh chị thiện nguyện, những thầy cô giáo, những bậc phụ huynh và cộng đồng người Việt đã hy sinh thời giờ và công sức hầu mong văn hóa Việt luôn được bảo tồn và phát triển nơi xứ người.

Chúng tôi xin kêu gọi sự hưởng ứng của quý vị mạnh thường quân và quý ân nhân giúp chúng tôi có được ngân quỹ trong việc bảo tồn và duy trì Văn Hóa Việt tại hải ngoại và cách riêng giúp các em học sinh Việt Nam tại Thung lũng Hoa vàng của chúng ta không quên tiếng Việt. Sự tích cực yểm trợ của quý vị sẽ là niềm khích lệ lớn lao cho các thầy cô và các em học sinh thuộc TTVN-Văn Lang cũng như góp phần xây dựng cộng đồng Việt Nam luôn vững mạnh.

„Tiếng Việt Còn Thì nước Việt Còn”.

*** Thông cáo báo chí của Dân biểu Margarete Bause, Phát ngôn viên Khối đảng Xanh về nhân quyền trong Quốc hội Liên Bang Đức:**

VETO, ngày 12/10/2019 - Bà Margarete Bause, Dân biểu Quốc hội Liên Bang Đức, đã loan báo chính thức nhận bảo trợ cho ông Hoàng Đức Bình, một nhà hoạt động bảo vệ nhân quyền và môi sinh Việt Nam, theo chương trình "Dân biểu bảo vệ Dân biểu" của Quốc hội.

Hoàng Đức Bình – Người bảo vệ nhân quyền và môi sinh Việt Nam. Bình bị bắt vào tháng 5 năm 2017 sau khi thực hiện một loạt báo cáo về thảm họa môi trường do Tập đoàn thép Đài Loan Formosa Hà Tĩnh gây ra dọc theo bờ biển Việt Nam. Đầu năm 2018, ông bị kết án 14 năm tù với lý do "Lợi dụng quyền tự do dân chủ, xâm phạm lợi ích của Nhà nước". Một tổ công tác của Liên Hiệp Quốc sau đó đã phê bình việc bắt giữ này là "độc đoán".

Hoàng Đức Bình là một trong số đông những tù nhân chính trị tại Việt Nam đang bị giam giữ trong những điều kiện khốn khổ vì những cáo buộc giả dối. Trường hợp của ông đại diện cho hàng trăm trường hợp của tù nhân chính trị khác. Đó là lý do mà Hoàng Đức Bình đã được tôi chọn đưa vào chương trình bảo trợ của Quốc hội Cộng Hòa Liên Bang Đức. Là người đỡ đầu, tôi sẽ hỗ trợ ông Bình và vụ việc của ông cho đến khi ông được trả tự do và phục hồi danh dự. Hỗ trợ quốc tế sẽ có ảnh hưởng sinh tồn tại những nơi mà con người còn tranh đấu cho nhân quyền và dân quyền dù có bị đàn áp khốc liệt.

Tôi yêu cầu chính phủ Việt Nam trả tự do cho Hoàng Đức Bình ngay lập tức và vô điều kiện, và bồi thường thích đáng cho thời gian ông bị cầm tù. Bảo vệ môi trường không phải là một tội ác!

(Diễn Đàn Việt Nam 21)

*** Người Mỹ gốc Việt đầu tiên được vinh thăng Phó Đề Đốc Hải Quân Hoa Kỳ:**

WASHINGTON, D.C: Đại Tá Nguyễn Từ Huân chính thức vinh thăng Phó Đề Đốc tại buổi lễ gắn lon tổ chức trọng thể hôm Thứ Năm, 10 Tháng Mười, tại khuôn viên bên ngoài Viện Bảo Tàng và Trung Tâm Di Sản Hải Quân Hoa Kỳ (US Navy Memorial and Heritage Center) ở Washington, D.C. Ông là Phó Đề Đốc gốc Việt đầu tiên của Hải Quân Hoa Kỳ.

Theo tiểu sử chính thức mà quân đội Mỹ công bố, ông Huân sinh ra ở Huế, con trai của cố Đại Tá thiết giáp VNCH Nguyễn Tuấn. Trong trận Tết Mậu Thân, ba mẹ cùng năm anh chị em của ông, bị Việt Cộng tên Bảy Lốp thảm sát. Bảy Lốp sau đó đã bị bắt, tướng Nguyễn Ngọc Loan - Tư lệnh Cảnh sát VNCH, dùng súng ngắn bắn vào đầu một tù binh VC mặc thường phục và hai tay đang bị trói ngay tại mặt trận. Phóng viên Eddie Adams chụp được tấm hình Năm 1969, Saigon Execution đã giúp ông nhận giải Pulitzer về ảnh báo chí. Vì tấm hình này chính thể VNCH bị phe phản chiến, nhóm thân cộng chỉ trích kịch liệt là vô nhân đạo, cuộc đời của tướng Loan cũng hệ lụy đến khúc quanh cho đến cuối cuộc đời!

May mắn cậu bé Huân cũng trúng đạn bị thương còn sống sót, được gia đình chú thím là cựu Đại tá Không quân VNCH Nguyễn Tú nuôi dưỡng và dạy dỗ nên người. Ngày 30/4/1975 Sài Gòn sụp đổ khi ông 16 tuổi, theo chú chạy khỏi Việt Nam. Được gia đình Đại tá Không quân Mỹ Ed Veiluva bảo trợ cho gia đình người chú để họ được vào Mỹ theo diện tỵ nạn chính trị. Năm 1981, ông Huân tốt nghiệp đại học tại Oklahoma với bằng Cử Nhân Kỹ Sư Điện. Trong quá trình phục vụ Hải quân, ông đã nhận được nhiều huy chương của quân đội. Ngày 5/6/2019, Đại tá Huân được Tổng thống Donald Trump đề nghị thăng cấp Phó Đề Đốc và đã được Ủy ban Quân sự Thượng viện Mỹ chuẩn thuận vào 27/06.

Phó Đề Đốc Nguyễn Từ Huân 60 tuổi, làm việc cho Bộ Tư lệnh Hệ thống Kỹ thuật Hải quân (Naval Sea Systems Command – NAVSEA). Nhiệm vụ của ông là Tham mưu phó Bộ tư lệnh NAVSEA, đặc trách an ninh mạng.

Đại tá HQ Nguyễn Từ Huân là Sĩ quan Hải quân gốc Việt đầu tiên mang cấp Phó Đề Đốc Hải Quân Hoa Kỳ, và là người Việt thứ tư mang cấp tướng trong quân lực Hoa Kỳ. Trước ông có Thiếu tướng Lương Xuân Việt (Lục quân), Chuẩn tướng Lapthe C. Flora (Vệ binh quốc gia) và Chuẩn tướng William H. Seely III (Thủy quân lục chiến).

(Tin từ đài Voa và báo Người Việt)

*** Toronto: Biểu Tình Chống Trung Cộng bành trướng:**

Thứ Bảy 05 tháng 10 năm 2019: - Để tiếp tục tinh thần đấu tranh chống Trung Cộng bành trướng lãnh thổ và lãnh hải qua những hành động ngang ngược xâm phạm chủ quyền của nhiều quốc gia tại Biển Đông trong đó có Việt Nam, điển hình là việc xâm phạm chủ quyền lãnh hải Việt Nam tại đảo Tư Chính và Cá Voi Xanh.

Hội đoàn tại Toronto và vùng phụ cận cùng đến tham dự BIỂU TÌNH CHỐNG TRUNG CỘNG BÀNH TRƯỚNG được tổ chức trước Lãnh Sự Quán Trung Cộng số 240 St. George St., Toronto, ON. Từ 14 giờ đến 16 giờ chiều.

(Hương Dương online)

*** Cộng Đồng Người Việt Tự Do Victoria Úc Tổng Biểu Tình và Tuần Hành Chống Tàu Cộng Xâm Lăng và CSVN Bán Nước:**

Chủ nhật 5.10.2019 từ 11 giờ đến 13 giờ chiều, tại Thư Viện Tiểu Bang Victoria, Góc đường Swanton and Latrobe St, Melbourne. Đoàn biểu tình tuần hành đến tiền đình Quốc Hội Victoria lúc 13 giờ chấm dứt lúc 14 giờ. Tiếp tục đêm Thắp Nến Cầu Nguyện Cho Quê Hương Việt Nam từ 18 giờ 30 đến 20 giờ 30 tại Supper Room, Springvale Town Hall, 397-405 Springvale Rd, Springvale

(Nguyễn Thế Phong)

*** Biểu tình trước sứ quán Trung Cộng tại Den-Haag - Hòa Lan:**

Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản tại Hoà Lan, tổ chức biểu tình từ 13 giờ đến 15 giờ ngày Chủ nhật 20/10/2019 tại Willem Lodewijklaan 10, 2517 JT Den Haag.

- Thể hiện quyết tâm chống Trung Cộng xâm lược, và đòi hỏi chúng phải rút ra khỏi vùng Bãi Tư Chính,

- Xác định Hoàng Sa, Trường Sa, Bãi Tư Chính là của Việt Nam,

- Lên án nhà cầm quyền CSVN „hèn với giặc, ác với dân“ và đòi hỏi phải kiện Trung Cộng ra tòa án Quốc Tế

Tiếng nói của người Việt Quốc gia ở hải ngoại để Trung Quốc biết họ không thể tự tung, tự tác được, đồng thời cũng để đồng bào trong nước biết rằng chúng ta luôn luôn ở bên họ, chung vai sát cánh với họ trong công cuộc bảo vệ quê hương

(Tin từ CĐVNTNCS/HL)

*** Cảnh sát Đức và Séc bắt tội phạm giết người sau gần 1/4 thế kỷ:**

Truyền thông báo chí Đức đồng loạt đưa tin, một nghi can Việt Nam 52 tuổi can tội giết người đã được dẫn độ từ Séc về Đức. Vụ giết người này xảy ra cách đây 24 năm, hai anh em người Việt Nam đã bị thắt cổ chết trong một căn nhà tại thành phố Chemnitz (dưới thời Đông Đức thành phố này được đặt tên là Thành phố Karl Marx).

Năm 1990 sau khi nước Đức thống nhất, một cuộc chiến giữa các băng đảng Mafia Việt Nam đã nổ ra ở bang Sachsen miền Đông nước Đức vì tranh giành địa điểm thu tiền chỗ người Việt Nam bán thuốc lá lậu. Hầu như không có một ngày nào mà không có người Việt Nam bị thương hoặc thậm chí bị bắn chết.

Nguyễn Quốc Hùng (hiện nay 52 tuổi), thành viên của một băng đảng Mafia thuốc lá hồi đó, bị tình nghi là đã bắt trói, bịt miệng và thắt cổ giết chết hai anh em người Việt Nam (16 và 22 tuổi) vào đêm khuya ngày 30.7.1995 trong một căn phòng trên đường Zinzendorf. Sau khi giết người hung thủ bỏ trốn. Tuy nhiên, tên giết người vẫn tiếp tục nằm trong danh sách truy nã với lệnh bắt giam của cảnh sát Đức.

Sau gần một phần tư thế kỷ, cảnh sát điều tra Đức và Séc đã thành công trong việc tìm ra danh tính mới của tên giết người, dù người này đã đổi tên khác. Ngày 16.09.2019 cảnh sát Séc đã bắt nghi can trên đường phố của thủ đô Praha, ngày 25.09.2019. Nghi can bị dẫn độ về Đức. Theo hồ sơ truy nã của cảnh sát Đức, để chờ ngày ra tòa và có thể bị kết án tù chung thân.

(Hiếu Bá Linh - Danlambao)

*** Bản Tin Hội CT.TPB VNCH. Đức Quốc**

Trong thời gian qua đồng hương hải ngoại vẫn tiếp tục ủng hộ thương phế binh VNCH.

Vừa qua nhận được từ anh Long: Nguyễn Thị Huyền Nga (Metz) 42€. Thị Bích Quyên Nguyễn (7+8+9+10) 40€. Cộng 82 €.

Anh Phát đã nhận được tiền của những vị ủng hộ TPB/VNCH như sau: Ngô Ngọc Long (Australia) 110€, Ô Thị Hai (Meppen) 55€, Nguyễn Phấn Chấn (Dortmund) 10€, Nguyễn Thị Bích Lan (Lünen) 30€, Trần Hữu Tộ (Recklinghausen) 30€, Gđ. Sư Cô Hạnh Bình (Chùa Viên Giác) 100€, Hoàng Thị Ngọc Bích (Dillingen) 100€. Cộng chung = 435€. (Số tiền này, tôi đang giữ. Tết này, Long có về chùa tôi sẽ giao cho.)

Tổng cộng quỹ hiện là: 2345€+42€+40€+435€ = **2.862€.**

Sau khi hỏi ý kiến của những thành viên trong Ban điều hành Hội, tất cả đều đồng ý là Tết này sẽ gửi về giúp 40 hồ sơ chỉ ưu tiên dành riêng cho Thành Phố Sài Gòn vì: Theo tin tức ở trong nước thì sau khi nhà nước Việt Nam giải tỏa vườn rau Lộc Hưng. Có một số anh em TPB trú ngụ trong đó đều bị đuổi ra đường không nơi nương tựa. Và nhà nước cũng không cho phép Dòng Chúa Cứu Thế tiếp tục giúp đỡ cho anh em Thương Phế Binh nữa! Vì thế nên chúng tôi xin gửi một chút quà Tết tượng trưng gọi là "miếng khi đói gói khi no" hầu an ủi cho những người tàn phế đã gần đất xa trời rồi mà vẫn không yên thân!

Xin thay mặt cho Hội CTTTPB.VNCH xin tha thiết mời gọi sự quan tâm của quý đồng hương nhiều thêm nữa để may ra khâu vá lại "vết thương tinh thần" của những người đang sống dưới tận cùng khổ khổ!

Kính chúc toàn thể đồng hương luôn dồi dào sức khỏe và mọi sự như ý.

TM. Hội CT.TPB. QL.VNCH Đức Quốc

Thư Ký: Trần Văn Huyền

Aalener Str. 41- 72760 Reutlingen-Germany.

Tel: 07121.61713-Email: danhatran@yahoo.de

Đính Chính:

Xin điều chỉnh lại trong Thông Báo của Nhóm tổ chức „Ngày Tri Ân Cap Anamur và Hội Ngộ 40 năm đến Đức”, đăng nơi trang 73 báo Viên Giác tháng 10.2019, như sau:

...

***Thời gian:**

**từ 15 giờ ngày 20.06.2020 (Thứ Bảy)
đến 14 giờ ngày 21.06.2020 (Chủ Nhật)**

***Địa điểm:**

**Schweinsdorfer Str. 57
91541 Rothenburg o.d.Tauber
Germany**

Xin cáo lỗi cùng độc giả và Ban Tổ Chức.

(Báo Viên Giác)

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Chi Bộ Đức Quốc
Chùa Bảo Quang
Billbrookdeich 307 – 22113 Hamburg

Tâm Thư
v/v kêu gọi mua ngôi nhà kế bên
Chùa Bảo Quang

Hamburg, tháng 11/2019

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Chư Tôn Đức,
Kính thưa quý Phật tử Đồng hương xa gần,

Nhờ hồng ân Tam Bảo và sự hộ trì của chư Tôn Đức Tăng Ni ngôi Chùa Bảo Quang tại Hamburg trong thời gian vừa qua đã trở thành chỗ dựa tinh thần của hàng ngàn đồng bào Phật tử Việt Nam cũng như Đức tại Hamburg và các tỉnh vùng phụ cận. Những buổi lễ của chùa được sự ủng hộ đông đảo của hàng Phật tử, có khi lên đến số ngàn, vượt khả năng dung chứa của diện tích Chùa.

Cũng vì lý do đó chùa đã gặp khó khăn với hàng xóm. Tuy những người hàng xóm này đã rất tử tế trong giai đoạn đầu, nhưng do một số ít trong đồng hương chúng ta có những thói quen ít đẹp, như tùy tiện đậu xe cản lối ra vào, ồn ào vô cớ (ví dụ bóp còi xe chào nhau trong đêm), để con cái chạy nhảy tự tiện trong khu vườn hàng xóm v.v... Việc ấy đã gây nên rất nhiều phiền toái. Đầu trong 11/2019 chủ ngôi nhà kế bên đã giao cho hãng môi giới rao bán nhà. Sau khi quan sát, chúng tôi nhận những người tìm đến mua ngôi nhà của hàng xóm là những người từ các nhóm ít cảm tình với Phật Giáo. Chùa và Chi Hội Phật Tử đã lo lắng và đánh giá rằng, trong tương lai chúng ta sẽ gặp không ít khó khăn, có khi sẽ dẫn đến không còn tiếp tục hoạt động được, nên đã cùng quyết định phải tự mua lại căn nhà cùng ở trên khu vườn Chùa. Ngoài ra, nếu Chùa mở rộng thêm cơ sở hiện nay thì những hoạt động tôn giáo và văn hóa sẽ có đà phát triển hơn; những sinh hoạt đòi hỏi không gian yên tĩnh như ngồi thiền hay các lớp học Phật pháp bằng ngoại ngữ cho lớp trẻ ít hiểu tiếng Việt sẽ thực hiện dễ dàng hơn.

Dẫu biết rằng tình hình chung hiện nay ai cũng rất khó khăn về kinh tế nhưng đang ở vào thế "chẳng đặng đừng" chúng tôi phải bấm bụng quyết định như vậy.

Thưa quý vị,
Ngôi chùa chính là ngôi nhà tâm linh chung của những người con Phật, nhất là trên bước đường lưu vong ở hải ngoại. Ngôi Chùa thời gian qua đã giúp người Việt hải ngoại thể hệ thứ nhất cùng quây quần ấm cúng bên nhau trong những ngày xa xứ. Chùa sẽ là ngôi nhà tâm linh gìn giữ nền văn hóa dân tộc cho các thế hệ tiếp theo trong việc học hỏi, duy trì và gìn giữ nét đẹp truyền thống của ông cha. Chùa cũng sẽ là vườn hoa tâm linh tô điểm thêm hương sắc cho vườn hoa đa văn hóa tươi đẹp tại trú xứ Đức này.

Mái Chùa che chở Hồn Dân Tộc,
Nếp sống muôn đời của Tổ Tông
(thơ Huyền Không).

Chúng con tha thiết mong được sự đồng cảm, chia sẻ của chư Tôn Đức gần xa; mong được sự hỗ trợ về mặt tinh thần và vật chất của chư Đồng hương và Phật tử xa gần. Quý vị có thể cho chùa mượn "Hội thiện" - tức mượn không lấy lời. Sau thời gian ổn định Chùa sẽ hoàn lại (nhưng nếu cần thì sẽ hoàn lại ngay). Quý hơn nữa là phát tâm cúng cho Chùa một khoản tịnh tài theo khả năng của quý vị.

Chúng con xin đề đầu tri ân chư Tôn Đức, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý Phật tử xa gần đã/sẽ hộ trì cho Phật sự của Chùa Bảo Quang Hamburg sớm được thành tựu.

Tiền cúng Chùa hay cho mượn hội thiện xin quý vị chuyển cho Chùa theo trương mục dưới đây. Quý vị cần xin Giấy chứng nhận khai thuế lương cũng xin vui lòng cho chùa biết.

Pagode (Chùa) Bao Quang
Hamburger Sparkasse
IBAN: DE46 2005 0550 1088 211 261
BIC: HASPDEHHXXX

Xin quý liên lạc về Chùa qua:
Tel. 040/3296 1520 - Mobil 0176/8114 2750
Email: tuenghiem@yahoo.de

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Viện Chủ
Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Tâm

Trụ trì Chùa Bảo Quang
TKN Thích Nữ Tuệ Đàm Nghiêm

in nước Đức

● Lê Ngọc Châu

* Trả lương thấp nhất cho nhân viên trong sòng bạc !

(dpa, 04.10.2019): Mức lương của các ngành công nghiệp ở Đức khác biệt rất lớn. Nhân viên trong ngành công nghiệp trò chơi, trong các "sòng bạc", cá cược, xổ số kiếm được trung bình 1.819 euro brutto (chưa trừ thuế) mỗi tháng như trả lời từ Chính phủ Liên bang qua yêu cầu của Thượng Nghị sĩ của đảng Tả Khuynh Sabine Zimmermann cho thấy, có sẵn tại Cơ quan báo chí Đức ở Berlin. Báo "Neue Osnabruecker Zeitung" trước đây đã báo cáo về nó.

Nhân viên trong tiệm giặt ủi, làm tóc và thẩm mỹ viện, công ty chôn cất (mai táng), phòng tắm hơi và bể tắm chỉ ở trên mức này chút ít với 1.843 euro - tiếp theo là nhân viên sắp xếp và giới thiệu công nhân với 1.866 euro và nhân viên nhà hàng với 1.889 euro.

Đứng đầu trong xếp bậc là những nhân viên kiếm tiền từ việc khai thác dầu khí trên các giàn khoan chằng hạn. Trung bình hàng tháng lương Brutto (chưa trừ thuế) của họ là hơn 5.800 euro.

Nhân viên tại các nhà máy luyện cốc và chế biến dầu khoáng do đó kiếm được trung bình 5.522 euro. Tiếp theo là việc xây dựng tàu, thuyền, xe đường sắt (*Schienenfahrzeuge*) với 5.234 euro và các hoạt động cho các công ty bảo hiểm và quỹ hưu trí với trung bình 5.172 euro. Dữ liệu liên quan đến cuối năm 2018.

Bộ Lao động Liên bang chỉ ra rằng các nhân viên có thể có những đặc điểm rất khác nhau liên quan đến trình độ, nghề và kinh nghiệm nghề nghiệp. Zimmermann nhấn mạnh trong báo "Neue Osnabruecker Zeitung" rằng quá nhiều nhân viên đã bị trả lương thấp.

* Sản phẩm từ Đức có danh tiếng tốt nhất, Trung Cộng kém nhất trong số mười hai nước sản xuất:

Theo một nghiên cứu, các sản phẩm của Đức tiếp tục có danh tiếng xuất sắc trên toàn thế giới. "Made in Germany" là "giải thưởng tốt nhất có thể đứng trên một sản phẩm", Viện YouGov cho biết hôm thứ Hai, 30 tháng Chín 2019 khi ra mắt một nghiên cứu chung với Đại học Cambridge

của Anh. Đức đứng đầu trong số mười hai nước sản xuất về "nhận thức sản phẩm" toàn cầu.

YouGov đã hỏi mọi người từ 23 quốc gia rằng họ đánh giá một sản phẩm từ một quốc gia cụ thể "tích cực hơn hay tiêu cực (positiv oder negativ / positive or negative) hơn, hoặc liệu cơ sở sản xuất "không có sự khác biệt" trong nhận thức. Theo đó, trung bình một nửa số người được hỏi có ấn tượng tốt về các sản phẩm từ Đức, chỉ có sáu phần trăm cho là "tiêu cực (*negative*)", viện nghiên cứu cho biết. Ý chiếm vị trí thứ hai trong bảng xếp hạng hàng hóa, tiếp theo là Anh và Pháp ở vị trí thứ ba.

Theo YouGov, các sản phẩm từ Trung Quốc là những sản phẩm kém nhất: chỉ 15% số người được hỏi trên toàn thế giới đánh giá tốt, ngược lại 44% đánh giá "tiêu cực (*negativ/negative*)" về hàng hóa Trung Quốc.

Theo bảng xếp hạng của YouGov sau Đức, Ý, Anh và Pháp thì đứng hạng 5 là Nhật với 33%, Canada (5 với 33%), Mỹ (7 với 29%), Hòa Lan (8 với 27%), Nam Hàn (9 với 5%), Mexiko (10 với -2%), Hồng Kông (11 với -9%) và Trung Cộng (hạng chót 12, với -29%).

* Thất nghiệp ở mức thấp nhất trong tháng 9 kể từ năm 1990:

Nuernberg-dpa, ngày 30 tháng 9. 2019: Theo số liệu mới, đã có 22.000 người thất nghiệp ít hơn vào tháng 9 so với năm trước đó.

Lúc lên, lúc xuống, nước Đức có những tin tức xấu chông chắt từ nền kinh tế: công việc ngắn hạn, sa thải, đóng cửa nhà máy. Nhưng thị trường lao động đã đứng vững cho đến nay. Câu hỏi là: còn bao lâu nữa?

Siemens và ngành công nghiệp thép, nhà cung cấp phụ tùng xe hơi và ngân hàng - nền kinh tế Đức, vì vậy dường như, phải giảm nhân sự trên quy mô lớn.

Rốt cuộc, nền kinh tế ở Đức đã suy yếu từ một thời gian qua - và rủi ro đang gia tăng. Tuy nhiên, thị trường việc làm bất chấp những tin tức xấu cho đến nay. Vào tháng 9, số người thất nghiệp đã giảm xuống còn 2.234 triệu, như Cơ quan việc làm Liên bang đã công bố tại Nuernberg.

Đây không chỉ là mức thấp nhất trong tháng 9 kể từ khi thống nhất. Cũng có 85.000 người thất nghiệp ít hơn so với tháng 8 và 22.000 ít hơn so với năm trước.

Điều chỉnh theo mùa - không bao gồm các hiệu ứng đặc biệt như bắt đầu năm học nghề - vẫn còn âm 10.000. Tỷ lệ thất nghiệp giảm 0,2 điểm phần trăm so với tháng 8 và thậm chí lần nữa còn dưới mức năm phần trăm ở mức 4,9%.

Detlef Scheele, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Cơ quan việc làm liên bang Đức (BA), cảnh báo chống lại sự bi quan thái quá, mặc dù ở phía tây thậm chí có một sự gia tăng nhẹ về số lượng người thất nghiệp. Và mặc dù sự suy giảm trong tháng 9 chủ yếu là do người nhận Hartz IV, đặc biệt là ở miền đông nước Đức.

Cho đến nay, công việc tạm thời là ngành duy nhất đang trải qua sự suy giảm việc làm. Vẫn còn tạo việc làm trong lĩnh vực sản xuất. Nhưng Scheele cũng cho rằng thất nghiệp sẽ tăng trong những tháng tới - mặc dù vừa phải. Sự suy giảm 94.000 vào tháng Chín năm ngoái có thể là một dấu hiệu cho thấy rõ về điều đó. Sự suy giảm so với năm trước hiện cũng đang ngày càng nhỏ hơn trong số liệu thống kê hàng tháng. Tăng trưởng việc làm đang tiếp tục, nhưng nó đang mất đà.

*** Tội phạm xe hơi. Những thương hiệu xe bị đánh cắp nhiều nhất năm 2018:**

2019/09/25: Trong năm qua, ít xe hơi bị đánh cắp ở đất nước này hơn năm trước - và với số lượng xe đăng bộ ngày càng tăng. Điều này rõ ràng từ biểu đồ liên bang "tội phạm xe hơi 2018" của Văn phòng Cảnh sát Hình sự Liên bang (BKA). Tổng cộng có 16.600 chiếc xe đã bị đánh cắp hoặc "mất vĩnh viễn", như BKA gọi nó. Con số này thấp hơn 12,7% so với năm 2017, khi đó có hơn 19.000.

Do đó, phổ biến nhất đối với những tên trộm là những chiếc xe VW với khoảng 3.100 xe bị đánh cắp. Như biểu đồ của Statista cho thấy, BMW theo sau với 2.175 xe ở vị trí thứ hai và Audi với 2.124 ở vị trí thứ ba. Như vậy, đặc biệt là các nhà sản xuất xe hơi Đức rất phổ biến với những tên trộm. Theo BKA, thiệt hại đưa đến vẫn tiếp tục gia tăng khi những kẻ phạm tội ngày càng ăn cắp những chiếc xe mới và giá cao.

*** Người nghỉ hưu phải đóng thuế ngày càng nhiều:**

Handelsblatt, ngày 1 tháng 11 năm 2019: Người về hưu phải trả gần 35 tỷ euro tiền thuế cho nhà nước mỗi năm. Với lương hưu tăng, số người về hưu chịu thuế cũng đang tăng lên.

Những người nghỉ hưu đang phải trả thuế thu nhập ngày càng nhiều. Do đó, theo số liệu mới nhất năm 2015, khoảng 34,65 tỷ euro thuế thu nhập được trả bởi những người nộp thuế có thu nhập lương hưu cho nhà nước, như một trả lời của Bộ Tài chính Liên bang qua yêu cầu của đảng Tả Khuynh (die Linke) tại Quốc hội Đức, có năm sẵn tại Cơ quan báo chí Đức ở Berlin. Trong

năm trước, nó chỉ là 31,44 tỷ euro, trong năm 2005 chỉ 15,55 tỷ euro.

Trong khi tổng doanh thu thuế tăng khoảng 50% từ năm 2005 đến 2015, thuế thu nhập của người về hưu tăng lên khoảng 130%.

Nhà lãnh đạo khối dân biểu của 'die Linke' tại Quốc hội Đức Dietmar Bartsch mô tả sự phát triển của thuế lương hưu là có vấn đề. "Nếu không có gì thay đổi ở đây, ngày càng nhiều lương hưu sẽ nhạy cảm với thuế", Bartsch cho Cơ quan báo chí Đức biết. "Đối với lương hưu thấp, chúng ta cần bảo vệ đặc biệt". Bartsch yêu cầu tăng mức trợ cấp miễn thuế cơ bản, "để từ đó lương hưu trong thực tế đã hạn hẹp không bị tiếp tục giảm", như Bartsch nói.

Việc người cao niên có phải nộp tờ khai thuế hay không phụ thuộc vào tổng thu nhập chịu thuế của họ - ngoài thu nhập lương hưu và thu nhập khác như thu nhập từ đầu tư, thu nhập cho thuê hoặc lương hưu nghề nghiệp của hãng. Đó là do khi tổng thu nhập của một người hưu trí trên mức miễn thuế cơ bản (9.168 euro cho người độc thân/18.336 euro cho vợ chồng).

Thuế lương hưu thu được áp dụng từ năm 2005 đánh vào nhiều người về hưu hơn mỗi năm. Do phần thuế tăng của lương hưu cũng như lương hưu tăng, ngày càng nhiều người hưu trí mới được sở thuế yêu cầu thanh toán.

*** Bầu cử tiểu bang Thuringen 2019: Kết quả bầu cử. Chính xác năm phiếu cử FDP:**

Khoảng 1,73 triệu người Thuringer đã được kêu gọi để bầu một Quốc hội mới vào Chủ nhật 27.10- bao gồm 75.000 cử tri đầu tiên, theo Trưởng ban bầu cử của tiểu bang. 18 đảng đề cử tổng cộng 399 ứng cử viên.

Đảng Tả Khuynh (die Linke) đã thắng rõ ràng ở Thuringen. Theo kết quả bán chính thức sơ bộ, Linke chiếm 31,0%, khiến nó lần đầu tiên trong lịch sử trở thành lực lượng mạnh nhất trong cuộc bầu cử tiểu bang. Trong năm 2014, Linke vẫn còn đứng ở mức 28,2%, như vậy cao hơn 2,8%. AfD đạt 23,4%, tăng gấp đôi kết quả bầu cử năm 2014 (10,6%, tăng 12,8%). CDU giảm mạnh từ 33,5% xuống 21,8% (giảm 11,7 điểm phần trăm). SPD giảm từ 12,4% xuống mức thấp nhất mọi thời đại ở Thuringen là 8,2% (trừ 4,2%), Xanh yếu đáng ngạc nhiên ở mức 5,2% (2014: 5,7%, trừ 0,5%), FDP với đúng 5,0% (2014: 2,5 phần trăm, cộng với 2,5%) được lọt vào trong Quốc hội tiểu bang. Chính xác năm cử tri đã cứu đảng FDP khỏi thất bại bầu cử mới.

Đối với FDP, đó là một cơn rùng mình kéo dài, cho đến trước nửa đêm, tất cả các phiếu đã được tính. Kết quả vẫn có thể được coi là thành công: Thuringen hiện là tiểu bang duy nhất trong số các tiểu bang mới mà FDP được tham chính. Tuy nhiên, FDP không có một lựa chọn tham gia chính phủ thực tế. Từ quan điểm toán học thuần túy, nó có thể đủ cho một liên minh với Linke, Xanh và SPD - nhưng điều này đã bị ứng cử viên hàng đầu Thomas Kemmerich từ chối. Ông ấy chỉ muốn làm việc cùng nhau về các vấn đề riêng rẽ với màu đỏ-đỏ-xanh.

- Phân phối ghế trong nghị viện Erfurt: Die Linke có 29 ghế trong nghị viện tiểu bang mới, AfD: 22, CDU: 21, SPD:8, Xanh và FDP mỗi đảng 5 ghế. Với 90 đại biểu, đa số tuyệt đối là 46 ghế. Các đại biểu của Thuringen được bầu cứ năm năm một lần theo một hệ thống kết hợp sự lựa chọn tính cách với các nguyên tắc đại diện theo tỷ lệ. Điều này có nghĩa là mỗi cử tri có hai phiếu. Thứ nhất là một phiếu bầu trực tiếp cho một ứng cử viên, phiếu thứ hai bỏ phiếu cho một đảng (Landesliste).

- Máy tính đa số: Liên minh có thể: Sự thành lập chính phủ ở Erfurt rất khó khăn: Thống đốc Bodo Ramelow, người đứng đầu tiểu bang đầu tiên của Đức từ Đảng Linke, muốn tiếp tục liên minh như trước đây với SPD và Xanh. Liên minh cai trị tại tiểu bang 2,1 triệu dân này trong 5 năm chỉ với đa số là một phiếu bầu trong nghị viện. Nhưng sau kết quả cuối cùng tạm thời, chính phủ này không còn chiếm đa số. Hiện tại có một - liên minh chính trị khá khó xảy ra - liên minh bốn đảng gồm đảng Tả khuynh (die Linke), SPD, Xanh và FDP.

CDU, lực lượng mạnh nhất trong quốc hội trong chính phủ Ramelow, đã mất vị trí đầu tiên. Trước khi đến với liên minh đỏ-đỏ-xanh vào năm 2014, CDU đã cai trị tiểu bang trong 24 năm và luôn nắm giữ chức Thống đốc- trong thời gian đó, ngay cả với đa số tuyệt đối. Năm 2019, CDU đã thua với kết quả tồi tệ nhất trong lịch sử ở "Nhà nước Tự do (Freistaat)" và có thể, vì kết quả mạnh mẽ của đảng Linke và AfD, cũng không thể thành lập chính phủ với SPD, Xanh và SPD.

*** Quốc Hội (Bundestag) thông qua mức lương tối thiểu của thực tập sinh từ năm tới:**

AFP 24.10.2019: Học viên được hưởng mức lương tối thiểu. Quốc hội Đức đã quyết định chuẩn y mức lương tối thiểu cho người học nghề từ năm tới. Với sự bỏ phiếu của nhóm nghị sĩ của

SPD và Liên đảng CDU/CSU, Quốc hội cuối cùng đã thông qua luật về hiện đại hóa và tăng cường giáo dục nghề nghiệp, AfD và FDP đã bỏ phiếu chống, die Linke (Tả Khuynh) và Xanh đã bỏ phiếu trắng.

Điều này sẽ cung cấp cho người học nghề mức lương tối thiểu 515 euro từ năm 2020 trở đi. Vào đầu năm 2021, tiền công được tăng lên 550 euro, và trong những năm tiếp theo, tương ứng là 585 euro và 620 euro. Các tài liệu học tập cũng được chi trả hoàn toàn bởi người sử dụng lao động (tức chủ hãng/ chủ xí nghiệp).

Luật cũng quy định về việc giới thiệu các chức danh mới cho sự tiếp tục đào tạo nghề nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh quốc tế của nghề nghiệp. Trong tương lai sẽ có chương trình đào tạo nâng cao "chuyên gia chuyên nghiệp được chứng nhận", "Bachelor Professional" và "Master Professional". Ngoài ra, thậm chí nhiều người học nghề sẽ có thể được đào tạo bán thời gian.

Những lời khen ngợi cho những cái tên mới đến từ Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức (DIHK) - đây là một "tín hiệu mạnh mẽ cho sự tương đương của giáo dục nghề nghiệp và nền giáo dục đại học". Ngành công nghiệp thủ công cũng nói về "chỉ định đào tạo nâng cao hấp dẫn và quốc tế dễ hiểu".

Tuy nhiên, hiệp hội thương mại đã cảnh báo chống lại "sự nhầm lẫn" khi giới thiệu tên mới và chi phí bổ sung cho các công ty qua cách miễn trừ cho tất cả các học viên vào những ngày học nghề. Một gánh nặng khác cũng bị đe dọa bởi các miễn trừ được trả theo kế hoạch cho các giám khảo.

Công đoàn IG BAU đã hoan nghênh mức thù lao tối thiểu - đây vẫn còn là "quá ít" với 515 euro trong năm đầu tiên đào tạo. Ở đây, cơ quan lập pháp phải tăng thêm tiền. Đã có những lời khen ngợi về sự "vắng mặt" được đảm bảo cho trường dạy nghề và quyết định miễn phí cho tài liệu khóa học, cũng như thỏa thuận cho ngày nghỉ được trả lương trước kỳ thi cuối cùng.

Công đoàn NGG cho biết họ hy vọng rằng các quy tắc mới này sẽ cải thiện đáng kể. Liên minh cũng khen ngợi khoản trợ cấp giáo dục tối thiểu là "sự tiến bộ thực sự trong cuộc chiến chống lại giáo dục giá rẻ...".

*** Bộ trưởng Lao động Heil muốn nhanh chóng thực hiện phán quyết Hartz IV:**

KARLSRUHE (dpa AFX) 05.11.2019 - Bộ trưởng Lao động Liên bang Hubertus Heil muốn nhanh chóng thi hành phán quyết của Tòa án

Hiến pháp Liên bang về các lệnh trừng phạt của Hartz IV. Một số thay đổi là cần thiết ngay lập tức, sẽ được đàm phán ngay trong ngày với Cơ quan Việc làm Liên bang và các tiểu bang, chính trị gia SPD cho biết hôm thứ ba sau thông báo ở Karlsruhe.

Ông Heil đã nói về một phán đoán rất khôn ngoan và rất cân bằng. "Chúng ta có sự chắc chắn về mặt pháp lý, điều đó tạo ra hòa bình xã hội". Đồng thời, có một nhiệm vụ rõ ràng để phát triển hơn nữa phúc lợi nhà nước. "Và chúng tôi sẽ thảo luận trong liên minh với nhau trong hòa bình để đánh giá phán quyết, có nghĩa là sự phát triển lập pháp".

Heil cho biết ông dự đoán phán quyết sẽ có tác động đối với các biện pháp trừng phạt đặc biệt nghiêm trọng đối với những người trẻ tuổi thất nghiệp dưới 25 tuổi. Các thẩm phán đã từ chối việc hủy bỏ hoàn toàn các lợi ích về cơ bản. Ông luôn luôn thấy đúng về mặt chính trị rằng chi phí ăn ở sẽ không còn bị xử phạt, sự không chắc chắn để tồn tại là không tương xứng. "Và tôi tin rằng điều đó áp dụng, cho tất cả những ai cần bảo đảm cơ bản".

Bộ cũng muốn đánh giá bản án có ý nghĩa gì đối với việc xử phạt sự bỏ sót thủ tục ghi danh. Mặc dù chỉ có mười phần trăm lợi ích được tính ở đây, nhưng chúng đã cứng nhắc trong ba tháng. Heil cũng công bố nghiên cứu sâu hơn về tác động của lệnh trừng phạt Hartz IV.

Tòa án Hiến pháp đã ra phán quyết rằng việc cắt giảm lợi ích kéo dài hàng tháng đối với những người nhận trợ cấp Hartz IV, những người không hoàn thành nghĩa vụ của họ là một phần vi hiến và phải được giảm nhẹ.

Do đó, đánh giá của Bộ trưởng Lao động Liên bang Hubertus Heil cũng hỗn hợp. "Chúng ta tiếp tục trải qua một mức độ cao trong lịch sử của việc làm đối với bảo hiểm xã hội", chính trị gia SPD nhấn mạnh. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng sự suy thoái kinh tế toàn cầu có những hậu quả đầu tiên: ví dụ, bảo hiểm thất nghiệp, gánh nặng do sự bổ sung từ một số lĩnh vực của ngành sản xuất. Nếu mọi thứ trở nên tồi tệ, thị trường lao động Đức đã được chuẩn bị tốt hơn.

*** Lương hưu sẽ tăng từ tháng Bảy 2020:**

Berlin (dpa), 11.11.2019: Một ngày sau khi thỏa thuận liên minh về lương hưu cơ bản, cũng có tin tức mới cho hàng triệu người nhận thu nhập cao hơn. Trong năm tới họ có thể mong đợi nhiều tiền hơn.

- Khoảng 21 triệu người hưu trí có thể mong đợi mức lương tăng trong năm tới. Kể từ ngày 01

tháng 7 năm 2020, lương hưu ở Tây Đức dự kiến sẽ tăng 3,15% và ở miền đông nước Đức tăng 3,92%. Điều này xuất hiện từ một dự thảo cho báo cáo bảo hiểm hưu trí 2019, có sẵn tại Cơ quan báo chí Đức ở Berlin. Mạng biên tập Đức (RND) báo cáo đầu tiên về tin này.

Mức lương hưu hàng tháng là 1.000 euro, dựa trên đóng góp của phương Tây, dự kiến sẽ tăng thêm 31,50€, một mức lương hưu tương đương với đóng góp của phương Đông là 39,20 euro. Các số liệu là ước tính tại thời điểm hiện tại.

Nhìn chung, lương hưu, theo báo cáo từ năm tới sẽ tăng thêm vào năm 2033 với tổng số khoảng 36,4%. "Điều này tương ứng với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 2,2% mỗi năm". Mức độ bảo vệ, cho thấy tỷ lệ lương hưu so với tiền lương, hiện là 48,2%.

Về mặt pháp lý, việc giảm mức lương hưu dưới 48% vào năm 2025 được loại trừ. Lâu dài, theo báo cáo, mức lương hưu dự kiến sẽ giảm từ 45,7% vào năm 2030 xuống còn 44,5% vào năm 2033.

Lương hưu theo luật định sẽ vẫn là trọng điểm của kế hoạch hưu trí. Nhưng trong tương lai, lương hưu sẽ không đủ để tiếp tục với mức sống như lúc còn tuổi lao động khi về già. Một sự phòng ngừa bổ sung cho điều này là cần thiết.

Với sự chuyển đổi rất nhiều người có tuổi về hưu, sẽ có ít người đóng góp trả tiền vào quỹ lương hưu hơn trong vài năm tới. Tỷ lệ đóng góp cho quỹ hưu hiện nay là 18,6% dự kiến sẽ duy trì ổn định cho đến năm 2024. Năm 2025, theo luật, có thể không tăng trên 20%. Tỷ lệ đóng góp dự kiến sẽ tăng lên 19,8% vào năm 2025, nhưng sau đó tăng lên 21,3% vào năm 2030. Năm 2033, dự kiến sẽ là 21,9%.

Tin Ngắn

*** Nội các quyết định tăng tiền trợ cấp Hartz IV vào đầu năm:**

AFP: Người nhận Hartz IV sẽ nhận được thêm một ít tiền từ tháng 01 năm 2020. Nội các Liên bang đã phê duyệt việc tăng tỷ lệ tiêu chuẩn cho người thất nghiệp dài hạn từ 424 lên 432 euro. Bảo đảm cơ bản cho các cặp vợ chồng tăng từ 382 lên 389 euro cho mỗi người. Các nhóm xã hội, die Linke và Xanh chỉ trích rằng sự gia tăng là không đủ.

Quyết định cũng quy định mức giá cao hơn cho trẻ em của gia đình Hartz IV. Đối với trẻ em đến năm tuổi, tăng từ 245€ lên 250€. Trẻ em trong độ tuổi từ sáu đến 13 nhận thêm sáu euro

và do đó được 308 euro. Cho những người trẻ dưới 18 tuổi cũng tăng 6€ lên 328 euro.

Người lớn không làm việc dưới 25 tuổi sống trong gia đình của cha mẹ họ sẽ nhận được 345€ từ tháng 1 thay vì 339€ cho đến nay. Tỷ lệ này cũng áp dụng cho người lớn của các cơ sở điều trị nội trú.

* Ít hộp thư và bưu điện:

dpa: Ngành Bưu điện đã thay đổi nhiều trong hai thập niên qua: Thư ngày càng ít được viết và dịch vụ bưu kiện đang bùng nổ vì giao dịch "trực tuyến (online)". Các cửa hàng và mạng hộp thư đã trở nên mỏng hơn, nhưng không phải là gánh nặng của khách hàng, bưu điện nói.

Berlin (dpa) - Số lượng bưu điện ở Đức đã giảm trong gần 20 năm qua với hơn 900.

Điều này xuất hiện từ một trả lời của Chính phủ Liên bang đối với yêu cầu từ đảng Tả Khuynh (die Linke).

Năm 2000 vẫn còn 13.663 chi nhánh, trong nửa đầu năm nay 2019 có 12.744. Tuy nhiên, chúng bao gồm ngày càng ít bưu điện "chính thống" do tập đoàn và nhân viên của họ điều hành. Số lượng của họ đã giảm từ 6.000 xuống chỉ còn 1.000. 92% "chi nhánh" ngày nay được gọi là đại lý bưu chính của các nhà cung cấp tư nhân, ví dụ như trong các cửa hàng tạp chí hoặc xổ số. Trong khi đó, Post thậm chí chỉ hoạt động 596 chi nhánh trong năm 2012 và 2013, sau đó số lượng tăng trở lại.

Các hộp thư cũng ít đi: vào năm 2002 - theo chính phủ Đức, không có dữ liệu nào trước đó - có 130.000 và trong nửa đầu năm 2019 chỉ dưới 110.000 hộp thư màu vàng ở Đức.

Chính phủ Liên bang đề cập đến Quy chế dịch vụ phổ biến bưu chính trong thư trả lời. Điều này đòi hỏi một dịch vụ phổ quát: phải có ít nhất 12.000 "cơ sở văn phòng" để gửi thư trên toàn quốc, ít nhất là một ở tất cả các thành phố có hơn 2.000 cư dân, và ở mỗi huyện: một trên diện tích 80 km².

Việc cung cấp hộp thư cũng được quy định bởi pháp lệnh. Đối với cư dân trong khu dân cư xây dựng liền kề, hộp thư tiếp theo có thể không cách nhau quá một cây số (1 km).

• **LNC** (Munich Tháng 9+10 & 11)

Sưu tầm, phiên dịch từ các báo der Spiegel, SZ, FAZ, die Welt, Handelsblatt, Focus, internet, AFP, dpa...)

Bức tường Bá Linh sụp đổ 30 năm trước: Tuần lễ tưởng niệm ở Berlin bắt đầu

• Lê Ngọc Châu



Những người cổ vũ ngồi sau khi bức tường mở trên các cơ sở biên giới ở Cổng Brandenburg.

Dẫn nhập: Lịch sử luôn bất biến và tổ chức Lễ kỷ niệm về một sự kiện nào đó cũng là chuyện hiển nhiên và thường tình. Ngoài Nam - Bắc Hàn ra, Đức và VN trước đây giống nhau là cả hai quốc gia bị chia đôi. Tuy nhiên có sự khác biệt lớn rất rõ ràng là cs Bắc Việt cưỡng chiếm Nam VN (Việt Nam Cộng Hòa) bằng vũ lực do khối cộng sản quốc tế và Nga-Tàu cung cấp. Ngược lại Đức Thống Nhất bằng cuộc "Cách Mạng Ôn Hòa" không đổ máu và kẻ chiến thắng là Tây Đức. Khác với VN, kẻ chiến bại DDR được Tây Đức giúp không hận thù, chẳng "cải tạo hay bắt bỏ tù rục xương" binh lính, công an, mật vụ chìm hay giới cầm quyền DDR nói chung để từ đó người dân xứ cộng sản DDR hiện tại đang có đời sống sung túc, có đầy đủ nhân quyền. Năm nay, nhân 30 năm ngày bức tường Berlin sụp đổ, Đức tổ chức Tuần Lễ kỷ niệm trọng thể.

Nhân đọc bản tin do báo chí Đức loan tải nên tôi chuyển ngữ giới thiệu đồng hương biết một sự kiện lịch sử quan trọng của Đức. Người Đức hồi tưởng lại các cuộc biểu tình từ mùa thu năm 1989, khởi đầu cho cuộc "Cách Mạng Ôn Hòa" với sự can đảm của dân DDR khi chính họ đứng lên biểu tình liên tục một thời gian dài công khai chống lại chế độ độc tài đảng trị đưa đến sự sụp đổ của đảng SED cũng như chế độ cộng sản Đông Đức, kéo theo sự sụp đổ của toàn khối cộng sản Đông Âu sau đó.

Mời độc giả đọc bản tin sau đây. (LNC)

Ngày 9 tháng 11 năm 1989 chắc chắn chúng ta còn giữ mãi trong ký ức - một thế hệ đã trưởng thành.

Berlin (dpa) - Thủ đô Bá Linh (Berlin) hồi tưởng với một tuần lễ hội cho sự sụp đổ của bức tường 30 năm trước. Vào tối thứ Hai, Thị trưởng của Thủ đô Berlin, Michael Mueller (SPD) "khai trương" tuần lễ hội ở cổng Alexanderplatz.

Ở đó, chính xác là 30 năm trước, vào ngày 04 tháng 11 năm 1989, hàng trăm ngàn người Đông Đức đã biểu tình cho quyền Tự Do Ngôn Luận và Dân Chủ. Đó là cuộc biểu tình lớn nhất trong lịch sử DDR (cộng sản Đông Đức), vài ngày trước khi Bức tường Berlin sụp đổ. Ngày lịch sử trở nên sống động vào tối thứ Hai với màn trình diễn vĩ đại tại địa điểm chính ban đầu.

Theo phương châm "7 ngày - 7 địa điểm" các bài đọc, sự sắp đặt, nói chuyện của nhân chứng, gian hàng thông tin, phim và triển lãm được lên kế hoạch tại các địa điểm ở Berlin về cuộc cách mạng hòa bình cho đến ngày 09 tháng 11, như công ty Dự Án Văn Hóa (Kulturprojekte GmbH) đã công bố.

Thượng nghị sĩ văn hóa Klaus Lederer (đảng Tả Khuynh/die Linke) biện minh cho khái niệm "phi tập trung" bằng cách nói rằng tình hình ở Đức đã thay đổi. Từ tinh thần lạc quan trước đây đã trở thành suy nghĩ và sự quan tâm đến việc giữ gìn dân chủ. Để kỷ niệm 30 năm ngày Bức tường Berlin sụp đổ, những quả bong bóng phát sáng dọc theo biên giới cũ đã trở dậy trong một hành động ngoạn mục trên bầu trời đêm.

Chủ tịch Nghị viện, Ralf Wieland, đã mời vào tối thứ Hai một cuộc thảo luận về hậu quả của cuộc cách mạng hòa bình trong Quốc hội tiểu bang. Ở đó, cựu đối thủ cộng sản Đông Đức, bà Marianne Birthler được mong đợi. Vào thời điểm đó, bà ta là một trong những diễn giả tại Alexanderplatz. Nữ Ca sĩ Uschi Bruening, nhạc sĩ sáng tác Gerhard Schoene và nhạc sĩ Lukas Natschinski sẽ tổ chức buổi hòa nhạc sau đó.

Trước đó, Thượng nghị sĩ đặc trách Văn hóa Klaus Lederer (đảng Tả Khuynh/die Linke) sẽ trình bày một tác phẩm nghệ thuật sắp đặt tại Cổng Brandenburg. Khoảng 30.000 ghi chú với tầm nhìn, mong muốn hoặc tin nhắn từ mọi người được nối kết với một Đám Mây Tự Do dài 150 mét, trải dài trên đường phố mang tên ngày 17 tháng Sáu. Hành động hồi tưởng các cuộc biểu tình từ mùa thu năm 1989 qua các biểu ngữ. Vào thứ hai, một cuộc triển lãm mang tên "Freiheitslinie U5 (*tạm dịch Dòng Tự Do U5*). Điểm dừng tiếp theo Tự do?» được khai trương tại ga tàu điện ngầm ở đường Schillingstraße.

Điểm nổi bật của tuần sẽ là một chương trình sân khấu lớn tại Cổng Brandenburg vào tối ngày 09 tháng 11 với bản giao hưởng số 5 của Ludwig van Beethoven. Tổng thống Liên bang Frank-Walter Steinmeier và bà Birthler cũng sẽ nói chuyện với người dân ở đó.



Steinmeier và Thủ tướng Đức Angela Merkel (CDU) dự đoán sẽ được chờ đợi trong lễ kỷ niệm chính vào ngày kỷ niệm tại Đài tưởng niệm "Mauer/bức tường) trên đường Bernauer Straße". Ở đó cũng sẽ thấp nển. Điều này là để tôn vinh sự can đảm của phe đối lập DDR, khiến cho cuộc cách mạng hòa bình trở nên khả thi, Tổ chức Bức tường Berlin cho biết.

Trong tuần lễ hội, người dân Berlin (Bá Linh) có thể đắm mình vào quá khứ trên "Con đường của Cách mạng" hoặc tham gia vào các cuộc thảo luận và buổi hòa nhạc. Ngoài Alexanderplatz, các dự án văn hóa bao gồm Cổng Brandenburg, Nhà thờ Gethsemanekirche và trụ sở cũ của Stasi.

Kurfuerstendamm ở Tây Bá Linh cũ cũng là một trong những nơi mang tính cách mạng. Đại lộ là điểm đến đầu tiên của nhiều người Đông Đức ngay sau khi Bức tường Bá Linh sụp đổ. Trong Nhà thờ Gethsemanekirche, mọi người dân Đông Đức đã gặp nhau trước thời điểm cuối của DDR (cộng sản Đông Đức) để cầu nguyện và hòa nhạc.

Cũng được phát triển là một ứng dụng (App) truyền tải dấu tích ba chiều về biên giới Berlin dài gần 160 km giữa Đông-Tây. Các chi phí của chương trình kỷ niệm đã được nghị viện ước tính vào khoảng mười triệu euro.

Sau khi xây dựng Bức tường vào ngày 13 tháng 8 năm 1961, sự phân chia Đức tồn tại hơn 28 năm. Theo phát hiện khoa học có ít nhất 140 người đã chết cạnh bức tường Bá Linh bởi "chế độ biên giới DDR". Trong một nghiên cứu khác, theo đó ít nhất 327 người đã thiệt mạng ở biên giới Đức-Đức, sự nghi ngờ đã xuất hiện gần đây.

© Lê Ngọc Châu (Nam Đức, chiều 05.11.2019)
- Uri: Theo dpa, Sun., ngày 03 tháng 11.2019

* Giáo trình đại học in hình lười bò:

Ngày 3/11/2019, trường đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội đã lên tiếng giải thích về việc suốt 3 năm liền sử dụng giáo trình in đường lười bò làm tài liệu giảng dạy cho sinh viên khoa Tiếng Trung và Tiếng Nhật. Ông Vũ Văn Hóa, Hiệu phó nhà trường biện minh rằng, suốt thời gian qua trường không hề nhận được phản ánh gì của sinh viên. Còn trên trang báo mạng Zing, ông Hóa lại nói rằng, giáo trình có in hình lười bò là giáo trình mới được trường mua vào đầu năm học 2019 - 2020. Sau khi sự việc được phát hiện, nhà trường đã có quyết định thu hồi lại tất cả các giáo trình, kể cả những cuốn đã bán cho sinh viên. Lỗi của sự việc trên được ông Hóa cho là do nhà xuất bản, còn nhà trường chỉ là khách hàng mua về. Một Hiệu phó khác - ông Hà Đức Trụ cho rằng, phía nhà trường chưa biết ai đã mua những giáo trình trên, nhưng trách nhiệm thuộc về Ban Chủ nhiệm khoa Tiếng Trung và Tiếng Nhật. Trước đó, sinh viên của trường phát hiện tại trang 36 của cuốn giáo trình Đọc sơ cấp 1 "Developing Chinese" bài 7 đã in hình lười bò. Sau đó, sinh viên đã báo lên Ban giám hiệu. Được biết, trong thời gian gần đây, đã xảy ra nhiều trường hợp các sản phẩm in hình lười bò của Trung Cộng xuất hiện ở Việt Nam với nhiều hình thức khác nhau như: ấn phẩm quảng cáo du lịch, bản đồ định vị xe hơi, Atlas Địa lý và cả sổ thông hành. (*vnexpress.net*)

* 7 tấn chần, gỏi, nộm "Việt Nam" được sản xuất tại Trung Cộng:

Ngày 2/11/2019, hải quan cảng Sài Gòn cùng phòng cảnh sát kinh tế 7, và biên phòng tại Sài Gòn phát hiện 1 lô hàng chứa 7 tấn chần, gỏi, nộm do công ty trách nhiệm Cao su Talalay Việt Nam nhập cảng của Trung Cộng có vấn đề. Phía công ty nhập cảng nói rằng số hàng trên có nguồn gốc từ Trung Cộng, với giá trị gần 600 triệu đồng. Tuy nhiên, khi các cơ quan kiểm tra thì phát hiện trên tất cả các sản phẩm đều dán nhãn ghi xuất xứ Việt Nam. Ngay sau đó, hải quan cảng Sài Gòn đã tạm giữ số hàng trên, củng cố hồ sơ để giải quyết theo luật pháp. Nhiều năm qua, các công ty tại Việt Nam đã

nhập hàng hóa Trung Cộng về trong nước, rồi thay nhãn mác là xuất xứ Việt Nam để lừa người tiêu hàng trong nước, hoặc xuất cảng đi ngoại quốc. Vừa qua công ty Asanzo không chỉ nhập linh kiện Trung Cộng về Việt Nam lắp ráp, ghi sản xuất tại Việt Nam, mà công ty này còn ghi là "công nghệ Nhật Bản". Đồng thời, đại diện Asanzo còn lên truyền thông tuyên bố đã được công ty Sharp của Nhật tại Việt Nam đồng ý chuyển giao công nghệ. Sự việc khiến Sharp Việt Nam bất mãn, gửi đơn kiện tới công an về sự dối trá của công ty này. Trở lại chuyện lô hàng chần, gỏi, nộm của công ty Cao su Talalay, khác với các công ty khác, phía Cao su Talalay không cần mang về nước thay nhãn mác, mà thực hiện luôn tại Trung Cộng. (*www.sbtn.tv*)

* Phó Thủ Tướng CSVN bị Nigeria từ chối lời chào hàng bán gạo:

Ngày 1/11/2019, ông Adams Oshiomhole, Chủ tịch đảng cầm quyền Nigeria ở châu Phi đã thẳng thừng từ chối lời mời mua gạo của ông Vương Đình Huệ, Phó Thủ Tướng CSVN. Trước đó, vào ngày 29/10, ông Huệ đã dẫn đầu phái đoàn CSVN đến chiêu dụ ông Adams Oshiomhole mua gạo Việt Nam, kèm lời hứa sẽ được chiết khấu phần hàng. Nhưng phía Nigeria đã thẳng thừng từ chối, vì không muốn tiếp nhận các sản phẩm chứa hóa chất không mong muốn, và vì an ninh lương thực của quốc gia này. Ông Oshiomhole khẳng định, Chính phủ Nigeria sẽ không để đất nước mình bị biến thành bãi thải chứa hóa chất không mong muốn, hay hàng hóa kém chất lượng của bất kỳ quốc gia nào. Nigeria không muốn trở thành bể rác lương thực nhập cảng, gạo nhập cảng và các hóa chất khác.

Lời chào hàng của ông Huệ không chỉ bị từ chối, mà còn bị ông Samuel Odusami, một nhà chính trị ở Lagos bình luận trên trang Twitter rằng: đó là lời đề nghị vô lý, đáng xấu hổ nhất, lỗ bịch và xúc phạm nhất mà ông từng biết. Được biết, gần 2 năm trở lại đây, lúa gạo Việt Nam đã bị phía Trung Cộng siết chặt và giảm mua rất nhiều so với trước đây, khiến mặt hàng nông sản của chủ lực của Việt Nam bị lao đao. Nhà cầm quyền CSVN đang phải tìm thị trường mới. (*An Nhiên-sbtn*)

* 90 công ty tư vấn du học sinh Việt Nam bị Nhật Bản chặn đơn xin visa:

Ngày 1/11/2019, Tòa đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam đã có thông báo về việc đình chỉ 90 công ty

tư vấn du học sinh Việt Nam làm đại diện xin cấp visa đi Nhật. Trong 90 cơ sở này, có những cơ sở bị đình chỉ có thời hạn, và có những cơ sở bị đình chỉ vô thời hạn. Ngoài việc bị đình chỉ xin cấp visa cho người đi du học và lao động, các cơ sở còn bị đình chỉ tất cả các hoạt động có liên quan để được vào Nhật. Đây không phải là lần đầu tiên các công ty Việt Nam bị Nhật Bản không chấp nhận làm đại diện xin visa. Trước đó, Đại sứ quán Nhật đã nhiều lần đưa ra danh sách các công ty bị bác bỏ làm đại diện nộp hồ sơ xin visa có thời hạn. Đại sứ quán Nhật đã khẳng định thông tin về việc tổ chức giảng dạy tiếng Nhật có chương trình học bổng cho học sinh trung học phổ thông ở Việt Nam với một công ty môi giới du học Nhật Bản ở Hà Nội là không đúng. Đây chỉ là thông tin do công ty Việt Nam tự đưa ra, để dụ dỗ, lừa các học sinh trên địa bàn Hà Nội.

*** Đã khốn đốn vì Formosa, Hà Tĩnh vẫn muốn Trung Cộng đầu tư cảng Vũng Áng:**

Ngày 02/11/2019, nhà cầm quyền tỉnh Hà Tĩnh cam kết tạo thuận lợi cho Tập đoàn Cảng Hạ Môn của Trung Cộng mở tuyến tàu container đến Vũng Áng, và đầu tư logistics tại địa phương vốn đang khốn đốn vì ô nhiễm môi trường gây ra bởi Tập đoàn Hóa chất Formosa năm 2016. Báo chí nhà nước cộng sản đưa tin trong buổi gặp gần đây giữa ban lãnh đạo tỉnh và đại diện của Tập đoàn Cảng Hạ Môn. Phía Trung Cộng mong muốn mở tuyến container từ cảng Hạ Môn, thuộc tỉnh Phúc Kiến sang cảng Vũng Áng. Dương Tất Thắng, Phó Chủ tịch tỉnh Hà Tĩnh, hứa sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tập đoàn này và các nhà đầu tư khác thực hiện những dự án cảng biển, trung tâm hậu cần, ngành công nghiệp hậu thếp vào khu kinh tế Vũng Áng. Tuyên bố của ban lãnh đạo Hà Tĩnh khiến nhiều người lo ngại về dòng vốn Trung Quốc, và các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia do tầm quan trọng của Vũng Áng, khu vực có vị trí chiến lược hết sức quan trọng vì từ đây có thể bao quát toàn bộ khu vực Biển Đông. Nếu Trung Cộng không chế được Vũng Áng thì việc chia cắt Việt Nam thành 2 phần rất dễ dàng. Một số nhà phân tích cho rằng Việt Nam cần thận trọng trong phát triển cảng biển. Vì hiện nay nhiều tỉnh ven biển cố gắng xây thật nhiều cảng biển mà không xét đến quy hoạch và bài toán kinh tế. Trung Cộng muốn khống chế Việt Nam bằng đầu tư vào những vị trí trọng điểm. Và Vũng Áng là một mục tiêu của Bắc Kinh. Cũng nên để ý Vũng Áng là cảng tiếp nhận sản phẩm của hai nhà máy Aluminum ở cao nguyên Trung Phần để chuyển sang Trung Cộng.

Việt Nam đang khai thác bôxít, chế biến và xuất khẩu sang Trung Cộng, cho dù lỗ nặng và tàn phá môi trường và sản xuất ở cao nguyên.

Nguồn: VOA Tiếng Việt, vnexpress.net, vietnamnet, Zing

*** Phát hiện đường dây đưa người vào Mỹ với giá 36.000 USD:**

Hôm 02/10/2019, một đường dây lừa đảo và hứa hẹn đưa người vào Hoa Kỳ với chi phí 36.000 Mỹ kim/một người đã bị phát hiện tại Thừa Thiên, Huế. Bùi Thị Thu Hồng, giám đốc Công ty Thương Mại – Dịch Vụ - Tư Vấn – Đào Tạo Hoàng Phát, cùng chồng Nguyễn Khắc Trọng đứng đầu đường dây này, còn Nguyễn Văn Chương là một trong nhiều kẻ môi giới. Bằng đảng của Hồng đã lừa đảo được ít nhất 4 người. Sau khi nộp tiền cho công ty của Hồng, những người này được đưa từ cửa khẩu Nội Bài sang Mã Lai và Chí Lợi. Tại đây, 4 người gặp bà Hồng và bà này đã mua sổ thông hành của Chí Lợi cho họ và đưa họ sang Ecuador và Cuba. Họ được bà Hồng hứa hẹn sẽ đưa sang Mexico và Guyana rồi vào Mỹ. Bà Hồng nói với những người vượt biên là khi vào được Mỹ, họ sẽ để cảnh sát sờ tại bắt giữ, tuy nhiên, người quen của bà Hồng đang sống tại Mỹ sẽ thuê luật sư bảo lãnh để họ được tự do. Những người tham gia vào hành trình kể trên phải trả tiền cho bà Hồng sau mỗi chặng hoàn thành, và tổng cộng là 36.000 Mỹ kim mỗi người nếu họ đặt chân lên Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tại Cuba, 4 người lo sợ và báo cho Tòa Đại sứ Việt Nam ở La Habana và được đưa trả lại về Việt Nam. Công an tỉnh Thừa Thiên-Huế đã khởi tố bị can vợ chồng bà Hồng và kẻ môi giới tên Chương. Hoa Kỳ là một trong những quốc gia mà nhiều người Việt Nam muốn đến định cư do cuộc sống khó khăn và thiếu tự do ở quê nhà. Hàng trăm nghìn người đang tìm cách trốn khỏi Việt Nam bằng nhiều con đường: đầu tư, lao động có giấy phép, và vượt biên. Trong cuộc di cư lậu, nhiều người đã phải trả bằng tính mạng. Và vụ 39 người bị chết ở Essex là một minh chứng rõ nhất. *(Tin SBTN)*

*** Các thi thể trong xe vận tải ở Essex chỉ là "bề nổi của tảng băng trôi":**

Ngày 18/6/2000, từng có một chiếc xe vận tải đến Dover. 19 năm sau, vào ngày 23/10/2019, lại một chiếc xe vận tải nữa đến Purfleet. Những chiếc xe vận tải trong cả hai trường hợp đều chứa đầy những xác người. 19 năm trước, chỉ có 2 người trong số 60 người sống sót. Lần này, tất cả 39 người Việt đều thiệt mạng. Họ rất có thể

đã bị đóng băng thành đá cho đến chết. Cảnh sát ở Anh Quốc và Bỉ hiện đang điều tra một hoạt động buôn lậu người đa quốc gia có thể bắt nguồn từ Bắc Ireland. Tổ chức Lao động Quốc tế ước tính hiện có hơn 40 triệu nạn nhân của nạn buôn người. Văn phòng Liên Hiệp Quốc về Ma túy và Tội phạm cho biết rằng hai trong số các tuyến đường buôn lậu chính - Châu Phi đến Châu Âu và Nam Mỹ đến Bắc Mỹ - tạo ra gần 7 tỷ Mỹ kim mỗi năm. Ông David Wood, cựu giám đốc cơ quan di trú của Home Office, cho rằng có hàng chục ngàn người bị buôn bán vào Anh Quốc mỗi năm, cùng với những người giả mạo giấy tờ du lịch và những người cố tình quá hạn visa, có lẽ có hơn 100.000 người di dân bất hợp pháp mỗi năm. Các tổ chức đấng sau đang điều hành các công ty tinh vi, với một mạng lưới trinh sát trên khắp thế giới. Họ có đại lý ở nhiều quốc gia như Trung Cộng, Châu Phi, Sahara, A Phú Hãn, Ấn Độ... Họ tiếp xúc những người có cuộc sống khó khăn và hứa hẹn về một viễn cảnh tươi đẹp. Những người cả tin này bán tất cả tài sản để đi theo họ với niềm tin sẽ kiếm được nhiều tiền và gửi về nhà. Những đường dây này hoạt động ngày càng tinh vi. Ở Pháp, khi cảnh sát dọn sạch các trại của những người xin tỵ nạn đóng gần Calais, những người buôn lậu liền chuyển trọng tâm hoạt động sang nơi khác. Vì vậy các chính phủ cần phải phối hợp với nhau và hoạt động "nhanh nẹn hơn".

(www.sbtn.tv)

*** Dự án đường sắt Cát Linh-Hà Đông vay gần 900 triệu USD của Trung Cộng:**

Ngày 1/11/2019, chính phủ CSVN vừa gửi báo cáo về dự án tuyến hỏa xa Cát Linh-Hà Đông ở Hà Nội sang cơ quan Quốc hội. Theo đó, năm 2008, dự án được bộ Giao thông vận tải phê duyệt mức tiền đầu tư là 8,7 ngàn tỷ đồng (552,86 triệu Mỹ kim), trong đó vay Trung Cộng hơn 400 triệu Mỹ kim. Dự án có chiều dài 12,5km, do nhà thầu Trung Cộng thực hiện, và dự trù đến năm 2013 sẽ đi vào hoạt động. Tuy nhiên, đến năm 2016 dự án vẫn chưa xong và được điều chỉnh số tiền lên 18,792 ngàn tỷ đồng (891,92 triệu Mỹ kim), trong đó số tiền vay của Trung Cộng được tăng lên là 13,78 ngàn tỷ đồng (669 triệu Mỹ kim). Đến năm 2019, dự án đã được thực hiện 99%. Dự trù đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, dự án sẽ được hoàn thành. Tuy nhiên, mốc thời gian này là khó khả thi và có thể không được hoàn thành như dự trù. Dự án dù chưa được vận hành, nhưng một số hạng mục của dự án đã có biểu hiện hư hại, xuống cấp.

Theo báo Nhà đầu tư, dự án chưa vận hành nhưng nhà cầm quyền mỗi năm đã phải trả số tiền lãi và gốc khoảng 650 tỷ đồng cho phía Trung Cộng. Và khoản nợ này được bắt đầu trả từ tháng 1/2016 đến ngày 15/11/2025. Dù tình cảnh dự án với Trung Cộng tệ hại như vậy, vào ngày 22/10/2019, Ông Nguyễn Văn Thế, Bộ trưởng Giao thông vận tải cho biết, đơn vị này đang tiếp tục nghiên cứu làm kéo dài thêm tuyến đường hỏa xa Cát Linh-Hà Đông đến Xuân Mai với quãng đường 20km.

(www.sbtn.tv)

*** Tin tặc tấn công hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước Việt Nam**

Tin từ Hà Nội, ngày 31/10/2019: Cục an toàn thông tin của Bộ thông tin & truyền thông của nhà nước CSVN công bố: hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước Việt Nam đã bị tấn công mạng bởi mã độc một cách có tổ chức, từ một máy chủ đặt bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Dẫn lời ông Nguyễn Khắc Lịch, phó cục trưởng Cục an toàn thông tin, truyền thông nhà nước cộng sản Việt Nam viết đơn vị này đã xác định hơn 400 ngàn địa chỉ IP bị lây nhiễm với hơn 16 biến thể mã độc trong chiến dịch tấn công này. Mã độc được phát tán vào Việt Nam chủ yếu lây nhiễm qua đường email, đánh lừa người dùng nhấn vào file Word (.doc) đính kèm với mục tiêu đánh cắp thông tin, và huy động tạo thành mạng máy tính tấn công vào hệ thống lớn. Cục đã yêu cầu các đơn vị là mục tiêu của cuộc tấn công áp dụng các biện pháp để khắc phục và phòng vệ. Cách đây 2 tuần, cục này nói có gần 1.470 cuộc tấn công mạng vào hệ thống thông tin tại Việt Nam trong quý 3 năm 2019, giảm gần 40% so với thời gian cùng kỳ năm 2018. Thông tin này trái với số liệu của Công ty Công nghệ Nền tảng An ninh mạng CyStack. Theo CyStack, Việt Nam ở vị trí thứ 10 các nước bị tấn công mạng nhiều nhất trên thế giới trong quý III/2019, tăng 113% so với năm trước. Dường như phần lớn các vụ tấn công có nguồn gốc từ Trung Cộng. Ngoài ra, một số công ty an ninh mạng thế giới cho biết chính nhà cầm quyền CSVN đứng đằng sau nhiều cuộc tấn công mạng nhằm vào giới bất đồng chính kiến và các tổ chức phi chính phủ.

(Quốc Tuấn- sbtn)

*** Cống chống ngập gây ngập cho 100 nhà dân khi vận hành thử:**

Vào chiều ngày 29 và 30/10/2019, Ban cai quản dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu thực hiện thử nghiệm công trình

chống ngập, nhưng sự việc đã khiến cho 100 nhà dân bị ngập nặng. Mục đích thử nghiệm của Ban cai quản là xem công trình chống ngập, mà đã được xây dựng với số tiền 153 tỷ đồng, có thể ngăn được con nước lớn từ biển Nhà Mát chảy tràn vô thành phố Bạc Liêu hay không. Khi thực hiện ngăn cống chống ngập, mực nước hai bên cống có sự chênh lệch ngày càng cao. Đồng thời vào thời điểm đỉnh triều dâng, nước biển dâng cao chảy tràn lên bờ, tràn vào nhà dân và gây ngập 100 căn nhà ở hai khóm Chòm Xoài, và Bờ Tây, thuộc phường Nhà Mát, tp Bạc Liêu. Sự việc khiến nhiều người dân bất mãn, vì nước ngập vào nhà quá nhanh làm họ không kịp trở tay, nhiều vật dụng trong nhà bị hư hỏng. Trước khi vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư công trình đã không lường trước được sự việc.

*** Hành trình vượt biên sinh tử đến Anh Quốc của người Việt Nam:**

Việc 39 thi thể được phát hiện bên trong một chiếc thùng xe (container) vào hôm 23/10/2019 đã làm rúng động toàn thế giới và đặt lại một vấn đề cũng không mới: Nạn buôn người.

Theo Reuters đưa tin, những người tham gia có thể lựa chọn 2 con đường: Đường VIP hoặc đường cỏ. Ông Nguyễn Đình Gia, cha của một trong những người được cho là bị thiệt mạng tại Essex cho hay, nếu như đi theo đường "VIP" thì có 1% khả năng bị bắt. Đây là con đường an toàn nhất và cũng là đắt đỏ nhất. Nếu đi theo đường cỏ thì nhiều khả năng sẽ thiệt mạng. Ông chia sẻ việc 39 người đi trong thùng xe chính là con đường cỏ. Con đường VIP sẽ để cho những người có liên quan nhập cảnh Anh Quốc một cách bất hợp pháp bằng việc sử dụng passport của một người khác, hoặc một passport ngoại giao giả. Cô Mimi Vũ, luật sư chống buôn người tại Saigon cho biết thông thường, con đường sẽ là từ Việt Nam sang Trung Cộng rồi tới Nga. Cô nói thêm rằng khi tới Nga, họ sẽ phải đi bộ sang các nước láng giềng như Ukraine hay Latvia, phải băng rừng vượt núi vào ban đêm. Sau đó, những người này sẽ di chuyển từ các quốc gia Đông Âu tới Đức tập trung trước khi sang Pháp để vượt biên sang Anh. Thông thường để di chuyển từ Pháp sang Anh, nếu đi đường VIP sẽ phải chi cho nhóm buôn người khoảng 11.000 bảng Anh, còn đường cỏ chỉ tốn khoảng 3.000 bảng.

Ông Nguyễn Đình Gia khẳng định rằng ông đã trả cho nhóm buôn người 14.000 bảng Anh cho con đi đường VIP. Nhưng ông không biết vì sao con mình lại ở trong thùng xe.

Cô Mimi Vũ cho biết các gia đình thường chi trả cho dịch vụ VIP, vì họ nghĩ rằng đây sẽ là con đường an toàn. Tuy nhiên họ không hề biết rằng con của họ có thể ở bên trong thùng xe vận tải, như những người trả tiền cho đường cỏ.

(Theo sbtn)

*** CSVN trả 7 tội phạm cho Trung Cộng giống "quí tộc đi du lịch":**

Ngày 26/10/2019, phòng Cai quản xuất nhập cảng cùng công an tỉnh Lào Cai và Biên phòng Lào Cai đã trao trả 7 người Trung Cộng phạm tội tại Việt Nam cho công an Hà Khẩu, tỉnh Vân Nam, Trung Cộng. Phía Việt Nam còn bàn giao toàn bộ chứng cứ, tang vật thu được của các phạm nhân trên cho công an Trung Cộng. 7 tên này gồm: Trịnh Tùng Xuyên (36 t); Châu Tây Bằng (28 t); Vương Hải Linh (33 t); Vương Tiến (28 t); Dương Long (39 t); Liễu Ngọc Bảo (41 t), và Điền Trân Ý (30 t). Các tên này đã nhập cảnh vào Việt Nam, và thuê nhà tại thành phố Lào Cai để tổ chức đánh cờ bạc qua mạng. Đến ngày 21/10 vừa qua, phòng Cai quản xuất nhập cảng cùng một số đơn vị khác vào kiểm tra căn nhà họ thuê ở. Qua kiểm tra, nhà chức trách phát hiện, và thu giữ nhiều máy tính, thiết bị phát wifi, điện thoại dùng phục vụ đánh bạc. Các đối tượng sau đó bị bắt giữ. Chúng khai báo trong khoảng 1 tháng qua đã thực hiện giao dịch một lượng tiền ảo lên đến 2.000 vạn nhân dân tệ, tương đương 70 tỷ đồng tiền Việt. Điều đáng chú ý trong suốt quá trình trao trả, những tên tội phạm này không bị khóa tay, mà ăn mặc như khách du lịch hạng sang kéo theo những vali cá nhân. Trong nhiều tháng gần đây, hàng trăm tội phạm Trung Cộng bị trục xuất mà không hề bị xét xử về những tội mà chúng đã thực hiện ở Việt Nam. Trong khi nhân dân Hong Kong phải đổ máu để phản đối dự luật dẫn độ với Trung Cộng, thì CSVN đã ký hiệp định dẫn độ với Trung Cộng năm 2015 và đang thực hiện hiệp định này một cách khó hiểu: Trục xuất tất cả tội phạm không qua xét xử, cho dù chúng vi phạm pháp luật của Việt Nam. Điều này vi phạm chủ quyền quốc gia, làm cho người Trung Cộng thoải mái vi phạm luật pháp của Việt Nam, mà không sợ bị trừng phạt. Một nhà phân tích cho rằng nhiều hành động của nhà cầm quyền CSVN khiến Việt Nam giống như một tỉnh của Trung Cộng. Giới bất đồng chính kiến có lý khi họ nghi ngờ về Hiệp ước Thành Đô giữa hai đảng cộng sản Việt Nam và Trung Cộng năm 1990, với việc Việt Nam sẽ sát nhập vào Trung Cộng năm 2020!

(www.vietbf.com)



IN HẸ GIỚI

• Quảng Trực phụ trách

* Biểu tình lan rộng, làm tê liệt hoạt động nhiều nơi tại Hong Kong:

Hôm 14/11 Reuters cho hay những cuộc biểu tình phản đối chính phủ của người dân Hong Kong đã lan rộng khắp thành phố và làm tê liệt nhiều phần của thành phố trong ngày thứ 4 liên tiếp. Hàng trăm người trẻ, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên các trường đại học mặc đồ đen và được trang bị vũ khí, chất các đồ, bàn ghế làm rào cản trên các đường phố Hong Kong. Những người biểu tình đeo mặt nạ chống hơi cay và mũ bảo hiểm, gỡ gạch vỉa hè và ném về phía cảnh sát, trong khi những người khác ném bom xăng. Những người biểu tình cho biết họ muốn biểu tình ôn hòa, nhưng đã bị đối xử thô bạo bởi cảnh sát và họ cần vũ khí để tự vệ. Cơ quan Giáo dục Hong Kong hôm 14/11 cho biết tất cả các trường học ở thành phố sẽ đóng cửa từ ngày thứ Sáu 15/11 đến Chủ Nhật 17/11. Để giải tán biểu tình, cảnh sát Hong Kong đã sử dụng hơi cay và đạn. Cảnh sát cho biết họ đã dùng 578 loạt hơi cay và 471 loạt đạn cao su và các loại khác vào hôm 13/11, hai cảnh sát đã bị thương. Những cuộc biểu tình phản đối chính quyền, đòi dân chủ và phản đối sự can thiệp của Bắc Kinh kể từ ngày 9/6, đã kéo dài suốt hơn 4 tháng qua và đến giờ vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Đã có ít nhất 3 người biểu tình bị thương do trúng đạn của cảnh sát. Và hơn 2.400 người liên quan đến những cuộc biểu tình bị bắt giam. Tin thêm, hôm 28/10 nhà báo Hong Kong Amy Ip đã đọc tuyên bố chỉ trích cảnh sát Hong Kong đã sử dụng vũ lực đối với báo chí, ngăn cản phóng viên thực hiện nhiệm vụ. Cô Ip đã sử dụng đèn pin có độ sáng mạnh rọi thẳng vào mặt những sĩ quan cảnh sát trong cuộc họp báo và nói rằng đó chính là cách mà cảnh sát đã làm với các phóng viên để họ không thể nhìn thấy những sai trái mà cảnh sát đang làm. "*Đêm qua, nhiều cảnh sát chống bạo động đã ngăn cản chúng tôi đưa tin, đẩy chúng tôi ra một cách vô lý và gỡ mặt nạ chống hơi cay của chúng tôi, xịt hơi cay và bắn đạn cao su vào chúng tôi, khiến nhiều phóng viên bị thương. Một phóng viên đã bị tạm giữ suốt 7 giờ đồng hồ..*", cô Ip cho biết. Cuộc họp báo đã phải tạm ngưng

khi những sĩ quan cảnh sát rời họp báo. Cô Ip sau đó bị dẫn ra khỏi phòng họp báo. Một số phóng viên đã thực hiện một cuộc tuần hành sau đó để phản đối.

* Đặc sứ Hoa Kỳ lên án hành động đe dọa của Trung Quốc ở Biển Đông:

Đặc sứ Hoa Kỳ Robert O'Brien vào ngày 4/11 lên tiếng tố cáo hoạt động đe dọa của Trung Quốc tại Biển Đông. Tố cáo của ông Robert O'Brien - Cố vấn An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ - được đưa ra tại thượng đỉnh ASEAN - Hoa Kỳ ở Bangkok, Thái Lan. Ông Robert O'Brien cho rằng Bắc Kinh sử dụng biện pháp đe dọa nhằm cố ngăn chặn việc khai thác nguồn tài nguyên biển khơi của các quốc gia ASEAN, chặn việc tiếp cận trữ lượng dầu khí trị giá 2,5 ngàn tỷ đô la. Đặc sứ Robert O'Brien nhân dịp này cũng chuyển lời mời của TT Hoa Kỳ Donald Trump mời các lãnh đạo ASEAN đến Hoa Thịnh Đốn tham dự một cuộc họp đặc biệt vào một thời điểm thuận tiện vào quý đầu năm 2020. Cũng tin liên quan, vào ngày 3/11, Bộ Trưởng Quốc Phòng Phi Luật Tân lên tiếng yêu cầu Trung Quốc tôn trọng luật hàng hải quốc tế nếu muốn giành được sự tôn trọng của cộng đồng thế giới. Kêu gọi của người đứng đầu ngành quốc phòng Phi Luật Tân được đưa ra sau khi tàu chiến Trung Quốc cố ngăn chặn một tàu chở dầu đi ngang qua khu vực gần bãi cạn Scarborough ở Biển Đông. Bộ Trưởng Quốc Phòng Phi Luật Tân, Delfin Lorenzana, cho rằng bãi cạn Scarborough nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Phi Luật Tân và theo phán quyết của Tòa Trọng Tài Thường Trực Quốc Tế ở La Haye hồi tháng 7/2016 thì đây là khu vực đánh cá chung. Hôm 30/9, tàu Green Aura của Hy Lạp mang cờ Liberia cùng thủy thủ đoàn tất cả đều là người Phi Luật Tân khi đang trên đường từ Thái Lan đi Trung Quốc qua Biển Đông thì bị một chiến hạm Trung Quốc cảnh báo rằng sẽ chống lại hoạt động đi qua vùng biển tranh chấp đó.

* Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc nói về vụ 39 thi thể người Việt

Tại cuộc họp báo trong khuôn khổ thượng đỉnh ASEAN-Liên Hiệp Quốc tại Bangkok hôm 3/11, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc António Guterres lên tiếng về vụ 39 thi thể người Việt trong xe container ở hạt Essex và nạn buôn người mà ông mô tả là "tội ác còn ghê tởm hơn buôn ma túy". Trả lời câu hỏi: "*Ông có bình luận gì về vụ hàng chục người Việt Nam chết trên xe tải ở Anh và các nước đã làm đủ để chống lại những mạng lưới buôn người tinh vi mà ông đề*

cập dẫn đến những thảm kịch như thế này?"; ông Guterres đáp: "Vâng, như tôi đã nói, trước hết, chúng tôi cần tổ chức việc di dân vì nếu quý vị tổ chức di dân, nếu việc di dân là hợp pháp, những kẻ buôn người sẽ không thể làm ăn được. Bởi vì không có đủ việc di dân có tổ chức nên những kẻ buôn người làm ăn được và đây là việc làm ăn đem lại lợi nhuận cao. Và vì vậy, chúng ta không chỉ cần tổ chức di dân mà còn tăng cơ hội di dân hợp pháp. Nhưng chúng ta cần phải có một sự hợp tác quốc tế hiệu quả hơn nhiều liên quan đến tình trạng buôn người. Tôi muốn thấy sự cam kết về hợp tác quốc tế của cảnh sát, cơ quan tình báo, cơ quan an ninh các nước. Tôi muốn thấy sự hợp tác quốc tế chống lại việc buôn người tương tự như hợp tác quốc tế chống tình trạng buôn ma túy. Bởi vì buôn người là một tội ác còn ghê tởm hơn buôn ma túy. Nhưng thật không may, tôi thấy cộng đồng quốc tế dành nhiều nỗ lực hơn liên quan đến buôn ma túy và tất nhiên là cần phải duy trì nỗ lực đó. Tiếp đó là nỗ lực cần thiết trong phối hợp quốc tế để trấn áp một cách hiệu quả những kẻ buôn người vì theo tôi, đó là tội ác ghê tởm nhất trong thế giới ngày nay". Trả lời một câu hỏi khác về tệ nạn buôn người, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc António Guterres nói: *"Và nếu di dân là điều không thể tránh khỏi, thì tốt hơn hết là tổ chức và kiểm soát nó bằng hợp tác quốc tế, bởi vì ngày nay di dân chủ yếu được tổ chức bởi những kẻ buôn người, và đây là điều chúng ta phải tránh bằng mọi giá vì nó kéo theo nạn vi phạm nhân quyền khủng khiếp. Khía cạnh tồi tệ nhất, tất nhiên là buôn người, đặc biệt là buôn bán phụ nữ và trẻ em để khai thác và lạm dụng tình dục. Đó có lẽ là tội ác ghê tởm nhất tồn tại trên thế giới ngày nay".*

*** Trung Quốc lên án Châu Âu vì trao giải nhân quyền cho một học giả Uighur:**

Bộ Ngoại giao Trung Quốc hôm 25/10 lên án Quốc hội Châu Âu vì trao giải thưởng nhân quyền Sakharov cho một học giả người Uighur đang phải chịu án tù chung thân. Học giả Ilham Tohti, người từng là một giáo sư kinh tế, được công bố nhận giải Sakharov hôm 24/10. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Hoa Xuân Oánh lên tiếng tại họp báo ở Bắc Kinh rằng việc trao giải cho ông Tohti là một vấn đề, đồng thời gọi vị học giả này là một kẻ khủng bố. *"Tôi hy vọng Châu Âu có thể tôn trọng chuyên nội bộ của Trung Quốc và chủ quyền tư pháp của Trung Quốc, tránh ca ngợi một kẻ khủng bố",* bà Hoa Xuân Oánh nói. Ông Tohti bị Bắc Kinh kết tội chia rẽ tại một phiên tòa hồi năm 2014. Việc kết án ông

Tohti đã gây ra nhiều phản đối từ chính phủ các nước và các tổ chức nhân quyền. Khi công bố giải nhân quyền cho ông Tohti, Chủ tịch Nghị viện Châu Âu David Sassoli đã thúc giục Bắc Kinh phải trả tự do cho ông Tohti ngay tức khắc, và gọi ông là tiếng nói ôn hòa và hòa giải. Các tổ chức nhân quyền quốc tế và các chuyên gia nhân quyền quốc tế cho biết hiện có hơn 1 triệu người Uighur và những người mà phần đông thuộc các nhóm thiểu số Hồi giáo khác đang bị Bắc Kinh giam giữ trong các trại ở vùng Tân Cương. Lúc đầu, Trung Quốc bác bỏ sự tồn tại của các trại này, tuy nhiên bây giờ Bắc Kinh thừa nhận là có các trường dạy nghề cần thiết cho việc chống khủng bố. Trước khi bị bắt vào tháng 1/2014, học giả Tohti đã thiết lập một trang web có tên UighurOnline viết bằng tiếng Uighur và tiếng Trung về những vấn đề xã hội.

*** Bộ Trưởng Quốc Phòng Trung Quốc khẳng định chủ quyền ở Biển Đông, chủ trương thống nhất với Đài Loan:**

Tại diễn đàn Hương Sơn lần thứ 9 khai mạc vào ngày 21/10 ở Bắc Kinh, Bộ Trưởng Quốc Phòng Ngụy Phượng Hòa đã có bài phát biểu khẳng định chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo tại Biển Đông và Hoa Đông đang tranh chấp với các nước, đồng thời khẳng định lập trường thống nhất với Đài Loan của Bắc Kinh. Tướng Ngụy Phượng Hòa phát biểu: *"Các đảo ở Biển Đông và quần đảo Điếu Ngư (ở biển Hoa Đông) là những phần không thể tách rời của lãnh thổ Trung Quốc. Chúng tôi sẽ không cho phép dù chỉ một tấc lãnh thổ mà tổ tiên của chúng tôi đã để lại bị lấy đi".* Biển Đông và Hoa Đông là hai vùng biển mà Trung Quốc đang có tranh chấp về chủ quyền với các nước láng giềng, trong đó ở Biển Đông là với các nước thuộc khu vực Đông Nam Á bao gồm Việt Nam, ở biển Hoa Đông là với Nhật Bản trong đó có quần đảo Điếu Ngư hiện do Nhật kiểm soát. Cũng trong bài phát biểu của mình, tướng Ngụy Phượng Hòa đã nói đến vấn đề Đài Loan, khẳng định Bắc Kinh sẽ thống nhất với Đài Loan. *"Giải quyết câu hỏi Đài Loan để có được sự thống nhất toàn vẹn là xu hướng không tránh khỏi của thời đại, quyền lợi quốc gia lớn nhất của Trung Quốc, là con đường đúng đắn phải đi theo và là sự mong mỏi của người dân Trung Quốc",* tướng Ngụy Phượng Hòa phát biểu. Bộ Trưởng Quốc Phòng Trung Quốc cũng có ý nói đến sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Đài Loan khi nhấn mạnh: *"không có ai, không có thể lực nào có thể dừng việc thống nhất hoàn toàn của Trung Quốc".*

*** Trung Quốc khoe vũ khí hiện đại thách thức Mỹ nhân duyệt binh:**

Trong lễ diễu binh nhân dịp 70 năm quốc khánh Trung Quốc hôm 1/10 ở quảng trường Thiên An Môn, Bắc Kinh đã 'trình diễn' những vũ khí hiện đại nhất của mình bao gồm các tên lửa xuyên lục địa có thể vươn tới Mỹ. Trong số các tên lửa được thấy ở cuộc diễu binh có tên lửa Dong Feng 17 (DF-17), DF-41 với tầm bắn 15.000 km và có thể bắn tới Mỹ trong vòng 30 phút. Ngoài ra, người ta cũng thấy ở cuộc diễu binh, tên lửa bắn từ tàu ngầm JL-2 và tên lửa hành trình CJ-100. Bắc Kinh cho biết tất cả đều là vũ khí do Trung Quốc chế tạo, nhưng nhiều chuyên gia cho rằng những vũ khí này phần nhiều đều dựa vào các công nghệ ăn cắp và nhập vào Trung Quốc. Những vũ khí này được các chuyên gia nhận định nhằm giúp Trung Quốc tăng cường khả năng đòi chủ quyền của mình, nhất là chống lại khả năng có can thiệp từ phía Mỹ. Trong cuộc diễu binh lớn năm nay, Trung Quốc đã huy động 15.000 quân và 100.000 dân thường tham gia. Trước buổi diễu binh, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã có bài phát biểu quan trọng khẳng định Bắc Kinh sẽ theo đuổi con đường phát triển hòa bình. Ông cũng nhấn mạnh quân đội Trung Quốc sẽ kiên quyết bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, đồng thời giữ vững hòa bình thế giới.

*** Sách Trắng của Nhật Bản xếp Trung Quốc vào môi đe dọa an ninh hàng đầu:**

Sách Trắng Quốc Phòng Nhật Bản công bố hôm 26/9 xếp sức mạnh quân sự của Trung Quốc vào môi đe dọa an ninh chính đối với Tokyo, thay cho mối nguy hiểm chiến từ Bắc Hàn trước đó. Phát biểu trong một họp báo ở Tokyo, Bộ Trưởng Quốc Phòng Nhật Taro Kono nói: "Thực tế là Trung Quốc đang gia tăng nhanh chóng chi tiêu cho quân sự và vì vậy mọi người thấy là chúng tôi cần thêm trang". Ông nói thêm "Trung Quốc đang triển khai các vũ khí trên biển và trên không ở Tây Thái Bình Dương và qua eo Tsushima vào biển Nhật Bản với tần suất lớn hơn". Bộ Quốc Phòng Trung Quốc đã lên tiếng phản đối Sách Trắng của Nhật Bản. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Cảnh Sảng khẳng định Bắc Kinh sẽ không chấp nhận những chỉ trích không có căn cứ của Nhật. Trung Quốc và Nhật Bản hiện đang có những tranh chấp đối với quần đảo Điếu Ngư do Nhật kiểm soát ở biển Hoa Đông. Tranh chấp này đã dẫn đến những căng thẳng trong quan hệ hai nước những năm vừa qua. Theo Sách Trắng, Nhật Bản đã nâng chi

tiêu quốc phòng trong suốt 7 năm qua lên thêm 1/10 để đối phó với Trung Quốc và Bắc Hàn. Chi tiêu cho quốc phòng của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng thêm 7,5% so với năm 2018, lên 177 tỷ đô la, nhiều hơn gấp ba lần so với Nhật Bản. Để đối phó, Nhật Bản đã mua các vũ khí hiện đại từ Hoa Kỳ. Trong đề nghị ngân sách quốc phòng gần đây nhất, Bộ Quốc Phòng Nhật đã yêu cầu hơn 115 tỷ yen (tương đương hơn 1 tỷ đô la) để mua 9 máy bay chiến đấu F-35 của Mỹ.

*** Mã Lai Á duy trì lập trường trung lập, chống quân sự hóa Biển Đông:**

Chính phủ Mã Lai Á hôm 18/9 công bố chính sách đối ngoại mới, kêu gọi phi quân sự hóa khu vực Biển Đông, đồng thời duy trì lập trường trung lập không liên kết của nước này giữa các cường quốc. Đây là chính sách đối ngoại đầu tiên được chính phủ của Thủ Tướng Mahathir Mohamad công bố kể từ khi ông lên nắm quyền vào năm ngoái. Tài liệu dài 80 trang có tên "Thay đổi liên tục" được coi như khung hướng dẫn cho các chính sách liên quan của Mã Lai Á. Liên quan đến Biển Đông, tài liệu xác định: "Biển Đông phải là vùng biển của hợp tác, kết nối và xây dựng cộng đồng, không phải nơi đối đầu hay xung đột". Khi đề cập đến mối quan hệ với các cường quốc, tài liệu không nêu cụ thể tên Hoa Kỳ hay Trung Quốc nhưng nêu rõ "trong mối quan hệ với các cường quốc, Mã Lai Á sẽ thực hiện hướng tiếp cận và chính sách không liên kết". Trong phát biểu của mình ở buổi lễ công bố chính sách mới, Thủ Tướng Mahathir nói "chủ nghĩa đa phương hiện đang bị đe dọa và các cường quốc đang đơn phương áp đặt ý muốn của mình lên các nước khác". Mã Lai Á là một trong những nước đòi chủ quyền ở Biển Đông cùng các nước khác bao gồm Trung Quốc, Việt Nam, Phi Luật Tân, Brunei, Đài Loan. Từ tháng 5 vừa qua, Mã Lai Á đã phải đối đầu với những đe dọa từ Trung Quốc khi Bắc Kinh cho tàu hải cảnh vào vùng nước gần bãi Luconia của Mã Lai Á để quấy nhiễu các hoạt động khai thác dầu khí tại đây. Trung Quốc hiện là nước đòi chủ quyền phần lớn khu vực Biển Đông qua đường đứt khúc 9 đoạn mà nước này tự vẽ ra trên biển, chiếm đến gần 90% diện tích Biển Đông. Tòa Trọng Tài Quốc Tế ở Den Hague hồi năm 2016 đã bác bỏ tính hợp lệ của đường đứt khúc này nhưng Trung Quốc không chấp nhận phán quyết của tòa.

Quảng Trục
(tháng 11.22019)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU
LA CONGRÉGATION BOUDDHIQUE VIETNAMIENNE UNIFIÉE EN EUROPE
THE UNIFIED VIETNAMESE BUDDHIST CONGREGATION IN EUROPE
Chùa Association Bouddhique

Khánh Anh

Evry, 01/11/2019

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi : **Thượng Toạ Thích Thông Trí**

- **Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên Gia Đình Phật Tử GHPGVNTN Âu Châu.**
- **Trụ Trì chùa Quảng Đức tại thành phố Toulouse - Pháp quốc.**
- **Trụ Trì chùa Tuệ Giác tại thành phố Liège, Bỉ quốc.**

Đồng kính gửi chư tôn Hoà Thượng, chư Thượng Toạ, chư Đại Đức Tăng Ni, Phật tử môn đồ pháp quyến Tổ Đình Linh Sơn Pháp Bảo – Nha Trang – Việt Nam

Kính thưa toàn thể Môn Đồ Pháp Quyển

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu châu vừa nhận được ai tin từ quê hương Việt Nam do **Thượng Toạ Thích Thông Trí**, khắp báo rằng Hoà Thượng Bốn Sư của Thượng Toạ vừa thâm tịch diệt vào lúc 18 giờ 50 phút, thứ Sáu ngày 01 tháng 11 năm 2019 nhằm mùng 5 tháng 10 âm lịch Kỷ Hợi.

Là Đức Trưởng Lão Hoà Thượng Đạo Hiệu THÍCH NHƯ Ý, Khai Sơn Viện Chủ Tổ Đình Linh Sơn Pháp Bảo, tại số 14 đường Bờ Đập, Thôn Phú Nông, Xã Vĩnh Ngọc, Thành Phố Nha Trang, Khánh Hoà, Việt Nam.

Ngài đã trường dưỡng nhiều Pháp Thân Huệ Mạng, làm Sứ Giả Như Lai, khắp cả Bốn Châu trong và ngoài nước.

Ngài đã nuôi dưỡng bao thế hệ trẻ thành Tăng tài trong quá khứ và hiện tại.

Sự ra đi của Ngài để lại Ngôi Nhà Phật Giáo Việt Nam từ đây trống đi một Thạch Trụ.

Thế gian đã mất đi vàng mây cát tường đạo hạnh che mát nhân gian nào phiền.

Nay **Hội Đồng Giáo Phẩm & Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu**, xin thay mặt các Tổng vụ, các Ban, các Ngành và toàn thể Tăng Ni, nam nữ Phật tử trực thuộc Giáo Hội Âu châu, thành tâm chia sẻ nỗi mất mát lớn lao của Môn Đồ Pháp Quyển Tổ Đình Linh Sơn Pháp Bảo tại Nha Trang – Việt Nam.

Đồng hướng vọng về Nha Trang biển xanh cát trắng, nhất tâm nguyện cầu Đức Cố Trưởng Lão Hoà Thượng Giác Linh tân tịch

**VÔ SANH TÓC CHÚNG
KHỬ LAI TỰ TẠI
HUNG ĐẠI BI TÂM
GIÁO HOÁ ĐỘ SANH.**

Nguyện chúc Thượng Toạ Thích Thông Trí cùng toàn thể chư tôn Hoà Thượng, chư Thượng Toạ, chư Đại Đức Tăng Ni, Phật tử môn đồ pháp quyến Tổ Đình Linh Sơn Pháp Bảo pháp thể khương an, hiểu sự viên thành.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Đồng kính bái



*Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu
Hoà Thượng Thích Tánh Thiệt*

Đệ Nhất Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNAC

8 Rue François Mauriac, 91000 Evry, France. Tél : +33.1.64.93.55.56 - +33.7.70.07.33.99. E-mail : thichquangdao@khanhanh.fr



Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp các nơi gửi đến.

• THƯ TÍN

- **Canada:** Gs. Thái Công Tụng, Gs. Trần Gia Phụng, Nguyễn Văn Ngư.
- **Đức:** Hòa Thượng Thích Như Điển, Thích Cốc Ngô Văn Phát, Hoàng Quân, Phù Vân, Đỗ Trường, Dr. Văn Công Trâm, Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn, Nguyễn Hạnh HTD, Lương Nguyên Hiền, Nguyễn Quý Đại, Trần Đan Hà, Bs. Trương Ngọc Thanh & Ds. Trương Thị Mỹ Hà, Lê Ngọc Châu, Trần Thị Hương Cau, Phương Quỳnh (Diệu Thiện).
- **Hoa Kỳ:** Ni Sư TN Giới Hương, TN Diệu Trân, Phạm Văn Tuấn, Diễm Châu (Cát Đơn Sa), Tâm An, Tĩnh Tâm, Lâm Minh Anh, Trúc Lang Oklahoma, Tràm Cà Mau, Nguyễn Hiền Đức.
- **Hòa Lan:** Liễu Đạo.
- **Pháp:** Hoang Phong, Chúc Liên.
- **Thụy Sĩ:** Lưu An Vũ Ngọc Ruăn.
- **Úc Đại Lợi:** Ts. Lâm Như Tạng, Quảng Trục Trần Việt Dung, Nguyễn Quang Duy, Nguyệt Quỳnh
- **Việt Nam:** Châu Yến Loan, Trương Văn Dân, Elena Pucillo Truong, Bùi Chí vinh, Hiếu Liên, Trương Chi.
- **Ý Đại Lợi:** Huỳnh Ngọc Nga.

• THƯ & SÁCH BÁO

- **Đức:** Development and Cooperation 9&10/2019. Entwicklung und Zusammenarbeit 9&10//2019. Buddhismus Aktuell 4/2019. Buddhistische Monatsblätter Nr.3/2019. Sau tiếng chuông chùa (sách) của Đỗ Trường. Chớ quên mình là nước (sách) của Văn Công Tuấn. Tibet und Buddhismus Nr.121. Niedersächsische Wirtschaft 10/2019.
- **Hoa Kỳ:** Truyện ngắn xã hội hiện thực chọn lọc của Diễm Châu (Cát Đơn Sa). Đức Phật và Phật Pháp (Phạm Kim Khánh).
- **Pháp:** Bản Tin Khánh Anh số 121 tháng 10/2019.
- **Thụy Sĩ:** Mục Vụ số 379 & 380.
- **Úc Đại Lợi:** Đặc San Hiện Thực số 48/2019. Hợp tuyển lời Phật dạy từ kinh tụng Pali & Lời Phật dạy về sự hòa hợp trong cộng đồng và xã hội (Nguyễn Nhật Trần Như Mai).



PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(*Tính đến ngày 31.10.2019*)

Trong thời gian gần đây, Chùa Viên Giác có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bồ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo hoặc trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ chuyển tiền giùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày?... tháng?... để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách.

Chùa có sổ Konto mới và Tu Viện Viên Đức cũng đã có sổ Konto (xin xem phía sau). Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu & Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ **ĐH** (Đạo Hữu) ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Ai Linh Đào Diễm 100€. Ấn danh 91€. Blumenthal 40€. Châu Thị Luyện 50€. Chi Hội PT Hannover (Khóa Huân Tu) 250€. Chi Hội PT Hannover (Tu Bát Quan Trai) 420€. Chi Thanh Leuchtweis 100€. Diệu Đức Lê Thị Phúc 50€. Diệu Hòa Trần Thị Hiền, Thiện Đức Trần Thị Kim Phúc & Diệu Nghiêm Trần Thị Thúy Hạnh 60€. Diệu Phúc Lý Hồng Diễm 50€ HHL Minh Phát & Diệu Thông. Dirk Bühren 15€. Đố Quốc Khánh 20€. Đoàn & Mạnh 30€. Đồng Tánh Lee Luc Nhan Khanh 20€. Dr. Đào Thoại Trang 324€. Dương Anh Tuấn 20€. Dương Thị Loan 30€. Fam. Jantima Chukbat Wattanakul 10€. Gđ. họ Văn & Huỳnh 50€. Gđ. Quảng Hoa Võ Thị Xuân 20€. Gđ. Thu - Tú & Phương Nam 30€. Gđ. Trần Thị Kim Nhung & Nguyễn Ngọc Phan 100€. Gđ. Từ Vũ 100€. Gđ. Viên Hồng Nguyễn Thái Bạch Hồng & Tâm Mỹ Trần Thị Mỹ Châu 60€. Hà Kim Ngọc 50€ HHL Diệu Hạnh Đình Thị Hợi. Hau-Vinh Tran 20€. HHL Lý Khánh Ngọc Pd Đồng Ngọc 100€. Gđ. HL Trịnh Thị Thu Hằng Pd Đồng Hằng (mất 19.08.2019 cúng 49 ngày) 600€. HL. Lâm Văn Hồng 100€. HL. Thiện Bảo Nguyễn Văn Quang (mất 23.10.2017) 50€. Hồ Kim Sinh 50€. Hồ Trâm & Vũ Thị Minh Hà 100€. Hoàng Thu Hà 10€. Huỳnh Chung Hiệp 50€. Jarry Sap & Manfred Kuhnt 20€. Kai Zeng Lu 50€. Kim Loan Blumenthal 20€. Lai 20€. Late Norbu Lhagyal 6€. Lê Minh Tuyên 25€. Lê Thanh Tùng & Thái Thị Quyên 20€. Lê Thị Vê 40€. Liên Tổ Dung 10€. Lý Hồng Tiên & Lý Hồng Diễm 100€ HHL Minh Phát & Diệu Thông. Mai Văn Thăng 10€. Ngô Chí Dũng 10€. Ngô Trọng Vũ 20€. Ngô Văn Thuận & Nguyễn Thị Thanh Hồng 50€. Nguyễn 10€. Nguyễn Dương Thảo Nhi 10€. Nguyễn Mạnh Hùng 10€. Nguyễn Thái Bạch Mai 20€. Nguyễn Thanh Tâm 50€. Nguyễn Thanh Tuấn 30€. Nguyễn Thị An, Klaus Römer, Cao Nguyễn Vũ & Cao Huy Vũ 10€. Nguyễn Thị Bích Ngọc 10€. Nguyễn Thị Hiền 20€. Nguyễn Thị Lan 20€. Nguyễn Thị Mỹ Dung & Súc Thanh Lợi 200€. Nguyễn Thị Thanh Tâm 10€. Nguyễn Thị Thu Ba 50€. Nguyễn Thị Thu Hiền 50€. Nguyễn Thị Tuyết Mai 50€. Nguyễn Văn An 100€. Nguyễn Văn Lâm 20€. Nguyễn Văn Tâm & Võ Thị Nghiệp 50€. Nguyễn Văn Thao 10€. Phạm Chung Thăng 20€. Phạm Mạnh Hùng 20€. Phạm Minh Hùng 50€. Phạm Thị Nhung, Phạm Chung Thăng & Vũ Tuấn Anh 50€. Phạm Thị Thu Hiền 50€. Phan Michela Bảo Hân 50€. Phương Loan Brüggemann 20€. Pt. Lê Bá Khôi 20€. Quây hàng Nürnberg 20€. Sapjauh & Manfred Kuhnt 10€. Tạ Thị Ngọc Dung 30€. Thái Thị Hồng 20€. Thái Thị Khánh Hồng 20€. Thanh Hải 30€. Thiện Dũng Trần Thị Bình 30€. Thúy Trần 50€. Tô Văn Phong & Nguyễn Thị Mai Phương 20€.

Thạch Thế Quảng (HH cho cha Thạch Hoàn) 30€. Thân & Đào 50€. Thi Thi Hồng Ngọc 10€. Thiện Tín Hồ Tấn Tiến 20€. Trần Thị Hồng 20€. Triệu Văn Anh 50€. Trương Bích Thủy 20€. Đỗ Công Hùng (Aalen) 40€. Gđ. Trương (Albstadt) 150€. Nguyễn Văn Mai (Amrtsui) 40€. Đặng Thị Tâm (Augsburg) 20€. Fam. Nguyễn & Lê 20€. Hải 20€. Lê Thị Thanh Thủy 20€. Nguyễn Tuyết Vân 20€. Tạ Hồng Sơn & Trần Thị Miên 20€. Vạn Thủy Quách Thị Cẩm Thu 10€. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 40€. Hoàng Sang Lưu (Biberach) 20€. Thủy Nga (Böblingen) 50€. Dr. Emil Hasel (Bodelz) 50€. Huy Hoàng (Chemnitz) 50€. Đào Thị Minh Huệ (Ebingen) 50€. Lô Văn Tú & Hứa Mộng Tuyền (Ehingen/Donau) 50€. Đình Thị Thơm (Friedrichshafen) 20€. Huy & Vy 100€. Phạm Thị Hạnh 30€. Pt. Lê Thị Oanh 30€. Nguyễn Thị Thu Hai (Füssen) 10€. Nguyễn Thị Thúy Hương 50€. Phan Thị Trưng Vương 30€. Phạm Thái Nhật Long & Phạm Thái Phi Long (Günzburg) 50€. Gđ. Đỗ Kỳ (Heidenheim) 30€. Nguyễn Ngọc Hùng (Königsbrunn) 20€. Từ Tú Quyên (Lauterach) 50€. Fam. Nguyễn (Lindau) 10€. Nguyễn Phú Khang 20€. Trần Tú Nguyệt (Lindenberg) 20€. Vũ Văn Hưng 10€. Gđ. Vũ Ngọc Sinh (Lindenberg/Allgäu) 20€. Trần Thị Thúy Hà (Meckenberen) 200€. Trần Thúy Nga (Neukirche) 10€. Gđ. Nguyễn Thị Bích Thủy (Từ Thanh Thợ) (Neu-Ulm) 20€. Linh Tuấn & Kim Long 50€. Điền Thị Vóc (Ninh Bình/VN) 10€. Gđ. Hùng & Thủy (Nonnenhorn) 100€. Hoàng Công Phu (Nördlingen) 10€. Nguyễn Văn Phong (Oberstdorf) 30€. Trần Văn Thành (Österreich) 50€. Công Thanh Dương (Pfulendorf) 20€. Nguyễn Thị Hạt (Radozelle) 15€. Nguyễn Thị Bích Liễu (Rämismühle) 20€. Trần Thị Mai Lan (Ravensburg) 10€. Chanh & Schwarzenbach (Schweiz) 45,87€. Đình Trần Hương Minh 50€. Fam. Franz Stark 30€. Gđ. Đức Trí & Diệu Như 45,87€. Nguyễn Sơn & Chiến 45,87€. Quách

Mến 20€. Tô Nhơn Ích & Tô Trương Thị Dung 91€. Tống Mỹ Linh 45,87€. Trương Du Hùng 45,87€. Trương-Liên Thị Ngô 183€. Gđ. Thúy Đông (Singen) 50€. Huỳnh Thị Thu Nga 20€. Đoàn Thị Hồng (Sonthofen) 40€. Nguyễn Chiến Thắng & Đinh Việt Nga 100€. Nguyễn Kim Anh (Stuttgart) 10€. Pt. Phạm Thu Hằng (Tettngang) 10€. Diệu Hoa Nguyễn Thị Liên & Đào Đức Minh (Tiệp & Hamburg) 20€. Phạm Thanh Duyên (Überlingen) 90€. Tạ Thúy Diệp 50€. Leon Hoàng & Nguyễn Thị Thùy (Ulm) 100€. Nguyễn Thị Phan 20€. Vũ Thanh Hương 50€. Nguyễn Thị Mai (VS-Villingen) 20€. Trần Thị Thanh Hương 50€. Diệu Duyên Nguyễn Thanh Dung (Wangen) 100€. Đồng Trí 50€. Nguyễn Thị Ninh 10€. Phạm Kim Nhung 20€. Trần Trang Vy 20€. Đỗ Thị Kim Uyên (Weil der Stadt) 60€. Gđ. Hải Lý (Weingarten) 50€.

*
* *

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng: Email: buero@viengiac.de, thư hoặc bằng điện thoại, cho đến cuối tháng 4 mỗi năm; chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào Konto mới như sau:

**Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche
Abteilung i.d**

**Sparkasse Hannover
Konto Nr. 910 403 066
BIC: SPKHDE2HXXX
IBAN: DE40 2505 0180 0910 4030 66**

Ngoài ra Tu Viện Viên Đức ở Ravensburg có số Konto như sau:

**Kloster Vien Duc
BIC: SOLADES1RVB
IBAN: DE53 6505 0110 0111 3020 68
Kreissparkasse Ravensburg**

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

Ngày..... tháng năm 20

PHIẾU ỦNG HỘ BẢO VIÊN GIÁC

Số hiệu độc giả (SH)

Họ và tên :

Địa chỉ :

Tel./Email :

Số tiền :

Giấy chứng nhận khai thuế : Có Không

Độc giả mới Độc giả cũ

Nếu thay đổi địa chỉ nhận báo, xin ghi rõ địa chỉ cũ dưới đây :

.....
.....
.....

**Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche
Abteilung i.d**

**Sparkasse Hannover
Konto Nr. 910 403 066
BIC: SPKHDE2HXXX
IBAN: DE40 2505 0180 0910 4030 66**

